

BẢO NINH



T Á C P H Ầ M
C H Ọ N L Ọ C



Nhà xuất bản Phụ nữ



Bảo Ninh

Sinh ngày 18 tháng 1 năm 1952.

Quê: xã Bảo Ninh, Đồng Hới,
Quảng Bình.

Ở Hà Nội từ 1954. Nhập ngũ năm
1969, bộ đội B3 Tây Nguyên.

Giải ngũ tháng 9 năm 1975.

Bắt đầu viết văn từ 1986.

Học khóa 3 Trường viết văn

Nguyễn Du. Giải thưởng

Hội Nhà văn Việt Nam năm 1992.

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam,

năm 1997.

BẢO NINH



T Á C P H Á M
C H Ọ N L Ọ C

Nhà xuất bản Phụ nữ

Lời giới thiệu

NGUYỄN CHÍ HOAN

Sau khi tiểu thuyết Nỗi buồn chiến tranh ra đời cuối năm 1991, với thời gian, càng ngày càng cảm thấy rõ rệt hơn, trước Bảo Ninh chưa từng có nhà văn nào viết về cuộc chiến tranh này như thế và sau anh cũng sẽ không còn ai viết được như vậy nữa.

Có lẽ bởi một điều đơn giản lạ lùng: chính anh là cái Hòa điểm cuối cùng trên con đường, một lối văn chương độc đạo của nỗi u sầu như vốn thể toát lên từ các ký ức thời chiến mà không gợn gì hờn oán hay ngạo nghệ hay nuối tiếc phân vân; và cũng bởi cuốn tiểu thuyết thứ hai có tên Thảo nguyên - như anh nói - suốt bao năm cho đến nay chưa từng được công bố, và, dường như để thay vào đó, loạt truyện ngắn và bút ký văn học thỉnh thoảng đăng tải trên báo chí, đã in thành nhiều tập, được tuyển chọn trong tập sách này.

Như Bảo Ninh đã nói với Suzanne Goldenberg của tờ Guardian (Anh): “Tôi biết nhiều câu chuyện đương thời ở Việt Nam, nhưng tôi không viết. Mỗi nhà văn có chủ đề của mình”. (Guardian, 19.11.2008).

Anh chỉ viết về quá khứ chiến trường và cái quá khứ xa hơn của nó ở Hà Nội (mà anh gọi là thành phố quê hương thứ hai của tôi). Các truyện và bút ký của anh chỉ đề cập những giây phút ngời sáng và quặn đau những tình huống thời chiến và chiến trường, chỉ nói về nỗi buồn gắn với những số phận bị buộc vào và xoay quanh cái trục thời đại ấy.

Và cái thách thức khó mà vượt qua ở cái hòa điểm cuối cùng này nằm ở tính chất giản dị trong sáng của nó, cái giản dị của chuyển động một mũi tên nhắm đích, cái giản dị của những gì tiếp cận với sự thật: cái thật luôn là cái độc đáo và duy nhất, theo nghĩa đen.

Trong tất cả các truyện và bút ký ở đây, Bảo Ninh cho thấy đã lựa chọn giải pháp đơn giản truyền thống về kết cấu và trần thuật của chuyện kể, dồn tối đa sức mạnh vào những mô tả chính xác một cách khoa học như văn chương có thể, những mô tả toát lên vẻ đẹp thi ca trên cả hai mặt ngôn ngữ và cảm xúc, những mô tả có thể gọi là trọn vẹn theo thi pháp của hội họa phương Đông - chi tiết làm nổi lên khoảng trống, sức sinh động của hình ảnh thành sức gợi, đôi lúc dựng lên không - thời gian sử thi chỉ qua vài dòng.

Sự tập trung vào một chủ đề gần như duy nhất - con người Việt Nam, những số phận trong chiến tranh và trong ảnh hưởng bao trùm của thời đại chiến tranh - sự tập trung dường như còn càng

thẳng hơn bởi cảm thức sâu sắc, cũng duy nhất, xoay quanh nỗi buồn đau, đôi khi bị trảng một cách tự thân - sự tập trung của biểu đạt văn chương như vậy bộc lộ nỗi ám ảnh mà anh trước đó đã đưa vào nhân vật Kiên trong Nỗi buồn chiến tranh.

Có những người đọc thiếu không thỏa mãn, không vui lòng với sự trở lại đường như bất tận một chủ đề như vậy. Một người nghiên cứu đề xuất giải thích truyện của Bảo Ninh theo mô hình các tự truyện - hư cấu. Và dĩ nhiên còn có những người đọc không quá quan tâm các khía cạnh đặc thù văn học, chỉ thường thức và chia sẻ xúc cảm những ký ức thời chiến mà các câu chuyện của anh gợi lên.

Tuy nhiên, tính chất giản dị chân xác của những truyện và bút ký này - toát lên một cách không thể nhầm lẫn từ giọng điệu, kết cấu chuyện kể, ngôn từ và chất xúc cảm trong đó - không gợi ý rằng người viết có nhu cầu tự kể về mình, dù thông qua hư cấu hay không. Hơi thở của một thời đại xác định hoàn toàn rõ ràng trong những câu như: "Có thể nói tôi linh cảm về con sóng lòng thời đại mới đang thẳng tới bến bờ Tổ quốc, và đó là Một thời đại lớn lao và nghiệt ngã chưa từng có". (Người Thăng Long quê Đảng Trong); hơi thở đó bao trùm nhiều truyện và bút ký như Rửa tay gác kiếm, Đêm cuối cùng ngày đầu tiên, Hữu khuynh, Tình thư, Hà Nội lúc không giờ..., hầu như chế ngự bầu không khí của cả tập truyện. Giọng kể và nhân vật kể chuyện xưng "Tôi" quả là giống nhau xuyên qua nhiều truyện; nhưng, xa lạ với một cái "Tôi" nằm vào chỗ trung tâm và kể về mình, đây hoàn toàn là ký ức, sự thôi thúc của ký ức gắn với trải nghiệm về một lịch sử vượt ngoài khuôn khổ cá nhân,

mà không phải là một lịch sử con người cá nhân của hình thức tự truyện.

Trong khi đó, những người đọc phản ứng với sự lặp lại không cùng của chủ đề, sự lặp lại của vài kiểu nhân vật (- một bài bình luận còn dẫn ra hai đoạn mô tả giống nhau về hai nhân vật nữ khác nhau trong hai truyện riêng biệt, và bản khoản liệu có phải tác giả cố ý làm như vậy hay không -) cũng như người đọc có khuynh hướng đồng hóa các trải nghiệm đặc thù riêng mình với những tình huống do truyện tái tạo (- đôi khi người ta quên rằng hành động trong văn chương là hành động của ý nghĩa, là các ngữ nghĩa khai triển vận động của tâm trí, chẳng bao giờ trùng khớp với hành động tổng thể nảy sinh và chấm dứt trong dòng thời gian thực tại -) những người đọc ấy rất có thể không lưu tâm đến nỗi ám ảnh biểu thị bằng sự lặp lại văn chủ đề ấy qua những câu chuyện khác nhau.

Có lẽ một con người từng viết: "Thôi thì từ nay hai đứa mình cùng nhau vui hưởng chết chóc (- Đêm trừ tịch) sẽ không còn ám ảnh về cái chết như là một hồi thúc đe dọa nữa.

Trong những truyện và bút ký ở đây, cái chết hầu như đã vượt qua mức độ cái bi thảm tối hậu, vượt qua tính chất một ngõ vào hư vô, để trở lại là một sự kiện của đời sống, một sự kiện không mong muốn nhưng cũng chỉ là điều không mong muốn cuối cùng sau một chuỗi những điều không mong muốn nào đó, một sự kiện để suy ngẫm, chẳng hạn: "Chúng tôi đã bắn chết những người báo trước hòa bình, nhưng hòa bình vẫn đến". (Giáo dục).

Nhưng như vậy không có nghĩa là có một kiểu ngạo nghệ về chết chóc. Mà hoàn toàn ngược lại: cái chết, cũng như những mất

mát và đau khổ, ở đây, chiếu rọi những luồng sáng hải đăng lên đời sống.

Suy tư này xuyên suốt tập truyện, như “một sợi chỉ đỏ xuyên suốt”...

Sự ám ảnh của nó có thể thấy được ngay ở một vài truyện tường như xa nhất với chủ đề bao trùm của tập truyện này, chẳng hạn trong truyện Không đâu vào đâu: một nhân vật quan trọng, nghi vệ oai phong, bỗng ứa nước mắt và thốt câu hỏi tiếc khi tình cờ nghe một người mẹ trẻ đọc cho đứa con nhỏ của chị ta một cuốn truyện cảm động về tình người...; “tôi” tự hỏi - Và tại sao nhi, con người đó lại thốt lên một lời than tiếc phi lý như vậy về đời mình?

Đó thật sự là một truyện ngắn đến độ không đâu vào đâu: điều nó mang đến người đọc là sự khúc mắc; không phải khó hiểu, mà là lật ngược và cản trở cái nhìn thông thường. Một người đàn ông lớn tuổi, thành đạt, có vai vế xã hội - giữa chúng ta trong cuộc sống này, với cái quá vãng chung còn nóng hổi, nói lên nhiều thứ; và về nguồn cơn những giọt nước mắt với lời than tiếc kia, “tôi” cảm thấy, không ngoài những gì “tôi” đã nghiệm trải qua cái chết, mất mát và đau khổ.

Tuy nhiên khúc mắc nằm ở chỗ một câu hỏi không ra lời: nhân vật quan trọng này hỏi tiếc cho đời mình đã ra nông nổi này vì khi còn nhỏ không biết ứa nước mắt trước lòng tốt - Tại sao vậy?

Không có chút gì trong truyện để khiến người đọc sa vào một kết luận đạo lý.

Đơn giản là một khoảnh khắc thống hối bộc phát. Và trong ngôn ngữ của Bảo Ninh, tình huống này làm nhớ ngay đến một

mô tả đặc trưng của anh, về những khi mà nước mắt nóng rục như kim châm trong tròng mắt; nước mắt nóng rục đau nhói trong ngày chiến thắng. (Hà Nội lúc không giờ; Đêm cuối cùng ngày đầu tiên).

Ấm ảnh về nỗi đau như thế trở thành hằng số của chủ đề chiến tranh và thời chiến bao trùm tập truyện này. Song, đó là nỗi buồn đau ở kích thước khác thường: nó là nỗi đau buồn sau-cái-chết.

Dường như đây là nơi tinh kết sức mạnh của văn chương Bảo Ninh.

Anh biểu đạt một thực tại của tinh thần buồn đau trong đó cái chết về thể xác không những sẽ không chấm dứt được mà còn trở nên xa lạ: bởi thông thường ra, những đau thương buồn khổ luôn tìm đến hay được đưa đến chỗ kết liễu cái nguồn cơn nòng nỗi đã gây ra chúng; việc thanh toán đó có thể là trả thù rửa hận, có thể là báo đáp đền bù, có thể là ăn năn và tái tạo... nhưng những câu chuyện ở đây chỉ ra rằng sự thật không phải thế, rằng nỗi đau thật sự sẽ gây một ngọn lửa âm ỉ cháy mà hơi lạnh của cái chết chỉ như làn gió thoảng trưa hè; "Bởi vì nỗi đau quá khứ còn sống mãi". (Thời tiết của ký ức).

Nỗi đau, dưới những dáng vẻ và tình cảnh ở đây, không hướng đến một viễn cảnh phán xét hay giải tỏa nào, không có một tòa án nào chờ phía trước: tất cả đã được quyết định ngay trong biến cố gây đau, khi mà phần lớn người ta chưa ý thức được đầy đủ; còn lại chỉ là một hành lang kín mít, trông có vẻ đã cùng đường mà càng đi càng xa.

Tuy nhiên, cũng ngay trong đó là lối thoát.

Những chuyện, những người, những cảnh đau buồn ở đây tuyệt nhiên không gợn hờn oán hận thù hay kéo lê hối hận nặng nề cay đắng. Và đó là cái nhìn phát giác của nhà văn, trung thành và trung thực với đôi mắt và tâm hồn của mình, với sự thật đã mở ra trong quá trình suy ngẫm không thể ngừng về nỗi đau trong chính mình.

Cuối thiên bút ký Người Thăng Long quê Đảng Trong, Bảo Ninh viết rằng những mối tình kẻ Bắc người Nam nhiều cảm động thời chiến tranh đã thôi thúc ký ức tôi.

Rộng hơn, có thể thấy tất cả những truyện anh viết đều dưới những thôi thúc của ký ức - mà sự lặp lại một chủ đề những buồn đau và những éo le thời chiến là một căn cứ minh bạch.

Hãy thử ghép tất cả những truyện ngắn và bút ký trong tập sách này lại với nhau, ta sẽ có bức tranh ghép của một cuốn tiểu thuyết; dĩ nhiên còn nhiều khoảng trống, nhưng tính cố kết tổng thể của chúng là một điều không dễ bỏ qua - với các lớp nhân vật, với phác họa chuỗi sự kiện một cuộc đời, và quan trọng hơn cả là: với một câu hỏi lớn - Tại sao những nỗi khổ đau kia lại đến trong đời chúng ta?

Nỗi ám ảnh, như đề cập ở trên, có nguyên do riêng của nó.

Nhưng dưới dạng thức văn chương, rất có thể điều ấy không quan thiết bằng sự tích lũy của một quá trình dài suy nghĩ - cái mà chúng ta đã chứng kiến trong Nỗi buồn chiến tranh - một con đường dang dặc nghiền ngẫm ký ức về nỗi đau không chỉ riêng mình và rất cục không cho riêng mình.

Điều ta thấy như hiển nhiên mà thực ra không dễ giải thích: tại sao, từ đâu, mà nỗi đau ấy có được độ trong suốt đến thế - không thù hận, không oán thán, không chôn chặt đào sâu?

Một điều nữa có lẽ nên nói: những đoạn bình luận của người viết trong các truyện ngắn ở đây. Bởi dường như với một số nào đó bạn đọc, hình thức đó của diễn đạt văn chương có vẻ "cổ điển" quá rồi.

Có một cách giải thích, dù thực ra chẳng hề cần giải thích, rằng khi một nhà văn, dù có định trước hay không, mà phải gánh lấy trách nhiệm đối với sự thật mở ra trước mắt mình, thì anh ta sẽ phải nói lên bằng bất cứ phương thức nào anh ta thấy cần thiết.

Đâu có ai trên đời, nếu ý thức được, lại muốn mang lấy buồn đau vào mình. Cho dù không tránh khỏi.

N.C.H

Vô cùng xưa cũ

Ngày ấy, hình như cha luôn có điều cần nói với Tâm, nhưng không nói. Là Tâm đoán thế, chẳng chắc lắm. Bởi vì, thật vậy, giữa một người cha và một thằng con thì phỏng có gì nhiều nhận để mà quanh quẩn chuyện trò. Cha Tâm lại vốn kiệm lời. Có thể nói, ông cực độ im lìm. Trong căn phòng chật chội, hai chục thước vuông, không cửa sổ, thừa muối và thiếu khí trời, ngày đêm sống đôn ních cả gia đình lại với nhau, thỉnh thoảng Tâm mới nghe thấy đôi lời của cha, nhưng cũng chỉ là những lời mà tất nhiên ai cũng phải nói mỗi ngày. Mọi sự trong nhà, ông như chẳng can dự. Từ khi phải về hưu non dường như quanh năm suốt tháng ông chẳng đi đâu, chỉ ngồi. Mình ông một chỗ bên bàn nơi góc phòng, với ấm trà, chẳng nói năng gì, âm thầm tự buông trôi. Đêm, ông trở dậy, bật đèn bàn lên, lặng ngời, nhiều hôm tận sáng.

- Này, lại cha bảo này... - Ông nói - Cha muốn...

Nhưng mà ông chẳng bao giờ mào đầu được. Từ hôm Tâm có giấy gọi nhập ngũ đã mấy lần cha anh *lại cha bảo này* như thế. Tâm chờ. Mãi không thấy cha cho biết cha muốn gì, Tâm chẳng gặng.

Ngày mùng bốn Tết, ngay trước hôm Tâm lên đường, buổi chiều, cha bảo anh đi dạo cùng ông. Thời tiết ẩm thấp dù không mưa. Đúng hơn là mưa bay nên không trông thấy, nhưng mặt đường thì ướt và trơn. Một cuộc đi dạo thân thờ. Hai cha con sóng đôi, chẳng nói rằng, im lìm rời khỏi khu phố nghèo, vá chằng vá đụp của mình để đi vào vùng trung tâm chật chội, khúc khuỷu, sạm màu rêu xé bên Bờ Hồ. Tâm có cảm giác như là cha vừa đi vừa lặng đi. Cái áo bạc-đờ-xuy cũ mềm của cha thùng lố chỗ. Tâm đỡ khuỷu tay cha, đưa ông sang đường.

- Thành phố chiến tranh - Cha Tâm thốt lên thật khẽ - Như bên bờ vực.

Hai cha con vào một quán cà phê “chui” nằm ẩn trên tầng áp mái một ngôi nhà cũ nát ọ ẹ rập Chuông Vàng. Cửa quán là chề đậu đen, nhưng vòng ra sân sau, lên cầu thang thì là cà phê phin. Một khoang gác ọp ẹp, khuất tắt. Dăm bộ bàn ghế tồi tàn, thấp tẹt. Khách khứa lặng lờ như những cái bóng, nhòa mờ, không ai nhìn rõ ai. Người ta có thể tùy hứng lần đến đây uống cà phê vào bất kỳ giờ nào trong ngày, và người ta có thể ngồi trốn đời ở đây cả ngày, ngày này qua ngày khác. Cà phê Định Mệnh, ai đó đã gọi cái quán vô danh này như thế, lâu ngày thành tên.

- Xưa, Hà Nội là một thành phố giàu nữ tính, rất nồng nàn

và nhạy cảm. Bây giờ ... - Như thường vẫn thế, cha Tâm bỏ lửng câu nói.

Bàn của hai cha con kê kề một ô cửa sổ hẹp không có khung gỗ, giống như là một lỗ thủng. Trông ra thấy sàn sàn nhấp nhô cả một vùng ướt át những mái nhà phố cũ và những sân thượng, sân sau, những căn gác lửng. Một Hà Nội cũ xưa, tróc lờ, nom là lạ, được nhìn thấy từ phía sau lưng.

- Quán cà phê này có từ xưa lắm rồi. Xưa sang trọng hơn nhưng cà phê cũng như bây giờ thôi - Cha Tâm nói - Chắc là con không biết. Quán này vốn của ông bà ngoại con... Hôm 19 tháng Chạp, ông bà đã tản cư, mẹ con vẫn còn ở lại. Cha tới đây, ngồi ở chính chỗ này này. Đèn vụt tắt, súng nổ... Thế là cha và mẹ cùng ở lại trong Liên khu 1. Số phận đã định đoạt cho cha mẹ như thế, và cho cả các con nữa... Mẹ đã bao giờ kể với các con chưa: cha và mẹ vốn là bên lương bên giáo. Cho nên, nếu không có Kháng chiến thì đã không có con và các em con. Kháng chiến thành công, bỗng con về thì cả hai gia đình nội ngoại đều đã di cư vào Nam...

Từ khi biết nghĩ, biết nhớ, Tâm nhớ là chưa lần nào được cha gần gũi. Đối với hai đứa em gái của Tâm, cha luôn lặng lẽ bộc lộ sự thương yêu chiều chuộng. Nhưng tình cảm của ông với quý tử đầu lòng là Tâm thì như có một bức tường chắn. Càng lớn lên Tâm càng nặng mặc cảm rằng mình đã làm cha thất vọng. Dường như cha đã mong mỏi, cha đã đòi hỏi ở Tâm một điều gì đó mà anh không thể hiểu, có hiểu cũng không cách nói. Từ cái năm Tâm không vượt qua được lớp tám, phải lưu ban, luôn luôn là mẹ chứ không bao giờ là cha đi họp phụ

huynh hay ký sổ liên lạc cho Tâm. Còn nhớ có lần cha quyết định dành thì giờ dạy tiếng Pháp cho Tâm mỗi tối. Nhưng chỉ được một tối, ông ngừng ngay. Ông lộ một vẻ ngao ngán không giấu diếm. Cha coi mình là đồ bỏ, Tâm thường nghĩ thế.

- Năm 54, đã mừng cho tương lai của các con. Ngỡ rằng bao nhiêu nỗi khổ của đất nước, thời cha mẹ đã gánh, các con sẽ lớn lên, vui sống trong hòa bình. Nào ngờ nạn nước chưa dứt. Lại đến lượt thời các con...

Sau ngày mai, trận mạc chờ Tâm. Chiều nay, anh rúc vào xó này nhăm nháp những giọt đắng và nghe nghiền ngẫm ngậm ngùi những chuyện gì đâu. Anh ngồi, lặng thinh, nhìn cái gạt tàn đã được dụi đầy tràn những đầu mẩu thuốc lá, nhìn tách cà phê đã cạn, nhìn những cái bóng ở các bàn bên, nhìn ra trời chiều. Hà Nội xuân sang, ngậm mình trong mưa.

Cha Tâm gọi thêm hai ly cà phê. Bao Tam Đào đã hết, ông lấy trong túi ra một bao khác. Tâm điềm nhiên bóc bao thuốc, rút một điếu. Cha xòe điềm châm lửa cho anh. Xưa giờ đừng nói bia rượu, chỉ một ngụm cà phê thôi Tâm cũng không được phép, huống hồ thuốc lá. Nghiêm khắc, nhưng cha Tâm hiếm khi nặng lời, càng không khi nào phạt đòn con cái. Chỉ một lần, ông cho Tâm một bạt tai. Ấy là khi ông bắt gặp Tâm và mấy thằng bạn ngồi phì phèo thuốc lá ở quán nước đầu phố. Ông hầu như không hề biết rằng con trai ông đã 16 tuổi, đã 17 tuổi, và thậm chí đã 18.

Ông từ chối ký đơn tình nguyện nhập ngũ của Tâm. "Học hành cho xong đi. Muốn trở thành một quân nhân thì trước tiên phải có học thức", ông nói vậy, không buồn nhìn lá đơn.

Ông không biết và không hề muốn biết rằng ở phòng tuyển quân của Khu đội người ta đã gần như nhấn mặt con trai ông. Hết lần đơn này tới lần đơn khác của Tâm đều bị gạt. Cay đắng, tủi phận, song Tâm vẫn nghiêng rằng, nhấn nại. Lượng người xung phong vào bộ đội không phải là ít, lắm bữa đông nườm nượp, có cả phụ nữ, hầu hết đều được toại nguyện. Chỉ trừ Tâm. Con trai một, lại đang học dở cấp ba. Đơn tình nguyện không có chữ ký của phụ huynh. Thêm nữa... Một cán bộ ở Ban tuyển quân do phải tiếp Tâm quá nhiều lần đã đành thực tình nói thẳng: “Thực tiễn chiến trường chưa cần phải huy động tới học trò con một. Với lại nói thật, lý lịch gia đình cậu ấy mà, rất những sự tày đình: có đảng phái phản động, có quan lại Nam triều, có địa chủ, có viên chức cao cấp của ngụy quyền. Lại còn hầu hết đi Nam! Lý lịch thế, để cậu ở hậu phương cũng ngại chứ đừng nói ba lô tăng vồng lên đường đi Bê”. Ông động viên: “Bù lại cậu có tinh thần cao. Thế là tốt và cứ yên tâm. Chẳng chóng thì chầy. Ngay lập tức thì khó, nhưng gì chứ đi đánh Mỹ thì chẳng lo hết lượt”.

Vào lứa tuổi của Tâm, nổi sầu muộn và niềm chua xót có thể giúp người ta phát triển dài người ra như là được bón thúc. Chân, tay, tóc tai, cổ và cằm, các đốt xương. Minh mấy mọc thêm nhiều thứ, thừa thãi, bơ phờ. Và vừa bải hoải, trĩu nặng ừ ừ, vừa luôn thấy rậm rứt bút rứt, nôn nao còn cào, y như thể phải thường xuyên canh cánh ngậm trong lòng một cơn sốt âm ỉ. Về đêm thì ngủ mê, nói mơ và rên rĩ, một mình vật vã trên gác xép, tự mình cào mình đến nổi sáng ra ngực đầy vết xước. Mẹ Tâm mua lá ở hàng thuốc nam, sắc lên, ép anh uống, ngày một bát, rồi tăng liều lên, ngày hai bát. Mẹ bảo:

- Chịu khó uống. Cho dịu miệng mì, con ạ. Cho khuấy đi...

Như vậy là chẳng những không ký đơn cho Tâm, cha anh còn giấu biệt không để mẹ biết việc anh xin nhập ngũ. Khiến cho mẹ nghĩ rằng vì Loan. Mẹ đã gán cho Tâm nỗi đau tình ái. Mẹ nghĩ rằng anh tương tự cô gái dưới gầm cầu thang, mới vừa nhập ngũ hồi cuối thu.

Lạ lùng là đơn tình nguyện của Loan lại được chấp thuận dễ dàng. Cô cũng đang học dở lớp 10 như Tâm và còn thua anh một tuổi. Lý lịch thì chắc chắn là cũng đầy mắc mứu và đầy uẩn khúc. Gia đình Loan mới chuyển tới phố này được ba năm. Chỉ có mỗi hai cha con, neo đơn, nghèo túng, chỗ ở là một cái hốc thụt sâu vào trong gầm cầu thang, nơi ngày trước chứa than và củi. Cha của Loan, người trong phố kháo rằng từng là ông chủ một tờ báo phản động ở Hà Nội thời tạm chiếm và sau hòa bình lập lại đã phải cải tạo. Người ta đồn vậy có lẽ bởi vì thấy ông kiếm sống bằng đồng sách cũ. Cho tới tận trước hôm ngã bệnh qua đời, ông vẫn ngày ngày nhẩn nại tha một cái va ly rách nhét đầy những cuốn sách vô bổ ra bày bán nay chỗ này mai chỗ khác ở những góc vỉa hè. Tuy nhiên, không cần biết rõ quá khứ của ông, thoát gặp cũng có thể cảm thấy ngay rằng thực ra ông chẳng phải là một người bán sách rong nào cả, và rằng trước kia hai cha con ông đã sống một cuộc sống hoàn toàn khác. Trong sự nghèo khổ của cha con nhà họ rõ ràng có ẩn một cái gì đó không rõ là cái gì, không bình dân, không như người.

Cùng lớp nhưng Tâm và Loan chẳng phải chỗ bạn bè mật thiết. Loan không được tập thể ưa. Mà tập thể thể nào thì Tâm

thể này. Chẳng vì một lý do rõ ràng, Loan luôn bị mọi người để ý. Bản thân Loan chắc cũng khổ tâm và đã cố giữ sao cho khỏi lạc khỏi nếp chung, mà không được. Nhìn Loan người ta thấy rằng ở cô có cái gì đó là lạ khác khác không y hệt mọi người. Cách để tóc, cách ăn mặc chẳng khác ai mà vẫn như có hàm một sự diêm dúa thâm lén. Da dẻ trắng trẻo, mềm dịu. Cách nói và dáng đi đều thiếu vẻ mộc mạc. Tâm như là ngay từ bữa đầu vào lớp, Loan đã vấp phải lời xì xào của những bạn cùng bàn rằng đi học mà rầy nước hoa đầy người như quân tư sản. Cứ bước đi một bước là Loan liền để lại đằng sau mình cả một vệt dài hương thơm. Nhưng cô một mực thề trước lớp là chưa hề bao giờ xoa sức lên mình dù chỉ là một ty ty thôi bất kỳ một thứ xa xỉ phẩm nào. "Mà thực tình là tôi không cảm thấy gì cả, - Loan nói, rân rân nước mắt - Có cảm thấy cũng không biết làm thế nào. Tự như vậy chứ tôi không có tình..."

Với Loan, Tâm hết sức gìn giữ một dáng vẻ ngạo lạnh, hững hờ và xa cách. Đến nỗi trong suốt bao nhiêu lâu cùng nhà cùng lớp thế mà hai đứa chưa từng một lần vào chơi nhà nhau. Chạm nhau trong sân, trong bếp, nơi máy nước, nơi cầu thang, thường là Tâm giả tảng chẳng thấy, lơ đi, hoặc không thì cũng chỉ qua quýt nửa vời vài ba lời gì đó trống không. Dừng dưng, lãnh đạm một cách tồi tàn.

Hôm đưa đám cha của Loan, cả lớp Tâm góp tiền mua được một vòng hoa. Một cuộc tang ma lèo tèo. Thân quyền người chết mỗi một mình Loan. Người đến viếng thưa thớt. Tâm cũng chỉ nói được lý nhí vài lời gì đó nhạt thếch đại khái

là để chia buồn. Mai táng cha xong, Loan cũng rời bỏ căn phòng dưới gậm cầu thang. Cô gia nhập lực lượng Thanh niên xung phong của Thành đoàn, vào Khu Bốn. Cô đi chẳng gửi lời chào Tâm.

Nhưng từ ngày Loan đi bỗng dường tình bạn chưa bao giờ có với Loan lại khiến Tâm chao đảo. Bỗng dưng anh trở thành đa cảm, và vô cớ mà tâm trí anh chùng hẫ xuống trong úy mị. Thậm chí có đêm Tâm nằm mộng thấy Loan. Cô đến với anh vào quãng hai giờ sáng, thời gian thâm kín nhất của giấc ngủ, rồi cô biến mất khi đồng hồ đổ chuông báo thức. Một làn hương mơ hồ như là hương thơm từ giấc mơ cứ mãi vương vấn trên căn gác xép.

Tuổi trẻ của Tâm và sức vóc của Tâm phải chịu những cơn co thắt ngày càng dồn dập. Ở trên lớp không buồn nghe giảng, về nhà chẳng thiết ngó ngang tới bài vở, và mỗi tuần, không sao dừng nổi, phải quyết trốn học chỉ ít một buổi. Lang thang, Tâm đi lẫn mình vô định vào trong các phố dọc phố ngang chẳng chịt để lan man tìm một hướng đi.

Mẹ anh có lẽ đã âm thầm hiểu thấu lòng anh hơn cả bản thân anh. Chính là mẹ đã thuyết phục cha ký vào lá đơn tình nguyện thứ tư. "Đừng nên ngăn nữa mình ạ. Thiết tha thế có gì xấu đâu. Nó mong đi bộ đội cơ mà. Và nó thương nhớ con bé ấy. Yêu nước thì cũng như là yêu nhau, có khác gì đâu mà ngăn. Mà ngăn làm sao được hớ mình". Mặc dù cha mẹ nói chuyện rất khê tiếng, nhưng vì nằm ngủ ở gác xép ngay sát bên trên nên vào lúc nửa đêm khi bất chợt thức giấc, Tâm đã nghe thấy.

Cha mẹ cùng ký. Và cả đêm, Tâm nghe tiếng mẹ khóc khê khê. Tiếng cha rầu rầu an ủi mẹ. Thịnh thoảng lại bật ho.

Sáng hôm sau cha cùng Tâm tới Khu đội. Dọc đường, ông bảo: “Cha mẹ muốn con học lên, vào đại học, với lại thấy sức vóc con yếu ớt, tâm tính cũng còn non dại, nên dùng dằng không ký đơn cho con. Nhưng thấy lòng con đã quyết, cha cũng mừng... Làm trai sinh ra gặp thời loạn lạc không thể đứng dưng với vận nước. Nước mất thì nhà tan, ấy là châm ngôn truyền đời... Có điều, con ạ, cha không hoàn toàn an tâm. Cha sẽ chỉ an tâm nếu như biết chắc được rằng con quyết tâm ra đi chiến đấu là bởi con thật sự thấy con đường mình chọn là đúng đắn và tất yếu chứ không phải chỉ vì con muốn thoát khỏi tai tiếng gia đình, muốn chạy khỏi những phiền muộn riêng tư...”.

Chiếc đồng hồ treo tường thông thả gõ chuông. Ông chủ quán Định Mệnh bật công tắc đèn. Ngọn đèn đỏ đồng đọc, trông rõ sợi tóc trong bóng. Ngoài trời, màn mưa mờ mỏng như lớp sương vàng nhạt sa phủ trên thành phố, làm nhòa ánh sáng những vệt đèn đường.

- Ta về thôi con nhỉ - Cha Tâm nói và vẫn ngồi yên - Thế là đã qua mất một ngày... Và vậy là mai con đi. Mai con đi rồi...

Cái buổi chiều tối ấy, cái quán cà phê ấy và nói chung, tất cả những ngày xưa cũ ấy sống mãi suốt đời Tâm, nhưng chắc hẳn anh sẽ không bao giờ muốn nhớ lại và nhắc lại làm gì nếu như không vì muốn có một lần trở về với tình cha con nhiều đau đớn của một thời.

Ngàn năm mây trắng

Máy bay cắt cánh trong mưa. Tiếng còi bánh xe gấp lại có vẻ mạnh hơn bình thường dội độ rung vào thân máy bay. Tôi tiếc là đã không nghe lời vợ. Đáng lý nên trả vé, dừng theo chuyến này. Ngày xấu, giờ xấu, thời tiết xấu.

Máy bay hẫng một cái như hụt bước. Tay vịn comple ngồi bên cạnh tôi mặt nhợt đi, mắt nhắm nghiền, cặp môi run run. Tôi bấu chặt các ngón tay vào thành ghế. Con người tôi bé tí hìn treo trên vực sâu đang càng lúc càng sâu thẳm.

- Mây ngay ngoài, các bác kìa! - Bà cụ ngồi ở ghế trong cùng, kẻ cửa sổ, thót kêu lên.

Chiếc TU 104 già nua đã lấy được độ cao, bắt đầu bay bằng. Hàng chữ điện "Cài thất lưng an toàn" đã được tắt đi. Nhưng ngoài cửa sổ vẫn cuộn cuộn mây.

- Mây cận quá, bác nhỉ, với tay ra là vớt được - Bà cụ nói - Y thể cây lá ngoài vườn.

Tay vận comple nhắc mi mắt lên. Môi y không run nữa mà mím chặt, vè căng thẳng đổi thành vè quàu quạu.

- Vậy mà sao nhiều những người họ khát là tàu bay trôi cao được hơn mây bác nhỉ?

Tay nọ làm thỉnh.

- Chà biết đâu trời đâu đất thế này biết lối nào mà về bến thưa các bác?

Không được trả lời, bà cụ chẳng dám hỏi han gì thêm. Bà ngồi im, ôm chặt trong lòng một chiếc làn mây. Hình vóc bé nhỏ, teo tóp của bà như chìm lấp vào thân ghế. Khi cô tiếp viên đẩy xe đưa bữa điểm tâm đến, bà không muốn nhận khay đồ ăn. Bà bảo cơm nước lạ kiểu chẳng đũa bát gì già chẳng quen, mấy lại đã ăn no bụng hồi sớm rồi, mấy lại cũng thực tình là già chẳng có lắm tiền. Cô gái ân cần giải thích để bà cụ yên tâm rằng giá của suất ăn miễn phí này đã được tính gộp trong tiền vé.

- Thảo nào hai lượt tàu bay những triệu bạc, - Bà cụ nói - Vậy mà lúc biểu già tẩm vé các chú không quân cùng đơn vị con trai già bảo là tốn có trăm ngàn. Các chú ấy cho thì già có, chứ con tính ở nhà quê đừng nói một triệu với trăm ngàn, ngàn với trăm cũng làm gì ra.

Bà cụ hạ chiếc bàn gấp xuống song không bày bữa ăn lên đấy. Tất cả các thứ hộp thứ gói trên khay bà dồn hết vào chiếc làn mây. Bà chẳng ăn chút gì. Lúc người ta mang đồ uống đến, bà cũng chỉ xin một cốc nước lọc. Bà hỏi cô tiếp viên:

- Đã sắp đến sông Bến Hải chưa con?

- Dạ thưa, - cô gái nhìn đồng hồ đeo tay - Còn chừng dăm phút nữa ạ. Nhưng thưa cụ vì chúng ta bay trên biển nên không ngang qua sông mà sẽ chỉ ngang qua vùng trời vĩ tuyến 17.

- Lát qua đây con bật đèn già cái cửa tròn này con nhé, cho thoáng.

- Ấy chết, thưa cụ, mở thế nào được ạ - Cô gái bật cười.

Ngoài cửa sổ nắng lóa lên, cánh máy bay lấp lánh, nhưng chỉ chốc lát. Trên rất cao này trời vẫn cộm mây. Người tôi nôn nao như ngồi trên đu quay. Chưa chuyến nào thấy mệt thế này. Có lẽ vì cơn bão đang hoành hành ở miền Trung nên không trung đầy rẫy ổ gà. Máy bay trông tránh, dò lắc, bên thân và dưới sàn khe khẽ phát ra những tiếng răng rắc như sắp rạn.

Tay vận comple xò diêm châm thuốc như ở chỗ không người. Là dân nghiện nhưng lúc này tôi cũng thấy gai với khói thuốc. Lẽ ra y nên xuống phía đuôi chứ chẳng nên phớt lơ hàng chữ “Không hút thuốc” sáng ngay trước mũi mình như vậy, tôi uể oải thầm nghĩ, đây tờ báo lên mặt và nhắm mắt lại. Giấc ngủ thiu thiu chậm chậm trườn tới.

- Làm cái gì vậy! Hả! Cái bà già này!

Tôi giật bản mình. Tôi bị giằng khỏi giấc ngủ không phải vì tiếng quát, tay ngồi cạnh tôi không quát to tiếng, chỉ nạt, nạt khe thôi, đủ nghe. Nhưng âm hưởng của nỗi hoảng hốt và sự cục cằn trong giọng y như tát vào mặt người ta. Thận trọng, tôi liếc nhìn. Khói thuốc và cặp vai to đùng của y che khuất cả bà cụ già cả ô cửa sổ.

- Van bác... - Bà cụ sợ sệt - Bác ơi, van bác... Chẳng là, bác ạ, bữa nay giỗ thằng cả nhà tôi. Non ba chục năm rồi, bác ơi, tôi mới lên được đến miền cháu khuất...

Tay nó nhồm phất dậy, gần như bước xéo lên đùi tôi, sấn ra lối đi. Bộ mặt hồng hào bừng bừng giận dữ và khinh miệt.

Bà cụ ngồi, im phắc, lưng còng xuống, hai bàn tay chấp lại, gầy guộc, nhăn nheo. Trên chiếc bàn gấp bày đĩa hoa cúng, nải chuối xanh, mấy cái phẩm oản và ba cây nhang cắm trong lưng chiếc cốc thủy tinh đựng gạo. Một bức ảnh ép trong tấm kính cỡ bằng bàn tay, để dựng vào thành cốc.

Cô tiếp viên đi vội tới. Cô đứng sững lại bên cạnh tôi. Không hề kêu lên, không thốt một lời, cô đứng yên, lặng nhìn.

Máy bay vươn mình nâng độ cao vượt qua trần mây. Sàn khoang dốc lên. Cái bàn thờ bé bỏng của bà cụ già hơi nghiêng đi. Tôi xoay người sang giữ lấy cái khung ảnh. Tấm ảnh được cắt ra từ một mảnh báo, đã cũ xưa, nhưng người phi công trong ảnh còn rất trẻ.

Khói nhang nhả nhè nhẹ, bốc lên dịu dịu, mờ mờ trong bầu không khí lạnh lạnh của khoang máy bay. Những cây nhang trên trời thắm tỏa hương trời thơm ngát. Ngoài cửa sổ đại dương khí quyền ngời sáng. Tổ Quốc tôi trên trời cao.

Bí ẩn của làn nước

Các dòng sông trôi đi như thời gian, và cũng như thời gian, trên mặt nước các triền sông biết bao nhiêu là chuyện đời đã diễn ra. Nhất là về đêm, trên làn nước của dòng sông quê hương tôi lấp lánh hàng hà những đốm sáng bí ẩn, có cả điều bí ẩn của đời tôi.

Năm ấy, nhằm trúng đình lữ đêm Rằm tháng Bảy, một loạt bom Mỹ phá tan vệt đê canh giữ đằng trước làng tôi. Dứt dây nổ của bom và tiếng gầm ghè rợn của máy bay cường kích là chuỗi ầm ầm long lở của dòng sông phá bung đê tràn ngang vào đồng ruộng.

Từ trên điểm canh tôi chạy lao về làng. Hồi chiều hay tin vợ ở nhà trở dạ nhưng tôi không thể rời vị trí hộ đê. Bây giờ giờ phút sập rồi, trong tôi chỉ còn con tôi, vợ tôi. Tôi dốc toàn lực bình sinh vào đôi chân. Đằng sau, cơn đại hồng thủy đuổi bén gót.

Nước đã ngập làng. Tôi về, kịp dìu vợ leo lên mái. Mái nhà tranh của vợ chồng tôi bị lồi đi trong đêm đen. Đến khi mái rạ sắp rã tan ra thì ơn trời nó vướng vào thân đa trước đình làng. Đã cả một đám đông bám trên các cành. Nhiều bàn tay chia xuống giúp tôi đỡ vợ con trèo lên. Vợ tôi ôm khư khư đứa con mới sinh, nhất định không để tôi bế đỡ.

- Con trai... con trai mà... con trai... Để yên em ấm, anh vụng...

Nhiều giờ trôi qua. Mưa tuôn, gió thổi. Mực nước không dâng cao hơn, nhưng chảy xiết hơn. Cây đa đẩy người hơn. Tôi mỏi như. Tay ôm chặt vợ, tay níu mình vào chạc cây. Vợ tôi yếu là, ướt lướt thướt, lạnh ngắt.

Khoảng gần sáng, bỗng có tiếng quây nước ngay dưới cành đa của vợ chồng tôi. Một giọng nghẹn sắc vói lên:

- Cứu mẹ con tôi mấy... cứu mấy, người ơi...

Một bàn tay nhót và lạnh như tay ma rờ vào chân tôi đang buông thõng. Tôi vội cúi xuống, đưa tay ra. Nhưng bàn tay của người đàn bà dưới nước trượt đi, chìm ngấm. Cành đa kêu rắc, chao mạnh. Vợ tôi ối kêu một tiếng thảng thốt, và "ùm", con trai tôi, đứa con sơ sinh tôi chưa được nhìn thấy mặt, tuột khỏi bọc ni lông trên tay mẹ nó, sa xuống làn nước tối tăm.

- Con tôi..! - Vợ tôi hét rú lên và lao ngay lập tức xuống nước hồng chụp lấy con.

Tôi phóng mình theo. Nước lạnh, ngầu bùn, sâu hút và cuộn mạnh. Tôi vớ kịp thằng con, nhào vội lên, trao nó cho những bàn tay đang chìa xuống, rồi lại lặn tiếp ngay để cứu vợ. Nhiều người phi xuống theo để trợ sức tôi...

Tôi tỉnh lại, thấy trời sáng rồi và đã tạnh mưa. Tôi nằm

trong khoang một ca nô cứu nạn đầy áp người. Hồi đêm, tôi đã vật lộn điên dại quyết sống mái một phen với làn nước giết người, nhưng tôi đã thua cuộc. Ứa ra cả máu tai máu mũi mà không những không cứu nổi vợ, đến thi thể cô ấy tôi cũng bắt lực không tìm thấy. Khi ca nô quân đội tới, mọi người đã phải dùng sức để buộc tôi rời mặt nước. Kiệt sức, tôi ngất đi. Khổ đau, tôi tỉnh dậy, nước mắt nóng rục, tê nhói. Một chị phụ nữ chen tới bên tôi, lên lời an ủi:

- Phận chị ấy đã vậy, thôi thì anh phải nén lòng lại, giữ sức khỏe mà nuôi con. Ổn trời, anh còn kịp cứu được cháu. Chao ôi, vừa kịp khúc chào đời đã trải một cơn kinh hoàng hú vía. Anh coi con anh này. Cứ như không. Đã bú, đã ngủ rồi đây này. Ngoan chưa này... Ôi chao, nó tè dầm rồi này.

Chị nựng nịu, và từ từ gỡ bọc chăn chiên đang ủ kín con tôi. Chị thay tã cho nó. Tôi nhìn, chết lặng.

- Con tôi... - Tôi khóc, đỡ lấy bọc chăn, - con tôi!

Từ bấy tới nay, thời gian trôi qua và triển nước trôi đi, tôi đã có tuổi và con gái tôi đã thành một thiếu nữ. Nó là đứa con của làn nước, mọi người đều nói thế bởi vì chuyện nó sa xuống dòng nước lụt rồi được cha nó cứu lên thì cả làng ai cũng biết. Nhưng điều bí mật kia thì không ai hay, kể cả con gái tôi cũng không thể biết. Chỉ có dòng sông biết.

Có ngày nào mà tôi không ra đê ngắm làn nước trôi. Vợ tôi, con tôi và người đàn bà vô danh nhìn tôi từ đáy nước. Thời gian, năm tháng cứ trôi, dòng sông và lịch sử, tất cả đều đổi thay nhưng mà niềm đau của đời tôi thì khôn nguôi bởi ấy là một niềm đau không thể nói nên lời.

Giang

Năm ấy tôi mười bảy tuổi, binh nhì, chiến sĩ của tiểu đoàn 5 tân binh. Tiểu đoàn chúng tôi luyện quân ở Bãi Nai. Bảy giờ đã là vào cuối khóa huấn luyện ba tháng, kiểm tra xạ kích, đạt điểm cao nhất đại đội, tôi được thưởng hai ngày phép. Đại đội trưởng linh động cho tôi miễn *binh tuần* tối thứ Sáu. “Đã được lãi một tối càng phải liệu mà về cho khuỷp giờ điểm danh đấy nhá”. Anh dặn tôi thế, ra ý đề.

Chuyến về nhờ bám được xe quân sự chạy trên đường 6 nên phi cái vù đã tới nhà. Chuyến trở lại phải chen xe khách. Chín giờ tối chú nhật mới điểm danh mà chỉ dám nấn ná cố cùng tới 12 giờ trưa là phải dứt khỏi nhà chạy nhào ra bến Kim Mã. Chen lên được một chuyến xe vào thời buổi gian khó ấy khổ sở đến thế nào khỏi bàn. Thêm nữa lại ngày giáp Tết. Do may mắn và cũng là do

ầu tã ngồi lên nhau trên nóc xe nên đến nhập nhoạng tối thì tôi nhảy được xuống thị trấn Lương Sơn. Đói mềm, rét run, lại lướn quố trượt chân ngã, tuột tung quai dép và lấm be bết.

Trật trường tôi dò tới cái giếng xây ở đầu trấn để rửa ráy qua loa tý chút và xâu lại dép. Chỉ có một người đang múc nước ở giếng. Trời mưa nhưng rất mỏng, như sương, và chưa tối hẳn nên từ khá xa tôi đã nhận ra một cái dáng con gái. Khi tôi tới bên giếng, hai thùng tôn của gánh nước đã được đổ đầy, cô gái cuộn dây gầu, tra đòn gánh vào hai móc xích, và trước khi lên gánh, cô đội lại chiếc nón mà lúc cúi múc nước cô đã bỏ ra để ngừa bên thành giếng. Với con mắt lính 17 tuổi nhanh như chớp tôi lờm ngay thấy tên cô nàng viết bằng mực tím ở trong vành nón, cả tên, cả họ, cả đệm, và cả lớp học của cô nữa. Phạm Nhật Giang. 10 B.

Không để ý đến tôi, cô đặt gánh lên vai. Tôi nói, vội vã, nhưng thản nhiên, như thật:

- Kìa, Giang. Cho anh mượn cái gầu đã nào.

Cô gái hạ gánh, nhìn tôi.

- Chào anh, anh bộ đội... - Cô nói, ngập ngừng, nhưng có lẽ chưa kịp ngạc nhiên - Gầu đây anh.

Tôi xòe hai bàn tay bê bết bùn ra.

- Ôi, anh bị lấm hết rồi! - Cô gái khẽ thốt lên - Thôi, để em.

- Ừ. Nhờ Giang vậy, chứ không thì bán hết cả dây.

Cô gái múc lên một gầu, hai gầu, xối từ từ cho tôi rửa kỹ hai bàn tay. Khi tôi định đón lấy chiếc gầu, cô bảo:

- Cái gầu này khó múc lắm. Để em giúp anh.

Cò lại thông nhanh sợi cháo xuống bóng tối sâu hút bên dưới rồi thoăn thoắt, mềm mại, kéo gầu nước lên. Nhưng sự ân cần của cô còn hơn thế. Mỗi gầu nước mức lên cô không xối cho tới tận gột mà cúi mình xuống, một tay nghiêng gầu nước dội nhẹ, một tay cô cọ bùn đất ở bàn chân, ngón chân, bắp chân tôi. Ngay ra, tôi đứng yên, sững lặng cảm nhận cái ân tình hồn nhiên và bất ngờ ấy. Rất lâu, hai đứa chẳng nói gì, cô gái lặng lẽ gột rửa cho tôi, tôi thì bất động. Cô cọ kỹ cho tôi cả đôi dép đút.

- Tươi rồi đây, anh - Cô gái nói trong bóng tối.

- Cám ơn nhé, Nhật Giang!

Cô gái trở lại với nỗi ngạc nhiên:

- Ô kìa. Ủ nhì, sao anh biết tên em?

Tôi cười, không đáp.

- À, em biết rồi. Anh tọa độ chứ gì mà. Các anh bộ đội chuyên thế. Cứ gọi: Lan, Hằng, Liên, Oanh thế nào cũng trúng, chứ gì?

- Nhưng Giang, lại Nhật Giang nữa, chắc không có hai người tên như thế đâu, đoán mò sao được.

- Chắc anh đóng ở gần đây.

- Chả gần lắm, tận xóm Đuồm.

- Bao xa anh?

- Giang không phải người đây à?

- Vâng, em mới Hà Nội lên - Giang đáp, và chợt cô rù tôi:

- Nhà em đang trọ ở ngay kia, anh vào nghỉ một lát.

Tôi do dự:

- Chín giờ, đơn vị điểm danh rồi... mà còn non chục cây.

- Còn sớm, mới sáu giờ kém mà, anh.

Tôi muốn hộ Giang gánh nước, nhưng cô không chịu. Tôi theo sau cô vào sâu một cái ngõ tối. Một mình Giang một túp nhà nhỏ, mái gianh vách đất. Không có đồ đạc gì. Một chiếc giường đơn, một ngọn đèn hoa kỳ trên chiếc chõng tre, bộ ấm tích, điều bát. Một chiếc xe đạp Phượng Hoàng dựng ở gần cửa.

Tôi mở túi phòng hóa đeo bên hông lấy gói bít cốt mẹ dúi cho hồi trưa, và rót chè tươi trong ấm tích ra bát. Bít cốt chiêu với chè tươi, định thế. Thấy vậy, đang lúi húi xâu lại quai dép cho tôi, Giang vội kêu lên:

- Ôi, em quên. Có cơm mà, để em dọn mời anh.

Tôi gạt đi, nhưng Giang nài tôi chịu khó chờ cô xuống bếp hâm lại cơm canh mà ăn uống cho chắc dạ và nóng sốt.

Trong lúc chờ Giang, tôi ngả phứa ra giường cô, châm thuốc hút và lim dim mắt, thả khói. Chợt cửa ra vào mở. Một người đàn ông cao lớn bước mạnh vào. Tôi giật bản mình, bật chồm dậy. Ông nọ vận đại cán vải dạ xanh sẫm, giày da Cô-xu-ghin, quần hàm ve áo hai sao hai vạch.

- Cậu là ai? Đầu chui vào đây? - Nghiêm sắc mặt, ông trung tá hỏi, chăm chăm nhìn.

Tôi dập gót:

- Báo cáo, tôi...

Vừa khi đó Giang bưng mâm cơm đi từ sân sau vào.

- Bố về rồi đấy ạ, - cô vội vã nói - Bố ơi, đây là Hùng, bạn

học lớp 10 với con. Anh ấy đóng quân gần đây. Chúng con tình cờ gặp nhau vừa nãy.

Ông trung tá dịu nét mặt, nhưng giọng vẫn nghiêm:

- Đóng gần đây à? Đồng chí đơn vị nào?

- Báo cáo thủ trưởng, tôi ở C7 K5 đoàn 91.

- Thế đồng chí đi đâu, sao giờ này còn tụt tạt ngoài đây?

- Báo cáo thủ trưởng, tôi về phép lên. Đơn vị chín giờ mới điểm danh.

- Thế đồng chí định để đúng điểm danh mới có mặt à? Phải về đơn vị sớm hơn chứ.

- Kia bố, - Giang kêu lên - Bố để cho anh ấy ăn cơm đã. Bố cũng ăn luôn với bọn con đi.

- Không đâu, tớ không ăn đâu! - Tôi hoảng lên - Tớ phải chào đây, Giang!

Ông bố Giang mỉm cười, vỗ nhẹ vai tôi, bảo:

- Từ đây về xóm Đuộm sáu cây, còn kịp. Cậu ăn cơm đi, ngồi chơi với Giang. Bạn học lâu ngày gặp nhau. Nhưng rồi phải rào chân lên. Vẫn phải về kịp trước điểm danh, rõ chưa!

- Thì bố xin hộ cho anh ấy, bố! - Giang nói, nũng nịu - Bố gọi cho cấp chỉ huy của anh ấy. Chúng con học cùng từng ấy năm, gặp nhau chuyện tới khuya chẳng hết.

- Không được, - ông bố cười, lắc đầu - Bạn hữu gặp gỡ thế này là quý, nhưng con không có được những nhặng con cà con kẻ giữ bạn lại quá lâu. Đừng có để bạn phạm kỷ luật.

Ông nhìn đồng hồ.

- Sáu rưỡi rồi, - ông nói - Hai đứa khẩn trương cơm nước

đi. Tối nay bố không ăn với con được. Bố phải qua đơn vị. Phải họp khuya đấy. Con một mình ở nhà cửa giả cho cẩn thận.

Ông bước tới bên cửa, cầm lấy ghi đông chiếc xe đạp, và nhìn tôi, ông nói:

- Hùng ngồi chơi nhá. Nhưng nhớ giờ giấc đấy.

- Kìa bố, bố lấy xe đạp ạ! - Giang kêu lên - Con định đưa anh ấy về đơn vị cơ mà, bố! Bố chịu khó đi bộ, bố nhá. Chỗ bố gần ngay đây mà.

- Không! Đừng mà... - Tôi hãi quá - Giang dừng vậy...

Ông trung tá cười, bảo:

- Con gái con lười thế đấy. Chiều bạn hơn bố. Nhưng bố nhất trí, bố để xe cho hai đứa. Chứ mà cuộc bộ thì con làm Hùng chậm giờ mất. Có điều đường đồi ban đêm hai đứa lai nhau cho cẩn thận, đừng có phóng nhanh kéo ngã. Đưa Hùng tới đơn vị rồi lúc quay về một mình con cứ đạp từ từ, nhìn đường. Nhưng cũng gắng đừng có thông dong quá đấy. Trời lạnh thế này. Với lại con về khuya bố không yên tâm đâu.

Tối ấy, tôi lại Giang vào sâu trong Bãi Nai. Đồng rừng tối tăm, lạnh lẽo. Con đường đồi quanh vắng, không ngừng uốn lượn và gấp khúc. Gió bắc lúc thuận lúc ngược, nhưng mà tôi không thấy mệt, tôi đạp mãi miết. Tôi chưa khi nào đeo con gái. Cả hồi năm ngoái học lớp 10, được bố mẹ ưu tiên sắm riêng cho hẳn một cái Mi-pha tha hồ tung hoành phá phách, tôi cũng chỉ đạp xe rong phố với những thằng bạn. Chưa từng bao giờ có một nữ nhi ngồi sau xe tôi, áp mình tin cậy vào tôi như thế này. Đây là lần đầu.

Chiếc Phượng Hoàng nặng trĩch mà chẳng nặng một chút

nào. Tôi guồng căng đạp, bám theo vết trắng mập mờ của con đường, lên dốc, xuống dốc, quanh rẽ, lạng tránh, lao rất nhanh và phanh giạt cục. Giang ngồi vững và thật êm sau tôi. Thành thạo chúng tôi mới nói chuyện, mà chỉ Giang nói. Giang là trò Trưng Vương, vừa tốt nghiệp lớp 10 trong năm, hiện giờ đã là sinh viên của trường Tổng hợp. Nhà cô trong ngõ Chợ phố Khâm Thiên. Túp nhà ban này là bố cô mượn của một người quen ở thị trấn để đón cô lên ăn Tết cùng ông. Mẹ cô mất năm ngoái, anh trai thì mới vừa đi Bê tháng trước.

- Tết ra chơi với bố con em, anh nhé. Nhà chỉ hai bố con mà cái thị trấn khi ho cò gáy này thì buồn ơi là buồn. Em sẽ nói khó để bố vào hẳn đơn vị đón anh. Rồi chúng mình xin phép bố linh về Hà thành vài hôm. Bố em chiều em lắm, sẽ đồng ý thôi. Mà bố đã thuận thì nhất định thủ trưởng đơn vị anh cũng nhất trí.

Chúng tôi chia tay ở chân đồi Gừng, đầu con đường mòn dẫn vào xóm Đạm nơi đơn vị tôi trú quân.

- Hay là Tết em trốn vào đây với anh?

Giang hỏi, và không hiểu sao lại thờ dãi.

Tôi cứ đứng mãi ở ven đồi. Mặc dù không thể nhìn thấy gì trong màn đen dày đặc đêm cuối năm, tôi vẫn cứ nhìn mãi theo Giang. Chia tay, tôi đã không nói được một điều gì cả, đã không kịp ngỏ một lời nào. Cả địa chỉ của Giang nữa cũng không hỏi rõ. Chỉ biết Khâm Thiên, ngõ Chợ.

Hai hôm sau, tối ngày 27 Tết, tiểu đoàn tôi nhổ neo rời Bãi Nai. Hành quân qua Thường Tín, lên tàu ngay, không có 15 ngày phép thông lệ của lính Bê dài. Đây là một đợt tăng

cường rất lớn cho chiến trường. Cả một Sư cùng lúc lên đường, gấp gáp tiến quân, vượt ngàn dặm Trường Sơn vào Nam. Vừa đặt chân lên đất Tây Nguyên đã vào ngay chiến dịch. Các đơn vị của Sư đoàn phiên hiệu khác đi nhưng vẫn giữ nguyên đội hình từ ngoài Bắc. Tiểu đoàn của tôi đánh trận mở màn, và đại đội của tôi là mũi chủ công. Trước giờ nổ súng, đích thân tham mưu trưởng sư xuống kiểm tra công tác chuẩn bị chiến đấu của chúng tôi. Mặc dù ông xuống “kiểm” cùng với một nhóm khá đông trợ lý và trinh sát, mặc dù ông cũng trang bị và nai nịt như mọi người, tiểu liên AK, dép đúc, mũ cối, áo lính tô châu, nhưng trong bóng rừng nhập nhoạng tôi vẫn nhận ra ông ngay. Ông chính là “ông bò” của Giang!

Tôi toan linh, song ông trông thấy tôi tức thì. “Kìa, Hùng, Hùng đấy hả Hùng!”. Giọng ông ngạc nhiên, mừng vui. Ông thân thiết xiết chặt tay tôi và không nén được, ông cảm động ôm lấy tôi. “Giang nó cứ nhắc cậu mãi, Hùng ạ. Nó cứ buồn vì không gặp lại được cậu trước khi chúng ta lên đường”. Ông bảo: “Giờ đây Giang nó ở lại ngoài đó có một mình”.

Gặp gỡ trước giờ nổ súng tất nhiên là chỉ thoáng nhanh, chỉ kịp nói mấy câu thể thôi. Tôi thì không nói được gì cả. Tôi chỉ ấp úng. Cả cái tên Hùng do con gái ông phía vợ ra, tôi cũng không thể cải chính.

Thời khắc gấp gáp không thể nán ná, nhưng trước lúc đi, tham mưu trưởng sực nhớ một điều và ông vội nói với tôi: “Giang nó có gửi cháu tấm ảnh của nó, nhưng tiếc quá, lại không mang theo đây. Để bữa sau vậy, Hùng nhé...”.

Không có “bữa sau” ấy. Tôi không còn có dịp được gặp lại

tham mưu trưởng. Cả tối mùa khô sau, được điều lên trình sát sư đoàn, tôi vẫn không thể nào gặp lại được ông. Tham mưu trưởng của chúng tôi đã hy sinh vào cuối mùa khô năm đầu tiên sư đoàn chúng tôi lâm trận.

Chiến tranh, đời lính, tuổi trẻ, mọi sự là như thế, chỉ thế thôi, thoảng nhanh. Thoảng nhanh nhưng không tắt lịm. Chỉ thế thôi nhưng để rồi sau này cứ nhớ mãi. Trở thành nỗi đau. Những nỗi đau mất mát âm thầm.

Chắc là bây giờ Nhật Giang vẫn còn nhớ đến tôi, người lính trẻ vô danh hơn ba chục năm về trước. Tôi thì không bao giờ quên cô ấy, mặc dù thực ra là có gì đâu một tình cờ như thế, một gặp gỡ vắn vơ, lưu luyến mơ hồ gần như không có thật mà năm tháng cuộc đời cứ mãi chồng chất lên muốn xóa nhòa.

Không đâu vào đâu

Tôi bay chuyến sáng. Chỗ tôi kẻ cửa sổ. Bên tôi là một quý ông hồng hào, tuổi chừng bốn lăm, vận comple màu xám nhạt. Thoạt thấy ông, tôi đã ngỡ ngơ, và một lát thì nhớ ra. Chẳng hiểu sao ông lại đặt vé ở khoang này. Ông là một quý ông. Mới đây tôi thấy ông trên tivi, đang trả lời phỏng vấn. Tay phóng viên một dạ hai thưa, cực kỳ cung kính.

Thế quái nào mà lại thế này. Tôi không thích thế này. Kinh nghiệm cho thấy là rất dễ gặp rắc rối khi kẻ cận một vị như vị này.

Song, trái với dự cảm không lành của tôi, ông ta không có vẻ một con người khó chịu. Được yêu cầu thắt đai an toàn, ông thắt đai an toàn. Khi tiếp viên đẩy xe điểm tâm tới, ông lịch sự mỉm cười với cô gái đẹp, ông nhã nhặn cảm ơn. Ông bung tách cà phê lên nhắm nhấp một cách đúng điệu.

Ông giờ báo đọc lướt trang nhất, trang cuối. Rồi gấp báo lại, ngả đầu vào lưng ghế, ông nhắm mắt.

Thôi thì ngồi cạnh một ông lớn nhưng đảm tính như ông này cũng được, chẳng bận gì, kệ ông. Tôi nghĩ, nhìn ra trời mây. Một ông nào ngồi phía đuôi khạc nhổ rõ to. Một ông khác ngáy giòn. Nhiều người ngáy.

Ở ghế trước tôi là một thiếu phụ với đứa con trai. Thằng bé hiếu động. Bà mẹ phải lấy sách ra đọc cho nó nghe để nó khỏi chạy đi chạy lại. Không thấy được gương mặt thiếu phụ, nhưng qua giọng đọc tôi áng chừng chị ngoài ba mươi. Giọng chị trang, ngữ điệu tuyệt vời, đầy tình cảm. Lơ đễnh tôi nghe và một lúc sau thì biết là chị đang đọc cho con trai nghe cuốn *"Những tấm lòng cao cả"* của nhà văn D. Amisix. Cuốn này tôi đọc từ xưa. Không hiểu sao vẫn còn nhớ. Tôi thấy nó cũng được. Bây giờ tôi bị cuốn hút bởi giọng của người đọc, chứ còn truyện là truyện trẻ con, vặt vãnh. Tính cách nhân vật một chiều, cách điệu quá hóa ra sơ lược và giọng văn thì cảm thương quá mức cần thiết. Thú thực tôi chẳng hiểu duyên do làm sao mà tác phẩm này lại được thiên hạ đánh giá cao làm vậy.

Chợt có tiếng lục súc ở hàng ghế trên. Thằng bé nói cái gì đó và mẹ nó ngừng đọc. Chồm cả người lên lưng ghế, thằng bé lộ mặt ra nhìn xuống băng ghế của tôi. Giương to hai mắt, nó hỏi:

- Bác sao thế bác? Sao bác khóc?
- Đầu có, ông bạn trẻ! - Tôi nhếch mép.
- Không phải chú. Bác cơ. Bác khóc. Mẹ cháu đọc, làm ồn không để bác ngủ phải không ạ?

Ông ngồi cạnh tôi nói khẽ, giọng là lạ:

- Không cháu ạ. Mẹ cháu đọc rất hay. Và những mẩu chuyện thật là cảm động.

Tôi liếc mắt sang. Thằng bé không làm, ông ta quả có sa nước mắt. Mắt ông ướt ướt, chớp mũi ửng đỏ.

- Con đã bảo mà. Mẹ đừng đọc nữa mẹ.

- Ồ, sao lại thế, cháu!

Chị phụ nữ kéo con ngồi xuống và khe khẽ rầy nó.

- Chị đừng mắng cháu, - Ông ngồi bên tôi nói nhẹ lên hàng ghế trên - Thú thực là tôi...

- Bác ơi, cháu xuống với bác, bác nhé. - Chú bé la lên.

Máy bay hơi nghiêng cánh. Ngoài cửa sổ biển xanh lấp lánh nắng. Tôi nhìn đồng hồ. Hành trình chỉ còn non nửa giờ nữa.

- Sao bác khóc hả bác? - Thằng bé gặng hỏi. Nó đã xuống ngồi cùng ghế với ông ta.

- Bác cũng không biết tại sao cháu ạ. Đôi khi vẫn thế đấy, tự dưng không cầm được nước mắt. Cháu có bao giờ vậy không?

- Cũng có ạ. Nhưng chỉ khi nào cháu bị đau. Chứ truyện thì có làm đau ai đâu ạ.

- Cháu có thích cuốn truyện không?

- Không ạ. Mẹ cháu bảo đọc, nhưng cháu chả thấy thích. Toàn chuyện trường học, lớp học, thầy giáo. Chẳng ly kỳ gì cả.

- Thế cháu học lớp mấy?

- Hết hè này là cháu lên lớp bốn.

- Vậy à... - Ông ta nói, khẽ thở dài - Bác cũng vậy, bác đã

đọc cuốn này từ tiểu học, và đáng buồn là cũng như cháu, bác chẳng thích nó. Bác thích những cuốn khác.

- Thế ạ! - Thằng bé như reo lên - Đấy, thế mà mẹ cháu cứ bảo là cuốn sách hay nhất.

- Mẹ cháu nói đúng đấy. Hồi nhỏ bác không thích nhưng hóa ra bác lại nhớ rất kỹ. Nghe mẹ cháu đọc, bác nhớ ra ngay. Mà đã mấy chục năm rồi còn gì. Những câu chuyện học đường xúc động làm sao... Còn bao nhiêu cuốn sách mà hồi đó bác thích thì tới giờ bác đâu còn nhớ.

Ông ta trầm ngâm, im lặng. Thằng bé cũng ngồi yên, lặng lẽ.

Chợt, tôi nghe ông nói, giọng rất buồn, đúng hơn, một giọng sâu thương khó tả:

- Cháu biết không, giá mà hồi bé, bằng tuổi cháu bây giờ, bác có thể có được nước mắt trước những mẩu chuyện cuộc đời cảm động và giản dị như thế kia thì cuộc đời bác đâu có đến nỗi như thế này.

Ông ta đưa mù xoa lên chẩm mắt. Khóe môi ông run rẩy. Tôi không còn hiểu ra làm sao nữa cả.

Ở nhà ga sân bay Tân Sơn Nhất tôi thấy người ta đón đợi ông, người ta chào mừng ông. Người ta kính cẩn rước ông ra xe. Có những tay lon xon xách cặp cho ông, che dù cho ông.

Một nhân vật lớn lao, quyền cao chức trọng, một tên tuổi đáng vì nể, một cuộc đời thành đạt và hoạn lộ vắn thênh thang, vẫn đang lên như điều cốt sao lại có thể ứa nước mắt một cách không đâu như vậy chứ? Và tại sao nhỉ, con người đó lại thốt lên một lời than tiếc phi lý như vậy về đời mình?

Cái búng

Năm ấy tôi vừa qua tuổi 16, và lần đầu tiên trong đời, tôi đang yêu. Yêu cô bạn học. Có phải là quá sớm không?

Nhưng dù vậy, dù rằng còn thơ dại cả hai bởi nổi ở tuổi ấy cả hai nào đã biết gì đời, tôi và Hiền vẫn một lòng yêu thương nhau say đắm, say đắm mà trong lành.

Không thể nhận ra khoảnh khắc đầu tiên của mối tình. Chỉ biết rằng sau mấy năm cấp ba cùng một lớp với nhau tới một thời gian nào đó chúng tôi chợt nhận thấy là cuộc sống của chúng tôi thuộc cả về nhau. Có bao nhiêu là cô gái trong lớp, trong trường và trong cõi đời này nhưng tôi chỉ thấy có một, chỉ một ánh mắt, chỉ một giọng nói, điệu cười, một vóc dáng. Và tôi cũng cảm nhận được rằng tôi là duy nhất mà Hiền cần, rằng Hiền chỉ yêu tôi thôi, tôi là của Hiền. Để có thể

trộn đời bèn nhau, chúng tôi cùng nhau nộp đơn xin vào khoa Hóa của Đại học Tổng hợp, mặc dù chỉ có Hiền là thực sự yêu thích và học giỏi môn đó. Nhưng không sao cả, tôi sẽ gắng. Trái ước nguyện ngành nghề một chút, song sẽ không bao giờ phải xa Hiền.

Những tháng cuối cùng của đời học trò trôi qua tuyệt diệu. Cả một trời bao la những hứa hẹn tốt lành mở ra trước mắt.

Hôm đó chúng tôi vừa thi xong môn cuối cùng của kỳ thi tốt nghiệp phổ thông. Ai nấy thờ phào. Chia tay nhau ở cổng trường, Hiền hẹn: "Tối nay chúng mình đi chơi đi anh. Em chắc là mẹ sẽ cho phép". Tôi sưng sờ. Lần đầu tiên Hiền xưng em, gọi anh. Lần đầu Hiền hẹn hò buổi tối.

Tối ấy, chẳng những cho phép hai đứa đi với nhau, mẹ của Hiền còn thuận để hai đứa được cùng một xe đạp.

Trong niềm hạnh phúc lâng lâng, bổng bay, tôi đạp xe và tôi cảm thấy được không phải là sức nặng mà là sự mềm mại nhẹ nhõm, vẻ duyên dáng nhẹ nhàng của người con gái tôi yêu. Hẳn là bạn cũng biết đấy, ở cái tuổi 17 của chúng tôi hồi ấy người ta yêu nhau không hề gợn đục. Càng yêu nhau người ta lại càng trở nên không còn là những thân thể cụ thể đối với nhau.

Tuy nhiên, dường như chính sự thuần khiết ấy đã biến tình yêu ở tuổi đó thành mộng ảo, mong manh đến nỗi thường là không chịu đựng nổi dẫu chỉ là một cái búng thôi của sự đời.

Tối hôm ấy, giờ này qua giờ khác, hai đứa chúng tôi chờ nhau lang thang trong thành phố. Đêm hè. Đường phố dần

vắng lặng. Đèn đường rải rác, mập mờ bóng cây, bóng người. Dương như chỉ còn tiếng hai chúng tôi trò chuyện. Tôi nói với Hiền. Hiền nói với tôi, nghe tôi. Chúng tôi khẽ cười. Chúng tôi im lặng, rồi lại nho nhỏ cất tiếng.

Chợt, ngay đằng sau vang lên những giọng khàn khàn, những giọng rông rỗng. Đang nói, Hiền lặng thinh. Tôi ngoái cổ lại. Gần chục chiếc xe đạp dàn hàng ngang đang áp theo chúng tôi. Những đóm lửa thuốc lá soi lên gồ ghề những bộ mặt. Tôi đạp mau, đám người đằng sau cũng đạp mau. Tôi chậm lại để họ vượt qua, họ liền chậm lại. Đường Hoàng Diệu vắng lặng, tối mờ và thật là dài. Còn xa mới tới ngã năm Cột Cờ.

Tôi chẳng biết xử trí ra sao. Cái lũ đang đeo dính chúng tôi không có ý định cà khịa, họ không gây sự, không giở trò côn đồ, họ coi như tôi không có, họ chỉ nhùng nhằng theo Hiền. Họ ồm ồm hỏi han những câu vớ vẩn, cột nhả những lời trêu chòng trơ trên và không ngớt rộ lên cười khoái chí tán thưởng nhau.

Ngay cả những bậc lão luyện mà lâm cảnh này cũng phải cam lòng chịu nhẫn, hướng hồ tôi. Đành im thin thít cắn cúi đạp. Hiền run rẩy nép vào tôi. Có lẽ cũng như tôi, Hiền đang thờ không ra hơi. Sợ hãi và hổ thẹn tề điệp cả người.

Tuy nhiên chúng tôi không phải chịu đựng lâu. Đám anh chị nhanh chóng mất hứng trước sự im lặng nhẫn nhục của đôi thiếu niên con nhà lành. Bực mình và chán ngấy, họ bỏ cuộc, tất cả dừng xe lại.

Tôi vội đạp dần lên. Tim nện thùm thùm. Được một quãng

xa, đạp chậm lại, tôi gắng trấn tĩnh, lấy lại hơi thở và bắt khoản tìm lời an ủi Hiền. Không ngờ lại có tiếng đạp rào rào đuổi lướt tới. Nhưng lần này chỉ một tên trong bọn rượt theo chúng tôi. Lên ngang xe tôi, y áp cà vào. Một gã to con, vai rộng, quần soóc bò, áo phông, đầu húi cua, xe đạp đua. Tôi nén sợ, đạp từ từ, thủ thế.

- Ê! - Gã nọ ghé mặt vào sát mặt tôi. Tuổi gã chừng ba mươi hơn, gò má cao, hàm rắn cang, râu quai nón, giọng rất trầm - con bé của mày nom ngon quá. Thịt thơm và chắc phải biết, đúng không? - Gã nói từ tốn, đủ nghe.

Tôi tái người.

- Này! - Gã vỗ vai tôi - thế hai đứa chúng mày đã... nhau chưa?

Uốn lái, nhả hết liều lượng của cái động từ động đực ấy vào mặt chúng tôi, gã đang hoành lượn xe lại, phóng đi.

Xây xẩm mặt mày, chỉ chút nữa là tôi đánh đổ xe. Tôi và Hiền đứng lặng đi rất lâu trong khúc đường tối, không nhúc nhích, không nhìn nhau, không nói nổi với nhau nửa lời.

Khi về đến trước nhà, Hiền xuống xe, lý nhí nói gì đó, rồi lủi lủi đi vào cổng. Tôi quay xe, đạp nhanh về nhà.

Mỗi tình từ đó rơi hẫng. Chúng tôi tránh mặt nhau. Tôi thi và đổ vào Tổng hợp Hóa. Còn Hiền, Hiền rút đơn, không thi vào Tổng hợp nữa mà thi vào trường khác.

Thậm chí nhiều năm sau gặp lại ở ngày hội lớp, chúng tôi vẫn tránh ánh mắt của nhau. Hiền mỉm cười gượng gạo. Tôi thì vội nhìn lảng đi, thái độ trở nên ngượng ngập khó chịu, bởi vì không thể nào khác được tôi lại nhớ đến cái động từ

ghê tờm đêm ấy, và tôi biết rằng nó cũng đang đội lên trong tâm trí Hiền.

Chuyện như vậy chắc là bạn thấy khó tin? Nhưng tôi như thế thật đấy. Và tôi nghĩ chẳng riêng tôi, bạn cũng vậy thôi, thỉnh thoảng bạn vẫn vướng phải những chuyện mà người khác chẳng buồn để tâm nhưng bạn lại xúc động sâu xa, bạn không thể quên, như là một vết tự thương cứ sâu vào lòng, khó bề chữa khỏi. Ấy là những nỗi đau vô cớ, những bất hạnh mơ hồ, những đắng cay chua xót không đâu, những nỗi nhục, những mặc cảm không có duyên do, không tài nào ai hiểu nổi vẫn thường đầy rẫy trong cuộc đời mỗi người.

La Mác-xây-e

Mùa hè, một chiều chủ nhật dịu trời, tôi đi dạo trong công viên Lê Nin, rồi ngồi lại đọc sách ở ghế đá, dưới bóng liễu. Tôi đọc chăm chú và vừa đọc vừa liên miên hút thuốc. Hộp diêm và bao Ngựa Trắng tôi vút bày ra bên cạnh, trên mặt ghế.

Chợt, cảm giác có một ai đang nhìn mình, tôi rời mắt khỏi trang sách, ngược lên. Và giật nảy mình. Một người ăn mày. Một lão già. Lão đã đến sát ngay trước mặt tôi mà không làm không khí xao động nhiều hơn một bóng ma.

Hai con mắt của lão thụt sâu trong hai hốc xương dán vào mặt tôi một cái nhìn chăm chăm nhưng mờ mịt và vô hồn. Sợ rằng lão sẽ cứ thế mà xô phải mình, tôi vội dặng háng và vội cho tay vào túi lần tiền lẻ.

- Cậu đọc sách đó ư... Xin chào cậu... - Tôi thậm chí không ngờ là ông quần chúng vô sản này lại

còn có thể nói năng và phát biểu, tôi kinh ngạc thấy lão nghiêng mình tỏ sự lịch thiệp khi mở miệng, một cái miệng đen ngòm, chắc chắn là còn rất ít răng. Tôi ậm ừ.

- Thật là làm phiền cậu quá. Xin cậu làm ơn cho châm nhờ điều thuốc. Muốn hút, ấy thế mà tôi lại quên mất điêm.

Cổ họng ông lão chẳng chịt gân tím gân xanh. Yết hầu chạy giật cục. Giọng nói khàn, song không quá khó nghe.

- Đây đây, điêm đây! - Tôi nói, vội vội cảm bao điêm đưa lão. Một cảm giác ớn ảm, ghê ghê truyền dọc người tôi.

Ông già không đón lấy bao điêm mà thông thả lùa bàn tay khô không vào túi của cái thứ tựa hồ như một áo bạc-đờ-xuy ông đang vận trên người. Tôi tưởng chừng ông sẽ lôi ra cho tôi thấy một con chuột chết.

Nhưng, vật ông lão moi trong túi ra lại rất bánh. Một hộp đựng thuốc hình chữ nhật, to và dày, sáng loáng như thế bằng vàng khối, chạm trổ cầu kỳ và có khắc những hàng chữ Tây. Từ từ như pha một chút kiêu hãnh và tự đắc, lão run run ngón tay cái ấn một cái núm tý xíu. Tuyệt khéo, nắp hộp nhẹ nhàng mở ra và từ đâu đó xa xăm trong lòng hộp vẳng lên một khúc mấy nốt nhạc. Nhưng mà, rỗng không, trong hộp chẳng có lấy một vụn thuốc!

- Ôi chao, cực chưa này! Điêm quên, lại thuốc cũng quên - Chủ nhân của chiếc hộp sang trọng than lên khàn khàn - Thế đó, cậu ạ, người già là thế! Lú lẩn, lú lẩn... Quên điêm, quên thuốc, quên dần mọi sự cho đến khi quên thờ. Thôi, đành vậy, chứ biết sao bây giờ.

Lão lắc lắc cái đầu khô khốc.

- Cảm ơn cậu. Xin lỗi đã làm phiền cậu.

- Hượm đã, cụ! - Tôi rút một điều Ngựa Trắng trong bao ra - Mời cụ!

- Cảm ơn. Quý hóa quá. Xin cậu! - Lão lí rí trong hòng. Những ngón tay khô nứt đón điều thuốc, run run.

- Đày nửa này, - Tôi dốc ra một túm năm, sáu điều - Cụ cầm thêm mà hút, hả!

- Ui cha, quý hóa quá! Nhưng chỉ dám xin cậu điều nữa thôi, cho có đôi.

Lão bỏ nốt hai điều thuốc vào túi cái áo dạ cũ nát.

- Thuốc lá thời các cậu có gắn phin nên hộp của thời xưa không chứa được.

Lão giải thích và đóng nắp hộp lại. Lần này, táng tàng tang, bản nhạc ngân nga lâu hơn lúc mở hộp, phát hẳn thành giai điệu. Tôi sững người. Tôi đã nhận ra.

"Hỡi những người con của tổ quốc, ngày vinh quang đã tới rồi...".

Tang táng tàng. Còn ngờ gì nữa. Nhưng chính là ông ta? Không. Không có lẽ. Không thể thế được.

Ông lão nửa ăn mày bái biệt tôi. Rờ rờ, lụ khụ, mù dờ, lưng còng còng, lử là lão dò dẫm lết đi dọc lối sỏi ven hồ. Tôi đờ đẫn nhìn theo. Con người thảm hại, nhân dạng tàn rữa kia chẳng có gì chung với nhân vật cao sang tôi đã từng biết thuở xưa, ngoại trừ chiếc hộp với khúc dạo đầu của bài ca Đại Cách mạng.

Hồi ấy trước chiến tranh, gia đình tôi từ trong phố chuyển về căn hộ ở Kim Liên. Một chung cư kiểu Bắc Triều Tiên hết

sức là sang đối với thời bấy giờ, mà phải có chức vụ khá khá như cha tôi thì mới đến phần. Hàng xóm gần nhất, kẻ vách với chúng tôi là gia đình một ông công chức hưu trí của Bộ giáo dục. Một vị nhân sĩ có chân trong Mặt trận Tổ quốc. Cha tôi dặn chúng tôi phải lễ độ với ông, song dù người không nói chúng tôi cũng biết rõ là phải thế.

Bạn đọc hãy nhớ lại một viên chức lưu dụng hưởng lương chín chục về hưu trước chiến tranh nom thế nào thì sẽ mừng tương ra được cùng tôi ông già ấy.

Tuổi về hưu của một ông lưu dụng chỉ ngoài năm lăm song ngay cả cái tuổi đó ông cũng có vẻ còn lâu mới già tới. Ở ông luôn toát lên một vẻ sung mãn hồn hậu, một sự hài lòng kín đáo và một sự cao sang mực thước. Dáng dấp của ông thông thả khoan thai với phần nào trịnh trọng. Ông lễ độ nghiêng mình chào ông nội tôi, ông bắt tay cha tôi và ông xoa đầu chúng tôi. Ông nói cảm ơn, ông nói xin lỗi, làm ơn, ông nói xin kính chào, xin miễn thứ, và phải phiền trách, phải ta thán một cái gì ông chỉ nhún vai hoặc là ông lắc đầu, ông nói: C'est la vie!

Ông ít tiếp xúc với hàng xóm láng giềng song ông tử tế với tất cả. Góa vợ nhưng ông sống không trẻ nãi. Nhịp điệu hàng ngày của ông đều đặn. Ông mua hoa mỗi ngày. Ông đặt báo tháng. Ông thuê người giúp việc. Trang phục của ông và của con trai ông, một sinh viên kinh tế, bao giờ cũng nền nã, tươi tắn.

Tôi từng được vào phòng ông đôi lần. Tôi thấy vô vàn sách, phần lớn là sách Tây, xếp ngăn nắp trên những giá được đóng bằng gỗ tốt, đánh véc ni. Trên tường treo một bức sơn dầu. Nền

nhà trái thảm. Những đồ gia dụng, những đồ văn phòng trong nhà đều xinh xắn, đẹp đẽ và kỳ lạ, và đều là của ngoại.

Ông nghiện thuốc, hút nhiều và hút sang, nên thú sưu tầm của ông cũng gắn với thuốc lá. Ông chơi như chơi tem các loại nhãn thuốc lá trên thế giới. Các loại bật lửa, gạt tàn, các kiểu píp tàu, ống điếu và các dạng hộp đựng thuốc bằng nhựa, bằng kim loại. Trong tập hợp tất cả những vật xinh xắn và linh kinh đó, ông đặc biệt quý chiếc hộp có phát ra bài Mác-xây-e. Nghe nói đây là quà tặng của vợ ông khi hai ông bà mới đính hôn.

- Ông ơi, ông hút thuốc đi ông.

Bọn nhãi trong chung cư thường đề nghị ông thề, để ông lấy hộp thuốc ra, mở nắp và cho chúng được nghe khúc nhạc tinh xảo.

Dân tình trong khu phố gọi ông là đờ San. Người ta đồn rằng me xừ có những bạc trăm ở quỹ tiết kiệm.

Ấy là chuyện hai mươi năm về trước. Có một ông như thế. Một cái hộp thuốc lá như thế.

Tôi lớn lên, trái mười năm trận mạc, khi trở về đất nước đã cập bờ thời đại khác, và Hà Nội, và khu Kim Liên, và nói chung phố phường, cảnh vật, con người đã biến tướng. Về me xừ đờ San thì tôi được biết là ông đã chuyển sang bên khu cao cấp tại Bách Khoa. Nhưng đây là theo tiêu chuẩn nhà ở của con ông bây giờ đã thành đạt và đã trở thành một yếu nhân.

Rốt cuộc thì mối liên tưởng của tôi là kỳ quặc. Làm sao có thể nhét chung me xừ San vào cùng một hộp với ông lão cầu bơ cầu bắt kia được?



Một thời gian không biết là bao nhiêu lâu sau, không ngờ tôi lại nom thấy nó, cái hộp biết chơi nhạc ấy trong tay ông chủ quán cà phê gần khu lầu của chuyên gia Liên Xô.

- Đẹp hết ý, đúng không?- Tay chủ quán thấy tôi chú ý liền khoe - Nhưng quan trọng nhất không phải cái mẽ ngoài. Mà đây này...

Y ấn nút. Nắp hộp mở và quốc thiều Pháp được cử lên trang trọng. "Hỡi những người con của Tổ quốc..."

- Một thằng I-van già muốn mua với giá nửa vé. Nhưng tớ chà. Của cực hiếm đấy. Ngay ở Paris cũng không lùng nổi đâu. Vậy mà tớ lại nhặt được nó từ trong tay một lão hành khất. Có một đạo lão già ấy lấy hiên nhà tớ đây làm ô ten đồ la hiên. Thấy lão có cái hộp hay quá, tớ gạ mà lão lắc.

Dọa đuổi không cho ngụ nữa lão cũng không nghe. Vậy mà biết không, lấy nửa cây Sông Cầu gì vào mũi lão thì lão lại ô kê. Lão ăn mày này nghiện thuốc kinh khủng.

- Bây giờ ông ấy ở đâu?

- Nào biết. Không thấy lai vãng nữa. Chắc ngóm đâu rồi. Nghe nói thằng con trai lão làm lớn lắm, nó cho đăng tin tìm lão trên tivi, bảo rằng lão bị điên. Hứa sẽ hậu tạ cho ai dắt được lão về cho nó. Là thiên hạ chúng khát thế. Chả biết có phải trường hợp lão già này không. Vì lão này đâu có điên, lão chỉ nghiện ngập thôi.

Tay chủ quán đẩy cái hộp lại. La Mác-xây-e khẽ ngán lên. Ngày vinh quang đã tới rồi.

Giỗ đại

Kìa! Nghe thấy không, hình như là Diêu Nương đấy!
Nhiều tháng, và không chừng nhiều năm rồi đã trôi qua, Diêu Nương, cô gái ấy đã bị bắn chết từ những bao giờ vậy mà vào mỗi buổi mai, trước khi bắt sang một ngày mới, ở làng Diêm người ta vẫn mơ hồ ngái ngủ bào với nhau thế. Như có thể nghe được quá khứ, như có thể thu được hồi thanh của thời gian vậy.

*"Ta rong chơi giữa đời... ới a... biết đâu nguồn cội
Em xin làm bến đợi mà chân anh ghé qua..."*

Khi đó là giờ của rặng đông yên tĩnh với ngôi sao Mai miễn thảo nguyên to lạ lũng tỏa ánh biếc trên tầng không quang mây đang tàng sáng. Vào giờ đó mặt trời chưa mọc nhưng trên đồng cỏ bóng tối và sương mù đang nhẹ tách khỏi nhau, đang tan. Trong mòng lưng, làng mờ hiện.

Một vệt đường 14. Những cụm nhà mái tôn. Một ngôi nhà thờ.

Eo óc tiếng gà gáy da diết va cọt kẹt tiếng những con ròng rọc quay trên các miệng giếng trong làng. Làng Diêm thức giấc, buồn ngất, chờ vợ, nổi lên chìm lịm giữa bốn bề mênh mông thảo nguyên bao la quanh vắng.

Vào giờ đó, phía bên kia đồng cỏ những cổ 105 ly trong căn cứ của Quân đoàn II nguy vẫn đang ngon giấc và chiếc thám thính cơ L19 được dành riêng cho làng Diêm còn chưa chấm hiện lên ở chân trời. Dưới sông A Rang chảy qua bên làng, chiếc xe tải qua ngậm trễ nhất vừa lội lợt sang bờ bên kia, để lại những vòng sóng lan rộng tắt dần trên mặt nước mùa khô phẳng phiu.

Vào khoảng giờ này hồi trước trong thính không đang ngân vang tiếng chuông giục già giáo dân đi lễ mi-xa buổi sớm, nhưng trùng phải đạn đại bác thấp chuồng đã từ lâu rồi im hơi lặng tiếng. Khắp sân nhà thờ toang hoác những hố bom và hố pháo không ai buồn lấp. Um tùm lùm bụi và gai góc tràn lấn các lối đi. Hàng sáng trên thềm đá dưới hiên nhà thờ, một vị linh mục trong bộ chùng thâm âm thầm tựa cửa ngóng mặt trời lên.

Suốt đêm, trên khúc đường 14 chạy ngang trước nhà thờ nườm nượp xe pháo và quân lính trẩy dọc qua làng. Bây giờ tất cả đã biến đi nhường chỗ cho buổi tỉnh mơ không một bóng người.

Sau sương, trên đường thôn nghe như có tiếng xe bò lăn bánh, lộc cộc lộc cộc ra đồng. Đây đó, im lìm rải rác những mái nhà tôn còn ẩm hơi khuya nhẹ nhẹ thở ra làn khói bếp.

"Ta rong chơi giữa đời... ới a... biết đâu nguồn cội...", từ đâu đó dưới đáy sương nương theo ngọn gió sau chót của trời đêm đang lảng lảng già từ bờ sông và đồng cỏ, tiếng hát cất lên, bóng bay.

Trong cõi lòng ủ ê của linh mục thoáng rợn luồng cảm giác như dòng điện, ông rùng mình, bàn tay chực đưa lên làm dấu thông rơi. Nhắm mắt lại, ông cúi đầu xuống, khe thờ dài.

Xa, sau rừng đồi thâm thấp nhấp nhô trên bờ đồng đồng cỏ vùng dương ướt át, mềm mại và tươi hồng đang thâm lặng nhô lên. Từ từ mù xám đục không gian bỗng trong vắt một vùng và cả nửa vòm trời đã ngả màu lơ, ánh sáng lung linh chảy thành dòng. Cùng với ngày mới tiếng hát dường như lớn lên mãi và tràn rộng ra, vừa sâu trầm vừa vút cao, tự thoát đi trở thành âm thanh vô chủ, ngân lên hoang dã trở thành khúc du ca của thiên nhiên.

Trong làng, bọn nhãi hát với theo Diệu Nương. Người lớn, ai nấy sững sờ.

Bên sông, trong trận địa phòng không bảo vệ ngầm, các pháo thủ đang làm những công việc chuẩn bị cho trận đánh trong ngày bất giác ngừng hết lại. Các trinh sát viên rời mắt khỏi bầu trời, dõi ống nhòm về phía làng.

"... trăng ơi mây quá tệ..."

- Kìa! Trông kìa, cô ta đấy!

Một người lính kêu lên, đưa tay trở.

Cảnh vật được ống nhòm làm cho xích gần lại. Sau những lùm cây che lấp con đường nhỏ viền quanh làng dường như thấp thoáng bóng người đàn bà đang hát. Trong màn ban mai,

ảo mộng và thực tại lẫn lộn, âm thanh và hình ảnh nhòa nhập. Một thân hình thon thả, một dáng đi uyển chuyển. Suối tóc xõa trên lưng. Song đó có thể chỉ là hư ảnh của bài ca, một ảo giác lồng trong tiếng hát. Một bóng ma. Một bóng ma tha thướt và quyến rũ, mềm mại và sống động, nhưng có thể bỗng chốc tan biến trong huyền bí.

Đứng trên nóc hầm thông tin, đại đội trưởng và chính trị viên chuyện nhau chiếc ống nhòm.

Huyền thoại về Diệu Nương, ca sĩ ngục Sài Gòn bị chiến sự thành linh cầm giữ trong vùng Giải phóng, lâu nay là câu chuyện hàng ngày ở pháo đội này. Trí tưởng tượng của từng người làm giàu thêm những chi tiết hoang đường.

- Rong chơi! - Chính trị viên buông ống nhòm, nhắm mắt - Không bắt cái đồ đi ấy cầm miệng lại, cả đại đội sẽ bị nó hớp hồn. Rồi sẽ khối đĩa đâm đầu theo nó mà rong chơi.

- Nhưng làm sao cầm hát được? Đại đội trưởng nhún vai.

- Cầm! Vì là nhạc vàng, là phản chiến, là ngục ca!

- Đây là Trịnh Công Sơn.

- Cũng thế thôi. Mà sao cứ đúng giờ này là nó nỉ non, hay nó làm ám hiệu? Hay nó muốn rủ rê lính mình bỏ trận địa xuống ngủ với nó cho sinh bệnh mất sức chiến đấu, hả? Có phải nó toan thế không?

- Nhưng cô ta hát mới hay làm sao. Thật là một giọng hát tiên cô...

Ở bên kia sông, một toán bộ binh đang lội qua vàm cò tranh. Ánh kim loại lấp lánh. Người đi sau cùng dừng lại, ngoái nhìn về làng Diêm.

Mặt sông A Rang màu lam đang bốc hơi nghi ngút. Gió sang sông mang theo tiếng hát. Cơ thể người lính đón nhận tiếng hát với cái rung mình. Giai điệu bài ca như đọng khế vào tim anh. Trong treo và sáng rõ như được tắm gội trong khí mát ban mai, nhưng càng lan xa bài ca càng rung lên nỗi buồn, một nỗi buồn sâu thẳm, cao vợi và rộng lớn vô biên, dường như tiếng hát ấy chính là nỗi niềm của thảo nguyên. Thảo nguyên tự do, mệnh mông vô tận, chạy hút về phương trời xa xăm, không biết đến các tuyến tiền duyên, không màng gì tới chết chóc, trận mạc, bom pháo, giết chóc.

- Buồn thay khúc du ca lạc loài. Nỗi sầu thương hồ hải.



Mặc dù người ta đồn thổi, người ta thêu dệt, đời Diệu Nương vẫn hoàn toàn là bí ẩn. Thiên hạ chỉ chắc chắn rằng Diệu Nương lưu lạc đến vùng sông A Rang này vào mùa hè năm 72, sau ngày quân Giải phóng tấn công và quân Sài Gòn tháo chạy, còn trước đó cô là ai, từ đâu cô phiêu bạt tới, tên thật của cô thế nào thì chẳng mấy người biết, mà những người xưng là có biết thì lại mỗi người kể mỗi phách. Ngay chính Diệu Nương hình như cũng không hề hay biết gì nữa về mình. Đời cô, cô dường đã quên cả.

- Nghe nói khi dạt về đến đây cô ta chẳng còn lấy một mảnh vải che thân.

Tôi cũng nghe nói vậy. Song, vào "Mùa hè đỏ lửa" thì có riêng gì cô ta mới ra thân tàn ma dại, tôi nghĩ. Cũng như cô

cày, số phận con người mà bị khói lửa chiến tranh ngốn thì chỉ thoảng chốc thôi là thành tro than.

Năm 72, chiến sự rừng rợn giết hàng đông người. Người chết, chết ngã rạ dọc các ngã đường, la liệt trên các nội cỏ và nổi lênh phềnh trên mặt sông. Người còn sống sống ngắc ngoải, dờ sống dờ chết. Tứ phương tan tác. Cả đến thiên nhiên cũng như thể bị hóa kiếp. Cảnh làng biến tướng.

Thực ra thì không làm gì còn làng nữa. Ngày trước làng ồn ào nhộn nhịp, nửa làng nửa phố, nhà cửa san sát, trù phú, thịnh đạt. Cách thị xã chỉ mười cây số đường chim bay, làng được quân Mỹ gìn giữ. Đàn ông trong làng đi lính hưởng lương. Đàn bà chạy chợ. Cả làng ngoan đạo. Bây giờ thì bao nhiêu sự giàu có thời Mỹ - nguy đều rữa nát và mục thối ra dưới những đồng hoang tàn.

Ngày ngày làng rơi vào tầm đại bác từ thị xã rút về, và ngày ngày hàng đàn phi cơ tràn tới, hoặc cắn đuôi nhau bỏ nhào hoặc bay bằng trút bom xuống làng, xuống hai bờ sông, xuống đồng cỏ. Cây cầu sắt bắc qua sông A Rang bị đánh sập. Công binh vận đá về làm ngầm, bom pháo càng thêm ác liệt, đất trời nghiêng ngửa.

Giữa năm 73, tiểu đoàn 17 pháo cao xạ được điều về giữ ngầm A Rang. Ba đại đội pháo 37 ly chốt hai bên bờ sông, tạo thế chân kiềng quần nhau với không lực Sài Gòn. Đại đội tôi bám chân ngay kề làng Diêm.

Một cái làng cô hồn. Cò đại, gai góc, lùm bụi, những đồng gạch vụn, ngói nát, rầm gãy ngổn ngang. Rải rác, xiêu vẹo, những túp những nửa lều nửa hầm mọc ngoi lên trên nền đổ

nát. Từ những đồng hoang tàn bầy chó trong làng bươi ra đủ thứ nát bét của đời sống một thời đã sụp đổ: những mớ nhàu bầy, rách bươm và sặc sỡ vấy áo, mũ mao, đồ da, đồ nhựa, những mảnh vụn đồ gỗ, đồ thủy tinh, vật dụng gia đình... cùng những khúc xương xấu người và gia súc mà đàn chó xâu xé, giăng giật của nhau, tha đi, chuyển cho nhau như đánh kháng.

Dân cư của làng thưa vãn và suy tàn, đầy rẫy những nhân vật hoang dại. Dân ông còn lại chẳng bao nhiêu mà đa phần lại là những phế binh đã hết thời được ngó ngang chăm sóc, què cụt, đui mù, bẹp gí. Hầu như chỉ thấy đàn bà và trẻ con ló mặt khỏi nhà. Những mục vợ lính lạc chồng, những ả góa rách rưới, rạc rài, không lai lịch và bầy trẻ ranh ốm đói trần truồng, bụng ỏng, gầy gơ xương.

Phản đông vốn không phải người làng Diêm. Mùa hè năm 72 từ nhiều thị trấn, làng mạc, khu gia binh họ nhập vào dòng thác chạy loạn đổ xô theo đường 14 dồn về thị xã. Đụng phải xe tăng Giải phóng, biến người bị nén lại ở làng Diêm. Tại đây, vào lúc nửa đêm đã diễn ra một cuộc thảm sát.

Người ta kể lại rằng đêm ấy, nghe tiếng động cơ của một chiếc Dakota lượn ì ì trên bầu trời đồng cỏ, đám dân chạy loạn đã đốt lên cả ngàn ngọn đuốc. Một cây thánh giá khổng lồ đã được vẽ ra bằng lửa trên quảng trường trước nhà thờ. Trong đêm tối, người ta hò hét, kêu gào vấy gọi con tàu Nô-ê trên lưng chừng trời. Không ai nghe thấy những loạt đề pa, không ai nhìn thấy những nhòang lửa đầu nòng chớp lên giăng giật ở chân trời. Sau cả giờ chết chìm trong pháo bầy cấp tập, lại tiếp tục những lượt người tan xương nát thịt dưới trận mưa

bom kéo rền rền tới tận sáng. Trong nhóm người may mắn còn được sống có lần Diệm Nương.

Bọn họ trở thành người làng Diêm từ đây. Từ đây tất cả bắt đầu cuộc đời đời bất buộc. Tất cả đều phải cam chịu sống đời gian khổ, ăn đói mặc rách, đổ mồ hôi trên nương sắn rẫy lúa tự cày cuốc nuôi thân. Tất cả đều phải sớm biết thu mình vào khuôn khổ kỷ cương của chính quyền mới. Những kẻ cứng đầu, những tên to mồm đều bị thẳng thừng trấn áp. Nhiều tên bị bắn, nhiều kẻ bị bắt.

Diệm Nương cũng đã một lần bị du kích tổng giam. Họ nhốt cô ba ngày trong xà lim hầm đất vì tội nhiều lần hát những khúc ca nguy. Được thả, cô vẫn chẳng chừa, vẫn buông thả không khuôn phép, tự do lảng đãng sống tách khỏi cộng đồng, và sáng sáng chiều chiều cô vẫn cứ hát, giọng ca huyền hoặc quý ám. Người ta đồn rằng đêm đêm cánh đàn ông vẫn mò mẫm tới túp lều nát của cô ở ven sông. Họ gõ cọc cọc vào cánh cửa gỗ dán hoặc cào sột sột vào vách liếp. Họ thu trong tay họ người thì phong lương khô hoặc túi gạo sấy, người thì hộp thịt, bao thuốc lá hay miếng vải, hay là kim chỉ, gương lược, diêm muối, đủ thứ để đổi lấy một thứ. Chẳng có bằng chứng nào, song tiếng tăm diên rộ và vô liêm sỉ của Diệm Nương vẫn xầm xì lan rộng. Có thể vì thế mà nhiều người bảo rằng ngày trước Diệm Nương là gái bán bar trong căn cứ Mỹ, thậm tệ hơn người ta còn bảo cô vốn là một con “thiên nga”, đại khái là đồ dĩ rạc. Hư thực ra sao chẳng ai quả quyết, bởi vì còn những lời đồn đại hoàn toàn khác, những thuyết khác hẳn về nguồn gốc của Diệm Nương.

Nhiều người nói rằng thuở trước cô là một danh ca Sài Gòn. Ban nhạc của cô nhận lời lên biểu diễn cho một đơn vị biệt động quân đồn trú tại Tân Trán. Suất diễn cuối cùng rồi thay lại trùng với giờ N mở màn Mùa hè đỏ lửa. Xe tăng và bộ binh Bắc Việt tràn ngập Tân Trán, tuyến phòng thủ vỡ, quân lính bị giết, ban nhạc tan tác. Diệu Nương theo dòng người chạy về tới làng Diêm thì cùng đường. Áo xống lộng lẫy của nữ danh ca đã thành tã trong cuộc tháo chạy ngang qua đồng cỏ ngút lửa. Đêm đến, trong hòa ngục rừng rợn của cuộc tàn sát, Diệu Nương bị vùi dưới núi xác chết chất trên sân nhà thờ. Hơn một ngày thờ bằng hơi thở của các tử thi rồi cô mới được moi ra, trần truồng, bết máu đặc. Và bởi chấn thương tinh thần do nỗi kinh hoàng đêm ấy mà Diệu Nương trở nên điên dại, người ta bảo thế. Lúc điên ngấm ngấm, lúc lấp lửng điên, lang thang, vật vờ, nửa mộng du, lúc bột phát quay cuồng, mất trí.

Từ đấy, mặc dù được giải phóng nhưng đời cô mai một. Bàn tay cô quá mềm, da quá mỏng không cầm rựa phát cây được, không nhấc nổi cuốc để cuốc đất, nên thân cô không được trui rèn, không tự cải tạo nổi bằng tăng gia sản xuất. Sắc đẹp của cô chỉ nhấn mạnh thêm lên vẻ lạc loài. Giọng hát của cô chẳng hữu ích cho ai trong thời buổi nghiệt ngã cam go, nay sống mai chết, nhục nhằn và túng đói.

Tuy nhiên, ngày ngày, vào những ban mai và những hoàng hôn, bản năng xướng ca vẫn thúc bách Diệu Nương cất tiếng hát. Giọng ca tuyệt vời song thẳng thốt như làn gió đại lướt xiên đồng cỏ trong ánh nhá nhem buồn thảm của mỗi ngày.

Trong lời ca của Diệu Nương đau thất nỗi nhớ quê nhà, nhớ đời nghề sĩ, nhớ sàn diễn, nhớ khán giả, sắc đẹp và tuổi thanh xuân mà nay tất cả đã rời bỏ cô, đã xa lác xa lơ ở bờ bên kia không thể vượt qua được cửa chiến tuyến.

"... nhưng ôi, chúng ta, chính chúng ta đây

một thời chúng ta cũng có

một quê hương và một mối tình..."

Ở làng Diêm bây giờ vẫn còn có người nhắm lại được giai điệu và lời của bài hát buồn vô hạn ấy mà một buổi xế chiều xa xưa nọ Diệu Nương đã lần đầu hát lên. Chiều ấy, lúc xế tà, bộ đội dong tù binh qua làng. Hàng trăm lính áo rằn bị trói thành cặp, lằm lũi lê bước. Những lính áp giải đầu súng gắn lê, gay gắt, lạnh lùng lửa thúc đoàn tù đi mau qua khỏi khu vực dân cư.

Hai bên đường sau các ngưỡng cửa thấp lè tè lấp ló những khuôn mặt sợ sệt, bồn chồn. Dân làng mong tìm kiếm người thân trong đám tù binh nhưng chẳng ai dám mon men ra đứng ở vệ đường.

Chợt sau rặng cây phía cuối làng thấp thoáng bóng một người. Ấy là Diệu Nương, và giờ đây, giờ tận chiều của mỗi ngày cũng là giờ xuất thân của cô.

Môi mấp máy, mắt nhìn chăm chăm, Diệu Nương rẽ đám cành lá, đi theo đoàn tù. Những người đàn ông lưng còng đang lê bước không để ý tới cô. Trong bóng chiều chạng vạng mặt mày họ tối om như mặt đất.

Bỗng người ta nghe thấy những âm thanh như tiếng ai khê nức nở. Diệu Nương lấy giọng yếu ớt và vấp vấp hát lên một

khúc ca hầu như chưa từng ai nghe thấy trên đời. Tiếng hát nhỏ, giai điệu u tối và không rõ lời.

Như ghen ngào, Diệu Nương ngừng lại lấy hơi rồi lại hát tiếp. Ở giữa khối từ một người chọt cất cao giọng. Rồi một người khác nối theo. Rồi nhiều người. Giọng hát của Diệu Nương như lướt một cái hôn dài trên môi tất cả. Đoàn từ biến thành dàn đồng ca. Những giọng đàn ông chung nhau một bè trầm át tiếng chân bước. Đội áp giải không bắt tù phải im miệng. Những ngọn lê chúc cả xuống.

Dân làng ra hết hai bên đường. Họ lặng lẽ đứng chôn chân nhìn theo đám rước đang khuất dần trong vầng bụi bốc lên trên con đường từ đây vô định xuyên qua thảo nguyên bát ngát. Bài ca của Diệu Nương và của những chiến binh xấu số vang lên trong thinh không lúc ấy đã tràn đầy bóng tối.

*"Trong cuộc huynh đệ tương tàn
Chúng ta chỉ là con sâu cái kiến
Nhưng ôi, chúng ta, chính chúng ta đây
Một thời chúng ta cũng có
Một quê hương và một mối tình..."*



Giờ đây, Diệu Nương đã chết. Trên đồng cỏ, giữa vô vàn gò đống, năm đất nào là năm đất của Diệu Nương, ai là người có thể chỉ ra được?

Và cả năm mồ của người bị bắn chết cùng cô nữa, thất lạc nơi đâu trong đất trong cỏ?

Cuộc sống triền miên trôi chảy. Cuộc sống không hề có trí nhớ. Những lớp lá rụng, những lượt thời gian. Đất cát. Cỏ cây. Mùa mưa. Mùa khô. Năm này tấp lên năm khác.

Ngôi nhà thờ của làng Diêm cuối cùng rồi cũng bị máy bay triệt hạ. Cỏ dại chôn vùi các bức tường đổ, nuốt dần các bậc thềm. Sáng sáng tiếng quạ kêu trong thánh đường hoang tàn gọi người ta nhớ tới vị linh mục. Ông ta đã bỏ làng ra đi, chẳng ai biết là đi đâu...

Bên sông trận địa pháo cao xạ chỉ còn chơ vơ những công sự hình móng ngựa đã sứt lở. Đây đó vài hố bom đĩa hoác miệng. Những hố bom bí, bom phạt quang và hố đạn pháo thì thời gian đã san bằng. Và cái lối nhỏ ngày xưa đỉnh pháo đội với làng Diêm nay chỉ lờ mờ một vệt trắng trắng uốn lượn lẫn khuất dọc bờ sông um tùm lau lách. Lính tráng đi xa chắc vẫn chưa quên con đường mòn ấy. Trên lối ấy, hồi đó, ngày hai bạn anh nuôi từ trong làng gửi cơm canh ra trận địa. Ban đêm, nhất là những đêm tối trời, cũng lối ấy lính các khẩu đội tụt tạt mò vào làng “dàn vận”. Thoáng bóng cán bộ đại đội hay là tuần tra của du kích, những kẻ xé rào đi ăn sương lẳng lẳng né ngang xuống mép sông, thu mình trong bãi lau. Văng vẳng tiếng cuộc kêu phía đầu làng. Hơi ẩm màn đêm ướt lạnh vai áo. Cảm lòng không đậu.

Hồi ấy, lệnh trên gần như cấm tiệt bộ đội không được tiếp xúc với đám dân còn chưa được giác ngộ, còn nửa ngụy của vùng mới giải phóng. Không có nhiệm vụ tuyệt đối không được lảng cháng vào làng. Kiên kỵ như vậy thật kỳ quặc, nhưng quân lệnh như sơn, lơ mơ bị bắt quả tang đang vi

phạm thì tha hồ mà kiếm thảo lên kiếm thảo xuống, rồi kỳ luật đảng kỳ luật đoàn đủ vành đủ về tai vạ chuốc vào thân. Mặc dù vậy, lính gần dân lửa gần rơm.

Dầu không phải là tình cá nước, nhưng thời gian trôi qua quan hệ vụng trộm giữa các khẩu đội pháo với những túp lều nát trong làng đã thấm lén in lên mặt cỏ một lối mòn. Ban ngày, trừ tổ anh nuôi không ai lai vãng trên lối đi ấy, nhưng đêm xuống đó là đường ân tình. Có lẽ tới bây giờ trong mỗi túp lều còn có thể gom lại hàng mớ kỷ vật và ở trong lòng mỗi người dân thì còn vương nhiều kỷ niệm về các tay lính pháo thủ cao xạ Bắc Việt ngày ấy. Người ta bảo rằng trong quan hệ quân dân khuất tất hồi ấy đã lén lút sinh ra không ít niềm quyến luyến, gồm cả những mối tình, cho dù hầu hết chỉ thoáng qua, vội vã, chợt nhen chợt tắt, tù mù, chẳng dẫn tới gì, chẳng đi tới đâu, nhưng vẫn là tình.

Hồi ấy niềm ước ao hạng nhất của lính pháo thủ là được vào làm phụ bếp cho anh nuôi trưởng Cù. Cả đại đội chỉ mỗi Cù chột hăn trong làng, còn hai phụ bếp thì phải luân phiên, mỗi tháng thay một lần.

Chẳng hiểu là tới bây giờ hai cái lán nửa nền âm, một nhà kho, một nhà bếp, được cất lên ngay cạnh khuôn viên nhà thờ có còn dấu tích gì không. Hồi đó, Cù nhắm vuông đất bên nhà chung bởi anh hy vọng đấy là tọa độ tương đối ít phải ăn bom. Bất tiện là phải chung giếng nước với ông cha đạo nhưng Cù thích cái giếng ấy, nước của nó trong và ngọt nhất làng. Còn cha cổ thì tiếng vậy chứ cũng là người. Mặc dù trẻ tuổi song ông ta rất nghiêm túc, về lễ độ khoan hòa, ứng xử

biết điều hơn bất kỳ ai trong đám chúng dân làng Diêm. Cù không ưa gì họ. Rất một phường vô dụng. Sống giữa đồng cỏ, đất đai vô thiên song vì là thứ dân tứ chiếng, một hạng nông dân miễn cưỡng, họ không thiết làm lụng để có cái ăn mà chỉ toàn xoay xở đắp đổi qua ngày. Có lẽ bọn họ đã quá quen với viện trợ Mỹ, quá quen nằm ngửa ăn sẵn, nên giờ đây lòng họ chỉ canh cánh hoài tiếc thuở vàng son đi lính và làm đi cho Mỹ cho nguy, Cù nghĩ. Có lẽ bọn họ đều ngấm ngấm một lòng với địch, ngấm ngấm ngóng đợi một thời cơ, sau cái vẻ bề ngoài nhẵn nhụi và cam chịu mà Cù thấy là đê tiện.

Và nhất là bọn đàn bà. Cù không hiểu nổi can cơ làm sao mà đồng đội của anh nhiều tay lại để cho chúng hớp hồn dễ dàng như vậy. Cả đại đội, năm chục thằng, bao nhiêu năm tút hút trong rừng sâu với nhau chẳng thành vấn đề gì, nhưng vừa kéo nhau ra nơi trời đất quang quẻ, có sông, có làng, có thắp thoáng bóng đàn bà là có chuyện. Mà nào phải là người phụ nữ hiền thực, trung hậu, đảm đang nơi quê xa ngoài Bắc hay các chị em giàu truyền thống cách mạng trong vùng hậu cứ. Cả làng, Cù nghĩ, rất một lũ vi trùng giống cái.

"Vi trùng giống cái truyền bệnh tiêm la, giang mai..." , chỉ ít thì đấy cũng là cái cách anh thường nói để răn đe các tay phụ bếp.

Không phải bất cứ gã nào ngoài trận địa Cù cũng nhận vào tổ anh nuôi. Những tay nom tốt mã, những tay bẻm mép, láu lỉnh, lăm tài vật, để lếng phéng là Cù gạt ngay. Có tay nom bề ngoài củ mĩ củ mĩ nhưng phụ bếp mới quá một ngày đã bị Cù

tổng khứ về với mâm pháo vì hóa ra là một thằng tấm ngấm tấm ngấm.

“Đã là thằng anh nuôi ngày ngày thường xuyên với gạo nước rau mắm của đơn vị - Cù bảo - thì hai bàn tay phải tinh khiết, cầm đũa chạm tới những sự uế tạp, dơ dáy, nhất là cầm kị không có được vọc vào đàn bà”.

Dân làng cũng sợ Cù. Chẳng ai dám mon men tới gần giếng gần bếp của anh. Dẫu có bắt quen được với tay phụ bếp nào, muốn xin xỏ hay đổi chác gì thì cũng phải đợi lúc Cù gửi cơm ra trận địa mới hòng.

Ngày hai lần, tinh mơ và chiều tà, để một người coi nhà, còn Cù cùng một anh nuôi viên nữa mang bữa ăn ra cho các khẩu đội pháo. Con Ních, một con chó săn nòi Lào nhỏ vóc và nhanh nhẹn, thính mũi cực kỳ chạy mở đường. Họ đi trên đường 14 một đoạn ngắn rồi rẽ xuống, lối đi lượn vòng vèo trong làng qua các túp lều nghèo nàn bệ rạc tường đất mái tôn. Họ đi, người hơi đổ về phía trước, hai bàn tay vòng sau chấp lại đỡ lấy đáy gùi. Hai cái gùi to như hai cái thùng phuy, bọc bao tải, tỏa hơi nóng và mùi cơm chín tới, mùi thức ăn lính.

Bầy chó trong làng thoáng bóng con Ních, chạy dạt. Đói meo, chúng núp sau các đồng đồ nát, nhìn ra mà không dám sủa. Chỉ có mấy thằng bé rách rưới bị mùi cơm canh nóng sốt quyết rũ là lẳng nhặng bám theo hai cái gùi.

- Bác anh nuôi ơi, bác anh nuôi... - Chúng kêu lên khàn khàn như đàn quạ.

- Bọn ngụy con, cút xéo! - Cù quát.

Nhưng nếu có ông lời nào gan lý theo được tới cuối làng thì Cù dừng bước, vẫy nó lại. Anh móc trong bị cái đeo bên hông ra một củ sắn nướng hoặc bắp ngô luộc, có hôm cả một con cá khô. Anh bảo:

- Đó, cho mày. Có vậy thôi. Cơm canh bộ đội có chó gì. Sắn còn gạo. Tàu bay chắm muối riềng. Ôn cách mạng đời chúng mày được giải phóng, nhưng phải biết chịu khổ. Phải biết cuộc cày mà nuôi lấy nhau, về bảo mẹ chúng mày thế. Đừng có ưỡn ưỡn ra trên giường mà chờ sung. Cách mạng còn dài. Đến hết đời chúng tao. Hết cả đời chúng mày...

Nghe nói đến tận bây giờ người ta vẫn thấy con Ních đi và về trên con đường ấy. Nó lặn ra bờ sông, ngửi hít những cái vỏ đạn 37 ly đã rỉ xanh, rồi leo lên một cái hầm pháo cao xạ ngập trong cỏ tranh, nó dờ dẩn ngó làn nước trôi. "Bác anh nuôi ơi, bác anh nuôi!", một trong những thằng bé hồi ấy giờ đã lớn quen miệng cất tiếng gọi khi trông thấy con chó già cô độc bị bỏ rơi đang đi trên đường thui thủi. Dường như thằng bé còn nom thấy đằng sau con chó hình bóng hai người lính cấp dưỡng đang cõng trên lưng hai chiếc gùi.

Con chó bị riết vào lối mòn xưa. Và bao giờ nó cũng qua làng vào thời điểm thấp nhất của mặt trời: khi ban mai, khi hoàng hôn. Không gì có thể làm xao nhãng cuộc mộng du ấy. Không ai dám đụng tới con vật đó.

- Chính là nó đã giết chết Diệu Nương.

Những người mang máng biết chuyện bảo thế. Nhưng những người không hề hay biết gì về tấn thảm kịch cũng sợ con chó, họ mơ hồ cảm thấy trong cuộc dạo chơi buồn

thảm nhip nhàng, lặp đi lặp lại của nó một vè mù quáng và
điên đại đặc biệt con người.



Lần ấy, đến hẹn, khẩu đội 3 và khẩu đội 4 cử người vào làm anh nuôi thay cho Bình khẩu đội 1 và Tuấn khẩu đội 2 đã hết phiên. Nhưng trái lệ thường, Cù chỉ thay Bình còn giữ lại Tuấn. “Thằng Tuấn thạo việc rồi, với lại nó rất chịu thương chịu khó, có thể kể cận cho tôi làm anh nuôi trưởng cũng được”, Cù giải thích thế với chỉ huy đại đội.

Tuấn vốn gốc gác bộ binh. Bị thương nặng, đáng lý được ra Bắc rồi nhưng nghe động viên thế nào đó đã tình nguyện ở lại chiến trường. Người ta không điều Tuấn về lại đơn vị cũ mà bổ sung sang tiểu đoàn cao xạ. Anh về đại đội tôi mới được nửa năm, giữ chân pháo thủ số 3 ở khẩu đội 2.

Vóc người anh cao, ốm yếu, võ vàng, cổ lộ hầu, một vệt sẹo dữ dội do đạn bắn thẳng cày chéo từ mang tai xuống cằm. Miệng anh vì thế méo đi, cho anh cái biệt danh là Tuấn “mếu”. Mặc dù là dân Kinh Bắc nhưng Tuấn lắm lý, nói ít lạ lùng và nói miễn cưỡng. Giữa một đám pháo thủ luôn ăn to nói lớn, thích tán dóc đầu láo, Tuấn âm thầm nín thinh, chẳng góp chuyện, chẳng bật cười, chẳng bao giờ tức khí nổi xung. Tuyệt đối thờ ơ lãnh đạm. Một nhà quý tộc hay một gã chán đời?

Tuấn đứng đưng với những cú nổ nhào trực tiếp lao cắm mặt xuống cất bom của máy bay cường kích. Bom nổ xa, nổ gần, rốc két nã trúng bờ công sự, Tuấn kệ. Song cái thứ tính

khí lạnh nhạt, bàng quan với tất thảy ấy lại có vẻ hết sức thích hợp để làm pháo thủ số 3. Giữa cuộc hỗn chiến đất đối không, số 3 chân chính là người không hề để mắt tới máy bay, tới bom, tới đường đạn bắn lên trúng hay trượt, mà hoàn toàn ung dung tự tại, anh ta chỉ một nhiệm vụ là điểm nhiên bình thân quay tay quay điều chỉnh cự ly bắn đôn cho pháo theo nhịp đếm của trắc thủ đo xa.

- Đánh nhau kiểu cao xạ sao mà tẻ - Có lần Tuấn ra lời bình phẩm như thế với tôi - Đánh trận mà như là đánh máy chữ. Chẳng có kịch tính gì, khác xa bộ binh.

- Tại cậu đứng mãi số 3 nên thấy thế đấy - Tôi bảo - Nếu muốn thì đề nghị khẩu đội trưởng cho hoán vị, tớ đứng số 3, cậu ngồi ghế số 2 của tứ mà dặn cò.

- À không. Là nói thế. Chứ bảo mình thế nào thì mình thế này. Chà xin gì chà ước gì. Thế tuốt!

- Chán đánh nhau sao không ra Bắc, lại ở lại?

Tuấn nhún vai.

- Hay thất tình? Chắc hay tin vợ ở nhà ngủ với dân quân chứ gì?

Tuấn “à” một tiếng rồi lại ngậm tăm. Miệng méo xệch.

Thực ra Tuấn vợ con chưa, ai mà biết. Cả chính trị viên cũng không nắm được gì nhiều về Tuấn ngoài mấy dòng trong lý lịch quân nhân. Tuấn chẳng tâm tình, chẳng thiết thổ lộ. Chẳng bao giờ thấy anh viết thư hay được thư. Họa hèn, anh ngồi im. Cùng lắm là ậm ừ.

Ngoài cái nét kín bưng nổi bật ấy, Tuấn có nét nổi bật nữa là tài chơi đàn. Khác với lối chơi ghi ta thường thấy của lính, Tuấn

không vừa đàn vừa dặm chân rung đùi, không lúc lắc vai, không vừa đàn vừa huýt sáo hay là ư ử trong họng, anh đàn một cách thần thờ, chẳng phải để cho ai nghe, cũng chẳng phải cho mình.

- Cậu chơi bài gì nghe lạ vậy Tuấn?

Tuấn lại chỉ “à” khẽ một tiếng.

Vào làm anh nuôi, Tuấn cũng xách ghi ta theo. Một cây đàn cũ kỹ, thùng đàn xây xát, nhưng mà tiếng rất tốt. Nghe nói Tuấn đã tha theo cây đàn này vào bộ đội và mọi người đều lấy làm lạ không hiểu bằng cách nào mà anh vẫn giữ được nó qua bao nhiêu là chặng cửa đời lính.

Vào làng buổi sáng, chiều Tuấn đã cùng Cù đưa cơm ra trận địa. Gùi canh môn thực tổ bố bốc khói trên lưng.

- Vắt và không Tuấn?

- Cũng vắt.

- Bọn đàn bà làng Diêm thế nào, giàu kịch tính không?

- À!

Tuấn hờ hững. Báo ở pháo thì ở, báo vào làm anh nuôi thì vào, anh chẳng sốt sáng cũng chẳng thoái thác. Im lìm nguội lạnh, chẳng nói chẳng rằng, song anh làm việc hết mình, không hề nề hà ngại khó, chẳng bao giờ kêu ca.

Lúc đầu Cù không thích Tuấn, anh bực với cái lối âm thầm ngậm tằm ấy, nhưng rồi cũng đâm quen. Trầm tính không phải là một cái phốt, và lại làm anh nuôi thì cả ngày đầu tắt mặt tối, túi bụi, tất bật, luôn chân luôn tay còn đâu thời gian hớ ra mà chuyện vãn.

Chỉ có một khoảng ngắn ngủi về khuya, khi một ngày cơn nước cho đơn vị đã chu toàn, ba chàng cấp dưỡng mới được tắm tấp, nghỉ ngơi, tranh thủ trao đổi với nhau đôi lời trước khi một nhọc rû người xuống võng. Cù lôi rượu ra. Mỗi thằng nhấp một chén và nghe Cù cắt cù phần việc phải làm ngày mai. Hôm nào được chút thành thời, Cù và Bình đánh bài, còn Tuấn thì gỡ cây đàn treo trên vách xuống, chậm chậm so dây rồi nhè nhẹ phác một giai điệu.

Bảy giờ, khoảng đầu tháng Năm ta, đêm thường mưa. Ngoài sông A Rang nước lên, con lú chuyển mùa âm vang đồng cỏ. Trên mây sấm lặn rền rền.

Bình huyết sáo nhịp theo khúc nhạc. Cù buông bài, quay sang lắng lẽ nghe Tuấn đàn. Âm điệu quá quen thuộc mỗi sáng mỗi chiều. "Ta rong chơi giữa đời biết đâu nguồn cội".

Ngoài trời miên man mưa, không khí trong lán ẩm ướt. Quảng sáng đèn dầu vàng ửng. Đời lính buồn rầu hiu hắt. Như tiếng thờ dài.



Bếp anh nuôi của pháo đội cao xạ và căn nhà của linh mục nhìn sang nhau qua một vườn rau. Hai bên dùng chung cái giếng xây và cùng đi một lối để vào làng.

Nhà của linh mục cũng nền âm, lại thêm bốn ụ đất chống mảnh bom bao quanh nên tựa tựa một cái hang. Trong tu phòng chẳng có đồ đạc gì. Một chiếc chõng tre với nệm rơm và gối gỗ, một cái kệ để sách và ảnh thánh. Bên ngoài cửa ra vào

treo một cái giá, hàng sáng con chiên trong làng đưa cơm tới để lên giá đó cho linh mục. Mỗi ngày ông ra khỏi tu phòng đôi ba lần và hầu như chưa hề đi đâu vượt ra ngoài khuôn viên nhà thờ. Ông sống thu mình kín đáo trong vòng chí thánh.

Bỗng dưng ông rời bỏ nhà thờ, rời bỏ làng Diêm, lặn mất tăm. Ngày ông biệt tích trùng với ngày Diệu Nương bị giết. Lập tức sinh ra những lời đồn thổi. Tất nhiên chẳng có bằng cứ gì. Có điều từ đây trong hầu hết các câu chuyện và các giả thiết về đời Diệu Nương người ta đều thấy thấp thoáng bóng cái áo chùng thâm.

Bản thân linh mục cũng là một số phận xui xẻo. Tai họa đến với ông cũng bất ngờ, na ná tai họa dành cho Diệu Nương. Nhằm đúng hôm ông lĩnh mệnh bẻ trên về nhà thờ làng Diêm cai quản xứ đạo thì Việt Cộng dùng đòn đánh lớn. Chiếc xe đồ đưa ông từ thị xã về làng chưa kịp vào bến đỗ đã nghe súng nổ ran dọc bờ A Rang. Pháo 130 ly cấp tập nã và xe tăng T54 xuất hiện thành linh trên đường 14 tàn nhẫn cắt lối chạy lui. Hành khách đổ xuống xe xô nhau chạy và đám đông con chiên đang tề tựu để mừng đón Cha xứ cũng lập tức nhào tan tác.

Người ta bảo rằng đúng vào cái đêm khủng khiếp, đêm bọn Mỹ dập pháo và dội bom xuống biển người di tản, tình cờ Diệu Nương nằm kề bên linh mục. Chính ông đã moi cô ta ra khỏi núi xác chết. Và mặc dù khi ấy Diệu Nương chỉ còn là một cái xác lóa lờ, bẻ gãy máu me, ông đã làm cô hồi tỉnh, đã cứu sống cô. Ông cứ mang cô từ đây.

Diệu Nương sống nhiều tháng trong nhà thờ, kề cận cha

xứ, y như thể cô là một ma-xơ hay là một người bỏ, một người bỏ đàn bà. Sống như thế tất nhiên là trái lẽ song giữa hỗn mang đại loạn của thời cuộc lúc bấy giờ thì chẳng điều răn nào là còn hiệu lực, chẳng lẽ luật nào mà không bị nói lỏng.

Về sau, khi đã bỏ ra sống ở túp lều ngoài rìa làng, Diệu Nương vẫn thường lên về nhà thờ với cha. Để xưng tội, chắc thế nếu cô là giáo dân, và tiếp tế cho cha bằng những tặng phẩm mà hàng đêm người này người khác vẫn lén lút đưa tới dầm dúi biếu xén cô. Ấy là những thức họ san sẻ ra từ khẩu phần lính mỗi ngày, hoặc là những đồ nhu yếu họ quơ được khi thu chiến lợi phẩm. Diệu Nương nhận quà cáp và ngủ với tất cả, khi thì ở trong lều, khi ở ngoài bờ sông trên bãi cỏ dưới trăng mờ.

Cô là đồ đi rạc, song từ bao giờ cô đâm ra thế, cô không nhớ mà mọi người cũng vậy, không nhớ không biết. Không lẽ từ ngày được giải phóng, được đổi đời, cô trở thành đòi bại?

Rất có thể bản tính Diệu Nương hư hỏng sẵn rồi. Chẳng vậy mà thiên hạ đồn cô gốc gác "thiên nga"? Ngủ với cô rồi, giữa hai châu rượu nhiều kẻ khao nhau về cô, bảo cô là cái ổ của những tật bệnh xấu xa.

Riêng tôi, mà có lẽ chẳng riêng tôi, không coi nét lang cha của Diệu Nương là hư đồn hay đòi bại gì sất. Đến với Diệu Nương tôi đã được hưởng những phút chưa từng được hưởng bao giờ ở quê nhà ngoài kia.

Nhiều năm qua rồi mà tôi vẫn không muốn quên và thực ra thì cũng không thể nào quên nổi. Bản thân, ký ức tôi mơ màng mộng tưởng ra trước mắt hình bóng của Diệu Nương,

khi Diệu Nương một mình đi trên đường vắng, đáng đi mềm mại uyển chuyển đung đưa toàn thân, hay khi cô thần thờ ngồi lặng bên sông, hay là khi...

Những khi ấy, trái tim rộn ràng kinh hải, tôi từ ngoài đêm rẽ mạnh chiếu Diệu Nương dùng thay màn cửa, bước vào trong lều tối đen.

- Lại đây, anh lính của em. Đừng sợ. Chỉ có mình em trong này thôi.

Tôi bước tới một bước và bất ngờ chạm vào một cái gì đó tuyệt vời, một cái gì đó nóng hổi, mềm mại, đập đờn, một cái gì đó không thể diễn tả. Và ngay lập tức tôi bị du vào một địa ngục ngọt ngào.

- Bạn tình của em, anh tên là gì? Có phải lần đầu anh tới với em không?

Tấm thân óng ả của Diệu Nương mà đời sống cơ cực vùng giải phóng chưa kịp hủy hoại đượm một vẻ gì thật quá đổi đàn bà, đàn bà hơn tất cả những người đàn bà khác nhập lại. Không chỉ những cái vuốt ve của cô, không chỉ có những lúc cô xuất thần thác loạn, tận lực nồng nàn âu yếm, cô rên rì, cô giờ trò, cô im lặng hờn hển mà cả khi đã nguội đi, một nhồi bài hoài, ở cô vẫn dào dạt ma lực của tội lỗi đàn bà.

- Anh đã đi à, đã đi rồi sao? - Cô níu tay tôi - Còn lâu mới sáng. Hãy nán lại một lát đã anh. Em còn muốn ngủ với anh điều này. Chỉ một điều này thôi...

Nhưng không mấy ai chịu nán lại. Càng không ai muốn nghe cái điều duy nhất mà Diệu Nương mong được thổ lộ với

người bạn tình thoảng chốc. Không ai muốn nghe bởi không ai có thể làm gì cho điều mong ước ấy của cô. Nó quá tội lỗi, quá đáng sợ, lại hao huyền. Có lẽ Diệu Nương tưởng đâu rằng trên đời này vẫn còn sẵn lắm những kẻ điên rồ dám vì tình mà liều mạng và vì tình mà cả gan làm phản.

Nhưng để lần sau lại có thể đến với Diệu Nương, nói chung chẳng ai dại gì làm có mất hy vọng, người ta cứ hứa, hứa đại. Lời hứa gió bay.

Bởi vì ai cũng vậy cả nên chẳng ai ngờ rằng ấy thế mà vẫn có kẻ giữ chữ tín với Diệu Nương. Y hứa sẽ giúp cô và y đã y lời.



Về sau, khi sự đã rồi, mới nghe nhiều người bảo rằng thực ra trước đây khi còn ở bộ binh Tuấn đã có nhiều dịp ghé làng Diêm và vì thế đã quen Diệu Nương từ hồi ấy. Hồi ấy cánh cao xạ chúng tôi chưa về lập trận địa ở bờ sông A Rang và Diệu Nương hồi ấy vẫn đang dung thân dưới mái nhà của vị linh mục.

Người ta kể rằng làng Diêm đạo đó đói dài. Một chút ít lương thực được bộ đội cứu trợ cho hồi mới giải phóng đã cạn. Chính quyền cách mạng ra lệnh tăng gia tự túc. Cả nhà thờ cũng phải tự liệu lấy kế sinh nhai.

Bởi vì một vị linh mục thì không đời nào lại chịu phận cày cuốc, Diệu Nương phải lo làm lụng cho cả hai. Cô theo những người đàn bà trong làng đi phát nương trồng sắn. Nhưng không quen nhọc nhằn, cầm rựa chặt được một nhát là lại

một lát cô cảm cảnh ngồi ôm mặt sụt sùi. Gần trọn một ngày mà đám nương của cô vẫn y nguyên cây cối lùm bụi.

Bấy giờ có một tốp mấy người lính dừng chân mắc võng nghỉ ở ven sông và họ đã chứng kiến cảnh ngộ của Diệu Nương. Thoạt đầu họ cười nhạo, chế giễu và thương hại thay cho cái giống đàn bà gốc ngụy chẳng khác chi người giầy, quen thói lười nhác, chỉ biết ăn chơi hưởng lạc, bây giờ đây mới được biết thế nào là mồ hôi nước mắt một kiếp người. Nhưng dần dần tình cảnh khổ sở của Diệu Nương nhói vào lòng những người lính nổi thương cảm. Họ rời võng, đi tới bên cô, họ an ủi và đề nghị được ra tay giúp đỡ cô.

Và vậy là từ đầu tối tới cuối đêm, mấy chàng bộ đội xoay tròn đốn cây cho nhà chung. Họ phát quang cả một vạt rừng. Lúc từ già, một người trong tốp bộ đội xưng tên là Tuấn. Anh hứa dăm hôm nữa sẽ trở lại giúp Diệu Nương đốt rẫy. Và anh đã giữ lời.

Rẫy của Diệu Nương được đốt gọn và sạch nhất làng, cháy đều, không sót một thân cây nào cháy dở dang. Chia tay, Tuấn lại hẹn ngày về cùng Diệu Nương vui hom sắn.

Cơn mưa đầu mùa, sắn lên xanh non và chẳng bao ngày mà lá sắn đã phủ kín rẫy. Quanh rẫy, Tuấn gieo thêm hạt bầu và trên vạt đất phía sau nhà thờ Tuấn giúp Diệu Nương mở một vườn rau.

Và cứ vậy, không hiểu xoay xở cách nào, cách năm ngày, cách mười ngày, từ chốt vùng ranh ven thị xã, Tuấn bằng đồng cỏ về làng thăm Diệu Nương.

Cũng thời gian ấy Diệu Nương rời nhà thờ ra ở túp lều mà

Tuấn đã dựng cho cô nơi rìa làng. Hình như nhờ có Tuấn, Diệu Nương đã mất đi cái vẻ nào nùng của những ngày mới được giải phóng. Người ta thấy ánh mắt cô long lanh và đôi khi người ta thấy cô mỉm cười.

Có những lần, từ chốt Tuấn lên về với Diệu Nương mang theo cả cây ghi ta. Anh đàn khê cho Diệu Nương thầm thì hát. Hồi ấy cô chỉ hát nhỏ nhỏ thế thôi, nong nân, giữa hai người với nhau.

Chắc là giữa hai người đã có sự thể bồi. Chắc là Diệu Nương đã thổ lộ điều ước nguyện da diết nhất của cô. Cô ước được thoát kiếp sống cày cuốc cực khổ ở chốn gian lao xa lạ này, cô ước được người đáng tin đưa mình vượt qua chiến tuyến trở về với quê hương đời êm ấm thân thuộc trước ngày được giải phóng.

Với Tuấn, vượt hơn mười cây số với những bãi mìn, những điểm chốt chặn không phải là điều không thể. Thêm nữa, ấy là những ngày mở đầu Thời Hiệp định, những ngày bỗng dưng đất trời yên lặng. Mùa khô mà vắng bật tiếng máy bay và tuyệt nhiên không một phát đại bác.

Say đắm ái tình và bốc đồng hy vọng thái bình, Tuấn đã hứa hẹn. Hứa thật lòng, có lẽ. Chỉ có điều là bỗng nhiên anh biến mất. Năm ngày, rồi hàng tháng trời trôi qua, biệt âm vô tín, Tuấn không trở lại làng Diêm.

Từ đó, lặng lẽ Diệu Nương trở nên ngẩn ngơ và âm thầm cô trở thành sa đoạ. Cô chẳng hề nói gì với ai về Tuấn. Hình ảnh của anh và lời hứa của anh có lẽ đã tàn trong tâm trí cô. Duy có khát vọng tự do thì vẫn sống, vẫn lay lắt. Niềm ao ước

cô từng thổ lộ với Tuấn biến thành tiếng hát cất lên dài dại mỗi sáng mỗi chiều. Và đêm đêm Diệu Nương vẫn tìm kiếm những hứa hẹn viễn vông, mỗi ngày một viễn vông hơn theo đà chiến sự càng ngày càng tàn bạo. Bom đạn tới bởi tàn phá làng Diêm, phủ phàng quét sạch mọi manh nha của hòa bình.

Cho tới một đêm nọ, một đêm mưa, trên đường mò vào nhà thờ với ông cha cố, khi đi tắt qua vườn rau gần lán của những người lính anh nuôi, Diệu Nương chợt nghe thấy văng vẳng tiếng đàn. Lẳng lặng cô đi gần tới, ghé nhìn qua các bụi cây. Đèn dầu lập lờ mờ tối. Diệu Nương không trông thấy người đang đàn, nhưng điệu đàn quen thuộc của những đêm xưa giúp cô nhận ra người ấy.

Thất thần, vô tri giác, Diệu Nương từ từ bước tới cửa lán. Bất ngờ, con Ních từ góc lán chồm lên, sủa vang.

- Ai? Cù vùng khỏi vòng, chộp lấy súng, hét.

Diệu Nương lùi lại một bước, và khi tiếng đàn trong lán vụt tắt, cô xoay người chạy.

Cù lao ra cửa. Mưa đổ ào ào trước mặt anh.

- Thám báo! - Cù quát - Đứng lại!

Dưới một nhòang chớp bóng Diệu Nương hiện thoáng lên, rũ rượi, xiêu đảo.

- A! Con đi! Đứng lại, tao thì giết!

Cù gầm lên, phóng mình ra mưa và trượt chân, anh ngã sấp. Nhóm phát dậy, điên tiết, Cù nằng nằng quát cả một tràng theo tiếng chân đang chạy chấp chới phía trước. Tuấn xô tới, giật súng.

- Thăng ngu xuẩn! Đồ nông nô!

Tuấn gào, khán đặc, và mê muội đắm vào mặt anh nuôi trưởng. Anh quăng khẩu AK xuống vũng bùn cạnh Cù rồi lao mình vào mưa đêm đen đặc đuổi theo Diệu Nương. Khấp lảng ran lên keng báo động. Du kích từ nhiều ngả ập tới.

Bình vực Cù vào lán.

- Bọn du kích tới, mày bảo là không có chuyện gì nhá - Cù lấy ống tay áo lau khuôn mặt rùng rùng nước mưa và máu, nhỏ cái răng cửa bị gãy ra và khó nhọc bảo với Bình - Nói với chúng là tao mê hoảng bắn bừa... Rồi mày đi tìm xem hai đứa chúng nó ra sao rồi...

Anh thờ dài:

- Mà tại sao con đó nó lại vùng chạy cơ chứ, hả?

Rất lâu sau này, kể lại chuyện đêm ấy, Bình ngậm ngùi bảo với tôi:

- Giá kể con đó nó không dính đạn, hai đứa chúng dắt nhau trốn đi ngay trong đêm ấy thì không chừng đã thoát được rồi cũng nên.

Giờ đây ngẫm lại, tôi thấy trong toàn bộ tấn thảm kịch xảy ra hồi đó Cù là nhân vật không tài nào ai hiểu nổi. Chính anh đã cố tình xả súng bắn Diệu Nương, lại cũng chính anh suốt một thời gian dài đã giúp vào việc chăm sóc cô. Cha xứ chỉ chịu hé cửa tu phòng cho một mình Cù. Bông băng, thuốc men, đồ ăn, ông chỉ nhận nếu là do Cù đưa sang. Tuấn bị ông cầm cửa.

Cù và Bình không hé răng hờ chuyện. Toàn đại đội không ai biết Cù đã bắn bị thương Diệu Nương. Cũng không người nào hay có vụ xô xát giữa Cù và Tuấn. Càng chẳng ai ngờ có mối tình nung nấu mà mơ hồ giữa Diệu Nương và Tuấn.

Đến kỳ thay phụ bếp, Cù xin đại đội cho tổ anh nuôi được giữ Tuấn lại.



Bỗng nhiên, Diệu Nương biến mất. Không nghe thấy tiếng hát của cô nữa. Túp lều ở rìa làng bỏ chơ vơ, trống huếch, xiêu mọp, ngập cỏ. Người ta đồn rằng cô đã bỏ trốn. Hoặc đã chết. Chết đuối, trôi mất xác. Cũng có thể là chết tan xác vì trúng phải một trái bom, trái pháo giáng trực tiếp xuống đầu.

Mùa mưa năm ấy dài đằng đẵng, buồn ê ẩm. Dần dần tôi thấm hiểu tôi buồn vì nuôi tiếc Diệu Nương. Mà không riêng tôi, cả đại đội đều rầu rĩ. Dường như, mất bóng Diệu Nương thì chúng tôi chẳng còn lý do gì để bám lại trên mảnh đất này.

Đột nhiên vào ngày nắng hừng đầu mùa khô, chúng tôi hay tin Diệu Nương vẫn còn sống. Suốt mùa mưa cô ẩn trong nhà thờ để chữa trị vết thương. Nay cô đã gần khỏi. Chỉ có điều nay cô mới thực sự đã bỏ trốn.

Người thông báo cho chúng tôi tin đó chính là ông linh mục. Ông ta lần ra trận địa pháo vào lúc tảng sáng, cái áo chùng ướt đầm sương.

- Người của các ông đã cầm đồ cô ta. Cái tên mặt sẹo, đáng về làm lý ấy. Hắn đã bội phản các ông, lại kéo cô ta phản Chúa.

Ông còn cho biết ông đã báo cho Cù ngay khi phát hiện Diệu Nương trốn đi với Tuấn, nghĩa là ngay từ nửa đêm. Vậy mà Cù đã không hề báo cáo gì cho đại đội.

Anh ta đứng đây, đầu trần, răng nghiến lại nghe chính trị viên xỉ vả.

- Theo tôi, để cho họ đi! - Cù nói, sa sầm - Còn nếu nhất định phải bắt lại thì chẳng khó. Vết thương cô ta chưa lành hẳn, không thể đi nhanh. Với lại, có con Ních...

Tôi cố vinh dự tham gia nhóm tác chiến cùng Cù và hai trinh sát viên. Chúng tôi khẩn trương xuất kích. Con Ních thoăn thoắt chạy dẫn đường, kéo căng sợi dây da trong tay Cù.

Chúng tôi lặng lẽ rào theo. Hàng dọc, súng lăm lăm. Lệnh trên là kiên quyết không để chúng trốn thoát mang theo bí mật về cuộc hành quân sắp tới của đơn vị.

Chỉ lạ là không hiểu sao dấu vết con Ních dò theo không nhằm về thị xã mà cứ men mãi bờ sông A Rang, ngược lên mé tây đồng cỏ. Phía đó chỉ có rừng rậm.

Ý chí đuổi dần. Chúng tôi lết đi chậm chạp. Bụi bốc lên dưới chân. Nhiều giờ trôi qua. Con Ních vẫn càn mẫn lần theo dấu vết vô hình lượn ngoằn ngoèo.

Chính vào lúc chúng tôi đã nản, tính chuyện quay về thì hình tích của hai kẻ trốn chạy đã thực sự hiện ra.

Dưới tán một cây kơ-nia mọc đơn độc giữa trảng cỏ tranh, Tuấn và Diệu Nương đã nghỉ chân. Đàn kiến đang tha đi những vụn cơm. Một mẩu thuốc rê vắn bằng giấy báo. Nhưng đặc biệt rõ ràng, hằn trên cỏ, như thể cỏ đã tạc nên thân hình người đang nằm. Một bức họa khắc nổi đáng vóc đàn bà, không thể nhầm được...

Chúng tôi đuổi kịp họ trước lúc mặt trời lặn, đã chớm tới vạt rừng đầu tiên ở bờ tây đồng cỏ.

Một nhòai, chúng tôi dừng lại trước một dòng suối lớn. Con Ních bị dòng nước xóa dấu vết. Chúng tôi ngồi xuống nghỉ. Im lặng đè nặng lên buổi hoàng hôn màu hồng thắm.

Thốt nhiên, giữa sự im ắng và tiếng rì rào của dòng suối, lướt nhanh qua không gian một âm thanh bất ngờ giống như một gợn sóng mỏng.

- Tiếng đàn! - Cù khe thốt lên.

Chúng tôi sững sờ, lắng nghe, hồ nghi. Đã tưởng chỉ là một cảm giác sai lạc, không dè sau một lúc nín thở chờ đợi, chúng tôi nghe thấy khe khẽ tiếng hát.

Lội mau qua suối, chúng tôi nhẹ chân tiến tới. Đây là một dài rừng thông. Những cây thông cao vút, mọc cách thưa. Một tà khói mỏng bốc lên trong chiều. Chúng tôi khom rạp xuống, áp sát.

Một tiếng cành khô gãy dưới chân. Tiếng hát tắt lặng.

Tôi đứng thẳng lên sau một thân cây và căng mắt quan sát. Một cái bếp nhỏ với chiếc hăng-gô treo đung đưa trên lửa. Một chiếc vòng dù căng giữa hai cây thông.

Im lặng kéo dài, kéo dài mãi. Tôi gạt chốt AK vào nấc liên thanh.

- Các bạn... Anh em ơi... - Giọng Tuấn - Chúng tôi chẳng làm hại gì cả... Không chống lại ai... Hãy để chúng tôi đi ...

- Câm mồm! - Bào, trình sát viên hét - Đứng dậy! Giơ cao hai tay. Bước ra!

Một phút. Nhiều phút. Vẫn lặng phắc. Cù buông sợi dây da. Tôi thấy con Ních chạy xéo qua, và lát sau tôi nghe tiếng nó sủa ở bụi cây. Tiếng sủa rối rít, mừng rỡ.

Nhưng cũng đúng lúc đó, bụi cây lay động.

"Trong cuộc huynh đệ tương tàn..." - Tiếng hát.

- Đồ điên! - Cạnh tôi, ai đó gầm lên - Con đi! Đây thì tương tàn!

Và tức thì súng nổ. Một khẩu nhả đạn kéo theo những khẩu khác cùng khạc lửa. Chớp đầu nòng nhằng nhằng xé rách lượt bóng tối đầu tiên đang phủ xuống khu rừng.

Bốn khẩu AK cùng bắn hết băng, cùng cầm bật. Bốn chúng tôi cùng lao vọt lên, cùng chết sững.

Sau bụi cây bị đạn băm, hai con người ấy quăn lầy nhau. Những vết đạn như cày vụn xiết hai cơ thể vào nhau. Vào chớp mắt cuối cùng, người đàn ông dường như đã cố dùng thân mình đỡ đạn cho người đàn bà. Nhưng đạn khoan qua người họ. Ánh lửa từ bếp lấp loáng trên hai mảng lưng trần.

Chúng tôi đứng chết trân. Màn đêm vây dần lại. Cả bốn chúng tôi như bị trói vào nhau trong sự cam chịu một cái gì vô hình vô tận đang đổ xuống. Mùi thuốc đạn là dấu vết duy nhất của ý chí điên khùng, đã tan đi.

- Ê... ê... Ních! Ê... - Cù tru lên gọi con chó đã bị trận mưa đạn xua dạt vào rừng sâu.

Ngồi xuống bên Tuấn và Diệu Nương, tôi gỡ họ ra khỏi nhau.



Hai hôm sau chúng tôi nhận lệnh hành quân về phương Nam. Vĩnh viễn giã từ làng Diêm. Tôi đã bình tĩnh trở lại. Cả

Cũ cũng vậy. Cuộc chiến đấu đang đợi chờ phía trước sẽ là lối thoát cho tâm hồn chúng tôi. Chúng tôi sẽ chiến đấu và sẽ quên.

Mùa khô nung vàng đồng cỏ. Và những ngọn *gió đại* gào hú làm bốc lên những cột lốc đỏ lòm. Những ngọn gió điên rồ như có móng vuốt, cào xé mặt đất.

Chúng tôi chỉ không ngờ rằng chúng tôi đang tiến vào mùa khô cuối cùng của cuộc chiến. Chúng tôi đã bắn chết những người báo trước hòa bình, vậy mà hòa bình vẫn đến.

Thời tiết của ký ức

Mưa từ chiều, suốt buổi tối, qua đêm đến bây giờ gần sáng rồi mà vẫn còn miên man mưa mãi. Phố dài, vắng lặng, tù mù những vũng đèn đường. Những mảng bờ tường. Những khúc vỉa hè. Các vòm cổng. Mái hiên. Những vuông cửa sổ. Và mấy cây bàng. Mấy cây cột điện. Ướt át, nhòa mờ, lạnh lẽo.

Trong phòng, tiếng mưa thấm vào qua khe cửa. Những hạt mưa rơi rã, đậu xuống, trượt đi, vẽ mãi vẽ mãi những bức vẽ trong suốt lên mặt kính. Ngay dưới cửa sổ, một chậu quỳnh, hoa nở một bông từ đêm, đã rũ xuống. Trên bàn, một ấm trà đã pha mà chẳng uống, nguội ngắt. Ông Phúc ngồi ở đi văng, khuất khỏi quang sáng của ngọn đèn bàn nấp dưới cái chao màu xanh. Mắt nhắm, nhưng mà không tài nào ông chớp mắt. Những

nổi niềm đã yên nghỉ từ lâu âu sầu thức dậy, lần lượt hiện hình, lần lượt trôi qua, dằng dặc và chậm rãi, theo nhịp đếm của chiếc đồng hồ để bàn.

Hà Nội, tiết tàn thu, buổi đầu đông, gió thổi, mưa rơi, lá rụng. Ấy là hơi thở của thời xa xưa, là thời tiết của ký ức.

Ngắm lại, vậy mà, đã non bốn chục năm rồi còn gì, từ bấy tới nay. Dĩ nhiên với dòng đời vô cùng vô tận thì bốn mươi năm có là bao, chỉ là một khúc đu ngang ngắn ngủi, nhưng với đời người, đó là cả một cõi thời gian mệnh mang như biển mà từ bờ này qua bờ kia ngang với từ kiếp này sang kiếp khác.

Ngày ấy, sau những tháng bị giữ trong Hỏa Lò, can phạm Trần Văn Phúc vừa chính thức thụ án, sắp phải chuyển về trại giam ở tỉnh xa, đã lần đầu tiên được nhận quà. Một cái áo len, ba cặp bánh chưng, hai tút thuốc lá, một ít tiền và một phong thư mỏng. Quà tết của Quỳnh. Muốn khóc nhưng không sao khóc nổi, chỉ một nỗi đau âm ỉ lặng thọc trong tim làm cho nghẹt thở, làm cho mờ mịt hai con mắt và làm cho run bắn hai bàn tay.

“... Sự thế đã như thế này xin anh đừng hối tiếc và oán hận làm gì cho khổ thêm anh ạ, mà hãy cùng em thuận lòng cam theo số phận, - Quỳnh viết - Phần em thì dù rằng từ nay đời có thế nào em vẫn một lòng cảm ơn số phận đã run rủi cho em lạc khỏi gia đình để về lại với anh. Nhờ vậy mà giờ đây dù có phải xa lìa, dù có phải mất anh mãi mãi em vẫn sẽ mãi mãi còn anh...”

Lá thư vội vã, những dòng ngắn ngủi. Và Phúc đã không hiểu, đã không hiểu ngay ra. Lá thư rồi cũng bị thất lạc trong

một lần chuyển trại và dần dần Phúc cũng đã quên, hầu như chẳng còn nhớ, chẳng còn may mắn vương vấn gì nữa với lời nhắn nhủ ẩn trong những dòng cuối cùng ấy của mối tình đầu.



Hồi tiếc, oán hận là những tình cảm về sau mới cộm lên, chứ thoát đầu Phúc chưa chan hy vọng. Dĩ nhiên khi vừa bị công an điệu khỏi nhà đẩy lên xe đưa về sở thì không khỏi kinh hoàng nhưng mà đã mau chóng trấn tĩnh được. Phòng xét hỏi thoáng mát, không có những dụng cụ tra tấn, tường quét vôi màu ve, cửa sổ mở rộng trông ra vườn hoa. Và hơn nữa người trực tiếp thẩm cung không ngờ lại là Định, bạn cùng một lớp đệ tứ ở trường Bưởi năm nào. Chín năm Kháng Chiến khiến Định như già xạm đi, sắc diện khắc khổ, gầy yếu, đôi môi nhợt nhạt mím chặt, cặp mắt âm thầm, song Phúc vẫn lập tức nhận ra, và lập tức lóe lên trong lòng niềm hy vọng thoát nạn. Chỉ kín đáo giấu đi những gì cần giấu còn thì Phúc khai tất cả. Những tương Định sẽ chiếu cố, những tương một khi mình đã thành thực vậy rồi thì mình sẽ được khoan thứ, những tương khi buổi thẩm vấn kết thúc, rời phòng hỏi cung là sẽ được tha về với Quỳnh. Nào ngờ lại phải tra tay vào còng vào nằm trại tạm giam.

Lần hỏi cung sau, không đợi Định phải hỏi, Phúc đã hốt hải khai ra gần trọn những gì lần trước chưa khai. Van vãn, thê thốt, Phúc gần như cuống quýt trình bày tấm lòng thành của mình. Phúc một mực cam đoan rằng mình chưa phải là

Đại Việt như ai đó đã mật báo với Định, mà mới chỉ là cảm tình viên thôi. Và đúng là Phúc có thời làm việc ở Tòa Thủ hiến nhưng là nhân viên hành chính cấp thấp. Về sau do không muốn nhận lương của Tây nữa nên Phúc mới xin chuyển sang Phòng thông tin Hoa Kỳ. Được người Mỹ đồng ý nhận vào làm là bởi một lẽ đơn giản, Phúc thạo cả tiếng Pháp lẫn tiếng Anh.

- Nhưng tôi cũng thạo và nhiều người khác nữa còn thạo hơn, đúng không? Nhưng không phải ai cũng dính dấp với bọn tôi phản động Đại Việt, và càng không phải ai cũng sẵn sàng lăn lóc hết từ giường Tây qua nệm Mỹ như anh - Định bình thản bác những biện bạch của Phúc - Chỉ chừng ấy thôi đã đủ để khó tin rằng anh ở lại ngoài này không vì một âm mưu nào. Đừng tự huyễn hoặc mình, đừng cho rằng có thể qua mắt được chúng tôi, tôi khuyên anh đấy. Bởi vì tôi thấy rõ thái độ thành thật nửa vời hết sức không biết điều của anh đang từng giờ từng phút một làm hại anh như thế nào, tôi khuyên anh nên...

Hoàn toàn đuối lý và hoàn toàn không có cơ hội nào để gọi lại tình bằng hữu ngày trước, Phúc đành nhắm mắt nghe theo lời khuyên của Định, khai hết và nhận hết. Biết rằng sẽ phải tù, nhưng khi ký vào bản cung Phúc vẫn ôm hy vọng là Định sẽ gỡ bớt tội cho mình và sẽ xin cho mình một án nhẹ. Nào ngờ, tội làm gián điệp cho Mỹ, án mười năm.

Phúc rời Hòa Lò, ngồi xe bị búng, lên đường thụ án. Ngoài xe, Hà Nội xuân sang. Thì ra sự khoan hồng mà Định như mình là như thế này đây, Phúc trầm nghĩ, cay đắng trong

lòng. Mình đúng là một thứ nạn nhân của tình bạn. Tình bạn, rốt cuộc chính là sợi thông lọng mà mình đã tự dút cổ vào.



Trại giam đầu tiên Phúc được đưa tới nằm trên vùng đồi nổi lên trơ vơ giữa một đồng nước trũng mênh mông, tít nơi xa cùng khuất nẻo nhất của miền châu thổ. Ở trại này phạm nhân phải làm ruộng để tự túc một phần lương thực. Nhưng những ngày mưa, nước ngập đồng thì không đi đâu được, không làm lụng gì được, cả tù nhân cả quản giáo chỉ nằm, chỉ ngồi, nhìn và nghe mưa xối.

Buổi sáng, mới tờ mờ đất, chân trời đã đặc mây. Những đám mây rách rưới, im phăng phắc. Hàng giờ đồng hồ trôi qua nhưng các đám mây vẫn neo nguyên một chỗ, chẳng mây may biến màu đổi dạng. Suốt ngày chỉ những mây là mây. Những lối đi đen sì bùn lầy.

Canh khuya, sau hiệu kèn tắt đèn, mọi người ngủ cả, Phúc ngồi thừ trên sạp nứa, nặng nề nhìn chằm chằm vào một điểm bất định như muốn moi ra cho bằng được từ đấy những hình bóng vô hình của bóng tối. Lâu dần, thậm chí bóng tối cũng biến mất nhường chỗ cho cõi trống rỗng, một cõi mà trong đó không còn cái gì khác ngoài cái không gì cả của cuộc đời và số phận. Mười năm, điều ấy vượt ra khỏi ý niệm thời gian, Phúc không sao lường tượng nổi. Cái chết ngay tức khắc dễ lường tượng hơn nhiều. Chết chẳng khó khăn gì và chết là điều rất tốt. Chỉ có điều vẫn còn một ước

nguyện âm thầm đau nhói trong tim khiến Phúc chưa thể nào mạnh dạn tự ra tay với mình. Chính cái điều khoản “Ba trăm ngày” của Hiệp định Giơneo là móc xích cuối cùng đang níu giữ cuộc đời Phúc.

Khi chỉ còn hai tuần nữa là điều khoản định mệnh ấy hết hạn, một buổi trưa, Phúc được đưa lên nhà khách của trại giam. Định đang chờ ở đấy. Từ tể bắt tay, mời ngồi, từ tể mời trà, mời thuốc, và không nề hà thái độ khuôn phép cố tình, một bấm cán bộ hai bấm cán bộ của Phúc, Định thông thả trò chuyện, hỏi han. Thời gian trôi qua, chậm rãi. Định từ tốn nói, còn Phúc một mực cúi đầu, hờ hững nghe và khề khàng thưa bẩm. Không may may tin vào lòng tốt của người bạn cũ, và vì thế trong suốt cuộc gặp gỡ cứ bản khoán tự hỏi ngọn gió nào, gió lành hay gió dữ đã đưa anh ta tới đây, nhưng dù sao thì Phúc vẫn có được một chút hài lòng bởi vì Định đã không hề lên giọng khuyên răn dạy bảo cũng không bày đặt vẻ ngoài chí thiết, động viên với lại an ủi này nọ. Mãi đến lúc chia tay, trong lời từ biệt, Định mới hàm một ý hứa hẹn:

- Chẳng biết tới bao giờ chúng ta mới gặp lại nhau. Có thể là còn lâu lắm. Nhưng có lẽ sẽ không phải mất tới mười năm. Và tôi chắc rằng khi chúng ta gặp lại nhau, anh đã ở trong hoàn cảnh khác với bây giờ.

Đã chực nín lặng bởi đã nhất quyết là sẽ không một lần nữa nhẹ dạ cả tin vào con người này, vậy mà cuối cùng Phúc lại đã thổ lộ. Đã chẳng nói gì lúc chia tay, im lặng về tới lán rồi, nghĩ ngợi thế nào Phúc lại hốt hải xin được đưa trở lại nhà khách để gặp Định. Ô tô đã chuyển bánh nhưng Định vẫn bảo tài xế đỗ

lại và mở cửa xe bước xuống. Hai người đứng với nhau một lát ở hàng hiên nhà khách. Trong trời mưa như thác đổ. Run rẩy, lập cập Phúc kể ra hết với Định điều khổ tâm duy nhất còn lại đang day dứt trong lòng, và rồi nghẹn ngào Phúc nài xin, van vãn:

- Phận tôi tôi không mong gì cả. Tôi đáng bị như thế. Tôi chỉ dám mạo muội cầu xin ông một điều ấy thôi cho Quỳnh. Bởi tôi mà cô ấy đã lưu lại ngoài này. Bây giờ cũng bởi tôi nên cô ấy mất hết tất cả, bơ vơ, không người thân thích, không nơi nương tựa... Không. Không. Xin ông đừng vội chối từ. Ngoài ông, chúng tôi còn biết cậy nhờ ai khác nữa trên đời. Dù gì thì ngày xưa, tôi với ông cũng đã cùng nhau một chút tình bằng hữu. Tôi xin ông. Nay hạn ba trăm ngày sắp mãn rồi, nhưng vẫn chưa phải là đã quá muộn nếu ông ra tay cứu giúp...

Định rời khỏi trại trong mưa. Dưới chân đồi, bốn bề đồng không mông quạnh. Chiếc xe con của Định chỉ còn là một chấm đen nhưng rất lâu sau vẫn chưa mất hút hẳn ở đường chân trời xám ngắt. Khi đó Phúc chẳng thể ngờ rằng nhiều chục về sau sẽ có lúc mình mong mỏi biết là chừng nào gặp lại được con người ấy.



Từ đây Phúc thôi hẳn ý định tự vẫn mặc dù tuyệt nhiên chẳng còn một chút vướng bận nào ngăn trở làm như vậy. Có thể vì không còn vướng bận gì với ngoài đời nên dễ dàng thích nghi hơn với đời sống trong tù. Phải đi chuyển qua nhiều trại, có trại không đến nỗi nào nhưng có trại rất cực,

Phúc đều thần nhiên an phận. Gọi là ngồi bóc lịch, nhưng Phúc chẳng đếm ngày tính tháng. Mười năm hay mười lăm năm hay chung thân cũng vậy cả thôi, ngày lại ngày trôi qua, ý niệm thời gian rơi rụng.

Hay tin Mỹ - Diệm đã chối bỏ Hiệp thương và vì thế sẽ không có Tổng tuyển cử, đất nước sẽ vĩnh viễn bị chia cắt, Phúc chẳng bận lòng. Bởi vì thời cuộc thế thì có can hệ gì tới cuộc sống tù. Một khi đã trong tù thì vĩnh viễn là người ngoài cuộc. Trại giam không song sắt không rào kẽm gai nhưng đã có một bức tường thật dày tự thân dựng lên trong tâm trí vĩnh viễn hăm Phúc vào với hiện tại bất động. Đôi khi trí nhớ mòn mỏi cũng có len lỏi lẫn về với những vùng sâu lặng của dĩ vãng, nhưng dĩ vãng đã mất hết sinh lực, đã vĩnh viễn tắt ngóm, không thể nào mà hồi tỉnh lại. Dĩ vãng chỉ sống trong những ai còn có một tương lai. Khi đã không còn biết trông chờ gì ở ngày mai thì ngày hôm qua cũng không còn lại gì nữa để trông về.

Chính cái trạng thái tinh thần vô vọng ấy đã khiến Phúc hầu như vô cảm trước tự do. Bị án mười năm, chỉ hơn hai năm đã được ân xá, vậy mà chẳng chút vui mừng. Chẳng hề tự hỏi vì đâu, vì ai. Chẳng sung sướng, chẳng đau buồn, chẳng ơn ai, chẳng oán ai. Thờ thần ra khỏi cổng trại giam, như thể miễn cưỡng. Và cả khi đã về tới Hà Nội, đã bước đi dọc phố xá, giữa cảnh vật, giữa đám đông và tiếng ồn ào quen thuộc mà Phúc vẫn như thể chưa tìm ra được cho mình một lý do thật sự để trở về.

Phố Hàng Dẫy đã là phố Nguyễn Thái Học. Ngôi biệt thự của gia đình họ Đặng đã thành một nhà mẫu giáo. Sau một hồi lâu đứng im ngoài hàng rào sắt, lặng nhìn lũ trẻ nô đùa

trên sân, Phúc ù rù, chẳng nói rằng bỏ sang bên kia đường khi người gác cổng bước tới cất lời hạch hỏi.

Bên kia đường, đối diện nhà họ Đặng là nhà họ Trần, cũng ngôi biệt thự hai tầng, ngày xưa luôn kín cổng cao tường nhưng nay cửa vào sân mở toang. Hoàn toàn ngoài chủ định, Phúc lảng lạng rẽ vào đây. Khấp sân lá rụng. Lối sỏi rêu xanh, bồn hoa um tùm cỏ dại. Bể non bộ khô khốc, một bên thành bị vỡ và hòn núi giả thì đổ sập. Tầng trên, tầng dưới ngôi nhà tất cả các cửa sổ đều đóng chặt. Phúc thăm lầy lăm lạ. Chẳng lẽ qua suốt từng ấy thời gian kể từ ngày họ Trần ra đi mà người ta vẫn bỏ không đẩy cửa sung công ngôi nhà này?

Phúc quay ra, vừa đến cổng thì chạm mặt một người đàn ông dắt xe đạp từ ngoài đường đi vào nhà. Nhìn sững Phúc, người nọ để trượt ghi đông khỏi tay. Chiếc xe đạp ngã đổ vào thành cổng.

- Ông là... Ông là... - Anh ta lắp bắp, mặt nhợt ra.

- Vâng, - Phúc thờ dãi - Tôi đây, anh Bách ạ.

- Thế họ thả cho anh ra ư... Tôi những tưởng là họ sẽ chẳng đời nào...

- Vâng. Thì tôi cũng tưởng thế. Cho nên tôi...

Bách ngắt lời Phúc, hỏi vội, giọng khàn đi:

- Thế họ cho phép người như anh cư ngụ ở Hà Nội ư?

- Tôi chẳng biết. Chẳng thấy có lệnh cấm. Nhưng mà tôi chỉ ghé ngang nhìn lại ngày xưa một chút. Rồi sẽ đi xa khỏi đây. Chứ còn gì nữa đâu, còn ai nữa đâu mà ngụ lại.

- Thì tôi cũng vậy thôi, - Bách nói, mắt sụp xuống - Nhà

này hiến cho chính phủ làm công sở rồi. Tôi chỉ ở tạm ngày nay ngày mai.

- Nhưng mà, trời ơi! Làm sao anh lại đang ở ngoài này? - Chợt thấy sừng sốt, đờ người ra, rùng rờ Phúc hỏi, giọng thảng thốt - Tôi nhớ rõ ràng là gia đình bên anh đã vào trong đó cùng một lần với gia đình bên tôi cơ mà. Thế sao mà bây giờ lại...

- Anh lại còn phải hỏi nữa ư? - Bách đáp, rất khẽ, môi mím lại.

- Thế nghĩa là... Chao ôi! - Thương cảm, Phúc than lên - Anh trở ra đây tìm cô ấy? Trời, sao lại có thể như vậy chứ! Anh ra lúc nào vậy? Ra lúc nào mà để đến nỗi không hay biết rằng cô ấy đã vào trong đấy, anh Bách?

Bách im lặng cúi xuống nhấc chiếc xe lên.

- Tôi quá bận, - Anh ta nói, không nhìn Phúc - Chỉ qua nhà một lát rồi phải đi ngay có việc. Không mời anh vào nhà được, mong anh thứ lỗi.

Lẳng lẳng Bách đẩy xe đạp vào sân, lẳng lẳng Phúc đi ra đường, nhằm hướng nhà ga, lê bước. Không nơi nương náu, không bóng người thân, đối với Phúc thành phố quê hương đã cạn tình.

Trên toa, chỗ của Phúc kề cửa sổ. Hà Nội lần cuối cùng lướt qua trong đêm, nhưng Phúc nhắm mắt lại, không nhìn ra.



Nhà họ Đặng được bốn cậu con trai, nhận nuôi thêm Phúc nữa là năm. Mỗi người mỗi phòng ở tầng dưới. Tầng trên là

của ông bố bà mẹ và của Quỳnh, cô con gái rượu, cô em út trong nhà.

Được coi là bậc anh, nhưng Phúc ngang tuổi Quỳnh. Ngày được gia đình Quỳnh đón về sau hai cái tang lớn, mất mẹ rồi mất cha trong cùng một năm, Phúc còn bé, đang học đồng ấu, Quỳnh cũng vậy. Họ lớn lên bên nhau, êm ả và hạnh phúc những năm dài, trong tình anh em và trong sự hết lòng yêu thương đùm bọc của cả nhà, một gia đình trí thức cao sang, trầm lặng.

Các anh của Quỳnh đều học hành giỏi giang, đỗ đạt cao và nếu thời cuộc không thành linh biến động có lẽ đều sẽ thành đạt không kém gì cha. Một gia đình giàu có nhưng đầm ấm, luôn luôn yêu thương nhau. Ai ngờ một gia đình như vậy về sau lại bất hạnh và tan tác thảm thương đến thế.

Tai họa khởi đầu từ anh Bình, con cả. Mặc dù sau ngày Việt Minh lên, gia đình họ Đặng sống kín cổng cao tường né tránh mọi tiếp xúc với bên ngoài, vậy mà anh ta bằng cách nào đó vẫn trở thành đảng viên Quốc dân đảng. Anh ta biệt tích trong đêm xảy ra vụ Ôn Như Hầu. Tiếp đến là anh Tùng, con thứ. Tùng vốn là một nhà thơ vô cùng đa cảm, không hiểu sao lại cũng dự vào chính trị, ngằm tham gia một tổ chức thân Pháp để đến nỗi phải bỏ trốn và mãi mãi không trở về. Công an Việt Minh vây nhà, soát thấy cả truyền đơn cả vũ khí chất dưới tầng hầm và trong gầm cầu thang.

Tiếp nữa là thời kỳ tản cư. Mặc dù chỉ non một năm chịu vất vả ở nhà quê, vừa ngưng tiếng súng là đã lập tức hồi cư, dắt díu nhau trở về thành nhưng ông bố vẫn không gượng nổi. Về tới nhà là ông lâm bệnh, nằm nhà thương được hơn

một năm rồi qua đời. Huy và Hoàng, hai người anh trai còn lại của Quỳnh đứng ra cúng dâng gia đình. Họ được người Pháp trọng dụng và đã sớm trở thành những nhân vật có vai vế ở Hà Nội. Riêng Phúc, mặc dù còn trẻ tuổi, tính tình thì nhu nhược và mặc dù chưa có một ý nguyện chính trị rõ rệt, nhưng do được hai anh Huy Hoàng hướng dẫn nên vẫn gia nhập đảng Đại Việt, và còn được hai anh thu xếp cho vào làm việc ở Tòa Thủ hiến, nhờ vậy mà cũng bắt đầu có được một tiền đồ nhiều triển vọng.

Thế nhưng giữa thời loạn lạc, phúc họa khôn lường, bình yên như treo đầu sợi tóc. Mùa thu năm 1953 lại một đại nạn nữa giáng xuống mái ấm nhà họ Đặng. Huy cùng một số sĩ quan Pháp bị quân cảm tử của Việt Minh quăng lựu đạn giết chết trong một cao lầu ngay giữa lòng Hà Nội. Hoàng cũng có mặt tại đó nhưng may mắn thoát hiểm chỉ phải gửi lại bữa tiệc ấy một bàn chân. Sụp mất trụ cột, đời sống gia đình như bèn bờ vực. Cửa nả trong nhà lần lượt đội nón ra đi. Người ăn kẻ ở đã phải cho nghỉ việc gần hết và ngay cả ngôi nhà, mẹ Quỳnh cũng đã tính tới chuyện phải bán. Tuy nhiên vào những ngày cuối năm 53 đầy hiểm họa, bất động sản ở Hà Nội bán chẳng ai mua, giá rẻ như bèo. Lúc bấy giờ mặc dù đã sang làm việc ở Phòng thông tin Mỹ, lương tiền khá hậu song cũng đã phải dần dần mang công mắc nợ Phúc mới có thể tạm tạm trì nín được cho những người thân còn lại một mức sống bề ngoài có vẻ chưa đến nỗi quá sa sút so với ngày xưa. Nhưng mà thời cuộc ngày càng gấp bước khiến cho đất đai rung chuyển, lo cho ngày mai của gia đình, mẹ Quỳnh tắt

nhiên không thể trông mong vào cái mức sống hàng ngày do Phúc chèo chống. Bà hiểu rằng phép màu duy nhất có thể trả lại cho gia đình cuộc sống và vị thế tốt đẹp thuở xưa ấy chính là cuộc hôn nhân của Quỳnh với Bách.



Sau này ngẫm lại những ngày tháng cuối cùng của thời thanh xuân có thể là tươi đẹp nhưng đầy tai ương ấy, tự hỏi rằng hạnh phúc nhiều hơn hay đau khổ nhiều hơn, Phúc cũng chẳng biết nữa. Cũng thế, Phúc chẳng còn nhớ nổi tình yêu đã tới tự bao giờ và như thế nào. Dường như là từ trong tình anh em, thuở còn thơ dại, đã lâu lắm rồi, không thể nào nhận thấy. Có thể là khi đã lớn hơn, ở tuổi dậy thì, đang học trung học, hoặc có thể mãi về sau, trong thời tản cư, rồi lúc về thành. Mỗi tình dường như nhuộm màu tội lỗi, chẳng khác gì một vết thương khía thêm vào những thương tích của gia đình. Cho nên yêu nhau mà tuyệt đối âm thầm không dám một lời thổ lộ, thậm chí không dám thú thực với ngay chính lòng mình. Cả đến khi gia đình họ Trần dạm hỏi Quỳnh cho Bách, Phúc cũng không mạnh dạn có được một lời nào. Chỉ một mình Quỳnh yếu ớt cương lại ý mẹ. Nhưng cô chẳng thể thắng nổi sự kiên quyết gả bán của mẹ và lòng si mê kiên trì của Bách. Giữa hoàn cảnh trăm bề rối ren, phải khổ công lo tính để gấp gáp chuyển hết vào Nam toàn bộ tài sản đồ sộ của dòng họ, vậy mà Bách vẫn thu xếp được một lễ ăn hỏi đàng hoàng, sang trọng. Lễ cưới được dự định vào mùa xuân, sau Tết ta, tại Sài Gòn.

Bách muốn sau lễ ăn hỏi Quỳnh và gia đình phải đi Nam ngay, nhưng Quỳnh cứ trùng trùng mãi không chịu lên đường. Mặc cho tình thế ngày một gấp gáp, viện có ốm đau, cô lẳng lặng sống thu mình trong buồng, âm thầm như chiếc bóng. Tuy nhiên kết cục tất phải đến đã đến. Đến từ thời cuộc. Ngày Việt Minh về tiếp quản Hà Nội đã gần kề. Quỳnh không thể nán ná được nữa. Gia đình cô không thể ở lại, anh trai cô không thể chung một gầm trời cùng chế độ mới, mẹ cô không thể nào sống một cuộc sống thiếu sự giàu sang.

Riêng Phúc quyết định ở lại. Người Mỹ đã tạo thuận lợi cho quyết định ấy. Họ trả trước cho Phúc hai năm lương và chỉ giao một nhiệm vụ hết sức nhẹ nhàng là ở lại, sống bình thường, hợp pháp, và thông thả, kiên tâm chờ đợi một sự móc nối, nếu có. Chỉ thế thôi và chỉ trong hai năm trời. Đợi đến buổi tối trước hôm cả nhà rời Hà Nội xuống Hải Phòng, Phúc mới nói cho anh trai của Quỳnh hay là mình sẽ không đi bởi vì không thể đành lòng lìa xa thành phố quê hương; hơn nữa cần có người ở lại để gìn giữ cửa nhà và chăm nom phần mộ những người thân đã khuất. Phúc trao gần trọn khối tiền lương được ứng trước cho Hoàng và gửi anh ta một lá thư từ già dặn rằng khi nào xuống tàu thủy rồi thì trao cho Quỳnh. Hôm sau mọi người khởi hành trên bốn chiếc xe hòm của gia đình Bách nên ngoài Hoàng không ai biết là Phúc đã ở lại.

Bấy giờ đã đầu tháng Mười, mưa thu mờ mịt. Buổi giao thời, đêm thành phố hỗn mang. Một mình Phúc trong tòa nhà trống vắng. Gần sáng, mưa tạnh, gió nổi lên xua quang mây, trăng hạ tuần lướt trên các mái nhà. Tiếng lá cây xào xạc.

Phúc mở cửa sổ. Trên sân, ánh trăng mờ mờ trong không khí ẩm ướt. Gió lay động hàng cây dọc lối đi rải sỏi làm Phúc tưởng như có bóng người. Nhưng. Không phải là bóng cây, không phải là gió lay. Một người vừa đi qua sân, bước lên thềm. Không phải trong mơ.

Phúc lao khỏi phòng, chạy đăm xuống cầu thang. Quỳnh để rơi chiếc va ly trên tay xuống ngưỡng cửa. Phúc lặng lẽ ôm lấy Quỳnh, lặng lẽ ghì chặt, cảm thấy một trái tim khác đập cạnh trái tim mình.

Trong giây phút ấy, đối với Phúc, cách mạng không còn là bóng tối, không còn là tai ương. Không có cách mạng, không có thời đại mới đang tới gần kia, làm sao có nổi một phút giây chói lọi như thế này trong cuộc sống tầm thường, ảo não, dài lê thê của những kiếp người.

So với bao người khác, có thể là Phúc đã hướng về với Cách mạng một cách quá đổi muộn màng và dường như là đầy vị kỷ, nhưng chắc chắn là Phúc đã rất thực lòng và rất thiết tha chờ đón với cái nghĩa cách mạng là tình yêu, là sự giải phóng, cách mạng là viễn cảnh hạnh phúc, là vận hội không ngờ, là số mệnh mới mẻ, đột ngột và tuyệt vời từ trời cao rót xuống.

Nhưng bởi vì chẳng phải mất gì cả chỉ phải nhẹ nhàng đưa tay đón lấy, nên hạnh phúc quá ngắn ngủi. Phúc và Quỳnh tự do bên nhau một tuần thì bộ đội tiến về tiếp quản Hà Nội. Đã được Quỳnh khuyên là nên ra trình diện và khai báo tât cả, nhưng Phúc lại trùng trình do dự. Và lệnh bắt giữ rút cuộc đã sập đến trước khi Phúc kịp tỏ ra can đảm được như Quỳnh, mạnh dạn đoạn tuyệt quá khứ để sống cuộc đời mới.



Một người bạn tù cùng được trả tự do một ngày rủ Phúc về sống ở quê hương của anh ta, miền đồi rừng Bồ Hạ. Phúc về qua Hà Nội, sau đó đi tàu lên đây. Xuống một ga xếp. Rồi đi bộ, đi bộ nhiều chục cây số, tí tấp vào vùng heo hút.

Đã trải cảnh tù nên gian lao những năm về sau chẳng bỏ bèn gì. Làm lụng cật lực cho quên đời, dần rồi cũng dựng được một ngôi nhà, có được đôi chút tiền nong của nả, và cũng đã vài ba lần toan chuyện vợ con mà chẳng thành. Chẳng mấy chốc mà thành người lớn tuổi, thành ông già. Nhưng vẫn tứ cố vô thân.

Chiến tranh kết thúc, sóng gió thời đại lặng dần. Đất trời ngày một tĩnh mịch. Một buổi sáng mùa thu, trong gió heo may, ông Phúc vĩnh biệt cuộc đời hai mươi năm trong góc rừng, một mình lặn lội vào Nam. Bấy giờ chưa có đường sắt Thống Nhất, gần một tháng đi từng đoạn xe đồ chèn những chặng dài cuộc bộ, ông mới vào tới Sài Gòn. Vất vả đường trường như vậy để làm gì, tự ông dường như cũng không biết rõ. Thành phố xa lạ đắm mình trong mưa mùa như thác đổ. Ông Phúc lầm lũi đi dưới những mái hiên ướt át, đầu óc mung lung, vô định, tìm đến đâu, tìm tới ai. Dăm ba cái địa chỉ cầu may mà ông lưu được trong trí nhớ đều vô dụng. Tất cả những người bạn làm cùng sở ngày xưa, năm 54 di cư vào Nam, nay hoặc đã bỏ sang Pháp, sang Mỹ hoặc đang đi tập trung cải tạo. Ngay đến địa chỉ cuối cùng, của nhà họ Trần, bắt đắc dĩ ông phải tìm tới cũng là địa chỉ không người. Dưới thời

Mỹ-nguy, gia đình mại bán này không ngừng phát đạt, nổi tiếng giàu có và thế lực, dĩ nhiên chẳng một thành viên nào trong gia đình họ ở lại Sài Gòn để chờ Quân Giải phóng.

Nghe người ta khuyên, ông Phúc lần đến tòa soạn một tờ báo nhờ đăng mẩu tin tìm người thân. “Trần Văn Phúc, trước tháng 10 năm 1954 ngụ ở nhà số 47 phố Hàng Đẫy Hà Nội mong được gặp lại người thân là...”. Nhưng người thân là ai? Ông do dự, đã ghi tên Quỳnh, song lại ngập ngừng ngần ngại tự thấy mình vô lý bèn đổi ý, ghi Đặng Hoàng.

Cái mẩu tin phập phù ấy không ngờ lại công hiệu. Báo ra hôm trước thì ngay hôm sau Đặng Hoàng tìm tới nơi trọ của ông Phúc. Ông Hoàng nom già xạm, cần cỗi và buồn thảm, đáng đáp xưa chẳng còn gì ngoài sự tàn phế.

- Hồi đó cứ liều ở lại ngoài ấy như cô chú lại hóa may, - Sau phút ban đầu anh em gặp lại nhau mừng mừng tủi tủi, ông Hoàng ào não kể lể - Chứ như tôi, tay trắng vào đây, lại què cụt thế này, không còn địa vị, mất hết vai vế nên cứ nghèo hèn lụn bại mãi, chẳng sao mà ngóc đầu lên nổi ở cái xã hội nhấn tâm bạc ác chỉ biết có tiền trong miền Nam này. Mẹ tôi thì như chú biết đấy, bà cụ không chịu được sự nghèo, lại thêm chuyện cô Quỳnh, thành ra ốm liệt giường ngay từ khi mới vào đến. Đầu năm 57 thì cụ mất. Cứ thế vận nhà sa sút mãi.

- Vậy chứ bên nhà ông Bách không giúp đỡ nhà mình một chút gì ư?

- Bách nào? - Ông Hoàng ngạc nhiên hỏi, trán nhăn lại ngẫm nghĩ một lúc - à, Bách. Chú hỏi lạ. Chuyện như thế rồi, còn tình nghĩa gì nữa mà họ phải giúp.

- Vâng, - ông Phúc thờ dài - Tôi cũng nào ngờ là lại xảy ra thế. Một lần tôi có gặp Bách.

- Phải. Nào ai ngờ. Mẹ tôi khổ tâm lắm, sức cứ suy đi từng ngày. Ốm đau mòn mỏi, nhưng cụ bảo là phải sống rồn để chờ cho hết hạn hai năm hiệp định mẹ con gặp được nhau đã. Nên vừa hết hạn hai năm, quá tuyệt vọng, mẹ tôi lặng lẽ đi ngay. Chẳng biết khi bà cụ mất, ngoài đây cô ấy có linh cảm thấy không? Bởi vì chú cũng biết đấy, trong mấy anh em nhà này, có cô ấy là mẹ tôi thương nhất.

- Nhưng... anh nói vậy là có nghĩa thế nào hả anh? - ông Phúc hỏi, giọng lạc đi, tim thất lại - Anh vừa nói cô ấy ngoài đây là anh nói Quỳnh ư? Nhưng, đã năm 57 thì sao lại còn ngoài đây được nữa... Quỳnh đã vào từ năm 55 khi còn hạn ba trăm ngày cơ mà. Thế bây giờ Quỳnh ở đâu, anh Hoàng?

Ông Hoàng như giật nảy mình, miệng há ra, không nói được, trừng trừng nhìn ông Phúc.

- Chú vừa hỏi tôi Quỳnh ở đâu à? - Mãi rồi ông mới thoát được ra lời - Nhưng tôi đang muốn hỏi chú thế cơ mà... Chú bảo là năm 55 à. Nhưng, vậy là sao hờ trời? Năm 58, từ Hà Nội cô ấy gửi bưu thiếp vào. Năm 59 thì trong này nhận được. Sao bây giờ lại...

Ông Phúc rụng rời, tê điếng, đưng tay vào ấm trà. Nước đổ lênh láng mặt bàn. Ông đã vụt hiểu tất cả và tất cả vụt tối sầm.



Tờ bưu thiếp ấy, ông Hoàng đã để mất, nhưng địa chỉ thì còn nhớ rõ, bởi vì vẫn là địa chỉ xưa, số 47 phố Nguyễn Thái Học.

Trở ra Hà Nội, ông Phúc lại tìm đến đây. Bảy giờ ở đó không còn là nhà mẫu giáo mà là một chung cư xập xệ đông đúc, chen chúc nhiều hộ gia đình. Người ta không hiểu ông Phúc muốn gì. Họ Đặng nào, Quỳnh nào? Chỉ có ông Quỳnh, cán bộ đường sắt, người Nghệ An thôi, họ Lê. Bên nhà Bách cũng vậy. Người ta nhún vai. Ai mà biết nổi chủ nhân xưa hồi Tây của ngôi nhà là ai. Chỉ biết trước đây nhiều năm là trụ sở của Đoàn Thanh niên, về sau là cơ quan Phụ nữ và bây giờ là nhà tập thể của nhiều cơ quan.

Mệt mề, vô vọng và với tâm tính đầy thụ động, chẳng còn hơi sức và nghị lực để bỏ đi đâu nữa, ông Phúc cạy cục thuê được một căn buồng nhỏ ở góc đường Sinh Từ không xa Hàng Đẫy. Sinh kể lần hồi, ông nhận dịch và đánh máy thuê. Một chiếc Rờ-manh-tông già nua, những con chữ đã quá đắt của nó lọc xọc làm lụng, lên tiếng mỗ róc róc đêm ngày. Thoảng hoặc ông cũng ló khỏi hang lần ra đường đi dạo, đôi khi khá xa, dọc Hàng Đẫy, lòng vòng quanh Cửa Nam, quanh Hòa Lò. Nhưng nói chung là ông chẳng đi đâu cả, ủ rũ, suy nhược, tuyệt đối âm thầm, tuyệt đối chẳng trò chuyện, chẳng giao du, dường như chẳng hề quen biết bất kỳ một ai trên đời.

Nhiều năm như vậy lẳng lặng trôi qua. Mười năm hay hai mươi năm, không biết nữa. Thời gian không cánh mà bay.

Một buổi tối nọ, ông vừa đi dạo về thì có tiếng gõ cửa. Chắc là ai đấy cần ông đánh máy một cái gì.

- Chào anh, anh Phúc! - Cửa mở, một người đàn ông lạ mặt, tóc bạc, vận quân phục, chậm rãi bước vào, giọng rất trầm - Tôi là Định.

Thoạt tiên, tự ông Phúc cũng thầm thấy ngạc nhiên trước sự điềm tĩnh của mình. Có vẻ như ông không xúc động, tim không dồn đập, thái độ vẫn như thường, nói năng thong thả, không run giọng, bình thản hoàn toàn với cuộc gặp gỡ không ngờ này. Nhưng giữa chừng cuộc hàn huyên, lặng lẽ nước mắt chảy ra, dần dần giàn giụa, không cầm được, lòng nhói đau.

- Cuối năm 55, tôi nhận nhiệm vụ vào Nam hoạt động. Xa hẳn Hà Nội từ đấy. Sau giải phóng, mỗi năm tôi cũng chỉ rời thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội họp ngắn ngày một đôi lần, - Ông Định nói - Năm 75, tôi đã đọc thấy lời nhắn tin của anh trên báo, toan tới thăm anh ngay nhưng vì bận nên khi tới thì anh đã trở ra. Tôi nhớ người anh cần tìm tên là Đặng Hoàng, nhưng cũng chỉ là nhớ vậy thôi, không cố công tìm, rồi cũng bằng đi. Mãi đầu năm nay, con trai ông này xin xuất cảnh theo diện HO, tôi đọc hồ sơ, tình cờ thấy tên ông bố, Đặng Hoàng. Tìm gặp ông ta, nghe ông ta kể mà thất kinh trong lòng. Làm sao cơ sự lại ra nông nổi như thế? Làm sao anh lại không biết là chị ấy vẫn ở lại ngoài này? Vì sao khi được ra tù, anh không hỏi, không tìm? Và sao đến tận giờ vẫn không tìm?

Ông Phúc nín lặng, nét mặt bơ phờ, đầu rũ xuống.

- Ngày ấy hạn ba trăm ngày đang còn, nên dù rất khó, tôi vẫn có thể thu xếp để chị ấy đi. Có điều là chị ấy đâu có muốn thế. Chị ấy bảo sẽ sinh cháu ở ngoài này và hai mẹ con dù có thế nào cũng sẽ mãi mãi đợi anh, chứ bỏ vào trong kia cháu nó sinh ra sẽ vĩnh viễn không còn cha. Hoàn cảnh chị ấy khi đó thật tội, song tình cảm chị ấy như thế, tôi còn biết nói gì, tôi chỉ thấy mừng thay cho anh. Tôi nghĩ khi ra tù còn gia đình, còn nhà cửa anh sẽ dễ dàng làm lại cuộc đời. Khi đó mặc dù thuộc diện bị thu nhà nhưng chị ấy vẫn được sở hữu một phòng ở tầng trên. Anh ra tù đầu năm 58 đúng không? Vậy mà theo tôi biết thì cho đến khi mất, là cuối năm 59, chị ấy vẫn ở tại căn phòng đó chứ có rời đi đâu đâu.

Ông Phúc không thể thốt nổi nên lời. Không phải sự kinh ngạc, không phải tâm trạng buồn đau hay thất vọng mà là một nỗi khiếp sợ đến tê dại khiến ông tái nhợt đi.

- Sau khi gặp ông Hoàng, tôi bay vội ra Bắc và lật đật tới ngay ngôi nhà năm xưa tôi đã đến gặp chị ấy. Phòng đã đổi chủ từ lâu. Chẳng ai biết chị ấy. Nhưng nếu thế thì phải chịu khó tìm mà hỏi chứ, anh Phúc. Nhờ công an quận họ rà lại sổ thôi, có khó khăn gì đâu. Cổ nhiên là tôi đã nhanh chóng tìm ra và gặp lại. Có điều không phải là chị ấy nữa mà là cô con gái. Ngày xưa khi tôi gặp chị Quỳnh, cô bé còn trong bụng mẹ, mà nay đã là thiếu phụ rồi. Bởi biết chị Quỳnh đã mất, tôi mới không nhầm. Hai mẹ con hoàn toàn một gương mặt, chỉ hơi khác một chút vì người tôi gặp bây giờ tuổi nhiều hơn người tôi gặp hồi xưa.

Lặng đi một hồi, rồi khẽ thở dài ông Định nói tiếp:

- Hạnh, nó là giáo viên cấp một, đã lấy chồng, có hai con. Nhà ở Bạch Mai, chật chội, sống cũng vất vả. Căn cứ vào chính sách hiện nay, tôi đã thu xếp để vợ chồng cô ấy được sở hữu lại một phần tài sản của dòng họ. Nghĩa là toàn bộ tầng trên của ngôi nhà đường Nguyễn Thái Học. Thủ tục vừa xong hôm nay và tuần sau gia đình Hạnh sẽ chuyển về ở. Âu cũng là tình đời run rủi, cũng đúng hôm nay, người tôi nhờ tìm đã tìm ra địa chỉ của anh và đã điện ngay cho tôi. Từ đây sang đây, ba phút đi bộ. Tôi nghĩ anh cần chuyển sang đây ở cùng cháu Hạnh.

- Con tôi... Ồi không, tôi chưa thể thể được... - Ông Phúc thều thào, méo máo, nước mắt lã chã - Tôi cảm ơn anh vô cùng... nhưng tôi...

- Tùy anh, anh Phúc ạ. Thư thư cũng được, nhưng rồi thế nào anh cũng phải sang với cháu. Thú thực là còn một chuyện nữa đấy mà không biết anh sẽ tính sao. Nghĩa là... bởi vì mỗ côi mẹ khi mới bốn tuổi nên Hạnh, cháu nó biết rất ít về mẹ. Nó chỉ biết có ông bố. Có điều, ông bố mà Hạnh nó nói lại không phải anh. Nó chẳng hay biết gì về anh cả. Có thể chị Quỳnh có nói nhưng còn quá nhỏ nên Hạnh nó không hiểu, không nhớ chẳng. Thậm chí nó hề không biết ông bố của nó không phải bố đẻ. Có lẽ bởi vì ông này đã là người rất gần gũi với cháu từ lâu trước khi mẹ cháu qua đời.

- Đây là Bách, có phải không? - Ông Phúc thì thầm, cặp môi run rẩy - Trần Văn Bách?

- Khi Hạnh nó bảo bố cháu nằm kia, trong một giây, vì bất chợt, tôi đã nghĩ nó nói anh, anh đang nằm ở đó. Ông ta bị

chứng nhũn não, vô tri và bất động tại giường như thế đã hơn hai năm. Khuôn mặt người ốm khiến tôi ngỡ ngợ, dĩ nhiên tôi thấy rõ không phải là anh. Tôi hỏi bố cháu tên gì. Tên Bách. Thì ra là thế. Tôi sức nhớ. Người này nhiều năm về trước tôi đã gặp. Gặp chính trong thời kỳ tôi thụ lý vụ án có tên anh. Cháu đẻ năm nào, tôi hỏi. Năm 55. Tôi chẳng hỏi thêm nữa. Và cho đến nay tôi vẫn giữ kín, chưa hề bắt cần nói lộ ra với Hạnh một điều gì. Mà thực ra tôi có thể nói gì. Chuyện đã thế rồi, lại sau chừng ấy thời gian. Chẳng nói từ 55, chỉ từ 75 tới giờ nào ai biết đã bao nhiêu nước chảy qua cầu. Thế nhưng ấy là nói vậy, chứ dù thế nào thì cháu nó vẫn phải được chính anh kể cho biết sự thật. Một sự thật của cả đời người. Một sự thật như thế mà cháu nó không hay biết thì coi như không hề được biết ý nghĩa của cuộc đời.



Ngay hôm sau ông Định bay vào và từ đấy không trở ra Bắc một lần nào nữa. Và cũng không thư từ gì với ông Phúc.

Ông Phúc thì vẫn thế, một mình một bóng, qua ngày. Nếu để ý, người ta sẽ thấy ông năng đi dạo hơn trước và chỉ dạo loanh quanh một khúc ngắn trên đường Nguyễn Thái Học. Ông thường ngồi hàng giờ tại một quán nước ở vỉa hè bên số chẵn, nhìn dòng đời qua lại và nhìn sang ngôi nhà bên kia đường. Mắt kém nên ông không sao thấy nổi nét mặt của những người đi ra từ ngôi nhà ấy, nhưng ông lại không thể dạn lên để lần sang.

Thực ra đã bao lần ông đi từ nhà tới đây với ý định quả quyết là sẽ bước vào cổng nhà 47, sẽ lên cầu thang và sẽ gõ cửa phòng cô giáo Hạnh. Ông nhắm thuộc lòng những điều ông sẽ nói với con gái mình. Nhưng rồi lần nào đến phút cuối cùng ông cũng tự lùi bước. Thái độ ngập ngừng do dự đã trở thành cố hữu. Con người ông ngày một nguội đi. Đầu óc buồn ngủ, trái tim uể oải. Và rồi rã, buông xuôi trong buồn nản.

Mùa thu năm nay mưa tầm tã. Và mới tàn thu đã gió mùa đông bắc. Trên trang nhất một tờ báo của Sài Gòn ra từ tuần trước, người ta đăng ảnh và tiểu sử của ông Định giữa một khung đen, đường viền in đậm nét. Tờ báo từ Thành phố gửi ra cho ông Phúc theo đường bưu điện phát chuyển nhanh, kèm một phong thư. Đeo kính lên, chậm chậm ông Phúc lần đọc những dòng tiểu sử, tóm tắt cuộc đời chiến đấu đầy sóng gió của người bạn học thuở xưa. Rất lâu, ông ngấm bức ảnh người đã khuất. Trái tim già nua nhức nhối và nước mắt nóng rục đau nhói tròng mắt như kim châm. Ông chỉ đọc được một dòng đầu của lá thư rồi không đọc tiếp được nữa. Mắt nhòa đi. Thư của Hạnh. Cô xưng con. “Con nhận điện, vào đến nơi, vừa kịp buổi chiều cuối cùng của bác Định...”.

Suốt đêm, ông Phúc ngồi ở đi văng, mắt nhắm mà không tài nào chợp mắt. Ngoài cửa sổ, Hà Nội tiết tàn thu, gió thổi, mưa rơi, lá rụng.

Ông nhìn những dòng chữ nắn nót, nét chữ mềm mại của lá thư con gái ông. Nhưng dường như không phải ông đọc thấy những dòng chữ của lá thư mà là từ trong tâm trí ông những dòng chữ tự thân hiện lên. Những dòng của quá khứ

xa vời vợi, đêm nay mới trở về từ đáy sâu quên lãng. “Nhờ vậy mà giờ đây dù có phải xa lìa, dù có phải mất anh mãi mãi em vẫn sẽ mãi mãi còn anh...”.

Tôi muốn nói, lẽ đời là vậy đấy. Bởi vì là một nỗi đau nên quá khứ còn sống mãi. Và bởi nỗi đau quá khứ còn sống mãi nên về sau ta mới có được một quãng đời êm lặng, một nếp sống bình yên, một tư duy thư thả, một tấm lòng khoan thứ và một cảm giác có hậu với cuộc đời cùng số phận.

Trại "Bầy chú lùn"

Một buổi chiều, từ lâm trường Mỏ Ba tháng Hai, tôi đi bộ về đồn biên phòng A 10, một mình dọc theo lối mòn chạy men bờ tây Sa Thầy. Còn chừng hai giờ nữa mới đến nơi. Bóng tối trong rừng lồ ô loang ra, tràn rộng, hòa vào hơi ẩm trên mặt sông. Phía trước vệt đường mỗi lúc một mờ, chạy lẩn khuất, lút trong cỏ. Bên đường cây cối rì rầm lo lắng. Tôi đã mệt như không sao đi nhanh hơn được. Chợt có tiếng sấm. Cơn giông kéo đến. Một đám mây tối màu nhô lên trên các mỏm đồi trọc bên bờ đông, lớn lên rất nhanh và thẫm đặc lại như một chậu mực tím khổng lồ đổ ụp ra giữa trời. Những dải mây dài và dẹt, màu xám, ruổi vượt lên trước, lướt qua sông, băng ngang trên đầu tôi. Bầu không khí nóng ngọt bị gió mạnh nổi lên lùa đi. Cây cối ngã nghiêng, những lùm lau chít ven

sông bị dè rập. Mặt nước nhàu nát nặng nề đập sóng vào bờ dốc đứng. Tôi tiến lên một cách khó nhọc.

Mưa rơi lộp độp, ánh chớp lóe lên và sau một tiếng sét kinh hồn làm lay chuyển núi rừng cơn giông bùng ra. Mưa như thác. Tôi gập người xuống chạy. Nhưng gió giật dữ dội và mặt đất như sắp lật nghiêng xuống nước. Sợ hãi, tôi náu vào một thân cây lớn.

- Ai đấy?

Tôi giật mình ngoái lại. Người vừa hỏi đứng đầu đó rất gần, trên đường mòn, nhưng tôi chẳng tài nào trông thấy. Trước mắt tôi kịt, chẳng chịt mưa quất.

- Ai? - Người kia lại hỏi, giọng sang sảng.

- Tôi là nhân viên bưu điện. Còn anh?

Nhờ ánh chớp tôi đã nom thấy cái bóng vừa từ dưới đất mọc lên ấy: cao lớn, ở trần, lưng đeo gùi.

- Anh đến A 10 hả? - Anh ta bước tới một bước.

- Vâng. Đến A 10, - Tôi đáp - Nhưng mưa. Bất ngờ quá.

- Mưa *lật mùa* đấy! Tôi ở đội bảo vệ của lâm trường.

Lúc này gió đã dịu hơn, mưa cũng nhỏ hạt hơn nhưng trút càng mau.

- Còn lâu mới tạnh - Bóng đen nói - Về nhà chúng tôi. Chờ tạnh hẵng đi. Tôi sẽ chỉ cho lối tắt.

- Vâng, anh giúp tôi với.

Chúng tôi đi, bì bõm trong bùn, rồi rẽ phải vào rừng. Tiếng sấm rền vang trên các vòm cây. Mưa rơi trầm trầm, buồn buồn. Gió tụt lại phía sau. Tôi cúi mặt tránh các cành lá, và

đưa tay bám chắc vào cái gùi to lù lù như chiếc thùng phuy trên lưng người đi trước. Rừng thưa dần, rồi tới một bờ suối. Chúng tôi đi qua một cây cầu tre trông mảnh, đừng đưa, nhưng có tay vịn.

Cuối cùng người đi trước dừng lại. Cửa rào mở loẹt quẹt. Tôi đi vào một cái sân với lối đi rải sỏi. Cuối sân, dưới ánh chớp, hiện lên một mái nhà lợp lờ ô. Thềm nhà cao, hiên rộng. Người đàn ông hạ gùi và đẩy cánh cửa. Cửa không cài. Chúng tôi vào buồng. Tối mờ, đăng đăng mùi khói xông muỗi.

- Trút đồ ra đi! - Chủ nhà xẵng giọng - Không có ai nữa đâu.

Tôi hạ bổng và cởi quần áo.

- Đưa cả đây để mang hong. Khăn đây này! - Anh ta nhăm nhăm. Xách mớ áo quần ướt anh bước ra ngoài qua lối cửa sau. Tôi chưa kịp lau hết người thì cửa lại kẹt mở, chủ nhà vào, cầm trên tay một cây đuốc cà boong, đi tới bàn châm lửa vào bấc đèn hoa kỳ, rồi cắm cây đuốc vào hốc cột cạnh cửa chính.

- Mặc vào, - Anh ta ra lệnh và trao cho tôi một bộ đồ bộ đội đã tàng, song lạnh lặn, được gấp xếp phẳng phiu.

- Hơi ngắn hả? - Anh ta hỏi - Thôi đành vậy, mặc tạm.

Thì ra, anh ta không cao lớn như thoạt đầu tôi tưởng, trái lại, thấp người, có thể nói là lùn. Cỡ như tôi, chỉ được có mét sáu chiều cao mà còn vượt anh ta nửa cái đầu. Vóc người anh to ngang, bè ra. Vai rộng lạ lùng, lưng gấu, hơi cồng cồng. Da dẻ dường như dày cộp, màu gì sất, nom khô và ráp. Tay chân ngắn nhưng rất khỏe, không cuộn cuộn bắp thịt mà to xù xụ. Còn khuôn mặt thì... thú thực, hiếm khi tôi thấy một bộ mặt

trông thô như thế. Anh chau mày lại khi nghe tôi ngỏ lời cảm ơn, và vờ vẻ lăm lăm, chẳng nói rằng bỏ đi ra, sập cửa lại.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế băng bên bàn, đưa mắt ngó quanh, trong lòng buồn bã: ban đêm, trong rừng, dưới mưa, thật chẳng có gì đáng để vui. Nhà ba gian, mái lợp lỏ ô, không có trần, không có vách ngăn và tuy sạch sẽ, ít muỗi nhưng chẳng có đồ đạc gì cả. Ở gian giữa đặt cái bàn này với chiếc ghế băng. Trên vách liếp có chân dung Hồ Chủ tịch và lá quốc kỳ rộng chừng phần tư thước vuông, bằng vải thô, đã phai màu. Một băng khẩu hiệu cũ kỹ "Tất cả cho thắng lợi cuối cùng". Gian phải để trống, trên vách giắt mấy cây rựa, ở góc dựng một ngọn lao. Giường kê ở gian trái.

Một chiếc giường nom là lạ, vì quá nhỏ, có thể nói quá xinh xắn. Trên giường trải một cái chiếu nỉ lông hoa nhưng không thấy gối màn gì. Và ở bên trên ô cửa sổ phía cuối giường có một cái giá treo xếp dọc một cái ba lô xếp dúm. Ngoài ra tuyệt nhiên chẳng còn gì khác nữa trong ngôi nhà này. Tôi thở dài ngán ngẩm và buồn tình, không có cách nào để qua thời gian, đành dỡ tất cả thư từ, sách báo trong bồng ra mặt bàn, trao đi, xếp lại như trang bài.

Chủ nhà vào, đặt lên bàn một đĩa sắn luộc.

- Chắc anh ngấy thứ *sâm* này lắm, - Anh ta nói, giọng khàn khàn - Nhưng ngoài nó ra thì tôi...

- Tôi không đói đâu.

Chúng tôi im lặng. Chủ nhà ngồi xuống chiếc ghế dài bên kia bàn, đối diện với tôi.

- Thư từ lắm nhỉ, - Anh ta cất tiếng - Còn khô ráo cả chứ?

- Vẫn khô nguyên, - Tôi đáp và tò mò nhìn anh, hỏi - Anh tên gì nhỉ?

- Tôi là Mộc!

- Mộc à... Mộc, để xem nào - Tôi vỗ trán - Cửa Mồng Ba tháng Hai đã gửi hết ở lâm trường bộ rồi, hình như...

- Tôi chẳng có đâu, - chủ nhà ngắt lời - Họ chẳng có ông trời muốn biên thư cho tôi.

- Sao thế? - Tôi ngạc nhiên.

Mộc nhăn mặt lặng thinh. Ngoài kia vẫn đang mưa như trút. Tôi gói các thứ vào ni lông, nhưng để chừa lại một tờ tạp chí Văn nghệ Quân đội, đẩy sang phía anh.

- Thôi, khỏi - Mộc từ chối - Cứ mang cả lên đồn cho anh em. Họ thiết lắm, còn tôi thì.. ờ, thì khi nào rảnh rồi sẽ mượn đọc chơi. Mà này, anh đừng sốt ruột. Cứ phải khô xong quần áo thì mới tạnh. Cũng chóng thôi. Vào cứ này lấy đâu ra nước mà hòng mưa dai.

- Anh hẳn là thông tỏ thời tiết ở đây lắm nhỉ?

- Thông tỏ ấy hả? - Mộc lắc lắc đầu, rồi phẩy tay - Làm sao không thông, hai chục vụ rẫy rồi, ít ỏi gì mà không tỏ.

- Hai mươi năm? - Tôi sửng sốt.

- Ừ, mỗi năm một vụ mà, - Mộc đáp - Phải. Đã hai chục năm rồi. Tết năm 62 ấy, anh biết không, chúng tôi đã có mặt ở bờ Pi hà. Chính là vào thời gian đó, anh ạ, tôi bắt được lá thư cuối cùng của gia đình. Thư gửi đi từ đầu năm 60 kia. Biết được thế là nhờ cái dấu tròn của bưu điện ngoài ấy nom còn rõ chứ còn lá thư thì đã bị mưa gió rừng Lào làm cho nhòe xanh hết cả. Và từ đó là

hoàn toàn bật tin nhà. Mãi tới cuối 66, tình cờ có cậu cùng làng đi vào khu Sáu tôi mới hay rằng mẹ tôi đã mất từ năm 61, chị tôi đi lấy chồng xa tận trên vùng mỏ. Còn lại được thằng em trai, nhưng rồi cũng vào bộ đội, chết đâu đó bên Lào, năm 65.

- Anh quê ở đâu?

- Ở Sơn Tây. Hòa Lạc. Thạch Thất. Năm 59, mười tám tuổi, tôi đi bộ đội nghĩa vụ. Thế mà mãi 77, đúng thêm mười tám năm nữa mới về thăm quê. Làng xưa đổi khác, chẳng còn là làng nữa, thành sân bay quân sự mất rồi.

Nói đến đây, Mộc nặng nề lặng im. Nước mưa ào ào tuôn dọc những lòng ống lồ ô, xối xả đổ xuống ở các đầu chái. Hơi ẩm lạnh lẽo lùa qua cửa sổ. Trong xó nhà, một con dế ri ri gáy.

- Dân ấy cũng rất muốn lên tận Quảng Ninh tìm cho ra bà chị gái, - Mộc nói tiếp, giọng trầm trầm - Ngặt nổi đang mùa đông, con bé con không chịu nổi rét mướt miền Bắc, mà tiền nong lại chẳng được bao lăm, hai bố con tôi không thể nấn ná, phải mau quay vào ngay trong này, trở lại rừng. Từ đó, chẳng còn dịp nào ra nữa.

- Thế con gái anh đâu?

- Tôi vừa cho cháu ra trọ học ngoài Đắc Tô. Ở trọ cực lắm, bố con lại chưa bao giờ xa nhau, nhưng phải đành. Đã mười ba tuổi đầu mà vẫn chưa chữ nghĩa gì sắt cả. Tại đây chưa có trường sở, tôi thì bận bịu và cũng chẳng biết cách dạy chữ cho trẻ, thành thử... Xa cháu, tôi buồn lắm. Cứ mong cho chóng tới ngày nó đủ chữ viết nổi được cho bố nó được đòi dồng. Đến khi đó thì phải cậy anh giúp đỡ, lưu tâm hộ, đừng để thất lạc của cháu.

- Thế chị ấy đâu? - Tôi hỏi - Vợ anh ấy, chị ấy đâu mà chị có hai bố con với nhau?

- Cái gì? - Mộc trợn mắt - Ai?

Tôi bối rối, lúng túng xin lỗi về sự tọc mạch của mình.

- Gì đâu mà, - Mộc lầm bầm - Sao phải xin lỗi... Chẳng qua là vì tôi thì vợ con gì cơ chứ.

Đáp lại cái nhìn dò hỏi của tôi, anh giải thích:

- Khi vào đây tôi là bộ đội. Giờ chuyển ngành rồi nhưng là chuyển ngành tại chỗ nên cứ quanh quẩn một dọc rừng này. Thử hỏi làm sao kiếm cho ra một cô vợ. Với lại, anh thấy đấy, tôi già rồi, ham gì nữa...

Ngẫm nghĩ một lát anh nói tiếp:

- Vào chiến trường từ thuở 62 mà giờ vẫn còn gáo, chẳng phải do tài giỏi gì, chỉ bởi suốt mười ba năm chiến tranh tôi chưa từng một lần đi đâu ra khỏi vùng ven Sa Thầy này. Chưa từng nếm mùi trận mạc. Thuộc lớp lính tiền phong của B3 mà chưa từng biết thắng Mỹ mảy mảy ngang mũi dọc thế nào. Cho nên phải chịu lê bù trừ: được sống tới tuổi này, bốn mươi hơn rồi, nhưng mất gợn tuổi trẻ.

Mộc gõ gõ ngón tay lên mặt bàn, lặng im một lát, rồi tiếp tục kể:

- Mới chớm chân qua biên giới tôi đã sốt ngay rồi. Sốt rét ác tính, suýt chết. Rồi nữa là bị phù, nề hết cả người. Bị ngờ là nhiễm hủi. Coi như mất sức chiến đấu. Bấy giờ mà đang mùa khô thì cảm chắc là tôi đã được ra Bắc. Nhưng lại đang tháng Bảy, mùa mưa. Đơn vị gửi tôi về nằm điều trị ở trạm anh Nua. Trạm ấy là một dãy lán mà chỗ của nó bây giờ là nền của căn nhà này.

- Sao lại gọi trạm anh Nua?

- Vì anh Nua ở đây. Anh Y Nua, người Ê Đê.

Mộc thờ dài, kể tiếp:

- Bề ngoài, Y Nua đã gần giống như một người rừng. Anh ấy dựng lán ở đây từ sau ngày Hiệp định Giơ neo, sống lẩn lút, làm nương, làm rẫy tạo chỗ ăn ở, đi về cho cán bộ của tỉnh ủy Công Tum qua lại biên giới. Bản thân thì đói ăn, áo quần vỏ cây, đêm nằm ổ lá. Từ ngày tiểu đoàn tôi từ Xê Nọi tiến vào Tây Nguyên thì cái lán của anh Nua là một trong những cơ sở hậu cần đầu tiên của quân ta trên chiến trường này.

Mùa mưa năm 62 ấy, ngoài tôi còn năm đồng chí nữa là bệnh binh được đưa về đây. Anh Nua một mình nuôi dưỡng chúng tôi, kịp tới mùa khô giao liên về đón thì tất cả đều đã đủ sức lên đường ra Bắc. Nhưng đúng buổi chiều trước hôm chúng tôi rời trạm thì Y Nua chết ngoài nương. Một thân cây lớn vật xuống ngược chiều giằn lên anh ấy. Chôn Nua xong, không ai bảo ai chúng tôi đồng lòng ở lại cánh rừng này, với ý định ban đầu là tiếp tục vụ rẫy mà anh ấy đang làm dở.

Phát rẫy, đốt nương, tía lúa, trồng bắp tuy là việc nặng nhọc nhưng lại chẳng mấy phức tạp nên không lâu tất cả chúng tôi đều thành thực. Và khi trung đoàn mở trận đầu tiên, trận Plây-mơ-rông, mùa khô năm 63, thì lương thực cho bộ đội hoàn toàn là do sáu anh em tôi sản xuất. Thế là từ đó chúng tôi chính thức sống cuộc đời lính "chọc lỗ". Không ra Bắc nữa, cũng không trở về đơn vị chiến đấu, chúng tôi bắt tay vào vụ thứ nhì, rồi vụ thứ ba, thứ tư. Và cứ thế, cứ thế mãi...

Mộc cúi đầu xuống, thờ nặng nhọc. Ngoài đêm mưa đã

tạnh từ bao giờ. Đầu hiên tiếng nước giọt tí tách. Trên cửa sổ hình bóng của những chùm cây ướt át hiện lên lay động trong bóng tối phẳng lặng.

- Cơ ngơi của Y Nua lớn dần lên nhưng gian khổ còn lớn mau hơn. Nhưng nặng nề nhất, khổ nhất là cảnh cô độc. Thực vậy. Cô độc kinh người giữa bốn bề rừng già vây bọc. Sẽ quen thôi. Nhưng đầu phải chỉ vài năm là quen nổi. Có thời kỳ hàng năm chẳng ma nào lai vãng tới giang sơn u ám của anh em tôi. Nhưng có sao đâu điều đó. Chúng tôi là lính tăng gia B3 mà anh. Chúng tôi chỉ biết làm lụng, làm lụng cật lực để có lương thực, lương thực thật nhiều, không phải cho bản thân mình mà cho anh em đồng đội đang chiến đấu ở những đầu đó xa tít mù tắp bên kia đại ngàn.

Chúng tôi chẳng biết gì mấy về tình hình chiến sự. B52, B57 ném bom ụynh ụynh xuống những đầu đó có vẻ xa vô chừng. Chưa bao giờ vùng này bị bom. Thỉnh thoảng có thằng C123 mò lên rải chất độc làm trụi lá rừng nhưng chẳng hề hấn gì lắm tới sản lúa của chúng tôi. Ngay cả thời kỳ bọn sư đoàn 4 Mỹ mở trận càn Đông Sa Thầy, ở đây cũng chỉ nghe tiếng súng cỡ lớn. Cuộc sống như vậy, anh thấy đấy, thật náo nức. Như bị bỏ quên, trong khi sức lực ngày một kiệt. Gánh nặng nương rẫy bẻ oằn sống lưng. Thân thể bị xô lệch. Mặt mày dềch dạc, già sụm đi. Lính tráng ở Cánh Bắc B3 gọi đây là trại Bầy chú lùn.

- Bầy chú lùn? - Tôi hỏi lại.

- Phải! Bầy, là kể cả Y Nua nữa. Còn lùn thì chả hiểu sao anh em họ gọi thế. Lâu ngày thành quen, ai cũng gọi thế cả. Trại Bầy chú lùn.

- Thế có nàng Bạch Tuyết nào không? - Tôi hỏi, hoàn toàn không có ý đùa bỡn.

Mộc không trả lời, tiếp tục kể:

- Bảy chú lùn, gọi thế, nhưng khi tên ấy đã thành quen thì đã chẳng còn đủ bảy. Sau Y Nua, là Tý. Chết năm 64. Cũng bị cây đè. Chết vậy khổ lắm. Hệt như nhau, các anh ấy lên cơn sốt lúc đang phát rầy. Cây gãy, chuyển răng rắc, nhưng mất hoa, chân tay run giật, đáng lẽ tránh sang trái lại bước sang phải. Mà khi chưa tắt thở thì chưa thể nhấc cây lên được. Trông sợ lắm. Cầm run bần bật, răng cắn nát môi, tóc bết vào trán, và máu thì không rỉ một giọt, mặt tím thâm, và tỉnh táo, chịu trọn cái đau cho đến lúc chết. Mọi người xúm quanh, bắt lực. Sang mùa khô 65, Tâm lại cũng bị y thế. Sốt rét, đói muối, làm lụng không ngơi, sức kiệt... Nguyên nhân tai nạn là vậy. Biết vậy chứ làm thế nào mà tránh. Đến năm 67 lại chết thêm Hình. Nguyên do thế này: tới năm đó, đàn heo của trại chúng tôi đã hơn trăm con, nuôi thả bên kia suối. Vì vậy hổ cũng bắt đầu lượn lờ ngoài ngõ. Cuộc chiến giữa chúng tôi với bọn chúng ác liệt, kéo dài, có thể nói đẫm máu. Nhưng Hình không phải bị hổ vồ mà vì cháy rừng...

Mộc ngồi lặng một lúc.

- Tối ấy, con heo nái khá nhất của trại bị hổ công mất. Điền ruột, tôi và Huy xách súng rượt theo dấu máu quyết khử bằng được con quái vật. Hình đang sốt nên ở lại trông trại. Gần sáng, thì hạ được con hổ già ấy, khiêng về. Nửa đường, đang qua núi, trông về phía trại mà sững người: màn đêm bầm đỏ, phồng lên một mảng. Liệng con thú xuống cái phịch, chúng

tôi đâm mình chạy, cắt chéo rừng tre gai, băng tuốt qua hồ lầy bãi sinh, một hơi không nghỉ, bỏ về nhà. Khu bên này suối: nhà ở, bếp núc, lò rèn, vườn ươm còn nguyên, nhưng bên kia suối với kho lương, kho thực phẩm, giống má, chuồng trại chăn nuôi thì cháy rụi. Có thể từ đây, qua màn khói, trông thấy dài dãi bên bờ đông Sa Thầy. Nghĩa là đêm ấy lửa đã ngốn ngon ba chục héc ta rừng dọc bờ tây Sa Thầy. Cũng là kiểu cháy vòng tròn nhưng không phải từ tâm cháy ra mà từ ngoài cháy ập vào như lối ta đốt rẫy. Thêm nữa, lửa còn từ dưới đất cháy trồi lên. Lá mục, mùn khô dày hơn nửa thước, đủ độ lửa mà bùng cháy lên thì khác nào bị tấm xăng. Lại không may phải đêm trời động gió. Lốc xoáy như rồng vặn, cuộn tròn lấy tán rừng. Mất ba ngày lội trong tro nóng, mới tìm thấy chút hình tích của Hinh ở gần chỗ vốn là kho lương thực. Cậu ấy muốn cứu kho và cứu đàn heo nên đã liều mình với lửa mà sức thì đuối không thể chọi nổi với vòng vây thít lại quá nhanh và hung tàn như thế. Vậy là, sót lại trên đời, tôi, Huy, hai thằng... Thế mà, cuối mùa mưa 68, kỷ niệm sáu năm kết nghĩa vườn đào, đến lượt Huy, người anh em thứ sáu của tôi bị một cơn sốt ác tính vật ngã ngoài rẫy lúc đang cùng tôi làm cỏ lúa.

- Thế không có lực lượng bổ sung hay sao hả anh? - Tôi thì thăm.

- Cái gì cơ? Bổ sung ấy à, bổ sung! - Mộc phẩy tay - ở B3, các đơn vị chiến đấu cũng ít nghe đến chuyện đó, hướng hồ một trại tăng gia ở tuyến sau.

Một lúc trầm trong im lặng rồi Mộc nói tiếp:

- Cái việc bổ sung quân số mà anh hỏi ấy mà thì đúng là

chẳng có đâu. Nhưng sau khi Huy chết rồi thì cũng không phải là tôi đã sống một mình cô lẻ. Nếu mà phải như thế, có lẽ tôi đã chẳng đủ gan trụ lại xó này. Thật ra thì cô ấy đã có mặt ở vùng này từ trước đó, khi trại còn được ba anh em. Hồi bấy giờ, đường dây giao liên từ Tà Xèng vào Khu Sáu, cắt qua B3, có một cung lượn đến gần trại chúng tôi. Trạm giao liên kiêm bến đò ở ngay sát chỗ tôi và anh gặp nhau đó. Buổi đầu, giao liên là hai cậu người Bình Thuận, sau thêm cô ấy. Người Hải Phòng, tên là Nga, vốn là thanh niên xung phong ngoài 559.

Một hôm, chiều tối, từ ngoài rẫy một mình trở về muộn, tôi sững ra, không tin vào mắt mình nữa. Căn nhà chúng tôi đây sáng ánh đuốc. Tiếng đàn ghita, rồi một giọng con gái cất cao, hát lên bài hát của thanh niên xung phong: “Đời chiến đấu, đời gian nan... nhưng hồi tuổi trẻ đẹp tươi, hạnh phúc trong đời là chiến đấu...”. Tôi đứng ở ngưỡng cửa. Cuộc vui kéo dài có lẽ đã khá lâu rồi. “Đồng chí Nga, giao liên T65, từ nay là hàng xóm của chúng mình”, Huy giới thiệu cô gái lạ với tôi. Một cô gái trẻ măng, người cao, cân đối, nước da bánh mật, tóc tết đuôi sam. Cô ngừng hát. Khuôn mặt thanh tú hết sức ưa nhìn thoáng vẻ bên lên. “Ôi, từ nay những gì rồi sẽ đến với cánh ta đây hả các bạn?”, tôi thăm nghĩ. “Năm tháng vinh quang, khổ đau bất tận...”, cô ta lại bật dây đàn và hát, người uốn éo, mặt tái đi, mắt vừa rục lên vừa tối lại, và giọng hát thì tuyệt hay, khi vút cao khi bắt ngờ tắt lặng.

Cho đến tận bây giờ, những chiều từ rừng trở về muộn, tôi lại thỉnh thoảng thỉnh linh trông thấy buổi tối ấy, nghe

thấy tiếng hát ấy, và nhắm mắt lại tôi nhìn thấy các đồng chí, nhìn thấy Nga...

Cuối năm 67, trong một chuyến đưa khách về Ấn Cốc, hai đồng chí nam ở T65 bị bọn thám báo Mỹ phục kích giết chết. Cũng thời gian đó ở đây xảy ra trận cháy rừng, chúng tôi mất Hinh. Lửa cũng hủy luôn toàn bộ nhà cửa lán trại của trạm T65. Tôi mời Nga chuyển vị trí trạm vào trong trại ở chung với chúng tôi. Nhưng Nga từ chối, và như là giận gì chúng tôi, cô di hẳn vị trí của cô sang bờ đông. Và thưa hẳn đi lại.

Giữa tôi và Huy, ai buồn hơn, khó mà biết được. Nhưng có lẽ tôi thì cứng rắn hơn một chút, còn Huy mềm yếu hơn. Huy vốn thổi tiêu rất hay, nhưng ít thổi và từ lâu đã không thấy nhìn ngó đến. Vậy mà bây giờ, tiếng tiêu của Huy ngày ngày nghe cất lên bên bờ sông trong bóng chiều chạng vạng, làm nhau ứa nước mắt. Tỉnh đã lặng lẽ, Huy càng trở nên lặng lẽ hơn. Và tôi thì còn thỉnh thoảng sang sông thăm Nga, làm việc này việc nọ giúp cô, chứ Huy thì không một lần. Những khi họa hoằn có Nga sang chơi, y như rằng Huy bỏ đi cố tình tránh mặt.

Mùa mưa 68, Nga không rút qua Lào như mọi năm. Cô được lệnh chốt lại, nhưng trên chẳng còn người nữa để điều thêm về trạm. Một mình Nga một cung trạm giao liên.

Bữa Huy qua đời, tôi không thể kịp báo tin cho Nga. Nhưng, không hiểu bằng cách nào mà Nga vẫn hay tin. Chiều hôm sau, mặc dù đang lú lớn, Nga qua sông. Trước tiên, Nga vào khu nghĩa trang của trại viếng mộ Huy và những người anh em đã khuất của tôi. Rồi cô vào trại tìm tôi. Cô nói: "Từ

nay, em sang ở cùng anh". Từ đây, trại Bảy Chú Lùn và trạm T65 là một.

Cũng căn nhà này đây, nhưng hồi ấy là nhà âm. Tôi gian bên phải, Nga gian trái. Gian giữa này dành cho khách. Khách vào, khách ra theo đường dây của Nga sống chủ yếu bằng nguồn lương thực của trại. Những ngày mưa lớn tôi chống dò đưa Nga và những người khách của cô vượt lù Sa Thầy. Nhiều lần theo yêu cầu của Nga, tôi đi cả dò dọc. Nhưng càng ngày người nhập trạm vào khu Sáu càng thưa hơn, người từ đó ra lại càng ít nữa. Nga thường xuyên ở trại. Cô đảm nhận tất tât những việc ở nhà để tôi chuyên tâm hoàn toàn chuyện nương rẫy. Những việc ở nhà vừa không kém cực nhọc vừa lách nhách: sấy sắn, sấy măng, phơi cá, tưới rau, trừ mối mọt cho các sạp kho, trông nom gà lợn... Những khi tôi ốm đau, mà dạo đó sức kiệt quá rồi, tôi ốm đau luôn, Nga chăm bẵm, nâng giắc cho tôi và đôi khi lên rẫy thay tôi. Thương nhau, gần gũi nhau thể và trong cô đơn dè nặng, giữa hoang vắng đêm trường, vậy mà... Tôi rất hiểu. Không phải là không chịu đựng nổi nhưng Nga ngăn vô cùng loại công việc của chúng tôi. Thêm nữa, tình hình chung trên chiến trường dần ép nặng nề tâm trạng Nga. Thời kỳ sau Mậu Thân ở B3 ra sao có lẽ chẳng cần phải nói nữa, mà ở Khu Sáu thì thôi càng miễn phải luận bàn. Nói chung là tối tăm mù mịt. Tình hình ở đầu đường dây và ở cuối đường dây thế nào, tại đây chúng tôi chỉ có thể phỏng chừng. Và anh có thể tưởng tượng nổi là suốt cả một năm 1969, ba trăm sáu mươi lăm ngày đêm, chỉ có tôi với Nga, Nga với tôi. Lương thực tích trong kho, trong vựa không

có đơn vị nào đến lĩnh. Bởi vì làm gì còn đơn vị nào nữa trên Cánh Bắc này. Tạt cả sang Miền, hoặc rút hết xuống Cánh Nam rồi.

Tôi thì chẳng nói làm gì, hẳn là còn quá cả Y Nua ngày xưa, nhưng đến Nga cũng bắt đầu phải cảnh rách rưới tới mức hở hang. Tình cảnh ấy, tôi thấy rõ, với tôi nặng nề một thì với Nga nặng nề mười. Cô đau khổ, cảm thấy bị cầm chân, bị bỏ quên, và dần dần như là cô bắt đầu oán giận tôi. Nhưng điều làm tôi ngại hơn cả là khi thấy ở Nga chớm dần lên những biểu hiện của tâm trạng lầm lũi, u uẩn của chính tôi. Sự giống nhau dần dần ấy khiến chúng tôi thêm lặng lẽ xa cách nhau. Y như tôi, Nga có thể không hé nửa lời trong một tháng, hai tháng, nếu không nói rằng sẵn sàng im lặng cả đời. Nhưng tôi là đàn ông, và chẳng bản tính có lẽ đã sẵn như vậy, còn Nga thì đâu phải thế, cho nên rõ ràng cuộc sống ru rú một xó rừng này và sự tiếp xúc lâu dài với tôi đã tàn hại tâm hồn cô. Ý thức điều ấy nên quả tình cũng không khó gì lắm để có thể tự nén mình trong những đêm dài thao thức, nghe rõ tiếng Nga trở mình trên võng ở góc kia căn nhà, cách võng tôi chỉ mấy bước. Nhưng có lắm khi, chẳng hạn, từ trên nường trở về muộn hơn bình thường, từ xa nhìn thấy Nga đứng ở cổng trại mỏi mắt ngóng lên rừng chờ đợi mình, hay khi sẵn được con thú, đủ chất tươi cho cả tuần, hay kiếm được quả bưởi rừng về tặng, thấy Nga vui thích, tôi lại tự dối lòng. Đôi khi, bất chợt tôi nhìn như nuốt lấy cô, thật không thể nào nói khác được, khi thì nhìn ngấm lên lút. Và như vậy là hạnh phúc, hay như vậy là đau khổ, tôi chẳng biết...

Rồi, bước sang năm 70... Hôm ấy là ngày đầu năm, lần đầu tiên sau suốt một năm rông có những người khách tìm tới trại. Đó là một tốp ba trinh sát viên của trung đoàn Plâyme. Họ đi đâu, làm nhiệm vụ gì, chúng tôi không hỏi, họ cũng chẳng nói, song đã là lính sư 10, lại là trinh sát, ắt là phải đi vì những việc quan trọng. Chắc chắn sự xuất hiện của ba chàng quân báo đẹp trai, dũng mãnh này phải báo hiệu một thời kỳ mới đang tới trên Cánh Bắc B3.

Tôi cấp cho họ lương thực và thực phẩm khô quá lượng mà hậu cần sư đoàn yêu cầu chi, và chu đáo, tôi bảo Nga tiễn họ qua sông. Sang sông, Nga còn tiễn họ đi xa hơn nữa, thêm một ngày đường về hướng Đắc Xiêng.

Từ sau đó tình hình ở B3 bắt đầu có khá lên. Các đơn vị chiến đấu bắt đầu cử người tới nhận lương thực ở trại chúng tôi. Hậu cần Mặt trận điều lực lượng về hỗ trợ tôi thu hoạch gấp toàn bộ các nương lúa và rẫy sắn của vụ ấy. Cùng thời gian này dọc theo đôi bờ Sa Thầy mọc lên thêm một vài trại tăng gia khác.

Gian nan khổ cực vẫn xâm tới núi rừng nhưng sầu thương đã vơi đỡ. Đêm đêm, tiếng quân trẩy dọc đường mòn khơi dậy niềm hy vọng ở ngày mai. Người con gái tươi đẹp và sôi nổi ngày nào như đang dần dần thức tỉnh trong Nga. Đã trở lại những buổi tối Nga sẵn sàng cầm lấy cây đàn và cất lên tiếng hát để chào đón và tiễn biệt bạn bè, đồng đội tứ phương dừng chân trong trại. Tuy nhiên, lòng tôi thất lại. Tiếng hát của Nga hôm nay còn đâu âm điệu phấn khích ngày trước mà buồn vô hạn, buồn như tiếng tiêu của Huy ngày nào. Và

những bài ca của các trinh sát viên - những chàng trai cảm tử - là những bài ca mà Nga chọn hát. “Bạn đời ơi, đêm nay lần cuối, tôi còn ngắm vầng trăng trên đỉnh núi Ngọc Bờ Biêng...”.

Đối với tôi, vốn đã dịu dàng giờ đây Nga càng dịu dàng hơn, thân thiết và quyến luyến hơn. Nhưng chẳng cần phải sâu sắc gì lắm, nồng cận và kém từng trải như tôi cũng đủ nhạy cảm để biết rằng giữa hai chúng tôi đã có một người thứ ba vô hình. Người đó đã độc chiếm ở Nga tất cả những tình cảm mà lòng tôi bấy lâu mòn mỏi chờ mong được có. Bằng chứng đầu tiên là việc, mặc dù đường dây đi Khu Sáu qua ngã này đã bị bãi bỏ và đã có lệnh của Tổng trạm rút Nga ra Tà Xéng, nhưng cô nấn ná, rồi cuối cùng làm đơn xin được ở lại B3 một thời gian nữa để giúp trại tăng gia. Tôi không thể tự huyền hoặc rằng Nga cưỡng lệnh trên như vậy là vì tôi. Tôi biết, họ đã lấy trại “Bảy chú lùn” này làm điểm hẹn. Và, bằng chứng nữa là...

Mộc xòe rộng hai bàn tay to xù, đặt ánh mắt vào đó như nhìn ngắm, sẫm soi, cổ rút lại, vai so lên một cách xấu xí, rồi không nhìn tôi anh kể tiếp:

- Năm 70, rồi cuộc vẫn là thời sau Mậu Thân. Nhất là khi mùa mưa đến. Một mùa mưa dài chưa từng thấy. Cháu bé ra đời vào đầu tháng Chín. Mặc dù bấy giờ bên bờ Đông Sa thây, cách trại chúng tôi nửa ngày đường, ở trại tăng gia tỉnh đội có mấy chị người Quảng Đà, nhưng vì suốt mấy tuần trước đó tôi không dám để Nga lại một mình nên không sang rước các chị ấy về ém sẵn ở đây. Thành ra, vậy là, chính tôi đã đỡ cho cháu ra đời, giữa một đêm mưa lụt trời anh ạ. Đã đành là rất

cực, nhưng may mắn mẹ tròn con vuông. May mắn nữa là vào tiết đó việc nương rẫy đã tạm tạm nên tôi có dư thời gian để chăm sóc hai mẹ con.

Suốt mấy tháng mưa ít người qua trại, hầu như chỉ có ba chúng tôi quần quýt bên nhau. Cháu bé trở thành cuộc sống chung của tôi và Nga. Chúng tôi nói nhiều, cười nhiều hơn, bàn bạc, tranh luận và cãi nhau, giận dỗi nhau nữa quanh chuyện sức khỏe, chuyện kiêng khem, chuyện đồ ăn thức uống cho con bé. Hạnh phúc xáo động đời tôi, và hạnh phúc tốt đỉnh, thực thế, là vào một tối gần giống như tối nay, tháng 11, mưa lạt mùa. Nga ẵm con ngồi trên võng, còn tôi bên bàn. Một cây đuốc, một ngọn đèn. Nga ngược mắt nhìn tôi, đưa tay vén những sợi tóc mai rủ xuống má và nói: “Anh Mộc ạ, con bé được hai tháng rồi mà mình chưa đặt tên. Em không nghĩ ra cái tên nào cho hay, anh xem...”. Rất lâu, tôi ngồi lặng, chẳng nói nên lời. Thương hai mẹ con vô chừng, và tự thương mình nữa đến muốn khóc. Tôi đặt tên cháu là Nương.

Năm ấy ba chục tuổi đầu, tam thập nhi lập, tôi nghĩ, có lẽ từ nay cuộc sống của mình đã thật là cuộc sống một con người. Nhưng nghĩ vậy thôi, chứ sâu trong lòng vẫn tự biết chẳng phải thế đâu.

Anh ạ, cho đến lúc ấy mọi nguồn cơn nông nổi đã đến với Nga, tôi không hề hỏi, mà Nga cũng không thổ lộ. Nhưng, bố của Nương là ai thì chính trong đêm Nương ra đời, tôi đã biết. Trong cơn đau trở dạ, đã gần như mê sáng, Nga đã gọi tên anh ấy, cầu xin anh ấy xuất hiện bên cô trong giờ phút ghé góm ấy của đời cô. Anh ấy chính là người chỉ huy tập quân

báo đã xong đất trại chúng tôi hồi đầu năm. Tuy vậy, điều làm tôi choáng váng không phải là bản thân sự phát hiện ra bố của Nương là ai, mà bởi vì anh ạ, rất lâu trước đây, tình cờ tôi đã được tin chắc chắn rằng chính trong chuyến đi trình sát đó, chuyến đi có ghé qua trại chúng tôi, họ vào điều nghiên Đắc Xiêng và không may bị lộ, cả ba người đã bị giết. Bằng vào một linh cảm bí ẩn nào đó, mặc dù khi đấy chưa biết Nga có mang, tôi đã không nói cho cô hay tin dữ ấy. Đến khi đã biết bố của Nương là ai thì tôi lại càng phải nhất thiết không được để Nga biết anh ấy đã chết. Tôi nghĩ vậy. Thế nhưng, nỗi buồn, niềm mong nhớ của Nga ngày thêm da diết và não nùng. Cô già đi, trên vùng trán đẹp đẽ bắt đầu thoáng những nếp nhăn, má tái lại và hõm xuống. Tôi tự nhủ là cần phải nói để chấm dứt sự trông chờ vô vọng của cô. “Ngày mai mình sẽ nói”, tôi nghĩ. Nhưng ngày mai, rồi ngày mai nữa qua đi. Cho tới một hôm có một đoàn dân công người Ba Na vào trại để gửi sắn khô ra mặt trận. Qua những lời chuyện trò của họ với nhau, tôi lôm bôm đoán ra được rằng họ đang vui mừng vì cuối cùng thì trung đoàn Plâyme lừng danh đã từ thảo nguyên Cánh Nam trở lại vùng núi Ngọc Rinh Rua của Cánh Bắc. Khi hiểu được ra cái bí mật quân sự bị lộ bêm này bắt gặp tôi lặng người đi vì chợt nhớ rằng Nga của tôi rất sôi nổi Ba Na.

Tôi không làm. Ngay buổi tối hôm ấy, Nga nói ngày mai mẹ con cô sẽ từ giã tôi, sẽ đi, đi xa. Tài ù, máu như đông lại, tôi nghe mà không nghe gì hết. Tưởng như sẽ phải gằm thét lên, vậy mà lạ sao, hoàn toàn lãnh đạm, bình thản tôi bảo việc đi hay ở tùy Nga, cô không thuộc phiên chế của trại này, và

tối bảo, vì tối nay, ngày mai phải lên rẫy mía coi chừng voi đàn về phá nên xin có lời từ già trước, chúc lên đường bình an. Nói rồi, tôi ra khỏi nhà, bỏ lên chòi canh trên rừng.

Nhưng sáng hôm sau, chẳng hiểu nghĩ ngợi thế nào, tôi trở về trại với một huyền cảm rằng đã không hề có sự chia tay nào cả tối qua. Nhưng, Nga đi rồi, bé theo bé Nương, để lại trên bàn một phong thư, cây đàn, chiếc võng dù. Mặt trời đang lên, khoảng chừng sáu giờ, rừng đang tan sương. Lòng đầy tuyệt vọng, tôi lao mình ra phía bờ sông. Dù sao trời cũng đã một chút ít động lòng: chẳng những tôi lần trúng lời Nga đi mà còn đuổi kịp khi hai mẹ con vừa ra tới giữa sông.

“- Nga...a-a-a..!”, từ trên bờ dốc cao, tôi gọi. Tuy còn bị mây che mờ nhưng vừng dương đã vượt khỏi mái rừng. Mọi vật nhuộm màu hồng thắm: cây cối, bờ sông, mặt nước. Địu con trên lưng, Nga sững lại đứng im giữa dòng. Tôi chạy xó tới, đập nước tung tóe. Mùa khô, tháng Chạp, Sa Thầy ở đoạn này chỗ sâu nhất không quá đầu gối.

“- Sao lại bỏ đi? Sao lại bỏ đi? - Tôi chạy tới gần Nga, miệng rên rì, chân vấp dúi dụi - Sao lại bỏ đi thế, Nga!”

Nga quay lại phía tôi. Khẩu AK buông trước ngực, quai súng như xiết vào gáy cô. Dưới chân chúng tôi nước lạnh ngắt, chảy rào rào trên nền cát lấp lánh sỏi trắng.

“- Đừng đi, Nga! - Tôi hăm bước, dừng lại cách cô một sải ngắn và đau đớn kêu gọi - Hãy ở lại chứ em đi đâu được, tìm ai, ở đâu, hả?”

“- Mẹ con em phải đi, tối qua em đã thua cùng anh rồi mà”, Nga trả lời với giọng gần như thờ ơ, hai tay buông thõng.

“- Tại sao? - Tôi quát gào lên - Hay đã có điều gì làm cô phật ý, hả?”

Nga lắc đầu: “Không. Anh đừng nghĩ thế. Có điều, em không thể. Hãy tha lỗi cho em”.

“- Nga! - Tôi kêu lên và đấm ngực - Hãy quay về ngay. Làm khổ người ta như vậy là đủ rồi nghe chưa. Quay về đi em, Nga!”

Nga im lặng. Tôi ngáp ngừng đứng nguyên tại chỗ. Chúng tôi nhìn nhau.

“- Nga đi tìm trung đoàn 66 phải không?” - Tôi hỏi.

“- Vâng. Em theo dấu đoàn dân công tìm tới hậu cứ trung đoàn - Nga đáp khẽ - Các anh ấy vừa từ Cánh Nam lên... Đã từ lâu, em nghe người ta nói anh ấy không còn nữa. Cả anh, chắc anh cũng đã biết cả. Nhưng, anh Mộc, anh nghe em, anh đừng tin lời đồn đó... Nhất định, anh ấy còn sống!”.

Tôi lẳng lặng đứng trước cô, hồi lâu mới nói được nên lời: “Nhưng tại sao lại đưa Nương đi? Đường trường như thế làm sao mà chịu nổi... Và nữ lòng nào Nga xử với tôi như vậy. Đưa cả Nương đi... Không để tôi trông nom được sao? Rồi sau này thì tùy, về mà đón... Để con lại, Nga. Bởi vì, Nương cũng là con tôi mà Nga ơi”.

“- Đường trường và gian nguy thế này, mang con theo em biết sẽ khó khăn, nhất là con nó phải khổ và chịu hiểm nguy. Nhưng, gửi lại, biết rằng rồi đây anh sẽ về đâu, phương trời nào mà tìm lại...” Nga nói nhỏ nhỏ, giàn giụa nước mắt, cúi đầu xuống.

“Về đâu ư? - Tôi nói - Còn về đâu nữa mà Nga hỏi. Rừng này, nương rẫy này, trại này và mồ má anh em kia... Hãy để

Nương lại tôi nuôi nấng với. Hãy nghe tôi đi em”. Tôi đưa hai tay lên trời và thiếu điều quỳ xuống giữa triển nước.

Tôi run run bế lấy bé Nương. Con bé vẫn đang ngủ say. Tôi quay đi, chậm chạp bước, sục nước ùng ùng. Lên bờ, nhìn lại, Nga vẫn đứng đó, hai tay ôm ngực. Một niềm hy vọng đau buốt thọc vào tim tôi: “Có thể Nga sẽ lội trở lại bờ này, sẽ về lại với mình, với Nương...” Nhưng không, lẳng lặng Nga quay đi, leo lên bờ đông và rất nhanh, khuất sau đồi.

Nương, như những đứa bé người Thượng, lớn lên trên lưng cha mẹ cho tới lúc biết đi, biết nói... Rồi chiến tranh kết thúc. Lần lượt mọi người ra đi, rồi bỏ núi rừng, già biệt đời gian khổ. Và bây giờ cả con gái tôi cũng thế, vươn xa, bay cao, bỏ miền heo hút này lại cho quá khứ. Còn Nga thì thế là không một lần trở lại. Tôi thì thế, vẫn ở nguyên đây, y lời thề xưa: đây là chiến địa, là mồ mả anh em, là đất sống mãi mãi của đời tôi, trại Bảy Chú Lùn này, dòng sông Sa Thầy này, nơi mà Nga luôn luôn có thể trở về tìm lại được con...

Khuôn mặt thô nặng, dài dàu, sạm cháy của Mộc không lộ nổi xúc động. Anh chỉ lặng đi. Dường như cả tiếng đồng hồ trôi qua cho tới khi anh sực tỉnh đứng lên.

Gần nửa giờ sau, anh lặng lẽ chia tay tôi ở bìa rừng đầu con đường đất dẫn thẳng tới đồn biên phòng.

Lá thư từ Quý Sừu

Đêm mùa khô ngán ngủi, trôi qua chóng vánh. Suốt đời, tôi không bao giờ còn sống lại một mùa khô nào như thế. Thời tiết lơ đếnh, đất trời mơ ngủ. Tháng Chạp trong ngần. Tháng Giêng mờ ra, phơn phớt sắc hoa cà, tươi mát như là đã chớm vào mùa mưa. Ban đêm, hàng đàn cá trầu từ hạ nguồn ngược lên vật dề quẫy những tiếng âm vang trên sông Đắc Bờ Là. Những vòng sóng lan trên mặt nước mùa khô phẳng lặng, ì oạp vỗ nhẹ vào đôi bờ. Mùa khô mà hầu như không thoảng một luồng khí nóng, suốt đêm chỉ những làn gió nồm nam chan chứa hạnh phúc hòa bình, từ ngoài xa thấm rười rượi thổi về, dào dạt rừng cây, đồi núi, lòng người.

Bên bờ đông Đắc Bờ Là, hướng vùng dương sẽ mọc, màu trời thấm dần lên. Bóng đêm mau chóng bốc thành hơi bay là là mặt nước và nhẹ nhàng tan ra dưới vòm xanh trong lác đác những đám mây đỏ.

Phong cảnh đôi bờ thức giấc. Đôi núi trập trùng. Mặt trời hiện lên, sắc hồng lộng lẫy. Gió mai lộng thổi và ánh dương bùng chiếu.

Cái trần gian khổ cực, sứt mẻ và xém cháy, thấm đẫm đau thương này vậy mà vẫn còn trĩu nặng bao nhiêu là sinh lực và vẫn còn ham sống biết là nhường nào. Tôi ngược nhìn lên theo cái bóng vụt qua cửa một con chim bồ chao. Bầu trời mùa khô mới trong buổi ban mai đã cao lên vời vọi. Một bầu trời bình yên, cảm tiếng súng, ngời sáng và quặn đau. Một nỗi quặn đau hầu như suông rỗng, hầu như không duyên cớ và hầu như ngớ ngẩn, vận trái tâm hồn tôi.

Tương như là trong mơ. Như là một điều không tưởng. Lẽ ra, chính vào lúc này đây, khuỷp từng giây theo thời gian biểu của chiến hào, những dàn pháo bày ở Biệt khu 24 và căn cứ Bãi Úi đã đến giờ khai hỏa. Hàng chục họng 105 ly đồng loạt cất tiếng gầm. Luồng đạn xé trời, rùng rợn hú lên, kinh hoàng giáng xuống. Loạt thứ nhất rồi cấp tập ngay loạt thứ hai, thứ ba, sấm vang chớp giật. Buổi ban mai chưa tan hết sương đã ngay lập tức bị nhận chìm trong khói đặc đen ngòm.

Một ngày trên cao điểm 400 bao giờ cũng mở màn như thế, và như thế mới chỉ là khúc dạo đầu. Bom đạn Mỹ thì vô thiên mà ngày thì rất dài.

Có khi đàn khu trục tràn tới trong đội hình đông nghịt, choán lấy bầu trời, nhất tề cất bom. Có khi chúng bay đơn hoặc thành từng cặp, dai dẳng quần đảo trên đầu chúng tôi, như là chơi trò du quay. Rồi bất thành linh chúng lật cánh, sắp lưng, rổng lên, cắm mặt bổ nhào. Những trái bom bắt nắng, sáng loáng, to ra rất mau, nặng nề hú lên, rợn óc. Chỉ đếm

được tới năm, bom đã chạm đồi. Sườn đồi bị xô lệch. Đất đá vỡ toác. Hàm hồ, công sự co giập, chồm dựng lên như những chiếc mảng xoáy tròn trong sóng nổ. Mỗi chiếc AD6 tha được từ mười tới hai mươi quả bom nhưng mỗi lần bỏ nhào chúng chỉ xài dè sẻn hai quả, thậm chí một. Thành thạo một chùm bốn trái napan, bọc kín mòm A của đồi 400 trong biển lửa. Khi bọn phi công đã chán chề, bay dân ra thì lại tới phiên bọn pháo thủ. Khi đại bác chuyển làn thì thiết giáp và bộ binh vào trận. Cứ vậy, rờn rã hơn tháng trời, không ngừng nghỉ, tiền pháo hậu xung. Nếu không nã pháo thì chúng dội bom. Không dội bom thì chúng nã pháo. Rồi ào ạt xung phong. Từ chân đồi xông lên và từ bên mòm B đối diện vượt yên ngựa tràn sang.

Không phải chỉ một lần trận địa của chúng tôi trên mòm A tưởng đã phải mười mươi mất vào tay địch. Bọn lính xung kích, ngực áo phanh rộng, đầu súng gắn lê đã liều chết nhào được xuống chiến hào, những trái u ết của chúng đã lộc cộc lăn vào hầm chốt. Chỉ bằng vào nỗ lực cuối cùng, vận hết sức binh sinh gồng lên sóng mái giáp lá cà tử chiến, chúng tôi mới đẩy lùi được chúng. Hầu như ngày nào sườn đồi cũng la liệt xác chết. Ban đêm, được dọn quang đi một phần, đến chiều hôm sau lại la liệt, chồng đống, bốc mùi. Dù loại sắc lính nguy đã thay thế nhau tấn công trung đội tôi và đã kế nhau nộp xác lại trên dốc đồi 400. Bọn dù thể chân bọn trung đoàn 45, rồi tới lượt bọn biệt động biên phòng, rồi lại bọn dù, và cuối cùng, gần Tết, là những tên lính cao lớn, lắm lỳ, cực kỳ hung hãn mang phù hiệu đầu lâu của trung đoàn 53.

Về đêm, pháo ta pháo địch như là bảo nhau tạm nương tay với đối 400. Nhận đạn được, cơm nước, đón quân bổ sung, và đưa thương binh tử sĩ xuống “kiềng”, chúng tôi đều làm trong đêm. Trong đêm, chúng tôi đào chiến hào và dựng hầm chốt mới thay cho những cái đã bị bom pháo ban ngày mức khỏi mặt đất. Ở bên kia yên ngựa, bọn ngụy cũng suốt đêm thành thịch đào hầm đào hố, sửa sang công sự và thu nhặt người chết, người bị thương. Giữa đêm tối, tiếng rên la vật vã, tiếng kêu khóc và cả sự giãy chết nữa không ngớt vẳng đến tai chúng tôi nghe như tiếng những hồn ma đang nấc nghẹn. Sườn đồi thành bãi tha ma lộ thiên với dập dờn hình bóng của bọn lao công đào binh. Chúng tôi chỉ ghìm súng canh chừng chứ không bắn vào những tên phu đồn khốn khổ ấy, mặc dù lắm khi chúng mò đến rất gần. Thương vong nặng nề của kẻ thù không giúp người ta nhẹ lòng, không làm cho ai vui sướng hả hê. Đêm dài chiến tranh dọc hai bờ Đắc Bờ Là dẫu vẫn nhòang nhòang lên chớp lửa B52 và vẫn rền vang những tiếng nổ chuyển đất, vẫn là mệnh mông mờ mịt cam lạng một cõi thương tâm vô bờ khiến lòng người se lại.

Nhưng sáng ra, những hồn ma bấy nát hồi đêm lại ngóc đầu dậy. Lại pháo, lại bom, lại những đợt tấn công thí mạng. Bị bắn chết như rạ, tả tơi, xơ xác, tương đã phải cạn sức chịu đựng, phải tan tác, quy liệt, bọn lính chiến trung đoàn 53 vẫn tuân lệnh chỉ huy, nghiền răng, ủa lên, hứng đạn. Không còn là chiến trận nữa mà là tự sát hàng loạt. Khủng khiếp đến độ không thể nào tin nổi vào thực cảnh.

Thế mà rồi đột nhiên, cũng khó tin như vậy, đứng vào

ngày Ông Táo lên trời, tất cả dừng lại, yên lặng. Chấm hết. Cuộc chiến như bất ngờ hụt bước, rơi lọt vào hư không.

Chiến tuyến nguyên xi. Chúng tôi vẫn móm A, địch quân vẫn móm B. Nhưng không ai bắn ai, không thắng không bại. Và tuyệt nhiên không có tiếng máy bay cũng tịnh không một phát đại bác. Các đám cháy tàn lụi, mặt đất nguội đi mau chóng. Toàn cảnh bãi chiến trường quá đổi thanh bình, êm ả lạ là như trong một bức tranh thuốc nước.

Mấy ngày Tết, ngày nào thời tiết cũng tuyệt diệu. Ngày nào cũng trong lành, cũng tươi sáng như bao bọc trong hào quang. Hạnh phúc hòa bình ngàn dài trong gió, rực sáng dưới nắng, như là một niềm hư ảo có thể ngửi thấy, sờ thấy, có thể chạm tay vào được. Trên cao, bát ngát bầu trời xanh, xanh không tưởng, thăm thẳm, không một gợn mây. Dưới đồi, dòng sông Đắc Bờ Là mặt nước màu lam nhạt, bình yên trôi chảy, trong vòng mười dặm không ngừng uốn lượn và gập khúc.

Bên móm A, cờ Giải phóng xanh đỏ sao vàng phấp phật tung bay trên nóc hầm tiền tiêu. Cờ ba sọc bên đối đối phương cũng no gió, căng phồng lên, cuộn cuộn vùng vẫy, nhưng bởi may bằng vải ni lông nên cờ ngụy kêu sột soạt. Hai bên nhường nhau. Hàng ngày chúng tôi làm lễ chào cờ khi vừng mặt trời vừa mọc, còn mọng sương, bên đối phương thì muộn hơn, khi mà vừng dương đã bắt đầu chói sáng. Lá cờ đại ba sọc đưa được từ từ kéo lên đỉnh chiếc cột nhôm cao vót sáng lóe, trong tiếng hát. "Này công dân ơi, quốc gia đến hồi nguy biến. Nào cùng đồng lòng đi, đi, xá gì thân sống..."

Trong buổi sáng đẹp trời, vạn vật đều như lâng lâng bóng

bay, tan hòa vào không gian trong trẻo, ngay cả bản hành khúc kia của những người lính nguy cũng vậy, như tự thoát ra khỏi những lời ca hùng hăng, từ tốn cất lên, nhẹ nhõm, trong lành, không gây cho tôi một cảm giác khó chịu rõ rệt nào. Và cả những tay lính trẻ đang gân cổ lên đồng ca đó, dù gì đi nữa thì họ cũng không còn hoàn toàn là kẻ thù gớm guốc như trước đây, giờ đây họ là "đối phương".

- Rốt cuộc thì tất cả bọn chúng ta đây đều con Lạc cháu Hồng, tuy đã từng lỡ tay giết nhau, nhưng mà từ nay xin thề không bao giờ còn đang tâm bắn vào nhau nữa! - Thiếu úy Duy chỉ huy toán lính bên mỏm B, đã nhân lúc ngà ngà, bỗng bật phát lời thiện chí như vậy giữa thanh thiên bạch nhật sáng Mồng Một Tết.

Từ sáng đó tới sáng nay thiện chí của quân nguy đã được ba ngày. Chốt ta chốt nguy quân số ngang bằng, tuy là trung đội nhưng chỉ mười lăm người. Tất cả những toán xung kích đông đảo từng áp sát ba mặt đồi đều đã rút đi. Xe tăng cũng đã lùi xa. Sườn đồi đã tan mùi xác chết, ở đồi chỗ cỏ đã kịp mọc lên. Và trên cái yên ngựa trũng xuống giữa hai mỏm cao, nơi mà những ngày trước đây máu người tương chừng có thể ngập đến bụng chân, thì từ 29 Tết quân sĩ đôi bên đã cùng nhau cất lên một cái nhà lán mái tranh đơn sơ tre nứa, gọi là nhà hòa hợp. Các chỉ huy cấp tiểu đoàn của mỗi bên đã đến dự khánh thành ngôi nhà lạ lùng ấy. Nó được coi là một bằng chứng cho sự thi hành nghiêm chỉnh lệnh ngừng bắn ở khu vực này.

Những cuộc gặp gỡ tại túp nhà ấy bắt đầu từ đêm trừ tịch.

Mỗi bên cắt bốn người gác chốt, còn lại xuống yên ngựa đón giao thừa với đối phương. Như thể hai đội bóng đá. Cổ nhiên là tuyệt đối không vũ trang. Thoạt đầu lính đôi bên tách thành hai khối, e dè, gượng gạo, nhưng về sau chẳng ai ra lệnh, chẳng ai bảo ai, địch ta quây quần lại, trò chuyện, ăn uống. Mâm cỗ chung khá là thịnh soạn và cũng là một sự nhào trộn địch ta. Ngoài bánh chưng, bánh tét, các thứ rau rừng và cá tươi sông Đắc Bờ Là, những món khác thì xưa nay bên này nếm được của bên kia chỉ sau khi đã bắn chết nhau. Nghĩa là trên mâm bày hổ lốn đủ thứ đồ khô, đồ hộp của Mỹ, của Liên Xô, Trung Quốc, của Thái Lan, của Tàu Tưởng. Rượu bia, trà thuốc cũng vậy. Chúng tôi bóc Điện Biên bao bạc mời địch, địch mời lại chúng tôi thuốc Rubi xanh “chân co chân duỗi”.

Ngồi bên nhau, tất cả những người lính đều còn rất trẻ, sáng láng, tươi tắn và còn đầy sức vóc, mạnh mẽ, rắn rỏi, sạm màu nắng gió. Nhưng tất cả cũng đều gầy guộc, hốc hác, hằn nét kham khổ, trĩu nặng cực nhọc. Ngây ngất niềm vui năm mới và hòa bình, râm ran trò chuyện nhưng mà tuyệt nhiên không một lời đụng đến trận mạc. Như tất cả những kẻ ngày tết ngày nhất mà phải xa gia đình, binh lính chỉ chuyện quê nhà kể cho nhau. Chẳng ai lên giọng phách lối, chẳng ai đấu khẩu, chẳng ai lý sự. Không ai có thể cứng lòng cho nổi. Tất cả chan hòa trong một bầu không khí tương thân thật lòng, một niềm thông cảm và cả một sự xót thương lẫn nhau nữa rất khó tả. Trước khi chia tay, Thanh, ca sĩ của trung đội tôi cao giọng hát “Việt Nam trên đường chúng ta đi”. Một tay tốt giọng của bên nguy thì hát “Đàn chim Việt” và “Nối vòng tay

lớn". Linh đôi bên hát theo, và có những người hát trong nước mắt. Quả thật cảm thù nên cười không nên thất, tôi nghĩ.

Trong lòng tôi sẽ còn mãi nỗi hoài nhớ "nền hòa bình Quý Sửu". Suốt đời, tôi không thể nào quên những ngày Tết hão huyền và bi thảm ấy.

Sau đêm giao thừa, thêm vài cuộc tụ bạ nữa dưới nhà hòa hợp, tôi đã có thể nhớ mặt biết tên, thậm chí biết đại khái tâm tính của tất cả toán lính trấn giữ bên kia đồi. Song trong số họ chỉ có thiếu úy Duy là người mà mãi mãi về sau chắc chắn tôi vẫn sẽ ngưỡng tượng lại được nét mặt, vóc dáng, giọng nói. Duy hơn tôi ba tuổi, đời lính cũng dài hơn nhưng nom trẻ hơn. Mũi ngoài cao ráo, trắng trẻo, giọng trầm, ít nói, có vẻ một con người kín đáo nhưng giàu tình cảm và dễ gần. Toán lính dưới quyền Duy tên nào tên nấy đều có vẻ rất tôn phục anh ta.

Dù Duy là công giáo, lại dân Bắc di cư, Hà Thành chính hiệu - như anh ta nói, tôi không thấy e ngại. Duy thuộc kiểu người mà bình thường ra không trong cảnh đối đầu hai trận tuyến thì tôi đã dễ dàng kết bạn. Còn Duy hình như cũng có lòng cảm mến tôi. Không trò chuyện gì nhiều với nhau nhưng giữa hai chúng tôi như ngầm có một sự tin cậy.

Trầm trầm, nhất gừng, chúng tôi kể về mình và hỏi về nhau. Duy hỏi tôi có rành Hà Nội không. Không. Làng tôi không xa Hà Nội, nhưng cách sông. Thêm nữa, chiến tranh. Mười tám đã nhập ngũ. Nên ít có dịp. Duy thở dài:

- Ông thân tôi đưa gia đình rời Hà Nội hồi năm 54. Dẫu khi đi còn bé tý, nhưng đến giờ tôi vẫn lơ mơ nhớ lại được

đôi chút. Hồ Gươm. Tàu điện. Nhà Thờ Lớn. Và mấy người anh chị em họ con ông chú. Ngôi nhà của gia đình chúng tôi rất đẹp. Phố Khuông Việt. Bây giờ nhà ấy của chú tôi. Năm 54, ông ấy đành cam lòng sống xa Chúa và xa họ hàng thân thuộc, chứ nhất định không chịu bỏ Hà Nội mà đi.

Tôi bảo như vậy là may vì sau này anh sẽ được nhiều thuận lợi khi ra chơi miền Bắc. Duy cười, phẩy tay, lắc đầu. Khó lắm. Hòa bình rồi nhưng mà mong manh lắm. Và dầu có giữ bền được thì cũng chẳng biết đến bao giờ mới hai miền qua lại thông thương.

Duy lớn lên ở Hồ Nai, gần Sài Gòn. Xong tú tài thì phải đi sĩ quan Thủ Đức. Liên miên đời lính. Tết nào cũng phải xa nhà. Ngà ngà hơi men, anh ta đưa tôi xem ảnh người yêu. Và bảo:

- Ước gì tới ngày thành hôn của chúng tôi, tôi có thể gửi thiệp mời anh và tất cả các anh em đây vào trong đó chơi.

Mặc dù cố tránh chuyện chiến tranh nhưng do rượu vào nên cũng không tránh được có lúc buột miệng nhắc đến. E 24 của tôi và E 53 của Duy đã đụng nhau vô số trận. Trận nào cũng đẫm máu. Riêng tại đồi 400 này trước khi ngừng bắn, đại đội Duy đã thay ba lượt lính.

- Trung úy Sáng, bạn chí thiết nhất của tôi suốt bao năm qua, bị giết ngay phút chót, giáp giờ ngừng bắn. Chính tại chỗ này! - Mặt sa sầm Duy trở xuống nền đất túp nhà tranh.

Còn bản thân Duy thì đã có lần, do không kịp rút về sau khi đợt xung phong bị đại liên bẻ gãy, đã phải nín thở nằm bó giò từ trưa đến tối khuya trong một hố pháo cách hầm chót của chúng tôi chỉ mấy với tay.

- Nếu khi đó tôi còn một trái lựu đạn, - Duy nói, nắm tay xiết lại - Thì cái khẩu Côrinốp khôn kiếp của mấy anh đã phải thăng thiên rồi!

Thậm chí Duy còn mượn rượu để ra lời hăm dọa.

- Cái đình đòi mấy anh đang giữ là thứ rất gai mắt các ông tướng ông tá bên bọn tôi. Cho nên họa đến cấp kỳ khi nào không biết đó nghe.

Nhưng dù vậy tôi vẫn cảm thấy yên tâm khi chỉ huy quân đối phương là một nhân vật như Duy. Thú thực, biết nhau chưa đầy một tuần mà lạ thay, tôi thấy lưu luyến, hơi buồn và cả chút lo ngại nữa khi phải từ giã nhau. Tôi được điều về trình sát tiểu đoàn, còn Duy thì về phép.

Chiều qua, dưới nhà hòa hợp, Duy chìa tờ lệnh cho về phép ra khoe:

- Thật là đại hồng phúc đến với tôi. Tôi muốn thờ phào. Nói thật là suốt mấy hôm rồi tôi luôn thấp thỏm trong lòng. Tôi tuổi Sửu, tháng tới đây là năm tuổi tháng tuổi. Lại nơi hòn tên mũi đạn này.

- Nhưng, chẳng phải là đã hòa bình rồi sao - Tôi nói.

- Vâng, quả vậy, - Duy thờ dài, mắt cụp xuống - Nhưng thân phận lính chiến chạy tiền đạo trên bờ vực thảm thì chẳng biết thế nào mà nói chắc thừa anh. Không giấu gì anh, hiện lúc này mà được về phép là đặc biệt hi hữu. Tôi chẳng dám tin là sự thật nữa kìa.

Duy mời anh em bên chúng tôi nán lại dự bữa nhậu do lính trung đội anh ta tổ chức chia tay với chỉ huy. Chúng tôi cáo từ, chỉ mỗi người cụng một ly với anh ta để chúc mừng và chia vui.

- Còn bên mấy anh thì sao? - Duy hỏi - Khi nào thì mấy anh được trở ra ngoài kia theo điều khoản một đổi một?

- Không biết. Sẽ có lúc thôi. Chắc là cũng sắp.

- Thưa anh, tôi mạo muội hỏi vậy bởi vì muốn phiền anh giúp cho một việc hết sức là tối hệ của gia đình tôi, nhưng mà không biết là...

Ngạc nhiên, bối rối, nhưng tôi bảo Duy cứ nói, nếu không ngoài khả năng cho phép thì tôi có thể.

- Như bữa trước đã thưa với anh, gia đình tôi còn một ông chú ở Hà Nội. Hai chục năm qua dấu không mấy may thư từ tin tức gì cả nhưng đối với ông ấy, ông cụ thân sinh tôi vẫn một lòng thương nhớ khôn nguôi... Nhất là vào dịp lễ Giáng sinh hay khi Tết nguyên đán này. Bữa trước, khi còn đang phong phanh tin sắp ký Thỏa ước Balè, ông cụ viết một lá thư rất dài dòng cho tôi. Trong thư ông cụ toàn viết những niềm ước ao hòa bình, thống nhất, nhưng mà đọc buồn lắm. Ông cụ lại nhắc đến ông em trai và ôn những kỷ niệm ngày xưa đất Bắc. Rồi ông già viết rằng ước sao có cách gì thông tin ra ngoài ấy cho chú ấy để rồi thì chú ấy có thể biên thư vào cho trong này... Thưa, chắc là anh đã hiểu điều tôi toan nhờ cậy. Tôi đã viết một lá thư cho ông chú. Viết vắn thôi, sơ lược tình hình gia đình trong này chứ không viết gì hơn. Dạ, xin anh nhất thiết đọc qua. Nếu mà anh nhận cho thì đây sẽ là một sự mừng vui lớn lao cho ông già tôi chuyển này.

Suy nghĩ thật nhanh, tôi thấy nhờ cậy chuyển thư thế này có phần lạ lùng nhưng từ chối thì thật chẳng nên. Không chỉ Duy mà còn những lính ngục khác đang nhìn vào kia sẽ nghĩ sao về lòng tốt của lính cách mạng.

Trao phong thư cho tôi, Duy xúc động có phần như hơi thái quá, tay run, giọng nghẹn lại nói lời cảm tạ. Anh ta chừng như muốn ôm lấy tôi. Không sao tôi cứ thấy bản khoán mãi. Sáng nay, quan sát bên mòm B thấy họ xếp hàng chào cờ đủ mười lăm người. Tôi tự hỏi không biết có phải là đã có sĩ quan khác về thay hay là Duy chưa rời đơn vị. Rồi tôi lại tự lấy làm lạ là hà cớ gì mà mình phải bản khoán về điều đó cơ chứ?

Một mình tôi rời đơn 400. Lối mòn dẫn về tiểu đoàn bộ lựu men bờ Đắc Bờ Là. Thong thả bước đi, tôi lấy lá thư trong túi áo ra. Phong bì tự xếp lấy bằng giấy trắng mỏng. Đề tên họ ông chú. Địa chỉ: 13 phố Khuông Việt, thủ đô Hà Nội. Lá thư bên trong mỏng tang bằng giấy tơ lụa. Phong bì dán hờ. Tôi toan bóc ra kiểm tra. Nhưng, làm thế làm gì chứ, tôi nghĩ, và bỏ lại phong thư vào túi. Tôi sẽ kèm phong thư của Duy vào phong thư của tôi gửi gia đình. Tôi sẽ nhờ cậu em trai mang đến tận tay người nhận. Mà không biết chừng, tại sao không nhỉ, biết đâu đấy, sắp có chuyện “một đổi một” thật cũng nên. Tiểu đoàn sẽ được chuyển quân ra Bắc. Tôi sẽ được về phép. Và tự tôi sẽ đưa thư đến cho ông chú của Duy. Ông ta sẽ lạ lùng và vui sướng biết bao. Phố Khuông Việt, nghe là lạ. Phố Khuông Việt ở đâu nhỉ? Tắm mình trong hơi ẩm của cuộc sống đang tỏa rộng, tôi thả mình vào mộng mơ. Vào bầu trời trong xanh lồng lộng, vào tiếng thì thầm của đất, tiếng rì rào của rừng cây và sông nước thanh bình...

Tôi rời trung đội buổi sáng. Ba giờ chiều, bọn ngục chớp nhoáng ra đồn. Mặt trời còn trên cao vót, vậy mà chúng không bị phát hiện. Tất cả các hầm chốt của trung đội tôi bị

tiêu diệt mà không kịp nổ một phát súng. Điều gì đã xảy ra, tổ cảnh giới ngủ gật chăng, mãi mãi tôi không thể nào biết được. Kể cả Thanh, người duy nhất thoát được cũng không biết gì hết. Đang bị sót nằm một mình trong hầm, nghe tiếng chân huỳnh huých thỉnh thoảng, cậu ta nhìn ra thì quân nguy đã ào lên tràn ngập trận địa.

Gặp lại tôi ở kiềng, Thanh lão đảo bước tới. Anh úp bộ mặt sây sát, rớm máu vào ngực tôi, khóc nức lên.

Tiểu đoàn trưởng trực tiếp chỉ huy phản kích giành lại cao điểm 400. Phải chịu trách nhiệm nặng nề về việc để mất chốt, tôi bị cách chức B trưởng, giáng từ thượng sĩ xuống binh nhì. Chấp nhận kỷ luật, nhưng tôi quyết không chịu để bị gạt khỏi cuộc phản công.

- Tôi sẽ chuộc tội. Sẽ rửa thù này! Tôi sẽ...

Tôi gào lên nhưng chỉ thành những tiếng nức nghẹn, những tiếng thì thầm, thổn thức trong đáy họng.

Muốn đoạt lại chốt từ trong tay bọn nguy đang cầm quân đông nghịt trên đồi một cách mau lẹ thì chỉ có thể như chính bọn nguy đã làm là đánh úp bất ngờ. Nhưng yếu tố bất ngờ bị chúng tước mất rồi, dù đánh ngày hay đánh đêm. Tiểu đoàn trưởng vạch phương án mật tập lúc rạng đông. Không dùng đông quân, chỉ một phân đội nhỏ, trang bị tiểu liên và thủ pháo áp sát đồi. Nửa đêm trườn lên ém trong sương mù trùng yên ngựa. Trời sáng sẽ từ đó bật lên tấn công, và không chỉ giành lại móm A mà phải cả móm B nữa.

Tờ mờ sáng chúng tôi lọt vào yên ngựa kín đặc sương giữa hai móm đồi. Cái nhà hòa hợp vẫn còn đó, mái tranh hiện rõ

dưới pháo sáng. Bọn nguy chong mắt chờ cuộc phản công ban đêm. Và rốt cuộc, khi đêm đã qua, giống như trung đội của tôi, bọn địch trên cả hai mồm đồi đã trở nài cảnh giới. Chúng bị tiêu diệt mà hầu như không kịp trở tay. Đợi mặt trời mọc, thậm chí đợi tan sương, hứng nắng, trùng vào thời gian mà những ngày trước trung đội của Duy làm lễ chào cờ, chúng tôi mới tấn công. Từ nhà hòa hợp ào lên, tức là từ tung thâm đánh ra, hoàn toàn xuất kỳ bất ý đối với bọn giặc. Tiểu đoàn trưởng đảm trách phân đội diệt mồm B, tôi thì tạm thời nhận lại quyền chỉ huy mũi thọc lên mồm A.

Chúng tôi cầm lạng bạt dầy, lao lên. Tim đập mạnh đến nỗi tôi không nghe thấy tiếng chân mình và tiếng chân anh em lao xạo phía sau. Cuộc xung phong như một cơn cuồng phong lạng ngắt như tờ. Chỉ đến sát mép hào rồi mới một tiếng hét: "Giết...!". Lựu đạn quét thành dây. Bọn nguy đang ăn, bất ngờ nổ tung lên cùng với cơm canh, rồi lập tức bị dồn vào cuộc giáp lá cà. Lưỡi lê, báng súng. Huỳnh huych đập phang, đâm, tiếng la hét, tiếng kêu rú. AK thúc hòng vào bụng kẻ địch mà bắn. Thù pháo và lựu đạn nổ oàng oàng trong các ngách hầm. Không quá mười phút giải quyết xong mồm B. Bên chúng tôi còn nhanh hơn.

Tôi bước tới bên hầm chỉ huy, kéo giạt lá cờ ba que trên nóc xuống. Căn hầm bị tổng thủ pháo, vỡ toác, toang ra như một cái rương bị bật nắp. Ở cửa hầm một mâm cơm tanh bành, bánh tét, bia lon, đồ hộp. Ba người trong hầm chết ngoắc vào nhau. Tôi hất cái mũ sắt đang sụp xuống che lấp khuôn mặt một cái xác ngồi dựa vào vách hầm. Giật bắn mình, tôi bước

lùi lại. Thiếu úy Duy! Đầu ngoẹo về một bên vai. Mắt mờ, máu ứa ra ở mép. Tôi lặng người. Tại sao lại thế này? Anh ta bị cắt phép, hay là không hề có chuyện phép tắc nào cả?

Không hiểu vì sao, trong cái hốc khét lẹt, đầm máu, chặt cứng chết chóc này, chiếc bộ đàm PRC25 vẫn sống nhẩn, mặt máy vẫn sáng xanh, và từ cái cáp tai nghe còn quàng trên cổ người lính truyền tin đã chết gục bên cạnh Duy, mệnh lệnh của quan trên vẫn vượt qua mấy tấm đại bác dội đến, ráo riết phát ra, hồi thúc, nổi nóng, đe dọa, văng tục, khẩn thiết đến độ quên ráo cả mặt ngữ điện đàm.

Tôi gỡ cái tổ hợp ra khỏi những ngón tay co quắp của xác chết, và rồi hoàn toàn bất ngờ với chính mình, tôi hét lên, lạc giọng, vào ông nói:

- Đ. mẹ mày... Mỹ - ỹ - ỹ ...!



Từ bấy tới nay, thời gian mất đi đã nhiều năm, nhưng nỗi đau Quý Sửu vẫn mãi còn như là một hạt sạn trong ký ức tôi. Những ngày Tết, ban đêm, tôi vẫn thường ngược luồng thời gian trở về với cao điểm đời 400, nhìn thấy lại mặt sông Đắc Bờ Là lấp lánh ánh phản quang những buổi mai hồng, và dù là trong mơ mà lòng lại nhói đau khi gặp lại anh em đồng đội đã khuất.

Thình thoàng, trong vùng khuất nẻo nhất của những giấc chiêm bao, tôi cũng thoáng thấy Duy. Tôi vẫn luôn nhớ đến anh ta. Năm tháng đã khiến cho những kỷ niệm của tôi về

con người ấy phần nào biến hình đi, không còn lại sự khùng khiep và lòng căm thù, chỉ còn lại nỗi buồn thương.

Hồi đó, tôi không gửi lá thư của Duy ra Bắc như đã dự tính. Lá thư chôn dưới đáy ba lô cho đến hết chiến tranh. Giải ngũ, tôi khoác ba lô về nhà. Phong thư còn đầy, lẫn với nhiều vật linh tinh khác.

Cũng chẳng để làm gì cả, nhưng tản mẩn tôi bóc thư ra. Không ngờ, có hai lá thư trong một phong bì. Thư gửi ông chú với những lời hỏi thăm và những lời vắn tắt kể về tình hình những người thân trong Nam. Đề mồng Ba Tết Quý Sửu. Ký tên Duy. Số hiệu của hòm thư KBC. Thư kia rất ngắn, đề gửi chung các anh bộ đội. Và cuối thư Duy không ký tên. Thư viết: "Thưa các anh bộ đội. Tôi may mắn được về phép nhưng lòng canh cánh sợ cho mọi người còn ở lại chốn này. Cấp trên của bên chúng tôi đã ra lệnh phải chiếm đoạt cho bằng được toàn bộ quả đồi này. Tức là phải tiêu diệt mấy anh. Có thể chỉ trong tuần này hoặc tuần sau là sẽ xảy ra thôi vì hiện bên chúng tôi đang có sự chuẩn bị gấp gáp. Quân số bí mật dồn về đông lắm. Tôi không muốn nhưng không làm gì được. Xin hãy cẩn trọng và xin hãy hiểu cho lòng tôi một người anh em".

Về sau, đôi lần vào qua Hà Nội tôi có đi tìm phố Khuông Việt nhưng không tìm thấy. Hỏi thăm chẳng ai biết. Có người đoán đó là tên cũ thời Tây của một phố nhỏ nào đấy. Thành ra tôi cứ còn giữ mãi thư của Duy cho đến tận bây giờ. Lá thư từ Quý Sửu.

Khắc dấu mạn thuyền

Đời tôi, đi đây đi đó đã nhiều, nhưng lại rất hiếm dịp được thấy Hà Nội. Chỉ một lần thuở bé, rồi một lần hồi chiến tranh, và mấy năm sau này thêm đôi lần nữa. Thành thử, ở Hà Nội, ngoài hồ Hoàn Kiếm với cầu Long Biên, tôi chỉ đại khái biết một ngôi nhà là nhà ga Hàng Cỏ và một con đường là đường xe điện. Nhưng, mặc dù như vậy, mỗi khi nhắm mắt lại nhìn sâu vào những nếp đường của kỷ ức bao giờ tôi cũng thấy hiện lên, tuy rất mờ mờ, bóng dáng của Hà Nội phố xá. Cái thành phố sâu thẳm, xa lạ, chẳng chút thân thuộc ấy từ lâu lắm rồi đã lắng lặng ăn vào đời tôi như là một trong những miền đất thân yêu nhất, dấu rằng đây là một tình thân yêu tuồng như không đầu, một duyên nợ hầu như vô cớ. Không hẳn là một nỗi niềm mà chỉ là bàng quơ một cảm giác, không thành một câu chuyện

mà chỉ như là một nốt sầu còn vương lại của thời trai trẻ chiến tranh, một thời tuổi trẻ đã hoàn toàn mai một nhưng dư âm vọng suốt đời. Như tiếng mưa rơi. Như tiếng gió lùa. Như tiếng lá rụng. Mà không bao giờ quên.

Từ bấy tới nay, thời gian mất đi đã hai chục năm tròn. Hà Nội thuở đó với Hà Nội bây giờ có lẽ đã như là một trời một vực.

Ngày ấy, từ mặt trận Quảng Trị, tôi lái xe đưa chỉ huy sư đoàn ra họp ở Bộ tư lệnh đang đóng ngay rìa thủ đô. Khi chúng tôi ra tới nơi, thành phố đang ngất trời bom đạn. Đây thực sự là một cuộc đụng đầu sống mái, một trận huyết chiến vì lẽ mất còn, mà mười hai ngày đêm sau đó, khi đã phản thua được thì cả người thắng lẫn kẻ bại đều mặt mày biến dạng. Giữa huống cảnh chung nước sôi lửa bỏng như thế, chẳng dám màng gì một chuyến về quê, tôi chỉ xin được rảo vào phố để rải non chục lá thư của anh em đồng đội người Hà Nội đã gửi gắm. Tôi muốn trao thư tận tay các gia đình để có thể nhận được ngay thư hồi âm mang ngược vào đơn vị cho lính ta sướng. Lựa ngày Noel, cấp trên thuận cho tranh thủ. Hạn đến trước 0 giờ phải trở về trình diện.

Tôi vào thành phố, dưới mưa chiều. Mưa phùn mùa đông buồn bã. Mái nhà, lòng đường, vòm cây một màu thâm ướt. Xe cô phóng rất nhanh, người đi bộ gấp bước.

Mặc dù không biết phố nào vào với phố nào, lại ôm trong mình những chín lá thư, nhưng thoát đầu tôi nghĩ không việc gì phải lo. Chỉ cần hỏi tới một địa chỉ, rồi từ đấy lần lượt nhờ người ở địa chỉ trước đưa mình đến địa chỉ sau. Không dè, rất

cuộc, cả chín phong thư tôi đều phải lùa vào phòng qua khe cửa. Ngày hôm ấy, dường như cả Hà Nội đã khóa trái cửa, bỏ nhà đẩy mà đi.

Xong được lá thư chót, trời đã tối lắm. Phố dài vắng ngắt ngâm mình trong mưa, tù mù những vũng đèn đường. Tôi hỏi đường về Vọng. Một anh dân phòng diện ủng, vận áo tơi bạt, tận tình dẫn tôi đi một đoạn khá đường. Đến ngã ba nọ, trước khi chia tay, anh chỉ xuống cặp ray đường tàu điện chạy sát bên vỉa hè và bảo tôi cứ bám theo đó mà đi là đến.

Sụp mũ cỡi xuống, dựng cổ áo lên, tôi lặn sâu vào trong màn mưa phùn mờ mỏng dưới trời đêm lạnh buốt. Hai vệt ray loáng ướt chẳng khác nào một lối mòn độc đạo xuyên qua rừng rậm nhà cửa tối đen. Thành phố chiến tranh như bên bờ vực, hun hút hoang vắng. Tôi cảm cúi bước, thui thui, tê dại. Thăm thẳm nối nhau những chặng đường khuya không ánh sáng đèn, không một bóng bộ hành, không bóng một hàng quán. Hơi thở lạnh ngắt của đêm mưa ngấm vào tận cái dạ dày tôi trống rỗng. Các khớp xương cóng nhức cứng đờ như đang rời rã ra và rơi rụng. Cơ sốt âm ỉ từ chiều trườn dần lên dọc sống lưng, tôi sờn gai ốc, và không ngớt rung mình. Đầu óc chậm chạp chung chiêng, đầu gối những muốn khuỵu xuống. Đi chưa được mấy đường, tôi đã bắt đầu đếm bước. Màn đêm ướt át như đông lại. Không nhìn thấy gì trước mắt suýt nữa thì tôi đã xô người tôi va mặt vào một cái đầu tàu điện đen ngòm đậu chết cứng giữa lòng đường.

Chuyện choạng, tôi rẽ lên vỉa hè, rồi lảo đảo tấp vào dưới mái hiên một ngôi nhà. Răng va lộp cộp trong miệng, tôi tựa

lưng vào cánh cửa đóng chặt, rồi từ từ trượt người xuống, ngồi phệt lên cái bậc tam cấp ướt đầm hơi mưa và lạnh như một cây nước đá. Rét mướt buốt tim, tôi rên hừ hừ và rồi cũng không rên nổi nữa. Cũng không sao ghì lại được cơn run, cứ run bắn lên, run mãi, run cầm cập. Thân nhiệt của mình lúc này có lẽ chỉ còn bằng với người đang ngắc ngoải, cái đầu đã tê cứng của tôi lơ lơ nghĩ, không khéo mà khốn đến nơi rồi, không khéo mà là một cơn ác tính. Những người bị sốt rét ác tính nằm chết trên vông giữa rừng sâu, còn mình thì chết ngồi, chắc thế, và sẽ hóa thành tảng đá co ro trước cửa nhà người ta.

Trên đầu tôi, mái tôn rách nát run bần bật. Dưới mưa vẫn gió. Gió phả mưa vào tận thềm. Đã ướt lại ướt thêm một lượt nữa, tôi thở hắt, mặt mày xây xẩm. Biết là cần phải dốc toàn lực bình sinh mà đứng dậy và bước đi, song hết rồi, nghị lực đã tê bại. Sinh lực xuống nhanh như mực nước trong một cái bình bị đập vỡ đáy, sự sống trong tôi xoay tròn một vòng và từ từ, lặng lẽ lật nghiêng. Đúng khi đó sau lưng tôi cửa kẹt mở. Tôi nghe thấy nhưng mà không ý thức được tiếng động ấy. Cơn choáng ngất gàn như là một nỗi yếu mềm, một sự buông lơi, như thể một tiếng thở phào, nhẹ nhàng du tôi ra khỏi tôi...

Thời gian ngưng lại không biết là trong bao nhiêu lâu. Tôi từ từ mở mắt. Tâm trí đậu xuống ở đâu đó bên rìa một vầng ánh sáng rất mờ. Vẫn còn bồng bềnh, vẫn còn u u minh minh, song tôi biết là lúc này mình đã ở trong một căn buồng chứ không phải đang ở giữa chừng cơn mê sáng. Tường phòng

hình như là quét vôi màu ve nhưng mà có lẽ do lâu ngày nên màu vôi đã bột. Trần nhà u tối. Không khí ẩm sực mùi dầu long não. Tôi khẽ đục cửa. Dưới lung, nan giường ốt ết. Người tôi ủ trong chăn, đầu kê trên gối. Yên tĩnh, khô ráo và ẩm áp đến khó tin. Tôi trở mình. Từ trên chiếc bàn con kê ở góc buồng, ngọn lửa đèn dầu nhỏ liu diu im lìm tỏa ra một quang sáng tù đọng màu vàng đục. Tích tắc đều đều trong đêm vắng tiếng đồng hồ để bàn một mình rả rích với thời gian. Chợt nhớ đến giờ giấc, tôi giật mình, rên lên.

- Ôi, anh ... - Một bàn tay nào đó êm ái áp vào má tôi, và một giọng nói se se, nhỏ nhẹ, thì thầm - Ôi, anh tỉnh rồi. Ôi, em lo quá...

Tim như thế đứng dừng lại, lại như thế đập loạn xạ, tôi ngáy người. Chuyện gì thế này nhỉ, cô gái nào thế này?

- Tôi... - Mãi mới mở miệng nói, tôi nói, nhưng ập úng, lưỡi riu vấp, chẳng nói gì được - Tôi ở đâu đây... đây là đâu?

- Đây là nhà em mà anh, - Bàn tay cô gái nhẹ nhàng đưa lướt lên trán tôi - Anh là khách của em mà.

Tôi cố định thần, cố lấy sức, thở dốc, và nặng nhọc xoay người sang phía chủ nhà. Cô ngồi ở mép giường, nhưng gương mặt lại lúi khỏi vùng chiếu sáng của ngọn đèn. Tôi chỉ thấy được hai bờ vai với một phần mái tóc của cô buồng xòa.

- Anh vẫn còn hơi sốt đấy, nhưng vậy là đỡ nhiều rồi. May quá đi mất. Chứ cứ như lúc thoát đầu thì sợ quá. Ôi lúc ấy anh làm em hết cả hồn.

- Nguy rồi... - Thều thào tôi nói - Quá phép mắt rồi... Tôi, tôi phải đi đây...

- Ôi kìa anh. Ra ngoài rét bị lại còn nguy hơn. Vớ lại quần áo của anh phải hong bếp lúc nửa chứ chưa mặc được đâu, còn ảm lăm.

- Cái gì? Tôi hoảng hồn, sức tỉnh, đưa tay rờ nhanh lên đùi lên ngực. Người tôi tái dại đi, những muốn co rúm lại. Dưới tám chân bông, thằng tôi đã hầu như trần trụi!

- Bây giờ để em xuống bếp đưa cháo lên anh ăn nhé, - Thản nhiên, cô gái nói, sẽ sàng đứng dậy, rời khỏi giường - Bộ quần áo em để cạnh gối, anh mặc tạm. Cũng là đồ bộ đội đấy.

Nói đoạn, không cầm theo cây đèn, cô quay lưng đi ra phía cửa, bước mờ trong bóng tối. Tôi tung chăn, ngồi nhòm dậy. Từ trong chăn hơi dầu gió nóng hực phả ra cay mắt. Tôi xỏ vớ xỏ vàng quần áo. Bộ Tô châu hăng mùi băng phiến, còn mới và khá vừa với tôi. Đàng hoàng trong quần phục, tôi như lấy lại được sinh khí dẫu rằng toàn thân vẫn đau như, đầu óc vằng vát, và trong tai, phần còn lại của cơn sốt vẫn đang kêu o o.

Nhưng mặc dù nhọc mệt đến thế tôi vẫn kịp ngửi thấy lập tức mùi cháo nóng khi cô chủ nhà còn chưa vào hẳn trong buồng. Cô bước đi rất nhẹ, đôi guốc chạm rất khẽ trên sàn gỗ. Cô để mâm xuống bàn và vịn cao bắc đèn lên.

- Tạnh mưa rồi anh ạ, - Cô nói, và không hiểu sao, lại thờ dãi.

Trong nhập nhoạng tranh tối tranh sáng của căn phòng, tôi lặng nhìn. Người con gái xa lạ tuyệt vời ấy như thể một ảo giác hiện thoáng lên trước mắt tôi, một ảo giác tuyệt trần, xinh đẹp và hiền dịu. Xinh đẹp và hiền dịu, gương mặt, cặp mắt, đôi môi, thực thế, mặc dù thật ra tôi đã không thể kịp nhìn rõ cô. Bởi vì, giờ của thành phố này đã điểm. Chỉ trong nửa phần

của một tích tắc, trời đất không kịp trở tay, không kịp cả đến rừng mình.

Một cái gì đó kinh khủng, một cái gì đó choáng hồn, như một nhát chém sả, đột ngột xé toạc sự tĩnh lặng ra làm đôi. Chiếc phản lực trinh sát, chỉ một chiếc thôi, bắt thần cắt ngọt một đường bay sấm sét, khoan thủng thỉnh không, là sát sàn sát mái ngói những ngôi nhà, tuốt dọc sống lưng thành phố. Trong phòng, cả đến ánh đèn dầu cũng như chết lặng đi, nín thở...

- Hình như qua rồi, - Cô gái lên tiếng, gần như thì thầm, và run run, phác một nụ cười nhợt nhạt - Hình như nó chỉ dọa.

- Ủ, - Tôi nói - Nó chỉ là một thằng thám báo bay vụng đánh lén mà thôi. Dừng...

Tôi định trấn tĩnh cô, định bảo rằng không việc gì phải sợ thì rừng rợn còi báo động rú lên, cướp lời tôi. Mặc dù qua mấy đêm rồi đã nghe quen, và mặc dù đã đón trước, tiếng còi vẫn làm tôi lạnh cả tim. Dường như chưa đêm nào lời cảnh báo của chết chóc lại vang lên dễ sợ đến nhường ấy. Hú lên, gào lên, thảm thiết, quay cuồng, nhức nhối, như cào như xé, khiến người ta những muốn thét lên theo. Và B52, B52, B52... B52 đang tiến vào, loa phóng thanh khẩn thiết cấp báo, giục giã. B52. Cách Hà Nội chín mươi cây số. Tám mươi cây số.

- Bọn Mỹ! - Tôi nói - Chúng nó đang vào. Thằng Mỹ vừa này là thằng bay mở đường.

- Vâng. B52 đấy. Lại một đêm nữa.

- Phải ra hầm thôi! - Tôi không nén nổi hồi hộp - Chúng nó vào sát rồi. Mau lên!

- Nhưng, anh thấy trong người thế nào? - Cô gái thờ dãi, đầy vẻ lo âu trẻ thơ - Ngoài trời rét lắm.

Cảm giác lâm nguy đột ngột trở nên nhức buốt. Miệng tôi như khô đi, họng thắt lại, trống ngực nện thình thình. Xưa nay linh tính không khi nào đánh lừa tôi.

- Anh phải ăn đi một tý đã. Cho nóng...

- Không! - Tôi nói, giọng khàn hản - Nóng nguội gì. Bom xuống bây giờ đây. Rải thảm vào đây đây!

- Sao anh biết? - Cô gái thốt lên kinh ngạc

- Người thấy chứ còn sao! Mau lên! Ra hầm! - Tôi sẵng giọng, như quát.

Thối tắt ngọn đèn, cô gái nắm lấy cổ tay tôi kéo nhanh ra khỏi buồng. Sự căng thẳng nơi tôi đã truyền sang cô nỗi hãi hùng. Cô thờ hốt hển. Tiếng guốc gõ mau mau, gấp gáp. Chúng tôi xuống cầu thang, sau đó còn phải qua một hành lang rất hẹp, ẩm ướt và sâu hun hút, rồi mới ra đến ngoài đường. Trời đã tạnh mưa, và màn đêm thì như có phần nào quang ra trong bầu không khí trong suốt rờn rợn. Giữa lòng đường, trước cửa nhà, cái đầu xe điện vẫn lù lù đầy như một chiếc tàu mắc cạn.

Cái hố cá nhân bằng xi măng đúc, miệng mở ra đen ngòm ở mép vỉa hè.

- Chúng mình ra hầm công cộng đi anh, - Cô gái nói trong hơi thở gấp - Những cái hố tròn này em chẳng bao giờ dám xuống. Dưới đó đầy nước. Rợn chân lắm.

- Lại còn thế! - Tôi gắt.

- Ngay kia thôi mà, anh. Với lại ở đó đông người, đỡ sợ.

Chúng tôi bước lao đi, ngược chiều gió thốc. Cả thành phố đã ẩn mình. Trên mặt đất chết lặng, chỉ còn trơ vơ có hai chúng tôi, sóng đôi nhau trong nỗi kinh hoàng. Thời khắc từng giây từng giây một như bị nuốt đi mà chẳng đường tròn chạy thì hầu như không cùng. Một ngã ba. Rồi nữa một ngã tư. Cái hầm công cộng của cô gái đâu mãi không thấy. Mà vì vương đôi guốc nên cô nàng không chạy được. Với lại, trời ơi có chạy cũng không kịp nữa rồi. Vùng ngoại vi đã khai hỏa. Các trận địa pháo 100 ly đồng loạt cất tiếng gầm. Chớp giật sáng lòe. Và tên lửa, tên lửa, từng cặp, từng cặp rẽ trần mây, ầm ầm lao lên, vạch những luồng đỏ rực. Nhưng, giữa sấm sét của quân ta đang cấp tập giáng đòn, bằng kinh nghiệm máu xương và sự sống chết rủi may của một thằng lính chiến trường, tôi đã nghe thấy từ trên đỉnh trời đêm thăm thẳm cái mà tai tôi còn chưa thể nào nghe thấu, cái mà linh tính đã báo trước. Và tôi biết, với hai chúng tôi, thế là hết. Bom rồi. Bom sẽ phang chính diện đoạn đường này.

Đúng lúc này, số phận lại tàn nhẫn đặt chúng tôi lọt vào giữa một quảng phố rất dài mà hai bên đường không hề có nhà cửa chỉ có hai chặng bờ tường cao chạy liền một mạch. Và dưới ánh chớp của những đường đạn cao xạ tôi không thoáng thấy chút hầm hố nào ở cả hai bên vỉa hè. Một tọa độ tuyệt vời của cái chết. Có cổ rảo thêm lên vài mươi bước chân nữa cũng thế thôi.

- Nó cất bom rồi! - Tôi nói, và nắm nhanh lấy khuỷu tay cô gái, kéo cô đứng dừng lại.

- Kia anh. Chỉ đoạn nữa thôi!

- Không kịp đâu, - Tôi thông thả nói, bình tĩnh đến ghê người - Bom đang thẳng xuống đây đây. Nằm xuống mau lên đi. Và đừng có hoảng.

Cô gái ngoan ngoãn nằm áp xuống cạnh tôi, dưới chân bức tường gạch. Hẳn là cô rất hoang mang, nửa tin nửa ngờ trước lời khẳng định chết người ấy của tôi. Song, chỉ mười giây nữa không hơn, tôi biết, thảm bom sẽ chạm đất. B52, những con khủng long giời sầu đất thảm ấy, tôi còn lạ gì. Trong kia, chúng bay ban ngày ở độ cao vừa phải, đội hình khi sáu chiếc khi ba chiếc, lưng lửng càn qua trời, cày vào thình không những luồng dài khói đặc, ồ ồ đội bom như mưa tưới. Những giọt mưa bom có thể xô đổ một rặng núi, có thể chôn sống một dòng sông, vằm nát một đại ngàn. Còn bây giờ thì không phải là mưa mà là cả một trời bom đang giáng xuống. Và không phải núi không phải rừng mà là nhà cửa, phố xá. Bầu trời bao la tột độ hung tàn. Thành phố thì nhỏ như lòng bàn tay. Sức hủy diệt thì tối đa, và mạng người mong manh biết mấy. Tôi nghĩ. Người gồng lên, căng nhúc, chờ đợi.

Nhưng, tôi hầu như không nghe thấy tiếng nổ. Mặc dù đã đón trước, vẫn cứ bị bất ngờ. Thình lình, tối tăm mặt mũi. Mặt đất rung mình, rướn lên. Không gian méo lệch đi. Rồi cái gì đó nóng bỏng, rực lửa, nhọn hoắt, và tung tóe, đập vào mặt. Hơi bom nóng đặc xộc đầy phổi.

Cô gái lăn sát vào tôi. Tim sự che chở, cô nép sát tấm thân lạnh cồng vào người tôi, thờ sát vào khuôn mặt tê dại nhưng đầm mồ hôi của tôi. Tóc cô tung xỏa ra.

Lại một dây bom nữa, lần này như ngay ở bên kia bờ

tường. Đất đá, xi măng, gạch ngói, nhà cửa cùng một lúc nổ tung. Trời đất rống kêu, rền vang như gang vỡ. Sóng xung kích ào qua ập lại. Chết này! Chết này. Chết- ết - ết..! Tôi nghiêng rống ôm ghì lấy cô gái, đợi cái chớp mắt cuối cùng tan xương nát thịt. Bom à à rơi, hú vang, man rợ, nổ nổi vào nhau rồ rồ. Cứ mỗi luồng tiếng nổ và hơi bom quạt tới, thân thể chúng tôi càng xoắn vào nhau. Nhừ tử vì sức ép, cả hai đờ đẫn, ngất ngư.

Thình lình, cái chết nhả móng vuốt. Bầu trời như sập cửa đánh sầm một cái. Rồi hẫng đi, lặng phắc. Tiếng nổ của quả bom cuối cùng dập tắt mọi tiếng nổ.

Chúng tôi vẫn nằm, ôm riết lấy nhau. Dường như cả hai đã hoàn toàn tê liệt, không thể nào ý thức được, không thể nào cảm nhận nổi cái sự sống sót ngoài dự kiến này. Lặng đi như thế khá lâu, cô gái mới dựng cựa thân mình, đuổi người ra khỏi tôi.

Chậm chạp, tôi đỡ cô đứng dậy. Một bên vai áo rách toang, tóc xỏa rối, ánh mắt sợ hãi, cô luống cuống quờ quờ chân tìm đôi guốc, không biết để làm gì cái đôi guốc cao gót ấy. Khói đặc trôi là là. Mùi thuốc bom khét cháy. Trời mây bầm đỏ.

Trong tai đã đỡ tiếng ù, tôi nghe thấy ở đâu đó phía trước, rất gần, dậy lên tiếng kêu cứu. Rồi cả đoạn phố ầm ầm lên huyền não. Từ phía sau, rầm rập một đám đông đổ tới với cuộc xềng, xà beng, với cáng thương, hối hả tràn qua. "Đứng ì ra thế à! - Ai đó giận giữ quất lên với tôi, gay gắt, đau đớn, khàn đặc - Hầm thì sập, người thì chết, ngay trước mắt kia kìa, giời ơi - ời..!".

- Ôi trời ơi, hình như chỗ hầm công cộng, anh ơi! ở đó bao nhiêu là người... - Cô gái kêu lên thảng thốt.

- Anh phải lại đó góp một tay. Em về trước đi. Anh về sau! - Tôi nói.

Và vùng ra khỏi tay cô, tôi hộc tốc chạy băng theo đám đông. Vừa chạy vừa ngoái lại, xua xua tay, gân cổ hét: "Về đi! Chờ ở nhà!". Khi chạy đến sát bãi bom, trước khi cùng mọi người lao, khuất vào trong vùng phố xá vừa bị hủy diệt, ngổn ngang, tanh bành, ngập khói, tôi còn kịp ngoảnh nhìn lại một lần nữa, và nhờ thế mà còn được nhìn thoáng thấy qua màn đêm sẫm màu lửa cái hình bóng thân yêu và hư ảo ấy một lần cuối cùng...

Lẽ ra thì đây không thể là lần cuối cùng, bởi vì lẽ ra thì tôi đã trở về được ngôi nhà ấy, vào lại được căn phòng hồi đêm ấy và gặp lại được người con gái ấy của tôi. Khi đó đã báo yên từ lâu và trời đã sáng hẳn. Cứ theo đường tàu điện, con đường mòn độc đạo hồi đêm, tôi rào bước quay trở lại ngôi nhà.

Thoạt tiên, tôi chẳng để tâm, chỉ lẳng lặng bước tránh lên vỉa hè. Buổi sớm mai giá lạnh, phố xá thưa người, cái đầu xe điện già lão và sặc mùi rỉ sắt ấy không buồn thúc chuông, thà sức lao uỳnh uỳnh, hàng bánh sắt nện rầm rầm, rít lên, tóe lửa. Động cơ điện rú ề ề chối tai. Nhưng nó vừa vụt qua thì lập tức tôi sững người, như thể bị một roi vút thẳng vào tim, sức tỉnh song chết lạng đi.

Phố dài hun hút, thẳng tắp, không có lối rẽ. Dọc hai bên đường nhà liền nhà, san sát và hoàn toàn đơn điệu, nhà nào cũng y nhà nào. Một mặt tiền ẩm đậm cau có dưới một mái

hiên lộp bằng những tấm tôn rỉ. Một cửa ra vào và một bậc tam cấp bước thẳng xuống vỉa hè. Trước mỗi nhà đều có một cái hồ tròn bằng xi măng đúc sẵn. Tàu điện đã chạy rồi, vật chuẩn độc nhất đã di động, nên giờ đây điều duy nhất tôi còn có thể xác định được là ngôi nhà ấy nằm ở phía vỉa hè bên nào. Song bên nào mà chẳng thể. Mập mờ, trời sụt, lênh láng những vũng nước đọng trước những bậc thềm. Những mái hiên dột nát. Những mảng bờ tường. Những cây bàng. Những cây cột điện...

Không còn thời gian nữa, nhưng hồi lâu, như thể nhắm nháp nỗi tuyệt vọng, tôi vẫn cứ bước thấp bước cao dạo đi dạo lại nhìn vào cửa những ngôi nhà, nhìn vào mặt những người từ trong đó đi ra. Cho đến khi lại một chuyến tàu điện leng keng chạy tới tôi mới đành chịu khuất phục. Mặt mày vẫn nhem nhuốc tro than, tay chân sây sát, quần áo tả tơi và vẫn còn loang lổ vết máu của những người bị nạn trong đêm, tôi nặng nhọc lê bước, đầu cúi gằm, men theo cặp ray xe điện, đi về phía cửa ô.

Trở về sau chiến tranh, khi họa hoằn có dịp vào qua Hà Nội thì tôi vẫn chỉ một lối mòn xe điện ấy để đi. Cứ đi thế thôi, chẳng phải để tìm thấy một cái gì, cũng chẳng phải là để đi đến đâu. Lần gần đây nhất xuống ga Hàng Cỏ, tôi mất dấu con đường mòn. Hà Nội đã xóa bỏ tàu điện. Phố xá huy hoàng. Nhà cửa đẹp đẽ. Đời sống sung sướng...

Có lẽ đến một ngày nào đó, người ta khó lòng hình dung nổi đã có thời chính thành phố này đã trải qua những cảnh ngộ như tôi đã từng thấy hai chục năm về trước, khi tôi còn rất trẻ.

Đêm trừ tịch

Đời bộ đội của tôi đã bước những bước đi đầu tiên trong các cánh rừng cần cỗi vùng Bãi Nai. Ba tháng trời dài gió dầm mưa trên thao trường đã giúp chúng tôi gột sạch mọi tàn tích của nếp sống thị thành và trụ vững bản thân mình vào đội ngũ. Chúng tôi tập đeo gạch hành quân, tập lăn lê trườn toài, tập nín thở bóp cò, tập bám trụ chiến hào, tập vọt tiến tấn công, tập đâm lê, tập quăng lựu đạn, tập nhồi bộc phá, tập tuân lệnh chỉ huy và tập bền bỉ chịu khổ. Kịp tới tháng chạp, gần cuối năm âm, khi mà các đồi cây lúp xúp bên bờ sông Đà lấm chấm bóng hoa đào nở sớm, cán bộ quân lực các binh đoàn tấp nập về Bãi Nai nhận lính mới.

Một số vào pháo cao xạ, một số vào pháo đất, vào công binh, vào hải quân, một số khá đông sang hậu cần đi học lái xe bổ sung cho 559, nhưng

mà hùng hậu nhất vẫn là chúng tôi, lực lượng được phiên chế về các sư đoàn bộ binh. Vinh dự này khiến nhiều tay sợ vãi linh hồn. Tiểu đội tôi có thằng Nhu “mất lươn” đã lẹ chân *tút* ngay trước hòm đơn vị hành quân rời Bãi Nai. Nó với một thằng nữa, khác đại đội, khăn gói phới khởi doanh trại lúc nửa đêm, đúng vào phiên tuần tra của tôi và Hành “mìn tu”.

- Thằng Nhu! - Tôi hét - Thằng chó, mày *tút* hà!

- Lạy Chúa tôi! Thằng Nhu với thằng nào kia hờ mày? *Tút* gì mà *tút* ngu thế! - Hành nói to, lia tránh luồng đèn pin khỏi lùm cây mà hai gã đào binh đang núp. Tôi giật AK khỏi vai.

- Dừng mày! - Hành chộp nòng khẩu tiểu liên trên tay tôi, đẩy chúc xuống.

Hai thằng nọ vùng chạy. Chúng bỏ đường mòn rào rào rẽ cành lá lao thục mạng vào rừng. Một hồi lâu sau vẫn còn nghe từ trong rừng vọng ra huỳnh huých tiếng chạy rất nặng chân của hai thằng chết nhất.

Hành móc bao thuốc, dúi tôi một điếu.

- Thây kệ chúng nó mày ạ. Ngủ chúng nó *tút* sớm ngày nào thì cả cách mạng cả anh em mình được nhẹ mình ngày này, thật đấy.

Hành khum bàn tay lại xòe diêm. Khuôn mặt anh hiện lên gầy guộc, xấu xí, nhằng nhịt nốt rỗ đậu mùa.

- Tao lạ gì nó. Nó là hạng con nhà nên được chiều hết nhẽ. Những thằng sướng quen thân thương nhất như cây. Thằng Nhu vẫn mộng vào cảnh vệ gác các dinh thự ở Hà Nội. Giờ phải sung bộ binh đi bê, nó hã là phải.

Tôi chẳng nói gì. Hành khạc rõ to, rồi ho.

- Tam Đảo bao bạc mà mốc mảy ạ, - Anh nói - Bao thuốc này thằng Nhu kỷ niệm tao đấy. Nó hỏi tao gác phiên nào. Biết tao từng hai đặn đảo ngũ nên cả ngày nay nó cứ tỷ tê rù tao cùng tút. Thực tình tao cũng muốn can nó, nhưng mảy biết đấy, tai tiếng tao thế, can được ai. Đành là nín lặng. Mới lại cũng thương tình nó. Mỗi đứa mỗi cảnh. Bố mẹ nó cao sang nhưng lại có mỗi nó nên cần nó nói dối. Còn cảnh nhà tao thì mảy biết đấy, sau tao còn cả bảy em trai đủ giữ giống nhà. Tao ra đi lần này là vì tương lai chúng nó. Hôm nhận giấy gọi nhập ngũ cùng với bọn mảy, tao hỏi bố tao rằng lần này quá tam ba bận rồi, không biết con có nên tút như hai lần trước nữa hay không, hay là con nên ra đi nghiêm chỉnh, bao giờ giải phóng miền Nam xong thì mới trở về? Bố tao bảo, tùy con vì đấy là sự sống chết của con. Nhưng mà nếu lần này con không trốn nữa thì các em con, nhất là con Cúc con Đào đến trường đến lớp không phải hổ với chúng bạn. Đã phận con nhà nghèo, lại còn tai tiếng bởi thằng anh thì làm sao ngóc đầu lên. Mẹ con đã phải sớm về chiều Chúa cốt để các em con chúng nó được sinh ra, được ban phước lành, học hành tử tế, vui hưởng cõi đời này, bố tao bảo tao thế.

Bà mẹ của Hành sinh thời là hộ lý ở Cây đa Nhà bò. Thạo nghề dờ dề nên bà đẻ thật nhiều. Hành với ba thằng em trai và hai con em gái. Hai đứa con gái là cặp sinh đôi, chúng vừa khóc chào đời đã phải mồ côi mẹ. Mồ côi, nhà nghèo nên mặc dù hơn tôi năm tuổi học vấn của Hành thua xa tôi, anh chỉ leo được hết lớp bốn. Lũ em trai của Hành cũng vậy. Bốn anh em một đàn lông nhông thất học nai lưng làm lụng kiếm cơm

nuôi hai đứa út. Đeo phích chạy bán kem que dọc các phố, rồi bơm xe đạp, gánh nước thuê, bở củi thuê, rồi đẩy xe ba gác. Ông bố của Hành thì chuyên nghiệp làm lao công. Thời Tây, ông hầu việc nhà thờ. Sang thời ta, nhà chung hiến một phần dinh cơ cho nền giáo dục phổ thông, ông bố của Hành từ chân kéo chuông chuyển ngành sang gõ trống. Hàng ngày, như xưa, ông lo quét tước dọn dẹp sân xướng phòng ốc và lo cầm trịch giờ giấc. Ông thúc trống báo giờ vào lớp, giờ ra chơi và giờ tan học. Ông tên Cà song người ta cứ quen gọi ông là ông Phao Lồ. Các con ông cũng vậy, mỗi đứa có một cái tên tây dẫn trước tên ta. Giảng, Mi Sen, Mác, An Na, Xô Phi. Còn Hành, hình như ngay cả trong sổ quân tịch cũng là Phờ Răng Trịnh Văn Hành.

Ngày trước, tại khu phố tôi dân tình phần đa là con chiền nhưng họ đã ra đi gần hết trong cuộc di cư năm 54. Chỉ còn lại duy nhất gia đình ông Phao Lồ, nhà trong tít cùng một cái ngõ sâu hút. Chủ nhật nào bố con nhà này cũng dắt dây nhau hàng một đi ngang qua cổng nhà tôi. Ông Phao Lồ dẫn đầu, rồi tới hai đứa bé gái sinh đôi, ăn bận sang nhất nhà, áo dài trắng, tóc buông vai, rồi tới những thằng anh, thằng nào thằng nấy đen đúa gớm chết. Hành đi đoạn hậu. Vắn xấu xí, vắn thô kệch nhưng êm ả, nhẵn nhịn, lũ con trai nhà ông Phao Lồ nom khác hẳn hàng ngày. Cả tuần rách rưới lam lũ, lang thang lêu lổng giành giật áo cơm, anh em Hành để dành bộ đồ nom có vẻ tươm tất nhất và bộ dạng có vẻ hiền lành nhất cho buổi sáng ngày chủ nhật đi châu lễ mixa. Mỗi tuần một lần, lượt đi lượt về rậm rạp, không suy xuyến giờ giấc, họ đi dọc các phố giữa sự nhìn ngó. Dân tình trong khu phố

dù đã quen mắt nhưng vẫn cứ mãi thấy lạ lẫm với cái đám rước của bố con nhà họ. Bọn nhãi chúng tôi thì không một lần nào lờ díp chạy bu theo. Chúng tôi cố chọc cho anh em Hành tức khí lên.

- Cà... Cà dái dê, Hành Hẹ Tỏi Mùi trộn vào một chảo...!

- Ê ê... Phờ Răng thành Pháp! Ê... Thành Mác tỏi tây!

Thu mình lại trong một thái độ cam chịu đầy ngoan cố, bố con nhà họ lặng lẽ bước đi, không nhìn, không nghe. Thành Hẹ thành Tỏi có nổi xung lên mà chực xông ra thui nhau với bọn tôi thì cũng bị Hành ngăn lại. Nhưng càng chịu nhường thì mấy anh em Hành càng bị lũ chúng tôi được thể làm già. Cả khi đã lớn vượt lên, đã ngoài hai mươi tuổi, đã là một chân khuôn vác ở Phà Đen, Hành vẫn cứ nhất định khuôn theo cái lẽ thói công giáo bất đề kháng ấy. Ai trêu chọc khích bác anh, cả gây sự với anh, anh một mực nhẫn nhịn, ra điều bị và má trái chìa ngay má phải. Càng thế càng hay bị bắt nạt. Và thật là dễ ghét. To xác, vai u thịt bắp mà không chút táo tợn, luôn luôn chịu nhún thì chẳng qua là đồ nhát gan. Không thể mà nổi danh là phần tử chuyên nghiệp đảo ngũ.

Trước khi vào cùng một tiểu đội với tôi, Hành đã hai lần tụt. Hai lần nhận giấy gọi vào bộ đội, hai lần chịu đựng những tháng trời nhọc nhằn của khóa huấn luyện tân binh, hai lần được sung vào quân số đi bê, và cả hai lần đơn vị vừa rậm rịch xuất quân thì Hành đều kịp nhẹ nhàng để lại vũ khí, ôm ba lô lặn thẳng một mạch về Hà Nội. Sau khi đã đá sạch quân trang cho bọn con phe, Hành kín đáo lẩn về nhà với một bọc đầy phè rượu thịt biếu ông bố, thuốc lá cho mấy thằng

em trai mùi hẹ tỏi và giấy trắng học trò cùng vải hoa cho hai cô em gái. Ông Phao Lỗ phải hai lần mang nộp lại bằng Gia đình Về vang, còn Hành thì hai phen bị đưa ra phê phán trước tổ dân phố rồi nhận xuất lao động cải tạo, mỗi xuất ba tháng.

Lần nhập ngũ thứ ba này, đứng giữa hàng quân gồm toàn những đồng đội ít hơn nhiều tuổi nom Hành lạc lõng và nực cười như thể một tay học trò lười liên miên bị đúp. Và mặc dù từng trải hơn anh em những hai khóa tập tành, đến lần huấn luyện này Hành vẫn thứ bét về tất cả các khoa mục. Nhất là về mặt chính trị tư tưởng thì bao giờ anh cũng bị coi là phần tử đội sổ.

Các cấp chỉ huy đặc biệt đề mắt tới anh. Chính trị viên Phong giao nhiệm vụ cho tôi, tổ trưởng tam tam và là bí thư chi đoàn đại đội, phải thường xuyên đi sâu đi sát để vừa động viên vừa canh chừng Hành. Hôm tiểu đoàn nhận lệnh xuất chinh, ngay trước lúc lên tàu hỏa hành quân vào Vinh, tôi thú thật với anh trọng trách ấy của mình và tôi đe là sẽ sẵn sàng nổ súng nếu anh giở trò. Hành bảo:

- Tao biết tổng. Gì mà không biết lão Phong chi thị mày kè kè tao. Nhưng tao đã tút thì mười mày với mười lão Phong cũng không can nổi. Cơ mà phiên gác tối qua tao chẳng đã nói với mày rồi là gì: về thăm nhà thêm lần này nữa thì tao thành ra quá tam ba bận mất rồi. Chỉ thương chúng mày đi bê trúng phải đợt không được hưởng chế độ mười lăm ngày phép. Lại là dịp Tết nhất thế này mới tiếc chứ. Nhưng đừng buồn mày ạ. Cũng đừng sợ tao trốn. Tao không bỏ chuyến tàu tết này đâu. Sẽ cùng anh em đi tới kịch đường tàu, vui

hường ngày xuân. Mày cứ vững bụng mà kèm cặp tao. Đừng lo gì nhá.

Anh cười. Nhưng tôi làm sao có thể yên tâm. Chuyển tàu quân sự tới 29 Tết dốc toàn lực lướt về Nam, tuyệt đối không dừng lại ở bất cứ ga nào, tôi vẫn ngay ngáy canh chừng Hành nhất cử nhất động.

Nhưng rốt cuộc chẳng phải là tôi đã kèm cặp Hành, mà ngược lại. Nhờ sát cánh bên anh, mạng tôi còn tới bây giờ.

Chỉ còn cách ga Vinh chừng vài cây số thì đoàn tàu chở tân binh lọt vào một vùng đêm đột ngột sáng lòà. Nếu không có Hành xô xuống thì tôi đã vì chết khiếp mà nằm chết dí ở trên toa. Và nếu không có Hành ghìm lại thì trong cơn điên sợ tôi đã bỏ chạy ra giữa đồng trống. Hành kéo tôi ngã ép vào một bờ ruộng. Bom phạt quang quét thành dây, xé dọc cánh đồng. Dứt một loạt bom lại một loạt bom nữa bồi tiếp. Tiếng hú của phi cơ bổ nhào khiến tôi lại lỏng lên chực chạy. Hành ghì tôi xuống, đè lên. Anh không ngớt khấn Chúa để trấn tĩnh mình, trấn tĩnh tôi. Tảng sáng, khi trận bom đêm tạm lắng để soạn chỗ cho trận bom ban ngày, Hành hỗn hển xóc tôi dậy.

Hai anh em cùng những người còn đứng được lên chập choạng mờ mẫm trên cánh đồng bom lần tìm những đồng đội bị thương. Mặt trời cuối năm một màu máu chui qua sương xám, khói đen và giá lạnh chầm chậm trôi lên. Chốc chốc, trước mặt, sau lưng, lại oàng lên như sét đánh một trái bom bi nổ chậm. Không ai kịp quăng người nằm xuống, cũng không kịp cả cúi thấp đầu, dường như không kịp sợ hãi. Một trái bom nổ tung cách tôi không đầy mười bước chân, tóe bi

ra từ góc ruộng. Người lính đi ngay đằng trước tôi nhào sang bên, giơ một cánh tay lên rồi vật sấp. Tôi và Hành chạy xô đến, quì thụp xuống. Người vừa ngã nằm úp mặt trên vũng máu đang rộng loang ra rất nhanh. Lấy bẫy, tôi lật ngửa anh lên.

- Chính trị viên! - Hành kêu - Giê su ma! Anh Phong bị thương rồi, anh em ơi!

Ồi trời ơi, chính trị viên Phong. Trời ơi. Từ bụng, từ ngực Phong máu phì phì túa ra, áo trắng thủ ướt sũng. Máu chảy ứa cả ở miệng. Kinh hãi, tôi rút tay lại.

- Lạy Chúa! Mà làm sao thế? Máu anh em mình mà mà ghê à, hả? Mau lên, nhắc anh ấy dậy, xóc lên lưng tao, mau lên! Ồi Chúa ơi! - Hành rên rỉ, mặt tái nhợt.

Trên đầu chúng tôi bầu trời như chợt co rúm lại. Từ biển ập vào hai chiếc A4. Chúng cất tiếng gầm rùng rợn, hú vang, lượn vòng rất hẹp trên cánh đồng.

Cánh đồng chết chóc bị bom đạn đào xới băm vằm trong suốt cả ngày hôm ấy. Chúng tôi rút lui vào những làng mạc gần đó. Tắm táp, ăn uống, nghỉ ngơi, sức lại dần. Nhưng mà tâm hồn tôi thì đã quá phờ phạc. Gần tối, tiểu đoàn xóc lại đội ngũ, tiếp tục hành quân. Chúng tôi thấy bộ dọc đường sắt, về phương nam. Mặt trời lặn, gió bắc thổi ù ù. Trong ánh nhá nhem của buổi hoàng hôn năm cùng tháng tận, binh sĩ đi hàng một, dẫm trên đá rậm và các thanh tà vẹt giữa hai vệt ray nom như thể đang cùng nhau leo lên một cái thang cao ngất bắc thấu vào trời sâu lạnh giá.

Đi được gần hai tiếng, sau khi vượt qua một con sông, tiểu đoàn bỏ đường sắt, rẽ phải, nhằm hướng Tây. Không khí lạnh

lẽo mà lắm bụi. Lệnh chỉ huy cho dừng chân bên đồi. Nhưng chỉ mười phút, chưa kịp ráo mồ hôi mọi người đã lại ba lô súng ống lên vai rào rào đứng dậy đi tiếp. Riêng tôi vẫn ngồi nguyên tại chỗ. Lẩn mình sau lùm cây, tôi dờ dẩn nhìn anh em đang kéo qua trong đêm tối. Không có tiếng nói, chỉ có tiếng vũ khí va chạm lách cách và tiếng chân của người này nối người kia rậm rịch, đều đều. Nhịp bước chân của đoàn quân xa dần, xa hẳn, tắt bật, tôi vẫn bất động.

Cái ngày Ba mươi Tết đáng sợ nhất đời này thế là đã qua đi, nỗi khiếp hãi nguội dần tuy nhiên không tiêu tan mà rần lại dường như có thể sờ thấy được. Tôi cắn răng, gắng gượng ghì mình song vẫn không sao ghìm nổi tiếng rên. Tiếng rên âm ỉ, nghệt thở, cơ hồ không phải từ cổ họng thoát ra mà là từ một chỗ rò rỉ nào đó của ý chí. Toàn thân rã rời, hoàn toàn suy kiệt, không còn nổi lấy một gờ ram tinh thần, tôi vật mình nằm nghiêng xuống mặt cỏ khô cứng đã ướt rượt sương giá, người co quắp, ngủ thiếp đi, bại hoại cả cõi lòng trong một niềm thương thân hèn mọn.

Tiếng động cơ phản lực đột ngột dội vào giấc ngủ. Tôi rùng mình, ngồi nhồm dậy. Tôi không biết là mình đã nằm ở đây bao nhiêu lâu. Đơn vị thì chắc là đã đi xa lắm rồi có muốn đuổi theo cũng không thể kịp nữa, và cũng không biết hướng nào mà theo. Chiếc máy bay nhấp nháy đèn, trườn chậm chậm qua bên kia trời và không lượn vòng lại, tiếng động cơ nhỏ dần. Tôi không nhận thấy ngay là đang có một chùm bốn trái pháo sáng treo chênh chếch ở rìa mây. Dưới ánh hòa châu sắp tàn, một người lính đang rào bước trên con đường đất

gập ghềnh. Tôi nhận ra bóng dáng quen thuộc của Hành. Anh quay trở lại tìm tôi. Anh rời mặt đường, rẽ cỏ tranh đi thẳng tới chỗ tôi núp và không nói gì hết, ngồi xuống cạnh tôi. Gió bắc xiết qua đồi tranh. Bốn bề một vùng mênh mông cô tịch cỏ tranh và lau lách. Một con chó hoang cất tiếng tru thảm thiết, gần đầu đây. Hành moi trong túi áo ra bao Tam Đảo ẩm dượt mồ hôi. Mỗi người mỗi điều chúng tôi lặng lẽ hút.

Không nghe thấy tiếng máy bay, cũng không nghe thấy tiếng nổ, chỉ thấy phía trời tây nhoàng nhoàng chớp bom. Đạn cao xạ bốn luồng đỏ rực bay tủa lên nom như những chuỗi cườm.

- Không chừng ... - Hành lẩm bẩm - Không chừng, lại là tiểu đoàn mình đang ăn bom...

Chếch sau lưng chúng tôi, mạn đông nam, vang lên một tiếng đại bác đơn độc, tiếng vọng lan đi rồi tắt bật. Nửa phút sau, phát đạn thứ hai, rồi thứ ba, thứ tư, mau hơn, làm không khí chấn động. Ùng... tiếng nổ đầu nòng tít ngoài khơi, rồi oàng... trái đạn đập xuống. Mặt đất rung mình. Âm vang của những tiếng nổ đầu tiên chưa dứt thì những tiếng khác đã tiếp theo, tiếp theo mãi, tràn lên nhau, mỗi lúc một dồn dập. Đang đêm, trọng pháo của Hạm đội Bảy đã man gằm thét, ác liệt đổ đạn bắn tan nát, bắn hủy diệt một cái làng chài nào đấy trên bờ biển Hà Tĩnh.

- Lạy Chúa tôi! Pháo hai lè ba ly đây. Mỗi quả cỡ này có thể xơi tái một quả đồi, - Hành nói, và khe khẽ than lên, giọng khàn khàn - Ôi chao ôi mày ơi, đánh nhau với bọn Mỹ không chết trước cũng chết sau. Chúng nó mạnh ghê người... Nhưng

mà nếu bỏ trốn, mày ẹ, thì cũng thật là tội lỗi lắm lắm. Mấy lần trước tao trốn về, Cha xứ chỉ mặt tao giữa nhà thờ trước cả trăm con chiên phán là làm trai không đáng nên trai, tự đánh mất linh hồn, tội lỗi truyền đời.

Anh rít mạnh ngum khói cuối cùng, dùng gót di mẩu thuốc, rồi chậm rãi đứng lên, răng rắc vụn lưng.

- Thôi dậy đi mày. Đi thôi. Chúng mình tụt hậu quá rồi. Phải nhẫu lên mới hòng bắt kịp được anh em - Anh nói, chìa tay cho tôi - Đưa súng với ruột tượng đây tao mang đỡ cho.

Tôi tưởng rằng mình chẳng còn đủ nghị lực để nhúc nhích nổi thế mà rồi vẫn đứng được lên. Lúc đầu tôi nghĩ sẽ chẳng thể đi được xa, nhất định sẽ rớt lại sau Hành và thế nào rồi cũng sẽ bỏ cuộc. Nhưng tôi ngạc nhiên thấy mình vẫn bám sát Hành, cùng anh mài miết đi mãi lên phía trước. Thỉnh thoảng chân vấp phải mô đất và vướng trong cỏ dại, ngã bệt xuống nhưng lại lồm cồm đứng dậy ngay.

Cả đêm ấy, trước khi bắt kịp bước chân của đơn vị, chúng tôi chỉ nghỉ chân có một lần trên một mòm đồi. Hai đứa dừng chân để thở, nhưng không ngồi, đứng tựa vào một thân cây cụt. Bốn bề trời đất bao la song mịt mờ cảm lạnh, quanh quê và u sầu khiến lòng tôi se lại. Gió bắc đã ngừng táp, nhưng lạnh càng thêm lạnh. Mặc dù đằng xa bom nổ, mặc dù mạn biển pháo hạm từng loạt rền vang, đêm tối chiến tranh vẫn là cả một cõi mệnh mông hoang vắng bao trùm miền Trung đất nước tôi. Không đâu thoáng ánh lửa đèn, không hề nghe gợn lên một âm thanh làng mạc. Chỉ những triền miên trập trùng, quả đồi này nhường bước cho quả đồi khác, cánh rừng này

tiếp nổi cánh rừng khác, vô tận dưới đêm dài. Chợt, Hành lay vai tôi:

- Này. Mày nghe thấy gì không? Nghe thấy không?

Tôi lắc đầu.

- Tại mày sao thế hả? Tiếng chuông nhà thờ đấy. Nghe thấy chưa? Chuông mừng giao thừa mày hiểu không. Giao thừa rồi đấy. Lúc này đây.

Đâu ra tiếng chuông, chỉ có tiếng đại bác ùng oàng. Tôi thở dài.

- Bên công giáo cũng đón giao thừa Tết ta à?

- Sao không. Mày hỏi gì lạ thế. Giáo hay lương thì cũng người mình. Như là tao với mày đây này... Nghèo thì nghèo, nhà tao Tết vẫn xôm, bánh chưng, hoa đào, rượu, pháo. Nhà tao đông anh em nên khi giao thừa thế này vui lắm. Từ ngày tao đi làm có tiền càng vui. Chán là lúc này chả có gì mừng tuổi mày, chứ mọi năm ấy à, em tao đứa nào cũng được tao mừng tuổi... Giờ này chúng nó đang nhớ tao phải biết. Mà tao cũng nhớ chúng nó quá. Con Cúc, con Đào, thằng Hẹ, thằng Mùi, thằng Tôi... Sau này trở về mày bạn với bọn em tao nhé...

Tôi chẳng nói gì. Một mình Hành lan man nói mãi. Dưới chân đồi bóng đêm đặc sương, đi cạnh anh mà không nom thấy anh, chỉ nghe tiếng hai khẩu AK anh đeo trên vai va nhau lách cách, chỉ nghe giọng anh đều đều kể chuyện nhà. Chuyện ông bố. Chuyện lũ em.

Tảng sáng, hai anh em đuổi kịp đơn vị.

- Ông Chúa! - Hành nói, trao lại tôi cái bao gạo và khẩu tiểu

liên - May mà gặp may. Chứ không thì chả biết lúc này tao đã trốn ra đến tận đâu rồi. Ấu cũng là ý Chúa. Thôi thì từ nay hai đứa chúng mình cùng nhau vui hưởng chết chóc.

Tôi dạch miệng ra mếu máo cười, đi sát hơn vào anh. Tiểu đoàn trẩy đi như một con trăn dài uốn khúc qua cánh rừng thưa. Bước chân bộ đội in thành vệt xanh lục trên nền cỏ ướt. Chưa chỗ nào ngả sắc hồng nhưng góc trời đằng đông đã bắt đầu trắng ra. Tầng không xám nhợt đã sáng hơn, chuyển dần sang màu xanh lơ. Trước mặt chúng tôi, dường như ngay bên kia vạt rừng sẫm lẻ, núi non Trường Sơn trùng điệp một dọc không cùng tận đang từ từ nhắc mình hiện dần lên trong vùng khói sương cuộn cuộn và lạnh lẽo của miền tây đêm tối đang sắp đi vào một ngày mới nữa của mùa xuân năm đó nung trời nắng và lửa...

Mùa xuân năm đó đã lụi quá sâu vào dĩ vãng, thế nhưng cái chặng đường khuya mà tôi đã cùng Hành lội ngang qua đất Hà Tĩnh để ruổi theo bước tiến của tiểu đoàn thì tới tận bây giờ dường như vẫn đang đây, trải dài dưới chân tôi, dài xa thăm thẳm về phía trước.

Giao thừa năm nào tôi cũng lắng nghe, cũng chờ mong tiếng chuông nhà thờ. Giao thừa là phút giây lặng lẽ cho riêng ký ức cuộc đời tôi. Đêm trừ tịch đánh thức dậy một chặng đời đã chết từ lâu, làm sống dậy trong tôi mảnh hồn ma gầy guộc mang gương mặt rỗ đậu mùa thân yêu hiền hậu. Hành và tôi, hai anh em, kể từ mùa xuân năm ấy đã sát cánh nhau dần mình vào cơn cuồng phong lửa đạn và đã cùng nhau nhiều năm trời vui hưởng chết chóc cho mãi tới ngày Hành được

cái chết rước đi trong trận quyết chiến ở xứ đạo Tân Cảnh bên bờ sông Pô Cô. Thế nhưng cả sau khi Hành đã chết, Hành và tôi vẫn như hình với bóng. Tín ngưỡng Thiên Chúa của anh không ngăn tôi hương khói cho hương hồn anh. Cho đến hết cuộc chiến, trên cổ tôi không lúc nào rời cây thập ác bằng dứa ra xác nẩy bay mà khi hấp hối Hành đã gửi tôi mang về Hà Nội trao cho cô em út của anh.

Ông Phao Lồ đã qua đời từ lâu. Họ Trịnh không còn ông và không còn Hành, song đã trở nên đông đúc gấp bội những năm xưa nghèo khó. Cả năm người em của Hành giờ đây đều khá giả, ăn nên làm ra. Họ vẫn chăm đi lễ như sinh thời ông Phao Lồ, và vẫn giữ nếp toàn gia cùng đến nhà thờ mỗi sáng chủ nhật. Chỉ khác là bây giờ họ không lặng lẽ dắt dây nhau cha con anh em chậm rãi khiêm nhường cất bước đi qua trước cửa nhà tôi như thuở nào. Bây giờ, người lớn thì rầm rầm rộ rộ một toán đồng xe máy, con trẻ thì ngồi xích lô ghế nệm, sang trọng, là lượt, trẩy dọc phố. Dù vậy, bọn oe con ở phố tôi ngày nay do quen sống một cuộc sống tuyệt đối thờ ơ với mọi sự nên chúng chẳng thiết gì nhìn ngó những người đi lễ.

Ngôi sao vô danh

Trăng lên, tàu dừng ga Phúc Trạch, chừng mười phút rồi lại chuyển bánh. Không vội vã, đoàn tàu dẫn sâu vào thế giới hoang vu trập trùng đồi gò khe lũng và mênh mông những trắng trắng miền tây Quảng Bình. Thỉnh thoảng một vạt núi từ Trường Sơn ưỡn ra cắt ngang qua vùng cô tịch kéo dài không dứt của cỏ tranh và lau lách. Đường sắt xé vào núi, trườn giữa hai vách ta luy đột ngột tối xầm rồi lại đột ngột xuyên ra dưới miền trắng sáng.

- Đường dây Năm trăm kia! - Ở đằng cuối toa, một người đàn bà kêu lên.

Tôi đã tưởng trên toa chỉ còn riêng mình đang thức. Nhịp tàu đập dềnh, tiếng bánh sắt lăn đều đều, và gió mát, ru người ta ngủ. Ngoài cửa sổ, trăng sáng, đêm dài, cảnh đường trường lượn lướt trôi qua như những cái chớp mắt. Những cột

tín hiệu. Các nhà ga xếp. Những đám cây cối. Một vạt rừng thưa. Những rặng đồi thâm thấp. Và đột ngột tiếng rền vang như sấm của một đoạn cầu ngắn ngủn. Đất đai quê hương trải dài trong quạnh quẽ.

Đã non ba chục năm rồi còn gì, ngày ấy với bây giờ, nhân tình thế thái đổi khác biết bao nhiêu, nhưng mà núi vẫn thế, rừng vẫn thế, suối sông cũng vẫn thế thôi. Vẫn một Quảng Bình hình thế độc đạo, đất hẹp trời cao, và vẫn trùng điệp Trường Sơn một dọc không cùng tận. Có lẽ ngoài tuyến tải điện Bắc Nam là một công trình còn quá mới, hai mươi năm hòa bình đã chỉ in được vào trong cảnh vật của miền non nước hoang sơ thưa vắng bóng người này có độc nhất một con đường xe lửa. Đường như tắt thảy những bước tiến và những đổi thay của cả nước đều chỉ nướm nượp trảy qua chứ không chịu dừng chân lại ở nơi đây. Đường như ở nơi đáy kể từ sau chiến tranh thời gian tức là tiếng còi tàu, dường như kim đồng hồ chỉ chạy khi có tàu chạy ngang. Những chuyến tàu ra rồi những chuyến tàu vào bù trừ cho nhau như là ngày và đêm.



Ngày xưa, thời chúng tôi, quân lính đi Bê, anh nào may mắn thì cũng được rời Hà Nội bằng tàu hỏa. Song chỉ tới bắc Cầu Bùng thôi là kịch đường, phải xuống. Từ Quỳnh Lưu, cuộc bộ, súng ống trang bị chắt trên vai, xuyên Nghệ An, Hà Tĩnh, vòng tránh Đèo Ngang, rồi hoặc một mạch đổ về Cự

Năm hoặc là đi chéo đường về “thủ đô Troóc”. Từ đây, mới thực bắt đầu đường giao liên 559, ngàn dặm, vào Nam.

Tôi nhớ năm ấy, mùa đông, tiểu đoàn chúng tôi một hàng dọc vượt Khe Gương. Ở khúc lượn của bộ binh, ngày xưa từng có một cây cầu. Thân cầu đã sập xuống khe từ những đời thuở nào, chỉ còn lại đó cái mố giữa đứng trơ vơ. Mặc dù đã sạm đen và lở nát đi vì năm tháng song mố cầu vẫn giữ lại được vóc dáng xưa tuyệt đẹp nom tựa vòm cổng một tòa thành cổ từ dưới lòng khe sâu cao vút lên. Thuở còn nguyên vẹn cầu Khe Gương hẳn phải là cả một kỳ quan. Thú thực là bấy giờ tôi đã hết sức kinh ngạc vì không hiểu tại làm sao mà ngày trước người ta lại phải bỏ sức cắt lên một công trình bề thế như vậy giữa vùng núi non khuất nẻo chẳng hề có đường xá này. Và tôi lại càng ngạc nhiên hơn khi được biết đây là phế tích của một cây cầu xe lửa. Hồi đó, mười bảy tuổi, thuộc diện con nhà cán bộ, lớn lên ở thành thị, ngoài những kiến thức sơ sài trong các sách giáo khoa lịch sử, tôi nào có biết gì nhiều về dĩ vãng của non sông đất nước, nhất là dĩ vãng làm lụng dựng xây mở mang khai khẩn. Tôi những tưởng từ vạn cổ tới giờ tuyến tàu Nam chỉ là Hà Nội - Vinh. Làm sao dọc đất Quảng Bình lại có cầu hỏa xa?

Giữa lòng khe, thân cầu như một con tàu mắc cạn, đã rã nát ra. Những mảnh dầm cầu phủ nặng rêu, nằm cong queo, vỡ vụn trên nền sỏi trắng dưới làn nước lạnh giá trong vắt như gương. Tiểu đội trưởng bảo: “Không phải sập vì bom đạn mà là do ngày xưa tiêu thổ kháng chiến”.

Sang bên kia khe, đường hành quân men theo đường sắt.

Thực ra thì chẳng còn tâm hơi đường sắt. Chẳng còn ray, chẳng còn tà vẹt. Cà đến một cục đá rậm rải đường cũng chẳng còn. Thời gian, mưa nắng, cỏ cây đã biến tuyến hỏa xa Xuyên Việt thành một lối mòn vô danh trườn lượn lẩn khuất dưới những vách đồi.

Đồi dốc trập trùng, mưa phùn lè thê. Tiểu đoàn rê vào Rú Voọc, rải quân ra chốt lại. Vì có thể sẽ dừng chân vài ngày trong vùng rừng hoang này nên các đơn vị được lệnh không tạm bợ tăng vồng qua đêm mà phải đào hầm dựng lán, đàng hoàng nơi ăn chốn ở đón xuân.

Mỗi tiểu đội một lán, nền âm, mái lá. Đầy đủ hầm chữ A, bếp Hoàng Cầm, sạp giường, giá súng, giá ba lô, và cả bàn thờ nữa với ảnh Bác Hồ, cờ Tổ Quốc. “Ở thì tươm rồi đấy, chẳng kém doanh trại trường hạ sĩ quan một tý nào. Nhưng tết nhất sao đây hà, giao thừa mà nhá lương khô thì quá thể nực cười”, tiểu đội trưởng bảo.

Tiểu đội trưởng Tò của chúng tôi đã hai năm quân ngũ nên thạo đời, sắc bén và hữu hiệu như con dao pha, trên thông thiên văn dưới tường địa lý. Thoáng cái anh đã biết ngay lũng rừng âm u nơi đơn vị đang hạ trại vốn dĩ là một khu khai thác gỗ. Như vậy thì phải có dân cư gần đâu đây. Một xóm sơn tràng, hoặc thậm chí một lâm trường nữa cũng nên. Tò mở miệng bao tải, và lính tráng moi ba lô, mỗi đứa bỏ mỗi thứ vào đó góp vốn để Tò đi sắm tết. Kim, chỉ, đá lửa, pin văn điển, cao sao vàng, lưỡi dao lam, cặp ba lá. Và lương khô, thịt hộp, đường, sữa. Tò được Tò kén đi chợ cùng.

Ban đầu hai đứa tôi đập góc phương vị mà đi. Nhưng chỉ

một chốc thì Tò lục lạo tìm ra được một vết đường lâm nghiệp trốn sâu trong gai góc và lùm bụi. Lối rừng chừng hơn một giờ theo cái lối mòn kéo gỗ đã bị bỏ hóa ấy, chúng tôi bước ra một vùng rừng thưa và gặp lại đường xe lửa. Khác với đoạn ở Khe Gương, tại Rú Voọc này nền đường sắt mặc dù bọc trong lau lách nhưng mà nom còn khá rõ, tương đối trời cao lên như một con đê dài hoang phế lượn giữa sóng rừng nhấp nhô.

Đang dẫn đo chưa biết nên đi ngã nào thì chúng tôi chợt trông thấy ở đằng xa, trước khúc cua vòng của trục đường, có một túp lều mọc trong màn mưa bụi li ti lạnh giá. Rẽ lau, chúng tôi đi tới. Túp lều mà không phải là túp lều. Nó giống một cái bục có mái che của người gác ghi nhà ga. Cổ nhiên là ọp ẹp, xiêu vẹo, mái có vẻ như bằng gỗ, ba bên vách cũng vậy, nhưng đều đã mục ruỗng, thủng nát. Vén manh chiếu rách che cửa lều, tôi thấy một ông lão ngồi co ro trên chiếc ghế đẩu. Một ông già rất già. Lưng còng, trán nhăn như vỏ táo khô và có lẽ vì răng không còn nhiều nên phần dưới khuôn mặt sụp xuống. Ông vận một cái áo bông cổ lông nhưng mà lông đã trụi nhẵn, vải áo đắp đầy vết vá bằng những mụn vải nhiều màu.

- Chào bộ ạ! - Tôi lên tiếng

- Cái chi?

- Rét thế này bộ ngồi làm gì đây thế ạ?

- Bây hỏi chi lạ! - Ông cụ phều phào gắt - Ta làm gì nơi đây, đui sao mà không thấy! Lính khu Ba tụi bây đưa mớ cũng tài nói lẻo.

- Gần đây có cái thôn nào không, cụ? - Tôi hỏi.

Ông già ho khò khò. Tôi nhắc lại câu hỏi to hơn trước.

- Mần chi mà hỏi?

- Bọn con muốn trao đổi hàng hóa, cụ ạ. Hàng khô quân sự đổi lấy đồ ăn tươi. Cho bộ đội và nhân dân cùng ăn Tết, cụ ạ.

Ông lão lồm cồm đứng dậy. Cụ gỡ ở vách ra một cái áo tơi lá, trông vào người và đội mũ nan lên, rồi bước ra khỏi lều. Cụ diện một đôi Côxugin bê bết bùn và đã hoác mồm. Cụ chỉ tay về khoảnh rừng xa:

- Đó. Thị trấn đó. Lâm trường bộ đó. Trường học đó. Vườn ươm cây đó. Nơi đó...

- Dạ thưa, cụ nói sao ạ, thị trấn ư?

- Ngoài khu Ba bảy mới có thị trấn hử? - Ông cụ nạt.

- Tới đó, qua vườn ươm cây, rồi qua suối, rẽ tay mặt. Đi tới. Rẽ tay mặt. Đi thẳng tới. Qua đồi. Đó, đồi đó nọ. Đội Bốn làm trường bèn đồi đó. Tới đó mà mua đồ ăn.

Chúng tôi phải khó khăn lắm mới hiểu những chỉ dẫn rắc rối của ông cụ. Giọng ông cụ hình như không hẳn giọng Quảng Bình.

- Cụ cũng ở trong đó ạ? - Tôi hỏi.

- Bây hỏi chi lạ. Can cố chi ta phải ở với bọn sơn tràng trong nớ.

- Nhưng mà cụ ngồi làm gì ở đây?

- Ta gác ghi!

Tôi kinh ngạc nhìn. Bây giờ tôi mới nhìn thấy trước ngực ông cụ có đeo một cái còi bằng đồng buộc vào sợi dây gai

choàng qua cổ. Và cụ cầm trong tay hai cây cờ nhỏ. Một lá cờ màu vàng, một lá màu đỏ.

- Cái bọn sơn tràng đội Bốn trong nớ chúng nghèo cực lắm, bây không hông mua được gì nhiều của bọn chúng đâu. Nhưng ngoài bọn nớ thì không còn thôn làng chi nữa ở Rú Voọc.

- Thế còn cụ, nhà cụ ở đâu ta?

- Sao lại ở đâu? ở nhà ga chứ ở đâu.

- Ga ư? Đâu ạ?

Ông già nhướn cặp lông mày bạc phéch và mở to cặp mắt kèm nhèm nhìn sững vào mặt tôi như thể kinh ngạc vì sự dốt nát quá đáng của tôi. Rồi chậm rãi ông quay người lại.

- Nhà ga đó! - Ông chỉ cho tôi thấy một đám rừng chồi xanh tươi ở cuối khúc cua của nền đường sắt.

Ông cụ nói:

- Vào trong đội Bốn rồi, trở ra mời hai anh qua chơi, thăm nhà chúng ta. Ta cũng muốn mua vài món. Ta có tiền. Nhưng ở trong này có tiền cũng chẳng có chi mà mua. Hai anh có vài hoa đó không?

- Dạ không có ạ! - Tò đáp.

- Có xà phòng thơm Hoa Nhài không?

- Không ạ.

- Vậy có gương soi không, thứ của đàn bà con gái đó?

- Không ạ. Nhưng cụ cần những thứ ấy thật sao ạ?

- Ta không cần. Nhưng ta muốn mua cho con Giang, cháu gái ta. Hừ. Vậy thì trong bao của hai anh có những món gì? Nói coi. Ta mua. Ta có tiền!

Tôi định trả lời, nhưng Tò xua tay. Anh cảm ơn ông cụ rồi vội vội kéo tôi đi.

- Ông lão hóa rồ rồi, không thấy à, đồ ngốc! - Tò mắng tôi - Lão ấy thì có cái gì mà đổi chác. Mà khai các thứ ra, lão rồ ấy lại chẳng hỏi xin bằng hết ấy à.

Nhưng mà chúng tôi vẫn đi theo sự chỉ dẫn của “lão rồ” để tới lâm trường bộ và thị trấn. Đây là một đám rừng tái sinh mọc trên bãi B52. Trận bom đã từ khá lâu. Những thân cây đổ cháy đang dờ đã đâm chồi non. Trong những đám cỏ rậm cao vút có thể thấy thấp thoáng di tích nhà cửa. ù ù gió thổi. Bạt ngàn hố bom. Chông đồng gạch nát, ngói vụn, rầm gãy. “Thị trấn đây! - Tò bảo - Ông lão ấy thế mà cũng giỏi đùa nhì”

Vòng vo, quanh quèo, rẽ phải, rẽ trái, loạn xạ, cuối cùng thì chúng tôi cũng đến được cái gọi là Bốn lâm trường. Vốn là cánh rừng nhưng cây cối đã bị bom xô đổ. Lối đi hụp lặn trong cỏ tranh. Cỏ tranh rế lào xào, răng rắc tiếng cành khô gãy. Cơ hồ không một bóng người. Đời sống chỉ còn chập chờn vương vất dưới đây đó rải rác những túp lều dụi dụi, nửa nhà nửa hầm, ngói lén ngay bên nền cũ tang thương của những xác nhà. Tò thở dài:

- Ở đây chợ Tết tan sớm ghê. Hàng quán nghỉ cả rồi.

Từ các xó xỉnh bụi bờ hang hốc lũ trẻ lóc thốc chui ra. Đứa nào đứa nấy gầy vêu, ốm đói, xống áo tả tơi, da đen nhem, môi tím tái vì rét.

- Các chú Khu Ba! Các chú Khu Ba “manh xờ lam đôi gà rí” tề, bay ơi! - Bọn nhãi reo lên, nhảy cẫng, hò nhau chạy xán đến gần chúng tôi.

- Bố mẹ, anh chị các cháu đâu? - Tôi hỏi.

- Ba đi dân công hỏa tuyến. Mẹ ra Cồn đổi muối!

- Bọ mẹ vô rú trông bấp!

Đứa lớn nhất hỏi:

- Hai chú tha chỉ trong bao? Tiêu chuẩn đi Bê đổi lấy gà hỉ?

- Ừ, - Tôi nói - Các chú muốn đổi chút thực phẩm tươi về cải thiện. Nhà có gì không?

- Ôi thôi nào! - Tò lâu bầu, mặt cau lại, rồi lại thờ dài - Còn đổi chác cái gì nữa hờ mày. Không thấy cảnh nơi này sao? Thôi thì có gì chia nấy. San đều mỗi nhà mỗi xiu mày ạ. Gọi là chút quà lính đi Bê biểu bà con lâm trường ăn Tết.

Chúng tôi vác bao đi lần lượt mười ba căn nhà hầm của xóm sơn tràng. Bọn nhãi nhặng theo sau rỗng rần như đám rước. Tới trước cửa mỗi hầm, Tò mở bao, bốc trong đó mỗi thứ mỗi ít bỏ vào mũ cối. Bọn trẻ xúm xít lại, giương mắt chăm chú nhìn Tò phân chia hàng hóa.

Chúng tôi xuống hầm, cất tiếng chào. Mặc dù có bếp lửa giữa lòng nhà nhưng căn nhà hầm nào cũng tối âm âm, ẩm ướt, lạnh lẽo, trống rỗng. Nhà thì có ông lão, nhà thì bà lão. Tôi bỏ các thứ trong mũ lên góc chiếu. "Năm cũ chưa dứt nhưng chúng con bộ đội hành quân qua không dừng lâu được xin có chút quà và xin được gửi sớm tới gia đình lời chúc mừng năm mới". Có cụ chào hỏi lại và cảm ơn. Có cụ chẳng nói gì, hấp háy cặp mắt đục lờ...

Tôi và Tò trở về theo lối cũ. Im lặng bước đi. Trong lòng buồn bã. Trời buổi trưa đã tạnh mưa nhưng mà thêm phần lạnh lẽo. Núi rừng cần cối, đói khổ, bao la, trập trùng. Biển

lau xám xịt một màu. Tiếng động cơ phản lực rền rền lẫn trên mây.

Chúng tôi lên lại nền đường sắt, đi về phía túp lều gỗ của ông già “gác ghi”.

Ông già đang đứng ngoài lều. Đứng nghiêm, mặt trông về phía bắc, nơi đang rầm rầm tiếng máy bay quần lượn. Một tay ông cụ đưa ngang ra.

- Ông lão làm gì thế nhỉ? - Tôi ngạc nhiên.

- Không thấy ông già trương cờ à? - Tò nói - Cờ vàng. Đón tàu qua ga đấy. Tiếng máy bay nghe xa cũng có vẻ na ná tiếng tàu hỏa đấy chứ...

Ông cụ không để tâm tới chúng tôi đang bước tới gần. Mắt cụ chăm chăm nhìn hút theo trục đường. Tay cụ cứ đưa ra mãi không biết mỏi. Lá cờ vàng vẫy trong gió rét.

Tôi định lên tiếng chào thì bị Tò kéo kéo tay ra hiệu im lặng. Hai đứa lách cỏ lau đi vòng qua sau lưng ông cụ.

Đi xa khỏi túp lều rồi Tò mới bảo tôi:

- Tao sợ nhớ là bọn mình quên không để lại thức gì làm quà cho ông lão. Thành phải tránh.

Suốt dọc đường hai đứa im lặng rảo bước. Về đến gần lán tiểu đội, Tò níu tôi dừng lại một lát bên bờ suối. Anh bảo tôi:

- Tao thật không đành lòng mày ạ. Nghĩ thương ông lão quá cơ. Thôi bây giờ thế này nhé. Tao thì trung đội không cho đi nữa, chứ không thì tao đi ngay. Nên mày chịu khó một tý vậy. Về lán, mày nằm nghỉ một lát cho đỡ mệt rồi thì quay lại “trạm gác” đường tàu mang cho ông lão chút quà Tết. Tao sẽ

chuẩn bị gói qua ấy. Những thứ lão thích tao có cả đấy. Mảnh vải hoa may áo này. Xà phòng thơm này. Các thứ bọn con gái chuộng: kim chỉ, cặp ba lá, cúc áo có cả. Gương tròn tao không có nhưng thùng Ngũ bên A2 có, tao sẽ xin của nó cho cháu gái ông lão. Mày đi nhé? Đi rồi quay về ngay vẫn còn kịp đón giao thừa mà. Chẳng xa lắm đâu.

- Ủ, - Tôi đáp - Còn cách nào khác đâu.



Tôi chỉ và vội bát cơm, chứ chẳng nằm nghỉ, khoác túi quà lên đường ngay. Nhưng tới nơi thì ông già “gác ghi” không còn trong túp lều nữa. Chiều đã muộn rồi, lại càng thêm rét, lại lâm thâm mưa phùn. Tàn tích của cơn dề hỏa xa như thêm một nét ảm đạm nữa cho buổi chiều đông. Bốn bề mênh mông im lìm. Quả đồi này nhường bước cho quả đồi khác, cánh rừng này tiếp nối cánh rừng khác, kéo dài vô tận dưới vòm trời thâm ướt.

Một hồi tôi lê bước theo khúc cua vòng của nền đường lữ nát đi về phía rừng chồi, nơi mà ông lão gọi là nhà ga. Tường cụ lú lần nói nhăng, vậy mà đúng là có vết tích một nhà ga ở bìa rừng. Lần đầu tiên ở phía nam Vinh tôi trông thấy lại những thanh ray và những thanh tà vẹt bằng sắt nằm cong queo, rì nát trong cỏ. Một khoảnh đất bằng với những phiến đá phẳng đã rạn vỡ nhưng mang dáng vẻ một cái sân ke ngày xưa.

Một vệt đường lượn cong cong dẫn vào rừng chồi. Có vẻ

như đây là dấu vết còn lại của một nhánh phụ tuyến đường sắt, hay có thể là đường xe goòng. Tôi rẽ vào rừng theo đường nhánh đó.

Ngôi nhà hiện ra đột ngột và huyền bí trong ánh chiều ẩm hơi mưa đang dần nhòa lụi dưới bóng rừng. Không phải nhà ngói, nhà gianh, không phải lều lán, không phải là nhà hầm. Mặc dù gần như hoàn toàn bị trùm lấp trong những tầng dây leo nặng trĩu, ngôi nhà vẫn rõ rệt là một toa tàu hỏa khiến tôi sửng sốt sửng sờ.

Những bánh xe đã ấn lút hai khúc ray xuống đất mùn. Khung xe trùm lấp dây leo. Những quả mướp lông thông trước những khuôn cửa sổ. Đây là một toa tàu khách, cửa ờ hai đầu toa. Bậc lên xuống đã mùn nát được thay bằng tam cấp gỗ tự đóng lấy. Nhưng tay vịn bằng đồng thì vẫn còn nguyên.

Một cảm giác hơi rờn rợn ngăn tôi lại trước cửa toa. Khá lâu, tôi đứng sững, lặng im. Cho đến khi tôi nhận thấy có người đứng ngay đằng sau mình. Người đó bước tới bên tôi mà sự xao động gây ra không mạnh hơn một bóng ma. Tôi ngoắt người quay lại. Có thể nói lúc bấy giờ chỉ còn lại một thoáng ánh sáng cuối cùng trước khi rừng hoàn toàn sập tối, tuy nhiên chẳng những nhận ra bóng ma đó là một cô gái mà tôi còn kịp định hình được vóc dáng của cô, gương mặt của cô. Thoáng hiện đó sẽ còn in đậm mãi trong tâm trí tôi bởi vì từ sau đó tôi chỉ còn thấy được cô mờ mờ trong ánh lụi mờ của đốm lửa hương bài.

- Chào anh, anh bộ đội, anh tìm ông nội em phải không? - Cô gái lên tiếng, một giọng dịu ngọt và gần như là du dương vậy.

- Cô là Giang à?

Cô gái dạ thật khê.

- Ông em ngủ rồi.

Cô không nói mời anh lên toa mà nói mời anh lên nhà.

Sàn toa bằng gỗ vẫn còn chắc chắn vang lên thỉnh thoảng dưới bước chân. Trong toa thơm ngát khói hương bài tỏa từ bàn thờ. Bàn thờ khuất đầu đó trong lòng toa tối đen. Tôi và Giang ngồi xuống băng ghế gỗ. Đây là loại toa khách hạng ba. Chỉ có hai băng ghế dài dọc theo hai bên thành. Ông lão nằm ở băng ghế bên kia, thờ khò khè và ho.

- Sao không làm sạch giường trải cho ông nằm? - Tôi hỏi.

- Ông em thích vậy đó. Đã quen như vậy. Bởi hàng chục năm rồi ông ngủ trên băng ghế toa xe này. Khác đi không chợp mắt được.

- Nhà chỉ hai ông cháu thôi à?

- Vâng. Ngày xưa thì đông hơn. Có ba mẹ và hai em.

- Sao Giang không thắp đèn lên? - Tôi lại hỏi sau một lát lâu im lặng - Giôn-xơn nó tuyên bố tạm ngừng ném bom mấy ngày Tết. Từ chiều không thấy nó bay nữa.

- Vâng, em cũng nghe nói vậy. Nhưng ông nội sợ ánh sáng về đêm lắm. Đang ngủ say mà ai bật que diêm hay đánh máy lửa là ông vùng dậy la hoảng. Rồi ông chạy. Ông em đâu còn tinh trí, chắc anh cũng biết. Chắc anh đã gặp ông em ngoài đường tàu phải không?

Tôi kể cho Giang nghe chuyện tôi và Tò gặp ông cụ. Và duyên do tôi tìm tới đây.

- Vậy đó anh nờ, - Giang thờ dài - Ông em sống mãi trong thời xưa, thời còn tàu hỏa Tây. Thời xưa đó ông em từ Huế ra đây làm ký ga. Nghe ông kể thì đây xưa là nhà ga, ga Kiểm Lâm, hay còn gọi ga Mả Phụ Tàu. Tên chi mà dễ sợ anh hi.

- Cái toa xe này là thế nào? Nó nằm đây từ bao giờ vậy?

- Nó có ở đây từ trước khi có em. Mẹ sinh em ở trên toa này đó anh. Mà em năm nay mười bảy tuổi. Ba mẹ kể chuyện rằng cái toa xe này là của đoàn tàu Xuyên Việt chuyển cuối cùng chạy qua đây. Tàu chở người tản cư từ Huế ra Vinh. Thiếu than, chạy chậm, mà Tây thì nổ súng Đồng Hới rồi, nên đến ga này tàu phải cắt bớt toa để vượt nhanh. Sau đó thì không còn tàu qua nữa. Khắp nơi hủy cầu, bóc đường rầy chống Tây. Ông bà với ba mẹ em đẩy cái toa bị rút lại này theo đường nhánh vào nấu trong rừng. Không còn xe lửa nhưng chín năm kháng chiến ông bà ba mẹ em vẫn ở lại ga. Tây bỏ bom ga, cả nhà rời vào sông trên toa xe từ đây.

- Sao thế nhí, sống làm gì trong chốn hoang vu này từng bảy năm trời cơ chứ?

- Bà em qua đời nằm lại đây. Ông em không thể rời xa mộ bà. Với lại ông bảo đời ông thợ hỏa xa phải suốt đời với nhà ga với đường tàu. Ông một lòng tin chắc sẽ đến ngày đường hỏa xa sống lại. Hòa bình rồi, năm này qua năm khác, ông ngày một già vẫn sống lỳ tại đây, một ly không rời, vẫn mãi đợi tàu qua ga. Ba mẹ em vì vậy cũng ở bên lại Rú Voọc làm công nhân lâm trường. Mà coi vậy chứ Rú Voọc không phải thời nào cũng hoang vu thế này. Những năm hòa bình nhờ có lâm trường, có xưởng cưa, xưởng rèn, có trạm kiểm

lâm nên đông vui lắm. Dần dần có chợ búa, có thị trấn, với trường cấp một cấp hai. Ba mẹ rồi cũng mời được ông ra ở nhà ngói ngoài thị trấn. Nhưng ông vừa ra ở được mấy bữa thì giặc Mỹ ném bom. Bao công phu khó nhọc dựng xây quê hương bị thiêu hết cả. Và bao nhiêu là người bị hại. Ba mẹ em mất trong trận bom đầu tiên xuống lâm trường bộ. Em đưa ông nội và hai em chạy về ở trong đội Bốn. Ở nhà hầm. Mùa đông năm ngoái, một đêm hai thằng em của em dậy đốt lửa sưởi. Ánh lửa lọt ra ngoài. Tàu bay hấn bắn rốc két trúng cửa hầm. Hai đứa chết cùng một khi. Em bị thương. Ông thì mất trí từ đó. Ông lại trở ra sống trên toa tàu này. Em ở cùng ông, làm lụng và trông nom ông. Ông chẳng biết ngày tháng, không biết Tết, không biết giao thừa là gì. Ngày ông ra gác ghi đón tàu. Đêm về ngủ trên toa chứ không chịu ngủ hầm. Ông không sợ tàu bay mà chỉ sợ ánh đèn.

Tôi ngồi lặng bên Giang nghe cô nói chuyện. Cô nói không ngắt. Có thể hình dung được nỗi cô đơn đè nặng trái tim cô gái sống trong cái toa xe bất động đã hàng chục năm trời này. Cô thì thầm ước ao đến một ngày nào đó tuyến đường sắt hồi sinh, tàu hỏa qua lại nơi này để cô được biết đoàn tàu hỏa nó như thế nào, được biết âm thanh của những hàng bánh sắt lăn trên đường ray, và nhất là được biết tiếng còi tàu. Tàu hỏa nó như thế nào, ngày xưa, khi còn tỉnh trí, ông nội vẫn thường tả cho các cháu của ông nghe. Nhưng không được thấy thì sao mà hình dung nổi. Nó có giống như một con rồng không anh?

Giang hy vọng:

- Khi nào tàu hòa sông lại, chạy ngang qua, rúc còi, ông nội em sẽ lại mình mần như xưa.

Rồi Giang nói đùa, đùa nhưng chứa chan mơ mộng:

- Ông và em sẽ móc ngôi nhà của hai ông cháu vào đoàn tàu. Sẽ ngồi trong nhà mà đi chơi khắp đất nước.



Đêm trừ tịch tối đen, nhưng đã tạnh mưa nên vòm trời có phần quang ra, sáng mờ, rải rác những vì sao. Chúng tôi chia tay ở bờ rừng. Giang trở một ngôi sao xanh biếc chênh chếch trên nền trời phía bắc:

- Anh biết tên ngôi sao kia không anh?

- Không. Sao ấy rõ đấy nhưng nó vô danh. Có lẽ vì để định hướng phương bắc người ta đã có sao Bắc Đẩu to và sáng hơn.

- Ông em bảo là ngày xưa khi ngôi sao ấy hiện lên ở đầu núi thì ở đây đoàn tàu bắc chuyển đêm sắp chạy lướt qua sân ga.

Tôi hẹn sáng mai, Mồng Một, sẽ cùng anh em trong tiểu đội đến chúc tết gia đình. Chúng tôi sẽ xông đất ngôi nhà - bánh xe của ông cháu cô. "Bọn anh sẽ cùng em đẩy cho nó lăn bánh, Giang ạ", tôi nói, nắm nhẹ bàn tay cô mềm mại.

Nhưng ba giờ sáng, cấp tốc lệnh hành quân. Và đường hành quân của tiểu đoàn rẽ sang tây, tách xa mãi mãi trục đường hòa xa.

Từ đây tới nay ba chục năm trời. Các nhân viên trên đoàn

tàu đêm nay không ai biết ga Mả Phu Tàu. Có thể vì họ không biết hết tên các ga xép. Thành ra tôi cứ chong mắt nhìn ra đêm trăng.

Ngoài cửa sổ núi nọ hiện hình lên rồi từ từ khuất dạng, núi khác lại chòng tiếp vào, miên man, trùng điệp. Nhưng suốt đêm nhìn ra tôi vẫn thấy mãi một ngôi sao xanh treo trên một đỉnh núi nào đó cứ đang lặng lẽ trông với theo vệt sáng của đoàn tàu.

Những địa danh thoáng hiện, chưa kịp nhói lên đã vượt mất khỏi tầm trí nhớ, vụt đi như là bị gió thổi phư.

Hữu Khuynh

Nhưng tôi đâu có thuận tay mặt chứ! Bị phê, Tư cãi, nhưng chỉ là cãi trong bụng thôi. Con người anh xưa giờ nói năng kém, lý sự chẳng có. Họp to họp nhỏ thường là ngồi im. Nếu nghe trong hội nghị có nhiều ý kiến tranh đấu nêu đích tên mình thì cũng xin được đứng lên phát biểu, song chẳng lâu la dài dòng, nhận mọi khuyết điểm và tiếp thu mọi đóng góp của tập thể, rồi lại ngồi xuống, ngồi im.

Còn về căn bệnh hữu khuynh mà mọi người vừa phê thì ngay từ chân ướt chân ráo trở về sau chiến tranh Tư đã mắc rồi. Có điều ngày đó người ta ngại phê bởi vì ngày đó Tư đang làm lớn. Giải phóng Sài Gòn tuần trước, tuần sau Tư về, chức danh là quyền bí thư huyện ủy. Gần như là vừa từ xe hơi bước xuống, một trong những việc đầu tiên Tư chỉ đạo tiến hành là cho làm sạch nhà

giam. Làm sạch mà thực ra là thả sạch. “Giải Phóng, hai chữ ấy trước nhất có nghĩa là đại xá”, anh giảng giải như vậy với các cán bộ trẻ mới lên đương quyền. “Hòa Bình tức là hòa và bình, chớ gì nữa. Vậy mà nghĩ coi, tại nơi đậm đặc ân oán như địa phương mình đây, mấy cậu tính bắt giam cùng lượt, đặng hả cho hết thù sâu bấy nhiêu năm thì sao cho xuể, và sao mà có thể coi là đã hòa với bình rồi chớ, phải vậy không?”. Thành thử, trừ sĩ quan và chức sắc hạng tai to mặt lớn phải trải một thời gian xa nhà đi tập trung học tập, còn lại thì muôn dạng tẻ ngụy loại ruồi muỗi tôm tép đang bị nhốt trong các buồng giam, đều được về với gia đình, vui hưởng thái bình.

Lê tất nhiên Tư phải là người biết rõ hơn ai hết những người được phóng thích. Tuy chỉ là ruồi muỗi tôm tép nhưng ít nhiều đều đã từng chứa nọc của rắn rết bọ cạp. Ngụy tinh, ngụy quân, bảo an, chủ lực, và cả Mỹ, cả Pak Chung Hy đều không đáng sợ bằng “ngụy vườn”. Sách lược bình định hiểm ác đạt được đà lấn lướt trên toàn quận kể từ sau Mậu Thân, phong trào du kích bị đánh phá tan nát, đảng viên và quần chúng của Đảng hầu như chẳng còn ai, bị tróc tận gốc, phần nhiều là nhờ vào sự tiếp tay của những ác nhân cỡ mọn sống đời bình dân trong làng quê lồi xóm. Biết rõ hơn ai hết, vậy mà vẫn dễ dàng cho qua. Mất cảnh giác, đó là lời nhẹ nhất, mất lập trường giai cấp, quay lưng lại quá khứ, đó là lời nặng nhất phê phán bí thư huyện ủy trong các đơn thư kiện cáo gửi Đảng bộ cấp trên. Có cả những lời xi xảm cho rằng Tư Cụt nhẹ tay với cựu thù bởi vì nặng nề dây mớ rế má, không họ mạc gần xa cũng bạn bè, người quen, thậm chí người tình.

Ông bí thư hữu khuynh thì chính quyền còn trứng nước sẽ mãi non yếu, kỷ cương lơ lửng mọi sự sẽ trật đường rầy, hỗn mang, rối bời, không dứt. Rồi coi.

Thật may là thời kỳ chồng chất khó khăn của buổi đầu giải phóng đã dần qua đi. Chính quyền cách mạng các cấp vững lên, củng cố tay lái đưa đời sống trong huyện khuôn dần vào nề nếp. Nhưng bản thân Tư thì dường như tình hình huyện nhà càng mạnh bước tiến bộ anh lại càng cố vè chậm bước và thụt lùi. Sức khỏe yếu, năng lực kém chỉ là một phần duyên do. Có một cái gì đó ở trong lòng mà tự Tư cũng không rõ là cái gì cứ lặng lẽ kiềm cương anh lại. Luôn luôn ngập ngừng do dự. Không táo bạo được, không thẳng thừng được, không triệt để được. Hết sai lầm này nẩy sai lầm kia. Bê bối vậy thì lãnh đạo ai? Chức bí thư tạm quyền do tỉnh chỉ định, đến kỳ đại hội anh không đủ phiếu để đương nữa. Công tác chính quyền cũng giảm dần cho tới hồi thôi hẳn.

Không còn giữ một trọng trách nào, người chỉ huy du kích năm xưa lặng lẽ về làng như là tất cả những lính bình thường khác của đất nước, hết thời chinh chiến giải ngũ về vườn. Hòa bình đã bao tháng bao ngày, mới tới phiên anh. Ba lô trên vai, đi bộ trở về, bấy giờ anh mới thật là đã hồi hương.



Nhưng từ cái buổi chiều êm ả đầu mùa khô năm ấy, khi dân làng nom thấy Tư đeo ba lô đi bộ lẩn về, vậy mà cũng đã bao nhiêu là tháng ngày rồi trôi qua. Đất trời thì vẫn thế thôi.

Con đường, dòng sông, đồng ruộng. Nhưng ngôi làng đã nhiều thay đổi. Nhúm sự sống còn vụn lại được sau chiến tranh giờ đã con đàn cháu đống lấp đầy cỏi trống không do những người bị giết để lại. Lẽ sống thường nhật lại hồn, đội đất nhú lên. Người ta lại nai lưng cày cuốc, ham công tiếc việc kiếm tiền lo chuyện cửa nhà cơm áo và lai rai với những thú vui cuộc đời, đàn đúm, tụ bạ, yêu đương, làm tình, ăn nhậu. Hồn nhiên, khỏe re, như thể chưa từng có những điều khủng khiếp đã diễn ra.

Không ham khê khà tụ bạ, nhưng như mọi gã đàn ông trong làng, Tư nhậu được và cũng thích nhậu. Nhà anh nằm sâu trong rẫy cà phê bên kia đồi, đường đất khá xa, song gặp ngày đẹp trời lại rồi việc, anh thả bộ xuống làng, vào chơi nhà này nhà nọ, rồi thế nào cũng ghé tiệm rượu của vợ chồng Bảy Lế ở ngã ba kẻ bãi chợ. Gọi một xị và ngồi bên kia sổ.

Ít lời, ít chuyện, tuồng như không thể cạy răng. Vóc dáng lòng không, lênh khênh, xạm đen và sứt sẹo. Cánh tay phải bị xén cụt, ống tay áo vắt lên vai. Mặt dài, xương xẩu, nhưng hàm lại bạnh ra. Môi dày và nhợt. Còn mắt trái che kín bằng một miếng vải đen, nhường hết cái nhìn cho con mắt còn lại. Tuy nhiên, trong sự xấu xí ấy ẩn nét duyên dáng âm thầm vẫn thường thấy ở những người đàn ông tốt bụng mà trầm mặc, khiến Tư thu hút được lòng cảm mến của mọi người. Người ta chen lại bên chỗ anh ngồi, cùng với anh một ly: “Coi nào, anh Tư, trăm phần trăm đi chớ... Công chuyện ở ấp anh khá không? Vụ cà này coi bộ kiếm bộn hả? Mà nè, nghe thiên hạ đồn anh sắp có sự vui mừng phải không? Còn không phải sao... Gì đi nữa thì cũng

cần có đứa nó đỡ dần việc nhà, với nó để đãi cho chó. Và nó làm thủ quỹ cho... Tiền đó, mà độc thân rồi cũng nhậu hết thôi... Cô Huệ là quá được rồi. Đừng tính nữa, nghe lời bà già đi, lấy phút...”.

Sự đời, tình người thân tình vậy đó. Tất cả nhẹ tênh. Không có gì là vĩnh cửu hết, kể cả nỗi đau khổ, sự khiếp sợ và lòng căm thù. Mấy năm trước, bữa Tư trở về, bọn đàn ông cũng đang ồn ào tụ họp trong tiệm Bảy Lẻ như bữa nay thế này, nhưng bữa đó tất cả đã chết lặng đi khi trông thấy bóng dáng anh hiện ra ở ngã ba, giữa nắng chiều. Coi ai kìa? Chỉ có vợ Bảy Lẻ thốt nỗi lên lời. Đích thị Tư “tay chiêu” chứ còn ai! Ngay những gã đã say khướt cũng điếng hồn choàng tỉnh. Tay Chiêu đã về, dù là về vườn, tin ấy truyền mau khắp làng khiến lắm kẻ rụng rời.

Thật ra thì ngay sau giải phóng dân làng đã hay tin Tư “tay chiêu” còn sống. Với lại trong thời gian mấy tháng làm bí thư anh cũng đã đôi lần về qua làng. Về chốc lát thôi, đi ngay. Hồi đó đã thấy sợ rồi, nhưng nay khi Tư không chỉ về qua mà về hẳn, ở hẳn, người ta mới thật là thấm sâu nỗi sợ. Trong làng đã lập tức có ngay lời thì thầm đồn thổi hù nhau rằng trong ba lô của Tay Chiêu có nhét một cây súng sáu với cả đồng đạn, và rằng từ bữa trở về đêm nào Tay Chiêu cũng xoèn xoẹt mài mã tấu.

Sau một thời gian khá dài vui hưởng thái bình, đời sống đã tạm ổn định, không ít người làng lại cảm thấy đã đến lúc phải liệu đường mà bán xối. Tất nhiên là chỉ những kẻ đầu óc tầm tối nhất mới nghĩ rằng Tư sẽ ra tay trừ khử một ai đó, nhưng cũng chẳng mấy ai trong làng bình thân nổi với cái chuyện là từ nay sẽ phải ngày lại ngày giáp mặt Tư. Nhất là

bọn đàn ông. Nếu phải đối diện Tư thì bọn họ biết xử ra sao, biết nhìn tránh đi đâu, biết độn thổ xuống lỗ nào, biết cười hay mếu, vồn vã chào hỏi hay quỳ sụp van xin? Những kẻ đồng hương này của Tư còn biết rõ hơn cả Tư nữa những nợ máu mà anh có quyền đòi họ. Họ biết những mối thù chất chứa trong lòng anh sâu tới độ nào. Mà thù chưa rửa thì thù còn đó, càng hằn sâu, càng cào xé, nung đốt, rớm máu. Và chẳng, không vì muốn rửa thù, còn lẩn về quê để làm gì?

Về quê, Tư trở về với ngôi nhà tang thương, hoàn toàn cô quạnh, vườn tược ập trại hoang phế. Gia đình chẳng còn ai. Ông già mất trong ngục thất thời Diệm. Bà già qua đời không bao lâu sau ngày anh bị bắt. Hai người chị và cậu em trai nằm cả ngoài nghĩa trang liệt sĩ cùng với gần trọn hết đội du kích. Thân thích ruột rà, đồng chí đồng đội tất cả đã hy sinh, chỉ còn lại mỗi mình anh và chỉ còn lại những kẻ thù. Bây giờ, trong làng, hầu hết những người đàn ông cùng thời với Tư và cùng may mắn còn sót lại trên đời như anh ít nhiều đều đáng bị hỏi tội. Các tay cường hào và tề ngụy hương thôn. Những phần tử ác ôn. Những tên chỉ điểm. Những đội viên du kích đã chiêu hồi. Những cơ sở cách mạng đã lật mặt trở cờ.

Thoạt đầu, ngay các cán bộ địa phương cũng thấy e ngại cái sự định cư của Tư. Họ thường xuyên lui tới nhà anh thăm hỏi, vừa là để tìm cách giúp anh mau ổn định đời sống, vừa là dò đoán thái độ của anh, xem chừng nhớ đâu do tự cột mình vào mảnh đất khơi dậy quá nhiều đau thương mà anh sẽ có lúc đột ngột không chế ngự được thù sâu trong lòng. Nhưng lần hỏi thì những lo âu sợ sệt của người làng đều đã rõ dần ra là không

đâu. Người ta chỉ thấy Tư một mực im lìm cật sức làm lụng. Ngôi nhà của anh nơi cuối làng đã sớm hồi lại vẻ khang trang ngày xưa, vườn tược cây trái quanh nhà bừng tỉnh. Và chỉ vài hôm sau ngày trở về anh đã tự thoát mình ra khỏi cảnh ngộ tứ cố vô thân. Người ta thấy anh rước bà dì họ về phụng dưỡng. Mới ngoài năm mươi nhưng bà đã bị lừa. Cả hai người con, người là cán bộ bình định, người chỉ huy dân vệ, đều đã chết trẻ, chưa ai lập gia đình, bỏ bà lại một thân một mình. Là thân mẫu của những sát nhân khét tiếng trong vùng nhưng bà là thân thích gần gũi nhất của Tư còn lại trên đời.

Lâu dần, không ai trong làng còn thấy mặc cảm trước Tư, gặp anh, người ta không còn nơm nớp tìm cách lẩn mặt. Người ta chào hỏi, Tư chào đáp, và mỉm cười, một nụ cười hiền lành, bình thản, mặc dù có phần buồn bã. Dường như anh đã nhất quyết một bề lễ sống của mình. Gắng gỏi làm ăn, thản nhiên vô sự sống cuộc sống muôn đời của nhà nông. Làng xóm chừng như cũng nhập tâm theo sự dịu lòng nơi Tư. Êm ả, yên lành, nhẹ nhàng và nhẫn nại, cả làng hòa mình vào những xoay chuyển lớn lao trong cuộc đời của cả nước những năm sau chiến tranh.

Lịch sử của ngôi làng chọn một năm thuận trời, ăn nên làm ra làm mốc kết thúc thời hậu chiến. Năm đó, hai vụ lúa đều trúng. Nhà máy đường của tỉnh xây dựng cách làng không bao xa đã giúp mở ra một vùng trồng mía dọc ven sông. Các rẫy cà phê bắt đầu chín đỏ. Đồng lúa, ruộng mía, những đồi cà phê biến đất đai cằn cỗi và nặng trĩu chết chóc xưa kia thành một cõi mênh mang xanh rờn, dào dạt sóng lá.

Cũng năm đó, bà dì của Tư cứ bà mới tới gia đình ông Năm trong làng dạm cô ba nhà ông cho Tư. Chẳng thấy Tư nói năng động tĩnh gì, nhưng người làng đều biết rằng hai bên gia đình đã định ngày. Ngày lành tháng tốt, đám cưới đời sống mới sẽ tổ chức ở hội trường ủy ban.



Chiều đó, Tư từ tiệm rượu Bảy Lẻ trở về, chưa xin chỉ hơi ngà ngà, nhưng tâm trạng không yên, vừa bồn chồn nóng ruột sao đó vừa bồn thần sầu muộn chẳng có duyên do. Cả bữa cơm, anh và vậy gấp vậy cho bà dì khỏi quạu, chứ lòng dạ bứt rứt chẳng thiết ăn uống.

Bà dì nói, giọng không được vui:

- Bên nhà ông bà Năm bữa nay nghe nói đã rộn ràng lắm. Họ phải bận thứ lo liệu sắm sanh. Con nhỏ Lý nó tính cho dì nghe là nội khăn áo cô dâu thôi đã chỉ vàng rồi, lại phải đặt may ngoài tỉnh kia. Rồi muốn thợ chụp hình, muốn đào kép về ca. Đời sống mới, nhưng mới chừng mấy nhà họ cũng hai chục mâm. Nhà gái đã như vậy, huống chi nhà mình nhà trai. Vậy mà coi. Đến bữa nay mà vẫn bình chân như không... Coi bộ mấy không hay là việc tới nơi rồi sao Tư?

Tư buông đùa, nói làng chuyện khác:

- Con cậu nhỏ Lý qua lo nhà cửa bếp núc đỡ đần dì. Tính cho nó cả ngày công đó dì, vậy mà nó vẫn để dì phải lui cui xuống bếp. Để rồi mai nó qua, con tính với nó.

- Có con Lý thỉnh thoảng qua thì nhà này còn có chút đình

tiếng nói tiếng cười. Chớ di đâu đã liệt mà cần đứa nào chăm nom. Lật vật ba chuyện cơm nước heo gà, đui thì đui, còn sống ngày nào di còn lo được cho mày. Thương di, thì đó, tính chuyện cưới xin cho chu toàn. Nể mấy đảng viên, ông Năm mới chịu cái thứ bảy gọi đời sống mới, nhưng mới cũ cách gì cũng phải lệ làng thói quê chớ không có được vô phép như tỉnh thành, cưới vợ mà ngang cướp không con gái nhà người ta về. Gia tộc còn mình mày, sao cho mát mặt ông bà là mày đó. Làng xóm người ta trông vào. Chớ để điều tiếng cười chê.

- Bữa trước, chưa tìm hiểu nguyện vọng cô Huệ mà đã chịu để di dạm hỏi, ông bà Năm gà bán, là con đã hữu khuynh quá rồi. Con không hữu khuynh thêm nữa đâu. Tới bữa đó, bèn nhà ấy mà bày đặt lễ lạt rình rang to tát quá xá là con nhờ các đồng chí ủy ban cho du kích vô dẹp luôn.

- Trời thần! Có ông chú rể nào kỳ cục vậy không... Nhưng, vậy là đúng như người ta mách với di. Mày cực chẳng đã mà phải chiều di thôi, chớ mày vẫn chưa dứt được nó. Thiên hạ người ta biết hết, người ta đồn rùm. Chớ bàn mặt cái thằng Lé chiêu hỏi mày đâu có ưa, cứ sao bữa nào cũng tới nó mà xì nẩy nổi xì kia? Người ta bảo, bởi ngồi đó thì mày dôi qua được nơi nó.

- Không. Không phải vậy đâu, di ơi. Thiết tình là con...

Hai di cháu ngồi lặng hồi lâu. Tư dọn mâm đi và rót nước mời di. Nhấp một ngụm, bà di thở dài:

- Con sao, di biết chớ. Di thương con tâm khổ trong lòng... Tâm con trung tín, nhân nghĩa, con không nở nào. Nhưng ngẫm coi, chừng bấy năm với chừng bấy sự thì phải đành vậy,

chớ biết sao giờ, Tư. Tới hồi con phải lo cho đời con chớ. Mà con lấy vợ, định bẻ gia thất thì cũng là để giúp nó đở con à. Thấy con yên rồi thì nó phải tính lại cuộc đời nó...

Bà rờ rờ đưa bàn tay run rẩy nắm lấy ống tay áo của Tư buông thõng.

- Con à, có chuyện như vậy... - Bà nói, ngập ngừng - Hồi sáng, khi con vô rẫy, nó có qua đây... Nó qua chào dì chiều nay nó đi...

- Nó nào, di? Đi đâu? - Tư thẳng thốt.

- Là con Ngà đó, Tư... Nó biểu nó ra ngoài tỉnh, nhưng chắc nó đi hẩn Sài Gòn. Biết chừng đâu còn xa nữa... Nó không dám dằn mặt con để chào biệt, nó nhờ dì...

Tư sững sờ ngồi, con mắt còn lại của anh đại đi. Bà dì buông tay áo anh ra, đưa tay lần lần mở nắp cối trầu. Bà nói:

- Nó nói mấy năm rồi nó chờ con qua lấy lại thứ này con gửi nó giữ dùm hồi xưa. Mà con không qua, thành thử...

Một cách máy móc Tư nhận lấy từ tay dì cái vật nhỏ, nặng, gói trong chiếc khăn mù xoa màu hồng. Không nói gì, anh đứng dậy, rời cái chõng tre, đi ra hiên, bước xuống thềm. Thong thả ngang qua khu vườn rộng, tới khúc ngoặt cuối vườn, như thể đã cảm chắc bà dì không còn nghe thấy tiếng chân anh nữa, anh bước mau lên, sải bước, gấp gấp. Trong bầu không khí lạnh lạnh hơi sương buổi chiều tà, người anh hực nóng và tim anh nện mạnh. Tư đã chợt hiểu ra sự bồn chồn và nổi sầu muộn vô cớ trong lòng mình bữa nay, hay đúng hơn, suốt bấy lâu nay.

Thì ra, suốt bấy lâu nay, mấy năm trời, mùa khô mùa mưa

kể nhau đã bao mùa, anh lần đến tiệm rượu ngà ba kẻ bãi chợ chỉ vì lẽ đó. Một cái lẽ đến là vô lý đối với anh. Gánh mỳ quảng của Ngà xé bên kia bãi chợ, dưới mái lều lợp lá dừa, ba bề quây phen nứa, lúc đông khách lúc thưa khách nhưng chẳng bao giờ Tư thấy bóng Ngà, bởi vì chẳng bao giờ anh nhìn sang đó. Hôm nay lều cô ta trống không, cô ta không dọn hàng, nhưng anh đâu có biết, anh đâu có bận tâm. Ngày nào mà chẳng vậy, anh ngồi ôm xị rượu nhâm nhi, tào lao chuyện này chuyện nọ, tính không hề vương một gợn ý nghĩ nào về cô ta, mặc dù cô ta ở đó, không bao xa bên ngoài cửa sổ. Dân nhậu trong tiệm, và nói chung là người làng tránh nhắc đến cô ta trước mặt anh. Hoặc là như chiều này, Tư biết, cả tiệm đang ồn ào bàn luận gì đó về Ngà, nhưng nhắc thấy anh bước vào, mọi người lập tức lảng chuyện.

Đang đi phăm phăm, Tư bỗng dừng bước. Anh đang đứng ngay trong sân nhà Ngà. Ngôi nhà năm gian cũ kỹ, tường gạch lở lói, mái ngói rêu xanh.

Mặc dù thân thuộc với Tư biết chừng nào, đây là ngôi nhà duy nhất trong làng mà từ ngày trở về anh chưa một lần vào qua. Thoáng trông chẳng có gì thay đổi, thật ra là đã đổi thay, rá rời, tiêu tụy. Anh dấn tay vào cánh cửa. Không động tĩnh gì. Không một hơi thở, không một tiếng xào xạc hoặc lách cách bên trong. Đã nhận ra sự thật hiển nhiên, nhưng Tư vẫn gõ và khàn khàn cất tiếng gọi, muộn màng: Ngà, Ngà ơi! Tôi đây! Tư đây!

Ngôi nhà của dòng họ Phạm này nằm hơi tách ra khỏi chòm xóm, lọt vào trong lòng đồi, sau một cánh rừng tre. Từ cổng nhà có một đường đất nhỏ vòng theo chân đồi dẫn vào

làng, một lối khác nhỏ hơn, ngang qua rừng tre, rồi qua khu nghĩa trang liệt sĩ ở bờ sông, tắt ra bến đò. Ngà chắc là đã đi ngà ấy. Bỏ nhà cửa ruộng vườn bỏ xứ ra đi người ta phải tránh lối qua làng.

Trong một thoáng chốc, qua các lùm cây ở bìa rừng, Tư như nhìn thấy bóng Ngà. Anh chạy ruổi tới và gọi to lên. Cò cây xào xạc đáp lời. Bản nhạc của côn trùng râm ran nhưng không khuấy động cảnh yên ả của rừng chiều.

Tại chính cánh rừng thưa này Tư đã một lần bị bắn gục, có thể nói là đã xong đời rồi. Đêm ấy, anh cùng số anh em còn lại của đội du kích buộc phải rời hầm bí mật rút lui khỏi ngôi làng đã bị địch tràn ngập. Nhưng lối rút ra bờ sông bị bọn chiêu hồi chi điểm. Du kích bị đón lõng ở bìa rừng. Không một ai thoát được ra khỏi lưới hỏa lực dã man. Sau khi bật tiếng súng chống trả của du kích, bọn Mỹ sục sạo rà bắn tất cả những người bị thương, rồi dùng xe ủi dồn hết các thi thể xuống hố bom. Tư bị bắn nát người, nằm ở lượt xác trên cùng, trên lưng tấp sớ lớp đất mỏng. Và vào một ngày đêm nào đó anh đã mập mờ hồi lại ở buồng trong ngôi nhà của hai mẹ con Ngà.

Trước đây Tư ít khi vào ngôi nhà này, có vào cũng chỉ là để rào qua ngõ chừng. Một gia đình rất đáng phải để phòng. Ông bố bị xử trí ngay ngày đầu đồng khởi. Anh con trai là sĩ quan dù, đã tử trận. Và chẳng ai hiểu vì duyên cớ gì mà bà mẹ cùng cô con gái lại không tính chuyện ra đi rồi bỏ vùng giải phóng. “Là do duyên số”, hình như thế, có thể là giữa chừng những hồi vật vã nửa mê nửa tỉnh Tư đã nghe Ngà nói vậy.

Mỗi tình như là được nuôi bằng những vết thương toác

hoác, những cơn đau chết đi sống lại cùng triền miên những nỗi hãi hùng. Chốt đàn vệ mọc lên ở rìa làng, bên chân đồi, chỉ cách chỗ mẹ con Ngà và Tư nửa tầm tiếng gào thét của những người bị tra tấn. Bấy giờ xe tăng thiết giáp và bọn lính chiến đã giãn ra, nhường lại những xóm thôn vừa bị tái chiếm cho bọn ác ôn địa phương rộng chỗ trả thù. Đã bắt và đã giết tất cả những ai chúng muốn bắt và muốn giết, chúng vẫn ráo riết bắt nữa và giết nữa. Cứ cách vài đêm dân làng lại nghe vang lên những loạt súng ở dọc ven sông, lại cộng thêm nhiều người nữa bị bọn dân vệ và bọn cán bộ bình định bắn chết bên bờ nước. Xác trôi theo dòng, xác mắc lại ở bờ lau. Điều quạ rợp trời.



Tư đợi mãi. Con đò rời bờ bên kia đang quay trở về bên này, nhưng rất chậm. Ông Sáu nhà đò hẳn là đã già quá rồi. Ráng chiều hồng thắm cùng với sương đêm rất xuống bãi bờ vắng ngắt. Chẳng biết nổi là mình mong đợi điều gì song Tư vẫn cứ thừ ra đứng đấy lặng chờ. Cảm giác về một sự trùng hợp mơ hồ len vào lòng anh một nỗi gì na ná như là niềm hy vọng.

Hồi ấy ông Sáu là người duy nhất được Ngà ngỏ cho biết việc mẹ con cô đang chứa chấp Việt Cộng. Ông là người họ hàng gần, ở bậc bác của Ngà, còn cô con gái út của ông lại là liên lạc của đội du kích. Cô bị bọn bình định bắt và giết hại trong chính cái thời kỳ khủng bố rừng rợn ấy. Dòng sông đưa cô dạt vào bến đò này, thi thể nổi lên áp vào mạn đò của người cha. Năm đó cô mới mười lăm tuổi. Thay con và giúp Ngà, ông Sáu tìm cách bắt lại được liên lạc với tổ chức. Nhờ

vậy mà các đồng chí còn lại của Tư đã có thể bố trí đưa được anh thoát ra khỏi làng. Về sau, khi Tư bí mật quay trở về hoạt động thì cùng chính là ông Sáu đã đang đêm mưa lũ chống đò đưa anh trót lọt vượt qua sự tuần phòng gắt gao của địch. Ông là một trong những cơ sở bền vững nhất của anh. Sau ngày anh bị bắt, các đồng chí của anh vẫn móc nối với ông, vẫn tin ông, mặc dù ông là ông bác của Ngà. Vậy mà kể từ sau giải phóng đến giờ, ông Sáu lạnh lùng tránh anh. Anh cũng vậy, cố tình tránh ông, chẳng bao giờ tìm gặp ông, chẳng khi nào anh qua sông ở bến đò này. Mà vì sao chứ?

Tư cảm lạnh rên lên một tiếng trong lòng. Anh ngồi xuống bờ cỏ, đưa tay bưng mặt. Cái gói nhỏ suốt này giờ anh nắm xiết trong lòng bàn tay rơi ra. Vật mà Ngà nhờ dì anh trao lại cho anh là một chiếc đồng hồ đeo tay. Đã bao năm rồi, cũ kỹ đến thế, nhưng nước mạ được chùi lau hàng ngày vẫn óng vàng. Đồng hồ Liên Xô, loại lên giây cốt, một nhà báo Miền Bắc thăm làng giải phóng đã tặng Tư. Thuận tay trái nên Tư đeo nó ở cổ tay phải. Tất nhiên thấy thì nhớ ra, chứ cái đồng hồ này cũng như những dòng chữ và những hình xăm đã từng trở trên bắp tay, làm sao có thể còn lại được trong trí nhớ anh. Cả cánh tay nữa, cơ thể anh đã không hề vương vấn nó, cảm giác của sự mất đi một cánh tay đã bị xóa hẳn từ lâu. Hồi ấy, vào một lúc nào đó hơi hồi tỉnh lại, nén chịu cơn đau ghê khiếp đang nghiền xé, anh gượng nói được ra lời xin Ngà là hãy làm sao hóa kiếp cho anh cái cánh tay đã bầy nát. Ngà sợ, khóc nức lên, run rẩy nói rằng chẳng biết làm thế nào bây giờ, để chàm sẽ hoại thư, mà cắt bỏ thì làm sao đây, chỉ có em với má, nhưng của tay người ta là phải thầy thuốc chứ em làm sao nhắm mắt

gan liễu được, và sao mà đành lòng được anh ơi. Tình lại lần sau đó, anh không nhận thấy ngay là mình không còn tay phải. Khi nhận ra, anh không thấy bàng hoàng, không nghĩ ngợi buồn bã gì lắm cho mình, chỉ thấy thương Ngà. Càng về sau càng nghĩ lại càng thấy thương cảm. Một cô gái như vậy...

Con cháu hỏi. Con đàn bà chó sần. Hỏi mới giải phóng, ở làng này không ít người rửa thể, không thàng vào mặt, chỉ rửa sau lưng, nhưng sát mang tai. Con điếm trắm lê thàng vậy! Thàng cha phế binh lê lét ăn mày ở cây cầu sắt đầu làng mà được bát rượu vào họng là gào lên. Những gã cự dân vệ vừa hạ súng đầu hàng tuy không dám buông lời tục tĩu như thàng cha cái bang nợ, nhưng thấy Ngà là bọn họ nháy nhau, khà ồ ra hiệu cho nhau và cười nửa miệng, đầy ý nghĩa. Đến cả những tay chính hiệu hồi chánh cũng khinh Ngà ra mặt, như thể sự phản bội của cô đáng khinh hơn của họ. Tất nhiên đến bây giờ thì khác rồi, chuyện xưa đã xưa quá rồi, mọi ân oán quá khứ đã nhòa mờ, thời gian và cuộc sống đã giúp người ta quên đi cho nhau tất cả nên người ta cũng đã quên đi cho Ngà. Thậm chí, bây giờ, đối với Ngà, tình cảm của người làng, nhất là của những người đàn bà, ngả sang chiều thương cảm, xót xa thay và ngậm ngùi thay. Sao phải cam lòng sống vậy, cô đơn, nghèo túng và cứ ngày một phai tàn, sao không dứt lòng mà đi đi, còn trông đợi gì, còn nuôi tiếc gì cho thêm tủi mình ra.

Rốt cuộc thì chỉ có Tư là đã không thể nào quên nổi. Thời gian gần đây, trong những đêm dài, nơi góc cùng khuất nẻo nhất của gác chiêm bao, anh thường xuyên thấy lại hình dáng của Ngà. Khuôn mặt trái xoan hiện ra trong bóng tối,

vừa mờ nhạt, vừa rõ nét. Mái tóc dày tỏa xuống vai. Tư đưa tay. Anh vuốt nhẹ mái tóc ấy, gỡ ra. Cánh tay trần và đôi vai trắng ngà mềm dịu của người đàn bà vô hình đã mất hút còn run rẩy dưới tay anh. Những năm anh bị đày đoạ trong tù, Ngà cũng thường đến với anh như thế, nhưng về sau không bao giờ nữa, đành đành.

Tư không thể nào quên được cái đêm mưa như thác đổ, lần đầu tiên đột nhập về làng, lách qua vườn cây, ẩn sau bụi chuối, dùng tiếng tắc kè phát ám hiệu. Như là đã liên miên hết đêm này qua đêm khác thúc đợi anh về, Ngà hé nhanh cửa, đội mưa lao vụt ra, nhào tới anh không chút đôi hồi, ướt lướt thướt và nồng cháy ôm lấy anh. Lúc ấy Tư hoàn toàn cuồng rồi, tìm anh đập loạn lên. Đã nghĩ rằng phải gỡ mình ra, thậm chí phải bỏ mà đi, nhưng anh đã không thể. Lẽ ra... Bởi vì, khi ấy, vừa theo Ngà bước vào nhà, Tư đã phải giật mình dừng sững lại. Trên bàn thờ, trong ánh nến, bên tấm hình bà mẹ mới mất là ông bố áo lương khăn xếp ngực gấn mẻ đay và ông anh vận sắc phục rằn ri trung úy nhảy dù. Tư cảm thấy dội, như bị thúc vào ngực. Một điềm gở, đúng hơn, một dự cảm hiềm nghèo nhói lên.

Lẽ ra là Tư, với bao nhiêu là kinh nghiệm xương máu, đã phải lập tức nghe theo dự cảm ấy, phải dứt khoát tự ngăn mình và ngăn Ngà lại ngay từ lúc đó, không để cho cô theo mình nhập vào xoáy lốc của cái thời khốc liệt một sống hai chết quá sức con người chịu đựng ấy. Và chẳng, nào phải chỉ là dự cảm. Ôm lấy anh, thân mình cô mềm là đi, nóng bỏng yêu thương, song, chỉ chợt thoáng một cái gì đó như tiếng chân, một phẩy gió làm lay ngọn nến là hết hồn, cô cứng người

lại, mặt tái xanh, rồi cô run lấy bầy, yếu ớt, khiếp hãi, mãi lâu sau không hồi được. Nhưng mà Tư, như người ta thường nói, đã hữu khuynh...

Lúc này, biển lửa hoàng hôn chưa lụi hẳn, ngày vẫn còn một chút ánh hồi quang, nhưng Tư không nhìn thấy rằng con đò đã nhẹ nhàng cập bến, không nghe tiếng chân ông Sáu từ đò lên đang bước tới. Từ đò lên, chỉ một mình ông.

- Có qua không thì để qua chuyển rớt nè? - Không đợi trả lời, ông nói tiếp, giọng rè đục, rầu rĩ - Mà giờ nầy còn qua gì chớ, đâu còn kịp nữa. Đò chiều đò đêm để những hồn ma bờ nầy qua chơi những hồn ma bờ đối, chớ người ta thì ai mà qua nữa. Hồi giờ lục lộ kê lại cây cầu, qua sông không muốn vượt gò, ai còn cây tới con đò già. Sông sâu sông thẳm càng sâu càng thẳm...

Hồi đó, tiếng nổ của khối bộc phá Tư cài làm tung hê cây cầu sắt tĩnh lộ ở đầu làng khiến ông Sáu há lòng. Mừng thắng lợi với Tư, ông nói đùa rằng nhờ ơn cú nổ long trời ấy mà từ nay thiên hạ qua sông ắt phải lụy đò.

- Chào bác, bác Sáu. Là tôi, Tư đây mà...

- Phải. Khi hồi, bờ đối ngó về thấy có người chờ, tôi biết là anh chớ chẳng ai.

Thờ nặng nhọc, ông Sáu ngồi xuống bên Tư. Nước vỗ ò oạp dưới chân họ. Mặt sông gợn sóng đượm vẻ âu sầu. Một con điều hâu về muộn lao vun vút qua sông. Ông Sáu nói:

- Nó mới qua chuyển rồi. Tôi chờ nó qua. Đò đoàn của nó nhẹ không à, một cái bao cái bị. Tôi xách dùm lên lộ cho nó, tôi ách lại cho nó cái xe đò. Nó đi thiệt rồi... Tôi biểu dừng đi, đi

đâu nữa trời, mà nó chỉ cười. Nó biểu tôi già cả hết sức hết hơi rồi, thôi đừng chống đỡ nữa. Nó biểu nó đã sang giấy ở Ủy ban để lại hết cho tôi nhà cửa ruộng vườn của nó. Nó nói vậy đó, anh coi. Tôi đâu cần chứ. Họ Phạm làng này con cháu đâu thiếu, nhưng tôi chỉ có nó thôi. Tôi chỉ thương có nó. Giờ nó đi mất rồi.

Tư thấy lạnh run lên trong lòng. Bên kia sông, phía trên những rặng cây đen sẫm, rìa trời sáng mờ mờ. Trăng thượng tuần đang lên. Không khí tràn đầy sương mù.

- Ngay cái hồi nó phản anh, đau thấu xương, nhục muốn chết, đến tận bao năm sau vẫn cúi gằm, không dám ngước mặt nhìn đời, mà tôi vẫn thương nó... Đành là nó đã chỉ hãm của anh cho tụi nó bắt được anh, nên biểu anh vị tha làm sao được, nhưng nghĩ mà thấy tội nghiệp nó quá chừng, anh Tư à. Tụi nó cực hình hành hạ người ta đã man tàn độc cỡ nào anh biết rồi đó. Mà nó thì thân gái, sa vào giữa cả bầy lũ tụi nó ác ôn, đầu trâu mặt ngựa...

Đưa bàn tay còn lại lên bưng mặt, Tư khóc không ra tiếng. Ông Sáu mím chặt môi, đặt tay lên vai Tư. Im lặng hồi lâu.

- Hồi đó, - ông Sáu nói tiếp - Anh mạnh tay làm tới, tụi nó hoảng kinh não loạn. Tụi nó dư biết rằng anh, Tư Cụt - Tây Chiếu, có cơ sở trong làng mà sấm sục cùng khắp không lung ra. Bởi tài trời tụi nó cũng không dè là anh ẩn trong nhà con Ngà, ngay trước cửa đồn tụi nó. Ai ngờ được chứ. Nhà nó thiết cốt quốc gia, tử thù Việt Cộng, cha và anh đều chết bởi đảng mình. Anh có con nhỏ, an toàn gì hơn. Vậy nhưng... Chuyện này chắc là anh không biết. Ai kể mà biết. Không lẽ

ba thằng gốc gác dân vệ ở tiệm Bảy Lế nó kể với anh... Hồi đó bà già anh bị té gãy xương, nằm liệt. Mà anh khi đó bị tui nó lũng riết phải ngày đêm dưới hầm nên chắc không hay tin bà già. Có hay cũng bó tay chớ làm được gì. Bà con lối xóm ai gan cùng mình mới dám qua lại, chớ cả bầy dân vệ nó đồn lức rình rập nhà anh dữ quá mà. Vậy mà con Ngà nó qua, cơm cháo thuốc thang cho bà già. Tội đâu biết mà ngăn, tội đâu dè con nhỏ khờ quá vậy. Ai qua còn được, chớ con Ngà mà qua với bà già anh, là tui nó hiểu liền câu chuyện. Hai Rồng, thằng bình định ác ôn, thằng con bà di anh đó, nó hô tui lính bắt ngay con Ngà lại. Tui nó đánh đập khảo tra hành hạ con nhỏ ngay trong nhà anh đó, anh Tư!

Ông già lái dò rên rì, nói rít lên, khàn đặc, rồi im bật. Một con cú mèo từ lùm cây sâu thẳm đằng xa cất tiếng kêu. Rồi có một tiếng gì đó nữa vọng lên ở bờ bên kia, thoáng nghe tường tiếng hò đò, nhưng tắt ngay, như là bị rã cánh rơi xuống, lìm vào mặt nước.

Vùng trăng mỏng tang trôi lướt qua các đám mây. Gió từng đợt thổi mạnh xua tan hơi ẩm. Không khí khô ráo, trong sạch, phảng phất hương thơm đồng lúa. Trong những buổi tối như thế này, tâm hồn con người ta, bất kỳ ai, đều trở nên hồn hậu, ấm áp, và man mác những niềm vui đáng cảm động.

Lịch sử của ngôi làng chọn một mùa khô đẹp trời với những buổi tối êm đềm như thế làm mốc kết thúc thời hậu chiến. Lòng người thiết tha mong được sớm bắt đầu thời đại mới, với niềm hy vọng là từ đây sẽ mãi mãi không cùng chuỗi dài miền man ngày lạnh tháng tốt.

Tiếng vĩ cầm của quân xâm lăng

Một buổi tối, tôi tới sứ quán Pháp dự chiêu đãi nhân ngày 14 tháng Bảy. Giấy mời đề bảy giờ, tôi đến hơi trễ, tây ta đã rất đông, vào tiệc đã khá lâu. Tiệc đứng. Không hẳn là như trên tàu điện nhưng cũng mới nhừ, cũng mệt lử và cũng mạnh ai nấy chen.

Phòng tiệc rù rù máy lạnh, song sức máy không đủ làm nhẹ bầu không khí nặng hơi người và khói thuốc, nồng ngạt mùi nước hoa đàn bà, mùi nước hoa đàn ông, mùi phấn son, mùi xi đánh giày, mùi thức nhắm và mùi rượu mạnh các loại. Khách khứa phải dần dần ra hiên, tản bót xuống vườn.

Tiếng trò chuyện ở ngoài vườn không ồn như trong phòng mà nhè nhẹ ran lên. Thỉnh thoảng như bị cù ré lên tiếng cười của một bà nào, một ông nào. Các ông các bà, với ly rượu trên tay hoặc với đĩa thức nhắm, hoặc là ôm đồm một lúc trên

tay cả hai thứ, đứng tụ từng nhóm dăm vị với nhau, vừa uống ăn vừa đấu hót. Nôm ai cũng lịch sự, đẹp đẽ mượt mà. Nhất là các bà các cô người nào người nấy diện ngất. Các ông thì tuyệt vời tề chỉnh, tất cả đều đóng hộp, đường bệ com lê cà vạt giày da, tương xứng với tên tuổi và phẩm giá. Các nhà buôn, các nhà báo, các nhà kịch sĩ, các nhà ca sĩ, các nhà thông thái già, các nhà thông thái trẻ, các nhà từ thiện, các nhà môi giới. Tất cả các gương mặt đều đậm nét cao quý, tất cả các dáng điệu đều đặc Pháp. Và ngón luận nữa, cũng Pháp. Khi có một anh Tây nào đó xì xỏ một lời dí dỏm, lập tức trong nhóm thực khách vây quanh y những ai sành tiếng Tây liền rộ lên cười tán thưởng, còn những ai, như tôi, chỉ biết tiếng mẹ đẻ thì nhũn nhặn mím cười theo với vẻ tươi vui dè dặt. Tôi thấy có cô thậm chí còn nhón chân lên nhìn tay ngoại quốc thạo pha trò nọ bằng cặp mắt gần như mờ đi vì si mê và thần phục.

Tại giữa khu vườn, ở nơi sáng nhất, trội lên một đám chùng chực vị đặc biệt rôm rả. Chưa nhìn rõ ai nhưng thoáng qua cung cách hàn hoan buông tuồng của họ, đoán đây là một toán nam nữ đồng nghiệp trẻ tuổi nên tôi phải vội vã liệu đường. Ra gần cổng sứ quán, do hấp tấp tôi xô phải một ông già đang bước đi chậm rãi. Luýnh quýnh tôi xin lỗi.

- Không sao. Tôi không làm sao cả đâu ạ, thưa ông! - Ông già nói - Cũng là bởi tại tôi tôi nay có hơi ngà ngà. Mà làm sao ông cũng về sớm vậy, nhà văn?

Tôi nhìn, giấu nổi sự sốt. Tôi biết ông. Ông già chủ sạn báo ở đầu đường Nam Bộ chứ ai. Y phục dạ tiệc của ông sồn nát. Cà vạt kiểu gì đâu nôm như cái cờ đuôi nheo. Và bởi vì

ông gầy nhom nên cả sơ mi cả áo vét đều lụng thụng. Ông thấp người, lưng còng còng. Tôi đỡ khuỷu tay ông, đưa ông sang đường.

- Cái lễ *cát tó* năm nay linh đình nhỉ, - Ông già nói, giọng khàn khàn - Khách khứa đông gồm ghê. Có lẽ là vì kỳ này, ngoài Đại Cách mạng, Tây nó còn muốn tưởng niệm luôn cả quả bom Mỹ hai mươi năm về trước thổi bay tòa đại sứ.

Gió mát thổi dài dọc phố. Đường Thợ Nhuộm về khuya vẫn dần xe cộ. Vĩa hè thưa người qua lại. Tôi bước đi thật chậm cạnh Me xừ. Ông già tên Bôn nhưng vẫn nghe dân tình cùng phố với ông gọi ông như vậy, Me xừ.

- Tôi đồ rằng ông đang bận tâm tự hỏi cái lão già này khoác tư cách nào mà vào ra can dự cái chỗ tiệc tùng long trọng đó, phải thế chẳng? Mà ông ạ, không chỉ tối nay đâu, đã thành lệ rồi, hễ cứ lễ lạt to to một chút trong sứ quán là tôi tất yếu có giấy mời. Là tôi đến dự. Mà tôi là ai nào ai biết.

Ông nói phà ra mùi rượu song không hề nhịu giọng. Ông bước chậm, lệt sệt lê giày, nhưng ông không chuệnh choạng. Lờ lờ của ông khúc chiết.

- Tôi nghĩ, ngay cả các viên chức lễ tân của sứ quán cũng chẳng biết tôi là nhân vật nào. Họ cứ tra theo danh sách do những người tiền nhiệm giao lại mà lấp tên và địa chỉ của tôi vào giấy mời in sẵn. Giấy mời đến tay tôi theo đường bưu điện. Tôi đến, chìa giấy ra, rồi vào cổng, chẳng ai cản vắn. Vào ra sứ quán nhiều lần, tôi thạo cửa trước cửa sau, lối thẳng lối quanh, tôi sành thể thức tiếp tân của từng loại buổi chiêu đãi. Tôi dễ dàng kiếm được một ly và nhè nhẹ một chút thức

nhắm gì đó mà không phải xông xáo, không phải chường mặt giữa đông người. Tôi tìm chỗ khuất, không nói gì, không bắt chuyện, tôi lắng nghe tiếng Pháp người ta đang nói ran khắp xung quanh. Tôi ngắm cái xa hoa, tôi thưởng ngoạn cái lịch sự. Một thân một mình, tôi thui thủi nép bên lề nước Pháp.

Dòng độc thoại của con người kỳ quặc đang lê bước bên cạnh khiến tôi bắt đầu cảm thấy ngại. Tôi liếc mắt sang. Dưới ánh đèn đường vàng ửng, khuôn mặt ông cụ nom càng bệu rệu.

- Nhưng đã bảo là không muốn chường mặt ra thì còn cố len lỏi vào đó làm gì chứ, hử ông đang nghĩ vậy. Hử là ông đang cảm thấy ngượng thay cho tôi, hử ông đánh giá tôi là một tên già lố lăng, lai căng, sùng ngoại.

Tôi vừa dợm đáp ứng mấy lời thua cụ rằng tôi chưa có cái vinh hạnh được biết nhiều về cụ nên tôi không thể nghĩ này nghĩ nọ cái gì cả, nhưng Mẹ xừ đã lập tức ngắt lời tôi:

- Ông chẳng cần phải lựa lời. Đừng e sẽ làm tôi méch lòng. Vì sự thực đúng là như ông đang nghĩ. Chỉ có điều tôi không chuộng ngoại nói chung, mà chỉ Pháp thôi, tôi ưa hầu hết những gì của Pháp. Nhân đây tôi cũng xin được thú thực cùng ông, tôi chính cống là một bóng ma thân Pháp cuối cùng còn sót lại trong lòng Hà Nội!

Sự xuất thần vô cớ, sự bộc bạch bỗng dưng của ông già không làm tôi ngạc nhiên. Tôi cứ bình thản nghe. Nghe thì gì mà không được. Về cái khoản nghe người đời tâm sự thì tôi như là có năng khiếu bẩm sinh.

- Lê cố nhiên, thuở còn thơ, khi phải học thuộc lòng rằng Tổ tiên chúng ta là người Gôloa thì tôi cũng thừa hiểu đấy là

một điều thậm dối trá, - Me xừ lại khăn khăn bắt đầu nói sau một hồi lâu trầm lặng bước đi - Nhưng mà, ông ạ, thuở đó tôi và chúng bạn cũng lại thường hát như thế này: Tôi có hai mối tình. Quê hương tôi và Pari...

Đến đầu phố Dã Tượng, tôi và Me xừ dừng lại ở một quán cà phê vỉa hè. Chúng tôi ngồi, im lặng, thìa khuấy lạnh canh. Bên Hòa Lò, công trường xây dựng khách sạn vẫn đang âm ỉ làm lụng.

- Ông thấy đấy, - Xừ Bôn nói, đưa tay chỉ - Người ta đang nhỏ nốt những mẩu vụn cuối cùng của thời Pháp Thuộc. Chẳng ai tiếc, mà chẳng tiếc là phải. Nhưng tôi thì... Dừng nói nhà Khai Trí hay nhà Gò Đa, ngay cái nhà pha kia tôi cũng sẽ thấy tiếc khi không còn được thấy nó.

Buông tiếng thở dài, ông già nói tiếp, chậm rãi:

- Hồi xưa kia phố xá tĩnh lặng chứ không như bây giờ. Có thể đi suốt dọc một quãng phố dài mà chỉ có một mình mình kèm cái bóng và tiếng chân của mình. Hồi đó, rộc đi vì quá đầy chữ nghĩa, tôi thường có cái thú tiêu dao, một mình đi dạo để tìm khuấy khuấy. Tôi tránh những nơi ồn ào, những nơi tụ bạ, tôi chỉ ưa những phố Tây tĩnh mịch, thưa vắng bóng người. Đường Bôniphaxi, đường Hale, đường Giabui... Ông thấy đấy, đã đổi đời năm chục năm rồi mà trí nhớ tôi vẫn chưa đổi được hết tên các phố. Những đường phố êm như mộng, thanh nhâ và thư nhàn. Nhà ở những phố ấy toàn biệt thự, tất cả đều kín cổng cao tường, như là những lâu đài nhỏ. Và phố nào cũng râm mát. Xưa, gia đình chúng tôi sống tại phố này đấy. Phố Giăng Xolê. Ở ngôi nhà kia kia!

Xứ Bôn nhóm người khỏi ghế, đưa tay chỉ sâu vào khúc đường Thợ Nhuộm mà tôi với ông đã đi dọc qua vừa này.

- Thời ấy, khu phố này người mình rất hân hữu. Mấy ngôi biệt thự kẻ nhà chúng tôi chủ nhân đều người Pháp. Giữa các láng giềng Tây và chúng tôi cố nhiên ít có sự giao du, nhưng mức sống và lối sống của gia đình tôi chẳng hề thua kém họ, nếu không nói là còn hơn. Thú thực với ông, áp bức, đè nén diễn ra ở đâu, với ai chứ không với gia đình tôi. Tây nó được thể nào thì chúng tôi được thể này. Hết sức là bình quyền, ông ạ.

Me xừ khịt khịt mũi ra chiều tự phụ.

- Nếu không vướng thế giới chiến tranh thì hẳn là tôi đã được gia đình cho qua Pari du học rồi. Nhưng mà nước Pháp bị chiếm đóng. Quân Nhật vào Đông Dương. Còn tôi vào trường Luật. Ngày đó tôi giàu suy tư, tôi đầy nghĩ ngợi. Tôi héo mòn đi vì đam chiêu. Tôi ưa đọc thoại. Ngoài triết học tôi còn nghiền ngẫm văn chương thi phú. Tôi am tường tư tưởng các tiểu thuyết của Xtăngđan, của Flôbe, tôi thuộc lòng vô số thơ của Huygô, của Bôđơle, của Rembô và Véclen. Nhất là Véclen, ông ạ. Véclen...

Cốc cà phê đã cạn, và ngời mãi đã phát nhảm nhưng ông già vẫn chưa thấy nhảm câu chuyện.

- Lúc bấy giờ, trong thiên hạ nhiều kẻ hùa theo Nhật. Nhưng tôi thì không tài nào ưa nổi đám quan binh ngạo mạn và cục cằn ấy. Tôi thắm mong văn minh Pháp sẽ có ngày trị lại được thói hung tàn của bọn rợ. Song chỉ là mong như vậy chứ tôi hoàn toàn trốn khỏi thời cuộc. Mặc dù những tài liệu Việt Minh ngầm truyền bá trong sinh viên tôi cũng được đọc

nhưng tôi chẳng chịu tin theo. Đến Tây còn chưa cự nổi Nhật nữa là. Người mình sức vóc tới đâu mà hồng đuối chúng, tôi nghĩ vậy. Và tôi lẳng lặng xa lánh tất cả những bạn bè mà tôi ngờ là đang nuôi chí làm chuyện lớn. Tôi vui tuổi trẻ của tôi vào những chồng sách già nua. Tôi sống bùng tai bịt mắt đến mức xây lưng lại với cả nạn đói.

Ông già chật vật nơi nút cà vạt. Nói nhiều phát mệt, cái sợ hãi khô khốc của ông loáng mờ hồi.

- Những năm ấy, Hà Nội sống không yên, mất ăn mất ngủ, liên miên nhao nhác náo động. Nhưng riêng ở các phố Tây thì bầu không khí vẫn như trong thuở thái bình. Có phần còn thái bình hơn. Một nền thái bình quy lụy. Thật đúng là như thế. Bởi vì từ khi nước Pháp đại bại thì người Pháp ở Hà Nội tuy vẫn được yên lành nhưng bị thu mất binh quyền, càng năm càng thất thế. Co ro sợ sệt. Nhà cửa dinh thự của họ cũng như so vai rụt cổ. Phố xá phờ phạc. Phố nào phố nấy đều hiu, vắng tanh vắng ngắt... Nhưng mà ông ạ, chính cảnh tượng yếm thế như vậy lại hòa hợp với cõi lòng tôi thuở bấy giờ. Khi một mình dạo bước trên vỉa hè dưới tán những cây bằng lăng hoa tím phố Giảng Xô-lê, nghe tiếng vĩ cầm than van, tôi tưởng tượng mình như chiếc lá vàng rơi rụng trôi dạt trong làn gió thu của thơ Véc-len. Phố Xô-lê hồi ấy, ông ạ, tĩnh như tờ, và trong gương tượng của tôi, nó có vẻ như hẹp hơn và dài hơn hẳn Thợ Nhuộm bây giờ. Dài thẳm, hun hút và buồn lấm. Hồi ấy, vào mỗi buổi sáng, vào mỗi buổi chiều, khi tôi ra khỏi nhà và khi tôi trở về luôn luôn có tiếng vĩ cầm đợi tôi tại quảng phố trước cổng nhà. Tôi tưởng tượng cây đàn ấy cả

ngày ngưng tiếng mãi chờ cho tới khi có tiếng chân tôi bước đến mới nức lên. Tiếng đàn tuyệt diệu mà sao đau xót não nùng, dự cảm những ngày mai và nuối tiếc những ngày qua. Lòng tôi se lại cảm thương vô hạn nỗi lòng cô thiếu nữ người Pháp, và ông ạ, than ôi, chẳng can hệ gì đến tôi mà vô cớ tôi buồn nhớ, tôi tiếc thương nước Pháp...

Giọng nói của ông cựu sinh viên trường Luật nghẹn lại. Không đành dứt ra đứng dậy, tôi đành mắt sạch thì giờ ngồi nghe rì rầm những hồi ức đầy tự mãn và hoàn toàn không đầu vào đầu của một thứ dĩ vãng đã hoàn toàn bị xóa sổ.

- Cây đàn ấy là của Xôphi, con gái nhà Péguy hàng xóm với gia đình tôi. Gia đình Péguy không giàu có. Nhà của họ là một ngôi biệt thự hai tầng cũ kỹ. Tường nhà nhiều năm không được quét mới lại, màu vôi đã sạm. Ông Péguy là một ông tây bất thường. Sống thu mình, hiền lành và trầm lặng. Chẳng cứ với người mình mà cả với tây đầm, Péguy cũng tránh giao du. Cánh cổng sắt từ mặt phố mở vào sân nhà ông ta hầu như quanh năm chẳng khi nào hé mở... Ấy vậy mà ông ạ, tôi lại vốn là chỗ quen biết với nhà bên đó. Cổ nhiên không phải là với ông Péguy mà là với các con của ông ta. Ông ta góa vợ. Ở vậy nuôi hai người con. Một trai một gái. Trai tên Philip một tuổi với tôi. Còn Xôphi thì ít hơn ba tuổi. Xôphi mồ côi mẹ ngay lúc lọt lòng. Và đáng thương nhất ông ạ là Xôphi cô ấy bị mù. Mù từ nhỏ. Cặp mắt nom như là hoàn toàn bình thường vậy mà hoàn toàn không nom thấy gì.

Ông già ngừng kể, lục túi áo rút mù xoa ra chấm mồ hôi. Tôi chẳng nói gì, lặng lặng nhìn.

- Tôi và Philip đã dễ dàng kết bạn ngay khi gia đình tôi vừa dọn tới. Ở cái tuổi mười hai, mười ba, bức tường ngăn cách tây ta chưa cao lấp mặt như là khi đã trưởng thành. Thêm nữa giữa khuôn viên nhà chúng tôi với nhà Péguy không xây tường gạch mà chỉ được ngăn ra bởi một hàng rào sắt. Từ hai bên bờ rào, tôi và Philip bắt chuyện làm quen. Philip rủ tôi qua chơi. Cậu ta không sang bên tôi được vì còn phải trông nom đứa em. “Đứa em gái khốn khổ bị mù của tôi”, cậu ta bảo thế.

Không như thói thường đám Tây con, hai anh em nhà Péguy tính nết rất lành, nhất là Xôphi. Có lẽ do vì được sinh ra tại Việt Nam nên vóc dáng cô mảnh dẻ, tóc đen mắt huyền, giọng nói êm ái, tư chất dịu hiền. Tôi rất mến cô. Nhiều bữa không có Philip ở nhà, tôi vẫn sang chơi. Chúng tôi cùng nhau đi dạo trong vườn hoặc là ngồi cạnh nhau trong cái chòi hóng mát ở cuối vườn. Cả hai đều ít lời, không có nhiều chuyện để nói, tôi thường đọc truyện cho Xôphi nghe. Và đọc cả thơ nữa. Còn cô thì đàn cho tôi nghe. Tôi có thể ngồi lặng hàng giờ nghe cô tập violông. Những khi có tôi bên cạnh, Xôphi vui hẳn lên. Đôi khi còn cười lên thành tiếng. Thậm chí nhờ tôi mà cô đã dần dần bập bôm nói được cả đôi chút tiếng Việt.

Me xù thờ dai, giọng trầm xuống:

- Nhưng nói gì đi nữa thì quan hệ giữa tôi với anh em nhà Péguy cũng là một thứ tình cảm phi lý và nghịch thường, ngay một thêm chương và thêm trái lẽ. Cho nên chẳng tài nào mà bền được. Càng lớn lên suy nghĩ càng ít hồn nhiên, niềms dần những thiên kiến, lòng dạ khác đi, tình bằng hữu nhạt dần. Trước tiên là giữa tôi với Philip. Chẳng có sự tuyệt giao

nhưng cứ thế lằng lằng lằng dần nhau. Mà đã không còn chơi với ông anh thì cố nhiên là cũng khó bề bạn với cô em. Tôi tránh dần, rồi tránh hẳn qua lại nhà bên đó. Và lại, thời cuộc đổi thay. Từ năm 1940, sự đời ngày một thêm nghiêm trọng. Philip không vào đại học. Một ngày nọ, tôi thấy hắn vận đồ nhà binh về thăm nhà.

Ông già móc bao thuốc ra, châm một điếu. Ông nuốt một hơi, ho một hồi, rồi lại nuốt tiếp một ngậm khói nữa, lại ho. Ông dụi điếu thuốc đi.

- Sau Tết Ất Dậu, Nhật làm đảo chính diệt hẳn người Pháp. Chỉ một đêm, quân lính Thiên Hoàng đã cướp gọn Hà Nội. Tây đầm bị bắt, bị lừa hết lên camiông chờ hốt đi. Phố Xô-lê yên tĩnh bỗng rầm rập lính tráng, xúng xoảng súng ống gươm kiếm. Vậy mà, ông ạ, trong hướng cảnh hung dữ nhường ấy, gia đình chúng tôi lại bạo gan chứa chấp một gia đình người Pháp. Thưa ông, đó chính là gia đình Pêguy... Ông cụ thân sinh tôi với ông Pêguy tuy rằng cũng có đôi chút quen biết nhưng mà chẳng phải là mật thiết gì. Chẳng qua vì là một gia đình bản xứ thuộc tầng lớp trên sống gần cận nhất nên khi sự biến thành linh chúng tôi bỗng trở thành cơ may duy nhất của cha con ông ta. Tôi đó, vừa nghe súng nổ, hay tin trong Thành có biến, hồn xiêu phách lạc, không kịp vợ vén đồ đạc của nà, ông Pêguy dắt Xôphi chạy ngà vườn sau, lách song sắt hàng rào qua bên chúng tôi. Mặc dù rất sợ, sợ lắm, nhưng ông cụ thân sinh tôi vẫn thuận cho hai cha con ông ta vào tỵ nạn. Ông cụ vừa không nỡ vừa không dám không cho. "Lúc này Tây thua, nhà mình khước từ giúp họ, ngộ nhờ mai này lại

Nhật thua Tây thắng, thì sao?”, cụ bảo vậy và cụ quyết định làm một nghĩa cử với nước Pháp.

Cổ nhiên, thưa ông cái nghĩa cử liều chết ấy đã khiến cả gia đình nơm nớp. Chỉ riêng tôi là thấy rộn lên trong lòng. Trạng thái hiểm nguy dù sao cũng là sự bất ngờ mới lạ làm lay động cuộc sống lặng tờ, tẻ nhạt, bình chân như vại của gia đình tôi và của bản thân tôi. Tính chất ly kỳ của sự việc khiến tôi ngẫm phần khích. Tôi tự thấy mình can đảm, tôi tự hào mình nghĩa hiệp. Và ngay trong lúc mà song thân tôi đang nghênh tiếp viên lãnh binh Nhật tại phòng khách thì tôi ở dưới hầm rượu bên cạnh cha con Péguy chia sẻ cùng họ nỗi khiếp sợ. Tôi và Xôphi tay trong tay. Chứa chan xúc cảm, tôi khoác cho cuộc tỵ nạn của Xôphi một vẻ lâm ly thần tiên. Có vẻ nực cười ông nhỉ? Song lẽ có ai trong huống cảnh thế lòng dạ lại không sinh ra hảo huyền phải không thưa ông?

Tôi uể oải đưa tay che miệng giấu một cái ngáp. Tôi đoán chừng là sắp sửa phải nghe một câu chuyện tình nấu ruột được moi lên từ đáy rương.

- Cuộc mạo hiểm của gia đình tôi chẳng kéo dài. Hai cha con ông Péguy nấu thân trong nhà chúng tôi được vền vẹn có hai hôm. Sáng ngày thứ ba, hiến binh xộc cửa vào thăm. Như là đã được mật báo, chẳng cần lục soát hay xét hỏi lời thôi, viên lãnh binh Nhật dùng tiếng Pháp rành rọt yêu cầu ông cụ thân sinh tôi lập tức giao nộp những người Pháp đang ẩn trốn. Mặc dù trong vụ ấy ông cụ thân sinh không bị buộc tội, không ai trong gia đình tôi bị tổng giam, nhưng mà thương xót Xôphi, tôi chẳng cảm được nước mắt.

Lại một cơn ho nhưng Me xử không ngừng kể:

- Đầu thu năm 45 mở ra nhiều hy vọng. Tôi đoán chắc đã chiến thắng của Đồng Minh sẽ khiến quân Nhật phải nường tay với các tù nhân người Pháp. Gia đình Pêguy ắt hẳn sẽ tai qua nạn khỏi. Tôi sẽ còn gặp lại Xôphi. Tôi tin như vậy. Nào ngờ... Nào ngờ, sau chiến tranh không phải là một nền hòa bình mà là một cuộc xâm lăng tàn bạo. Không như tôi hão huyền mơ tưởng, người Pháp trở lại Đông Dương không trong tư thế những người từng chịu chung họa phát xít với dân Nam mình mà là trong bộ dạng của quân cướp nước hung hăng bạo tàn gấp bội lần quân Nhật. Sau Khởi nghĩa Mùa thu, và ngay sau lễ Độc Lập, hay tin liên quân Anh Pháp gây hấn ở Nam Bộ, tôi đã nghĩ ngay rằng dù cho Xôphi có còn sống đi nữa nhưng mà vướng phải cuộc xâm lăng này thì chúng tôi cũng không hòng gì còn có thể gặp lại nhau. Quả nhiên là như vậy, ông ạ, không bao giờ nữa...

Không nhìn thấy được gương mặt Me xử nhưng tôi hình dung thấy chớp mũi ông ứng đỏ và mắt ông mờ đi.

- Cách đây gần chục năm, một người Pháp qua đường tình cờ dừng bước trú mưa dưới mái hiên nhà tôi. Nơi mặt tiền nhà mình, tôi có bày một sạp báo. Người khách Tây nhật ở sạp lên một cuốn tạp chí giờ xem lướt lướt. Vừa lật xem vừa hỏi han này nọ. Vì rằng ông khách có ý thán phục tiếng Pháp của tôi nên tôi lập tức có thiện cảm với ông ta. Mưa to. Tôi mời khách vào hẳn trong nhà uống trà và chuyện vãn. Khách trao tôi danh thiếp. Tên là Giảng Pêguy. Họ của vị khách cố nhiên gõ mạnh vào trí nhớ tôi. Tôi lựa lời dò hỏi và lần hồi tôi

kể lại chuyện xưa. Mặc dù không có người họ hàng nào từng sống ở Đông Dương thời thuộc địa, nhưng mà Giăng rất quan tâm tới câu chuyện, ông ta nài tôi kể kỹ hơn và lắng nghe rất chăm chú. Cuối cùng, tỏ vẻ mừng rỡ, ông ta bảo rằng suốt một năm làm việc tại Việt Nam đã cất công tìm kiếm những người như tôi mà không được, may mắn lắm sao khi đã hết nhiệm kỳ, ngày mai về nước rồi thì lại có sự tình cờ này. “Ông là một người bạn của nước Pháp. Và còn hơn thế, ông là người có công trạng với nước Pháp”, ông ta trịnh trọng bảo vậy. Trước lúc ra về, ông ta đề nghị tôi ghi lại cho ông ta tên tuổi ba cha con Pêguy và địa chỉ ngày xưa của họ ở phố Xô-lê... Sau đó chừng nửa năm, tôi bỗng nhận được giấy mời dự tiệc của Sứ quán Pháp. Tuy rất ngạc nhiên nhưng tôi vẫn đóng bộ vào và tới dự. Đây là lần đầu tiên tôi vào chốn ấy. Tiệc tan, tôi được mời lưu lại. Người ta trao tôi món quà từ Pari. Một cây đàn viôlông rất đẹp và còn mới nguyên. Trong hộp đàn có phong thư của Giăng Pêguy. Trong thư, Giăng viết rằng sau nhiều nỗ lực tìm kiếm ông ta đã lần được đích xác tung tích số phận những người hàng xóm thuở xưa của tôi. Song, ông ta lấy làm tiếc và ông ta xin chia buồn với tôi bởi nỗi những cổ nhân ấy của tôi đều đã qua đời. Người con trai tử trận ở Điện Biên Phủ. Người con gái thì mất ở Sài Gòn vào năm đầu thập niên 60. Ông bố chết cùng trong năm ấy, và cũng tại Sài Gòn. Như vậy cha con Pêguy thật sự là những “Người Pháp - Đông Dương”, cả đời gắn bó với Việt Nam và thân thiết với người Việt Nam. Cây đàn, Giăng xin tặng tôi nhằm bày tỏ niềm ngưỡng mộ của một người Pháp lớp hậu sinh đối với

quá khứ Pháp - Việt đẹp đẽ và đầy xúc động thời xa xưa, mà tình bạn giữa tôi với anh em nhà Pêguy là một minh chứng. Cuối thư, Giăng trịnh trọng nhắc lại: "Ông là một người bạn của nước Pháp".

Ông ạ, ca ngợi tôi và tặng cho tôi một món quà không đâu vào đâu như vậy rõ ràng là Giăng Pêguy đã hiểu sai hoàn toàn câu chuyện tôi kể. Phần vì tiếng Pháp của tôi sau nhiều chục năm trời bỏ bằng có thể đã không còn hoàn hảo như xưa. Phần vì một người Pháp hậu sinh như Giăng đã không hiểu chút gì về nước Pháp thực dân, cha ông của nước Pháp ngày nay.

Im lặng một lát, Me xú nói tiếp:

- Hẳn là ông cũng biết, bọn thực dân nhà binh phải đến sau Hiệp định Sơ bộ mới được phép vào lại Hà Nội. Còn thực dân xi vìn thì ngay sau ngày Nhật đầu hàng đã lục tục trở về với nhà cửa của họ ở các phố Tây. Nhưng mà bên hàng xóm gia đình tôi, cha con Pêguy vẫn mãi biệt tăm. Nhà họ được chính quyền mượn làm trụ sở của Ủy ban Bảo vệ khu phố. Vì là đội viên tự vệ nên tôi thường vào ra nhà đó. Biệt thự đã sung công nhưng mà đồ đạc của nà gia đình Pêguy không bị đụng chạm đến. Sự bài trí cũng không suy xuyến nhiều. Trong phòng riêng của Xôphi, tôi thấy trên kệ còn đó những cuốn sách mà ngày trước tôi đã đọc cho cô nghe, và cả cây đàn vĩ cầm của cô nữa tôi thấy vẫn còn nằm nguyên đó trên chiếc bàn gỗ nhỏ kê kê ô cửa sổ trông ra tán cây bằng lăng ngoài cổng. Một con mèo xiêm nằm trên bậu cửa sổ sưởi nắng.

Xin được thú thực với ông là cho đến ngay trước giờ súng

nổ đêm Mười Chín, trong thâm tâm, tôi vẫn mong mọi sẽ không bùng nổ chiến tranh. Tôi cứ thầm nuôi hy vọng sẽ có một sự thỏa hiệp, một tinh thần thiện chí nào đó từ nước Pháp. Gì thì cũng là nước Pháp kia mà. Người Pháp lòng lầy vẫn minh chữ đầu phải một giống dòng cuồng chiến, tôi nghĩ vậy. Và chẳng, vừa thoát ách phát xít, vừa giành lại được tự do, không lẽ nước Pháp lại có thể rấp tâm giày xéo nền độc lập và cướp đoạt tự do nước người. Tuy nhiên, ông a, ham muốn hòa bình và nhiệt tình ái quốc chẳng ngược lại nhau. Tôi không theo gia đình tản cư về quê nội ở ngoài Đơ. Tôi quyết ở lại cùng anh em tự vệ một lòng quyết tử cho lời thề Độc Lập. Vào buổi tối Mười Chín, khi đèn tắt súng nổ, tuy rằng có sợ nhưng tôi đã không do dự, lập tức ra chiến lũy dẫn thân vào đêm đầu tiên thành phố chúng ta lâm trận.

Im lặng một lát như là để lục tìm trong trí nhớ, xừ Bôn kể tiếp:

- Chắc là ông đã nghe nhiều và đã đọc nhiều về công cuộc phòng thủ Hà Nội ngày ấy. Có thể ông còn biết nhiều hơn tôi đây bởi vì rằng quả thực là tôi không biết gì mấy. Nhiệt tình kháng chiến thì có thừa nhưng tri thức trận mạc chẳng có bao nhiêu. Sẵn sàng tác chiến nhưng mà tác chiến thế nào đây thì cứ rối tinh lên. Phổ xá tối om, súng đạn rầm rầm. Chốc chốc lại một tiếng nổ chuyển đất. Ánh lửa hắt lên đỏ hồng trời mây. Vậy nhưng các trận đánh đang thực sự diễn ra ở mạn nào của thành phố thì tại chỗ chúng tôi chẳng ai rõ ra sao cả. Súng nổ được một chập thì có tin ta thắng rồi. Nhưng chỉ lát sau đã tin ngược lại, mặt trận vỡ, Tây đang đánh tràn ra mọi ngả. Tàng sáng thì thiết giáp giặc từ Cửa Nam đánh lên đã rầm

rầm tiến dọc đường Carô. Một chiếc quật vào phố Xôlê xả liên thanh. Vì được cất toàn bằng các thứ đồ gỗ như là giường tủ bàn ghế chần đệm nên chỉ chốc là chiến lũy bốc cháy. Chúng tôi phải thối lui dưới làn đạn. Liền một lúc mấy người bị bắn gục trên mặt đường. Cả anh chỉ huy trưởng và anh chỉ huy phó cũng phải đạn ngã xuống. Trung đội vỡ làm đôi. Nửa lui về nhà Pêguy để giữ trụ sở Ủy ban, nửa khác, có tôi, chạy dạt vào trường Bách Nghệ. Phố Xôlê chúng tôi vậy là đã mất vào tay giặc ngay trong những giờ đầu tiên của cuộc Toàn quốc kháng chiến.

Trường Bách Nghệ cũng chẳng giữ được lâu. Thú thực là tôi tối tăm mặt mũi, thụ động thối lui theo anh em chứ chẳng còn hiểu ra làm sao nữa. Tôi chẳng hiểu bằng cách nào mà mình lại có thể đã chạy lọt vào được trong khuôn viên nhà thương Bảo Hộ. Cho đến trước đêm Noen, cuộc chiến ở dọc phố Phủ Doãn dẫn về khách sạn A-di-a rất là dữ dội. Thật đúng như có ai đó đã nói: chiến tranh nào phải trò đùa, đây là cả một cuộc kinh thiên động địa và là một lò lửa thử lòng người. Hăm hở đặt bước đi đầu tiên vào trận chiến thì dễ nhưng can đảm bước thêm dù chỉ một bước nữa thôi lại chẳng dễ chút nào. Khi có lệnh rút qua bên Hàng Bông, tôi chần chừ, không dám chui ra khỏi chỗ nấp để chạy theo anh em băng qua lưới đạn đan trên phố, vì thế mà bị rớt lại trong nhà thương. Giặc ập vào. Tôi cùng một số người nữa bị giải về tập trung ở vườn hoa Canh Nông, rồi sau đó bị bắt đi phu... Rốt cuộc, cuộc kháng chiến ba ngàn ngày tôi đã chỉ theo được vèn vèn có ba hôm.

Tôi bị bỏ vào một toán phu đồn, ngày ngày còng lưng cầm mặt đụn xe chở xác. Lao dịch rất khổ cực nhưng nhất là rất khổ tâm. Chúng tôi lặn lội trong rét mướt, lượm xác người mình chết dưới các gốc cây, các bờ tường, các hốc cầu thang, trong các đồng gạch vụn những ngôi nhà đổ. Bấy giờ, mặt trận đã tụ lại trong vùng Đồng Xuân và Đông Kinh Nghĩa Thục. Ở các khu phố đã rơi vào tay giặc tiếng súng thưa dần. Phố xá hoang vu, tanh bành, đổ nát, chết chìm chết lặng dưới mưa phùn gió bắc. Hầu hết các tử thi đều phải chôn xuống những nấm mồ chung. Nấm mồ chung lớn nhất nằm ngay bên hông Tòa Đại hình kia kìa, chỗ mà ngày nay là chợ Âm Phủ đấy. Cả một phố bị đào hoắm xuống thành một cái huyết chung chôn xác đàn ông, xác đàn bà, xác trẻ con bị Tây giết hại trong mùa đông ấy... ấy là một mùa đông rực lửa, sấm vang chớp giạt, đồng thời là một mùa đông lạnh lẽo chưa từng thấy, giá rét căm căm, khí buốt thấu xương. Sau Tết nguyên đán lại càng rét đậm.

Xứ Bôn ngồi thử, đầu cúi xuống. Ông đã quên bằng tôi, có lẽ tâm trí ông đã trôi mất dạng vào cõi vô bờ bến.

- Một ngày nọ, vào khoảng trung tuần tháng Hai tây, tôi bất ngờ gặp gỡ người quen. Một chiếc xe díp đột ngột hãm lại cạnh chỗ toán phu chúng tôi đang làm lao dịch. Thằng Tây trên xe nhảy xuống, lộp cộp giày đinh bước xấn đến. "Pòn! - thằng Tây kêu lên - Pòn, đúng là anh rồi! Sao anh ở đây? Sao lâm cảnh ngộ này? Anh đổi khác nhiều quá". Mặc dù thằng Tây có giọng nói ồm ồm và để râu quai nón nhưng tôi vẫn nhận ra đấy là Philip Pêguy, anh bạn hàng xóm ngày nào.

Nom anh ta cũng đã đổi khác quá đổi, đã chính hiệu là một thằng giặc Tây: binh phục, súng sáu, giày đinh, mũ trận. Tuy nhiên Philip đã rất tử tế với tôi. Nhờ hắn bảo lính mà tôi thoát phận phu tù. Hắn bảo hắn biết chuyện gia đình tôi đã có ý tốt cho cha và em gái hắn lánh nạn. Hắn bảo hiện giờ Xôphi đang cùng cha ngụ ở Hải Phòng và đang rất nóng lòng mong Hà Nội sớm được bình định để sớm được trở về với tổ ấm thân yêu thời thơ ấu. Philip đưa tôi về đồn binh của hắn đóng ở đường Riallăng. Tôi được nghỉ ngơi một ngày rồi thì phải đi thông ngôn cho Philip.

- Ông ạ, than ôi, - ông già khàn khàn than lên - Như vậy là tôi đã một bước đi theo Tây, mặc dù chỉ trong thời gian ngắn ngủi mấy ngày. Trong mấy ngày đó, tôi ngồi cùng xe với Philip len lỏi đến gần mặt trận. Ô tô núp vào góc phố chỗ loa về phía chiến lũy. Tôi phải dịch những lời dụ hàng, khi là những lời hứa hẹn ngọt ngào, khi là những lời hăm dọa. Không muốn, nhưng biết làm sao được thưa ông, tôi bị bắt buộc. Với lại cũng xin thú thực là tôi đã cố tìm một cái lý để tự mình biện bạch với mình. Vô hình chung tôi đã bám víu vào luận điệu của bọn Tây khi tự nhủ rằng dù sao thì mình cũng đang giúp vào một nỗ lực nhằm tránh cho Hà Nội khỏi phải đổ máu và đổ nát nhiều hơn nữa.

Nhưng mà tiếng loa chiêu hàng đã chẳng dụ được ai bỏ chiến lũy ra đầu Tây. Trận chiến trong Liên khu Một ngày một kịch liệt. Căm tức vì bị dai dẳng cầm chân, những lời lẽ bọn Tây bắt tôi phải dịch vào trong loa ngày càng ít đường mặt. Sáng ngày 15 tháng Hai, xe chiêu hàng đậu ở bãi Lopagior

oang oang đọc tối hậu thư của Bộ Chỉ huy Pháp. Hạn ngày nọ giờ nọ các vị trí đề kháng còn lại của Việt Minh phải tương cờ trắng nếu không sẽ bị làm cỏ. Kể bãi Lơpagiơ cảnh tượng ghê gớm của trận Đồng Xuân còn bày nguyên đấy. Thị tứ sầm uất thành bãi chiến trường hỏen máu. Trong mưa phùn lửa đã tắt nhưng khói vẫn tuôn nhà. Gió bắc thổi mù tro than. Gạch nát, ngói vụn, rầm gậy. Rải rác những xác xe tăng cháy thui, xích thép đứt tung, lính lái chết vất người ở cửa xe. Sau trận từ chiến kinh hoàng này, liền mấy ngày tương đối lắng dịu, súng vẫn nổ song không rõ lên. Bọn Tây đau đòn, như tử hao binh tổn tướng, phải tạm ngừng tấn công. Nhưng mà tình thế bên Việt Minh cũng đã cam go lắm rồi. Qua cách nói năng của Philip tôi thấy là bọn Tây đã không còn chút hồ nghi gì về sự tất thắng của chúng. “Quân đội Pháp sẽ giành chiến thắng một cách nường tay, một cách mã thượng, một cách nhân từ”, Philip bảo vậy.

Nhưng Hà Thành đã không để cho bọn xâm lăng có cơ hội đắc thắng. Sáng 18 tháng Hai, ánh lửa rực một góc trời mà thành phố thì im phắc. Liên khu Một trống rỗng. Trùng vây khép chặt thế mà Việt Minh thành linh biến đâu hết. Cuộc rút lui thần kỳ ấy đã đẩy nước Pháp vào một thắng lợi vô cùng lỗ bịch, dường như là đã thắng mà kỳ thực là đại bại. Chiếm được đất người rồi mà kẻ chiếm đóng không thờ phào nhẹ nhõm, không chút mừng vui hoan hỷ. Bọn lính chiến lằm lỳ, mệt mỏi, hai hàng dọc súng lăm lăm, dè dặt tiến chậm chậm vào các hẻm phố không người.

Bất chấp cơ nguy bị bắn tỉa, Philip cho xe xông xáo sục sạo

vào tất cả các đường dọc ngõ quanh trong khu phố cổ. Tôi chẳng hiểu là Philip muốn gì nữa. Giữa bầu không khí lặng thinh ghê người của các dãy phố, loa chiêu hàng chẳng còn gì để nói, bẽ bàng câm miệng, chỉ thỉnh thoảng lại buột phát ra những tiếng lộc khộc khộc khệch như là cái cổ họng bị hóc xương. Ngồi cạnh Philip trên chiếc xe díp tâm lý chiến ấy, tôi run rẩy vì công lạnh và sợ hãi. Mặc dù dọc hai bên hàng phố tuyệt không bóng người, không một ô cửa hé mở, tịnh không một giọng nói, một ánh mắt vẫy mà tôi vẫn cảm thấy rờn rợn dâng lên từ từng ngôi nhà, từng mái hiên, bờ tường, góc phố hơi thở của một lòng căm thù khốc liệt tuy rằng câm nín và vô hình.

Cửa sổ tầng hai của ngôi biệt thự bên kia đường bật mở. Một người đàn bà bước ra ban công. Chị ta nhìn xuống đường. Có phải chị nghe thấy giọng kể của xứ Bôn? Thực ra lúc này giọng ông hạ thấp, gần như là ào ào bên tai tôi.

- Dù vậy, dù trong bụng nơm nớp lo sợ bất ngờ súng lại nổ, tôi vẫn thấy bất ngờ khi biết lại phải đi đến chỗ đang xảy ra bắn nhau. Lại có trận chiến nổ ra ông ạ. Khi đó đã xế chiều. Mà không phải trong Liên khu Một. Nghe lệnh qua máy bộ đàm xong, Philip bảo tôi: "Pôn! Người ta vừa phát hiện một chiến lũy còn sót lại của Việt Minh. Tại chính đường phố của tôi!". Từ Ô Quan Chưởng, Philip ngoặt xe, thả hết tốc độ, vùn vụt lao về phố Xô-lê. Đến đầu phố, xe chúng tôi chạy sau một xe cam-iông chở đầy lính mũ đỏ. Chiếc cam-iông đỗ xích lại xế cổng nhà tôi. Bọn lính rầm rập nhảy xuống. Trước khi chúng tôi đến đã có một toán Âu Phi búa vây ngôi biệt thự. Không phải biệt thự gia đình tôi. Biệt thự nhà Pê-guy.

Từ mé Bờ Hồ, xuôi theo đường Lý Thường Kiệt, một luồng gió mạnh tràn xô tới. Gió mát và rất ẩm. Lá sấu ào ào rụng trút xuống. Tôi muốn báo với xứ Bôn về khả năng sắp sửa có một cơn dông, nhưng mà tôi lặng im.

- Tên cai bắt với Philip rằng toán tuần tra của hắn đã phát hiện Việt Minh một cách ngẫu nhiên. Ngang qua cổng nhà này, nom thấy một con mèo nằm khoanh tròn sưởi nắng trên thềm, một tên lính lấy làm lạ, nhà trống chủ mà sao con mèo không bỏ đi hoang, hay là trong nhà có người? Một mình tên đó xộc vào, lát sau nghe tiếng la, và tên đó không trở ra nữa. Đã hơn hai tiếng đồng hồ rồi, bọn chúng a la xô vào mấy lượt nhưng đều bị những người trong nhà bắn súng ra bắt phải chạy lui. Hai chết, ba bị thương, với tên bị trong nhà nữa là sáu mạng. Tên cai đồ chừng có ít nhất mười Việt Minh đang cố thủ. Hòa lực của họ rất mạnh, tên cai bắt thế, nhưng mà tôi lại thấy ngôi nhà rất im lìm. Bọn lính lố nhố ngoài đường và thập thò quanh nhà rất lộ liễu thế mà trong nhà không bắn ra. Khi Philip dụ hàng họ cũng không bắn. Tôi dịch lời Philip, loa gọi oang oang, trong nhà vẫn im. Rất lạ. Sau, tôi mới hiểu: họ đã cạn hết đạn.

Me xứ cúi đầu xuống, nặng nề rơi sâu vào lặng im. Lặng im rất lâu. Tôi thờ dài. Me xứ ngẩng đầu lên, và lại đến lượt ông ta buông tiếng thờ dài.

- Như này tôi vừa kể cùng ông, ngay sau đêm đầu nổ súng, đội tự vệ phố tôi bị xé đôi. Một nửa gồm có tôi dạt sang trường Bách Nghệ, nửa nữa kẹt lại trong phố. Phố Xô-lê, ông thấy đấy, nằm xiên giữa toàn các đại lộ rộng thênh. Dọc các đại lộ ấy

Tây tập trung binh đội. Thiết giáp, quân lính rầm rộ đêm ngày. Những anh chị em bị hãm lại trong phố không còn ngả nào mà thoát ra nữa. Ra ngả nào cũng đụng Tây. Đánh tìm chỗ nấu trong tầng hầm các ngôi nhà. Canh khuya họ lần ra tìm đường thoát và lựa cả cơ hội đánh úp Tây... Khi còn đang làm phu dọn dọn xác tôi đã nghe các bạn tù xì xầm kháo nhau là ở khúc phố gần nhà pha Hòa Lò vẫn có lính Tây bị bắn tia, bị đâm, bị đoạt súng. Sau đó lại nghe nói Tây suýt chó béc giê lần theo hơi đã bắt được tất cả những tay súng Việt Minh gan lì ấy. Thế mà hóa ra họ vẫn còn đó. Họ đã bị bủa vây. Họ cùng đường. Nhưng mà họ im lìm. Họ không bắn. Hay là họ muốn đầu hàng? Thực vậy, còn gì để bám víu nữa đâu mà không buông súng. "Các bạn đã bị Việt Minh bỏ rơi!", tôi dịch lời Philip. Hai tháng trời khản cổ chiêu hàng chẳng chút kết quả, Philip nôn nóng lập công. Hấn liều mạng thúc xe vào cổng, chõ thẳng loa vào nhà. Ba kẻ: tôi, tên tài xế và Philip ngang nhiên lộ mình trước tầm súng, oang oang dụ hàng mà không bị bắn thì đã rành rành là Việt Minh muốn hàng rồi. "Các bạn hãy bước ra theo hàng dọc, lần lượt từng người một, hai tay đưa cao khỏi đầu. Lấy danh dự một sĩ quan Pháp, tôi cam đoan các bạn sẽ được toàn tính mạng và sẽ được cư xử theo đúng luật quốc tế về tù binh chiến tranh". Ngay cả sau những lời lẽ ngông nghênh đó, chúng tôi cũng không bị bắn. Nhưng, khi Philip nói tiếp: "Các bạn nên biết rằng toàn thể quân đội và chính quyền Việt Minh đã đầu hàng. Cả ông Hồ Chí Minh nữa cũng đã đầu hàng", thì tôi chưa dịch, súng đã nổ. Loạt đạn tiểu liên xé toác miệng cái loa gắn ở đầu xe và phá vỡ kính

chấn gió rồi xuyên qua bà vai tên tài xế. Philip nhào khỏi xe tránh đạn. Nhưng tôi thì cứ ngồi ngây cứng ở trên xe.

Một làn chớp sáng lờ. Bầu trời thành phố đang sà xuống. Chuỗi sấm rền vang lặn trên mây.

- Văng. Sắp mưa rồi, - Xừ Bôn nói, nhưng ông không ngừng câu chuyện lại, vẫn tiếp tục kể - Loạt đạn bắn ra gần gần. Sau đó tất cả chìm trong tiếng súng của bọn Tây. Mái ngói, tường vôi, cửa kính tóe tan tung vỡ. Tôi nghe Philip quát to lên bảo ngừng bắn, rồi lại nghe hấn gào lên hô a la xô. Bọn lính từ bốn xung quanh nhà rầm rập xông lên. Tịnh không gặp phải một phát súng nào từ trong nhà bắn ra, bọn chúng thả cửa ủa vào. Philip không xông vào theo, hấn đứng giữa sân, tay chống nạnh. Lát sau, bọn lính trở ra cùng với những tù binh Việt Minh chúng vừa bắt được. Chúng diu ra cả một thằng Tây bị thương băng quấn quanh đầu. Đấy chính là cái thằng đã vì thấy con mèo xiêm mà xộc vào nhà. Nó chỉ bị Việt Minh đập vào đầu rồi tước súng chứ không bị giết. Còn những tù binh Việt Minh, ông ạ, không đông như bọn Tây tướng. Ông biết không, chỉ vền vện có ba người. Người đầu tiên bị dong ra là phụ nữ. Một cô gái. Tóc dài xỏa tung. Thằng cai bé quặt tay cô gái và sắp ngựa xô cô tới trước mặt Philip. Philip quát: Pôn! Hấn gọi tôi tới dịch. Hấn đưa tay nâng cằm cô gái lên hỏi tên, hỏi đơn vị của cô. Cô gái lặng thinh, quắc mắt nhìn hấn. Tôi biết cô gái này ở trong tổ cứu thương của đội tự vệ phố tôi, nhưng tôi không biết tên cũng không biết cô ở số nhà nào. Cô là một nữ sinh, tôi nghĩ thế vì cô còn rất trẻ và biết tiếng Pháp. Khi hai người đồng đội nam của cô bị

bọn lính kéo lê từ trong nhà ra, quăng vút xuống sân, cô giận giữ xô mình tới, lạnh lạnh nói to lên bằng tiếng Pháp với Philip: “Các người không được phép đối xử vô nhân đạo với tù binh bị thương!”. Philip cười gằn, đưa tay gạt mạnh cô ra. Chậm rãi, hắn bước tới, và cúi nhặt khẩu tiểu liên mà bọn lính vừa vút xuống bên cạnh hai người tự vệ Việt Minh bị thương đang nằm vật trên nền sân gạch. Số vũ khí chúng thu được chỉ có khẩu tiểu liên đó, rồi một khẩu súng trường đã vỡ báng và một cây mã tấu. Philip tháo báng đạn ra, nhìn. Báng đạn rỗng. Khẩu súng trường cũng rỗng đạn. Philip lại nhấc cây mã tấu lên, huơ huơ. Hắn mỉm cười. Nhưng tôi rùng mình ghê sợ. Tôi lùi lại một bước. Bất đồ Philip ném mạnh cây mã tấu xuống sân. Hắn đi tới bên cô gái, trừng trừng nhìn cô gái và hắn nói thế này, tôi còn nhớ rõ mồn một: “Đất này, nhà này là của tôi, của cha tôi, của em gái tôi, của chúng tôi, người Pháp! Các người muốn cướp nhà cướp đất của chúng tôi? Xin nói để cô biết: chúng tôi là ông chủ, vì thế chúng tôi chỉ trừng phạt chứ chúng tôi không chiến tranh với nó lệ. Và vì không phải là chiến tranh nên không có tù binh, thua cô!”.

- Và... - Me xừ ho lên xừ xự - Và, nói đoạn, Philip quay phắt lại, bước xấn đến chỗ hai người bị thương lúc này đang cố đỡ nhau gượng ngồi dậy. Giật khẩu súng sáu ra khỏi bao, chẳng nói rằng Philip bóp cò, bắn tới tấp vào hai người đó. Tôi, và không chỉ tôi, cả bọn lính trong sân cũng đồng loạt chết sững. Dứt năm phát đạn như sét đánh, không khí lặng như tờ. Rồi thì... rồi thì... ông ạ, một tiếng thét chói lọi, xé ruột, đốn đau ngất trời. Cô gái quẫy mạnh, vùng ra khỏi gọng bàn tay của

tên cai, nhanh như cắt, cô nhào tới, chụp lấy cây mã tấu, uốn mình cô vung mã tấu lên. Nhưng... Philip nhanh hơn, vừa nghiêng người tránh được nhát chém hấn vừa xiết cò bắn nốt viên đạn còn lại. Cô gái xiêu người. Cây mã tấu chém hệt xuống nền gạch. Lưỡi thép tóe lửa. Tôi thấy tên cai giật súng ra khỏi vai. Nhiều tên khác nữa cũng đã kịp tỉnh hồn, nhất loạt chúng đưa súng lên. Ngay lập tức, ông ạ, tôi vùng chạy. Tôi lao ra ngoài đường, tôi xô cả vào mấy tên lê dương. Không ai cản tôi, không ai quát tôi đứng lại. Có quát, tôi cũng không nghe thấy. Tiếng súng rồ lên trong sân, vang dội, rung giật, choán lấp không gian. Tôi chạy, chạy, chạy. Trong đầu lóe lửa, quay cuồng tiếng nổ của cuộc hành quyết man rợ. Tôi kiệt lực, gục ngã, lìm đi trong một cái ngổ lầy bùn ở mãi tận gần Hàng Cỏ. Tôi tỉnh dậy, tôi lê mình đi trên những dọc phố không người. Nước mắt tôi đầm đìa... Tôi là một thường dân, ông ạ. Một thường dân kém cỏi, hèn yếu nhưng tôi không ngờ, tôi không hiểu, tôi không lường nổi sự dã man và sự hèn hạ đến nhường ấy của bọn nhà binh thực dân. Nhiều tháng, nhiều năm sau đấy cảnh tượng xảy ra trên sân nhà Péguy vẫn kẹp chặt tâm trí tôi. Nỗi đau thương khiến tôi không thoát nổi nên lời.

Tôi sống chui nhúi ở Trại Găng suốt thời tạm chiếm, làm đủ nghề cực nhọc để sinh nhai. Tôi yếu hèn, tôi yếm thế, tôi không có gan lặn lội ra vùng tự do, nhưng tôi không thể cam tâm một lần nữa đầu Tây. Tôi cũng phải dứt lòng đoạn tuyệt với những người thân yêu của tôi. Biết làm sao được, tôi yêu quý họ nhưng họ theo Tây. Cả nhà tôi hồi cư ngay trong mùa xuân năm 47. Cha tôi và các anh tôi được Tây trọng dụng còn

hơn thuở trước. Tôi biết là họ đã ra công tìm kiếm tôi và tôi cũng muốn về với họ lắm, nhưng tôi không thể. Một lần, mùa thu năm 47, vào buổi cuối chiều, cảm lòng không đậu, sụp nón xuống che mặt, tôi liêu lẩn về, đi dọc theo phố Xô-lê. Nhà tôi, trong nhà ngoài vườn chưa tối đã đèn điện sáng trưng. Tôi nom thấy có chiếc xe hơi đỗ trong sân. Nom thấy cả một con béc giê đang lờng lộn dọc hàng rào sắt. Trên ban công một lá cờ tam tài đang phấp phật tung bay trong gió. Bên nhà Pêguy thì dường như vẫn chẳng khác xưa, cũ kỹ, rêu mốc, kín cổng cao tường. Những chứng tích của cuộc chạm súng và vụ tàn sát thì hẳn rằng không còn dấu vết. Tôi nghe gió dài lùa dọc phố, lá bằng lăng tươi tả tơi. Tôi chậm bước lại. Và ông ạ, hồi ời, tôi lại nghe thấy tiếng vĩ cầm cất lên, than van, buồn bã, vắng ra. Như vậy có nghĩa Xôphi đã trở về với ngôi nhà thơ ấu của cô. Tôi có thể hình dung thấy cô như ngay trước mắt mình. Cô thiếu nữ người Pháp xinh đẹp, dịu hiền với đôi mắt mù sáng trong. Nhưng tôi lập tức bước gấp, như chạy, tôi bị tai. Từ đó cho đến tháng Mười năm 54, tôi cẩn rắng tránh xa con đường thân thuộc ấy. Tôi không muốn nhìn thấy, tôi không muốn nghe thấy. Tiếng đàn tuyệt diệu ấy không thể nào tôi chịu nổi. Đây là tiếng vĩ cầm của quân xâm lược, sự thật là như vậy, làm sao nghĩ cho khác được hả nhà văn...



Mưa như thác đổ rồi có phần ngớt đi nhưng sấm sét vẫn nhòang nhòang. Tôi chưa dám rời chỗ trú bên hông Tòa Án

nhưng ông già thì đã đội mưa đi rồi. Tôi đang nhìn mưa và nghe ông nói. Không nghe ông nói nữa, nhìn sang thì ra ông đã lẳng lặng bỏ đi khi nào, ông không cả chào tôi. Tôi nhớ trước khi lặn biển vào mưa ông đang kể chuyện hồi năm 72, lúc bọn Mỹ ném bom tòa Đại sứ quán Pháp, ông đang núp trong căn hầm gần đó. Ông đã cùng mọi người xông vào cứu sập. "Tôi thấy ông Đại sứ được moi ra từ dưới gạch vỡ. Máu mé bê bết, ông ấy đã chết rồi".

- Sau vụ ấy, tôi cứ tự hỏi liệu tôi có thể tha thứ cho nước Pháp hay không? Thời gian, năm tháng, gạch nát, ngói vụn, mạng người rớt xuống bao nhiêu thì đủ san bằng những hố sâu chết chóc và tai họa mà nước Pháp thực dân suốt một trăm năm xâm lược đã từng gây ra cho đất nước này?

Ông hỏi vậy rồi ông biến đi. Dưới những lần chớp tôi dõi sâu vào màn mưa. Chẳng thấy bóng ông già đâu. Nhưng thoảng trong làn gió ướt rượt, nghe như có tiếng ai đó huýt sáo khe khẽ theo giai điệu một bài hát. Đời tôi có hai mối tình. Quê hương tôi và Pari.

Rửa tay gác kiếm

G iờ đây nhớ lại những ngày tháng cuối cùng của đời bộ đội lòng tôi vô hạn một nỗi buồn nhớ sầu lặng. Kể từ ngay sau đỉnh cao của hạnh phúc ngày Chiến Thắng tới buổi chiều ngày hôm nay, ngày và đêm hòa bình lững lờ trôi chảy mà đời người thì trôi quá mau. Khi đón tôi từ mặt trận trở về cha mẹ còn chưa hưu trí vậy mà bây giờ cha mẹ đã ngoài bảy mươi. Anh em ruột thịt mỗi người mỗi phương và thậm thoát luồng tuổi cả rồi. Con trai tôi tết này đã bằng tuổi tôi ngày nhập ngũ. Vợ tôi, vốn được tiếng là trẻ lâu nhưng bởi nắng mưa sóng gió sinh kế đoạn trường nay cũng không còn được trẻ như mấy năm trước nữa. Tôi lặn lội kiếm sống, trải nhiều nghề, rồi cuộc thành nhà văn, song văn chương gì tôi, viết lách đã chẳng bao nhiêu lại chẳng ra thế nào, chỉ tổ ngày một thêm lạc lõng và ngày một thêm bơ phờ. Thời gian và cuộc sống nhận chìm tôi.

Nếu như được phép làm lại nhỉ. Biết làm lại từ đâu. Quá khứ lúc mờ lúc tỏ. Bãi bể nương dâu vật đổi sao dời đã lấp mất lối tôi về với chí lớn năm xưa, với thời trai trẻ vinh quang, với cuộc đấu tranh gian khổ. Hơi hương bao năm dài trần mạc chẳng còn tăm tích. Ngay đến những kỷ vật quân ngũ cũng theo nhau mất dần. Ba lô, tăng vông, hai bộ tã châu, một đôi dép đúc, chiếc mũ tai bèo, rồi sổ quân bạ, giấy chứng thương, thư từ, nhật ký. Tất cả đã mai một. Không phải là do tôi để thất lạc mà bởi nỗi người lính chiến trong tôi không còn trong tôi nữa.

Anh em đồng đội kiến giả nhất phận, hàng năm trời không lần sum họp, không khỏi quên dần mất nhau. Đạo trước chẳng cần phải chỗ bạn bè, chẳng cần phải là cùng đơn vị, chỉ cần biết người đó gốc gác lính chống Mỹ, từng chiến đấu ở B2, ở B3, ở Mặt trận K, ở Cánh Đồng Chum, ở cổ thành Quảng Trị, thì dù mới chỉ lần đầu gặp gỡ, tôi đã lập tức thấy thiện cảm, có thể nói đã dành ngay một tình thân ái đầy thiện vị cho người anh em chưa mấy quen biết ấy. Nhưng dần dần cái thói phàm tục của đời sống thị thành thân nhiên và tàn tệ này đã khiến tôi không còn muốn xích gần vào với bất kỳ ai. Thậm chí tôi đã gần như quên hẳn đi rằng ông trưởng phòng tổ chức nơi tôi đang làm việc chính là đồng chí trưởng xe chiếc T54 đã dẫn đầu trung đội xung kích chúng tôi đột phá cửa mở Lăng Cha Cả tấn công phi trường Tân Sơn Nhất. Từng sát cánh bên nhau, sống chết có nhau một thời như vậy mà giữa cuộc bon chen kịch liệt hôm nay lắm lúc giáp mặt chạm vai chẳng chào.

Như thế đã hoàn toàn bỏ bằng di vãng, hơn hai chục năm

trời sau chiến tranh hôm nay tôi mới một chuyến trở lại Sài Gòn. Khi vừa từ cầu thang máy bay đặt chân xuống mặt bê tông đường băng, tôi chợt thấy trong lòng nhói lên một điều gì đó không rõ là điều gì, một điều gì đó đã say ngủ từ lâu giờ đây bỗng của mình. Một đám mây thẫm màu tạt qua dưới mặt trời ngả một bóng râm mờ trên phi đạo mênh mông nắng chiều. Trong chốc lát, dường như có một không gian khác và một thời gian khác đập cánh xuống sân bay làm hiện hình lên trong tâm trí tôi toàn cảnh Tân Sơn Nhất của một ngày cuối tháng Tư xa thẳm thuở xưa. Nhưng tất cả chỉ là ảo ảnh trong chớp mắt. Tiếng gầm của một chiếc Bô-িং đang chạy lấy đà chứ không phải tiếng gầm thét long trời của cuộc tấn công. Phi trường trải rộng, một cỏi bao la, sạch tinh, sáng loáng. Chỉ có cái lâu đài huy không lưu là dấu vết duy nhất ngày xưa bây giờ tôi còn nhận ra. Nhưng lá quân kỳ Quyết Thắng của sư 10 mà vừa nãy tưởng chừng vẫn thấy đó trên đỉnh lâu, cuộn cuộn tung bay trong gió, một chớp mắt thôi tôi đã không còn thấy nữa. Tôi nhìn quanh. Đâu là hướng dẫn vào trại Mác Vi? Và đâu là khu vực trại Đa Vít, vị trí kết thúc chiến tranh của trung đoàn 24? Tại đó trung đoàn trưởng Vũ Tài, người anh cả thân yêu, súng ngắn trong tay cùng tiểu đội chúng tôi từ quanh tháp xe tăng ừa xuống lao vào vòng tay giang ra mừng đón của các cảm tử quân Phái đoàn bốn bên. Nước mắt để dành cho ngày gặp mặt tưởng đã khóc cạn với nhau rồi vào giờ phút tuyệt đỉnh đời người, giờ phút đất rộng trời cao lòng người nhập một ấy, lạ sao bây giờ lại trần mị, nóng rực và nhói đau như kim châm trong tròng mắt.



Những ngày vui chiến thắng qua đi, bao nhiêu xúc cảm mãnh liệt của buổi ban đầu hòa bình dần lắng xuống. Toàn sư đoàn bước vào thời kỳ mới nhiệm vụ mới, tiểu đoàn này tiến gấp ra biên giới chặn quân Pôn Pốt, tiểu đoàn kia chuyển sang làm kinh tế, hoặc là phân tán về các vùng mới giải phóng gỡ mìn, san lấp hố bom, làm công tác dân vận, hoặc như tôi trở lại chiến trường Tây Nguyên thu gom hài cốt đồng đội. Chẳng may tôi bị sốt rét ác tính vật khi đang tham gia đội công tác từ sĩ trong rừng rậm Đông Sa Thầy. Được trực thăng đưa về Sài Gòn, tôi nằm điều trị ở quân y viện, đến khi bình phục không trở lại đơn vị nữa mà vào trại an dưỡng, ăn không ngồi rồi đợi ngày giải ngũ.

Trại an dưỡng này vốn là doanh trại của một trường đào tạo cán bộ bình định, nằm bên bờ một dòng sông lớn. Sông nước mùa mưa biến khu trại thành một hòn đảo. Nhiều đêm nước lụt bò qua rào kẽm gai, tràn lên sân, tấp vào tận thềm các ngôi nhà đủ thứ tàn tích tanh tưởi của quân chiến bại ứ lại từ mùa khô, còn vương vãi cùng khắp trong trại và trong các đồn bót công sự hầm hào xó xỉnh bụi bờ hang hốc dọc hai bên bờ sông. Giữa một đêm mưa như thác đổ có một cái va ly nhỏ, nhẹ, vỏ không thấm nước, mỏng nhưng rất cứng, sau nhiều ngày lênh bênh trên sông đã trôi tới cửa phòng chúng tôi. Ngoài hàng xấp dày cộp xanh lè tiền Mỹ và tiền ngụy, trong va ly nhét một bộ lễ phục cấp đại tá được dựng bằng loại vải cực sang, mặc dù đã ảm sì nhưng màu vải trắng không hề bị ố, vẫn còn nguyên nếp, còn nguyên lon ngừ, quán hàm, dây

thao và rùng rẻng cả mớ bội tình đắp đầy ngực áo. Lại có một buổi sáng nọ, khi ra hiên tập thể dục chúng tôi kinh hãi nom thấy một cái xác đàn bà chết trôi mắc cạn ngay dưới thềm. Chạy lao xuống tam cấp, định thần nhìn. Té ra là một người tình cao su của lính Sài Gòn do nước lụt moi lên từ một cái lỗ cốt nào đó và chẳng hiểu sao chưa bị xì hơi, mông ngực đùi vế vẫn phồng căng, bệ bết bùn đất rong rêu, nom phát ghê.

Chưa năm nào mực nước sông cao như năm ấy. Mùa mưa hòa bình cũng dài ẽ ắm chẳng khác những mùa mưa trong chiến tranh. Quang cảnh những ngày tháng Năm rục rở nắng nhường chỗ cho tiết thu lê thê hoàng hôn. Nước tràn lênh láng và mưa rơi tối ngày. Tiếng mưa rơi trên mái tôn khi nhỏ hạt thì nghe như tiếng côn trùng rền rĩ, khi nặng hạt thì gầm gào cào xé vỡ màng tai. Bao nhiêu các thứ rau củ chúng tôi tăng gia được đều chết úng, chỉ sót lại có rau muống. Sân bóng lảm ra đấy nhưng rồi ngập bùn không bóng đá bóng chuyền gì được. Không khí như ồm ồm nước, ngay cả trong buồng cũng nhờ nhờ một thứ sương lam tỏa ra từ người ngợm và quần áo.

Tuy nhiên ấy là một mùa mưa an nhàn và no đủ. Ngoài tiền "cửa rừng" còn có lương bổng. Trung sĩ như tôi cộng thêm thâm niên được năm chục đồng mỗi tháng đủ để thoải mái trà thuốc. Quân trang được thay mới toàn bộ. Các đồ nhu yếu phẩm hàng tháng và bữa ăn hàng ngày hết sức tươi tắn. Chủ nhật nào anh nuôi cũng đãi toàn trại một châu ăn tươi. Nhất là vào những kỳ lễ lạt, cơm nước rất thịnh soạn. Quốc Khánh lần thứ ba mươi liên hoan linh đình. Trại cho ngà hai con heo, thịt thà ẽ hẻ, còn chất cay thì chúng tôi chung tiền ra

thành phố khuôn vẽ vô thiên lủng. Thượng úy bác sĩ chủ nhiệm trại an dưỡng cũng dự vui với chúng tôi. Ông ứng khẩu một bài lục bát hô hào gìn giữ phẩm chất tốt đẹp của người chiến sĩ Giải phóng quân ở mọi nơi mọi lúc. Rượu được rót tràn những bát B52. Nửa đêm, trước khi tàn tiệc, cả khu trại rung chuyển và lóe lờ chớp giạt. Một dây dài chục mét pháo cối, pháo tép, pháo dùng, và cả pháo thăng thiên nữa không hiểu quân ta moi được đâu ra mà lăm thế, nối nhau nổ loạn lên, đình tai nhức óc. Đầu óc đã la đà, đã gục mặt xuống bàn chục ngủ, tôi giật bắn mình, choàng dậy. Ngỡ rằng bị tập kích, tôi vật người nhào sấp xuống sàn tránh đạn và trườn thật nhanh vào một góc tường...

Cho đến cuối tháng Chín trời vẫn là chã mưa rơi. Khắp nơi lầy bùn, không gian một màu đùng đục, tháng ngày bị nén lại dưới vòm mây. Tôi nằm ườn trên giường, nhọc nhằn nhá những dòng văn chương nặng như đồ chì của một ông Sơn-giê-nít-xưn nào đó, cựu sĩ quan Hồng quân. Cuốn tiểu thuyết của ông ta và nhiều cuốn khác nữa chúng tôi đã bị rơi được trong một lần lao động làm tổng vệ sinh khu trại. Chúng tôi phát hiện dưới tầng hầm tòa nhà chính một cái kho tối om đầy ư sách báo giấy má đã mốc meo. Chỉ mỗi mình Tú, một tay mọt sách, nguyên sinh viên trường Tổng Hợp là không ngại rúc vào đó, ngụp lặn lục tìm trong bụi, tha về phòng một bao tải nặng trĩch những cuốn tiểu thuyết chưa bị mối xông. Nhưng bởi tất cả đều rất một nòi thối tha mục nát văn chương chống cộng, chữ nghĩa tối tăm, mờ ám, nội dung láo toét, ít ai kiên nhẫn đọc nổi quá nửa trang, chất giấy lại không hợp để vắn thuốc và khổ thì quá nhỏ để gói bọc một thứ gì, thành

thứ đồng sách của Tú chẳng mấy ai buồn ngó, dù rằng nó cứ vui đi. Người ta thấy các mẫu vụn của những Chu Tứ, những Xuân Vũ, những gì gì đó nữa quanh chỗ đựng điều cày và trong nhà bếp, trong nhà cầu.

Chúng tôi bị mưa mùa nước lụt cầm chân, chẳng đi chơi được đâu cả, chỉ quanh quẩn trong khuôn viên của trại. Đánh bài, chơi cờ, tụ quần lại đấu láo tán dóc, bật đài thật to om sòm nghe thơ nghe nhạc. Nhưng vẫn không thể át hẳn được nỗi buồn mùa mưa. Không khí ướt át, uế oái như ngấm vào xương làm cho da dẻ mãi không hồng hào lên nổi. Hơi ẩm cùng cảnh nhàn rỗi khiến chúng tôi phải làm quen lại với đủ các thứ ốm đau lật vật thời bình. Có hôm già nửa trại nhức đầu sổ mũi phải báo cháo. Nghiện cách chữa trị bình dân của bà con trong Nam nhiều tay người lúc nào cũng thơm hắc mùi dầu nhĩ thiên đường, trán bầm vết cạo gió và lưng đầy những dấu giác hơi.



Đêm nào ở giường bên cạnh giường tôi Khương cũng nghiêng rãng, nói mớ và rên rĩ. Anh không la to, chỉ ư ử trong đáy họng, khe khẽ và dai dẳng. Ban ngày, nom anh hoàn toàn bình thường, không khỏe hơn cũng không yếu hơn mọi người. Tính nét anh hồn hậu, cởi mở và cũng ham vui chứ tuyệt nhiên không phải con người nhiều u uẩn. Song cứ đến nửa đêm... Khương bảo rằng hồi đang đánh nhau chẳng hề bị như vậy, chỉ từ hòa bình, nhập trại an dưỡng mới sinh ra thế.

Thuốc men chẳng ích gì bởi những cơn vật vã hàng đêm ấy không phải là do những các vết thương tái phát mà là đau đớn của giấc mơ. Trong giấc ngủ, Khương mơ thấy lại cảm giác đau của những lần bị thương trước đây. Người chỉ huy trình sát lừng danh này của Mặt trận B3 đã vào trận ngay từ mùa khô đầu tiên bộ binh Mỹ tham chiến ở Tây Nguyên. Ăn đạn hàng chục lần, vỡ thịt toác xương xối máu, tuy nhiên chưa lần nào là một vết tử thương cho nên lần nào gục ngã, dù nặng đến đâu, cuối cùng rồi Khương cũng nghiêng răng gượng dậy được và lại trở về với đội trình sát của mình. Dường như là chiến trận đã nâng đỡ anh, giúp anh dịu đau đớn, dường như là các thương tích trong mùa khô sau đã khóa lấp đi thương tích những mùa khô trước. Và bây giờ, hàng đêm, trong giấc ngủ, Khương như thể lần hồi duyệt lại các vết thương, lần lượt, từ đầu, từng vết thương một, từng nổi đau. Bác sĩ của trại cho rằng không có gì đáng sợ, những cơn thồng giấc trong tiềm thức sẽ dần dần bị ngăn lại. Song ai mà biết chắc được. Khi đang mở mắt thao láo thì còn đủ sức gượng gượng quên đi mọi sự nhưng đã ngủ thiếp đi rồi thì ai mà có thể đưa tay ra cản lại mộng mị.

Chẳng riêng gì Khương, tất cả anh em trong phòng đều ít nhiều gặp phải những ác mộng di chứng từ trận mạc. Bao giờ cũng là những ác mộng sinh động. Tú chẳng hạn, luôn sống lại với trái bom CBU ném xuống rừng cao su Xuân Lộc. Hầm sập và Tú ú ớ ngạt thở, thấy mình bị chôn sống. Còn tôi, tôi mơ thấy mưa thuốc độc, mơ thấy những rừng già trên sườn Ngọc Bờ Biêng bị bọn Mỹ biến thành những đại ngàn củi khô.

Hồi đó, suốt mấy tháng ròng, ngày nào cũng vậy, bầu trời Ngọc Bờ Biêng luôn hiện hình những chiếc Caribou C123 chậm chậm trườn theo các sườn núi, từ từ và kỹ lưỡng thả mưa độc tưới ướt rừng xanh. Nhưng vào ngày đầu tiên, giờ đầu tiên chúng tôi không kịp hiểu là bọn Mỹ giờ trò gì, không ai biết điều kinh khủng gì đã xảy ra. Tiếng động cơ ù ù oái oái của máy bay vận tải chẳng làm ai lưu tâm. Khu rừng đại đội chúng tôi trú đêm mặc dù là rừng thưa nhưng ẩn mình kín đáo trong một cái thung nhỏ lọt sâu giữa bốn bề núi cao, phi pháo khó lòng nện trúng. Song linh cảm về một sự bất trắc buộc chúng tôi phải rời vòng. Mặt tôi lạnh lạnh ẩm ướt. Những hạt nước li ti, cay cay, bám trên mi mắt. Tôi vuốt mặt, dụi mắt, chạt vật ngồi dậy, ngáp dài, chờ dẫn bước ra khỏi vòng, toàn thân mỏi dừ, mệt nhọc khác thường. Tiếng máy bay không còn ngay trên đầu nữa nhưng vẫn từ đâu đó xa xa ù ù vọng tới. Lòng rừng mờ mịt sương mù. Tuy nhiên, không phải sương. Có lẽ là khói, nhưng là một thứ khói ướt nhoẹt và đặc sệt. Các mái tâng che trên những cánh vòng đều ướt đầm hơi nước và dính đầy lá rụng. Tóc tai, mặt mày, vai áo, lưng áo của tôi cũng vậy, ướt ướt, khó chịu. Những người khác cũng thế. Lính tráng ngấm hơi nước nom ỉu xiu. Tôi đưa bàn tay lấm tấm những hạt nước lên gần mũi. Chẳng thấy mùi gì cả. Nhưng tại sao trong không khí lại ngán ngạt một mùi gì là lạ, tựa như mùi nước bị ôi khói. Tôi ngược lên, nhìn. Rừng đang đổ lá. Mái rừng tróc từng mảng rộng, lở ra, rụng xuống như bị lột da. Không một phẩy gió, cây cối bất động vậy mà tôi tả chẳng khác nào đang trong một trận động rừng. Một

trận động rừng cầm lặng, lay chuyển ngàn cây nhưng mà lại im phăng phắc. Lá, hoa, quả và cả các cành con nữa trút như mưa song không một tiếng xào xạc. Chẳng phải lá vàng chẳng phải lá xanh, lá to lá nhỏ tất cả đều là những xác chết thâm xít và nhẫu nhĩ như bị vò. Cỏ dưới đáy rừng cũng đang rũ chết, ngả dẹp xuống và đã bắt đầu biến màu... Trước đó, cũng như sau đó, dọc đường chiến tranh, tôi đã trải qua những tình thế còn bội phần ghê sợ hơn. Tuy nhiên ám sâu nhất vào tâm trí tôi đến trọn đời vẫn là cảnh tượng thiên nhiên bị bọn Mỹ giết hại một cách rừng rợn như thế trong cái tháng Mậu Da Cam ấy.

Cho nên, tôi cũng thường nằm mơ thấy những tên Mỹ. Không phải tất cả những âm hình trong mơ đều là anh em đồng đội. Có những giấc mơ thật kỳ lạ, trong đó chỉ toàn gặp những bóng ma quân thù. Chúng lững thững đi xuyên qua tường, êm như ru bước vào phòng, lượn sát đầu giường tôi nằm. Phần đa chỉ nhè nhẹ diều phớt qua, nhưng cũng có vài bóng nấn ná dừng lại, hé cửa màn ra, và phả hơi thở lạnh toát, cúi sát xuống, như thể muốn nhận mặt tôi. Cho đến tận bây giờ, ngay sau lưng tôi, cái chết của những kẻ thù đó còn nằm mắc cả lại đấy tại chính những thời điểm mà chúng đã bị tôi bắt gặp. Chúng đã gặp phải tôi trong tầm đạn tiểu liên. Thường là không kịp nhìn rõ mặt, nhưng số phận chúng tôi vẫn còn kịp mãi mãi quen biết nhau nhờ vào cái tích tắc nhảy cò, tôi nhanh hơn chúng và chúng chậm hơn tôi.

Tên Số Một, tên Số Hai, tên Số Ba, tôi đặt tên cho chúng như thế. Hạ được một tên, tôi dùng mũi dao găm khắc một

vạch lên băng súng. Khẩu súng của tôi, một khẩu tiểu liên sản xuất năm 1966. Số súng 0239466. Khi tôi được phát, nó là một khẩu súng còn trinh nguyên. Nhưng chưa tròn một mùa khô, trong tay tôi, nó đã là một cỗ máy khét lẹt, với những vết khắc nhám nhở trên băng gỗ.

Trước đó cũng như sau này, không có thứ đồ vật nào được tôi sử dụng thành thực cho bằng cái khẩu AK47 nhả đạn nhanh như chớp ấy. Dính phải đạn AK sợ người rắn cẳng ẩn núp chắc chắn sau mũ sắt cũng chỉ còn là quả dưa bở. Cả bộ mặt hay là già nửa bộ mặt văng tung tóe. Những tên Mỹ cao lớn là những mục tiêu lồ lộ. Đạn chọc vào lưng, phá ra làm vỡ toang lồng ngực. Máu ộc chảy và người chết như là đập dềnh nổi lên trên cái ao máu của chính mình. Tôi lấy chân hất ngửa cái xác như lật một tấm nệm. Vết thương kinh khủng. Cả một đồng thịt bị đào lên. Những mảnh vụn xôm xộp của buồng phổi dính bết trên đám lông bụng bầy nhầy máu. Người chết rất to béo, da thịt núc ních, trắng ớn, lồm xồm lông lá, nhưng còn trẻ măng. Gương mặt không bị dây máu nom non nớt, đôi mắt mở to, xanh biếc. Có lẽ đây là màu da trời nơi quê hương y vào tiết tháng Tư cuối xuân đầu hạ này. Y đi sau cùng đội hình hàng dọc của toán tuần tra ven đường 19. Cởi trần tròng trọc, súng đeo xệ bên vai, nòng chúc xuống, trễ nải, y vừa đi vừa huýt sáo, thỉnh thoảng gẩy mũi giày đá nghịch những hòn sỏi trên đường. Khi y vừa đi ngang qua, thì tôi, người phủ kín lá ngụy trang, từ một bụi mâm xôi ở chân đồi ven lộ, đứng phắt dậy, nháy cò, nhả “pằm-pằm” một điểm xạ hai phát làm hiệu lệnh. Những tên khác trong tiểu

đội của y còn kịp phản ứng, nổ súng chống trả rồi mới bị giết, nhưng y thì chết tức khắc. Lính Mỹ thường chết như vậy, xuất kỳ bất ý, bất dắc kỳ tử. Lúc đang ngủ say, một quả lựu đạn lăn vào lều bạt. Khi đang quỳ trước công sự cầu nguyện vào buổi sớm mai. Đang châm một điếu thuốc. Đang quàm quạp nhai kẹo cao su. Đang đưa bình tông lên miệng. Cả trung đội đang trần truồng nô nghịch tắm táp dưới vòi nước phun xối xuống từ trực thăng, một tên bỗng khựng người, đầu gối gập lại như bị đất nuốt. Thậm chí không nghe thấy cả phát súng bắn tia. Thần chết của quân Mỹ vô hình vô ảnh.



Ngay sáng đầu tháng Năm, còn chót trong sân bay Tân Sơn Nhất, tôi đã biên gấp một lá thư gửi ra Hà Nội báo tin còn sống. Nhưng cứ như là đang trong thời chiến, mãi cuối tháng 10 sắp được ra quân đến nơi rồi tôi mới nhận được thư nhà. Không chỉ là thư. Quân bưu trao cho tôi hẳn một bưu kiện nặng ký rườì, của mẹ. Nhưng, khi mở ra thì thật không thể tin nổi. Gói quà đã được gửi đi từ tận đầu mùa hè năm 73. Cả trại an dưỡng truyền nhau xem cái gói quà từ quá khứ ấy. Nó đã truân chuyên qua bao nhiêu tháng ngày, lưu lạc qua hai thời đại. Mẹ tôi đã bao gói rất kỹ. Hai lượt ni lông dày, một lượt giấy xi măng. Song ngàn dặm mùa khô đường Trường Sơn lụi trong lửa, mùa mưa thì sinh thối, rửa nát dưới bùn sâu, thư mẹ chẳng còn chữ nào đọc được, kẹo chảy nước, thuốc lá mốc meo, bánh bích quy vừa ra, chỉ có kim chỉ, đá lửa, dầu

cao con hổ là còn dùng tốt và sẽ là vô cùng quý giá nếu như đang trong chiến tranh.

Trong chiến tranh, có lần, vào cuối mùa mưa, xác của một người lính quân bưu từ vùng núi cao phía tây đã xuôi theo dòng lũ sông Pô Cô trôi về, tấp vào một bãi lau gần chỗ đơn vị tôi trú quân. Thi thể anh bị đạn đại liên khoan toác ra những lỗ thủng lớn. Anh chết đã nhiều ngày, thân thể ngâm lâu dưới nước đã biến dạng và bị cá ría tung tóe. Có lẽ anh bị trực thăng vô khi đang vượt qua một đoạn suối nào đó trên thượng nguồn. Cái bông vải dù chạt cứng thư bám trên lưng anh lỗ chỗ vết đạn. Thư từ cháy nước, ướt nhoẹt màu mực và màu máu. Ngay những bức thư không bị đạn xé thì địa chỉ và tên tuổi trên phong bì cũng đã bị nước gột đi hết, chỉ còn mờ mờ dấu vết cái triện màu đỏ của bưu điện các tỉnh ngoài miền Bắc. đành phải để tất cả những lá thư vô chủ ấy được chôn theo thi thể của người lính quân bưu vô danh. Từ đó tôi không viết thư về nhà và cũng dứt khoát không bận lòng mong ngóng thư nhà nữa. Thư từ của lính lành ít dữ nhiều, tôi có cảm giác thế. Ngay cả khi đã hòa bình rồi.

Cùng đợt tôi nhận được gói quà của mẹ, trong phòng còn có Quang cũng được thư. Mặc dù Quang rất chăm viết thư nhưng cũng giống như tôi đến mãi bảy giờ anh mới được hỏi âm. Song lá thư cho anh hay một cái tin rất tệ. Vợ anh đã bỏ nhà theo trai. Cô ta tăng tịu với một gã thủy thủ đường sông, đến nỗi mang bầu nên phải bỏ làng bán xối theo gã vào Nam ngay sau ngày hòa bình. Bị phải cái tin điếng người ấy, Quang tỏ ra bình tĩnh. Anh thông cảm với vợ. "Lấy nhau mới được

có bảy ngày là tới lên đường đi Bê. Như vậy là cô ấy đã phải vò võ chịu đựng những mười năm giờ có lẽ chứ nào ít ỏi gì đâu, thế mà sức người thì có hạn - Quang điềm đạm lý giải một cách phân minh - Thêm nữa nhà tớ lại kề ngay một bên sông nhộn nhịp, tứ xứ thuyền bè qua lại, sự thể như thế tất phải xảy ra. Trách ai được bây giờ. Thôi thì sự đã vậy thì đành vậy, tớ chẳng thiết!". Miệng anh nói vậy nhưng bụng anh nói khác. Đêm đêm, giữa canh khuya, Quang chỉ toàn nằm mộng thấy kẻ bội bạc, anh nắc lên tên cô ta và vừa rên ư ử vừa nói làm nhảm. Có đêm tôi nghe thấy trong màn anh vắng ra tiếng khóc thút thít sụt sịt. Vợ chồng anh chưa có con, nhưng có tới một nửa những thứ trong ba lô của anh là đồ chơi. Còn lại là quà cho vợ. Thỉnh thoảng chúng tôi vẫn thấy anh loay hoay hết dỡ ra lại xếp vào, những xấp vải và những cuộn len, những mớ đồ lót mỏng manh lụa là có viền đăng ten, rồi những lọ nước hoa tí xíu, những vốc hạt trai, hạt cườm, những vòng đeo tay, đeo cổ lỏng la lỏng lánh. Anh chẳng trà, chẳng thuốc, chẳng uống rượu, để dành được cả một cục tiền. Và ngày ngày anh bỏ thật nhiều thì giờ cặm cụi ngồi viết cho vợ những bức thư thật dài, gần như là mỗi ngày một bức, nhưng không gửi, tồn lại thành một xấp dày. Cho mãi tới buổi chiều trước hôm từ giã chúng tôi để lên đường về quê, lẳng lặng Quang mang xấp thư ấy đi xuống bờ sông, lần lượt giờ từng bức ra ngồi đọc lại, đọc đi đọc lại, rồi chậm rãi xé nhỏ, rắc xuống nước, như thả thả mỗi nuôi cá. Những mảnh tình cảm nát vụn xuôi thành một vệt trắng trôi ngang qua chỗ tôi và Tú buông câu. Nhiều mảnh vướng vào phao. Tú bảo:

- Thật đúng là những bức tình thư gửi cho cá chép.

Hôm ấy, được một buổi chiều bỗng nhiên tạnh mưa, trời quang mây, thế gian hừng nắng, tôi và Tú bỏ chơi bài, mò ra sông ngồi câu. Vùng dương lộ ra trong trời chiều. Không gian tràn ngập những đợt sóng vàng lấp lánh lan theo chiều gió, trải từ tây sang đông. Các đường chân trời dường như được nới rộng ra. Khắp nơi, cuộc sống thanh bình muộn màng trôi dạt trong buổi hoàng hôn thoáng đăng, dưới gầm trời tự do. Tôi nghe thấy tiếng thờ dài khoan khoái của dòng sông. Chiều hôm nay mùa khô tựa hồ đã áp sát bờ bên kia. Mây mù bao ngày tan đi, mặt nước như sống lại. Bên kia sông, phía trời xa, thành phố vĩ đại bám đầy nắng chiều và hơi ẩm đang chậm rãi xoay mặt về hướng vùng dương đang từ từ xuống thấp. Dọc con lộ ngang qua đồng trống những chiếc xe vận tải trông như đang bay lơ lửng trong sương.

Ngồi cả buổi chẳng câu được gì nhưng tôi và Tú chỉ quay về khi nhà ăn thúc kén báo giờ cơm. Tiếng dùi sắt đập vào vỏ gang của quả bom cầm vang dội, lan xa trên mặt sông bát ngát chiều tà. Đi qua chỗ Quang đang ngồi ngầy lạng tôi kéo anh cùng về. Tú nói đùa:

- Ngày mai tới phiên anh được ra Bắc rồi vậy mà hôm nay định trảm mình hay sao thế, anh Quang?

Người Quang gầy nhom, võ vàng, lưng gù gù.

- Tớ chưa định về quê - Quang nói - Tớ còn phải đi tìm cô ấy. Tớ! Sẽ đi khắp mọi miền, sẽ đi tìm dọc theo các con sông. Khó khăn đến thế nào tớ cũng sẽ gặp được. Với lại bây giờ đã mùa khô rồi, sẽ đỡ khó khăn hơn.

- Phải rồi, đã mùa khô...

Khi mùa khô đến, tình thế nhất định sẽ phải khá lên, ấy là niềm hy vọng được lặp đi lặp lại đã trở thành như là một thói quen, hoặc có thể nói, như là một tín hiệu của tất cả những người lính đã trải nhiều năm chiến trường. Mùa mưa âm u dẫu dài bất tận nhưng rồi cũng đến lúc phải ngưng. Và thế là cùng với vùng dương rực rỡ, cùng với khung cảnh nắng ráo, lòng người lại trỗi dậy niềm tin tưởng quen thuộc rằng mọi sự sẽ tốt đẹp lên và cuộc sống sẽ lại bắt đầu dưới ánh mặt trời.

Lần đầu tiên sau non nửa năm sống chung buồng với nhau ở trại an dưỡng, tôi thấy Quang không ủ rũ. Buổi tối hôm đó, trong cuộc nhậu chúng tôi tổ chức để tiễn anh, anh uống nhiều, và dường như bội phần hăng lên.

- Tớ đã ngấm kỹ rồi. Mai một khi đã tìm được nhau, vợ chồng tớ sẽ ở lại luôn trong này chứ không trở ra Bắc, - Anh mơ mộng - Trong Nam này, đất đai đồng ruộng vô vàn, sông hồ cũng mệnh mông bát ngát, lo gì không chốn nương thân. Với lại, người dân trong này hợp tính với lính mình. Họ không cổ hủ, đúng không. Và họ rất rộng lòng...

Hôm sau, Quang khoác ba lô rời trại song không lên ô tô mà một mình cuộc bộ. Và không đi về phía thành phố, không đi lên hướng bắc, chậm rãi anh đi xuôi dòng sông, lảng lảng bắt đầu cuộc rong ruổi đường trường đi tìm lại người thân yêu thuở xưa và đi tìm miền nương thân mới.

Mấy bữa sau đến lượt Khương. Rồi Tú. Trại an dưỡng vẫn dần. Không có nhiều những ước hẹn gặp lại. Lặng lẽ chúng tôi xiết chặt tay nhau, nhìn vào mắt nhau thăm an ủi và động viên

nhau lẫn chót. Chúng tôi đã từng đông đảo biết bao và hùng mạnh biết bao. Và chúng tôi không phải chỉ là một đạo quân, chúng tôi còn là cả một sự nghiệp lớn lao, một sự đồng lòng vĩ đại. Giờ đây, mỗi người mỗi ngã, bèo dạt mây trôi, song lòng dạ không đổi thay, lý tưởng chiến đấu cháy bỏng suốt thời trai trẻ sẽ còn sáng mãi đến trọn đời anh em chúng tôi.



Trước hôm rời trại ít lâu, tình cờ tôi đã được gặp Loan, người bạn gái cùng phố và cùng lớp ngày xưa. Cô vận quân phục, hàm thiếu úy quân y, tóc cắt ngắn, người gầy tốp, xanh tái, mang súng ngắn và xà cọt theo tháp tùng một vị tướng thầy thuốc. Tôi đứng ở cửa phòng, nhắc thấy ai đó có nét tựa như Loan giữa đám quan khách vừa từ ô tô xuống đang đi ngang qua sân trại, liền gọi liềm lên: “Loan! Loan sữa”! Vậy mà đúng là Loan thật. Cô giật mình, đứng sững lại. Nhận ra tôi, người Loan như run lên, mặt nhợt đi, môi lấy bầy một nụ cười yếu ớt. Tôi mời Loan vào phòng. Đến hôm đó quân số của phòng còn lại có một tôi. Căn phòng trống vắng và có vẻ gì như âm u. Tôi mở toang các cửa ra, và quơ gọn màn chiếu vào góc lấy một chỗ ở đầu giường cho Loan ngồi, rồi tôi pha trà, tôi bày bánh kẹo lên bàn. Bàn kê cửa sổ, trông ra vườn. Gió chiều nhẹ thổi, phảng phất hương thơm và tiếng lá rì rào. Loan bảo là đã bao năm rồi mới nghe có người gọi tên cô lên kèm với cái biệt danh thuở học trò, cái biệt danh ngọt ngào và thân ái như vậy mà buồn cười làm sao hồi ấy cô lại luôn luôn

coi nó là một lời chế nhạo tai ác của bọn con trai trong lớp. Bây giờ thì trái lại, nó làm cô muốn khóc. Chỉ có điều bây giờ có lẽ chỉ còn được một nửa của Loan “sửa” ngày ấy, mà cũng có thể là chẳng còn gì, Loan bảo thế. Còn bọn con trai tai ác ngày ấy, cô nói, thì giờ đây nào biết ai còn ai mất.

Trong khoảng thời gian ngắn ngủi một tiếng đồng hồ, khi vị tướng của Loan đi thăm suốt lượt khu trại, Loan và tôi ngồi cạnh nhau, bên ô cửa sổ rộng mở, ký ức dạt dào và chứa chan hoài cảm, chẳng khác nào cặp uyên ương của một mối tình già đang chậm rãi chuyện trò và sưởi nắng. Không để ý đến thời khắc hàn huyên đang trôi qua chóng vánh, chúng tôi mãi mê trò chuyện với nhau về khu phố, về trường Bưởi, về lớp 10 C và về những người bạn thuở thiếu thời, một lứa bạn bè mà như Loan nói là đã cùng nhau trưởng thành lên trong hầm trú ẩn và đã cùng nhau hy sinh ở chiến trường.

Sau Tết năm Quý Sửu 1973, Loan kể thế, năm hòa bình ở Miền Bắc, ngay trước ngày nhập ngũ Loan được dự cuộc họp mặt của các học trò cũ lớp 10 C tổ chức tại nhà cô giáo chủ nhiệm. Trong buổi hội lớp ấy, cánh con trai chỉ có mỗi mình Khoa “cô chiều”, mới tốt nghiệp đại học văn khoa ở Liên Xô về, còn thì toàn bọn con gái. Thành thử không khí của buổi hội lớp nặng nề ngậm ngùi. Vui tươi tung hứng sao được khi mà một lớp học vắng mặt đến quá nửa, và nhất là hể cứ hỏi đến ai trong số những người vắng mặt thì lại phải nghe trả lời rằng người đó đã hy sinh, hoặc hình như đã hy sinh, hoặc từ lâu rồi không tin tức. Tin tức về các bạn trai của Loan ở những lớp 10 khác cũng vậy, và cả ở khu phố nữa. Cho tới hôm nay

tôi gần như là người duy nhất trong đám bạn bè con trai đã ra đi ngày ấy mà Loan còn gặp lại.

Thực ra, ngoài tôi, Loan còn gặp được một người nữa cùng phổ, tên là Hải. Hai người gặp nhau tại trạm phẫu tiền phương mặt trận Thượng Đức, mùa mưa năm 1974. Trước khi vào chiến trường, Hải là công an hộ tịch ở khu phố nên thoáng thấy Loan là anh nhớ ra ngay, nhưng Loan thì trước đây không hề biết Hải, mà dẫu có từng biết cũng không tài nào nhận ra. Hải bị thương rất nặng, người nát dập ra, cả khuôn mặt cũng vậy, chỉ còn chừa đôi mắt, mở to, rảo hoảnh, ngời lên vì đau đớn. Sau cuộc giải phẫu, khi đã tan thuốc mê, đau đớn tột cùng, vậy mà Hải lại cực độ tỉnh táo. Suốt đêm, trong căn hầm hậu phẫu, Loan không một lúc rời Hải, cô cùng anh thao thức chờ đón bình minh. Ngoài hầm mưa rừng như thác đổ và tiếng đại bác nổ khi cấp tập khi cầm canh. Hải bảo Loan nằm xuống bên cạnh, anh bảo cô luồn tay dưới gáy anh để anh được nằm gối đầu lên tay cô. Hải chết lúc tảng sáng, nhưng sau khi đã chết người anh không cứng ra và không lạnh đi ngay, mà còn lưu mãi hơi ấm cho đến lúc Loan gỡ mình khỏi thi thể của anh.

Tôi nhẹ nắm bàn tay Loan. Bóng chiều êm ả và những kỷ niệm nặng trĩu khiến hai chúng tôi như mê mẩn dần đi trong nỗi đau buồn và tình thân ái. Mãi đến khi ngoài sân còi ô tô đã bấm inh lên gọi Loan, chúng tôi mới như vực tỉnh. Ánh hoàng hôn hồng rực lửa qua ô cửa sổ, tràn ngập căn phòng. Ngoài vườn cây gió chiều lộng thổi, dào dạt sóng lá. Tôi giữ lấy tay Loan, níu chặt.

- Dừng, - Loan nói, thăm thì, nhẹ nhẹ rút tay ra.

Lặng lẽ chúng tôi ngã vào nhau, rồi lặng lẽ dứt khỏi nhau. Loan chạy vội ra xe, còn tôi đứng lại trong phòng.

Hai hôm sau tôi nhận tờ lệnh giải ngũ. Vĩnh biệt cuộc đời bộ đội. Tôi ra đi lúc hừng đông. Mặt đất ẩm ướt bấp bồng dưới chân. Từ cổng khu trại an dưỡng mà ở trong đó giờ đây đã chỉ còn là những dãy nhà gần như trống vắng vẫn thông thả vang lên hồi kèn báo thức quen thuộc của nhịp sống quân ngũ mỗi ngày. Tiếng rền của quả bom cầm bắt đầu sự trở mình thức dậy của phong cảnh vùng ven sông.

Nắng lóe chếch vào tận mặt, tôi sụp vành mũ cúi xuống và rào bước. Mùa khô mới đó mà như thế đã đến từ lâu trên miền ngoại ô mù mịt bụi, trên những trục đường cần cỗi, thẳng đuột, không có lối rẽ còn rải rác xác xe tăng, trên những nghĩa địa ven đường, trên mái những dãy nhà kho và xưởng máy đã bị lột hết tôn lợp, trên các tấm pa nô quảng cáo ăn đầy vết đạn liên thanh, trên nóc nhọn những ngôi nhà thờ nhem nhuốc vùng ven thị, trên các bờ tường sứt lở, các cổng gạch đổ xiêu, trên những cánh cửa kính vỡ nát, trên những bãi chợ và trên sân các xa cẩu đang dần dần tấp nập trở lại. Cõi trời Nam sau công cuộc Thống Nhất đầu còn nửa hoang tàn nhưng đã mở ra biết bao nhiêu là triển vọng huy hoàng của tương lai xán lạn. Chặng đường đi tới tương lai còn xa với vợ nhưng mà tuổi đời của hầu hết anh em chúng tôi những chiến binh của các sư đoàn chiến thắng còn dư đủ để được sống tới ngày chạm tay vào tương lai tốt đẹp.

Chỉ có điều, khi đã mang nặng trên vai dĩ vãng chiến tranh

nặng nghìn năm tuổi thì dù còn đang trẻ đến đâu, đối với chúng tôi phần đời đáng sống nhất đã sống rồi. Nếu rồi đây không may phải sống đời bất hạnh thì chúng tôi sẽ tự nhủ lòng rằng không sao cả bởi có thắm thía gì đâu, bởi có nỗi khổ nào của ngày hôm nay sánh bằng những đau khổ đã trải qua trong chiến tranh, và trái lại, mai đây dù được sống sung sướng tới thế nào chúng tôi cũng biết chẳng hạnh phúc nào bằng hạnh phúc ngày đã qua. Chiến tranh và đồng đội, ấy là tình yêu của chúng tôi, lớp trẻ trưởng thành lên trong hầm trú ẩn và làm nên ý nghĩa cuộc đời mình trong trận mạc.

Hà Nội lúc không giờ

Năm rồi trong cơ quan nhiều người xây nhà riêng và đều dốc lực hoàn thành để kịp nhập trạch trước Tết Nguyên đán. Chuyển vào nhà mới tầng cao phòng rộng lại có tường bao cách biệt với đời y như thể chuyển sang một thời đại khác. Thế nhưng, như tôi, tuổi đã chừng này còn thời nào nữa ngoài thời đã qua.

Mà run rủi làm sao nhà mới lại về cùng phố với ngôi nhà thơ ấu. Xưa nhà số bốn, giờ trăm lẻ hai, hai đầu phố. Có lẽ vì xích gần quá khứ nên nhà thì mới mà người như cũ hẵn. Mất ngủ, uống nhiều. Giờ giấc rời rạc. Tâm trí thường lảng đi những đâu đâu. Ban ngày đã ít có mặt ở nhà, canh khuya còn đẩy cửa ra phố.

Phố dài, nhiều cây, nhưng ngày trước từ cuối phố vẫn có thể nghe thấy tiếng leng keng và thấy được thoáng bóng tàu điện chạy ngang qua ngã

tư đầu phố. Bây giờ, đứng trên tum nhà ba tầng mà chịu không thể nhìn với qua được tường nhà bên cạnh. Ngày trước, đoạn cuối phố này chẳng nhà cửa gì, đất rộng pho mặc cho cò đại và ma trời. Nay đất chẳng còn, chỉ những nhà lầu là nhà lầu, bẽ bẽ bê tông, tôn, thép, nhôm, kính. Cũng là tất nhiên thôi, đã ba mươi tư năm rồi còn gì, ngày ấy với bây giờ. Mà nói gì tới chừng bấy thời gian. Mới đây, để dựng một phim nhiều tập về Hà Nội buổi đầu Đổi Mới, nhà đạo diễn đã phải kéo bầu đoàn sang thị xã Bắc Ninh mượn cảnh, nhưng mà rồi Hà Nội trong phim tuy đã được hóa trang khéo vẫn chẳng na ná nổi Hà Nội, dù là Hà Nội của những năm chỉ vừa mới đó. Huống hồ Hà Nội tết Giáp Thìn. Cái mùa xuân năm nao xa lắc xa lơ thời trước chiến tranh ấy đã ra ngoài mọi trí nhớ, và không một giác chiêm bao nào còn có thể với tay về.

Nhưng mà dù vậy, Hà Nội mùa xuân đó vẫn đâu đây trong trời đất và vẫn thường nhập hồn về với mùa xuân của thành phố hôm nay vào những nửa đêm. Người bộ hành đang dạo bước dọc cạnh khuya, lắng lắng rẽ khỏi đời thực, âm thầm đi lẩn vào sự vật của những ngày xưa kia. Chỉ là từ bên này đường sang bên kia đường thôi mà đã đi lùi về tận những năm nào năm nào.



Năm ấy, bao nhiêu sương giá và rét mướt mùa đông như thu cả vào hạ tuần tháng Chạp ta. Năm cùng tháng tận trời rét căm căm. Ở các phố xa trung tâm mới chừng sau tám giờ

tối đã chẳng còn mấy ai ra khỏi nhà. Dưới ánh đèn đường chỉ những gió lửa và lá rụng. Loáng thoáng những chiếc xe đạp ruối thật mau. Lác đác những người đi bộ đang rào bước. Xe điện các chuyến khuya hầu như chạy sông, toa trên toa dưới hành khách chẳng tày một nhúm.

Nhưng giữa lạnh lẽo của đêm đông vắng lặng đã lặng nghe mùa xuân đang về trong thành phố. Cành đào trên tay một người qua đường. Chậu quất chờ sau một chiếc xe đạp. Lộc nồn nhú trên tán bàng trụi lá. Ở ngoài đêm, phố xá thừa thớt bóng người mà bên trong những ngôi nhà dọc phố suốt đêm rậm rịch tiếng chân bước, tiếng người nói, trên gác dưới tầng gia đình nào cũng đang rộn rịch bếp núc và chộn rộn kê dọn lại phòng, soạn sửa câu đối, lọ hoa, chăm chút bàn thờ. Tháng Chạp thiếu đi một ngày, tết đến kịp hơn, rộn ràng và cấp rập. Mới khuya ngày 28 thôi mà đêm mai đã giao thừa rồi.

Họa sĩ Năm Tín, người Cà Mau, từ cuộc họp đồng hương ở câu lạc bộ Thống Nhất đáp chuyến xe điện cuối cùng trở về nhà. Ông xuống ở ngã tư đầu phố. Đèn đường vẫn những ngọn vàng ửng và mờ lụi như mọi đêm, nhưng đêm nay nhà nhà không ngủ, ánh sáng các ô cửa sổ soi rộng xuống vỉa hè và chiếu tỏa ra lòng đường. Tại chỗ máy nước công cộng trước cổng nhà số ba vẫn còn một nhóm các bà các cô tắt bật vo gạo, rửa lá. Vòi nước xối xả, xô chậu xúng xoảng.

Ở vỉa hè bên kia, giữa khoảng sân đất rộng trước mặt tiền hai tầng nhà số bốn, nồi bánh chưng, nguyên cả một cái thùng phuy, đang sôi sùng sục, ngun ngút bốc hơi trên bếp

lửa chụm bằng những cây củi to gộc. Lửa không cao ngọn nhưng than trong bếp đỏ rừng rực, trải một vòng sáng rộng đập dồn màu hồng thắm lên mặt sân. Hơi nóng và khói khiến lũ trẻ thức canh nồi bánh phải dịch mạnh chiếu ra bên rìa quảng sáng, chụm đầu lại đánh tú lơ khơ. Chỉ vài đứa vẫn ngồi cạnh bếp lửa. Chúng vẽ thành những bóng đen chập chờn trên tường nhà. Một cây củi được đun sâu vào thêm, lửa trong bếp phùng phùng bốc cao, gương mặt của những mái đầu tóc xoắn và tóc húi cua được ánh lửa soi rạng lên.

Ngà ngà hơi men, tay xách một cái cặp da căng phồng, ông Năm chuệnh choạng sang đường, bước vào sân nhà số bốn. Nhác thấy bóng ông, hai chú cậu đang nằm gác mõm lên đùi một gã trai lực lưỡng ngồi khoanh chân cạnh bếp lửa, bật chồm dậy sủa vang.

- Câm miệng, Giôn! Ken! - Gã trai quát - Không nhận ra chú Năm à!

- Bữa nay hai ngài tổng cầu nhà này sao mà hiếu chiến quá vậy tụi bay?

Họa sĩ ngồi xuống bên gã trai và đưa hai bàn tay gầy guộc lạnh cóng hơ sát vào bếp lửa.

Tiếng bọn trẻ con lanh lảnh nhao nhao lên chào chú Năm. Chúng bỏ bộ bài đấy, xúm cả lại ngồi túm bên ông. Mở chiếc cặp da, ông Năm lấy ra trước tiên một chai Lúa Mới.

- Thứ dữ này của qua. - Ông nói - Còn tụi bây ...

Ông đưa ra một phong pháo mậu dịch giấy gói màu hồng vẽ hình cô tiên cười mây, rồi một bọc to dùng giấy trang kim có hình ông già Noel đội mũ chóp đỏ.

- Năm nay tết cần kiệm, hội đồng hương xứ Mũi què qua chẳng được bộn quà như mấy năm, - ông Năm nói, như phân trần với lũ trẻ. - Nhưng mà có thứ này quý lắm đó nghe. Kẹo Liên Xô, ngon nhứt đó, sắp nhỏ.

- Chú chiều chúng nó quá! - Gã trai kêu lên. - Năm nào cũng vậy. Rồi chú lấy gì ăn Tết? - Và gã đập đùi quát - Đây, bọn chúng mày không có được thế đâu nhá!

- Thôi mầy, Trung! - Ông Năm vỗ vai gã. - Bữa nay sao cả mầy cũng hiếu chiến quá vậy. Coi kia, kịch chiến với võ sĩ nào mà mặt mầy bầm dập vậy con?

- Với Pét "xồm" chú ạ! - Một thằng nhóc mách.

- Chiến nhau vì chị Giang đấy! Một đứa khác.

- Im đi, thằng lỏi! - Gã trai nạt, mắt trợn lên. Nhưng chỉ trợn được con mắt trái. Mắt phải của gã tím quàng sưng húp. Gò má sây sát. Môi vều lên.

- Vậy chớ nhỏ Giang đâu? - Ông Năm hỏi, đưa mắt nhìn quanh.

- Đang ngồi khóc trên kia ạ! - Một lỏi con tóc húi cua nói to, trỏ lên ban công tầng hai.

- Sao vậy?

- Tại anh Trung!

- Thiệt tình! Thằng Bình, mầy lên biếu chị mầy xuống qua biếu. Vui năm mới mà mất đoàn kết vậy, coi sao đặng, mầy đứa.

Mặc dù bán tính gần gũi, đời sống độc thân bẽ bề, lại cực độ âm thầm, chỉ có thể nói năng khi đã ngà ngà, và nhà thì ở mãi chung cư gần cuối phố, tít trên tầng thượng, song họa sĩ

Năm Tín lại bận vong niên của sắp nhỏ ngôi nhà số bốn nơi đầu phố này. Mấy năm trước, một sớm tinh mơ mùa đông sương mù rất lạnh, bọn trẻ nhà này vấp phải ông Năm, người nồng mùi rượu, nằm lịm còng từ bao giờ trước sân. Chúng hè nhau khiêng ông vào nhà, đổ nước gừng cho ông, đánh gió, xoa dầu, ủ ấm cho ông. Khi xe cấp cứu tới thì ông đã hồi. Từ bấy thành chỗ thân tình, bọn trẻ thường kéo nhau tới thăm họa sĩ. Chúng giúp ông nhiều việc, gánh nước từ máy công cộng lên tầng cho ông, dọn dẹp căn phòng luộm thuộm của ông và mua hộ ông các thứ tiêu chuẩn tem phiếu. Họa sĩ cũng hết sức cung chiêu lũ nhóc, bày trẻ thơ của cái phố nghèo mà mười năm qua, kể từ sau ngày tập kết, đối với ông đã ngày một thêm nặng tình. Ông để chúng tha hồ lục tranh của ông, những bức bột màu, những bức thuốc nước và những ký họa. Rất kiệm lời, hầu như chẳng bao giờ kể chuyện quê nhà, nhưng lần lượt qua từng bức họa, ông cho bọn trẻ Hà Nội thấy được phong cảnh của cõi xa vời vợi đời ông miền đất Mũi, thấy được chân dung những bà má, những chị phụ nữ và trẻ em của Nam Bộ kháng chiến, và thấy được gương mặt các chiến sĩ cùng tròng đội với ông hồi Chín Năm.

Và tết năm nào cũng như thế này, giữa canh khuya, sau cuộc họp đồng hương cuối năm, ông Năm không về nhà mà rẽ vào chỗ đám trẻ nhà số bốn đang quây quần canh nồi bánh chưng. Ông chia quà cho lũ nhỏ và nếu không quá say thì ông sẽ thức cùng với những đứa lớn tới tận khi đã có thể vớt bánh ra khỏi nồi.

Năm nào, năm hộ nhà số bốn cũng cùng nhau lo liệu cái

tết. Nếp chung tốt lành này có từ thời còn mồ ma ông Tá tài xế. Đông con, kinh tế chật vật nhất nhà số bốn vậy mà hàng năm chính ông Tá là người đã giúp cho cả ngôi nhà này ăn Tết tươi nhất phố. Là tài xế của đoàn vận tải Bộ Lâm nghiệp, chuyên trị chạy tuyến Tây Bắc, ông Tá quanh năm vắng nhà, nhưng cứ đến giáp tết dân phố lại thấy chiếc mô-lô-tô-va của ông, bê bết bùn đất đường trường rù rù lăn bánh vào sân trước nhà số bốn, inh ỏi đám còi. Bọn nhóc trong nhà đang moi mắt trông chờ hoan hỉ ủa ra, náo nức dỡ củi, dỡ lồng gà, dỡ những bao tải chất nặng hàng tươi, hàng khô từ thùng xe xuống. Chẳng phải vất vả lo toan gì mấy mà vợ con ông và các họ láng giềng cũng có đủ mọi thức cho ba ngày tết. Nhiều năm như vậy cho đến mùa lũ năm 61, xe ông Tá gặp nạn trên đèo Pha Đin.

Tết năm ấy, cả nhà số bốn góp sức đỡ đần vợ con ông Tá và cũng là hợp lại đỡ cho nhau. Từ đó, thành nếp, tết nhất lo chung năm gia đình. Ba gia đình dưới nhà, hai gia đình trên gác, hoàn cảnh nhà nào cũng gieo neo. Như vợ con ông Tá, hay như gia đình bà Thái ở phòng mặt tiền tầng một, trước cũng khá, sau vì ông Thái trở chứng, ruồng rẫy vợ con, đang đem vợ sạch món tiền hai vợ chồng đã nhiều năm dành dụm, theo chân một chị hàng xén lặn tút vào tận trong Vinh, nên cảnh nhà sa sút hẳn. Anh con trai đầu đang học trung cấp hàng hải mà phải bỏ. Còn ông Cư, cũng phòng ở tầng một, vốn chân thủ quỹ, sờ điện, lương từng tiem đủ nuôi vợ con thế mà tấm ngấm tấm ngấm phạm tội thụt két, liền mấy niên rồi đón xuân trong tù. Còn như hai chị em Giang và Bình

sống với ông nội ở căn phòng bên trên nhà bà Thái thì lại phải nông nổi mồ côi bố mẹ từ nhỏ, buồn vui mỗi ngày chứ chẳng riêng ngày tết tùy thuộc tình trạng sức khỏe của ông cụ, tuổi đã thất thập, già cả đau yếu. Ngay như gia đình giáo sư Xứng mà tết nhất cũng lẩn bấn. Ông lương cao, tiêu chuẩn chuyên viên, gia đình ít người mà được phân hai phòng rộng thênh trên tầng hai, mức sống trội hơn các gia đình khác, nhưng bà tạng người yếu lại bận con mọn. Thằng con đầu của ông bà đã học lớp bảy mà đứa kế sau vẫn đang ẵm ngửa, chị người làm thì cứ còn cách tết cả tháng là đã khăn gói về quê.

Người lớn không cáng được nên đám trẻ phải gánh. Có điều là phần đông đám trẻ trong nhà là bọn con giai, lại hầu hết đang nhai ranh, từ lau nhau đến choai choai mười ba mười bốn, thực sự bậc anh bậc chị chỉ có chị Giang trên gác và anh Trung, con trai bà Thái, dưới nhà. Tết nhất của năm gia đình cậy cả vào hai người, mà chủ yếu là ở Giang. Từ cuối tháng Mười Một âm Giang đã phải bắt tay vào công cuộc mua sắm đầy gian nan. Chỉ thỉnh thoảng mới có được vài đứa tuổi đã nhỡ nhỡ sau giờ tan trường chịu khó phụ giúp thêm. Giang xoay xở khắp các chợ gần chợ xa, châu chực xếp hàng từ tinh mơ đến tối mịt ở suốt lượt các quầy hợp tác, quầy mậu dịch. Nhưng dù cố hết sức thì cũng phải tuần giáp tết mới mua đủ các tiêu chuẩn đồ khô như gạo nếp, gạo dự, bột mì, đậu xanh, măng miến, bóng, chè thuốc, mứt kẹo cả năm gia đình, rồi sau đó dồn toàn lực bình sinh mà xếp hàng nước mắm, xếp hàng giò chả và nhất là hàng thịt, hàng lá dong để chuẩn bị cho cái phần tối quan trọng của tết là nôi bánh

chưng. Chiều ngày 27 phải chạy xong mọi thứ. Lại là Giang quán xuyên việc ngâm nếp, đãi đậu, rửa lá, ướp thịt. Đến chiều 28, bởi trong nhà chẳng bà nào biết gói nên vẫn một tay Giang lo đủ ba chục cặp bánh. Trung thì phụ trách củi lửa. Mượn cái thùng phuy đựng mùn của cửa nhà bà Cư để làm nồi. Còn củi, Trung ra tận bãi gỗ Phà Đen, chọn mua những súc lớn gần nguyên cây, rồi dùng xe ba gác đẩy về. Một đồng củi tương, một mình Trung huỳnh huých bỏ suốt buổi chiều.

Mọi việc diễn ra ngoài sân. Bên này sân, trời lạnh thế mà Trung trùng trục cời trần, mồ hôi nhễ nhại vùng chiếc riu tổ bố chỉ một nhát bổ làm đôi những súc củi to như cột nhà. Bên kia sân, chỗ gần vòi nước chung của cả nhà số bốn, Giang kê một cái chõng tre, trên rải ni lông, cặm cùi ngồi gói bánh, bọn nhãi trong nhà xăng xái tranh nhau những việc mà anh Trung, chị Giang sai. Vừa làm vừa sung sướng nô nghịch. Với chúng thì sang hẳn năm mới, ba ngày tết được ăn ngon, được vui chơi, được diện áo đẹp chẳng thể vui bằng khi còn đang nao nức đợi chờ tết đến, nhất là niềm vui buổi chiều nay. Lũ trẻ vây quanh chiếc chõng xem chị Giang gói bánh. Chồng bánh chưng cao dần. Lá bánh xanh mướt, lạt bánh trắng ngà. Giang xắn tay áo lên lên quá khuỷu, cánh tay, bàn tay lấm tẩm hạt nếp và vụn đậu xanh. Giang gói không mau nhưng khéo. Bánh như được gói bằng khuôn, song đẹp hơn nhiều, và không lỏng cũng không quá chặt. Lũ trẻ háo hức đếm từng chiếc, từng chiếc đã gói xong. Khi nào gói đủ ba chục cặp bánh to, chị Giang sẽ vun số gạo nếp, đậu và thịt mỡ còn lại gói cho mỗi nhóc một chiếc bánh chưng nhỏ thật xinh.

Sập chiều, công việc đang thật là nhộn nhịp, suôn sẻ, và đã sắp hoàn tất, anh Trung đã chẻ gần hết đồng củi, thì anh Vinh, ở bên nhà số bảy ngang nhiên bước vào sân, đông dặc một lời chào. Anh Vinh mang một biệt danh rất dài là “Péc-sô-rin - người anh hùng thời đại”, gọi tắt là Pét, hay Pét “xồm”, bởi đang trẻ măng thế mà đã rì rịt râu quai nón còn hai bắp tay thì lông lá như tây.

Cả sân chỉ mình Giang tươi tỉnh ngược nhìn lên, vui vẻ chào lại Pét. Trung lằm lì làm thính, nghiêng răng quai riu, vụn gỗ văng như mảnh đạn. Bọn nhãi, coi nét mặt ông anh cũng nhất loạt một vẻ sẵn sàng gây hấn. Chúng trừng trừng nhìn Pét. Từ trên thềm, Giôn và Ken lao phốc xuống, và mặc cho Giang la mắng, chúng cất tiếng sủa dữ tợn, hung hăng xò tới đón ông khách đã dám táo gan vào đây trêu người. Nhưng chỉ một cái giậm chân, Pét đã khiến hai con chó cúp đuôi chạy dạt. Lũ trẻ cũng né ra. Pét khoan thai đi tới bên Giang. Anh diện một áo da Tiệp, da thật hần hoi, quần nhung kẻ, giày mồm ngóe, tóc hớt đẹp, chải rất mượt. Pét đẹp giai nhất phố. Vai rộng, đô con lại cao người, một dáng vóc rất chuẩn, lại mũi thanh, miệng rộng, lại râu quai nón. Mặc dù song thân vốn là chủ một tiệm kim hoàn, cửa ngòm chắc hẳn còn vô khối, nhưng Pét chẳng cậy cửa. Hiện anh đang học việc ở rạp xiếc của ông Tạ Duy Hiển.

- Giang khéo tay thế, gói đẹp quá! Thế này thì cả đến Galilê cũng phải tin là đất vuông trời tròn! - Nhắc một cặp bánh lên, anh ngắm nghía, tẩm tấc. - Bên nhà anh dùng khuôn, cứ như thoi gang. Tết sau giá mà đã được Giang sang gói cho nhì?

Tính tình cởi mở, nói năng dễ mến, Pét được cả phở ưa, trừ bọn trai nhà này. Tuy nhiên anh vào thăm Giang chiều nay hoàn toàn không phải cố tình gây một sự đường đột để khiêu khích trên người Trung, mà thực tình là anh được phép. Ai cũng biết mới đây bố mẹ Pét đã sang nói chuyện với ông nội của Giang. Chưa phải một sự ướm hỏi mà chỉ để bước đầu có sự qua lại giữa hai bên gia đình nhằm cho phép hai trẻ được tìm hiểu nhau. Ý ông cụ thể nào không rõ, nhưng Giang thì chắc chắn là phải đầy thiện cảm với Pét. Hoàn cảnh ba ông cháu Giang khó khăn thế mà gia đình Pét khá giả thế. Bản thân Pét lại là một chàng trai hạng ưu như thế, tốt tính đẹp mã như thế.

Pét đã thảo kỹ một chương trình vui xuân cùng Giang. Nhiều mục rất tuyệt. Bắt đầu ngay từ tối 28. Đoàn ca múa Tân Cương công diễn buổi đầu. Không bán vé, chỉ giấy mời, nhưng Pét vẫn xoay được. Anh rút từ ngực áo ra hai tờ bìa gấp khổ to, in màu rất đẹp đưa cho Giang.

- Lô hạng nhất đấy! - Anh nói - Đúng mười chín giờ mở màn. Em làm thoáng lên cho xong để còn thì giờ mà chuẩn bị. Cũng cần phục sức một chút em ạ. Nhà hát Tây mà. Sáu giờ mười anh sang đón.

Vẫn cây rìu trên tay, mặt quàu quạu, Trung lừ lừ bước tới, không thèm nhìn Pét, lớn giọng nạt Giang:

- Hát tây hát tàu cái gì! Có nhúm gạo đùm mãi không xong, bao giờ mới được bánh vào nôi?

- Thì xong cả rồi, chẵn sáu chục chiếc rồi đây, - Giang nói. - Chỉ còn xếp vào nôi nữa thôi. Với lại lo gì, cũng còn sớm mà. Trung.

- Hừ, sớm! Việc còn bẽ bẽ ra, đấu hót mãi thì tới khuya. Hay là cứ tán láo tới sáng mai đi!

- Có làm lụng thì phải có nghỉ ngơi chứ, tét nhất cơ mà - Pét nói xen vào. - Gì mà ra oai ghê thế?

Chẳng nói chẳng rằng, Trung chém mạnh, lưỡi rìu cắm phập xuống sát sạt mũi giấy Pét. Hết hồn, anh này nháy giật lùi lại, suýt ngã ngựa. Giang tái mặt, ngồi sững. Cả sân lặng ngắt như tờ.

- Mày xéo ngay, thằng con nhà tư sản béo bụng, - Trung nói. - Còn quần chân người ta làm việc, tao cho mày nằm viện ăn tét!

Tức giận, giọng run lên, nhưng Pét vẫn rón sức giữ hòa bình:

- Cậu vô lý quá. Ai làm gì cậu... Tự dưng cà khía chứ cần!

- Đây thì cà khía! - Trung gầm lên và đâm liên.

Cú đâm thỉnh linh nhưng Pét né mặt tránh kịp. Anh dịch chân sang một bên và giáng trả một cú nhẹ vào ngực đối thủ, đồng thời cánh cáo:

- Khôn hồn thôi đi! Mày biết tao mà, Trung!

Pét chơi nhiều môn thể thao. Ham nhất là quyền Anh. Ngày nào cũng luyện. Anh bật cười khi Trung một lần nữa quai bừa một cú đâm điển hình cho lối đánh của bọn cây khỏe mà kém khôn. Tuy vậy anh cũng thấy cần phải tung ra liên tiếp hai đòn thật là chuyên nghiệp, một giữa mặt, một móc hàm, quật Trung xuống sân. Bọn trẻ nhà số bốn, và cả gần chục đứa nhà bên số lẻ vừa tràn sang làm ủng hộ viên cho Pét, đứng khếp thành một vòng tròn vây quanh bãi đấu, nhưng đều im thin thút và bất động không dám ủa vào hỗn

chiến. Đây là cuộc tay bo của bậc đàn anh. Người lớn trong nhà và những người qua đường không hề hay biết là đang có ẩu đả trên sân.

Mình mẩy trần trụi, lấm lem, mồ hôi ròng ròng, mặt lóa máu. Trung loạn choạng đứng dậy. Quân tử, Pét không xấn vào đâm ngay, nhưng mà cũng đã hăng máu lên, anh kéo phéc mớ tuya, cởi áo da ra, và một cách đường hoàng thông thả xấn tay áo sơ mi. Chính cái động tác đẹp mắt này đã khiến cho người chỉ quen giao phong theo luật lệ bị kẻ đã từng trải đập lộn trên hè phố nên cho như tử. Dốc toàn lực bình sinh, như một đầu máy xe lửa, nghiêng rãng, Trung lao xộc tới, húc cái sọ dừa rần cang vào bụng “Người anh hùng thời đại”. Pét ngã ngửa người lên cái chõng tre. Chân chõng gãy rụp, chõng bánh chưng lật nhào. Trung nhảy bổ đến, chặn đầu gối lên ngực Pét, và mồm môi mồm lợi đâm tới tấp xuống mặt anh này. Cuộc chiến đấu từ khởi đầu đến kết cục có lẽ chưa đầy một hiệp ba phút. Trong suốt những giây đồng hồ đỏ máu mồm máu mũi ấy, cả hai đối thủ lẫn đám khán giả bầu kín vô đài không hề ai kêu lên một tiếng.

Vin cánh tay một thằng bé, Giang run rẩy đứng dậy. Mặt nhợt nhạt, thất thần, môi lầy bầy, cô van vi, những lời không thể nào ai nghe thấy. Vẫn chỉ nghe ỳnh ạch hự hự. Trần ẩu đả đã quá độ vũ phu, trở thành trò man dại. “Thôi đi mà, trời ơi, thôi đi!”, dồn hết sức, Giang la lên và vùng khỏi tay bọn trẻ, cô lăn vào giữa cuộc đấu, túm tóc Trung kéo giật, buộc Trung phải nhả Pét ra.

Thờ hồng học, Trung đứng vụt lên, mặt mày máu me, một

mắt đã sưng, một mắt ngầu đỏ trợn trừng, hai nắm đấm vẫn xiết lại, răng nhe ra như chực đớp Giang một cái.

- Đồ ác ôn! - Nghện ngào, Giang thót kêu lên, tiếng kêu thảm thương và tức cười - Đồ Mỹ Diệm!

- Diệm ngoan rồi còn gì! - Một thằng ranh nói chọc vào.

Bật òa lên khóc, Giang quay mình chạy lao vào trong nhà.

Mọi sự như thế là tung hô. Ngày vui tưởng đã tan tành. Bọn trẻ nhớn nhác, không biết phải làm sao bây giờ. Đứa nào đứa nấy mặt mày tiu nghỉu, buồn xo. Có đứa mếu máo. Nhưng cuối cùng thì anh Trung của chúng cũng không vì giận chị Giang mà bỏ rơi chúng. Rồi bánh cũng được xếp vào phuy, nước đổ đầy, lửa được nhóm lên, củi cháy đượm. Ngọn lửa reo vui, hơi lửa lan tỏa. Dọc phố gió bắc lửa hun hút mà trong sân ẩm ran, và đã nghe đậm dần lên mùi thơm của lá và gạo nếp. Bọn trẻ trái chiều ra sân đánh bài và nói phét. Dễ chịu, êm đềm, ấm cúng, như mọi năm. Nhưng khác là không có chị Giang. Chị Giang không xuống vui cùng. Không có chị thì không có táo, thứ quả chị ưa nhất khiến bọn chúng cũng ưa nhất, không có ngô nướng, và không có giọng kể chuyện du dương, không tiếng cười trong trẻo của chị. Không có chị, anh Trung mất hết tính hồ hởi thường ngày. Nặng chình chịch cái mặt bị ăn đấm sưng vù, anh ngồi thì lý một cục. Anh chỉ hé răng nói đôi lời với anh công an tuần đêm tạt qua hút thuốc Lào và với chị công nhân quét rác ghé vào sưởi ấm chốc lát. Không được anh chung vui, niềm vui của lũ trẻ nguôi dần. Mọi năm cả lũ sẽ thức chơi đến tận sáng, nhưng đêm ấy, khi họa sĩ Năm Tín rẽ vào thì bọn lau

nhau đã đi ngủ hết, chỉ những đứa lớn còn ngồi canh bếp lửa với Trung.

Thằng Bình, em Giang, theo lệnh chú Năm chạy lên gác gọi chị, nhưng vì đã nhất quyết từ mặt Trung nên Giang nhất định không chịu xuống. Cô sai thằng Bình bưng bộ ly cùng đĩa mực nướng xuống để chú Năm uống rượu. Cô còn bắt nó quay lên lần nữa để mang chần bông, kèm theo một rổ táo ta với chục bắp ngô xuống cho “bầy lũ anh em nhà chúng mày”.

Bọn nhãi xuýt xoa vui sướng chào đón quà của chị. Chúng lập tức chiến đấu với rổ táo và lập tức bắt tay vào nướng ngô. Trung lăm lăm gạt phắt mấy quả táo, gạt phắt cả bắp ngô nóng hổi, thơm lừng bọn nhãi vừa nướng xong.

Ông Năm rót rượu ra hai ly.

- Một ly với qua, Trung! - Ông nói - Chiến sĩ rồi, uống được.

Trung lắc đầu. Ông Năm thở dài, tợp nhanh, cạn ly.

- Nam nhi như cộp, vấp cái quên liền. Không để bụng giận lấy. Mấy lại sắp xa nhà rồi, mau mà làm lành với nó đi.

Ông làm nhanh ly thứ hai, rồi lại rót tiếp. Uống suông, không nhắm, ông đưa đĩa khô mực cho bọn trẻ...

Đã ăn hết táo, hết ngô, đã xơi hết đĩa mực, bọn trẻ buồn ngủ. Chú Năm chẳng nói gì, chỉ uống. Một mình chú mà đã gần cạn chai Lúa Mới. Anh Trung thì một mực lặng thinh. Rầu rĩ, bọn trẻ díp mắt lại, lần lượt, đứa này tiếp đứa khác kênh ra chiếu. Hai con chó chen vào nằm với chúng.

Nước trong phuy sôi đều đều. Tiếng cùi nổ lách tách. Từ trong sáng khó mà nhìn thấy gì trong bóng tối bao quanh, vì

vậy đường phố, nhà cửa như bọc trong tấm màn đen. Tuy nhiên, có thể thấy bầu trời đã chuyển màu xám nhạt, đã sáng hơn và càng lạnh hơn. Gió bắc đã ngừng thổi từ lâu, không khí mau chóng thấm đẫm sương giá. Sắp rạng mai đến nơi rồi.

- Thôi. Qua về! - Ông Năm chột lên tiếng sau suốt mấy canh giờ lặng ngắt, một mình rót, một mình uống.

Cầm lấy chiếc cặp đã xẹp lép, ông loạng quạng đứng dậy. Trung nhồm lên, muốn đỡ ông.

- Khỏi! Ông gạt đi - Qua đâu có say. Say sao nổi, con ơi!

Nồng nặc mùi rượu, ông ôm lấy Trung:

- Mỏng năm con lên đường hả? Lên đường mạnh giỏi nghe con ... Chú Năm về nghe con ... Chú Năm về. Chú Năm về lập bàn thờ cho ba má chú Năm, cho vợ chú Năm và sắp nhỏ, Trung à

Bất đồ, ông bật khóc, nấc lên, ằng ặc, nghẹt thở, toàn thân run bần bật.

- Tụi nó tàn sát hết cả gia đình chú rồi Trung à. Giết hết ... giết hết cả, không từ ai... Con gái út chú. Thằng Ba. Thằng Hai. Ba đưa con chú bị giết một khi. Rồi tụi nó sát tới bà già chú, ông già chú, Trung à. Rồi vợ chú, má sắp nhỏ... Mà đã hai năm rồi. Tối nay họp đồng hương, có đồng chí ở trông ra, chú mới hay, Trung à.

Ông khàn khàn kể, ông khóc rưng rức. Và gạt Trung ra, ông loạng choạng bước đi men theo bờ tường, đi về cuối phố. Vừa đi vừa khóc.

Tầng sáng, Giang xuống, mang thêm chăn đắp cho bọn trẻ.

Cô bảo Trung về phòng mà ngủ để bếp lửa đó cô trông. Trung ngồi im, không buồn trả lời. Giang bực mình dợm trở vào nhà, nhưng rồi nghĩ ngợi sao đó cô lại ngồi xuống bên bếp, nhưng ngồi né xa, thật xa Trung...

Một thằng bé bị lũ bạn kéo tuột mắt chân, loàng quàng mở mắt ra. Nó nghe tiếng anh Trung rì rầm kể gì đó về chú Năm. Nó nghe tiếng chị Giang khóc thút thít. Rồi lại trở lại yên lặng. Yên lặng rất lâu, rồi se sẽ những tiếng động là lạ. Thằng bé rướn cổ lên nhìn. Còn tối lắm. Trong ánh lửa, nó thấy anh Trung chị Giang ngồi sát vào nhau, và hơn thế nữa, còn ôm chặt nhau. Nó cảm thấy cùng lúc cả hơi lửa nóng hừng hực, cả hơi thở của ban mai lạnh lẽo.

Vậy mà, thật là không thể làm sao hiểu nổi, ngày hôm sau, đêm giao thừa và suốt mấy ngày tết, nó thấy chị Giang vẫn lại chỉ chơi với Pét xỏm. Mặt mày thâm tím. Pét vẫn cứ đẹp trai, và rất diện, anh ngây ngất mê mẩn, sung sướng cưỡi chiếc xe đạp Pơ giô màu mận chín chờ chị Giang bay đến tất tạt những tụ điểm có ca nhạc và vui chơi trong thành phố xuân.



Lễ tiễn tân binh được tổ chức vào sau buổi trưa ngày Mồng Năm tết, dưới chân gò Đống Đa. Người ta bảo rằng trong suốt mười năm, từ ngày hòa bình lập lại đến giờ, ở Hà Nội chưa từng có một đợt nghĩa vụ quân sự nào quy mô lớn như đợt này. Hàng trăm người lên đường, hàng nghìn người theo tiễn. Và khi biển người đứng nghiêm hát Tiến Quân Ca thì trước

cửa đền Trung Liệt, cờ đào Tây Sơn được chậm chậm kéo lên sóng đôi cùng cờ đỏ sao vàng. Bầu không khí tung bừng náo nức của lễ hội tòng quân hòa vào hùng khí thiêng liêng ngày Giỗ Trận nâng bổng tâm trạng từng người, giúp gạt đi những niềm bịn rịn. Ông thượng úy khu đội trưởng đông dặc điểm danh tàn binh. Đọc đến tên ai thì người ấy Có lên một tiếng thật to. Mỗi người hình như chưa bao giờ đạt được một giọng nổi trội như vậy. Anh chàng được gọi tên sau Trung lại dài giọng. "Dạ, có tòi đây!", khiến mọi người cười rộ. Thượng úy đọc đã khản tiếng mà bản danh sách còn rất dài. Càng đông càng vui. Nghe đọc đến tên ai quen, Trung lại nhón chân lên, rướn cổ tìm kiếm. Mọi người ầm ĩ gọi nhau, hồ hởi vỗ vai nhau "A! Mày đây à, cũng đợt này à, hay quá!".

Mày này, tao này, Thăng Cung, thăng Bình "mất lươn", thăng Mão "nhọ nòi", thăng Toàn "min tu", thăng Bào, thăng Vũ ... thăng con đầu nhà bà giáo Sơn, thăng con thứ nhà ông Tâm y tá, thăng cháu đích tôn nhà cụ Doãn vẽ truyền thần, nhà Phúc béo gia công mỳ sợi, nhà Vạn toét chữa xe đạp, nhà Minh điếc bán nước sôi ... Đông đảo người di thể này làm sao mà biết hết nhau được. Không khéo sau đợt nghĩa vụ này, phở tụi mình chỉ còn lại bọn lỏi con và bọn con gái.

Trung nhìn quanh. Hình như hôm nay tất cả các cô nàng trong khu phố đều hội lại ở đây, và tất cả bọn họ nom đều xinh tươi hơn bao giờ hết. Nào Liên, nào Yến, nào Oanh, nào Phượng... các cô khoác tay nhau túm tụm thành từng nhóm, líu ríu vui vẻ xúm quanh các chàng.

Người đi tiễn Trung cũng rất đông, mẹ và ba đứa em, cùng

tất cả bọn nhóc nhà số bốn. Về chiều, càng lúc càng lạnh mà lẽ tiền có vẻ còn kéo dài, Trung bảo các em đưa mẹ về, mà bà Thái nhất định không chịu. Yếu là, nhợt nhạt, run rẩy, bà bám chặt lấy tay Trung đứng sát vào anh, nghẹn ngào, gượng cầm nước mắt để dằn đi dằn lại mãi những điều không đâu vào đâu. Trung ngượng:

- Mẹ kia, mẹ! Đừng thế, mẹ! Người ta trông vào đấy, mẹ...

Anh bảo lũ đàn em trong nhà:

- Chúng mày động viên mẹ tao, đừng để mẹ tao khóc ở đây đấy nhé. Cả về nhà nữa. Chúng mày giúp mẹ tao các việc nhà. Tao đi ba năm rồi về. Mà cũng có nghỉ phép nữa... Chúng mày thay tao lo mọi thứ cho nhà số bốn mình nhé. Nhớ chăm cây táo tao trồng. Ba năm nữa tao về, ngọn phải chấm ban công tầng hai đấy...

Trung nói, cười, nhưng vẫn buồn ra mặt, vẫn nhìn quanh nhìn quất. Bọn trẻ hiểu lòng anh, thương anh lắm, nhưng chẳng biết làm sao. Ông nội chị Giang vừa vào viện đêm qua, chị phải túc trực chăm nom. Vả lại lúc nào bên chị cũng có Pét xồm kè kè hộ tống.

Tiết trời xuân lạnh lẽo, nhưng sắc trời xuân trong xanh. Sau phần diễn văn của các quan khách, lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể thành phố và khu phố, tới mục đại diện tân binh đọc quyết tâm thư, rồi đến mục làm giao ước thi đua giữa thanh niên đi nghĩa vụ quân sự với thanh niên ở nhà sản xuất, rồi nữa là vui văn nghệ, ca hát và ngâm thơ. Có cả một ông nhà thơ nghe nói là từ tận trên Hội Nhà văn đích thân đưa thơ mình xuống biểu diễn úy lạo bộ đội. Đầu đội mũ sắt,

cổ quần khăn rằn kiểu du kích Nam Bộ, mình vận bành tô Liên Xô có viền lông, ông sừng sững trên diễn đàn, ngâm vào loa những vần thơ như sấm. Ngay khi trường ca hùng tráng còn một đoạn dài nữa mới hết, vì quá xúc cảm, gần hai chục thiếu nữ có nhiệm vụ tặng hoa bộ đội khi nào bế mạc buổi lễ, đã vội ào cả lên diễn đàn dâng vào lòng tay thi nhân những bó lay ơn tươi thắm khiến ông này phải rất vất vả gỡ mình ra khỏi hoa để ngâm nốt phần còn lại. Sau trường ca này, mặc dù còn lâu trời mới tối và mặc dù còn nhiều nhà thơ nữa muốn lên trình bày sáng tác của họ, song các sĩ quan tuyển quân đã vội ngăn họ lại để cho buổi lễ được kết thúc.

Tân binh được lệnh lên xe. Gần hai chục chiếc xe ca được trưng dụng để chở quân, đậu ở góc sân, đồng loạt nổ máy và nhả còi. Tiếng còi ô tô đưa sự ồn ào lên đến tột độ.

Trung ôm lấy mẹ, ôm lấy ba đứa em, và lần lượt ôm lấy từng thằng nhãi em út của anh trong nhà số bốn, xiết tất cả vào vòng tay mình lần cuối.

- Thôi nín đi, đừng khóc! - Đừng có khóc, để cho anh đi! Chúng mày đưa mẹ về đi. Mẹ ơi, mẹ về, con đi!

Anh liệng ba lô lên trước, rồi trèo vào ô tô qua lối cửa sổ. Quanh xe người ken dày vậy mà bà Thái vẫn len vào được, với với tay lên cửa sổ.

- Mẹ! - Trung luýnh quýnh nắm vội lấy tay mẹ, rồi phải buông ngay vì bị kéo lùi vào trong nhường cho người khác chen ra choán lấy khoang cửa.

- Toàn đấy hả cháu, Toàn ơi! - Trung nghe tiếng mẹ nức nở kêu lên với Toàn "min tu", thằng bạn nhà số bốn sáu cùng

phố, đang đứng lấp trước mắt anh - Cháu trông nom nó cho bác với Toàn nhé, Toàn ơi!

Xe chuyển bánh, chậm chậm bò, chạt vật xuyên qua những tiếng gào gọi, tiếng kêu, tiếng cười và cả những tiếng khóc. Đúng giây lát đó, qua vai Toàn, Trung nhìn thấy Giang giữa đám đông. Bằng một phép màu nào đó, chỉ một cú huých tay, anh đã vọt được ra khỏi xe.

- Giang! - Trung gào rống lên - Anh ở đây, anh ở đây!

- Anh ở đâu? - Cô gái lách qua đám đông, vừa len lách vừa kêu lên thất thanh. - Anh ở đâu, anh ơi?

Chen bừa đi, vấp dúm dúm, không thấy ai cả, không thấy gì hết, mắt dại đi, tóc xòa tung, thở hổn hển, cô nhào tới chỗ Trung. Anh chàng chen bật mấy người đang đứng chắn mất lối, rồi gần như hùng hổ, lao xộc tới chộp lấy Giang, ông choàng lấy, ghì chặt.

Khác với các đợt trước, đợt lính nghĩa vụ này phần đa đều như Trung, tuổi còn rất trẻ, vì vậy ít thấy cảnh vợ tiễn chồng, thể nhưng bù lại người ta thấy xuất đầu lộ diện khá nhiều cặp chàng nàng như Trung và Giang. Và có lẽ cũng như Giang và Trung, tất cả những vụ yêu đương đó đều là những mối tình non dại, đầy rứt rề và sợ sệt, bấy lâu chẳng dám lộ mình mãi đến giây lát phải chia lìa mới không còn dừng nổi.

Ngay trước mắt bao người mà Giang liều lĩnh xoắn mình vào Trung. Xoay lưng lại với thiên hạ, tóc đổ xòa xuống vai. Giang đứng úp người vào người Trung, hai cánh tay vòng với lên ôm lấy cổ người yêu. Còn Trung, hai bàn tay to tướng tảo tợn lùa sâu vào trong áo len của Giang, ghì riết lấy Giang

từ bên trong. Bao nhiêu người thở dài, ngậm ngùi, nhìn tránh đi.

Đoàn xe nâng dần tốc độ. Trên chiếc xe chạy đầu, tiếng hát cất lên, lan dọc đoàn xe, truyền dọc phố: “Ai đã từng đi qua sông Cửu Long Giang. Cửu Long Giang sóng trào nước xoáy...”.

Dưới đường, Trung đang cố sức chạy rượt theo chiếc xe chót và cuối cùng đã đuổi kịp. Từ cửa hậu chiếc xe, những bàn tay chìa xuống kéo anh lên. Phía sau, Giang chạy với theo toàn thân ngã về phía trước như cổ cưỡng luồng gió mạnh và rồi lao đảo cô ngã xoài xuống nền đất ướt át.

“Người con gái Hà Nội, những nàng tiên nghèo đẹp nhất trần gian, da trắng, môi hồng, mắt huyền, mi rợp”, trên đời này từng có một bài hát với lời ca như vậy, tôi đã từng được nghe ở đâu đó, vào một lúc nào đó không nhớ nữa. Tôi là một thằng nhãi nhà số bốn đã theo tiễn anh Trung ở chân gò Đống Đa, buổi chiều ngày Giỗ Trần. Và tôi là đứa đầu tiên chạy lao đến đỡ chị Giang dậy. Chị khóc nức nở, toàn thân run lật bật trong tay tôi. Dọc đường về tôi vẫn phải nhẹ nhàng thận trọng ôm giữ lấy chị. Chị cứ vừa đi vừa ôm mặt khóc mãi, mặc cho xung quanh người ta kinh ngạc nhìn ngó. Vào những năm ấy chẳng ai lại yếu đuối và bi thương một cách lạ lùng như thế.

Những tháng sau đấy, những năm sau đấy tôi còn dư nhiều lễ giao quân khác nữa. Và rồi bản thân tôi năm năm sau cũng đến lượt lên đường chiến đấu. Vậy mà tôi không bao giờ có thể quên lần cùng bạn bè nhà số bốn tiễn biệt anh Trung. Đây là cuộc đưa rước thanh niên đi làm nghĩa vụ quân

sự trong thời bình, và vào những ngày đầu năm 1964 ấy, thì trong tầng lớp bình dân ngay những người đứng tuổi và trải đời cũng khó mà biết chắc sẽ là như thế nào những năm tháng đang đón rình phía trước, nói gì một thằng bé mới mười ba tuổi đầu như tôi, vậy mà... Không, không phải do ngày nay nghĩ lại mà mừng tượng ra như thế. Mà thực sự là như vậy, vào buổi chiều hôm ấy, một chiều mùa xuân cực độ thanh bình, dưới chân gò Đống Đa, tôi đã cảm thấy trời long đất lở trong lòng mình. Mà thật ra nào phải là tôi, mà là nhân dân, nhân dân muôn thuở dịu hiền, muôn thuở cầu ước sống bình yên, đã âm thầm cảm thấu con sóng lòng thời đại mới đang ập thẳng tới bến bờ Tổ Quốc tôi. Một thời đại lớn lao và ngiệp ngã chưa từng có. Thời của chiến tranh và của cách mạng lay trời, thời của những đau thương vô hạn, những mất mát vô bờ, thời của chủ nghĩa anh hùng tuyệt đỉnh, của sức chịu đựng vô cùng, thời của tình yêu và của lòng quả cảm. Và từ họa sĩ Năm Tín, từ anh Trung, nhất là từ bà mẹ anh, từ chị Giang, những người đàn bà mềm yếu và nhân từ, thân thương hiền dịu của ngôi nhà số bốn, linh cảm về số phận sắp tới của dân tộc đã truyền vào trái tim tôi, làm xoay chuyển cuộc đời tôi ngay từ khi tôi chưa kịp bước hẳn vào đời. Đối với tôi, thời thơ ấu êm ả và tươi đẹp thế là đã vĩnh viễn và dūr dội ra đi vào chính cái buổi chiều mùa xuân êm ả và tươi đẹp đầu năm Giáp Thìn ấy.

Một tuần sau Tết, do cha tôi được lên lương, tiêu chuẩn nhà cao cấp hơn nên gia đình tôi chuyển vào ở trong trung tâm thành phố. Tháng Tám, bọn Mỹ ném bom miền Bắc, tôi theo trường sơ tán về miền quê rất xa. Năm thì mười họa mới

được một dịp về loáng qua Hà Nội. Rồi nhập ngũ. Đi Bê dài. Cứ xa mãi, xa mãi như thế khỏi điểm ban đầu. Nhưng đường đời của ai mà không như vậy?

Trở về sau chiến tranh, nhìn lại sau lưng chỉ thấy sừng sững trường thành của kỷ ức chiến trường. Những năm xa vời của trước thời lửa đạn đã tan bay theo gió thời gian. Thoảng hoặc mới có việc dọc qua phố cũ, ngang qua nhà xưa, thế mà cũng thường là cứ đứng dừng ngang qua vậy thôi, chẳng mấy khi để mắt ngó vào. Ngôi nhà nhiều chục năm rồi vẫn thế, tất nhiên cũ kỹ hơn, mặt tiền cau có, nứt nẻ, tường vôi tróc lờ. Mỗi khi ghé vào thăm chỉ cảm thấy chán ngắt. Nhem nhuốc, ồn ào, chật chội và quá nhiều người lạ mặt. Niềm vui duy nhất là thấy được còn đó cây táo anh Trung trồng trước ngày nhập ngũ. Ngọn cao quá ban công tầng hai, cây sai quả, trùm bóng mát lên sân. Song le cái giống táo ta ấy là thứ cây ăn quả dường như đã quá lỗi thời, và bản thân nó, cây táo của anh Trung, cũng đã già rồi.

Tết này, khi từ nhà mới cuối phố đi bộ lên đầu phố vào thăm nhà cũ số bốn, tôi không còn thấy cây táo già đó nữa. Tấn, cậu em út của anh Trung, một thương binh trong chiến tranh biên giới, được phương ưu tiên cho phép coi nơi diện tích ở ra khoảng sân trước mặt nhà. Mặc dù chẳng muốn nhưng đành phải chặt cây táo ấy đi mới xây ra được.

- Hồi chiến tranh phá hoại, sân phải đào tung lên xây hầm công cộng mà bọn em vẫn giữ được nó. Thế mà giờ chặt nó đi, khổ tâm lắm anh ạ. Nhưng biết làm thế nào được, hả anh. - Tấn buồn rầu bảo thế.

Tôi hỏi thăm chị Giang, cậu ta cho biết vợ chồng chị vào ăn Tết trong Sài Gòn. Và có lẽ rồi đây chị sẽ chuyển hẳn vào sống trong đó.



Ra Giêng, tôi tới thăm chị. May mắn sao, chị có nhà. Bởi tất cả những lần trước đây đến chơi nhà số bốn, tôi đều gặp phải khi chị đi công tác, thành ra như vậy là gần ba mươi tư năm trời xa biệt, cho tới hôm nay. Vẫn căn phòng xưa, ban công trông ra phố. Tường vôi ve. Cửa sổ buóng rèm xanh. Bàn thờ luôn luôn ba cây hương thắp lặng chầy. Khi chị mở cửa ra, trong phòng chưa bật đèn. Trong ánh hoàng hôn hồng rực tràn ngập căn phòng, tôi thấy chị vẫn hoàn toàn là chị Giang ngày xưa của tôi. Và có lẽ bởi ánh nhá nhem chiều tà mà chị cũng thấy tôi như vậy chăng. Chị nhận ra tôi ngay, thảng thốt chị gọi tên tôi, kèm cả biệt hiệu. Lòng tôi đau nhói.

Rất lâu, chị ngồi bên tôi, lặng khóc. Tôi cũng vậy nước mắt nóng rực như kim châm trong tròng mắt. Bên ngoài, thành phố đã lên đèn, tôi và chị tay trong tay, thu mình trong bóng tối, cố hết sức để tĩnh tâm, để hồi lại.

Giọng run run, chị khe khẽ bắt đầu trò chuyện. Tôi cũng vậy, bắt đầu nói, bắt đầu kể. Cuộc đời tôi. Cuộc đời chị. Thì cũng như cuộc đời của bao người thôi trên đất nước này những chục năm qua, mà sao nhắc lại trái tim cứ đau thắt lại thế này. Nhưng rồi cả hai chúng tôi đều đã vượt được lên khỏi nỗi lòng mình để mà dần dần điềm tĩnh lại.

- Cậu còn nhớ chú Năm họa sĩ không?

- Có chứ chị. Nhưng chẳng được gặp lại trong suốt chừng bảy năm. Giờ chú ấy ra sao?

- Chú mất rồi. Mất năm Chín mươi. Tại quê nhà Năm Căn. Chú ấy đi Bê năm Bảy Mốt. Chị cũng không được thấy lại chú ấy từ năm đó. Trước khi mất không lâu, chú có ra thăm Hà Nội và có lại đây tìm chị, mà không gặp. Chỉ gặp anh Vinh, chồng chị. Chú Năm có gửi lại chị món quà...

Vinh? Tôi rùng mình. Thế nào mà chồng của chị cũng tên là Vinh cơ chứ, trời ơi! Anh Vinh ngày xưa, anh Pét xôm đẹp trai, từng mê mẩn chị đã hy sinh trong mùa khô khốc liệt năm Bảy Hai. Hy sinh ngay trước mắt tôi. Chính tiểu đội tôi bám chiếc xe T54 của anh xung phong vào căn cứ Plây Cản. Đã đột phá được qua cửa mở, bộ binh chúng tôi vừa ào xuống khỏi xe. Từ hầm ngầm, liền hai trái M72 bắn chéo cánh sẻ phụt tới. Toàn tổ lái cùng với chiếc xe bùng cháy...

- Chị hỏi thăm nhiều họa sĩ mà chẳng ai nhớ chú ấy. Tên tuổi chú ấy không được như họ. Nhưng mà cậu xem này.

Chị Giang với tay bật đèn. Chỉ một ngọn thôi, ánh sáng dịu như là ánh nến. "Lại đây!", chị nói khẽ và nhẹ nhàng rời ghế, dịu dàng chị nắm tay tôi, đưa tôi lại gần khuôn cửa sổ buồng rèm. Trên tường, kề cửa sổ, treo một bức sơn dầu, viền trong khung gỗ màu nâu.

Đang bước tới gần, tôi như bị vấp một cái. Vấp phải một cảm giác. Một cảm giác dội ra từ bức tranh. Tôi nhìn, chết lặng trong người. Họa sĩ vẽ chúng tôi. Bảy người. Và đúng là cái đêm xưa, 28 Tết năm Thìn ấy. Cảnh tượng thật huyền diệu:

xung quanh đồng lúa, một vầng hồng lung linh, dập dờn và dường như đang muốn vùng quấy với vòng vây của đêm tối để tỏa rộng ra mãi. Bầu trời trước đêm trừ tịch không tầm tối đen đặc mà quang đãng, tối thăm trải rộng trên đầu chúng tôi với tất cả vẻ hùng tráng và trang nghiêm, bầu trời đêm trước của một thời đại phi thường, một bầu trời đêm không bao giờ còn người thời nay còn được thấy. Và tôi cũng nhận thấy trong đêm tối của bức tranh, những khối hình và đường nét thân thuộc thuở xưa mà ngày nay đã mai một rồi của dãy phố này.

Nhưng cái chính làm nên bức tranh là chúng tôi, những gương mặt được ánh lửa soi hồng, được tả thực một cách chân xác và đầy biểu cảm. Tuy nhiên, tất cả cái đẹp, cái chân thực và thần thái mê hồn của bức tranh lại tạo cảm giác đau buốt. Xuyên ngọt qua thời gian và cả qua da thịt. Bức tranh cho tôi thấy một điều hiển nhiên mà bấy lâu nay với cái ý thức đã ngày một trở nên phẳng lý, tôi đã không thể có khả năng một lúc nào đó tự nhận ra: trong số chúng tôi, sáu thằng con trai còn trẻ con và non dại đến thế đang ngồi kia quanh nồi bánh chưng trong bức tranh này, đến ngày hôm nay chỉ còn sống có một, chỉ độc nhất một mình tôi. Một mình tôi mà thôi!

Tiết thanh minh năm ngoái, ngang qua Gió Linh, vào viếng Nghĩa trang bộ đội Trường Sơn, tôi đọc thấy tên tuổi Bình trên một trong hàng ngàn mộ chí của khu các liệt sĩ quê Hà Nội. Chị Giang bảo là vợ chồng chị đã tính đưa Bình ra ngoài này, nhưng một đêm nọ, Bình báo mộng, cho biết là muốn mãi mãi nằm bên đồng đội, mãi mãi với rừng le đồi lau đất đỏ chiến trường xưa, thành thử... Trong tranh, Bình là một

thằng bé mới mười tuổi, gương mặt phảng phất nét chị Giang, mịn màng và thanh tú. Nó ngồi bó gối, vóc mảnh khảnh, tóc xoăn, cái miệng phụng phịu.

Ngồi cạnh nhóc Bình là thằng Phái, năm ấy mười hai tuổi. Tóc húi cua lộ rõ cái đầu méo và đầy sẹo, gò má nhọn, mồm rộng chành bành, mặt nhợt nhạt, rỗ tổ ong, đôi lông mày chau chau, cau có. Nó là thằng con đầu của ông Tá tài xế, Xấu xí, thô kệch, ăn bận tồi tàn, lồi thối lệch thếch nhất hội song là một đứa con trai tốt bụng và chân thành biết bao. Phái đi bộ đội cùng năm Sáu Chín với tôi, nhưng không sung vào bộ binh như tôi mà được điều sang cao xạ. Đóng chốt ở Hà Nội và hy sinh ở Hà Nội, trong chiến dịch Mười hai ngày đêm đánh B52.

Thằng Sơn, con trai ông Cư sở điện, tuy rằng bố bị tù, song là đứa duy nhất trong nhà học lên đến đại học. Nhưng trong tranh nó vẫn còn là một thằng nhãi chỉ hơn tôi một tuổi, đầu tóc bù xù, thân hình gầy gò và trông rõ là lùn tịt mặc dù nó đang ngồi xếp bằng. Gương mặt thô nhưng bởi đôi mắt thật là to và sáng mà nom thông minh cực kỳ. Nó ngồi cạnh nôi bánh chưng mà vẻ mặt như thể đang ngẫm nghĩ cách giải những bài đại số đang tích ở trong đầu. Sơn thi đỗ vào tổng hợp Toán, học đến năm thứ hai thì nhập ngũ. Trình sát pháo binh. Hy sinh ở Cánh Đồng Chum.

Bị khuất mắt một phần vào vùng tối của bức tranh là gương mặt Đính, em trai anh Trung, Đính quần chần chiên, nằm cách hơi xa đồng lứa, hai tay chống cằm. Khuôn mặt nó chẳng giống anh Trung chút nào. Má bầu, tai to, nhưng cằm

nhọn hoắt và cái cổ thì gầy ngẳng. Tính nết Đính cũng khác hẳn anh, nó rất lành và quá sức là rụt rè. Mười một năm sau, Đính là một trong những người lính của đại đội đặc công đã tập kích vào sân bay Hòa Bình ngoại vi Buôn Ma Thuột, nổ súng mở màn cho chiến dịch mùa khô Bảy Lăm. Anh cùng hầu hết đồng đội đã hy sinh trước khi bộ binh và xe tăng ta kịp đánh tràn vào ứng cứu.

Anh Trung, người anh cả của Đính và của cả lũ chúng tôi, là nhân vật có vóc dáng và dung mạo được ánh lửa trong bức tranh đặc tả nhiều nhất. Anh ngồi xếp bằng, hai chân khoanh lại, lưng thẳng, ngực ưỡn ra, hai con chó vàng nằm hai bên, gác đầu lên đùi anh. Xưa nay tôi hiếm thấy ai cường tráng như Trung. Anh không cao, thậm chí hơi lùn, nhưng vai rộng lạ lùng, ngực nở căng, bụng thon chắt. Những bắp thịt cuộn nổi hằn lên dưới chiếc áo dệt kim sọc xanh của học sinh trường hàng hải. Cái cổ anh ngắn và to bạnh đờ lấy cái đầu to quá cỡ, xưa vẫn bị chị Giang trêu là như cái thùng nấu phở, trán dô, mũi tày và tẹt, gò má rộng, cằm vuông chần chặn, tóc rể tre, húi rất ngắn. Trên khuôn mặt màu đồng hun lấp loáng ánh lửa hồng này, họa sĩ đã lược hết mọi dấu tích trần ấu đả, nên không những không hề thoáng nét hung tợn mà cũng không cả vẻ ngang tàng ngổ ngược. Đây là dung mạo của một chàng trai đầy sức mạnh và lòng can đảm, tuy nhiên đang trầm tư và đang rất buồn, cặp mắt to, mơ mộng, long lanh như nước và vô cùng buồn bã của anh như đang muốn thoát lên một điều gì đó mà tiếng nói thông thường không đủ sức diễn đạt... Anh là liệt sĩ Kháng chiến chống Mỹ đầu tiên của

cả ngôi nhà số bốn, và có lẽ của cả phố, không chừng của cả thành phố. Gia nhập hải quân, anh hy sinh ngay trong năm Sáu Tư, ngoài khơi Hòn Mê, một ngày biển động, đầu Tháng Tám. Tin anh tử trận đồn về rất sớm song không hiểu sao báo từ chính thức lại rất muộn. Năm bảy mươi, khi anh Vinh “Pét” nhập ngũ, chị Giang vẫn còn đang một lòng dăm dăm chờ đợi ngày anh Trung của chị trở về. Anh Vinh kể với tôi thể trong cái đêm đơn vị tôi và đơn vị anh cùng ém trong cánh rừng già ven đường 18 đợi lệnh hiệp đồng tấn công Plây Cẩn.

Trên bức tranh, chị Giang hiện ra trong khoảng đập dờn nhất của quang sáng, nên hình ảnh chị vừa sinh động vừa hư hao, mà có lẽ đây là dụng ý của họa sĩ, bởi vì thực ra đêm ấy chị đâu có ngồi đó bên bếp lửa với đám trẻ nhà số bốn. Họa sĩ không vẽ chị ngồi kề bên anh Trung. Chỉ có một thằng bé đang nép sát vào chị, và cả hai chị em đều ngồi hơi tách khỏi những nhân vật khác của bức tranh.

Chị Giang trong tranh mới mười bảy tuổi. Dưới ánh phản chiếu lung linh của ngọn đèn, gương mặt trái xoan trẻ măng, trắng hồng của chị mới xinh làm sao. Cặp môi mòng mọng hơi bậm lại, cái cổ cao trắng ngần. Chị ngồi, cúi đầu, hai tay khoanh trên đầu gối. Không nhìn thấy mắt, chị không ngược mắt lên, nhưng có thể thấy rõ đôi lông mày thanh tú, hai hàng mi rợp và như hơi ướt ướt. Vẻ mặt đượm buồn. Thằng bé ngồi bên chị, vóc người cao, chân dài diện giày da, bận áo ấm kiểu ngoại có viền lông, nom rõ là con nhà khá giả hơn hẳn những đứa khác trong tranh, nhưng tôi không thấy được khuôn mặt nó. Thằng bé ngồi nép sát vào chị, vòng tay ôm lấy

eo chị và đầu thì ngả hẳn lên bờ vai. Vì thế khuôn mặt nó chìm vào trong mái tóc dài buông xõa trên vai chị. Tôi chăm chú nhìn, và bất chợt giật mình. Người gai lên. Phải chăng thằng bé ấy là tôi? Thận trọng, cố không để bị cảm giác đó chi phối, tôi lại thật sát bức tranh, nhưng khi nhìn quá gần thì các chi tiết trên tranh lập tức rời ra thành những vệt riêng biệt, chỉ còn là những mảng màu nổi gờ lên cùng những vệt bút vẽ.

Tôi lùi lại, và khi đẩy, từ một khoảng cách vừa phải, trước mắt tôi những mảng sơn dầu lại hợp vào thành đêm hôm ấy, thành những người anh em đã khuất của tôi, thành chị Giang và tôi. Đúng là tôi. Đúng là tôi, cái thằng bé đang vùi mặt vào tóc chị. Tôi chưa từng ngồi như vậy bao giờ, chưa từng có cử chỉ ấy, nhưng mà tôi đã từng nhiều lần mơ thấy như thế. Làm sao, sức mạnh huyền bí và linh diệu nào đã khiến những giấc mơ cực độ thâm kín năm xưa hiện về trên mặt vải?

Gần trọn quãng đời trai trẻ của tôi không hề được hưởng tình yêu. Qua hết những năm vị thành niên cho đến ngày nhập ngũ, trái sáu năm chiến trường chẳng từng được thật sự gần gũi một người con gái nào. Hết chiến dịch này tiếp chiến dịch khác, mùa khô qua mùa mưa tới, sức lực, sinh khí đổ dốc xuống dọc những chặng đường hành quân và xuống những chiến hào, tình cảm dành trọn cho đồng đội. Nhưng thắng hoặc, vào buổi sớm mai nào đó, đất trời tự dưng ắng tiếng bom, thức dậy giữa rừng sâu không tiếng súng, nằm đung đưa trên võng, tôi thường thần thờ nhập thân vào một kỷ niệm chẳng phải của mình. Tôi trông thấy chính tôi, chứ không phải Trung, đang ghi xiết lấy chị Giang, khi thì giữa

đông nghịt người dưới chân gò Đồng Đa, khi thì trong ánh sáng lúc canh khuya của lửa bếp trước sân nhà. Sống sờ, tôi cảm được cặp vú của chị áp lún vào lồng ngực tôi và căng trĩu trong lòng bàn tay tôi. Một mình tôi góc rừng hoang mà tôi chạm được vào đôi môi của chị, hít thở được hương thơm của làn da và mái tóc chị. Lúc bấy giờ, tôi biết những cơn mê lú như vậy là tội lỗi và sẽ chỉ gây nên cho tôi những thương tổn tinh thần trầm trọng. Không muốn phải chịu đựng những đau đớn vô ích, do đó tôi đã cố cưỡng, song con người ta ai mà có thể đưa tay ra cản lại mộng寐?

Nhưng sau chiến tranh, khi mà cái sức tưởng tượng tội lỗi ấy không còn trong tôi nữa thì tôi lại hiểu ra rằng những tội lỗi trong mơ ngày đó chính là hình bóng của mối tình đầu không có thật của tôi. Và mặc dù rằng dù sao đi nữa thì cũng vẫn là tội lỗi, và mặc dù khốn khổ, mặc dù nực cười và mặc dù mong manh lúc mờ lúc tỏ nhưng mối tình đầu phải tuyệt đối vui sâu chôn kỹ ấy cũng đã góp phần ánh sáng soi rọi tâm hồn tôi, giúp tôi vững tinh thần, và có lẽ một phần nhờ thế mà rốt cuộc tôi đã sống sót trở về.

- Tuần sau chị sẽ vào lại Sài Gòn. - Giang nói, thở dài. - Và chắc phải ở hẳn lại. Anh Vinh thì đã vào từ mấy năm rồi. Anh ấy thích Sài Gòn. Chị thì cứ dùng dằng. Lần này, anh ra tới hậu thư, hoặc vào với chồng con, hoặc...

Chúng tôi đứng ngoài ban công. Buổi tối mùa xuân lạnh lẽo, lát phát mưa phùn. Ban công khá rộng, song chỉ để vài chậu cây.

- Bữa nào cậu qua mang cái gốc táo này sang bên nhà, -

Giang chỉ một chậu cây to khuất trong góc tối. - Trước khi chặt cây táo dưới sân, Tấn nó cũng có lòng chiết cho chị một cành. Chẳng hy vọng gì, thế mà rồi sống nổi đấy.

Giang nói miên man. Giọng nhỏ nhẹ, buồn rầu. Ngoài ban công rất lạnh, nhưng chúng tôi không trở vào phòng. Càng về khuya càng lạnh, song tôi không nhận thấy thế. Lòng tôi ấm áp. Tôi đang ở bên Giang. Tôi có thể đứng mãi, đứng mãi thế này.

- Chị sẽ để lại căn phòng này cho Tấn, - Giang nói. - Nhà được ba anh em, cả ba anh em đều ra trận. Mà được mỗi cậu ấy trở về. Bức tranh chị cũng để lại. Gia đình chẳng giữ được bức ảnh nào của anh Trung. Hình như anh ấy chỉ còn lưu lại duy nhất ở trong bức tranh thôi.

Thấy tôi chăm thuốc, Giang hỏi:

- Cậu hút thuốc lá rồi đấy à?

Tôi bật cười. Cách đây ba năm năm Giang cũng đã nhẹ nhàng trách cứ như thế khi phát hiện tôi núp dưới gậm cầu thang hút trộm thuốc của bố.

Trong bóng tối, gương mặt Giang lại trẻ như hồi nào... Và tôi cũng thế. Bởi vì thời gian càng nhích sâu vào trời khuya để đến với ngày mai thì chúng tôi càng về gần hơn với Hà Nội những đêm xưa, với Hà Nội trong vất vả lúc không giờ. Về gần hơn với bạn bè một lứa bên trời, về gần hơn với tình yêu ban đầu, về gần hơn với tuổi thơ non dại. Sinh ra, lớn lên, rồi làm lụng, rồi chiến đấu và hy sinh cho thành phố này, thế hệ chúng tôi được hưởng phép màu của nó, trở thành một thế hệ mãi mãi tuổi thanh xuân của một thành phố trẻ trung vĩnh hằng.

Hỏa điểm cuối cùng

Lần này nữa vẫn vậy, không hơn gì đợt xung phong trước. Vừa mới bật dậy, rình rịch nhảy lao qua những lỗ hổng do lựu đạn đánh bục ra ở dọc bức tường bao cao quá đầu người bọc quanh khuôn viên nhà thờ, hàng quân thừa thớt của trung đội ba lại lập tức bị hai khẩu súng máy trên gác chuông quật cho sập mặt tất cả xuống nền đá lát bông rực nắng. Và như thế là tấn công vô mặt thì hy sinh mất trung đội trưởng Thoan với non nửa tiểu đội, bây giờ tòa đội hình từ tứ phía xông rả vào đến lượt trung đội phó Văn cùng hai chiến sĩ phải nằm lại giữa những ao máu. Họng súng máy gào lên, rú xé mang tai, xả hàng tràng, hàng tràng dài đứt hơi, đạn quật đóm đóp, choang choang, nhoáng nhoàng, lia lịa, chằng chịt khắp bốn mặt sân.

- Bê bốn mốt...! Bê bốn mốt đâu? Vị...ị...đâu! -

Quì một chân bên mép tường vỡ, mặt tái dại, méo đi, rờn rờn mồ hôi, tiểu đội trưởng Dương thét gào lên gọi xạ thủ chống tăng. Nhưng còn đâu B41. Vị đã nằm lại ngoài sân. Mà dẫu còn thì B41 vị tất có thể làm trầy da cái tháp kiên cố kia.

Phía tay phải Dương, tháp thoảng trong khói, một tốp bốn chiến sĩ còn lại của tiểu đội hai lúp xúp chạy khom qua khoảnh vườn đằng trước ngôi nhà gỗ của linh mục lúc này đang ngùn ngụt cháy. Bên trái, Dương nom thấy Tào lé ở A3 đang di chuyển dọc theo bờ tường, vừa vận động vừa chơi cỏi cá nhân lên tháp chuông. Chẳng nên trò trống gì, đạn M79 toàn cắc- đoành gỗ khan vào gờ tháp.

- Lại đây! - Dương hét - Tào..ào..!

Vừa lúc đó ở nơi nào đấy trong bãi chợ sau lưng Dương dồn dập vang lên tiếng nổ đĩnh tai của thượng liên 12 ly 8, và cũng chính lúc này anh mới nghe thấy tiếng động cơ xe tăng sầm sầm dội tới. Khói trùm kín bãi chợ đang ngùn ngụt cháy che khuất chiếc tăng nhưng tiếng đạn quét tới... càn- càn- càn- càn... nghe đã rất gần.

Tào trườn nhanh lại cạnh Dương. Đạn thượng liên xối tới, rê những luồng không đều nhưng căng rất. Vội vữa tung tóe. Làm gì, làm thế nào bây giờ hả? Tào hốt hải nhìn Dương, khẩn khoản hỏi bằng cặp mắt trợn lé lên. Dương nghiêng răng. Bây giờ chỉ mỗi anh là Đảng viên, bây giờ chính anh phải chỉ huy, chính anh phải ra lệnh, nhưng chỉ gì, lệnh gì bây giờ.

Vấn chưa nom thấy xe tăng nhưng có lẽ nó chỉ còn cách nhà thờ hai trăm thước nữa là cùng. Tiếng động cơ rống giạt lên. Đất run bần bật.

- Chuẩn bị vọt theo tao! - Dưỡng vỗ vai Tào - Mày chặn bọn bộ binh để tao áp sát trị thẳng tăng.

Bọn trên tháp chuông như người thấy ý đồ của anh liền bắn xả vào khúc tường đổ. Dạn nảy tóe, cày tung đất lên thành vô số những lỗ đão.

Đột nhiên ở phía chợ vang lên một tiếng sét, và nhoàng một nhoàng lửa đỏ chói. Động cơ xe tăng như bị chém lìa đi cùng với tiếng thượng liên cảm bật. Chỉ còn nghe từ phía đó vọng tới những điểm xạ trầm và nhịp nhàng của AK.

- Xong rồi, may quá! - Tào mừng rỡ kêu lên - Đơn vị nào xơi ngon nó rồi... Tuyệt trần đời!

Dưỡng thờ phào, đưa ống tay áo lên lau mồ hôi túa ròng trên mặt. Nhưng, như là để làm cụt hứng anh, đạn trên gác chuông lại đổ xối xuống, băm xé dọc bờ tường và nện toang toác lên mái tôn những túp nhà dân gần nhà thờ. Tiếng nổ rất óc. Dưỡng rên lên vì bất lực. Bấy giờ giá mà có hỏa lực trợ chiến, dù chỉ một khẩu cối 60 thôi cũng được. Nhưng làm gì ra. Trung tâm trận chiến đã bật xa thị trấn. Ở khu vực chi khu và trường hạ sĩ quan thiết giáp, nơi bắn nhau ác liệt nhất suốt buổi sáng, tiếng súng đã vơi. Bao nhiêu hỏa lực mạnh đều đã vận động theo bộ binh hành tiến truy kích địch. Có lẽ giờ đây chỉ còn trung đội Ba, toán quân nhỏ nhoi là vẫn chưa hoàn thành nhiệm vụ, ì lại, trầy trật, lê lét mãi thế này ở đây.

- Tào. Gom thủ pháo của mày cho tao! - Dưỡng nói trong hơi thở gấp - Còn bao nhiêu đồn tuốt để thổi cho nó bay lên giời.

- Lại lên à? Trời ạ, chết hết mất! - Giọng Tào khàn lạc đi.

Dưới hòng súng máy, sân nhà thờ đã rộng càng rộng ra

gấp bội, mệnh mông, bằng nhẵn, chói chang, muốn vượt qua thử hỏi phải đổ bao nhiêu máu cho vừa.

- Một mình tao cất lên thôi! - Dương nói - Cả trung đội dồn hỏa lực bắn yểm hộ. Mày chạy tới từng người truyền đạt như thế. Tất cả chuẩn bị. Khi nào tao khoát tay, tất cả đồng loạt bắn mạnh. Tao sẽ vọt lên.

Nhưng Tào không nghe Dương nói. Anh ngoảnh ra sau, dõi mắt vào bãi chợ mù mịt khói và tàn lửa.

- Đằng này... đằng này! - Tào chọt vùng nhóm lên, hét to, vẫy tay.

Tuấn "tổ quạ", liên lạc đại đội, quần xắn vo quá gối, đang rạp mình chạy qua dãy nhà tôn ở lề chợ. Đạn trọng liên cheo chéo sạt sạt cái đầu bù xù của hắn.

- Lại đây! - Dương gào và lập tức nổi xung lên - Chú ý sụp xuống! Thấp xuống... xuống..!

Tuấn cười rộng miệng, chạy phi tới, ngã phịch xuống.

- Thằng tổ quạ, sao mày chạy ngu thế! Chúng nó thì cất gáo mày!

- Đừng có cần nhần - Tuấn chống tay lồm cồm ngồi dậy, phúi phúi áo - Phải cám ơn chứ sao lại rủa. Tớ đã cứu các cậu khỏi một bàn thua trông thấy còn gì.

- Gì?

- Thế chiếc tăng thì sao, ai làm hộ quý ngài? Chính mỗ đây ạ! Mẹ kiếp, mỗ dọn phẳng cái xích của nó... Bọn trong xe chui ra mỗ tà bằng sạch. Nhưng, các cậu, anh Thoan đâu?

- Hy sinh rồi.

- Thế anh Văn?
- Nằm trên sân kia kia.
- Tức là bây giờ cậu nắm trung đội?
- Thì sao? Mà truyền đạt gì thì truyền đi. Rút à?
- Rút con khi! Đại đội lệnh cho các bố dọn mau cái nhà thờ này đi. Chần chờ thế đủ rồi.

Khẩu trọng liên lúc này như đã hóa điên, nó ngốn đạn hết băng này sang băng khác. Tiếp băng rất mau. Tiếng nổ chồng lên tiếng nổ. Và bụi, khói, mảnh thép, vụn đá tung tóe, mù mịt, đặc sệt. Dương hát hàm:

- Mày thấy sao? Về báo các bố ở C bộ lên mà dọn... Chần chờ! Nói thế mà nói được.

- Ờ nhĩ... Hòa điểm ác quá. Lên nữa thì chết cả... Nhưng, này, tớ bảo này - Tuần khoa tay - Chiếc tăng của tớ còn nguyên. Khẩu DK của nó, 76 ly, thừa sức tung hê cái nhà thờ này. Mà nói vậy chứ ban nãy tớ vẫn để một thằng được sống. Chỉ động cho một báng súng, quay lơ, trối lại... Ta phải dùng nó. Nó có chuyên môn, chứ cánh ta lính chân đất loay hoay thế nào được với binh khí kỹ thuật.

- Vậy à. Tốt rồi! Tổ quạ được lắm! - Dương nói, tròng dây súng vào cổ - Bây giờ đưa tao ra đây! Còn Tào, báo cho anh em biết tình hình. Nói cứ trụ vững, đừng rục rịch ló đầu ra nữa, cũng không được để chúng nó biến khỏi nhà thờ. Chờ tao. Tao sẽ dùng pháo tăng bắn tung cả lò nhà chúng nó lên.

Bọn trên tháp chuông dợt M79 xuống. Đạn nổ chát chúa. Áo sơ mi bị mảnh cối xé toạc cả mảng vai, Dương khom người, gấn như sát đất, chạy bứt khỏi bờ tường, lẩn nhanh

vào màn khói. Tuấn bám theo sau, mái tóc tổ quạ xòa rối, chân tay luỳnh khuỳnh, loào quào, dằng chạy vụng về. “Thấp xuống, Tuấn!” - Anh em trung đội ba gọi với theo. Đạn chớp nháng nháng, bên trái, bên phải. Đột nhiên, Tuấn nháy dựng lên, húc đầu vào không khí, rồi buông rơi khẩu tiểu liên, ngã vật.

Không ngoái lại, Dương nghiêng rặng vùn vụt chạy băng đi, bàn chân trần đạp lên tro và lửa. Ngạt thở. Sặc sụa khói. Chiếc tăng hiện ra lù lù một khối thép xám đằng trước.



Chiếc M41 này đơn độc đột kích vào thị trấn từ ngả nào không rõ như là đội đất trời lên, vừa bắn vừa nghiêng, ầm ầm tông phá, lao thục mạng thọc chéo qua khu chợ và chỉ non hai trăm mét nữa là xộc được tới cổng nhà thờ. Song vì không có bộ binh bám theo nó bị chặn đứng lại một cách dễ dàng. Bị thủ pháo giằng mắt một bên xích, chiếc tăng vật xoay ngang, va sườn vào bức tường còn lại của một tiệm vải hai tầng đã đổ sập. Vải vóc tung tóe, từng súc, từng cuộn vung vãi quanh chiếc tăng. Khói từ bao nhiêu là nhà cửa, hàng quán đang ngùn ngụt cháy bay là là trên tháp pháo.

Nấp tháp pháo và nấp khoang lái đã đội hết lên. Hai xác lính tăng sông sượt vắt ngang trên thành xe, một xác nữa rớt dưới đất, đè lên một đồng vải trắng loang đầy máu. Tên thứ tư bị trối cứng, nằm sấp dưới gầm xe. Dương túm đôi bốt dờ-sô sênh sếch kéo hấn ra. Tên nguy oằn oại, mắt trợn ngược, cổ họng nổi gân, rên lên khản khặt. Dương dốc chút nước còn sót

trong bị đông vào cái miệng méo xẹo, bị đánh sưng vù của tên lính, và rút dao anh cắt túm vải ni lông đang trói xiết hai chân hắn.

- Nào. Nào. Dậy. Khẩn trương... Đồ con khặc!- Anh túm cổ áo hắn lôi dựng hắn dậy - Đừng có giả ngu mà chết con nhé!

Tên lính trần mình cổ cứng. Dương quát:

- Đứng dậy! Chui vào xe. Theo lệnh tao, quay pháo nhắm cái nhà thờ kia.

- Không... không... Tôi không... - Tên lính tăng rên rĩ.

Dương một tay tra dao vào vỏ một tay túm tóc hắn.

Máu mũi đổ ròng ròng, toàn thân xiêu đảo, hắn nấc:

- Pháo bị hư... Hư rồi, không bắn được...

- Tao thì giết mày! - Dương giật súng khỏi vai.

Cái phệcmờtuya của bộ đồ lính tăng kéo xoạc tới bụng ban rộng ra bộ ngực vạm vỡ, tên tù binh hai tay bị trói giật cánh khuỷu, ngược bộ mặt thâm bầm, nhem nhuốc máu nhìn Dương, rồi nhìn về phía nhà thờ, lấy bầy cặp môi rách nói nhỏ, khàn khàn:

- Thưa, tôi là người lái chớ không phải pháo thủ.

- Pháo thủ lái thủ gì kệ mày, - Dương quát mắt - Mày phải bắn!

Dương túm vai tên ngục, xoay người hắn lại, dúi vào thành xe, và anh lại rút xoạt con dao găm.

- Đừng giết tôi, ông ơi... tội quá mà, trời ơi!

- Câm miệng! - Dương gần giọng, đưa dao cắt những vòng dây đang trói giật cánh khuỷu hai cánh tay tên lính.

Gió ào qua kéo theo những luồng tro than đặc sệt. Dương bật ho, trào nước mắt. Tên ngụy quay nhanh lại, xô cả tấm thân lực lưỡng vào Dương. Như là chỉ đợi có thế, Dương né mình, thúc mạnh một cùi chỏ và huých, anh động báng súng. Tên ngụy ngã bật ngược, đập lưng vào vành xích xe tăng.

- Thế nào? - Dương hát hàm, giọng như là hiền lành hỏi han - Mà định chơi lại tao à?

- Thưa, oan tôi quá. Tôi đâu dám vậy.

- Mà muốn sống hay muốn chết?

- Dạ, trình ông... Tôi còn má, còn vợ con...

- Vậy hãy biết điều đi.

- Thưa, thiệt tình là pháo hư rồi... Bắn rồi cũng trật, làm lỡ công chuyện của mấy ông.

- Chà, thằng khốn bẻm mép! - Dương cười gằn, và thúc mạnh họng AK vào bên trái ngực tên lính tăng.

- Tao đếm tới ba! Nào... Một!

Mặt tên ngụy vụt sạm thành màu đất, và méo đi, dẹt dẹt nửa như mếu nửa như đang nặn ra một nụ cười nhăn nhó, nhẩn nhục.

- Hai!

Ngón tay trở khuỷp vào vòng cò từ từ, từ từ... Yết hầu giãn giật, mồ hơi vã túa ra, cặp mắt thất thần, tên ngụy như đang gồng lên đợi phát đạn.

Dương biết rằng nếu cứ tự để cho mình đếm tới ba thì chắc chắn không may may do dự anh sẽ xiết cò, nhưng chính vì biết thế mà anh tự hiểu mình sẽ không đếm tiếp. Một tên

ngụy, lại có thể can đảm tới cỡ này, anh chưa từng gặp bao giờ, mà hắn lại chẳng có vẻ gì là một tên lý lợm, điên khùng, điều này khiến anh sửng sốt. Song tên ngụy không cảm được hơi hướng của cơ may, không nhận thấy là Dương đang chần chờ. Sức chịu đựng đã cạn, y khốn khổ buông thông hai tay, cả người như lịm đi trong nỗi tuyệt vọng chờ đợi.

- Này, như vậy là mày nhất trí chết à? - Dương hỏi, như thể tò mò.

- Không... không... - Như mắc ngang cục nghẹn, tên ngụy không thốt nên lời - Tôi không...

- Tôi cho anh cơ hội chót, - Dương nói - Anh hướng dẫn tôi sử dụng pháo và máy ngắm. Tôi sẽ bắn.

- Dạ thưa, không thể được.

- Đừng có ương nữa, mẹ kiếp, mà tao... - Dương rít lên và lại thúc họng súng vào bụng tên ngụy.

Tên ngụy van vãn bằng một giọng thều thào rất lạ:

- Xin đừng giết, đừng giết... Tôi nghiệp quá mà, ông... Tôi xin tình nguyện vô nhà thờ kêu mấy người núp ở tròng chiêu hồi quý ông...

- Gì?

Dương lúng túng. Anh bước lùi ra, họng súng chúc xuống.

- Tôi xin được tình nguyện. Mấy thì anh em nấu trong nhà chung họ nghe tôi.

- Chúng nó sẽ bắn chết anh - Dương nói, mặt sa sầm.

- Tôi sẽ kêu họ thương lấy thân, thương cho gia đình vợ con. Thương dùm cho cả tôi... Họ sẽ nghe... Tin tôi đi ông..!

Dưỡng chợt nghe như có ai đó ở đằng xa réo tên mình, anh đảo mắt về phía nhà thờ. Vượt trên các tầng khối, tháp chuông với cái mái kim loại nhọn hoắt, một mình nổi lên, lơ lửng, ngao ngễ. Trên tháp, chớp lửa đầu nòng của hai khẩu súng máy vẫn không ngừng nháy lên, loe loe, nhoi nhoi.

- Chúng sẽ bắn anh chết ngóm trước khi anh kịp mở miệng, - Dưỡng nói, khoác súng lên vai - Nghe tôi, nã pháo nện chết chúng đi. Đừng có ngu!

Mặt nhìn căm xuống, người lính tăng rầu rĩ lắc đầu:

- Thừa, pháo đâu còn bắn được.

- Tùy! - Dưỡng phẩy tay - Muốn vậy được vậy!

Người lính xe tăng cảm lấy vuông vải ni lông màu trắng nhàu nát mà ban nãy người ta đã dùng để trói chính y, vo nhỏ trong lòng bàn tay, rồi lảo đảo nhóm dậy. Lưng gù xuống, chệnh choạng, y lê chân, đi về phía nhà thờ.

- Nhanh! Rảo lên! Nước kiệu, nào! - Dưỡng đi sát đằng sau, thúc nhẹ báng súng vào lưng tên tù, nghiêm giọng giục giã.



Hai người suýt bị bọ trên tháp chuông bắn chết. Hồng học thở, mồ hôi sùng áo, cả hai cùng ngã lăn vào chân tường. Đạn lia lạnh sống lưng.

Mấy chiến sĩ núp gần đấy men bờ tường chạy tới.

- Thế nào? Thế nào, Dưỡng? - Tào lé la lên - Sao không choảng pháo? Dong thẳng kia về đây làm khi gì?

- Pháo hồng ròi, - Dưỡng xua xua tay, nói - Đừng động tới nó... Nó sẽ làm tín sứ, sẽ lên tháp gọi bọn kia đầu hàng.

- Nghĩa là làm binh vận? Lãng mạn thế kia ư? - Tào thốt lên mai mỉa.

Dưỡng cau mặt. Anh cảm nhận rõ ràng sự vô ích của trò mạo hiểm nhân đức này.

Không đợi Dưỡng ra lệnh, vịn tay vào bờ tường, tên ngục đứng thẳng lên. Mặt y tái nhợt. Giũ tung tấm vải dù, y đưa ra ngoài mép tường đổ phất phất. Một tràng đạn quạt tới. Y rút tay lại. Mảnh vải rách bươm. Khẩu trọng liên ngừng bắn.

- Nó tiếp băng đấy. Đừng có ló ra, thằng kia! - Dưỡng la lên chực ngăn người tù binh lại. Song y đã rời chỗ nấp, thẳng người bước qua hồng tường vỡ, lưng không không, chân lết lết đi vào sân. Dưỡng tái người. Hốt hoảng. Tim thất lại.

Người lính xe tăng đã lặn ra tới giữa sân. Anh ta đưa cao tấm vải trên đầu phất lia lia.

Trên gác chuông bọn xạ thủ cơ hồ nín thở. Những giây rất dài căng ra, trôi chậm rì. Những bậc tam cấp đã ở ngay trước bàn chân người tín sứ...

Nổi kinh hoàng căm lạng gào lên trong lòng Dưỡng, và cảm giác về cái chết chỉ trong vài tích tắc nữa của con người trần trụi phơi mình trong nắng gắt kia khiến toàn thân anh run bần bật.

Anh không kịp hiểu ngay rằng khẩu đại liên lại lên tiếng, chỉ thấy người tù binh bỗng dừng chuệnh choạng, chúi tới như bị vấp. Loạt đạn xả xuống nhanh và ngắn, lóe rực lên như một tia phản quang. Đôi tai ù văng của Dưỡng không kịp bắt

được tiếng nổ, anh không nghe thấy tiếng kêu của người bị bắn, không nghe thấy tiếng anh em trong trung đội đang ẩn sau các bờ tường đồng thanh hét lên. Sự thể xảy ra trước mắt anh vừa thoát như dao lướt vừa như một cánh phim quay chậm: người lính xe tăng cao lớn, kênh cang trong bộ đồ áo liền quần nặng nề gục gỏi xuống, tay phải buông mảnh vải che trên đầu ra, tay trái đưa lên áp vào ngực như muốn đỡ lấy quả tim, và khi đầu gỏi chạm đất, bất ngờ anh ta đổ cả người lên mặt đá trơn, tư thế gần giống như kẻ đang khấn nguyện. Tám vải trắng được thả rơi, rớt xuống, xòe rộng phủ lên mảng lưng áo đen sì máu và mồ hôi của người vừa bị đồn.

Nghẹn ngào một tiếng kêu, Dương chạy xô ra khỏi chỗ nấp, lao vọt qua mép tường vỡ, vọt vào sân đúng lúc khẩu đại liên quạt tiếp bằng nữa. Dương chạy dịch dắc, lưng khom xuống. Nhưng đạn không xối về phía anh mà vẫn ác liệt nã lên lưng người lính xe tăng. Tụ trên gác chuông đã điên lên bởi căm thù. Đạn nổ xé tai, tung tóe, cày phùm phụp. Mảnh vải trắng bị hất lên, nhuốm máu, xoay lộn, bay xa khỏi thi thể đã nát ra của người lính xe tăng.

Tựa như có phép màu, chỉ trong chớp mắt, Dương đã lướt chéo qua khoảng sân còn lại, lao vọt lên cả chục bậc tam cấp, rồi thể là thoát hiểm, anh đã lọt được vào bên trong thánh đường.

Quý một chân xuống ngưỡng cửa, Dương kéo hai diêm xà dọc theo hai hàng ghế của con chiên và xà tiếp tới hết băng một tràng nữa lên bục giảng kinh. Ba loạt tiếng nổ đinh tai dội lên vòm mái mờ tối rồi trầm trầm vang vọng xuống, rền rền lan rộng trong lòng nhà thờ âm u, không một bóng người.

Dưỡng lấp băng đạn mới, rồi đi nép theo tường anh men lại phía cánh cửa gỗ dẫn vào kho đồ thánh.

Vừa áp sát cánh cửa, định đưa chân đạp thì bất thần bản năng thúc Dưỡng nhảy lùi lại, áp người vào hốc tường. Chớp lựu đạn lóe lên. Những cú nổ liên tiếp rung chuyển thánh đường, vòm mái tường muốn sụp xuống, gạch ngói rơi loảng choảng. Đợi vài giây, Dưỡng chồm tới, lao qua đám khói đặc sệt bụi.

Ngay sau khuông cửa vỡ tan là lối lên gác chuông. Nhưng cầu thang đã bị chùm lựu đạn đánh sập xuống. Dưỡng túm lấy tay vịn bằng gỗ đang đung đưa lủng liểng, đạp chân vào tường, ngả người đu lên. Toàn bộ khung cầu thang còn sót lại kêu răng rắc, và những bậc tam cấp bị chệch toác từ từ trĩu xuống. Nhưng Dưỡng đã trở nên gần như không trọng lượng, nhẹ bồng và mềm dẻo, kịp vắt người lên bậc tam cấp còn dính lại ở tầng giữa chùng của tháp chuông ngay trước lúc toàn bộ khối gỗ đá, sắt thép của cầu thang đổ sập hẳn xuống. Rất may là bọn lính trên tháp chuông không bắn cũng không táng lựu đạn xuống. Khẩu trọng liên vẫn dữ dội nã từng tràng, từng tràng. Dưỡng nghe thấy tiếng vỏ đạn rơi ràn rạt, tiếng hòm đạn kéo lê trên nền gạch. Thẳng trên đầu Dưỡng, cách chừng ba thước, rộng hoác ra khuông cửa đầu cầu thang trở vào tầng thượng, mù đặc khói đạn. Từ chỗ Dưỡng có thể leo lên đó nếu biết lựa bám vào các dóng sắt chưa gãy hẳn của cầu thang, tất nhiên phải khéo léo, và tất nhiên phải gặp may, nếu không, phát hiện anh đang leo lên, bọn trên gác chuông chỉ cần dùng báng súng thôi là đủ...

Nhưng Dương không có ý định cầu may. Mau nhất và giản dị nhất là cho tung hê cái tháp chuông này lên. Đây không phải là tháp chuông nhà thờ, đây là hỏa điểm của quân thù!

Để súng xuống bậc gạch, Dương quỳ một chân, moi trong túi mìn mo ra ba lạng thủ pháo đã lắp sẵn già đốt ngón tay dây cháy chậm. Nhét khối thủ pháo vào một hốc tường, anh rút máy lửa trong túi áo ra, mở nắp, xòe lửa. Một phát M79 giáng trúng thành tháp, hơi nổ dội qua lớp gạch dày như đánh vào mặt Dương. Anh loạng choạng suýt ngã nhào. Và anh bị mất súng. Khẩu AK nảy lên rơi văng xuống bên dưới. Nhiều trái M79 nữa nổ liên tiếp. Toán quân bao vây nhà thờ nổ súng dồn dập. Chợt, từ trên tháp vọng xuống tai Dương một giọng la lạnh lạnh mà ai oán như tiếng rên rỉ của trẻ con:

- Trời ơi, đại úy! Anh Năm ơi, coi đại úy sao rồi kìa... Trời! Anh Năm! Anh Năm, anh sao vậy trời? Đại úy ôi, anh Năm ôi... tỉnh lại đi. Đừng bỏ em một mình!

Nãy giờ trên đó chỉ có ba tên, một quan hai lính, Dương nghĩ nhanh. Và bây giờ hai trong ba tên đó đã bị hạ. Cái bật lửa Zippo đã nóng rẫy, nhưng mà Dương ngần ngừ chưa vội châm ngòi bộc phá.

Thình lình, ở khuông cửa đầu cầu thang một thành người lao xộc ra. Có lẽ tên nguy còn sót lại này quên rằng cầu thang đã bị chính hấn quảng lựu đạn đánh sập nên định theo lối đó chạy xuống dưới. Hấn đứng sững lại trước hốc trống cầu thang sâu hút. Mặt hấn nhem nhuốc khói đạn và máu, tóc tai rối bù. Mắt Dương nhìn lên, mắt hấn nhìn xuống, chạm nhau.

- Hàng thì sống! - Dương gào.

- A a a... - Tên ngụy rú lên.

Dưỡng cứng người, nhìn. Họng khẩu AR15 nhắm giữa mặt anh. Nòng súng nảy lên. Phát đạn sát sạt mang tai Dưỡng. Ngọn lửa trên tay anh quệt vào đầu dây cháy chậm. Không hiểu sao khẩu AR15 chỉ nã được độc một phát. Tên ngụy giật mạnh qui lát. Dưỡng rùng mình. Mẩu dây cháy chậm bắt lửa, bén vùn vụt, xì ra một sợi khói mảnh.

- Nhảy mau! - Dưỡng la lên, và nhún chân nhảy liều xuống.

Rơi vào giữa khối gạch gỗ lỏng chổng chổng đóng của cây cầu thang đã bị lựu đạn đánh sập, Dưỡng ngã chúi. Anh bật chồm dậy, nhưng “huych”, anh lại bị xô ngã. Từ trên rất cao, tên lính ngụy nhảy lao xuống. Thân xác hắn va vào Dưỡng trước khi ngã giáng xuống gạch. Dưỡng nghe hắn hự lên một tiếng, và anh nghe đánh rắc một cái, xương tay hay xương chân gì đó của hắn bị gãy. Dưỡng dồn toàn lực bình sinh, gồng người, bẻ xóc thân hình tả tơi, vằn vện của tên lính đã ngất lịm lên, phóng mình chạy lao qua khung cửa, nhoai được vào bên trong thánh đường, kịp cùng hắn ngã nép vào hốc tường vừa khi bộc phá phát nổ.



Dưỡng tỉnh dậy trên cáng. Không thấy quá đau, nhưng thân thể nặng như bị đổ chì, đầu ong ong, ngực tức muốn vỡ.

“Điều gì nhi, điều gì đã xảy ra?”, anh cứ nghĩ mãi, nghĩ mãi. Không còn tiếng kêu gào, tiếng chân chạy nặng nề, tiếng thở hồng hộc, khói bụi cũng tan loãng. Đồng đội đã cáng anh

ra khỏi nhà thờ. Mọi sự đã chu tất, anh nghĩ, tuy vậy vẫn còn một cái gì đó nặng nề đã xảy ra và giờ đây giằn lên ngực và kẹp lấy trí não.

- Gì? - Mập máy môi, Dương hỏi. Tào đi bên cẳng, cúi sát xuống Dương, cặp mắt lé hấp háy.

- Yên tâm về sau chữa trị Dương nhé. Bọn mình phải ruồi theo đại đội ngay bây giờ... Cứ vững tâm nhá... Nhờ cậu mà đã dọn xong cái tháp rồi, thật là may quá...

- Không phải... - Dương thờ dốc - Do đạn bên dưới bắn lên đây.

- Này, Dương này...

- Gì?

- Cái tên thiết giáp hồi nãy ấy mà, khi dong nó về đây, cậu có tra vấn tên tuổi nó và phiên hiệu đơn vị của nó không?

- Không. Sao?

- Chẳng là bọn mình tính nhờ dân sờ tại làm cho nó cái bia mộ. Để nó được mồ yên mà đẹp ấy mà. Và để gia đình nó sau này có thể rước nó về quê. Tiếc là giấy tờ của nó trong túi áo ngực đã bị khẩu đại liên băm vằm. Tên tuổi, quê quán, mọi tung tích của nó chỉ còn là cục giấy trộn máu.

Dương chặt vật chống cùi tay cố nhắc người lên, ngóc đầu nhìn. Gác chuông và một phần mái thánh đường đã sụp xuống. Tiếng súng đã ngừng lặng. Chỉ còn lại mệnh mòng một trời mây hồng nhạt. Và trong cảnh thanh bình chiều hôm vẫn cứ cảm thấy đọng lại mãi một điều gì.

Ba lẻ một

Mặc dù là sự ngẫu nhiên nhưng mà có lẽ chẳng phải chuyện tình cờ. Bởi nếu không thì chúng tôi đã lướt về đến Nha Trang mới dừng chứ chẳng nghỉ vật lại làm gì ở dọc đường. Và xe sẽ không đỗ đúng ngay trước cửa tiệm cà phê đầu thị trấn.

"Lêkima", tên tiệm như vậy, trên tấm biển gỗ sơ sài. Một nhà gác nhỏ, mái ngói sạm màu rêu. Quầy cà phê ở tầng trệt, gian giữa, nhưng chỗ của khách ở ngoài vườn. Một ai đó cúi húi sau quầy, tôi lên tiếng chào, gọi một tách đen, và qua cửa sau đi xuống vườn. Vườn rộng, xanh ngát, vú sữa và lêkima. Bàn ghế mây kê rải rác dưới vòm cây sum suê, bên những lối đi rải sỏi. Giờ này các bàn đều bỏ trống. Cả khu vườn chỉ một mình tôi với tiếng chim riu rít trên cành. Đợi anh tài xế sửa xong xe chắc là còn lâu. Tôi ngả người vào lưng ghế, nhắm mắt lại.

- Dạ thưa, cà phê của ông.

Tôi không nghe thấy bước chân đàn bà ấy. Rất khê chì ta đi tới, thật nhẹ để khay cà phê lên mặt bàn và se sẽ cất tiếng. Trên chiếc khay gỗ bày một bộ đồ uống cà phê kiểu đã xưa, rất đẹp, đĩa và tách bằng gốm, men màu lam vân trắng, phin và thìa mạ bạc.

- Gia đình ta có khu vườn tuyệt quá, - Tôi nói, bày tỏ sự hài lòng và nói khoan khoái.

- Dạ, cảm ơn ông - Người đàn bà nói nhỏ nhỏ, giọng Nam êm như nhung, lễ phép, dịu dàng - Xin mời ông bữa sau lại ghé tiệm chúng tôi, dùng cà phê, ngoạn cảnh chiều.

- Ồ vâng, dĩ nhiên. Nếu như còn có một dịp thứ nhì.

- Thưa, thị trấn này, ông mới một lần đầu ngang qua?

- Vâng. Cũng gần như là lần đầu. Lần trước đã lâu lắm rồi. Đã hai mươi năm. Và lại, ngày đó, thời cuộc gấp gáp, chúng tôi tiến ào qua.

Tôi có cảm giác là người đàn bà như chợt sống đi vì điều tôi vừa nói. Tôi nhìn chị. Có thể đoán rằng tuổi chị đã chừng bốn mươi, mặc dù chắc là chưa đến như vậy. Gương mặt gầy yếu, xanh xao, song vẫn còn giữ được nét đẹp phảng phất.

Gặp ánh mắt của tôi, chị ngại ngần nhìn tránh đi, và không nán ná thêm nữa, lặng lẽ quay vào nhà. Tôi nhìn theo. Bỗng đâu một cảm giác phi lý nhen lên. Chẳng cần lục lại trí nhớ, tôi biết chắc chắn là trước đây chưa từng bao giờ gặp chị ta, và chắc chắn là không hề quen ai có thoảng nét giống, thế nhưng lại cũng hoàn toàn chắc chắn như vậy tôi cảm nhận được ở chị một sự quen biết, thậm chí một tình thân mến, từ

xưa. Tình thân ấy mang máng đâu đây trong buổi chiều nay giữa khu vườn này. Tôi lắng nghe và tôi nhìn xung quanh, nhìn lên cao. Bên ngoài các vòm lá, bầu trời đã ngả hồng. Ngày đã tàn, thời tiết vẫn đẹp, càng đẹp hơn trước. Những đám mây cao và thưa nhẹ nhàng lướt trôi, mỏng dần và tan ra. Trong vườn, những ngọn gió khi thì lặng đi lúc lại dậy lên như cao trào của một bản nhạc. Một chiếc lá vú sữa nửa màu xanh nửa màu nâu nhạt bứt khỏi cành rớt xuống bên tách cà phê đang nhẹ nhẹ tỏa hơi. Chiếc thìa bạc kêu lanh canh. Lòng tôi xao xuyến lạ thường. Bỏ dở tách cà phê, tôi đứng vội dậy, rời bàn. Nóng lòng tôi muốn ngắm lại một lần nữa kỷ hơn dung nhan thân thuộc của người đàn bà không quen.

Không có ai trong nhà khi tôi từ ngoài vườn đi vào. Tôi tới bên quầy. Trên mặt quầy để một máy quay băng, mấy trái xoài tượng, một cái bình xay sinh tố, các thẩu đường, những lọ cà phê và một hộp kính xếp đầy những gói thuốc lá. Ở trong góc tối phía sau quầy, trên tường treo một bức tranh. Tuy nhiên, nhìn kỹ lại tôi thấy không phải tranh mà là một bức ảnh, được phóng to, lồng trong khung kính. Trong ảnh là hình một chiếc xe tăng. Và không phải M48. Vì khuất tối không nhìn được rõ nhưng tôi vẫn nhận biết rõ ràng dáng vóc một chiếc T54 um tùm cành lá ngụy trang. Vòng ra sau quầy, tôi lần tìm công tắc, bật đèn lên. Ánh điện bừng sáng và tim tôi như ngừng đập. Toàn, Trung và Chí, ba khuôn mặt ấy, ngay trước mắt tôi. Ảnh đen trắng, khi chụp hơi bị ngược sáng lại đã ủa vàng vì năm tháng nên nom không được nét, song chẳng còn hồ nghi gì nữa, đúng là họ, và đúng là nó, xe 301. Đầu quán băng, AK buông thông trước ngực, Toàn ngồi trên nóc xe, ôm lấy nòng

khẩu 12 ly 7, hai người kia bá vai nhau ngồi tựa vào sườn tháp pháo. Số xe khuất sau lưng họ, chỉ ngời sao lộ ra. Cả ba anh em đều còn rất trẻ, còn rất non nét mặt và dường như do vậy mà có vẻ kém ăn ảnh, nhân dạng phần nào mờ nhòa, tuy nhiên bởi đều đã vào ánh với nụ cười nên cả ba gương mặt đều như tự bừng sáng. Xúc động, cổ nghẹn lại, tôi run khắp thân mình, hồi lâu không sao trấn tĩnh được.

Nghe thấy tiếng guốc đi xuống cầu thang song tôi không rời mắt khỏi bức ảnh. Người đàn bà tới bên quầy. Ngoài cửa ánh chiều đã tắt hẳn. Căn phòng im ắng. Từ còi nào xa xăm vọng đến tiếng còi tàu hỏa. Lát sau đoàn tàu rùng rùng băng qua cung đường gần thị trấn. Những hàng bánh sắt rền rền lăn trên ray. Mặt đất nhẹ nhẹ rung lên. Chiếc đồng hồ treo tường thông thả đổ chuông.

Lòng khắc khoải bao nhiêu là ý nghĩ và điều phỏng đoán, tôi chậm rãi xoay mình lại, đối diện với người đàn bà. Chị chống khuỷu tay lên quầy, áp mặt vào hai bàn tay. Một gương mặt thanh tú và khiêm nhường, một dung nhan dấu đã lụi đi mà không hề tàn héo, đôi mắt hiền dịu, rất to, lặng nhìn tôi.

- Chị biết không, thật kỳ lạ - Tôi nói, ngập ngừng - Chiếc xe tăng trong bức ảnh kia chính là chiếc xe tăng của tôi, ngày xưa.

- Ơn trời, - Chị thăm thì - Thế là cuối cùng các anh đã trở lại. Bởi vì anh đã đổi khác quá nhiều so với anh trong hình nên em không nhận liền ra anh. Nhưng anh à, bao năm qua, từ ngày đó đến giờ, em vẫn một lòng tin rằng nhất định các anh còn trở lại.



Ngày đó, năm 75, buổi sáng cuối cùng của tháng Ba. Thị trấn bên bờ biển cho tới chiều tối hôm trước còn nghen ứ một biển người vậy mà sáng ra đã hoàn toàn trống rỗng.

Không ai ngờ thời cuộc lật nhanh đến thế. Vừa mới phong phanh tin thất thủ Buôn Ma Thuột, còn bán tín bán nghi, đã nghe mạn Khánh Dương tiếng đại bác rền vang. Người từ cao nguyên chạy xuống ban đầu thưa thớt, về sau kìn kìn. Người ta bảo rằng quân dù đã được điều về giữ đèo Ma Đơ Rắc, họ sẽ chặn đứng Việt Cộng và rồi sẽ tái chiếm Đắc Lắc chỉ trong ngày một ngày hai. Nhưng chỉ trong ngày một ngày hai vụ di tản chiến thuật đã trở thành cơn giã chết vĩ đại. Thị trấn ngã ba nghen cứng hai luồng chạy loạn khổng lồ đổ ập về theo hai ngã, quốc lộ 1 và quốc lộ 21. Pháo biển muôn thuở bình yên ngập chìm trong khói bụi và hoảng loạn. Mặt đường đen đặc người và xe. Xe đồ và xe nhà binh, đồ đạc và chiến cụ, dân thường bỏ quê hương và lính tráng vỡ mặt trận, như lũ lụt tràn bờ, như trời long đất lở. Gần cả tháng trời thị trấn triền miên trong quang cảnh tán loạn đầy thú vật của cuộc đại bại. Chen chúc, xô lấn, giày đạp, chà xéo, đánh nhau, giết nhau, cưỡng hiếp và cướp bóc. Đến cuối tháng thì đã thật sự những ngày tận thế. Phòng tuyến trên đèo tan vỡ. Các Thiên thần mũ đỏ còn sống sót ôm đầu máu tháo chạy. Có những toán đông nghìn nghịt súng ống còn trong tay mà không còn giày, không còn áo, trần truồng lụi ỉ ỉ tràn qua trấn. Tất cả đều đã điên lên vì khiếp sợ. Chạy, chạy, và chạy. Muốn sống thì chạy đi. Mạnh ai nấy chạy. Giành đường mà chạy, giẫm lên nhau

mà chạy. Tiền pháo hậu xung, đại bác quân Bắc Việt sẽ san bằng thị trấn. Chiến xa quân Bắc Việt sẽ cán nát tất cả. Và bộ binh Bắc Việt khi xung phong vào sẽ giết nốt, sẽ giết hết, giết tuốt mo, giết không còn một móng.

Buổi trưa, phi cơ từ biển ào vào bờ nhào ngay trên đầu thị trấn trút bom xuống Dục Mỹ để cản bước địch quân. Nhưng trận chiến vẫn từng giờ một xích gần lại. Cửa kính rạn vỡ, vôi vữa rơi lả tả. Chập tối, đạn pháo hú vang, từng loạt, từng loạt nã vòng qua thị trấn rớt xuống dọc mép biển. Nửa đêm tiếng nổ thưa dần và tinh mơ thì bật hẳn. Hừng đông mong manh chuyển dần sang buổi ban mai và ở xa thẳm ngoài khơi vùng dương đã nhô lên trên mặt biển. Trên bờ, ở ngôi nhà đầu thị trấn, ông chủ hiệu ảnh Lêkima và cô con gái của ông ngồi lặng im trong bóng tối. Bên ngoài, ánh mai hồng ngời rạng, trong nhà tối như hũ nút. Cửa đóng then cài.

Cả đêm hai cha con không chợp mắt, thao thức nghe sấm sét của quân đội cách mạng và nghe những hậu đội cuối cùng của quân Sài Gòn huỳnh huyếch tháo thân chạy qua trước cửa. Nỗi lo âu cồn cào, nhức nhối ruột gan. Hồi giữa tháng khi còn có thể ra đi người cha lại chùng chình nghe ngóng, tiếc nhà tiếc vườn, tiếc kế sinh nhai. Tới lúc không thể do dự thêm được nữa thì cũng là lúc cảnh tượng của cuộc tùy nghi di tản đã trở nên quá độ kinh hoàng. Cô con gái xin cha để cô được ở lại. Thà chết còn hơn là phải dẫn thân vào một lộ trình dã man đến như vậy. Hai cha con nấu mình trong nhà. Bọn lính cướp phá tan hoang hai bên hàng xóm nhưng may phúc làm sao chúng chưa xông vào hiệu ảnh. Chúng bắn tan tã biển

Foto Lékima nhưng chưa bắn vỡ tường và chưa làm sập nhà. Tuy nhiên nếu tình trạng hỗn mang kéo dài thêm nữa bọn kẻ cướp sẽ không bỏ qua ngôi nhà này. Nhưng mà nếu chúng biến đi thì tức là họ sẽ vào. Họ vào thì trời ơi, sẽ ra sao?

Trời đã sáng hẳn. Hình như có tiếng vụn vật thức giấc, ì ầm như sóng biển xô bờ. Nhưng mà chẳng phải tiếng sóng. Tiếng động mới mẻ xa xôi mơ hồ ấy không tắt mà cứ lớn dần lên và loang rộng ra. Rồi bỗng nhiên tất cả rung lên. Đất trời như rạn nứt.

- Trời đất ơi, chiến xa! Tránh xa cửa, con ơi!

Tiếng kêu khiếp đảm bị tiếng gầm của động cơ xe tăng nuốt đi. Chiếc thứ nhất rồi chiếc thứ hai, thứ ba... mũi đột phá xe tăng gần chục chiếc, T54 và K63, như một cơn lốc bằng thép xé mặt lộ lướt tới với thần tốc kinh hồn, là phẳng mọi chướng ngại trên đường, nhằm hướng nam truy kích. Nhà cửa rung giằng giật. Cả thị trấn điệp hồn, choáng đi trong tiếng rít của xích thép hòa lẫn với hơi dầu xả phún phụt, tiếng tháp pháo nghiêng ken két. Mặt đường tóe lửa, nứt ra, rền vang như gang vỡ.

Thị trấn được giải phóng trong vòng không đầy năm phút đồng hồ. Đoàn xe tăng lao tới, tràn qua và mau chóng mất hút phía trời nam. Sấm vang chớp giật rồi tất cả lại trở về trong buổi sáng mai êm ả dưới bầu trời trong xanh, cao vợi vợi miền duyên hải.

- Nhưng mà hình như họ ngừng. Họ ngừng rồi! Hình như ngay trước nhà mình đây, con ơi!

Mà họ dừng lại thiệt, trời ạ! Chỉ một chiếc nhưng mà tất

máy dừng ngay trước thềm. Nghe huych huych tiếng chân từ trên xe nhảy xuống đất. Những giọng xứ Bắc, nói oang oang. Họ to tiếng quát nhau. Rồi lại nghe rộ lên tiếng cười. Rồi choang choang tiếng gõ tiếng đập. Tò mò, quên cả sợ, cô gái tới bên cửa sổ vén màn nhìn ra. Thành linh, chiếc tăng rú lên, phụt khói đen ngòm, rồi như bị sặc nó nấc lên và tắt ngóm. Lại ồn lên tiếng quát tháo, tiếng la lối bực bõ. Nấp xe mở ra đóng vào sầm sầm. Một phút sau xe khởi động lại. Cô gái bung lấy tai. Nền nhà rung nảy. Không khí khét nồng mùi khói ma-dút. Khi cô bỏ tay ra thì tiếng gầm gào hung dữ đã ngừng bật, thế nhưng cô lại nghe thấy tiếng những bước chân đi lên thềm. Cha cô mặt tái mét, vội vội vàng vàng bỏ trốn lên gác. Khiếp hãi cô đứng nép vào góc. Tiếng gõ cửa dẫu dè dặt vẫn chẳng khác nào sấm sét. Những giọng nói từ bên ngoài ngưỡng cửa vọng vào rõ mồn một.

- Có ai đâu nào. Bác phó nháy nhà này hẳn là đã cao chạy xa bay.

- Nhưng tớ bảo đảm là vừa nãy tớ thấy thoáng có người từ cửa sổ nhìn ra mà lẹ. Để tông cửa vào xem nào. Hay đấy là một thằng dừ?

Sợ hết hồn nhưng không còn cách nào khác, cô gái đành khe khẽ thưa lên và đi nhanh tới bên cửa, mở khóa rồi nhấc then ra. “Xin kính chào quý ông”, cô lý nhí. Hai ông ngáo ộp đứng choán trước cửa tươi tỉnh cất tiếng chào đáp. Lần đầu trong đời cô gái tận mắt thấy Việt cộng. Một người vóc dạng cao lớn, đầu húi cua, súng đeo trễ bên vai, tay xách một cái can nhựa, người kia gầy gò, nhỏ thó, đầu quấn băng, súng lăm lăm

trong tay. Cửa mở, thấy cô, anh ta vội chúc hòng súng xuống. Bàn tay, gò má và bộ đồ trần của cả hai đều ám khói.

Họ nói xe họ bị sự cố phải dừng sửa, giờ sửa xong rồi, nhưng vì đã cạn hết nước uống nên trước khi xuất kích còn phải vào làm phiền gia đình một chút, mong thông cảm. Họ gọi chị xưng chúng tôi, lễ phép, nhã nhặn, gần như khách sáo khiến cô gái trẻ vừa bối rối vừa phần nào cảm thấy an lòng. Cô mời họ vào. Cô bảo sau nhà có bể chứa nước mưa xin để tùy quý ông dùng, lấy bao nhiêu cũng được. Nhưng họ nói chỉ xin nạp một can đủ dùng thôi. Những người lính này mặc dù súng ống lịch kịch, mặc dù bụi bặm và nhàu nhĩ, thế nhưng chẳng hề có cái vẻ linh tráng như cô vẫn thường thấy. Cô thấy họ rất lạnh. Không sục sạo, không ngó nghiêng, và không một máy may lơ lửng. Lấy đầy can nước rồi, tuy rất vội, họ không xồng xộc bỏ đi ngay mà tế nhị ngồi nán lại vài phút bên bàn, từ tốn nhấp tách trà cô mời, ân cần hỏi han, trò chuyện. Chỉ là theo phép lịch sự nhưng rất mực thân tình. Họ khen vườn của cô đẹp tuyệt, khen cơ ngơi của cô trang nhã, khen trà cô pha ngon, khen những bức ảnh mẫu bày trong tủ kính. Họ nói không lâu nữa đại quân sẽ trẩy qua, bộ binh, xe pháo nườm nượp, nhưng đừng có sợ hãi, cứ thoải mái, cứ mở cửa tiệm, giữ lấy nếp sinh hoạt bình thường như mọi ngày. Đà tiến của quân ta sẽ mau chóng giăn tầm phi pháo của địch ra xa thị trấn này. Và chẳng, rất có thể chiến tranh sắp kết thúc. Không chừng ngay trong năm nay, thậm chí ngay trong mùa khô này cũng nên, biết đâu đấy, chúng tôi sẽ tiến thâu được đến tận mũi Cà Mau.

- Hết được chiến tranh rồi sẽ sung sướng biết bao - Anh lính nhỏ người, đầu quấn băng, ngã người ra lưng ghế, khẽ thở dài - Không còn bọn Mỹ, không còn bọn nguy, không bom không pháo, đất nước thống nhất, hòa bình, đâu chỉ được sống trọn một ngày như vậy thôi rồi chết, cũng đáng.

- Nói gì thế cái cậu này! Cậu chỉ được đọc cái tài nói gở thôi à? - Người kia nhăn mặt, khẽ gắt.

- À, là nói thế. Chứ chết sao được. Đã đến ngày khổ tận cam lai mà lại chết thì thật hoài. Phải gắng sống để hưởng hồng phúc của thái bình chứ. Mai này, khi đã tàn trận mạc, tôi sẽ rời tay lái xe tăng chuyển ngành sang làm xé quốc doanh, vi vu dọc ngang cho đến già trên các ngà đường, ngắm Chủ nghĩa xã hội, ngắm đồng ruộng núi sông trời bể nước Nam cho đã bao năm rông tút hút rừng sâu. Và nhất định năm nào tôi cũng sẽ qua đây, dừng thăm ngôi nhà này, thăm người quen hôm nay.

Không hoàn toàn hiểu những điều họ nói, cô gái ngồi im, khép nép, thỉnh thoảng khe khẽ dạ thưa, mắt nhìn xuống. Tuy nhiên, cung cách hiền hòa dễ mến của hai người khách đã giúp làm vơi đi nỗi lo sợ. Tâm trạng căng thẳng chùng xuống, hầu như chẳng còn chút nào mối dè chừng và sự thủ thế. Thậm chí không còn lấy một mảy may ác cảm. Tự cô cũng thầm lấy làm lạ về sự nhẹ dạ của mình. Bao nhiêu những định kiến đã thấm sâu vào tâm trí, tưởng chừng bất biến, vậy mà cô đã rút bỏ nhẹ nhàng như thể trút một tiếng thở phào. Chẳng những không hề là những tên cuồng sát, thấy người là giết thấy nhà là đốt, hai người lính này cũng không giống

những nhân vật rắn như đan, lòng dạ gổ đá, đầu óc cứng nhắc, mặt mày thì khắc nghiệt, cử chỉ thì thô bạo, miệng lưỡi thì cục cằn, phách lối được gọi là Việt Cộng mà cô vẫn hàng ngày nghe thấy trên đài phát thanh và đọc thấy trên sách báo. Tuyệt nhiên chẳng có vẻ gì là một cuộc tẩy não, họ nói năng nhẹ nhàng mà thân ái, vui vẻ nhưng đúng mực, giữ lễ xã giao chủ khách.

Nhìn những vật dụng trong phòng, nhìn gói thuốc với hộp quet cha cô để trên bàn, cái gạt tàn đầy máu, cái áo khoác đàn ông trên mắc áo, hẳn rằng hai người lính Việt Cộng thừa biết hiện trong nhà này không chỉ có mình cô, song họ chẳng hề cần vẩn. Họ hỏi thăm song thân cô nhưng thấy cô ngập ngừng họ không gặng. Thật tình cô không sao hiểu nổi duyên do của nỗi ghê khiếp cộng sản đã ám ảnh và chế ngự cuộc sống của cha cô cũng như của bao người khác nữa ở thị trấn này. Có cái gì thật vô lý và tức cười trong thái độ tốt cùng hoảng hốt của cha cô khi nãy. Khiếp sợ đến nỗi bỏ cả con gái đẩy để trốn chạy. Cô hình dung lúc này đây cha cô mặt mày xanh xám, náu mình trong một góc tối om trên gác, run cầm cập chờ tiếng chân cộng sản sầm sầm bước lên cầu thang.

Nhưng những người cộng sản còn bận công chuyện của họ. Họ nhìn đồng hồ, thốt kêu lên, rồi vội vã đứng dậy, đeo súng lên vai, vội vội xin cáo từ và một lần nữa xin cảm ơn sự giúp đỡ của gia đình. Họ bắt tay cô. Một người chỉ nắm nhẹ rồi buông ngay. Nhưng người kia giữ lại lâu hơn bàn tay nhỏ nhắn mềm dịu của cô trong bàn tay thô ráp của mình:

- Bọn anh là bộ đội chứ nào phải là quý ông. Mai này gặp

lại nhau nhớ đừng gọi bọn anh như vậy nữa. Nhớ nhé. Bọn anh nhất định sẽ trở lại. Anh sẽ chẳng bao giờ quên nơi này, chẳng bao giờ quên buổi sáng hôm nay. Buổi sáng hôm nay, quê hương em giải phóng, em hãy nhìn xem, đất trời tươi đẹp biết bao. Còn anh thì anh coi hôm nay là ngày đầu tiên sau bao năm trời xa cách được trở về gặp lại quê hương. Quê anh ở bờ biển Quảng Ninh cho nên hễ cứ nơi nào bờ biển cũng đều là quê nhà. Vậy nên anh và em chúng mình là đồng hương duyên hải đấy.

Hai người buông tay nhau. Người lính chạy ra xe, cô gái đi vội vào nhà rồi lật đật chạy ngay ra, trên tay cầm chiếc máy ảnh. Xe tăng đã nổ máy, gầm lên, nhưng chưa lăn xích. Cô gái chạy xô tới trước đầu xe, huơ máy ảnh lên. Chiếc tăng dường như ngàn ngừ do dự, động cơ vẫn rền rền song có vẻ dịu xuống. Nấp tháp pháo bật mở, lần lượt hai người từ lòng thép chui ra. Người thứ ba từ cửa buồng lái. Anh ta không tắt động cơ. Chiếc tăng rầm rầm nổ máy tại chỗ như hồi thúc.

Cô gái không ham nghề ảnh nên rất ít khi rời đến máy và chưa bao giờ cô thay cha chụp hình cho một người khách nào. Cô nhỏ bé, yếu ớt và run rẩy trước khối thép đồ sộ đang hùng hực phả hơi nóng và rung lên giần giật. Phải bậm môi lại, gằn như vận hết can đảm và lấy hết sức bình sinh cô mới bấm máy nổi. Không may, sáng hôm đó, cuộn phim trong chiếc Canon chỉ còn một kiểu. Bấm xong cái tách, hết phim. Sững sờ ngó chiếc máy, dường như mãi mới chợt hiểu, cô sực tỉnh, hốt hải kêu lên muốn át tiếng máy báo ba ông khách gắng chờ để cô vào nhà lấy máy khác chụp tiếp.

Nhưng khi cô ôm chiếc Kodak chạy lao ra, xe tăng đã gầm lên, tốc bụi mù mịt, chồm mạnh tới và lập tức lao xộc đi như thể chạy trốn cô. Cô đứng khựng lại giữa lòng đường. Chiếc T54 nhỏ dần, mặt đường vẫn rung chuyển nhưng tiếng gầm của động cơ nghe không còn hung dữ nữa, và càng lùi xa chiếc tăng nom giống một lùm cây xanh, rung reo trong gió và lấp lánh trong nắng.



Những ngày giông tố qua mau, cuộc đời lật nhanh sang trang khác. Chủ hiệu ảnh đó vượt biển, bỏ xứ ra đi. Cô con gái của ông một mình ở lại với ngôi nhà và vườn cây lêkima. Hiệu ảnh tuy còn đó, song không nhận chụp, chỉ mở thể để chờ trả ảnh. Thế nhưng nhiều năm trôi qua, khi mà ngay cả những người lính được giải ngũ sau chót cũng đã về đến quê nhà của họ, bức ảnh chụp cổ chiến xa vẫn mãi mãi là một tấm hình vô chủ.

Thời gian thấm thoát như thoi đưa. Cô gái trẻ măng ngày ấy đã thành thiếu phụ, lập gia đình, có con. Đời sống gian nan khắc khổ kéo dài suốt mười mấy năm trời sau chiến tranh khiến chị mau già. Chồng chị đã sớm từ già phò nghèo để tìm vào Nha Trang kiếm kế sinh nhai dễ dàng hơn. Các con chị lớn lên cũng lần hồi đi hết. Rất muốn theo chồng con nhưng chị lại không muốn rời bỏ thị trấn. Đành lại thui thủi một mình với ngôi nhà, chậ vật sống tựa vào mảnh vườn và tiệm cà phê. Trong nhà chẳng còn dấu tích nào nữa của hiệu ảnh,

ngoại trừ tám hình chụp chiếc chiến xa, được phóng rộng ra thật lớn và lồng khung nhưng chưa người tới nhận, ngày một úa vàng.

Ngày lại ngày, năm này qua năm khác, ngôi nhà xưa cũ vẫn đấy, mòn mỏi bên rìa lộ, như âm thầm ngóng trông một điều gì đó, không biết là điều gì, rồi sẽ đến trong dòng thời gian đang đều đều trôi chảy ngược xuôi không cùng tận trên đường. Cuối cùng thì cái sự kiện mơ hồ được bền bỉ ngóng trông ấy dường như đã thực sự bước chân qua ngưỡng cửa. Một trong những chủ nhân của chiếc xe tăng đã nhận ra chiếc xe tăng của mình.

Chỉ có điều, người đàn bà chủ tiệm cà phê đã lầm: tôi không phải là một trong những người mà chị ngóng trông. Mặc dù là xạ thủ 12 ly 7 trên chính chiếc xe tăng trong ảnh, tôi không hề có mặt trong ảnh.

Đã trót lọt qua những trận ác chiến trên đèo Ma Đơ Rắc, đã an lành vượt qua Dục Mỹ, tôi lại để bị thương ở cây số cuối cùng của đường 21. Và ngu ngốc làm sao, lính xe tăng mà lại bị đốn bởi đạn súng trường. Chỉ độc một phát, bắn từ mù trong đêm tối, nhưng đúng lúc tôi đang nhoài nửa người khỏi cửa xe.

Vết thương không nặng nhưng đủ để loại nhau ra khỏi vòng chiến trong hơn chục ngày trời. Nằm được mười ngày, tôi ôm vết thương téch khỏi bệnh viện, nhặt một chiếc zép lùn nằm quăng bên vệ đường, lái hết tốc độ rượt theo vết xích xe tăng. Nhưng vào giai đoạn hành quân thần tốc ấy chậm một giờ là lỡ cả đời, hướng hồ tụt hậu mất mười ngày như tôi.

Đuổi theo vết xích của 301, tôi phóng ỏ tồ qua Ninh Hòa, Nha Trang, Cam Ranh, rẽ đường 11 lên đèo Ngoạn Mục, rồi qua Di Linh, Đức Trọng về Bảo Lộc, về Lộc Ninh, và ngoặt gấp sang đông nhằm hướng Sài Gòn. 30 tháng Tư vẫn theo vết xích xe tăng, tôi qua Lăng Cha Cả vào phi trường Tân Sơn Nhất. Nhưng 301 của tôi hình bóng đã mờ nơi đâu trong mưa rơi buổi chiều ngày đại thắng.

Tôi đã trở lại Lăng Cha Cả, trở lại Cầu Bông, trở về tận Phan Rang, địa danh của những trận tử chiến bằng xe tăng trên đường tiến đánh Sài Gòn. Nhưng trời đất bao la, mặc cho tôi bèn bĩ theo đuổi, 301 vẫn mãi mãi xa khuất khỏi tầm mắt của tôi.

Và như thế là đã hai chục năm trời rồi theo đuổi vô vọng cho tới buổi chiều hôm ấy. Chẳng phải sự tình cờ, mà là một sự run rủi tuyệt vời của định mệnh đã khiến tôi bước vào vườn cây lêkima bên bờ biển Khánh Hòa. Cuộc đời có hậu đã cho tôi, một số phận lẻ một, khi đã luống tuổi, lúc đã xế tà vẫn còn ruổi kịp đà tiến công vũ bão của thời thanh xuân để gặp lại được số phận chung bốn anh em.

Chiều hôm ấy, trước bức ảnh xe tăng 301, người thiếu nữ năm xưa, vụt sống lại với buổi bình minh của đời mình, đã không cảm được nước mắt. Và tôi cũng vậy, sau hai chục năm trời, lệ chiến tranh lại tràn mi.

Sách cầm

Hồi đó mới mười bảy tuổi đầu, học trò lớp mười, vậy mà thú thực thiếp ngủ đi thì thôi chứ đang còn thức tôi chỉ nghĩ tới đàn bà. Không phải đàn bà nói chung, dĩ nhiên, nhưng mà cũng không rành ra là nghĩ chăm chăm vào một ai. Bọn con gái ở lớp, ở trường, ở khắp trong thành phố, như màn sương dày vây giăng lấy cái đầu tôi hồi đó. Đúng hơn, như trận mưa đông, bởi vì sự thể đã đến với tôi rất chi là đột ngột. Đang yên đang lành, vui vẻ, chìn chu, khô ráo, thình lình xảy xắm, ướt mềm, bết bết.

Tôi nhớ lần ấy, đang giờ giảng văn, thì báo động. Nhưng không kịp có còi báo động, không kịp cả nghe thấy tiếng hú của máy bay, bom đã nổ. Chúng tôi nhào xuống giao thông hào, túa chạy khỏi lán. Tuy đã được định rõ người nào hầm nấy và mỗi hầm chỉ năm người, nhưng do

bị bất ngờ nên lảo nháo. Một cái hàm chữ A mà tôi với cả chục đứa nữa lèn nhau. Bom đập xuống dường như rất gần, đạn cao xạ dường như nổ ngay trên nóc hầm, động cơ phản lực như muốn xé toạc người ta ra. Một đứa nào đấy, không biết là đứa nào, ôm ghì lấy tôi, và mặc dù run lấy bầy nhưng mà hai cánh tay của nó vẫn quàng cổ tôi rất chặt kéo riết xuống, tóc nó vùi lấp tôi, mặt tôi áp hết vào ngực nó. Tôi lâm vào cái tình trạng nóng hổi và khó thở đó không biết là trong bao lâu, chắc là rất lâu, vì khi chúng tôi ra khỏi hầm ló mặt vào lán thì thầy giáo đã trở lại với bài giảng được một lúc rồi. Cả lớp cười rộ lên chào đón chúng tôi. Không hiểu là cười cái gì, cười chúng tôi nhát như cáy, cười bộ dạng chúng tôi xộc xệch, hay cười vì trong đám gần chục đứa vừa lò dò ra khỏi hầm chỉ có mỗi thằng tôi con giai?

Nghĩa là... kể từ đấy, chỉ bởi vòng tay một đứa bạn không rõ người rõ mặt mà tôi đã không còn là tôi như trước nữa. Kể từ đấy, như là một cơn run rẩy kéo dài mãi mãi, một trạng thái rối bởi đã triền miên choán lấy tôi, cả tinh thần lẫn thể xác.

Gần như ngay lập tức hôm trước hôm sau cái vụ ôm nhau trong hầm hai má vốn nhẵn thín của tôi tự dưng nổi đầy những mụn trứng cá. Chưa qua một tuần mụn đã lên cả trán cả mũi và bọc lấy cằm. Càng cạy càng nặn càng lên. Tím đen, đỏ ửng, dày cộp. Toàn thân ram ráp, ngứa ngáy, cảm thấy khô háo, cảm thấy chật chội. Áo quần thì cứ ngấn cùn đi và chặt bó lại, căng ra. Cơ thể tôi hồi đó đè nặng lên tôi.

Nhưng nhất là phần hồn. Phần hồn của tôi hồi đó thực sự

là một chiến địa nóng bỏng. Tuy không phải lúc nào lửa cũng ngùn ngụt, nhưng không bao giờ lụi, đều đều liên tục cháy âm ỉ. Những khao khát âm thầm mà bùng rục. Những tương tượng rồ dại làm mờ hôi vĩa ra. Những ý nghĩ căng rứt và dữ dội chọc ngoáy khắp người. Cũng râm ran ngứa ngáy sần sùi như mặt mày mình mẩy, đầu óc của tôi, tình cảm của tôi hồi đó cứ thừa ứ ra, rạo rục, rậm rịch, nổi gai nổi ốc.

Người ngợm tuy cao vồng lên nhưng lại sụt cân và xanh tái đi. May mà trong giấc ngủ thần kinh tỉnh lại, tuyệt đối chẳng mộng mị gì, nếu không thế hẳn chỉ ngày một ngày hai sức lực đã chẳng còn một giọt. Thành thử tôi ngủ rất nhiều và lúc nào cũng buồn ngủ. Hằng đêm giấc ngủ cứu tôi thoát ra khỏi cơn sốt ly bì mê mụ liên miên từ từ của mỗi ngày.

Thế nhưng, vừa mở mắt là lại vào ngay cơn sốt. Có những buổi sáng sớm, chưa ra khỏi màn mà ý nghĩ và hình ảnh đầu tiên trình làng đã khiến tôi như bị điện giật. Song thường thường là tôi bắt đầu ngày mới bằng mười phút nằm ườn ra, lừ đừ chìm lịm mình trong một mộng mơ vớ vẩn nào đó, luôn luôn là suor mướt và nhảm tẻ, không đâu vào đâu, chẳng đem lại điều gì khác ngoài sự uể oải rã rời đi đôi với lú lẫn, làm cho câu chữ bài vở cần phải có để đến trường rụng rời hết cả.

Hồn xác liêu xiêu chao đảo nên việc học hành tất nhiên là chẳng ra sao, song đây chưa phải là điều khiến tôi ngày ngày canh cánh. Hồi đó làm tôi hãi nhất vẫn là mối nguy bị lộ tẩy cái lòng dạ đáng xấu hổ của mình. Tôi lo ngay ngáy rằng sẽ có lúc mình bất ngờ bật phát một hành vi, một cử chỉ, một

câu nói nào đấy. Nhớ ra, tôi thường bất chợt rung mình với ý nghĩ đó, không dung mình nắm lấy tay người ta, sờ vào áo người ta, vuốt lên tóc người ta. Nhớ đâu mình buột miệng nói ra cái cảm giác của mình khi đứng gần người ta ngồi gần người ta. Nhớ người ta bắt gặp luồng mắt của mình. Mà người ta thì lại không cụ thể là ai cả nên tôi không thể chủ tâm đề phòng, không thể chủ động lảng xa.

Tôi không còn dám chen tàu điện đi học nữa. Xếp hàng ở máy nước hay xếp hàng ở ngoài chợ, trong mậu dịch, tôi luôn tránh để không đứng sau hoặc trước một đứa con gái. Tôi không vào rạp xinê một mình. Bởi vì, nhớ ra... Đến lớp cũng vậy. Đời sống học trò bao năm trời tươi vui thoải mái, vô tư bạn trai bạn gái đã gần như chấm dứt đối với tôi. Tôi trở nên ít lời. Trong giờ học tôi trở nên quá sức là nghiêm ngặt. Cả trong giờ ra chơi cũng tránh cười đùa, tránh nhìn, tránh chuyện. Tôi cẩn thận với hai bàn tay của mình. Tôi gắng không chạm người, không đụng người, không lướt người mình vào ai. Báo động máy bay, dù có sợ chết khiếp cũng chỉ ngấp nghé ở cửa hầm chứ không chen hẳn vào trong. Nói chung là tôi trở nên lắm lý, tôi trở nên gượng gạo. Luôn luôn tự dựng đo lường hết lên cả cổ cả tai cả mặt. Và thường xuyên tự dựng toát mồ hôi.

Những ngày ấy thật là khổ sở. Hiểu rất rõ rằng mình như thế này là xấu xa quá quắt mà không làm sao tôi dừng mình lại được, không làm sao gồng sức lên đẩy lùi những thâm vụng đáng sợ ở trong lòng. Mà phải tuyệt đối ngậm tâm, không thể thố lộ cùng ai, nên cứ vậy một mình chật vật tranh

đấu với mình một cách vô vọng. Tôi cũng biết chẳng trước thì sau sẽ bị nhận ra, cho dù cố công tự kiểm chế đến đâu.

Và quả nhiên cái giờ phút ê chề ấy rồi cũng đã điểm. Mặc dù không đến nỗi là bị lên án hay bêu riếu, chỉ là những lời bàn tán và cười cợt do tình cờ mà nghe phải thôi, song cũng đủ cho tôi sượng mặt đến tận ngày nay.

Bữa đấy phiên tôi trực nhật. Đạp xe đến lớp quá sớm, quét dọn lau chùi xong xuôi mọi thứ mà còn dư cả tiếng đồng hồ nữa, tôi chúi vào sau chiếc bàn cuối lán đánh một giấc. Tiếng trò chuyện lay thức tôi. Một đám, không biết là bao nhiêu đứa, tụ với nhau ở dãy bàn trên cùng, vừa quạ sáng vừa tán chuyện. Toàn giọng con gái. Vừa định nhòm dậy thì tôi nghe thấy tên mình. Nằm lặng đi tôi nghe bọn con gái tranh nhau nói về mình. Và cười. Cười rúc rích. Cười rữ rượi. Trời ơi là cái thằng tôi! Thằng đó dạo này dờ hơi quá chừng mày ạ. Thằng đó dạo này chuyên nhìn trộm. Không nhìn trộm thì lại nhìn trừng trừng, để ý mà xem, sợ lắm, suốt năm tiết nó cứ dán mắt vào gáy cái Minh ngồi đằng trước nó... Dạo này nó như ngọng, nói gì cũng ấp a ấp úng... Mà sao kinh thể chứ, dạo này mặt nó đặc trứng cá... Buồn cười chết đi được, nó cứ cố tình thúc cùi tay sang người tao... Nó hỏi tao nhiều câu lắm cảm không chịu được...

Lúc ấy, trong tình cảnh ấy, tôi chưa kịp cả hổ thẹn nữa, chỉ trần ngập một nỗi sợ hãi. Tôi sợ bọn họ phát hiện ra tôi đang nằm ở cuối lớp và cả lũ sẽ khiếp đảm hét rú lên. Nếu mà như thế chắc tôi phải cắn lưỡi.



Hôm sau, cái Minh trưởng lớp cho bố trí lại chỗ ngồi. Tôi đang ở tổ 3 về tổ 5, đang ở bàn giữa lớp lùi xuống bàn cuối, chỗ ngồi trong góc cùng của lán. Lý do là vì tôi cao kều, đầu với lưng gây vướng cho bàn sau. Tôi chẳng nói gì, chẳng để lộ điều gì, nhưng mà muốn độn thổ. Muốn chết luôn. Suốt cả tuần lễ người tôi như gỗ. Trong đầu lúc nào cũng văng vẳng những lời bình phẩm và tiếng cười của mấy đứa con gái. Từng lời một, mỗi lần nhớ lại mỗi lần tê điếng.

May thay tuổi trẻ chóng quên để nguôi. Bản thân tôi dần lại hồn, còn mấy đứa con gái đó thì cư xử với tôi hoàn toàn như thể là chúng chưa từng bao giờ nghĩ rất cay và nói rất chua về tôi. Thêm nữa, như một niềm chia sẻ, một nỗi an ủi, tôi nhớ rằng sáng hôm ấy không chỉ riêng thằng tôi được bọn con gái cân đong mà còn mấy thằng nữa. Và tất cả những thằng đó cũng về một góc lớp với tôi, ngồi trên tôi, ngồi cạnh tôi.

Và chẳng, dù rất nhục rất bẽ, tôi không uất không oán các cô bạn, trái lại. Thật tình là thế, nhờ nghe lỏm được cuộc luận bàn quái ác của họ, mà tôi đã có thể phần nào hãm cái đà trượt dốc của mình lại. Màn sương đặc sệt đầu óc đã loãng ra. Tâm trí bớt bấn loạn, trở nên ngăn nắp hơn, dành được nhiều chỗ hơn cho bài vở. Cả trứng cá trên mặt nữa cũng đỡ tràn lan.

Và thậm chí, đôi khi, tự dưng, hoàn toàn không chủ tâm, tôi lảng lạng để mắt nhìn đám bạn trai ngồi cùng góc lớp với mình bằng cái nhìn của mấy đứa bạn gái ấy. Tôi thấy mà sợ.

Bọn con gái đã nói chẳng ngoa tý nào. Không biết là ý nghĩ trong đầu mấy thằng bạn tôi có quá đáng như ở trong đầu tôi không, nhưng bề ngoài thì chúng cũng như tôi, đều ít nhiều khớp với miêu tả của bọn con gái. Thái độ, cử chỉ, điệu bộ, cái nhìn, giọng nói, vụng về, lóng ngóng, lộc ngộc, và đều như có một cái gì đấy kỳ cục và vụng trộm.

Thằng Hiệp “sút” ngồi ở bàn trên tôi quai hàm lúc nào cũng thường trực ngáp. Nó có thể gà gật ngủ ngồi suốt năm tiết học. Khi không ngủ thì nó lén lút đọc truyện hoặc vẽ nhăng nhít. Toàn những hình bậy bạ, vẽ lên mặt bàn, vẽ ra sau vở. Nhiều nhất là nó vẽ lên giấy nháp, rồi truyền tay cho bọn con trai bàn trên bàn dưới xem, đánh giá và vẽ thêm thắt vào. Sách đọc trộm trong lớp cũng luôn là từ thằng Hiệp truyền đi. Quay vòng qua bọn con trai các bàn. Cũng toàn là những “truyện ái tình” hoặc ướm át ngớ ngẩn, hoặc hết sức là nhem nhuốc và khả ố.

Nếu bị tóm quả tang đang chúi mũi vào ba cái đồ tẹt mạt ấy thì đừng nói hạnh kiểm với lại thi cử, mà phải ra khỏi lớp, bán xới khỏi trường, chấm hết đời học trò là cái chắc. Nhưng bọn chúng tôi vẫn liều lĩnh đọc và vẫn có đứa đọc ngay trong giờ học. Vạy mà lạ, chưa có đứa nào bị phát giác.

Chỉ có tôi, một lần, suýt nữa thì xong đời.

Đây thực sự là “tác phẩm” rác rưởi nhất trong số tất cả những mớ nhuôm nhoam ô dề mà bọn lộc ngộc mới lớn chúng tôi đã luân chuyển cho nhau. Không phải sách in mà là một quyển vở. Chữ viết tay, lỳ lỳ nhưng nắn nót, mực tím, dày kín cả gần trăm trang giấy.

Thực ra tôi chưa cảm đến cái của đó. Nó vẫn đang trong lượt đọc của thằng Toàn ngồi kế một bên tôi. Chưa khi nào tôi thấy Toàn như thế, nó đọc ngón ngấu và hoàn toàn mất tự chủ, rất lộ liễu. Từ tiết đầu tới tiết cuối, cả giờ ra chơi, cả phút giải lao, Toàn cắm mặt vào cuốn vở dúi trong ngăn bàn. Nó đọc mà tay run, mặt mày đỏ rím, mồ hôi mồ kê. Sự bấn loạn thấy rõ ấy khiến tôi chộn rộn theo, không nhìn được, cứ nghiêngง đầu sang Toàn đọc ghé. Và cũng toát mồ hôi, cũng mất hết sự cẩn trọng. Lúc đó, sắp hết tiết cuối. Từ bục giảng, thầy giáo đã đi xuống gần cuối lán rồi, hai thằng chúng tôi mới giật mình, thằng người lên, ngồi ngay ngắn, đối nét mặt, ra vẻ chăm chú. Tưởng chắc bị lật tẩy, vậy mà lạ thay, thầy chẳng thấy gì, chẳng cần vắn gì cả tôi cả Toàn. Hú hồn, mừng hóm.

Không ngờ, đạp xe về tới nhà thì tôi gặp Toàn đang đợi ở cửa, nó báo: “Mày đưa lại tao *quyển truyện*, tao đọc nốt hai trang cuối cho xong rồi mai đến lượt mày. Mà đừng cò đọc ở lớp nữa. Hôm nay hút chết, sợ quá”. Tôi sững người, đánh đổ xe. Thì ra, Toàn đã nhanh tay tổng cái nợ đó sang ngăn bàn tôi và cứ thế thằng ngốc ấy mặc nhiên là trách nhiệm đã về tôi.

Hốt hoảng tôi đạp xe quay lại lán. Nhưng đã muộn, bọn kíp chiều, lớp 10C, đã vào tiết đầu. Biết là đã vô phương, trời sắp xuống đầu rồi, tôi vẫn cứ đành loanh quanh ở gần lán. Nhưng mấy lần giờ giải lao, giờ ra chơi, cũng không cả gan xộc vào. Phải đợi bọn 10 C tan học được một lúc lâu, tin chắc trong lán không còn ai mới dám.

Nhưng, vẫn còn một người ở trong lớp học đã vắng ngắt. Lại ngồi đúng chỗ của tôi, góc bàn cuối lán. Đường cùng rồi,

không thể rút lui, tôi đành bước tới. Một đứa con gái. Và tôi biết nó, cái Thủy, nhà cùng phố. “Bạn quên gì phải không?”, nó hỏi. “Ừ”, tôi đáp, “quyển truyện... à, quyển vở, trong học bàn đúng chỗ này... Bắt được à? Bắt được thì cho xin đi”.

Thủy lấy từ trong túi dết ra cái quyển vở khốn kiếp ấy. “Mình nán lại để đưa tận tay bạn, sợ nhỡ ai người ta cầm phải rồi nộp các thầy thì khốn”. Không dám tin vào mắt mình, tôi muốn hét lên vì mừng rỡ. Thoát nạn rồi.

Lúng búng cảm ơn, tôi vội lấy quyển vở, vù ra khỏi lớp, cuống cuống phóng xe đạp về nhà như bị ma đuổi.



Thầy kế thằng Toàn thằng Hiệp rồi sẽ rửa xà gì mình, tôi tống ngay cái “tác phẩm” chó chết ấy vào bếp lửa. Nhưng cho đến tận sáng hôm sau vẫn còn tim đập chân run, vẫn còn rợn cả người khi nghĩ đến cái họa tà đình chỉ chút xíu nữa là chuốc phải.

Tôi cũng vô cùng là biết ơn Thủy. Và mất mấy hôm liền tôi cứ băn khoăn nghĩ mãi làm cách nào để bày tỏ được sự biết ơn ấy.

Còn chưa biết làm thế nào thì một buổi sáng, vừa đến lớp, ngồi vào chỗ, tôi thấy trong ngăn bàn của mình có một cuốn sách. Nó được phong kín trong lớp giấy báo và chằng kỹ lại bằng dây thun buộc tóc. Bên ngoài ghim mẫu giấy gấp tư. Rất ngắn. “Từ rày đừng đọc nhảm nữa. Minh cho bạn mượn cuốn này. Mang về nhà hăng đọc. Đừng cho ai biết. Đọc xong, để

lại chỗ đây. Rồi mình lại cho mượn cuốn khác". Rõ là Thủy viết cho tôi, nhưng kín đáo, chỉ *mình với bạn*.

Tôi dúm vội cuốn sách vào cặp. Cả buổi học cố không nghĩ đến nó mà không được. Vừa sợ, vừa tò mò. Tò mò về cuốn sách, ngỡ ngàng về người cho mượn sách.

Thủy vốn cùng lớp với tôi từ cấp hai, mãi đến đầu lớp mười mới tách ra, tôi 10A, Thủy 10C. Nhà cũng khá gần nhau, đầu phố giữa phố. Song chỉ vậy thôi, chẳng phải chỗ bạn bè. Phần vì tôi là con cái gia đình cán bộ. Còn Thủy thì con nhà tư sản, mà tư sản phản động, ông bố đã mấy lần phải đi tập trung cải tạo. Phần vì từ cuối cấp hai, là khi đã tương đối lớn, Thủy rất không được tập thể ưa. Chẳng bởi một lý do rõ ràng nào, càng ngày Thủy càng hay bị mọi người để ý chê bai. Thoạt nhìn là người ta đã thấy ở Thủy có cái gì đó không rõ là cái gì, là lạ khang khác không y hệt mọi người. Cách để tóc, cách ăn mặc chẳng khác ai mà vẫn như có hàm một sự diêm dúa thâm lén. Da dẻ trắng trẻo mềm mịn. Cách nói, dáng đi đều bị nhận ra là thiếu khiêm nhường. Hết lớp tám tất cả chúng tôi đều đã vào Đoàn, riêng Thủy vẫn cứ mãi là chân bạch vệ.

Tập thể thế nào thì tôi thế này. Mọi người không thân với Thủy thì tôi cũng không thân. Nói chung, chúng tôi chẳng có can cơ gì để mà phải mật thiết. Bây giờ lại mỗi đứa mỗi lớp càng khó gần. Vậy mà, Thủy lại đã hết sức tử tế với tôi như thế, là vì sao? Một sự thân tình hết sức là kỳ lạ, bởi vì cũng là một sự thân tình đầy liều lĩnh.

Cuốn sách đầu tiên Thủy cho tôi mượn là cuốn *Những*

Ngày *Thơ Ấu* của nhà văn Nguyễn Hồng. Tôi biết ông này là nhà văn đương thời hiện đại Xã hội Chủ nghĩa, nhưng cụ thể cuốn sách ấy thì tôi lại thấy là được xuất bản từ tận năm 1938, thời Pháp thuộc. Nghĩa là, dù sao cũng loại sách mà tôi và Thủy không được phép đọc.

“Thầy tôi làm cai ngục, mẹ tôi con nhà buôn bán”. Sờ sờ, dưới ánh đèn khuya, tôi gỡ trang đầu. Cuốn sách khổ nhỏ, không dày, được đóng thêm bìa cứng, gáy da. Các trang đã ngả màu lá úa, nhưng tinh tươm, kiểu chữ rất đẹp và khác lạ so với những sách tôi thường thấy. Và khác lạ nhất là những gì được viết nên. *“Hai thân phụ tôi lấy nhau không phải vì quen biết nhau lâu và thương yêu nhau...”*.

Tôi đọc cuốn sách ấy chậm rãi, thấm thía, trong ba ngày.

Theo lời dặn, tôi mang cuốn sách đến lớp và để lại trong ngăn bàn. Cũng tính viết một lá thư đôi dòng gửi kèm trong sách, nhưng ngần ngại, tôi chẳng viết.

Sáng hôm sau, giống như lần trước, trong ngăn bàn của tôi lại có một cuốn sách bọc kín trong giấy báo, nhưng không có thư. Đây là cuốn *Vỡ Đê* của nhà văn Vũ Trọng Phụng.

Cũng bìa cứng gáy da, cũng năm xuất bản, cũng kiểu chữ in thời Pháp thuộc. Nhưng dữ dội, choáng váng. Cộm lên những tình tiết, những chi tiết khiến tôi xây xẩm. Đây thì đã rõ ràng là “sách cấm” rồi, một tuần liền tôi đã đọc với niềm xúc cảm dâng lên đến ngạt thở, với niềm thần phục, và cả với nỗi lo sợ bị cha mẹ bắt gặp. Tôi cũng đã mang trả cuốn sách trong nỗi lo sợ. Để cuốn sách trong ngăn bàn, ngồi chờ qua buổi trưa, cho đến tận khi nhìn thấy chắc chắn Thủy đã vào

đến cửa lớp, tôi mới rời khỏi chỗ để ra về. Mà kỳ quặc hết sức, chúng tôi không nói gì với nhau, không cả nhìn nhau nữa. Đi lướt qua nhau.

Hôm sau tôi đến lớp thật sớm, trước cả đứa trực nhật. Lần này Thủy cho tôi mượn cuốn tiểu thuyết *Đoạn Tuyệt* in từ năm 1934 của nhà văn Nhất Linh. Một tên tuổi lạ lẫm, tuy nhiên từng có một lần nào đó tôi đã thoáng nghe thầy dạy văn nhắc đến và hình như thầy có nói rằng ông ta là một tay lãnh tụ Quốc Dân đảng.

Mãi mãi tôi không bao giờ tự cắt nghĩa nổi vì sao mà hồi đó tôi và Thủy lại phải như thế với nhau. Vì sao chúng tôi không trực tiếp trao sách vào tay nhau? Những cuốn sách cấm mà Thủy để lại cho tôi trong ngăn bàn, qua suốt một đêm, luôn có nguy cơ bị ai đó phát hiện ra. Nghĩ mà phát sợ. Chúng tôi sẽ trả lời ra làm sao và sẽ ra sao nếu bị phát giác là đang đọc những *Hồn Bướm Mơ Tiên*, *Bỉ Vờ*, *Sợi Tóc*, *Vang Bóng Một Thời*, *Lâm Than*, *Số Đỏ*, *Kỹ Nghệ Lấy Tây*, *Làm Đi...* và thậm chí, *Lục Xi*?

Không theo một trình tự nào, không có sự sàng lọc nào hết. Chắc là trong căn phòng áp mái của gia đình Thủy, sách không bày trên giá mà xếp trong rương. Và Thủy cứ lần lượt lấy ra để phục vụ tôi. Không phải cuốn nào tôi cũng thích, nhưng đọc tất. Cuốn không thấy hay thì đọc một buổi, thấy hay thì có khi đọc nhăm nháp cả tuần.

Suốt học kỳ 2 lớp mười, tôi vừa học hành và chuẩn bị thi vừa mải mê với luồng sách của Thủy. Hết cuốn này sang cuốn khác được Thủy bí mật chuyển cho tôi qua ngăn bàn. Những

tác phẩm văn học đã hết thời ấy mặc dù đầy rẫy những sự cảm ký lại đã giúp tôi gạt đục tâm hồn mình. Những cơn cuồng náo đục tình, những ý nghĩ suy đồi ngày một bớt đi trong tôi. Nhờ rất nhiều vào các nhà văn tiền chiến lỗi thời, tôi bước vào đời một cách bình thản như bao người trai trẻ khác.

Nhưng tôi và Thủy thì vẫn cứ thế. Vẫn chỉ là những cuốn sách chuyển cho nhau qua ngăn bàn. Không gần lại được vào nhau hơn. Không một bức thư. Không một lời. Không cả nhìn nhau.

Lần cuối cùng tôi nhìn thấy Thủy là vào một buổi trưa trời đột ngột nổi dông. Đang trên đường từ trường trở về nhà, tôi và mấy đứa bạn cùng lớp dạt vào núp dưới một mái hiên. Mưa ào ào như thác đổ, càng lúc càng to. Chỉ phút chốc đường phố đã ngập nước. Từ bên tàu điện, Thủy đội mưa chạy tới. Dọc phố Cầu Giấy có bao nhiêu chỗ trú nhưng phải đứng đến nơi tôi đang đứng cô mới tránh vào. Người cô ướt thướt. Vải áo dính sát bó rít lấy mình mẩy. Tóc xõ xòa, rã rượi. Thủy đứng dựa vào tường, đưa tay vuốt nước trên mặt. Chưa bao giờ chúng tôi ở kề nhau đến thế. Tôi biết là Thủy muốn nói gì đấy với mình. Nhưng vì còn nhiều người khác ở đấy nên tôi lảng, chỉ nhìn phớt lên người Thủy rồi ngoảnh ngay đi, ngó vợ vắn ra ngoài mưa. Như là chẳng quen biết. Chợt một tiếng sét xé thình không, nhoàng lửa quắc sáng dựng đứng đất trời trong khoảnh khắc. Lẳng lẳng Thủy rời chỗ trú, đi vào màn mưa. Chẳng ai gọi cô lại cả, cả tôi cũng không. Tôi chỉ ngáy người nhìn theo, sửng sờ. Những năm sau này mỗi khi nhớ về thuở đó, ý nghĩ thường rọi cho tôi thấy lại một lần

nửa, rồi một lần nữa chính cảnh tượng ấy. Thủy đi xa dần, xiêu xiêu trong màn mưa lấp trời. Cô rẽ ở góc phố, khuất đi, tan biến như một hạt mưa bị vùi giữa biển mưa. Trong hồi tưởng của tôi, thời niên thiếu chỉ còn nốt được đến ngày hôm đó thì lụi hẳn, buồn thảm và vĩnh viễn qua đi cùng với buổi trưa u uất chìm lịm dưới mưa ấy.

Cuốn sách cuối cùng Thủy cho tôi mượn không phải là tiểu thuyết mà là tập *"Máu Cuồng và Hồn Điên"* của Hàn Mặc Tử. Tôi đọc chưa dứt nên chưa kịp để tập thơ điên ấy vào ngăn bàn chung của hai đứa.

Bom trúng thẳng vào lán học của chúng tôi ngay sau buổi trưa mưa gió tôi và Thủy gặp nhau dưới mái hiên. Trưa ấy, tôi lớp 10 A đã tan học. Còn Thủy thì 10C kíp học buổi chiều. Non nửa lớp 10C bị vùi lấp, nhưng chỉ một mình Thủy không hồi lại được.

Bội phản

Thảo đẹp hay không đẹp, đàn ông đọc phổ không ra miệng bình phẩm, ít nhất là riêng tôi chưa từng nghe thấy một lời nào như vậy từ họ. Tôi chỉ thấy họ nhìn chị. Những tay sĩ diện cao, thiên về đứng đắn, tất nhiên không nhìn, tránh nhìn, nhưng chỉ cần kém mực thước đi một tý thì không làm sao cưỡng mắt được, không tài gì thấy Thảo lại có thể nhịn nhìn.

Thị hiếu như thế thật là không công bằng. Ở phố này, là giai nhân, thiết tưởng trước nhất người ta phải chăm chị Diễm hoa khôi trường Ngoại ngữ, kế nữa thì như là chị Bích bác sĩ, chị Hoa diễn viên múa, hay là chị Thúy bán bách hóa, rồi chị Lan, chị Đào, chị Hậu, nhiều. Tại sao lại là Thảo?

Tôi thì lẽ dĩ nhiên là tôi biết Thảo, nhưng là biết thế thôi chứ thực ra chẳng quen biết gì. Cũng khó có thể xem nhau là láng giềng, mặc dù chung

sổ nhà. Hồi đó cha tôi tiêu chuẩn Tôn Đản, cùng với ông Lâm, cán bộ đồng cỡ, hai gia đình được trên cho hưởng trọn diện tích ngôi nhà chính, một biệt thự Tây hai tầng kiểu cách. Chúng tôi dùng cổng lớn mặt phố. Còn gia đình Thảo và năm hộ nữa thì sống ở dãy nhà phụ sân sau, họ thường đi lối cửa ngách thông ra ngõ hẻm. Đời sống của những “người sân sau” ấy chẳng khác nào như là mặt trái của ngôi biệt thự. Chỗ chui ra chui vào của cả sáu gia đình đều chật chội khổ sở, già trẻ lớn bé đóng hộp. Tất cả nấu nướng cùng một khoang bếp, tắm táp cùng một hốc tường, phơi phóng, hít thở, đầu hót, cãi cọ, chuyện gẫu, nuôi lợn, nuôi gà tất cả trong cùng một khoảnh sân tù hãm. Tất cả đều nghèo túng. Tất cả đều đầu tắt mặt tối.

Chúng tôi thì khác. Như tôi, từ bé đã được cha mẹ cho ở phòng riêng. Anh tôi, chị tôi cũng thế, mỗi người mỗi phòng, tự mà bày biện, tự mà sắp xếp, tung tẩy tự do, một mình thoải mái.

Phòng tôi, ban công trông xuống sân sau. Từ ban công cúi nhìn, mắt chạm ngay cánh cửa liếp căn hộ gia đình Thảo, một căn buồng hủ nút không cửa sổ, ngày xưa là cái ga ra. Nhà họ neo người, chỉ hai bố con. Bà mẹ mất đã từ nhiều năm trước. Ông bố liệt bệt đau ốm, thường xuyên liệt giường. Được hai người anh thì một tử trận một đang ở tù. Sinh kế trong nhà cậy cả vào Thảo. Học hành dang dở chẳng có nghề gì, Thảo đi đêm về hôm đắp đổi đủ nghề. Nghe nói toàn những nghề rất mật với rất là những cái lỗi kiếm tiền *không biết nhục*. Các bà các chị ở sân sau những khi quần tụ trong bếp hay rồng rắn

chầu chực bên cái máy nước rõ giọt vẫn ưa khởi những tai tiếng của Thảo ra làm đầu câu chuyện. Sống ở trên lầu, dù có buông kín rèm và đóng chặt cửa sổ, chúng tôi cũng không thể tuyệt đối bỏ ngoài tai tất tậ những mớ lao xao hắt lên từ cuộc chung đụng nghèo khó ở dưới sân.

Nhưng cũng là lảng máng biết vậy chứ những mảnh đời sân sau ấy chẳng bận tới tôi. Nếu như riêng Thảo đã có thể phần nào khiến tôi để ý thì cũng chỉ vì là hồi đó tôi cứ mãi lầy lăm lạ về cái nhìn của những thằng bạn và những ông anh trong phường. Tôi tin thẩm mỹ của mình không khờ khạo, tôi cũng biết nhìn như ai chứ chẳng lẽ lại không, nhưng tôi chịu không thấy được ở Thảo có gì đáng ham hố. Trong cuộc trần ai kiếm sống Thảo hoàn toàn chìm lặn giữa bao người, chẳng một nét nào nổi bật, chẳng thể ăn đứt được ai, nhất là ở một địa bàn dồi dào sự xinh tươi như khu phố của chúng tôi. Những lúc này lúc khác gặp Thảo, ở cổng nhà, ở trong sân, ở ngoài đường, thường là tôi giả tảng chẳng thấy, lờ đi, cùng lắm thì cũng chỉ chiếu lệ đôi ba lời gì đó trống không ra điều chào hỏi.

Sương thân tọa hưởng phúc ấm gia đình, đầu óc tôi nhẹ nhõm, tâm tư tôi sạch bong, không khi nào phải hoài hơi nghĩ này nghĩ nọ cái gì hết. Cả với những người thân yêu ruột thịt tôi cũng bàng quan hướng hồ với một thân phận mù mờ sống chìm khuất mé sau nhà như Thảo.

Vậy mà rồi rốt cuộc chính là vì Thảo nên vào mùa hè năm đó, năm tôi mười bảy tuổi, tôi đã lảng lạng bội phản người chị gái của mình, và rồi sau đấy, lại vẫn vì Thảo, tôi phản bội tiếp

cả người anh trai. Đến bây giờ, khi cái uẩn khúc gia đình ấy bị lộ ra, mặc dù đã bao năm trời trôi qua, mọi sự đã an bài, anh trai tôi và chị gái tôi vẫn không tha thứ, anh chị tôi từ mặt tôi.

Cho đến tận bây giờ, trong ký ức tôi, ký ức một đời sống mờ nhạt, thông thường, không hề biết tới những xáo trộn, không chịu lương vướng với ai một chút nợ lòng nào, vẫn cứ còn thỉnh thoảng phảng phất hiện lên hình bóng của Thảo và hiện lên hình bóng của mùa hè năm ấy, một mùa hè râm ran tiếng ve sầu, ngọt ngào hương thơm hoa sữa, một mùa hè đã xa lác xạc từ tận những năm nào năm nào.



Mùa hè năm ấy, chị tôi đi lấy chồng. Chị không hề hay, nhưng tôi thì tôi biết, biết từng từ trước lễ cưới một vụng lên tày đình của ông anh rể: song song với yêu chị tôi, anh còn cặp với một người đàn bà khác. Khuất tất khó tha đó của anh chính tôi bắt quả tang. Chính tôi dự vào cuộc vây lửa đêm ấy ở Bách Thảo. Và mặc dù chưa phải là đã tóm được rành rành trai trên gái dưới, nhưng cũng gần như vậy.

Trai gái thời nay nghe kể về những “vụ việc” khó tin thời ấy hẳn phải lấy làm buồn cười lắm, nhưng vào thời chúng tôi những chuyện như thế chẳng có gì là buồn cười.

Thật ra thì thời nào Hà Nội của chúng ta cũng là thành phố của tình yêu. Xưa hay nay chẳng bao giờ là không nhan nhản những đôi lứa đang đập đùi. Có điều, thời hiện đại bây giờ người ta luyến ái nhau một cách vừa thoải mái thoáng rộng lại

vừa kín đáo. Không cần phải là hạng con nhà người ta cũng có thể có phòng riêng. Không phòng riêng thì ngăn riêng, những góc nhỏ xinh xinh ẩm cúng để tư tình. Nhưng trước kia thì khác. Trước kia ngay trong nhà mình người ta cũng chẳng đào đâu ra một góc cón con cho riêng mình. Các mối tình vì thế phải hướng ngoại, gần gũi nhau ở bên ngoài bốn bức tường. Bởi vậy mà lại có vẻ nườm nượp, có vẻ lộ liễu hơn hẳn thời hôm nay. Hồi đó, đôi nào hơi chậm chân thì chỉ mới đầu tối đã chẳng hòng gì kiếm nổi trong công viên một ghế đá còn rỗi. Trong những góc thật khuất, mỗi băng ghế thậm chí có thể có đến hai cặp đồng sở hữu. Không còn ghế, thiên hạ kê dép ngồi phệt, san sát, ngổn ngang, kín nghịt mọi bãi cỏ. Mùa hè, các công viên nội thành đều quá tải, người ta đành đưa nhau sang tận mạn tối đen bên kia hồ Tây, bãi Tứ Liên, đê Nhật Tân. Người ta lẩn vào cả trong vùng đổ nát quanh nhà máy điện Yên Phụ. Lắm đôi gần như bạ chỗ nào cũng xong miễn tối tối, vắng vắng và kín kín một chút. Các chàng các nàng mê mẩn quên giờ giấc, quên lời thầy mẹ dặn dò, quên những bất trắc lúc canh khuya, quên cả chuyện có thể gặp chúng tôi đi tuần.

Anh rể tương lai của tôi đã gặp phải chính một rắc rối như thế đêm ấy. Một đêm không trăng sao. Nửa đêm về sáng lại mất điện, Bách Thảo um tùm cây cối tối mịt mù. Tôi cùng mấy anh em trong tổ dân phòng khối phố rẽ vào đó kiểm tra đột xuất giấy tờ của các đôi. Bốn bề tối cam nhưng tình mắt chúng tôi vẫn lập tức phát hiện thấy từ bên hồ có người đang dắt xe bằng nhanh qua bãi cỏ. “Đứng lại! Dân phòng đây!”.

Người kia lao vút cái xe ra khỏi vệ cỏ, phốc lên yên và cuồng cuồng đạp phóng đi. Chúng tôi rầm rộ đuổi theo. Chiếc xe nọ thực mạng phi trên lối nhỏ ven hồ và vùn vút ngoặt gấp vào khúc quanh dưới chân núi Nùng, mất hút. Những luồng sáng đèn pin rơi với theo cho thấy kẻ trên xe tháo thân có một mình. Bực tức, chúng tôi sấn tới chỗ mà ban nãy gã đó đã dắt xe chạy ra. Ánh đèn châu lại chiếu sáng vạt cỏ bên một góc xà cừ. Vẫn còn một chiếc xe đạp và vẫn còn một người bị rớt lại đó. Một à. À đứng xoay lưng lại những luồng sáng đèn pin. Có lẽ do quá hoảng, riu chân nên cô nàng không chạy được, tay dắt xe mà không dắt đi nổi. “Tuột xích hả?”, anh tổ trưởng dân phòng lên tiếng. À nọ làm thinh. Tổ trưởng cau: “Đừng có mà lơ tơ mơ giả câm giả điếc nhá!”. Anh nạt: “Đêm hôm mò vào đây làm gì? Quay đây xem cái mặt nào! Giấy tờ đâu? Cô là ai?”.

Là Thảo. Buồng tay khỏi chiếc xe, Thảo xoay người lại, ngẩng đầu lên.

Làn tóc như sóng, xõa xuống. Cái áo cánh nửa hàng cúc không cài. Tất cả những luồng sáng như nín thở, như ngậy hết ra, mãi rồi mới loạc choạc chiếu tán đi. “Tương ai!”, tổ trưởng của chúng tôi nói, thở dài. Anh rọi đèn ra đằng sau Thảo, soi lên chiếc xe đạp vừa đổ ngã vào thân cây. Im lặng một lát, anh nói, nhát gừng, giọng rất khàn: “Xe cô, nó vỡ. Xe nó, nó khóa trái, ôm chìa chạy mất dép... Cái thằng đó thằng nào thế, sao thằng đều thằng hèn thế mà cũng theo?”. Nhưng chỉ hỏi vậy thôi, chẳng hỏi gì thêm, anh quay lưng bỏ đi. Mọi khi, trường hợp như thế này, đối tượng phải bị điệu về trụ sở

dân phòng để lập biên bản. Sẽ không có chuyện như vậy. Vậy mà trận này với Thảo, chẳng hiểu tại làm sao mọi người rất nung tay. Chẳng cần vặn gì, chẳng tra xét gì cả, anh em trong tổ im ắng rút theo tổ trưởng. Mỗi mình tôi nán lại.

Kỳ cách tôi dùng dao nhíp cạy khóa chiếc xe. Bánh trước cái khóa dây, bánh sau khóa còng cua, đều không có chìa. Thảo im lặng đứng bên soi đèn cho tôi. Sau thoáng chốc sừng sốt ban đầu, tôi đã mau chóng nguội hết kinh ngạc, dù sự thế thật quá khó tin. Chiếc xe Mi-pha bị lẳng lại đây là của Hằng, chị gái tôi. Chị Hằng vẫn thường đổi xe cho anh Quân, để anh ấy diện, còn chị, chị ưa cái Thống Nhất cà tàng của anh. Ban nãy, khi những vệt đèn pin rọi rượt theo tay đàn ông, soi trúng lưng trúng gáy y, tôi đã ngỡ ngợ. Quả nhiên, đích thị, là anh Quân. Chỉ tuần sau thôi là anh ấy với chị tôi *tổ chức*, thiệp mời đã in xong, mấy bữa nay tôi đang có nhiệm vụ đi rải.

Tôi ném thia lia hai cái khóa khôn nạn ra thật xa trên mặt hồ. Vừa khi đèn đã cạn pin. Trong Bách Thảo dòng điện vẫn chưa hồi. Thảo không nhìn thấy mặt tôi, có lẽ chẳng biết tôi là ai, mà chị cũng chẳng hỏi, chẳng nói năng gì, chẳng cả cảm ơn nữa. Đón lấy ghi đồng từ tay tôi, nhưng suýt thì chị làm đổ xe. Hương hoa sữa về khuya gần như sánh lại, ngào ngạt, bứt rứt trong không khí. Ở vòm lá bên trên chúng tôi, một con ve sầu lên tiếng muồn màng vào lúc nửa đêm. Trong bóng tối, tôi chỉ thấy được Thảo trắng trắng mờ mờ, gương mặt, cánh tay, bờ vai.

Thực tình tôi không biết là tại làm sao mà lúc ấy mình lại như thế. Bỗng nhiên, hoàn toàn bất ngờ với chính mình, tôi

đưa tay lên ngực Thảo, và rất run, những ngón tay tôi lụng
vụng, lỏng ngóng, rờ tìm, cài lại được một, rồi hai cái cúc áo.
Thảo đưa tay lên gỡ nhẹ tay tôi. Ngay lúc đó trong Bách Thảo
đèn sáng trở lại, nhưng chỗ chúng tôi đứng vì rất khuất nên
ánh đèn không rọi vào được, vẫn tối đen.



Sự việc đêm ấy, có nguyên cả một tổ dân phòng chúng tôi
chứng kiến, tưởng là nhất định sẽ ầm lên, vậy mà chìm hẳn.
Chẳng ai bảo ai mọi người như thể đồng lòng bao che cho
Thảo. Bản thân anh Quân thì lẽ dĩ nhiên là đã rất kín miệng,
nhất là anh bình tĩnh. Sau đêm đó, để nghe ngóng, anh chỉ
nhăng ra có đúng một hôm thôi không tới. Chị Hằng tôi và
cha mẹ tôi chưa kịp lấy làm lạ, tôi đã lại thấy anh mở cổng dắt
xe đạp vào nhà. Vẫn chiếc xe đạp Đông Đức xanh nõn chuối
ấy của chị tôi. Thái độ của anh rất đối đảng hoàng, hoàn toàn
là như không vậy. Chẳng phải là anh giả đồ. Tính anh như
thế. Dáng vẻ nhũn nhặn, ăn nói cầu hòa, nhưng anh luôn có
đức tin tuyệt đối vào bản thân mình, một lòng tự tin kín đáo
nhưng chắc nịch. Tôi tự hỏi không biết là anh đã bắt đầu lòng
thông với Thảo từ khi nào, trước hay là sau khi quen biết chị
Hằng. Chắc là sau, chắc là anh ấy *tăm* được Thảo nhân những
lần đến với chị tôi.

Chẳng thể ghét anh ấy được. Chẳng thể khinh được, trái
lại. Anh ấy lừa dối chị tôi nhưng bù lại cũng hiển nhiên là anh
yêu chị ấy. Yêu đảng hoàng, yêu mình bạch, và đã yêu liền

một mạch nhiều năm rồi. Còn chị Hằng thì phải nói là đã yêu hơn cả yêu. Chị có vẻ như là muốn chết đi được vì được yêu. Lắm khi bắt gặp cái nhìn của chị hướng tới anh, tôi phát sợ. Một cái nhìn đắm đuối, van vãn, chứa chan lòng ngưỡng mộ, sự trung thành.

Trước ngày cưới cả tuần chị tôi sống trên mây. Ngày cưới chị như ngày đi. Làm sao mà tôi dám nhân tâm nói hờ ra một lời nào có thể làm lật ngược mặt của chị cái niềm hạnh phúc nom đến là thương tâm ấy? Không phải chỉ trong những ngày của hôn lễ mà mãi nhiều năm về sau tôi đã tuyệt đối không hé răng. Trong cư xử hàng ngày tôi cũng luôn giữ được vẻ bề ngoài thật là bình thường với chị. Cả với ông anh rể nữa. Tôi không biết là anh có biết tôi *biết* không nhưng tôi đã cố tỏ ra như là chẳng hay biết gì hết. Sớm thích nghi với vị thế một thằng em vợ, tôi sống thiện chí, không hề nói gì hay làm gì khiến anh khó nghĩ. Ngay cả với việc anh về ở rể, tôi cũng dễ dàng đồng ý theo mọi người. Tôi chỉ không chịu chiều ý cha mẹ muốn tôi đổi chỗ nhường cho cặp tân hôn căn phòng của tôi rộng hơn.

Nhè ngay cái phòng trông xuống sân sau ấy mà xây tổ ấm, ai đời lại như thế bao giờ! Tôi thấy có cái gì thật quá đáng, một cái gì ang ác trong hạnh phúc của anh Quân chị Hằng, trong tiếng họ nói họ cười, trong cái cách hai anh chị sau ngày cưới rảo quanh suốt lượt hàng xóm láng giềng, chào hỏi và ra mắt. Khi hai người gõ cửa căn buồng ga ra, tôi đứng ở ban công nhìn xuống. Nghịch cảnh quá thế bi hài. Đã thế, vào thăm nhà Thảo đương khi ông thân của chị bệnh nặng nên

cặp mới cưới còn tốt bụng tha theo một túi nặng những đường những sữa với cả một bịch các thứ thuốc bổ. Nhiều năm sau này khi vỡ nhẽ mọi sự, chị tôi không uất anh Quân mà uất tôi. Chị hận nhất là cái chuyện ngày hôm đó tôi đã mặc kệ chị bị hổ, bàng quan nhìn chị lẻ mề quả cáp tươi rói theo chồng vào thăm nhà “con đi”. Chị bảo sự im lặng đáng sợ ấy của tôi là biểu hiện tối đa một lòng dạ bạc bẽo. Tôi không biết làm sao phân trần. Chị tôi mắng vạy cùng chẳng sai. Dừng dừng ơ hờ, thần nhiên vô sự, cái tật đáng khen ấy ở tôi hình như ngay từ hồi đấy đã rất trầm trọng. Thế nhưng tình thật mà nói thì không phải tôi không biết bản khoãn là gì. Còn đây bản khoãn nữa là khác.

Trò đời đối với tôi quá là quá kỳ lạ. Anh rể tôi rõ ràng đã mặt thốt phốt tỉnh Thảo, nhần tâm thoải mái vui duyên mới ngay kể nhà Thảo vậy mà chẳng hiểu sao đã chẳng hề kích lên ở chị một mảy may nổi oán hờn. Âm thầm chị bụng bit cho anh, kệ cho anh được ung dung mặc sức, không hề có thoáng qua một lời, một cử chỉ, một biểu hiện nào lộ ra là đã từng biết anh. Chị đã lảng lạng tránh đi, như để khỏi nhìn thấy anh ấy, khỏi trông thấy, nghe thấy sự sung sướng, sự mãn nguyện của anh ấy, của chị tôi. Ban ngày không bao giờ Thảo có nhà, song cũng thường xuyên đi vắng suốt tối, nhiều hôm phải giữ gìn sáng mới lần về. Qua những lời bàn tán vọng lên từ dưới sân, tôi biết Thảo vừa được nhận vào làm nhân viên hợp đồng ở Quốc doanh chiếu bóng, song tôi cũng biết là chẳng một rạp xi nê nào trong thành phố có suất chiếu muộn đến như vậy.

Đêm hè, mắc màn ngủ ngoài ban công, tôi có thể nghe thấy gần như tất cả những động tĩnh của Thảo, từ lúc vừa lạch xạch dắt xe đạp về cho tới tận khi đã ngả lưng. Mọi sinh hoạt của Thảo, xách nước, nấu cơm, giặt giũ, thay chân chiếu và vệ sinh cho ông bố già đau ốm đều ẩn vào đêm. Le lói, giữa canh khuya, cả khu nhà chỉ một mình căn buồng của chị còn thức, im lìm vệt sáng đèn vẽ hờ theo khe cửa. Đôi tai đã trở nên quá nhạy của tôi có thể nghe thấy tiếng cánh cửa liếp của căn buồng ga ra nhẹ nhàng hé mở, nghe thấy Thảo bước ra sân. Tôi có thể nghe thấy ở chỗ hốc tường góc cuối sân, sau manh chiếu che buồng tắm chậm chậm tiếng nước dội, từng gáo nhỏ một, se se.

Từ sau cái đêm ở Bách Thảo, bỗng dưng tôi thành ra như là người đa cảm. Một trạng thái tựa tựa như cơn sốt âm ỉ khiến tôi vừa bơ phờ bài hoại, lại vừa chộn rộn bứt rứt. Vốn chẳng ưa thích gì lắm phim ảnh mà dạo đây tôi lại năng đi xem. Nhưng chỉ đến duy nhất rạp Bắc Đò bên gậm cầu, một cái rạp hạng bét. Mua vé xong, bao giờ tôi cũng đợi buổi chiếu bắt đầu được vài phút mới vào. Hướng dẫn chỗ ngồi cho khách không phải khi nào cũng là Thảo, nhưng tôi cầu mong là chị và lạ thay đã luôn luôn được như thế. "Xin quý khách đi lối này. Xin hãy thấp người xuống", chị nói, thăm thì. Chỉ những dịp ngắn ngủi chẳng nhìn thấy gì ấy, trong bóng tối nóng ngột, rối bời, loang loang ấy, là tôi được nghe Thảo nói với chính tôi và được vài bước chân đi sát kề, gần như nép vào chị.

Nỗi niềm thăm lén của tôi cứ mờ mờ mịt mịt như vậy mãi mãi. Thảo chắc là chẳng hề biết đến sự hiện diện của tôi cả

trên ban công lẫn trong rạp chiếu bóng. Nhưng, như là để bù lại, tôi luôn nằm mộng thấy Thảo. Thảo thường đến với tôi vào quãng trước hùng đông. Buổi sáng, thức dậy, một làn hương mơ hồ như là hương thơm của giấc mơ vẫn còn vương vấn mãi.



Năm ấy, sau Tết ta, ông thân của Thảo qua đời. Người ta bảo rằng ông cụ mất đi thật là đúng lúc. Chỉ nán lại thêm dăm bữa nữa là cụ sẽ phải gánh theo xuống mồ trọn vẹn điều nhơ nhục của cô con gái.

Nhưng mà cái điều nhơ nhục ấy thực ra là một mối tình. Mối tình của Thảo với Minh, anh trai tôi. Đang là nghiên cứu sinh ở Liên Xô, Tết ấy anh Minh được gia đình triệu về, để lấy vợ. Cố nhiên không phải là lấy Thảo. Tôi chẳng hiểu đầu cua tai nheo ra làm sao nữa. Hồi đang ở nhà chưa đi du học, ông anh tôi tính tình còn khệnh hơn cả tôi, có bao giờ mà anh lại để mắt đến Thảo. Ý trung nhân của anh là chị Diễm, một bóng hồng thuần tha, đoan trang kiêu my vào cỡ nhất cả khu phố. Ông bố của chị cấp ngang thứ trưởng, và chính là do ông thứ trưởng ấy bị đột quỵ mà anh Minh phải cấp tốc về nước tổ chức cưới chạy tang.

Chẳng khác nào là một dị bản của đám cưới anh Quân chị Hằng, hôn lễ chị Diễm anh Minh cũng đã định ngày, cũng thiệp mời đã gửi, và cũng thế, phút cuối cùng, lại là Thảo xen vào. Chỉ có điều là ở dị bản anh đàn ông đã không bỏ của

chạy lấy người, không im lìm chùi xóa nhẵn nhụi dấu vết cuộc đàn dúi. Có thể là vì mới từ xứ tự do luyện ái trở về nên anh Minh tôi không úp mở gì hết, chẳng chút ý tứ giữ gìn. Vừa chân ướt chân ráo về nước đã bập liến vào Thảo và đã lập tức yêu cuồng lên. Sự bội tình của anh mau chóng rành rành ra trước mắt thiên hạ. Hầu hết nữ phái, nghĩa là già nửa dư luận trong phố sôi lên phẫn nộ, cả mẹ tôi nữa, và nhất là chị Hằng tôi. Nhưng anh trai tôi, con người của học hành, đạo lý và khuôn phép đã trở nên đặc biệt cứng đầu, ngày một thêm bạt mạng. Sự việc ầm ĩ lên chỉ tổ giúp anh gạt nhanh mọi do dự. Công nhiên dẹp bỏ đám cưới, anh tàn nhẫn cắt đứt với chị Diễm. Anh gần như là phô trương thái độ bất tuân phụ mẫu và bất cần thiên hạ. Còn non tháng nữa mới phải quay sang Liên Xô, anh đã dứt khoát rời khỏi nhà cha mẹ, chuyển tới ở nhờ nhà bạn. Giận điên người, song thân tôi tổng hết ra cửa mọi thứ của nả và quà cáp anh tải từ bên tây về. Minh liền khuôn tất xuống phòng Thảo. Trước lúc bỏ đi, đứng ở cổng, anh xác xược tuyên bố rằng nếu không vì ngại cho Thảo bị người ta đồn ép thì anh đã chẳng xá gì mà không vào sống với Thảo một phòng. Chờ bốn chín ngày của ông cụ xong là cưới! - Anh tôi hùng hổ dọa thế. Bảy giờ tuy phải ngả theo quan điểm chung của cả nhà, mà thực lòng tôi phục anh tôi sát đất.

Và có vẻ như là anh tôi thật chí làm liều. Có vẻ như anh chẳng còn thiết gì bàn luận văn đang dang dở ở bên Nga. Ngày nào anh cũng về nhà, nhưng chẳng lên với gia đình, chỉ cứ buồng Thảo chui vào, ngồi chơi đến chớm khuya mới tạm biệt. Ngày nào mẹ tôi và chị Hằng cũng ít nhất một trận làm

dữ, nhưng Minh Thảo mặc kệ, hoặc đóng chặt cửa, hoặc xe máy dong nhau ra phố. Hôm giỗ bốn chín ngày ông bố, Thảo biện mấy mâm mời suốt lượt các gia đình trong cùng số nhà. Gia đình chúng tôi chẳng ai xuống, cố nhiên là trừ anh Minh. Anh ở bên Thảo từ sáng tới tận tối, xăng xai chạy ra chạy vào đi lên đi xuống phụ giúp chị. Anh thay mặt chị đón khách tiễn khách. Anh qua lại các mâm trong nhà ngoài sân, mời nước, mời thuốc, tiếp rượu, chuyện trò thưa gửi. Như là một với Thảo, anh xưng *chúng tôi*, và tự nhiên như tây gọi Thảo bằng *em của anh* trước mặt mọi người.

Tôi thần thờ đứng ngoài ban công rất lâu, nhìn, vô hạn buồn nản. Anh Quân đã đứng cạnh từ lúc nào, tôi chẳng biết. “Nó giỗ bố nó hay nó làm lễ lên giường với ông anh cậu thế, tôi đồ cậu phân biệt được đấy?”. Nhếch mép, Quân cười. Một cái cười khẩy, tuy nhiên méo xệch. Anh châm một điếu thuốc và lập tức sặc sụa. Nồng nặc xộc lên mùi rượu. Xưa giờ, rượu và thuốc lá là hai cái thứ ông anh rể của tôi đặc biệt ghét. Nom anh bơ phờ, mặt mày xạm hắc, tái dại.

Tôi và anh Quân tuy chưa bao giờ là quá thân mật nhưng đã luôn hữu nghị với nhau. Thời gian trôi qua mới hơn nửa năm song tôi đã gần như quên hẳn cái hành vi bần tiện của anh ở Bách Thảo. Cả những khi thấy anh lúi húi tỉ mẩn lau chùi ky cọ chiếc xe đạp Mi-pha ấy tôi cũng gắng không cho một ý nghĩ mai mỉa nào gợn lên trong lòng. Thực tình là tôi chẳng muốn nhớ. Dù sao đi nữa thì anh Quân cũng quả thật người tử tế. Với cha mẹ tôi, anh hết sức hiếu thảo, chu đáo mọi bề, không chê vào đâu được. Với chị Hằng, anh tận tình

yêu thương, nhất là từ khi biết mình sắp thành bố trẻ con. Tôi không nghĩ rằng anh đóng kịch. Hoàn toàn không có vẻ gì là kịch. Vả chẳng kịch để làm gì.



Tôi hôm ấy tôi đi ngủ sớm mong trốn khỏi những ý nghĩ trong đầu và tiếng ồn dưới sân. Nhưng mãi mới thiếp đi được. Quãng nửa đêm lại bị thính giác lay thức. Có ai đó lên vào phòng, tới sát giường. Tôi om, nhưng tôi biết ngay đấy là Quán. Anh đứng im bên giường tôi một lát rồi nhón bước quay trở ra. Tôi đếm được từng bước chân cực kỳ rón rén của anh xuống cầu thang, tôi nghe anh lẹp nhẹp đi qua sân sau. Ngồi dậy trong màn, không cần phải ra hẳn ngoài ban công, tôi cũng biết là anh dừng bước trước cửa buồng của Thảo. Anh không gõ mà cào cào như mèo vào cánh cửa liếp. Tôi thậm chí nghe được tách một cái tiếng công tắc đèn bật lên. Cánh cửa nhà Thảo hé mở ra rất nhẹ. Tôi không thể biết phản ứng của Thảo sẽ như thế nào: hét lên, nức lên, gào khóc, nguyên rủa, xua đuổi... tôi chỉ hiểu rằng ngay bây giờ đây, ngay tức thì thôi anh Quán sẽ lộ tẩy chân tướng, đồng thời tai tiếng cũng sẽ đến với gia đình tôi, chị Hằng tôi sẽ khổ sẽ nhục, ngay bây giờ.

Nhưng, tình không có gì xảy ra hết. Chỉ có tiếng cánh cửa khép lại. Im ắng hoàn toàn. Không có tiếng chân anh Quán quay lên. Tôi mở cửa lách ra ban công. Đã quá nửa đêm. Mưa phùn rét mướt. Sau cánh cửa đóng chặt, buồng Thảo còn để đèn, nhưng chỉ một lát thì tắt, cửa vẫn đóng chặt, kín bưng.

Có lẽ do khí lạnh và hơi ẩm mà tôi trở nên bất động và vô cảm, tôi không nghĩ gì hết, cứ đứng ì người ra thế ngoài ban công. Hồi lâu, rét run tôi đành loạng choạng trở về giường. Giấc mơ quen thuộc lúc gần sáng không còn đến với tôi nữa, thay vào đây là tiếng chân anh Quân rón rén lên cầu thang mà tôi nghe thấy vào lúc gần sáng.

Giờ đây ngẫm lại những ngày tháng đó, thú thực tôi không hiểu nổi con người mình. Cùng một lúc cả chị tôi cả anh tôi cả cha mẹ tôi bị người ta lừa dối vậy mà tôi nín thính đứng ngoài cuộc, khách quan nhìn ngó và lắng nghe. Những đêm đen vụng trộm của ông anh rề thì cứ lặng lẽ tái diễn. Đêm ấy, đêm sau, rồi lại đêm sau nữa... Rất êm, rất khéo, tuy nhiên hành tung của anh vẫn là rất liêu lĩnh và lộ liễu. Nửa đêm, tiếng chân xuống cầu thang. Tiếng chân đi ngang qua khoảnh sân sau lép nhép bùn. Tiếng mèo cào vào cánh cửa. Tiếng cửa mở ra thật nhanh, khép lại thật nhanh. Gần sáng, lại những tiếng động đó nhưng ngược trình tự. Cửa mở ra. Tiếng chân nhón bước lên cầu thang... Vậy mà chẳng ai hay. Hai kẻ báng bổ ấy mới may mắn làm sao. Cả khu nhà với bao nhiêu những tai những mất đã không hề bị đánh động. Còn chị Hằng tôi, bụng mang dạ chửa mà đêm đêm cứ ly bì mê mệt chẳng khác nào uống quá liều thuốc ngủ. Rốt cuộc chỉ một mình tôi sống trong đêm với cái cuộc tình dễ sợ và ảm đạm như của loài ma ấy. Cả khi thức cả khi ngủ lẫn khi chập chờn, tâm trí tôi luôn luôn mấp mé, châu chực ở sát bên cặp tình nhân tham tàn, hai con người man dại đó, như thể pháp phòng canh chừng cho họ.

Nhưng mỗi sáng ra, trở dậy, ngó vào buồng ăn, thấy anh Quân chị Hằng thân thương bên nhau, điểm tâm và trò chuyện, tôi không sao nuốt nổi suất quà sáng của mình. Và bởi sức người có hạn, không kham nổi nữa, tôi xin cha mẹ cho phép chuyển vào nội trú trong ký túc xá sinh viên.

Mẹ tôi nhất định không bằng lòng, buồn bực trách cứ tình cảm gia đình của anh em chúng tôi quá ư nhạt nhẽo. Nhưng cũng nhờ những lời mẹ phàn nàn nên tôi mới được biết rằng không chỉ anh Minh và tôi mà cả anh Quân cũng đang muốn bỏ nhà ra đi. Anh rủ tôi được điều vào Sài Gòn giữ chân trưởng ban đại diện của cơ quan ở trong ấy. Mặc dù chị tôi còn vài tháng nữa là sinh, mặc dù cha tôi thừa sức can thiệp để anh không phải đi, nhưng anh đã nhất quyết. Anh đã định ngày, ngay đầu tuần sau. Đã đặt vé xe lửa. Mẹ tôi vừa bực vừa thương anh Quân gàn tính, vì việc chung quên tình riêng, bỏ nơi đầy đủ sung túc xông vào trong đó chuốc lấy kham khổ, chấp nhận cuộc sống “nhá bo bo đắp đổi qua ngày”.

Song thân tôi đã luôn sai lầm về anh Quân. Chị tôi cũng vậy, cả tôi nữa, không bao giờ có thể lường hết được bụng dạ anh ấy. Tôi cứ nghĩ anh buộc lòng phải ra đi như vậy là để chấm dứt một lần cho xong với Thảo. Anh ấy đã không còn cách nào khác, tôi nghĩ như thế. Thế nhưng, cách ứng phó của anh với đời thực ra là đa dạng và uyển chuyển hơn tôi tưởng rất nhiều. Bởi vì, rốt cuộc, anh Quân đã không hề phải trốn chạy đi đâu hết. Người phải làm lủi trốn đi là Thảo.

Bỗng dưng, Thảo từ bỏ cửa nhà, biến đi biệt tích. Đột ngột, một buổi sáng, căn phòng ga ra của chị đã thuộc sở hữu của

nhà hàng xóm kẻ vách, cả đồ đạc nữa. Có lẽ chỉ những láng giềng gần sau của chị là biết trước sự tình. Chúng tôi, những người ở nhà trên thì không hề hay. Ngay tôi cũng bị bất ngờ, tôi không cảm thấy gì hết, không nghe thấy gì bất thường dưới phòng chị đêm chị ra đi. Điều duy nhất tôi lấy làm lạ là không nghe tiếng ông anh rế lần mò xuống đó đêm ấy.

Còn ông anh trai của tôi thì có thể nói như là bị trời giáng. Hôm trước anh còn tới chơi, còn ngồi hết buổi tối trong phòng của Thảo. Hôm sau, thậm chí cả một phong thư, một lời nhắn nhủ Thảo cũng không để lại cho anh tôi. Toàn bộ cửa nhà đồ đạc Thảo nhượng lại cho người ta thật mau và thật êm để lấy có vài chỉ, lại lặng thinh khăn gói lặn không sùi tăm như thế, hẳn là đi vượt biên rồi, mọi người trong khu nhà đều nói vậy. Anh tôi tê điếng, tái đại, loạng choạng bỏ lên nhà nằm lịm.



Anh trai thì suy kiệt tinh thần, anh rế sắp lên đường, chị gái bụng mang dạ chửa, tất nhiên tôi không thể lập tức bỏ vào ở trong ký túc xá. Đây là những ngày khó chịu không tả được. Không khí trong nhà khiến tôi khó thở. Tuy rằng mừng trong bụng với việc Thảo đã chịu “buông thả” cho anh Minh nhưng mẹ tôi, chị tôi vẫn thấy sự đứt tình trắng trợn và trơ trên ấy xúc phạm quá xá danh dự gia đình chúng tôi. Cứ bữa cơm tối đông đủ cả nhà là hai người căm phẫn nói chuyện về Thảo. Cha tôi thì nóng ruột và giận dữ vì sự kém cỏi bản lĩnh của anh Minh. Gay gắt chỉ trích trạng thái tinh thần lệt bệt kéo

dài của anh, cha tôi đòi hỏi và thúc bách anh mau vực mình lên, nhanh chóng thu xếp để trở sang Nga mà lo cho xong cái sự nghiệp phó tiến sĩ. Anh tôi lúc cãi lại, lúc lý ra thăm lăm, lúc vùng vằng buông bát buông đưa bỏ về phòng riêng nằm vật.

Tôi thì vẫn như thông lệ, chẳng nói năng gì, không can dự. Tôi chỉ ngằm quan sát anh Quân. Tôi thấy anh quá ư điềm nhiên, một vẻ điềm nhiên mà tôi nghĩ là trên mức cần thiết. Anh từ tốn lên tiếng dần hòa mọi người, khuyên mẹ tôi và chị Hằng quên “cô ta” đi, xin cha tôi bớt giận, thông cảm cho nỗi đau của anh Minh, vân vân và vân vân. Nhưng chẳng cần phải là kẻ thâm trầm sâu sắc gì cho lắm, tôi cũng bắt gặp được những thoáng chốc bản thân trên gương mặt anh. Càng cận ngày anh lên tàu vào Nam những thoáng chốc như thế tôi càng bắt gặp nhiều hơn. Dù có tài thánh cũng không ai trên đời này có thể hoàn toàn giấu tiết được thực chất tâm trạng mình, nhất là tâm trạng do dự, nổi phân vân, sự ngần ngại.

Đến khi chỉ còn một ngày nữa là khởi hành thì ông anh rể tôi bỗng nhiên thay đổi. Anh công khai trở nên dăm chiêu. Anh ưu tư ra mặt. Anh rối bời vì âu lo cho tình trạng sức khỏe của chị tôi. Rồi bất ngờ anh tuyên bố anh không thể ra đi, hoàn cảnh gia đình lúc này đang rất cần anh, nhất là chị Hằng, vì vậy anh cần phải ở lại. Anh xin cha tôi nói với trên thôi không điều động anh nữa. Mặc dù không hài lòng với sự rút lui quá cấp kỳ của anh Quân, nhưng cha tôi công nhận sự rút lui ấy là hợp tình hợp lý, và việc gì chứ việc giữ anh lại ở ngoài này thì trong tầm tay ông, ông thu xếp được ngay.

Chị tôi vui mừng, hoan hỉ dỡ bỏ tư trang của anh ra khỏi

va ly. Còn tôi thì được nhiệm vụ ra ga “đá” lại cho anh cái vé tàu Thống Nhất. Cầm tấm vé trên tay, tôi chợt hiểu. Mấy bữa trước cứ lấy làm lạ là vì sao anh Quân lại phải chịu khổ sở thế không chịu đi máy bay.

Hôm sau, trước giờ đoàn tàu Nam chuyển chiều tối chuyển bánh, tôi lần ra ga để được nhìn thấy Thảo. Tôi tuyệt đối không may mắn gì nghi gì chuyện đấy.

Chiều xuân, mưa phùn, nhưng trong mưa vẫn gió bắc lùa hun hút. Trên sân ke xám xịt, ướt át, lạnh lẽo, đông nghịt hành khách và người đưa tiễn. Giữa đông người như vậy mà tôi tìm ngay được Thảo, trông thấy Thảo ngay là nhờ cái nhìn không lẫn vào đâu được của những anh đàn ông. Những cái nhìn mà tôi đã quá quen, những cái nhìn của sự không thể nhìn được mỗi khi người ta nhắc thấy Thảo.

Còi tàu đã rúc lên. Thảo vẫn dưới ke, trong mưa. Va ly trên ghế đá. Vẫn còn vài hành khách tới trễ, tay xách nách mang hộp tóc đi mau qua cửa kiểm soát, vội vội vàng vàng chạy qua màn mưa đã bắt đầu nặng hạt, chen lên toa. Thảo nhìn họ, nhìn về phía cửa phòng chờ, nhìn những người đưa tiễn đang dạt ra đứng tránh mưa dưới mái hiên. Chị nhìn cả tôi vào tôi nữa. Tuy nhiên, là một cái nhìn trống không, nhìn mà không nhìn thấy gì cả.

Tiếng còi tàu một hồi nữa cất lên thúc bách. Một nhân viên hỏa xa đến bên Thảo. Anh ta xách va ly của chị lên, đi tới cửa toa giường nằm. Thảo lặng lẽ theo sau. Hai người vừa vào trong toa thì cả đoàn tàu giật mạnh một cái, rùng mình chuyển bánh...

Mắc cạ

Vào thời của Túc và Hào, bỏ nhau dù đã dễ hơn xưa nhưng chưa thể dễ bằng thời bây giờ thế hệ trẻ. Hồi đó, Hào Túc thuận vợ thuận chồng đến thế, đồng lòng đâm chung một lá đơn đánh máy, xưng *chúng tôi*, không nguyên không bị, cùng nhau thống nhất duyên cớ, lại còn cùng nhau chịu mọi tổn kém, san sẻ mỗi bên mỗi nửa tất tậ những món trà thuốc phong bao phong bì dùng để bôi trơn các cửa, vậy mà sự chia ly cũng rất lùg nhùng.

Vợ chồng sát cánh đợi chờ, mất biết bao nhiêu là công phu, nghị lực và phí tổn, mãi hoài rồi mới tới được với cái ngày thu đẹp trời ấy. Hai người được trát triệu hầu tòa. Ở đó, sau khi nghe thêm một lượt nữa lời bà chánh án khuyên răn, can gián, hòa giải, anh chị được cầm lấy bút, và bấy giờ mới thực sự là lần chót chữ ký của Hào của Túc nằm chạ nhau.

Đôi lứa đã rẽ duyên lẳng lẳng ra về song cũng vẫn chưa thể ngay tức thì đôi ngả. Chiếc xe đạp sấm hồi mới cưới giờ đã bể rạc, treo treo nghiêng rãng, Túc và Hảo một lần chót lai nhau dọc phố. Từ tòa án về nhà đường xa năm cây số, và tuy rằng Hà Nội ngày thu đẹp trời thật đấy nhưng với ai chứ với họ thì thời tiết sao mà tức thở, nồng nực, oi ngột, nằng chằng chang.

Hỏi rằng vì sao ở đời có sự yêu nhau, vì sao không đâu người này lại chọn người nọ, từ lạ hoắc lạ hơ tự dưng nhập vào nhau đàn ông đàn bà, ai mà có thể trả lời. Cũng vậy, thiên hạ thôi nhau, không thương nhau nữa, đường ai nấy đi, nào có bởi can cứ gì.

Xưa xưa, Túc Hảo sơ khởi đánh bạn khi đang cùng nhau trên tàu liên vận. Cả hai cùng xa Hà Nội năm lên mười tám. Vì là con độc không phải nhập ngũ, lại học giỏi đỗ cao nên Túc được chọn đi tây. Hảo thì không giỏi mấy, nhưng thuộc diện ưu tiên. Tình bạn bè giữa hai người ra đời từ trong tình cảm chung của tập thể đoàn lưu học sinh nô nức mừng vui rời ga Hàng Cỏ. Sang tới Bằng Tường, chuyển qua các toa Trung Quốc rộng rãi, sạch sẽ, tiện nghi, thật sướng, còn vui hơn. Năm ấy chưa ai có thể biết trước được là cuộc chiến tranh khốc liệt sẽ chấm dứt vào cuối mùa xuân năm sau, chỉ khắp khởi biết rằng hành trình này đây đang rộn ràng đưa mình từng cây số một rời xa đất nước nghèo khó, nặng trĩu gian nguy. Cũng năm ấy, ở nước bạn, Cách mạng Văn hóa đã vào hồi thoái trào, đoàn tàu chở lưu học sinh không gặp một mây may rắc rối. Các chàng các nàng như thế đối đời. Họ mập lên, họ tăng trọng, hồng hào, rạng rỡ, vui vẻ riu rít, chan chứa lòng yêu đời, sự

biết ơn và những xúc cảm lãng mạn. Lúc tăng bo qua biên giới hai nước Trung Xô thời ấy đang kinh nhau, Hảo Túc vai kề vai, cùng cả đoàn tay đưa cao cuốn sách nhỏ bìa đỏ, ca vang Đông Phương Hồng. Hảo hát giọng kim, rất hay nhưng hơi run vì xúc động quá độ, nước mắt trào. Túc cũng xúc động lắm nhưng không khóc, giọng anh trầm, khỏe. Hai người đã chính thức lọt vào mắt nhau từ cái thời khắc thiêng liêng Việt Trung hữu hảo đó và trong niềm cảm động có phần hơi buồn cười ấy.

Ngay sau đấy tình cảm lại run rủi có được một tình cờ. Túc với Hảo cùng bị giữ lại ở bệnh viện cửa khẩu, không theo đoàn được. Túc thì do đã tuổi gần đôi mươi mà lên quai bị, Hảo thì phải chữa trị chứng ngoài da tha từ sơ tán bên nhà sang. Hai người cùng xuất viện, và trên chuyến tàu xuyên Xibia, chỉ mỗi bé bỏng họ với nhau lọt thỏm giữa những hành khách đồ sộ người Nga.

Sáu năm xa nhà hai người chẳng được sống kề, nhưng không quá cách biệt. Hảo học ở Adecbaidăng, Túc ở Acmeni. Thư từ, điện thoại thường xuyên, nghỉ hè nghỉ đông đều đặn qua lại. Trước khi về nước, Túc sang hẳn Bacu phụ Hảo lo cái thùng hàng gửi tàu biển. Bảy giờ đã mất nẻo về theo đường xe lửa, hai người thu xếp bay cùng một chuyến.

Tuy chưa đến độ phải cuồng quýt cưới ngay khi vừa đáp xuống Nội Bài, họ cũng không quá chùng chình ngậm ngùi. Tìm hiểu nhau rồi thì lấy nhau là lẽ đời cần thiết. Túc có căn hộ hăm tư thước vuông khu tập thể thừa kế của song thân đã qua đời, còn Hảo thì tuy ruột thịt đều đã vào hết Sài Gòn nhưng bù lại có ông cụ làm lớn, từ tận trong đó vẫn đủ lực với

ra thu vén hai chỗ công tác rất dễ chịu tại Hà Nội cho cả cô con gái lẫn chàng tân lang.

Sau hôn lễ, cao đỉnh tình yêu dịu đi hơi mau. Cường độ vợ chồng thuần xuống, nhập rất nhanh vào nhịp sinh nhai ngày qua ngày. Nhưng nói chung ai mà chẳng thế. Ở đời này thật ra sự trắng mặt của các lứa đôi không hừng hực cuồng náo, không nồng cháy xoắn xuýt, không kỳ thú lâu la như là người ta cứ tưởng. Có cặp chi trong cái nhaoáy. Như Túc với Hảo là vừa phải.

Thiên hạ thường than là tháng ngày gang tấc kỳ tình thời gian chẳng chóng chẳng chày. Điều độ ổn định, một lòng xin được hai chữ bình an, cuộc sống gia đình, hạnh phúc nho nhỏ, thản nhiên vô sự đều trôi. Trông lên chẳng bằng ai, trông xuống chẳng ai bằng mình.

Chẳng hề có điểm xấu. Tính không thoảng một triệu chứng nào báo trước. Nồng nổi tuyệt đối vô hình. Trong đơn, trước tòa, Túc và Hảo chẳng một lời đổ lỗi cho nhau, cũng chẳng nài ra chuyện gì từ sự đời từ thế gian. Thế gian ai chẳng như ai, người thân người dung, xấu tốt dở hay, còn sự đời là sự đời chung, thành phố, cơ quan, khu tập thể, sướng vui, khổ sở, may mắn, vận hạn.

Nhún vai, chịu không cất nghĩa nổi sự rã đám vô vị giữa Hảo và Túc, những bạn bè từ thuở còn bên Liên Xô đùa rằng đôi uyên ương ấy bắt chước cuộc đồ vỡ diễn ra trên xứ sở yêu dấu của thời thanh xuân du học. Có vẻ như vậy thật. Tuy tổ ấm đã thổi ấm cúng từ lâu rồi trước đó, nhưng đúng là vào hôm họ chính thức đám đơn thì đài báo đang âm lên sự kiện

Acmeni và Adécbaidăng nổ súng giết nhau. Chuyện đục tường và thống nhất nước Đức gợi ý cho những kẻ có đầu óc hoạt kê gọi vách ngăn được dựng lên theo phán quyết của tòa tách đôi căn hộ Hảo Túc là “bức tường Bá Linh”.

Chương ngại bằng cốt ép không dày như bê tông đúc sẵn nhưng đủ bịt bùng. Chi phí vợ chồng cùng chịu. Và dù pháp luật không định rõ nhưng vợ chồng lẳng lặng thỏa thuận, anh ở buồng trong nhường chị phòng ngoài, diện tích bằng thể song ít nhiều thông thoáng hơn.

Biệt lập, cách bức rành rẽ trong ngoài, tuy nhiên không triệt để. Phần vì kiểu cấu trúc của căn hộ hăm tư thước khu tập thể vẫn buộc Hảo Túc vào ra một cửa, len cùng một lối đi cực hẹp, thổi nấu một khoang bếp nhỏ tẹo, tắm táp lau rửa và xử lý hàng loạt tình tiết riêng tư khác trong chỉ một ô vuông khít khít không thể ngăn đôi. Phần nữa vì mùi mè hơi khí của cuộc ăn ở chung bảy năm trời với nhau đã quyến dính, đã bết bám lại như keo, không cưa ra được, cũng không cách gì quạt thổi cho hả hết.



Như đã thuật lại ở trên, buổi trưa ấy sau phiên tòa Túc đạp xe lai Hảo trở về khu tập thể, trời rất oi, song không phải do nổi lòng khiến hai người cảm giác ra thế mà là thời tiết nó thực sự như thế. Đang quang không gian bỗng xảm lại. Biển mây kìn kìn. Mưa ào xuống khi bánh xe đạp vừa chớm tới thềm.

Mình dính ướt, Hảo vội đi tắm. Túc bật đèn lên và cứ nguyên

tóc với vai áo ẩm ngồi xuống đi văng. Anh cầm phích xamôva. Vợ chồng anh chuyên dụng loại ấm này. Nước trà sùng sục sôi rót vào đúng kiểu cốc Nga to đại, dày và nặng, nằm vừa xinh trong cái vỏ bạc có quai, chạm khắc tinh xảo. Uống như vậy, dù không có trà đen, chanh lát với đường viên, nhắm mắt lại, dường như ngoài kia tuyết rơi trắng trời.

Liên tiếp những chuỗi sấm lăn rền rền trên mây, nhưng tai Túc vẫn chạm từng tiếng động khe trong ngách buồng tắm. Cái gáo nhựa múc nhẹ nước từ thùng phuy ra, chậm chậm xối. Túc gạt cần máy quay đĩa. Triệu triệu bông hồng. Bài này Túc luôn thích thật ồn, còn Hào ưa nghe nhỏ. Túc cho hạ âm xuống một xú.

Giọng của ca sĩ và bước chân của Hào đi vào phòng lẫn dưới nền trầm trầm tiếng mưa rơi. Cảm thấy là Hào đang tới rất gần mình, bên bàn, nhưng Túc chẳng ngạc nhiên, chẳng hé mắt nhìn. Đã từ rất lâu rồi chẳng một lời với nhau và luôn cẩn thận tránh không bao giờ cùng nhau một chỗ trong phòng, song bây giờ chắc là Hào cần một cuộc nghị bàn, tính toán của nả đồ đoàn, chia bồi dứt điểm. Để thoáng mặt bàn bày giấy má, Hào lách cách đẹp nước nôi đi và nhẹ bưng lọ hoa hồng ra bậu cửa sổ.

Một cú sét điếng hồn. Tiếng choang vỡ trên nền nhà. Giọng ca nghẹn cứng lại như là bị dấm lên. Túc mở mắt. Đèn đóm tắt ngấm cả.

Hào cúi nhặt những mảnh vỡ của lọ hoa. Tầng trệt, điện cúp, tối âm âm. Ô cửa sổ sáng đùng đục. Mặt kính ướt lòng ròng, vẩy cả những vệt bùn từ sân thềm bắn tóe lên.

Sau này, ngẫm lại, Túc không tài nào hiểu nổi tại làm sao lại diễn ra như vậy. Anh chỉ có thể chắc chắn được một điều là mình không chủ định. Cả Hảo cũng vậy, không hề. Khi ấy Hảo chỉ là đã chạm rất khê vào Túc, có ý đề nghị anh dịch ra để chị lượm nốt những mảnh vỡ. Cho nên, hoàn toàn là bỗng dưng, vậy thôi, như là trút một tiếng thở dài, Túc nặng nề ôm lấy Hảo. Và ngược lại.

Suốt chiều đó, tối đó, rồi thông đêm, dòng điện không hồi lại. Ngoài trời, mưa khi tạnh khi sầm sầm thác đổ. Trong bóng tối nhòa mịt của căn phòng, dọc trên đi văng, hai người chẳng ăn, hầu như chẳng uống, hầu như không một lúc nào duỗi ra để có thể tạm rời nhau. Họ riết lấy nhau, chẳng thốt một lời, im lìm mé lịm gần như chết ngất. Có những khúc lặn, cùng nhau bật thiếp đi, nhưng như là sợ lỡ đà nên lại vội vội cùng nhau hồi tỉnh, lại cùng nhau nín thở sa nữa vào cơn mộng du âm thầm hồi hả, nóng bỏng và co giật, rục lên như lửa, mà đời họ chưa từng...

Miên man miệt mài như thế cho tới bất chợt một lúc nào đó, ánh đèn điện và đoạn cuối của *Triệu triệu hồng hồng* xô Túc ngồi bật dậy, choàng tỉnh. Trời sáng bạch. Hảo đã xách xe đạp ra khỏi nhà từ bao giờ. Túc vợ vội áo quần, ào nhanh vào buồng tắm. Hộc tốc anh chạy bộ đến bến xe buýt.

Sự đời quả thật rất lạ, bỏ vợ thì không được nghỉ việc một hôm nào nhưng bỏ chồng thì được. Buổi chiều, đi làm về, Túc cầm khẩu trục những đảo lộn mới mẻ Hảo đã kịp gọt gành hoàn tất trong ngày. Vách ngăn giữa hai phòng hiện lên đó như bởi phép màu. Đồ đạc thứ thì ở buồng trong vừa khiêng

ra, thứ từ buồng ngoài mới chuyển vào, giao hoán, bù trừ, anh được cái này chị giữ cái kia. Rạch ròi từ chiếc bát đôi đĩa, sòng phẳng, phân minh, chẳng thể nói được gì nhau.

Thực ra thì Túc cũng gương có được đôi ba lời, song Hảo không hưởng ứng. Chị không lạnh mặt làm thinh, nhưng giọng chị bình thản, thái độ chị điềm nhiên, như không vậy, chẳng còn vương một gợn nào nữa của cái nông nổi vừa xong nửa ngày một đêm mệt nhoài. Chị quét tước, lau dọn phần căn hộ thuộc sở hữu của anh. Chị là quần áo và sắp xếp lại tủ cho anh. Một thiện chí hững hờ với hàm ý khẳng định đây là lần chót, rằng từ đây mỗi người mỗi phận.

Cố nhiên đã thân ai nấy lo rồi mà vẫn một mái ấm thì hết sức cần cái. Ngoài bầu dưỡng khí, suốt một thời gian dài hai người vẫn còn phải chung hộ tịch, chung sổ gạo, chung nước trữ trong thùng phuy, chung chạn bát, bếp dầu, chung công tơ điện. Trăm thứ bà dằn của hậu kỳ thời bao cấp. Nhưng bởi vì đều là dân cố học, lượng chữ nghĩa đầy ắp, cả hai nhà trí thức đều thâm nhuần lẽ sống phẳng phiu, ý tứ và biết điều của thời ấy, cho nên dù gì vẫn cứ chịu nổi.

Buổi đầu, Hảo cũng khá là dè chừng, chăm chấp phòng thân như thế góa phụ thủ tiết. Về nhà là vào ngay buồng mình, đập ngay chốt cửa. Tối, khóa trái. Đêm xuống cài thêm then sắt. Một bước khỏi buồng cũng phải tươm tất trang phục và đầu tóc như đi ra phố. Chị cố hết sức tránh sự ra đụng vào chạm, nhất là tại những góc có tính công cộng của căn hộ. Nhưng sự cẩn trọng lơ lửng dần, vì mệt mỏi và vì chẳng cần thiết. Túc rất mực nghiêm ngặt, quá sức đàng hoàng. Bán

tính phải đạo và trình độ văn hóa đã giúp anh có được gần như ngay lập tức phẩm chất sáng giá nhất của một người láng giềng, ấy là đức dũng dũng.

Miễn đưa mắt, miễn dòng tai, miễn can dự này nọ, vô hại, ơ hờ, bình chân như vại, Túc có vẻ là người cuối cùng trong chung cư nhận thấy là Hảo đã mang bầu. Thậm chí, như là lời hàng xóm họ đùa cợt kháo nhau thì bữa ấy khi cô vợ từ nhà hộ sinh trở về, anh chồng cũ đã quá đổi lấy làm lạ, anh ta tưởng đâu tiếng trẻ oa oa khóc ở mé bên kia vách ngăn là kết quả của một quá trình sinh sản vô tính.

Tất nhiên là thiên hạ người ta cứ thích hài hước cho vui thế thôi chứ tán hài kịch ấy chẳng hài một tý nào. Sự đời vô cảm có gì mà vui.

Hài nhi chào đời do chứa hoang, mang họ của mẹ, thiếu ngày, kém cân. Mẹ nó lại không có sữa và dường như chẳng biết đường nuôi con. Càng thêm tháng thể trạng của đứa trẻ như càng thêm sa sút. Nó khóc đêm khóc ngày, sà sã dai dẳng ẹ ẹ dũa vào tai người ta.

Túc chẳng thể thấy mặt đứa bé ở bên kia vách nhưng anh bị buộc phải thu nhận ti mi từng nhịp sống ồm ồm của nó. Liên mấy tháng trời anh thống khổ chịu đựng. Ban ngày không thể đứng, không thể ngồi, không thể lật nổi một trang sách, buổi tối, canh khuya nằm bên này vách anh triển miên mất ngủ cùng với Hảo nằm bên kia. Anh cảm thấy quá sức tệ hại.

Hôm ấy, một giờ đêm, Túc chồm bật dậy, ra khỏi phòng, đi tới, đẩy cánh cửa phòng ngoài. Cửa không chốt, anh bước vào. Đèn ngủ đầu giường còn sáng. Một tay vẫn để trên vành

nôi nhưng Hào đã lìm thiếp đi. Trong nôi, con bé nhả nài khóc ngằn ngặt. Túc cúi xuống, vén màn, ẵm nó lên. Chỉ một lát là con bé nín. Túc nhẹ chân đi đi lại lại trong phòng Hào, đung đưa vòng tay, khe khẽ lẩm rầm, khe khẽ ư ử gì đó trong họng ra điều nụng nịu. Khi Hào thức giấc, đón lấy con bé đang ngủ ngon trong tay Túc, trời đã sáng hẳn.

Từ đó Túc nghiêm nhiên vào ra buồng Hào. Không phải anh thường trực ở bên đó nhưng cũng là mỗi tuần vài bận lần sang. Chẳng xin phép gì cả cứ lảng lạng. Hào cũng lảng lạng. Túc có thể ẵm con bé con lên đồ cho nó khỏi quấy, có thể ngồi thừ ra bên nôi nhìn ngắm nó chơi hoặc là nó ngủ. Có thể một chốc hay có thể ngồi nán cả giờ, kệ, Hào chẳng bảo sao. Tất nhiên không phải tuyệt đối chẳng nói chẳng rằng, thi thoảng họ vẫn đòi điều này nọ trao đổi về cái răng sữa mới mọc của con bé, về sự trán ẵm trán mát, về cháo, về bột, về các thứ thuốc men của nó. Nhưng chỉ thế thôi, không bao giờ lan sang chuyện khác, nhất là không khi nào họ đã động nửa lời tới cái ngày thu ướm át tằm tã mưa rơi năm rồi.

Nhẫn cưới tháo ra cất đi, sinh con, Hào phải mang bán. Đồ đạc trong phòng cứ vơi dần. Bên kia vách, phòng của Túc cũng vậy. Trừ những của vớt đi, bao nhiêu món đồ có giá sầm từ bên Liên Xô với nhau và đã chia bôi với nhau ngày ly hôn, đều phải lần lượt cho ra chợ gởi đi ở nhà người. Túc thì thậm chí cả tự điển, cả sách chuyên ngành cực quý cũng mại. Bia rượu không. Thuốc lá từ. Chẳng màng bè bạn, bỏ bằng mọi mối quan hệ. Thôi hẳn chí tiến thủ. Vừa đó còn quyết liệt dốc công dốc của dự vào trận tranh giành suất nghiên cứu sinh

nước ngoài, thế mà giờ chỉ để thi lấy cái bằng phó tiến sĩ nội hóa để như trở bàn tay Túc cũng xin kiếu.

“Tôi chẳng thiết gì, đời thế là hải lòng rồi”, họa hoàn có cơ hội trút tâm tình với một ai đó, Túc bảo vậy. “Con trai con gái đều được, nhưng mà gái đầu lòng là nhất”. Người cha, anh chồng nào không nói thế, song nghe từ Túc thì quá là nực cười. Tự anh cũng biết vậy. Bởi vì rốt cuộc, ngày qua tháng lại đời anh vẫn thế thôi, một tay đàn ông nhàu nhĩ khuôn mình nhỏ mọn vào phần diện tích được chia và vào cõi độc thân thâm xít. Kể bên anh, con gái của Hào mặc dù hết ồm lại đau vẫn đã tuần tự biết lẫy, biết bò, chập chững biết đi, bì bô biết nói, và rồi cũng tới được vườn trè, tập bước vào đời. Nhưng đối với những chạng nhình dần lên đáng yêu ấy của nó, dường như có vẻ được phép can dự mà tình thực Túc chỉ là kẻ châu rìa. Anh có thể làm tất cả vì con bé, tùy, Hào chẳng đòi hỏi, chẳng khước từ. Chỉ có điều, dù không nói ra, nhưng với chị, hiện diện của anh chẳng thể cho anh một gờ ram trọng lượng nào trong cuộc đời đứa bé và cố nhiên trong đời riêng của chị.

Ý chí ấy thể hiện rõ ở những giao du của Hào, đặc biệt là từ khi đã qua được giai đoạn nuôi con vất vả nhất. Chị không quan hệ rộng, nhưng chị có những bạn tốt ở nhiều giới, một số ít trong đó là bạn rất thân, chí tình chí nghĩa giúp đỡ mẹ con chị về mọi mặt. Cho nên vẫn món lương mọn ba cọc ba đồng, cơ quan thì xấp xệ xuống cấp, chị đã từ từ ra khỏi cảnh túng bần, chưa thật khá, nhưng là đã chớm có tiền.

Hè năm đó, một ngày nọ, Hào đã khiến Túc tái người đi khi điềm nhiên đề nghị anh nhượng lại cho chị căn buồng

của anh. Đang rất buồn bực bởi nỗi Hào đã vừa gửi con bé con vào Sài Gòn với ông bà ngoại mà chẳng hề để anh được một chút ý kiến ý cò, Túc bậm môi lại, lặng ngắt hồi lâu, rồi bật lên, hét vào mặt Hào rằng sẽ bán, bán ngay, nhưng không bán cho cô với những cái thằng của cô, không đời nào, nghe rõ chưa, đồ...! Bỏ lửng, anh đá sầm cánh cửa, lao đảo bỏ đi.

Nhân còn đọng một đồng ngày phép, anh liền rời xa hẳn Hà Nội cả tuần lễ để lang thang ngấm nghỉ, để dịu lòng. Trở về, nhẹ nhàng rón bước vào buồng của mình, khi bật đèn lên, anh sững người, đánh rớt túi xách. Vách ngăn cốt ép trát hắc ín đã bị thế bằng một bức tường xây.

Tường gạch kiên cố, vữa dày miết kỹ, vậy mà cuộc nhậu ở phòng Hào vẫn dội tiếng sang, không ồn gì lắm nhưng mà nhức nhối.

Túc bước vội khỏi phòng. Anh muốn vùng chạy khỏi căn hộ, thoát mình thật mau ra ngoài đêm. Nhưng mà chân không vững, như say, khi loạng choạng đi dọc qua khoang hẹp hẹp để tới cửa chính Túc bất đồ xô phải Hào, ngã người vào người Hào. Đáng lý xin lỗi thì Túc lại phũ phàng đẩy mạnh Hào ra, và rồi đột ngột, bất ngờ với cả chính mình, anh rít lên, văng ra nguyên vẹn cái từ mà tuần trước còn văng dờ chừng. Hào lạng người đi như là bị đánh vào mặt.

Lời đã thốt ra không nuốt lại được, liú lười, kinh hoàng, Túc bước giật lùi trở lại phòng của mình. Anh toan sập cửa lại, nhưng Hào đã ở đó, ở ngưỡng cửa, gương mặt tái xanh, môi mím chặt, và toàn thân run rẩy, đứng không vững, cơ hồ sắp ngã.

Đám bạn ở buồng bên đều đã lơ mơ, đều đã ngả nghiêng, nhưng vẫn tiếp tục vui đến tận khuya. Chẳng ai nhận thấy là Hào đã biến mất, hoặc có thấy thì cũng tảng lờ, nhận chìm sự thể ấy vào trong rượu và tiếng ồn ào. Người khách ra về sau cùng đủ tỉnh táo để tắt đèn trong buồng Hào, nhưng chỉ khép hờ cánh cửa chính của căn hộ. Tảng sáng, trời nổi một luồng gió lớn, cánh cửa ấy mở tung ra, rồi lại giập dũ tự đóng sầm lại... ấy là cuộc vui cuối cùng, trận nhậu sau chót. Sau đêm đó, những người bạn kia không bao giờ còn trở lại. Nhưng mà rất đổi lạ lùng là không chỉ bọn họ mà toàn bộ bàn dân thiên hạ khu tập thể ngay sáng hôm sau đều đã tưởng tận căn nguyên cái về mãn nguyện uể oải trong những bước đi uyển chuyển, dáng người đung đưa thường ngày của Hào.

Sau khi Túc bay vào Sài Gòn với lá thư tay ủy quyền của Hào đưa được con bé con trở ra, người ta đùa rằng nếu chỉ một mình con bé thì không giải quyết được gì nên nó nhất thiết cần cộng thêm một đứa em cho thành số chẵn để giúp mẹ nó với người chồng cũ có thể dễ dàng chia nhau.

Lần mang thai thứ hai của Hào khác nhiều so với lần trước. Nom nặng nề vất vả hơn hẳn, và tinh thần yếu đuối, không tự lực được, phải dựa nhiều vào Túc. Anh qua lại phòng bên thường xuyên hơn, chăm nom con bé con và đỡ đần việc này việc khác cho Hào. Cả lo đưa chị tới nhà hộ sinh rồi rước về cùng một thân anh.

Người ta mừng cho Túc và người ta không nhin được cười. Con bé con không chỉ có thêm một đứa em mà hai đứa, hai thằng. Vẫn là số lẻ.

Người ta nói là đời riêng của Túc đã hoàn toàn mất. Không thể từ bỏ khu tập thể để đến với miền xa đất mới, mà lùi lại năm tháng xưa cũng không thể được. Bức tường xây ngăn đôi căn hộ, ai nấy đều biết chắc là Hào không đời nào cho dỡ bỏ.

Bây giờ lại đang những ngày giữa thu nặng nề mưa bão, khu tập thể úng lụt. Các căn hộ tầng trệt ngập nước tới chấm bụng người lớn. Giường của bốn mẹ con Hào như chiếc mảng nổi trên sóng nước. Túc ùm ùm lội và bơi lo liệu tiếp tế, nuôi nấng. Nhìn anh, người cha của những đứa con không cùng họ, thân thể mặt mày ướt át, đầm đìa bùn nước với mồ hôi, người ta không thấy là anh khổ sở, không nghĩ rằng anh bất hạnh.

Cố nhiên thời nay, bây giờ, nghe kể khổ kể xấu thời bao cấp đã mệt lỗ tai, nhưng xưa, khi đang ở ngay trong cái thời bao cấp đó của Hào và Túc, có mấy ai cho rằng mình đang trải một đoạn đời cực ới là cực. Con người ta thuở ấy cũng như con người ta muôn thuở chỉ lo sống, cứ thế sống, sống và chỉ có sống mà thôi.

Lan man trong lúc kẹt xe

Một chốc vội vàng, một chút lơ đãng khi đang lội ngang qua bãi sinh đã đẩy bạn bước thẳng vào hố lầy. Bất thần, hai chân bạn hụt xuống, bùn ngập quá đầu gối. Rồi bùn tới háng, bùn tới bụng. Càng giãy đạp, càng vùng quẫy càng bị hút mạnh và mau. Ngập ngang ngực, ngập đến cổ, đến cằm, đến miệng, rồi chắm tới nhân trung, vượt mang tai...

Tình cảnh mà chúng ta lâm vào lúc tắc đường kẹt xe có thể nói cũng y chang. Phố lớn, đường rộng, thẳng tắp nên hai luồng xe dẫu rằng đông đặc vẫn thả phanh mặc sức cuộn cuộn lao chảy. Hàng ngàn cỗ máy hơi mù hung hăng rượt nhau, giành đường nhau, cào sát sần sát vào nhau, xả khói, đâm còi, gào rú. Trăm thứ tội nọ của cả một ngày trời trần ai kiếm sống buộc thiên hạ phải mắmmối mắmm lợi tăng tốc, cuồng lên rồ ga. Tuy nhiên để ý nhìn kỹ thì thấy trên dọc phố đang có

một sự chậm lại. Song chẳng ai để ý. Chẳng ai nhận ra mỗi nguy đang chực sẵn ở đâu đó đằng trước để mà kịp rẽ vào đường tránh hay là quành xe lại chạy lui. Đến khi những xe đằng trước đã phải theo nhau dừng lại hết, thì bạn đã chẳng còn một mẩu nhỏ cơ may nào nữa để hòng thoát thân. Trái phải sau trước đã lập tức kín nghịt. Như kẻ bị sa lầy, càng gắng lách lên bạn càng bị nhận chìm. Lách sang bên cũng vậy. Lùi lại thì càng không thể. Và tất nhiên là không tài gì trụ vững xe mình ở một chỗ. Từ đằng sau xe cộ không ngừng dồn tới thúc lưng bạn, bạn phải miễn cưỡng nhích đầu xe lên huých vào đuôi xe những người đằng trước mặc dù họ đã hoàn toàn hết chỗ quay cựa. Không ai biết nguyên cớ gây ùn tắc, nguyên cớ đó chình ình ra ở tận đâu đấy rất xa phía trước. Đoạn ùn tắc dài cả cây số, có thể tới vài cây số. Xe tải, xe buýt, xe hòm, xe lam, xe máy, xe đạp, xe xích lô, người đi bộ quần quai quần vào nhau, ghì níu nhau ngắc ngoải ngất ngư trong khói và bụi đen ngòm đặc sệt. Luồng giao thông bên tả bên hữu mặt phố lẫn lộn nhau. Người ta tràn lên vỉa hè, và cả hai bên vỉa hè vì vậy cũng bó giò nhau nghen ứ lại. Trong những tình huống tương tự thế này, loài kiến rõ ràng là có trình độ tổ chức và cung cách xử sự cao cấp hơn hẳn loài người.

Bị kẹt xe ngày hè đương nhiên là khổ rồi, mùa đông mưa phùn gió bắc cơ cực không kém, mà dẫu có là giữa tiết xuân trong lành mát mẻ thì cũng thế thôi. Tắc nửa giờ đã phát ốm, nhưng mấy khi nửa giờ, thường là vài giờ, có bận nửa ngày trời chúng ta phải bạc mặt ra đứng chôn mình đầy nắng hít khói giữa một biển bất động, xám xịt và thăm sâu những con

người vô phương tiến thoái, nóng nảy, ừ ê, chán chường, cáu bẳn. Ngay những xe riêng ông to bà lớn mà lỡ sa vào cái trùng vây này thì cũng phải đành cam phận hưởng hồ chúng ta. Khốn đốn nhất là những trường hợp đang khi cấp bách. Thí sinh tới trường thi. Bệnh nhân cần cấp cứu. Chú rể đi rước cô dâu. Hay là, chẳng hạn, đơn giản, đang tha trong người mình một bụng bia hơi. Thật là sống dở chết dở.

Tuy nhiên nếu chỉ là chuyện kẹt xe không thôi thì có gì mà phải kể. Cái đại nạn chôn thị thành ấy ngày nay đã là sự cơm bữa. Có điều, trong lần phải đếm bước đo đường ngay vừa mới đây tôi đã chẳng may rơi vào một tình huống quá đối trở trêu.

Cơ sự dẫn rằng ngẫu nhiên nhưng thực ra cũng là do tôi tự chuốc lấy. Đã hẹn với nàng chủ nhật mới về, tự đứng lại học tốc phi xe về ngay hôm thứ sáu. Đáng lẽ theo đường Láng - Hòa Lạc mà về, tôi lại nhè đường 32. Khi đã sa lầy rồi, đáng lý dừng có cựa quậy tìm cách thoát ra làm gì. Chỉ có một kẻ hờ bằng cái sợi tóc giữa chiếc xe đồ với chiếc xe tải ngược chiều nhau cùng đang liệt máy ở giữa đường, vậy mà tôi vẫn cố theo đuôi mấy vị nửa lách xe máy vào để len lên cho bằng được. Giá kể cứ yên vị chôn chân ở sau chiếc xe đồ thì hôm nay hạnh phúc đời tôi vẫn còn.

Vừa thoát được qua kẻ hờ giữa hai chiếc xe, chen được lên phía trên chiếc xe đồ chết máy, tôi thấy xe máy của mình đang ngay đằng sau xe máy của nàng, chỉ cách một ông xe đạp. Mà không phải xe máy của nàng. Xe của V. Nàng ngồi sau ông bạn tôi, ôm eo ông bạn tôi. Tiếng động cơ nhức óc của cả vạn chiếc xe đang nổ máy tại chỗ át hết giọng nàng nói giọng

nàng cười, và cũng chỉ thấy được lưng nàng thôi, nhưng mà tôi vẫn tất nhiên là nhận ngay ra nàng. Cái lưng của con người ta cũng là một bộ mặt, mỗi người mỗi lưng không ai giống ai. Lưng nàng mảnh mai, eo ót, mềm mại uốn éo dưới làn áo mỏng. Lưng của V. thì to, rắn, thịt nổi múi và đầm đìa mồ hôi ướt thấm cả mảng rộng lưng áo. Lưng ông bạn tôi ưỡn tựa vào ngực nàng. Giữa khung cảnh chật chội, bức bối, bí rì, chen vai huỳnh cánh đại náo loạn, hai người hoàn toàn quên đời, hoàn toàn chỉ có họ với nhau. Nàng áp hết người vào V. Còn V, quàng một tay ra mạn sau bờ hông nàng ghì ngực nàng dính hơn nữa vào mình hắn.

Chiếc Piaggio đồ sộ của V. choán một khoảnh rộng mặt đường và ì ra bất động, không xê xích, không để mất, không hoài hơi nhập cuộc chen lấn. Nhưng con "rím tàu" của tôi thì không gượng lại nổi với sức xô đẩy từ phía sau. Từng nửa phân một, bánh trước của xe tôi sát dần vào đuôi chiếc Piaggio màu mận chín. Đùi tôi nhất định rồi sẽ chạm đùi nàng.

Dĩ nhiên linh hướng kiểu thể này tuy hy hữu nhưng không phải là tuyệt đối có một không hai. Ông phó phòng của tôi chẳng hạn. Đã cẩn thận đưa bỏ đi nghỉ mát xa tít góc biển hẻo lánh Lăng Cô trong Huế, vậy mà cửa thang máy khách sạn vừa mở ông đụng ngay phải bà xã từ tầng trên xuống. Hay như thằng em họ tôi, sinh viên Đại học Quốc gia, đang trên đường lần đầu tới thăm nhà người yêu để lần đầu tiên ra mắt phụ huynh của nàng, do hồi hộp vô cùng và phóng xe rất vội, nên khi còn cách nhà nàng một quãng phố nó chẳng may tông phải một ông luống tuổi. Đã không đỡ

người ta đây, không xin lỗi người ta thì thôi nó lại còn to mồm văng ra cái câu quen thuộc của trai Hà Thành thời nay; “Đ. mẹ thằng già! Mù à? Muốn chết phải không?”, rồi rồ ga phi vọt đi. Vô phúc cho thằng nhãi, đang lúc cao hứng đầu hót trong phòng khách nhà cô người yêu thì đột ngột nó thấy cái ông lớn tuổi nọ khập khiễng đẩy cửa bước vào. Mất một lúc nó mới hiểu ra rằng nạn nhân vừa này của nó chính là ông thân sinh cô bạn gái.

Còn như bản thân tôi đây thì tuy không phải thường nhật nhưng cũng là rất thường xuyên bị lâm vào những tình thế oái oăm bất ngờ. Toàn là những cái hạn không đâu vào đâu và hầu hết là do tôi đã hiện diện ra trước mắt người ta một cách không đúng lúc đúng chỗ, do tôi đã nghe thấy nhìn thấy những điều lẽ ra phải tuyệt đối tránh nghe tránh thấy. Những tai bay vạ gió tôi tự chuốc lấy vào thân dày và nhiều đến nỗi có thể nói đây là một thứ biệt tài, một năng khiếu bẩm sinh, có xuất xứ từ từ vi của tôi.

Hồi đang học lớp bảy chẳng hạn, một buổi đêm, ma xui quỷ khiến tôi tự đứng lại chọn đi tắt lối qua Thủ Lệ tối mò, và ngay dưới quầng sáng của ngọn đèn gần như duy nhất trong công viên tôi gặp phải cô Thu chủ nhiệm với thầy Ân dạy thể dục đang ôm vai nhau sánh bước. Cô ạ! Thầy ạ! - Tôi chào. Sáng hôm sau trên bảng đen lớp tôi hiện ra to đùng một đôi trai gái được vẽ bằng phấn, xấu xí, nguệch ngoạc nhưng có ghi chú rõ ràng là thầy Ân cô Thu. Mà sáng hôm đó lại chính phiên tôi trực nhật lớp... Lại có hôm, tan học, tôi vừa ra khỏi cổng trường liền bị một ông phụ huynh của đứa nào đẩy lớp

dưới chặn lại, túm ngực, quát rằng sao hôm qua mày dám đón đường trăn lột tiền quà sáng con tao, rồi ông ta bạt tai, ông ta túi bụi đâm đá làm tôi bật tóe máu mồm máu mũi...

Rồi một lần nợ hồi đang đại học, do xe đạp hỏng nên tôi phải chen xe buýt. Xe buýt thời đó thật là cả một sự đầy dọa, một loại phương tiện giao thông kinh hồn táng đờm. Sinh viên, công nhân, cán bộ thực mạng lèn nhau muốn vỡ tung thành xe. Và đang trong bầu không khí chết ngạt như thế, đột nhiên nghe giọng một nàng la rú lên gào to rằng bị thằng đéo sờ soạng. Tay tài xế nóng tính lập tức dừng xe và giận dữ lừa khách xuống cho cô nàng kia nhận mặt. Giữa cả đồng đàn ông con trai mấy chục mạng như vậy, thế nào mà cô gái bị sờ sờ lại chọn ngay thằng tôi để vạch mặt chỉ trún...

Quá nhiều vô đầu, nhớ không xiết, tôi chỉ có thể ghi nhớ những vô đặc biệt điếng người mà thôi. Như là lúc này đây, vụ tắc đường và cuộc hội ngộ đáng sợ giữa tôi với ông bạn vàng.

Thật ra tình bạn giữa tôi với V. cũng đã được khởi phát từ một sự trở trêu đáng buồn. Hồi ấy, năm năm đại học, chúng tôi cùng khóa, cùng lớp, cùng một phòng ký túc xá sinh viên, song gần đến tốt nghiệp rồi vẫn chỉ là đại khái biết nhau vậy thôi. V. to con, bô trai, học giỏi, nhưng mắc chứng ăn cắp vặt. Tôi có nghe bạn bè thì thảo thế, song không để tâm. Chẳng có cơ sở gì cả, không hề có bằng chứng. Với lại cũng rất khó tin bởi gia đình V. cực giàu, ông bố bà mẹ đều làm lớn ở tỉnh. Tiền nong V. rủng rỉnh, tiêu pha chơi bời cỡ nhất trong trường.

Nhưng tai hại thay cho tôi, lần ấy, V. ốm không lên giảng đường. Tôi thì, cũng y như hôm nay, đột ngột trở về không

báo trước. Lại không gõ cửa, cứ thế đẩy bừa, bước vào. Điếng người! Xin được miễn tả lại cái cảnh một anh đẹp giai con nhà giàu đang tự biến mình thành con chuột nhắt. Cũng xin thành thực được nói rằng tôi mong cho tất cả mọi người ở đời đừng bao giờ bị rơi vào một tình thế tệ hại như tôi khi ấy. Bất quả tang mà rụng rời, mà xấu hổ, mà bẽ bàng như là bị bắt quả tang...

Tất nhiên là tôi giấu nhem, không hề rằng với bất kỳ ai cái vụ tắt mắt ấy của V. Giữa tôi với V. cũng thế, tình không bao giờ có một lời nào có thể khiến nhau liên tưởng lại cái giây phút nhớ đời đó trong căn buồng ký túc. Và quả tình là tôi cũng không hiểu làm sao như vậy nữa, từ đây tôi tự dựng lại thành ra thân với V. Thậm chí càng ngày càng thân. Tốt nghiệp ra trường, chúng tôi về cùng một cơ quan, làm cùng một phòng ban. Đời sống riêng mỗi đứa mỗi khác song bởi cả hai đều còn độc thân chưa bị vướng bận nên vẫn khá gần bó. Do năng lực bản thân và tầm cỡ gia đình, V. có dư điều kiện để lên đời hơn tôi, tiến bộ vượt bậc so với tôi. Tới đầu năm nay, V. đã trở thành thủ trưởng trực tiếp của cả tôi và nàng. Nhưng không vì thế mà V. xa cách tôi. Chúng tôi rất mực tử tế với nhau và hài lòng về nhau.

Dĩ nhiên, bây giờ lâm huống cảnh tắc đường trở trêu này thì tôi không còn thấy hài lòng được nữa. Tôi nghĩ mà phát sợ. Tôi nhớ lại ánh mắt của V. mà đã đôi lần tôi bắt gặp. Trước đây tôi đã không hiểu ý nghĩa đáng sợ của ánh mắt nhìn trộm khó hiểu ấy. Hóa ra bao nhiêu chuyện không may xảy đến cho công việc của tôi ở cơ quan mấy năm qua khiến tôi không

thể ngọc đầu lên được đều có duyên do hoặc ít hoặc nhiều từ V. Thì ra cái vụ tôi ngẫu nhiên nhìn thấy V. moi đồ trong rương của tôi ngày đó là một tai vạ ghê gớm tôi đã tự chuốc lấy cho đời mình.

Đến giờ, cả tâm hồn tôi, cả trái tim tôi cũng bị V. khăm cho một vố. Tôi đã để mắt nàng vào tay V. Có điều, chắc chắn đây không phải một vụ trộm cắp. Tôi nghĩ đây là một vụ trả thù. Thủ trưởng của tôi vẫn đang trong quá trình bắt tôi phải tiếp tục trả giá cho sự xuất hiện không đúng lúc đúng chỗ của mình hồi đó trước cửa buồng ký túc xá. Tôi đã tự hại mình khi đã để cho mắt mình nhìn thấy điều không được phép thấy.

Ngay cả lúc này đây, tôi cũng đang tự dồn mình tới một cuộc chạm trán giáp mặt vô cùng có hại. Tôi không thấy ghen tức, không thấy uất giận, chỉ thấy hãi thấy lo. Tôi không biết phải ăn nói sao đây khi xe tôi bị ụp lên giáp với xe của họ. Có lẽ tôi sẽ trình bày với thủ trưởng trực tiếp của tôi rằng những tình thế ngẫu nhiên thế này là do cái số của tôi nó thế, do tôi sinh phải ngày đó giờ đó năm đó. Tôi biết làm thế nào được. Khi được sinh ra đời nào có ai được hỏi ý kiến. Bất kể từ vi tốt xấu chẳng ai được quyền nán lại. Sinh nhằm ngày đó giờ đó năm đó, sao chiếu mệnh dấu có là một ngôi sao chổi người ta vẫn phải vui lòng. Vì vậy mong hãy thông cảm và đại xá cho sự ngẫu nhiên này.

Bằng chứng

Hành động can đảm cứu người của thằng con út khiến Minh nấu ruột, anh cứ nghĩ mãi và cứ buồn mãi. Vì rằng cậu ấm quý tử suýt chết, hẳn rồi, song không phải chỉ vì thế. Bữa đến nhà tôi chơi, kể chuyện đó và thổ lộ tâm sự, nom Minh quá mức đắm chiêu, có lúc như người mất hồn.

Thằng Hùng con anh quả là gan dạ. Chiếc xe tải chở tổ công tác của nó đang vượt một con đèo vắng ở miền núi tây Quảng Nam giáp Công Tum. Tài xế loạng quạng sao đó làm đổ xe. Chiếc xe chỉ lật nghiêng bên rệ chứ không lộn nhào khỏi mặt đường, song một thành viên trong tổ ba người của Hùng lại bị văng xuống vực. May phúc làm sao, đã rút tới lưng chừng vách núi thì cậu ta được một cành cây chìa ra níu lấy. Tài xế bị thương, chỉ còn Hùng và một người nữa, lại là phụ nữ. Thằng Hùng một mình bám gờ đá lần

xuống cứu thoát được người bạn đang lơ lửng vực sâu ngàn cây treo sợi tóc.

Hành động ấy dĩ nhiên là rất dũng cảm song le lại cũng sự thường, rất nhiều người trong hoàn cảnh tương tự cũng sẽ làm như thằng Hùng. Điều khiến Minh sửng sốt, không sao tin nổi, ấy là độ cao của cái vách núi dựng đứng. Theo như lời anh bạn được Hùng cứu sống thì từ chỗ chiếc xe bị lật tới chạm đáy khe là hơn bốn trăm thước. Với một cái độ sâu rừng rợn như thế, đừng nói lặn xuống, ngó xuống thôi thằng Hùng cũng không thể, Minh quá biết cái tật bẩm sinh ấy của thằng con. Nó bị chứng hải hùng độ cao. Không phải vì có bệnh tim, không có duyên do gì hết, chỉ cứ sợ, sợ khủng sợ khiếp vậy thôi. Từ nhỏ đã như thế. Luôn luôn ác mộng của thằng bé là ác mộng đang đứng mấp mé bên một cái gì đó thăm thẳm và dựng đứng. Nó không hét lên được, chỉ vì chết lặng trong cảm giác sắp ngã vào khoảng trống ghê rợn mà choàng tỉnh khỏi giấc chiêm bao. Lớn lên tật đó vẫn không mất đi, mà như càng ám ảnh. Không có chuyện thằng Hùng trèo cây hay nhảy cầu ở bể bơi. Nó không bao giờ ngồi lên bệ cửa sổ như bọn con trai vẫn thường ngồi như thế tán dóc với nhau. Thanh niên rồi mà nhìn trên tivi thấy người ta nhảy dù nó nhắm tịt mắt lại và mồ hôi rịn ra. Đến bây giờ mỗi lần phải lên máy bay là mỗi lần tự nó chịu cực hình và âm thầm chống chọi để không tỏ ra quá thảm hại trước sự bình thản của hành khách ngồi bên.

Ấy vậy mà nó lại hành động như vậy. Nó giấu không kể, Minh biết chuyện là do cậu bạn được cứu sống đã cùng bố

mẹ đến tận nhà anh để cảm ơn. Hôm sau, bố con trò chuyện, để thuận cho lời khuyên can, trước tiên Minh khen cái tinh thần vì bạn quên mình của thằng con. Nhưng nó lại lắc đầu bảo rằng điều xui khiến nó không phải là cái chết cận kề của bạn mà là chính cái vực thẳm. Nói năng chẳng bao giờ mạch lạc, thằng Hùng giải thích một cách rất khó hiểu giây phút liều mạng của nó, nhưng Minh hiểu, tai nạn xảy ra trên đèo đã cho thằng con anh một cơ hội tự nhiên, bất ngờ, không chủ ý để đối diện với nỗi sợ hãi đáng căm ghét đã hằng bao nhiêu năm chế ngự con người nó.

- Không phải vì muốn tỏ ra khiêm tốn mà nó nói vậy đâu, - Minh nói, xoay xoay ly rượu trên tay, giọng rầu rĩ - Mà là nó bộc bạch thật tình với mình thực chất hành vi của nó. Thằng Hùng từ bé đã luôn làm mình ngạc nhiên, ngạc nhiên quen rồi, nhưng cái lần ngạc nhiên này làm mình thật sự rối trí, thoát đầu choáng váng sau thì u uất buồn khổ không chịu được, đã bao nhiêu ngày rồi ông ạ.

Tôi nhìn vẻ mặt Minh mà chẳng nhận được cười.

- Ông sao vậy ông Minh, già lú lắm lắm rồi hay sao? Mạnh dạn đối diện với vấn đề của mình, con cái nó ý chí được như thế là quá quý quá mừng. Không tự hào không hãnh diện về nó thì thôi, lại buồn khô sầu nào là thế nào, cứ y như là nó đã làm điều gì xấu xa tồi tệ vậy.

- Ờ thì đành là thế, nhưng ý mình không phải vậy ông ạ, - Minh lúng túng tìm lời - Nghĩa là, đại khái mình muốn nói mình buồn bực vì rằng sao mà thằng con nó chẳng giống gì mình. Nó khác quá... Thoạt nghe người ta kể chuyện nó cứu

bạn nó, từ trong thâm tâm lập tức mình tự hỏi: hỏi bằng tuổi nó mình có làm vậy không? Bề ngoài thì có. Chẳng hạn, mình cũng đã từng cứu người... À, mà chuyện này ông cũng chứng kiến, hồi đi học sơ tán, ở đò Mế Sở ấy, nhớ không? Thấy bà già đó bị ngã khỏi đò, mình liền nhảy xuống cứu. Chỉ một mình mình. Bạn bè mấy đứa đang cùng trên đò, có cả ông nữa, thì không. Nhưng chẳng phải mình gan anh hùng còn bạn bè là lủ nhát. Chẳng qua vì mình bơi rất giỏi, tự biết thừa sức cứu được bà già, còn ông và các bạn khác bơi kém, lao xuống chết chắc, lao xuống làm gì... Cho nên cái cách của mình hành động hồi đó với của thằng con mình mới đây, càng ngẫm càng thấy quá là khác nhau. Bố con mà hoàn toàn trái dấu, sao lại có thể như thế được cơ chứ?

Người ta nói chung không thích Minh. Một nhân cách rời rạc, cứng đờ và tẻ ngắt, người ta cho rằng thế. Tôi cũng phần nào thấy như vậy, tuy nhiên vẫn quý anh, dù chẳng thân lắm. Hai chúng tôi chơi với nhau từ bé, lớn lên mỗi người mỗi cảnh song vẫn đều đặn đến với nhau. Minh không đến nỗi quá mức tẻ ngắt. Anh cũng có những nét riêng khá là thú vị. Và đôi khi trong lúc chuyện trò tâm sự anh cũng bộc lộ những ý nghĩ không phải là không độc đáo.

- Không hiểu thế nào ông ạ, từ suốt bao nhiêu năm qua, hễ cứ nghĩ về chuyện gì liên quan đến tính nết của thằng con là mình lại có ngay câu hỏi: hỏi bằng tuổi nó bây giờ mình có vậy không nhỉ. Và câu trả lời thường là không, mình không như vậy! Tại sao? Nó chuốc lấy cái tính ấy từ ai?

Tôi bật cười, tuy nhiên đã thoáng dậy một chút kinh ngạc.

- Cái ông này! Bỏ gì mà lại đi bắn khoăn lẫn thần thế. Con giống tính bố là dĩ nhiên, nhưng con khác tính bố cũng là dĩ nhiên.

Mình thờ dài. Mặt không chỉ buồn bã mà sa sầm. Như vậy nỗi niềm sầu muộn của tay này không phải vô duyên vô cớ, mà là có nguyên nhân chủ đích chi đây, tôi nghĩ.

- Thằng con mình, - Minh nói - bản chất là nhút nhát, nhưng ngoài mình là bố nó chẳng ai nhận ra. Khi còn là thằng cu tý nó rất ít khóc ít cười, ông bà nội ngoại đoán là thằng này tư chất cương nghị, riêng mình biết là không phải vậy. Nó nhát lắm, động tý là giật mình, là tè dầm ra, là mếu máo chực khóc, có điều hình như nó nghiền răng lại để không khóc. Từ đâu mà lại có kiểu đó chứ... Kìa, ông đừng có cười, cứ để mình nói tiếp. Lớn lên, đi học, thằng Hùng lại bị mang tiếng là lý bướng. Với người lớn, với cả thầy cô giáo, nó chẳng biết đường chào hỏi thưa gửi cứ găm mặt xuống, lý nhí, lúng búng. Thầy giáo hỏi bài, rõ ràng là trả lời được nhưng nó khăng khăng câm như hến. Ai cũng bảo nó gan cóc tía và hỗn. Có phải đâu, trái lại, nó thế là vì nó nhút nhát, rụt rè, ai ai cũng làm cho nó ngượng ngập, e sợ. Thương con mà cũng rất bực. Không phải bực nó nhát, nhát có là lỗi làm đâu. Mình bực là bực làm sao nó cứ cố ngược lại với bản tính của nó. Mình chẳng hề như thế, tại sao nó lại thế. Ông tưởng tượng được không, rất nhát mà nó rất hay đánh nhau. Đánh nhau với bạn học, với bọn ở lớp lớn hơn, rồi cả với bọn ngoài phố. Một dạo, ở cổng trường học luôn tụ bạ một lũ chuyên trấn lột học sinh. Bọn bạn thằng Hùng đứa nào cũng nem nếp cống nộm, thật ra cũng toàn thứ vật vãnh, giấy bút, tiền quà sáng. Nhưng thằng Hùng lại có

tình chồng cự. Ngày nào cũng bị bọn kia đánh cho bươu đầu sứt trán. Biết chuyện, khuyên nó, nó không nghe, mình đành phải xin chuyển trường cho con. Bực nhất là mình thừa biết con mình có hùng dũng gan góc gì hơn ai đâu. Và cứ nghĩ mà buồn là sao nó quá khác tính mình. Hồi đi học mình không những chẳng nhút nhát mà lại ngăm có vài thể võ được ông anh cả bày cho, nhưng chẳng bao giờ mình tham gia vào đánh lộn. Tôi không đụng anh, anh chớ đụng tôi. Hồi sang Liên Xô học mình vẫn giữ vững nguyên tắc ấy. Hồi đó chưa có bọn đầu trọc như bây giờ nhưng cũng đã xảy ra đánh lộn giữa sinh viên nước ngoài với bọn thanh niên đường phố. Không ít vụ trở thành to chuyện. Mình không hề can dự. Nhưng mình cứ thoải mái đi một mình ngoài phố, chẳng kẻ nào dám gây sự. Trong khi đó có mấy đứa bạn mình đã bị bọn lưu manh nện cho như tử lại còn bị Sứ quán đuổi về nước.

Bình thường đến tôi chơi Minh ngồi không lâu và dứt khoát từ chối rượu. Nhưng nếu đã có một chút gì đó tâm tư thì anh lại hết ly này tiếp ly khác. Và cứ nói mãi, nói mãi, không chịu dứt ra về.

- Có một chuyện, không đáng nhớ gì mà không hiểu sao mình rất hay nhớ lại. Khi đó thằng Hùng mới mười tuổi. Hai bố con đi dạo. Hùng muốn ăn kem, mình mua cho nó. Nó đứng ở vỉa hè Tràng Tiền, trong tay cầm cây kem, vừa định đưa lên miệng, thì một thằng nhãi lớn hơn nó sấn tới giật lấy chạy mất. Thằng bé ngơ người, ngơ ra, không hiểu. Có thể nói là lần đầu tiên đụng sự đời mà, nom thương quá, mình nắm tay nó bảo, thôi con, bỏ đi, để bố mua cho que khác.

Mình chưa dứt lời, thằng con giằng tay ra, xồng xộc đuổi lao theo thằng kia. Mình hét gọi nó và chạy theo nhưng không thể. Phở xá, ngã tư, đèn xanh đèn đỏ, xe cộ kìn kìn, thằng Hùng lao phứa qua, chạy mất hút. Ông hình dung mình sợ hãi đến thế nào. Hú hồn, chạy tới gần giữa phố Ngô Quyền, mình chạm ông con từ một con hẻm thất thểu bước ra. Nó nắm khư khư trong lòng bàn tay cái que lõi của cây kem còn dính một tý kem màu xanh. Chưa bao giờ mình nặng lời với con. Vậy mà khi ấy mình chộp lấy nó, quất mắng nó, đét đít nó. Về đến nhà vẫn còn đang đầy giận dữ. Đấy lần đầu hai vợ chồng mình cãi nhau khóc liệt. Cũng là lần đầu tiên mình quất vào mặt Lan mới hoài nghi của mình về thằng con của cô ta. Cũng từ đấy cái ý nghĩ kinh khủng và vô lý ấy cứ càng năm càng lớn lên, cắm rễ sâu hơn trong đầu óc mình... Đến cái vụ gan anh hùng vừa rồi của thằng con thì mới nghi ngờ đã thành dứt khoát, rành rành. hiển nhiên, ông ạ.

“Nhưng mà nghi ngờ cái gì?”, tôi định hỏi nhưng rồi thôi ngay, vì đã chợt hiểu ra điều Minh muốn nói.

Hai vợ chồng Minh Lan và tôi thuở học trò là bạn bè, cùng phố cùng tuổi cùng lớp. Với Lan thì tôi và cả Minh nữa hoàn toàn vô tư tình bạn bè, tuyệt đối không có thêm thắt gì. Học xong phổ thông, tôi nhập ngũ, còn Lan và Minh, người sang Nga người sang Đức. Sau chiến tranh trở về gặp lại nhau, tôi không hề thấy Lan đối với Minh có biểu hiện gì khác ngày trước. Tới khi nhận được thiệp mời đám cưới của họ thì tuy có phần ngạc nhiên nhưng tôi cũng thấy cặp này lấy nhau là đúng quá. Bởi tôi biết Minh mê mết Lan từ hồi cuối cấp Ba, và

trải qua bao năm anh vẫn bền bỉ, dai dẳng chờ đợi Lan đáp lại tình cảm của mình. Cô đồng ý lấy Minh là hợp tình hợp lý.

Cho đến nay, như tôi thấy, thì Minh và Lan cũng như mọi cặp vợ chồng trên đời, sau nhiều năm chung sống có thể nói là họ hạnh phúc mà cũng có thể nói chẳng hạnh phúc gì. Một gia đình ổn định, thuận hòa tương đối, tầm tầm vậy thôi. Hẳn là không ít chuyện xảy ra, song được ẩn kín đáo trong nội bộ gia đình.

Con đầu lòng của họ là một cặp bé gái sinh đôi. Nhiều năm liền tôi thấy Minh có vẻ không được vui lắm về điều đó. Khi vợ sinh con trai, anh bộc lộ niềm vui sướng có thể nói là thái quá, nhưng cũng là dĩ nhiên thôi, ai chẳng thế. Có điều, hơi là lạ, suốt bao nhiêu năm qua cứ nói về thằng con là Minh lại sung sướng khoe khoang cái sự nó giống anh y chang. Thì đúng là như thế, tôi có thể làm chứng. Nếu lược đi những sự khác biệt do chênh lệch mức sống giữa hai thế hệ, thì tôi thấy rõ ràng thằng Hùng những năm nó mười một tuổi, mười ba tuổi, mười lăm, mười sáu hay hai mươi tuổi vân vân, chính cống là bản sao mặt mày bộ dạng của Minh hồi anh cùng những độ tuổi ấy. Nhưng thế thì có gì là đặc biệt đâu mà anh phải hãnh diện nhấn mạnh mãi như vậy. Tất nhiên là trước đây tôi chỉ lấy làm buồn cười thôi chứ không để tâm, song giờ thì tôi đã chợt hiểu vì sao Minh lại thế.

Bao nhiêu năm qua tôi giao thiệp với gia đình họ hoàn toàn chỉ theo nghĩa là một người bạn của anh chồng, quan hệ bạn bè ngày trước với cô vợ không còn dấu vết. Tôi không để tâm để ý nên không biết gì về Lan bây giờ nữa ngoài cái sự cô

ta là vợ Minh, đồng thời cũng đã quên sạch những gì về Lan ngày trước.

Ngày trước, chúng tôi bạn bè một nhóm bốn đứa chứ không phải chỉ ba. Không chỉ gồm tôi, Minh và Lan, mà còn Tuấn. Tuấn “bột”!

Phải rồi! Tính nết của thằng Hùng qua những gì bố nó vừa miêu tả, chính là tính nết của Tuấn ngày xưa. Không phải vậy sao.

Con nhà cán bộ cao cấp, lại là con một, Tuấn được cưng chiều tốt mức. Thành ra ngù ngờ, vụng dại và đại nhất. Có điều, giống thằng con của Minh bây giờ, hồi đó phải người thân thiết gần cận lắm mới biết Tuấn là thằng nhất. Còn ở phổ ở trường người ta chỉ thấy một thằng Tuấn không có vụ đánh lộn nào mà không có mặt và thường xuyên bị già cho như đòn. Sợ thầy sợ cô một phép nhưng lại lừng danh ương bướng. Và bởi vì là hạng con nhà nên vụng về lóng ngóng, song bị đao khăng xèng tuốt mo mọi trò của con nhà nghèo, Tuấn chơi tất. Đại khái nó là thằng như thế.

Tôi không biết Tuấn có bị tật sợ độ cao hay không, nhưng cái chứng sợ tiếng nổ thì hiển nhiên, nó chẳng giấu được ai. Từ lúc còn nhóc tỳ tới tận cuối lớp Mười lớn ngọc rồi mà ba ngày Tết đi chơi với chúng bạn dọc các phố, Tuấn vẫn luôn trong trạng thái căng hết cả người và không ngớt giật mình thon thót. Pháo cối, pháo đùng, pháo dây và cả pháo tép đều làm Tuấn sợ. Dĩ nhiên là nó gồng mình lên, không trốn trong nhà, không bịt tai, lại còn đua đốt pháo đua ném pháo nghịch pháo với chúng tôi, nhưng sợ thì vẫn hoàn sợ. Vào lính rồi, trận mạc mấy năm rồi vẫn vậy, vẫn sợ khiếp tiếng nổ. Thằng

như thế mà từng nổi tiếng khắp trung đoàn là một tay súng B41 siêu hạng săn xe tăng.

Tôi và Tuấn nhập ngũ cùng nhau. Là con một nên Tuấn không thuộc diện, nhưng nó làm rất dữ dội với gia đình với khu đội để được mặc áo lính cho bằng được. Biết sức nó yếu ớt, biết tính nó nhát như cáy, sợ tiếng nổ, sợ máu, sợ chuột, sợ rắn, sợ đủ thứ từ gớm ghê đến vớ vẩn nhất, tôi ráo riết can, nó cũng sợ chực nện tôi. Cùng tiểu đội tân binh với nhau, thương nó vô cùng mà không thể đỡ đần gì được cho nó, một thằng công tử bột con ông cháu cha lần đầu ném mìn khổ ải, bởi động vào giúp nó thì chết với nó. Trên dọc đường vào Nam cũng vậy, tôi chỉ có thể lẳng lặng nhìn nó vật lộn với bản thân nó qua từng chặng đường, con dốc, dòng suối, qua từng trận bom.

Vào tới B3, may sao, tôi và Tuấn được quân lực phân về cùng một đại đội. Đã thân, càng thân nhau hơn. Tuấn trưởng thành nhanh hơn tôi nhiều. A phó, A trưởng, rồi B bậc phó, B bậc trưởng chỉ sau có hai mùa khô. Tôi không hề ngạc nhiên. Khắp tiểu đoàn, rồi cả khắp trung đoàn, mọi người đều nói về Tuấn với niềm mến phục, thông minh, tháo vát, xông xáo năng nổ, và đặc biệt là sự kiên cường, lòng dũng cảm, tinh thần xả thân vì đồng đội. Nhưng tôi biết rằng không phải thế, đúng hơn là không phải chỉ thế, bạn tôi còn hơn thế nhiều, vì rằng anh không thay đổi, anh vẫn thế, vẫn Tuấn “bột” ngày nào.

Sau chiến dịch 72, Tuấn đi học nửa năm ở trường quân chính Mặt trận, rồi lại trở về đơn vị làm đại đội trưởng với hàm trung úy chính hiệu. Tôi thì trung sĩ nhưng đang tạm quyền chính trị viên phó, vậy là hai thằng càng sát cánh bên

nhau. Ngay trận đầu tiên sau ngày trở lại đơn vị, Tuấn đã thể hiện sự vượt bậc của mình về tài chiến trận và năng lực chỉ huy. Bình tĩnh, cứng rắn, phán đoán giỏi, quyết đoán nhanh, khôn ngoan, tinh táo v.v... hơn hẳn trước khi làm C trưởng, ai cũng thấy thế. Còn tôi, sát cạnh bên Tuấn, tôi thầm biết anh vẫn vậy. Vẫn kín đáo sợ, vẫn âm thầm nhát, vẫn một mình triển miên chống chọi với cái bấm sinh yếu đuối trong bản thân mình. Một trái cổ giáng xuống cho dù là thành linh, với tôi và với nói chung lính tráng chỉ cùng lắm là giết mình, nhưng Tuấn thì căng thẳng tốt cùng, gân cốt dờ cứng. Thậm chí chỉ một tràng tiểu liên thôi bắn xéo qua đầu cũng khiến anh phải vận đến bản lĩnh. Có điều tuyệt đối không ai ngoài tôi nhận thấy. Mà thật ra tôi cũng không thấy, chỉ cảm thấy thôi, bởi trước mọi tình thế Tuấn chưa bao giờ có bất kỳ một biểu hiện bề ngoài nào của nỗi sợ hãi và sự căng thẳng.

Tất nhiên là khó tránh được đôi lúc thấy buồn cười và cả những ý nghĩ điều cợt nữa về bạn mình, nhưng tự đáy lòng, tôi yêu quý và khâm phục Tuấn. Và tôi thương bạn vô cùng. Cùng một gánh nặng cực khổ và hiểm nguy của cuộc chiến, kẻ chẳng biết sợ là gì như tôi phải chịu đựng một, thì Tuấn phải chịu đựng gấp ngàn lần hơn. Phải cắn răng gồng mình lên hơn. Phải chịu nhọc nhằn và đau đớn nội tâm nhiều hơn tôi gấp bội lần.

Khi Tuấn về chỉ huy đại đội, cuộc chiến đã ở vào thời kỳ "sau Hiệp định". Gạo đạn cùng mọi tiếp vận hậu cần khác dồi dào và đều đặn. Thư từ cũng vậy. Ở đại đội tôi, lượt hàng quân bưu nào Tuấn cũng được thư. Và lượt nào cũng có thư

của Lan, từ Đông Đức. Tôi cũng thỉnh thoảng nhận thư Lan. Cô biết tôi và Tuấn cùng đơn vị. Là viết cho tôi, nhưng trong những thư ấy, Lan cũng không thể giấu nổi, không thể kiềm chế nổi những lời thiết tha, những lời yêu thương nồng cháy dành cho Tuấn.

Hai người bạn họ lặng lẽ mến thương nhau từ lâu, nhưng mãi đợi tới ngày chia tay, Tuấn vào bộ đội, Lan ra nước ngoài mới dám cùng nhau ngỏ lời bày tỏ tình yêu và lời ước hẹn.

Sau ngày Tuấn hy sinh, thư của Lan gửi anh vẫn đều đều được chuyển về đại đội. Tôi xếp những bức thư không bóc ấy vào trong ba lô của Tuấn, cùng với bức thư trước, thành một chồng rất dày.

Tuy nhiên, tất cả những điều đó, cuộc đời, tính nết, nhân cách của Tuấn thì có liên quan gì đâu tới đời sống hôm nay của vợ chồng Minh? Làm sao một con người lý tính như Minh lại có thể nảy sinh trong lòng một mối ngờ vực hoang đường đến vậy về Hùng, một đứa con đã chào đời ở bên ngoài rất xa quá khứ mối tình đầu của vợ anh?

Hay là quả thật có tồn tại một mối liên hệ và ràng buộc bí ẩn giữa con trai của Lan với người cô yêu, dù người ấy đã hy sinh từ rất lâu rồi. Và vì là người chồng người cha nên Minh đã không ngừng bắt gặp những bằng chứng về mối liên hệ không thể nào có thật ấy. Không thể nào là có thật nhưng bằng chứng thì nhiều. Có lẽ cả bằng chứng hiển nhiên nữa. Như là khi Hùng, đứa con trai nhút nhát của Lan gồng mình trấn áp nỗi khiếp sợ bẩm sinh, đối mặt với độ cao và vực thẳm để liều thân cứu bạn, đấy có phải là bằng chứng hiển nhiên?

Thời của xe máy

T hằng cháu con ông anh tôi bị bọn quái xế chôm mất chiếc Dreanl. Cả một con xe đi tong, thế mà tôi thấy nó chỉ buồn chút xíu. Ngay cả con vợ, tuy rằng xót của, cũng chỉ này nọ cự nự chồng dăm câu ba điều rồi thôi. Thái độ cam chịu bình thản của hai vợ chồng khiến tôi phục lẫn. Hai mươi năm trước, đang tuổi trẻ như chúng bây giờ, khi bị người ta bẻ khóa nhôn mất chiếc xe đạp độc nhất của cả nhà, tôi đã gần hóa dại. Nhất là cái cơn choáng lúc thoát đầu khi chợt nhận ra “con Phượng Hoàng xích hộp” quý báu ngàn vàng vừa dựng ở đó đã bốc hơi, thì tôi nhớ đời. Đây là một cảm giác mà phải ai đã trải qua rồi mới thấu. Một trạng thái rất gần sự chết. Đứng tim, ngừng thở, cóng buốt, run bắn, tôi xâm, muốn khuyu. Và cái sự “không tin vào mắt mình, không tin nói đó là sự thật” hay đọc thấy trong văn chương có nghĩa là thế nào thì chính là như tôi khi ấy.

Vợ chồng thằng cháu vô tư với tồn thất chẳng phải vì chúng giàu có gì hơn ai mà bởi lối sống, lối nghĩ thời nay thông thoáng nhẹ nhõm gấp nhiều lần thời trước. Đối với những người lứa tuổi hai đứa, chiếc xe máy hay bất kỳ tài sản nào dù to tát tới đâu cũng chỉ là tiền, cũng chỉ là đồ vật, khác hẳn thời tôi, cha chú của nó, thứ vật dụng gì cũng có giá trị xương máu. Đến như chiếc xe đạp thì phải nói là nó có tính vận mệnh, có ý nghĩa đời người, nó nặng hơn sinh mạng, nó vô giá.

Những năm 50, sau giải phóng Thủ đô, khi tôi còn nhai ranh, lượng xe đạp ở Hà Nội còn ít hơn số đầu xe hơi thời nay. Ngoại trừ vài tuyến xe điện, và thưa thớt, chậm rề những chiếc xích lô, dân tình thời ấy “tham gia giao thông” chủ yếu bằng cặp giò. Dọc một phố lớn như phố Hàng Đào chúng tôi mà nhà ai xe đạp mắc gì mọi người đều tỏ. Giàu nhất phố là gia đình ông Ích Lợi, thành phần tư sản, chục người chung một chiếc Pôgiô với một chiếc Xécclinh. Oai nhất phố là ông giáo Bình, công chức lưu dụng, đương quyền hiệu phó trường Anbe Xarô (thời ấy còn chưa đóng cửa), có chiếc Xô lếch đen sì với cái bầu máy ngộ nghĩnh hình trụ rất hiếm khi được ăn xăng và cất tiếng. Thường xuyên để cỗ xe ở chế độ vận hành bằng mồ hôi, ông giáo già gò lưng ngoáy người ở cỗ đạp. Dân phố kêu thầy bằng thầy Bình xô lếch, hay đơn giản, thầy Bình bịch.

Dần dần Nhà nước cho nhập xe đạp của phe ta về: Tiếp Khắc, Đông Đức, Liên Xô, Trung Quốc và bản thân Việt Nam cũng đã lần hồi tự lực sản xuất được. Không nhiều lắm, chỉ đủ

để phân phối cho cán bộ xếp hàng tà tà lần lượt theo chức vụ, theo thâm niên. Hồi bấy giờ, ở nông thôn thì nhà nhà đi bình dân học vụ, còn ở Hà Nội thì nhà nhà đi tập xe. Từ chập tối tới canh khuya, tại những khúc phố rộng rãi, sáng đèn bên Bờ Hồ, ở vườn hoa Canh Nông, ở quảng trường Ba Đình, dọc đường Cổ Ngư, trẻ con, người lớn, đàn ông, đàn bà riu rít thay nhau lên yên xuống yên, người thì ghì cứng ghi đông và loạng choạng đạp, người thì rình rịch chạy sau đỡ, luỳnh quỳnh ngượng ngập, ngã bổ nhào, ngã chổng gọng, rất vui mắt. Tới khoảng năm 1960 thì Hà Nội đã chính thức là một thành phố với nền văn minh xe đạp. Không phải chỉ vì nườm nượp xe đạp mà còn vì xe đạp đã thành sở hữu tối cao của mỗi nhà, một chiếc xe đạp nói lên vị thế xã hội của một gia đình.

Cùng với xe đạp, ô tô cũng không còn quá hiếm. Chốc chốc lại thấy chạy dọc phố một chiếc xe hòm của các quan chức cao cấp, rồi xe hơi cơ quan, xe buýt Skoda, và nhiều nhất là xe tải. Tuy nhiên, mô tô vẫn là của lạ. Bọn nhãi chúng tôi chỉ được thấy loại xe này trong các cuộc diễu binh. Bình bịch ba bánh của bộ đội biên phòng và bộ đội cơ giới. Họa hoằn mới thấy một chiếc bình bịch của công an lao vụt qua phố lúc nửa đêm, hẳn là với nhiệm vụ cực kỳ khẩn cấp thì mới dùng tới.

Xe máy hiếm tới nỗi cha tôi từ khi có xe đã luôn luôn phải dừng ở các ngã tư để trình giấy. Đỗ xe ở đâu cũng kín nghịt người vây xung quanh. Hiếm tới nỗi, phiếu xăng phải có chữ ký của ông chủ tịch thành phố, và phải sang tận kho Đức Giang bên tả ngạn sông Đuống để lĩnh tiêu chuẩn. Hiếm tới nỗi, sau khi cha phải bán xe đi rồi, hàng năm sau tôi vẫn nhận

ra nó trên phố, nó quá nổi bật, quá sang trọng, quá lạ lùng gần như là một niềm kinh dị.

Tôi còn nhớ rất rõ cái ngày gia đình tôi vinh dự có xe máy. Bấy giờ là mùa đông năm 1963. Cha tôi mở cổng vào nhà đất theo một chiếc bình bịch! Xe nhãn hiệu Riga, màu hồng nhạt, mới cứng. Xin nói là cả Hà Nội chỉ có hai chiếc Riga đó. Một chiếc của cha tôi, một chiếc nữa màu da trời của giáo sư Nguyễn Tài Cẩn. Hai ông cùng mua của một cán bộ ngoại giao hạng nhất mới từ Liên Xô về được đặc quyền khuôn theo. Cho nên tôi dám cá quyết rằng nền văn minh xe máy của Hà Nội hôm nay đã manh nha từ bốn chục năm về trước, do hai nhà ngôn ngữ học mở màn.

Xe hẳn là đắt cực. Hai ông giáo sư đều phải mua chịu trả dần. Và giấy tờ đăng ký thì vô cùng cam go. Tới nỗi, khi chiến tranh bùng nổ dữ dội năm 1965, không được phân phối xăng nữa, phải bán xe đi, cha tôi mới vừa trả xong tiền và vẫn chưa hoàn tất giấy tờ. Chiếc xe phải đi ở nhà người khiến tôi buồn hết sức. Cha tôi đã hứa sẽ cho chúng tôi tập xe, nhưng mới chỉ anh trai tôi kịp vô vẽ. Chiến tranh, sơ tán, gia đình mỗi người mỗi nơi. Chiếc xe cũng ra đi. Thành thạo tôi vẫn nom thấy nó, Riga, phành phành phi qua. Loại xe ga, nhiên liệu pha dầu, xả khói đen ngòm.



Xe máy của “nền văn minh Mỹ-ngụy”, tôi được thấy lần đầu tiên năm 1970 tại khu gia binh căn cứ biệt kích Đắc Xiêng.

Một tay thiếu úy qua đêm ở nhà vợ, nghe pháo kích liền học tốc lên xe máy lao về đồn. Nhưng vừa phóng ra khỏi khoảnh sân trước nhà thì y dính đạn AK, văng khỏi yên. Chiếc xe quật mạnh xuống đường. Khi chúng tôi xộc tới tay thiếu úy đã hết giây, nhưng động cơ chiếc xe vẫn chạy, bánh sau xoay tít. Tôi không nhớ chiếc xe ấy mắc gì, chỉ nhớ máy của nó tiếng rất dòn lại rất khê. Tiểu đội trưởng Thoại của tôi vực chiếc xe dậy, nói đùa: “Máy thế này mới là máy chứ, nghe cứ như là mợ nó rên lên trong lòng cậu nó!”. Chiếc xe đột ngột rống to, vùng khỏi tay Thoại, chồm ngược, đâm bổ vào tôi.

Từ mùa khô năm 1972, Quân Giải phóng Tây Nguyên đánh chiếm được nhiều vùng dân cư dọc lộ 14 và lộ 19 kéo dài thì xe máy Nhật (được gọi chung là hon đa) không còn lạ mắt với chúng tôi nữa. Nông dân tại các vùng trồng cà phê có đời sống tương đối khá. Nhiều nhà có máy phát điện và máy cày. Và hầu như nhà nào cũng có hon đa. Nhưng vì không có xăng và phụ tùng thay thế nên xe máy ở các vùng giải phóng Đắc Tô, Tân Cảnh, Diên Bình, Đức Cơ... phần lớn bị xếp xó, hư hỏng và han rỉ dần. Hãn hữu mới thấy vài chiếc của anh em trạm giao liên và giao bưu lướt chạy trên lộ.

Mùa khô năm 1975, quân ta tấn công Buôn Ma Thuột. Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh di tản Quân đoàn 2 khỏi Tây Nguyên. Binh lính, sĩ quan, công chức và gia đình của họ chồng chất lên nhau trên hàng ngàn xe GMC, xe zeep, xe be, xe đồ, xe lam. Nhưng đông hơn thế bội lần, kín nghin nghịt mặt tỉnh lộ 7 và quốc lộ 14, quốc lộ 21 là xe honda. Hầu hết là xe 50 phân khối. Chờ hai, chờ ba, thậm chí chờ bốn người với

ních thêm cả đồng đồ đạc, những chiếc honda “ba gác” cuồng lên lao thục mạng, liều chết lạng lách giữa dòng cuồn cuộn và hung dữ những xe nhà binh để mong thoát được lên phía trên cùng của biển người. Nhưng chẳng ai thoát nổi, chẳng mấy xe chạy được xa. Bình xăng kiệt khô, các trạm xăng dọc lộ thì hoặc bị cướp nhẵn hoặc bốc cháy và phát nổ, người ta đành vứt xe lại, chạy bộ. Ngay những người biết lo xa, biết chờ theo một hai can xăng cũng không thể chạy được xuống đồng bằng. Dưới chân đèo Ma Đơ Rắc ở Khánh Dương, tôi thấy một bãi xe máy vô chủ cả ngàn chiếc nằm ngổn ngang chổng chát. Người ta bảo là dọc đường số Một, đoạn từ Đà Nẵng vào Tam Kỳ có những bãi xe hoang còn bạt ngàn hơn. Và ở Cheo Reo nữa, rồi dọc tỉnh lộ 8, dọc đường 20...

Tôi biết đi xe máy vào chính thời gian đó. Tôi nhớ là ngày 31 tháng Ba, bộ đội sư đoàn 10 đánh tan lũ dù 3 chốt ở đèo Phượng Hoàng, thừa thắng tiến thẳng ra bờ biển Đông, gặp lộ Một tại ngã ba Ninh Hòa. Tiểu đội tôi dừng chân tạm nghỉ lấy lại hơi sức trước khi tiến về Nha Trang. Trong cái đồn cảnh sát gần chỗ chúng tôi ngồi ăn trưa, không hiểu sao vẫn thấy quăng lại đó một chiếc Honda màu đen, chìa khóa còn, và kỳ lạ nhất là bình xăng của nó vẫn còn ọc ách. Một tay trong tiểu đội lòi chiếc xe ra vệ đường, ngồi lên, vặn chìa và nghiêng răng đập, đập thật lực. Máy nổ dòn tan, và anh chàng nọ xoáy tay ga, dận dận cái gì đó dưới bàn chân. Ngay lập tức, như một lần tôi đã bị, chiếc xe chồm lên, vật anh chàng xuống mặt đường. Hú hồn, đầu điênng nhưng ngoan cố, chàng ky mã dựng chiếc xe lên, lại xiết ga và lại bị quật xuống. Lính tráng

vừa sợ vừa thích chí xúm cả lại, nhưng không ai biết phải xoay xở với cỗ máy diên khùng ấy ra làm sao.

Rốt cuộc chúng tôi lựa ra một tay thanh niên rõ ràng là lính Sài Gòn đang len lẩn trong dòng người di tản đông đặc. “Biết sử dụng xe máy không, anh kia?”. “Dạ, trình quý ông, em rành ạ. Thứ 67 này em xài thường”. Tay lính chiến trung đoàn 44 ấy, đồ trận đã quăng ráo, mình mẩy còn độc cái quần xà lỏn, hăng hái tỏ nhiệt tình cách mạng. Anh chàng vanh vách chỉ dẫn cách nổ máy, cách lên ga, sang số, đạp phanh, nhả phanh, nháy xi nhan v.v... Chúng tôi chăm chú nghe lý thuyết và xem thao tác. Rồi lần lượt chúng tôi thay nhau lên yên. Mở khóa điện, vào số, chạy, chậm chậm rồi nhanh, thật nhanh. Mỗi người chạy thử một vòng nửa cây số con đường ngang vắng người dẫn xuống mép biển. Tay tù binh ngồi ôm eo từng người để tiếp tục hướng dẫn và xem chừng. Khi đại đội ra lệnh hành quân, trong tiểu đội tôi đã vài người có thể xem như là biết chạy xe máy, tay lái không chệnh choạng, sang số lẹ và êm. Tay tù binh được thưởng luôn chiếc Honda 67 với bình xăng còn kha khá. Quân ta tiếp tục đường hành tiến vào Nam, còn anh ta thì quay ra mạn Bắc, về quê ở Tuy Hòa. Chúng tôi chúc nhau thượng lộ bình an.



Tôi biết đi xe máy như vậy là khá sớm, nhưng cái sự biết đó chẳng để làm gì. Trở về sau chiến tranh, trở về với Hà Nội, lại trở về với chiếc xe đạp cà khổ. Hà Nội thời sau chiến tranh,

mười mấy năm trời dai dẳng thời bao cấp nghèo ơi là nghèo, mức sống còn thua kém cả trong chiến tranh.

Tất nhiên honda cũng đã lần đường ra Bắc cùng với tivi, tủ lạnh, đồng hồ xenkô, búp bê, quần loe, đồ nhựa Thái, chương Kim Dung... Nhưng mười năm hậu chiến Hà Nội vẫn xe đạp là chính. Phần vì giá xe vượt xa túi tiền và mức sống hồi ấy, nhưng chủ yếu do phụ tùng thay thế không có, nhất là xăng quá khan. Có tiền cũng chưa chắc kiếm nổi một chai nửa lít nói gì đồ đầy bình để chạy ngày ngày. Đã vậy lại luôn luôn bị chặn hỏi giấy tờ. Dắt xe máy ra đường phải mang trong người cả núi hồ sơ về cái xe máy đó. Chưa kể là dạo ấy còn có cái vụ "kiểm tra hành chính", biết tường trình với nhà chức trách thế nào đây về sự hiện diện của một gia tài to tát đến nhường ấy trong ngôi nhà xơ xác mình. Sở hữu một chiếc xe máy rõ ràng là sở hữu một tội nợ. Tuy nhiên người ta vẫn ham hố, vẫn ao ước. Được làm chủ nhân ông một chiếc honda vẫn thật sự là một niềm hãnh diện hơn người. Ở đoạn phố nhà tôi có hai anh Trung, hai anh Nam, tên các anh được gắn thêm mác chiếc xe mà các anh sở hữu: Trung "suzuki", Trung "vet pa", Nam "amaha", Nam 67... Ngay trong những thời kỳ cấm xe gắt gao nhất, sự mua đi bán lại vẫn rộn ràng. Cái chợ xe Phùng Hưng đã ra đời từ tận những năm nghèo kiệt ấy. Ngoài honda tái từ Nam ra, ở Hà Nội còn có dòng bình bịch Liên Xô và Đông Âu do đám con em đông đảo đi "hợp tác lao động" bèo dạt mây trôi tuồn về. Mu-kích, Min, Babétnhè, Cá vàng, Cá ước... xấu xí và ô nhiễm nặng nề nồng nặc nhưng lại khá là nổi đồng cối đá.

Đổi Mới được vài năm, lượng xe máy ở Hà Nội đã nhiều gần bằng lượng xe đạp. Rồi vì phe XHCN không còn, Hà Nội trở về với bình bịch Nhật, tuy nhiên là loại đời mới. Nền văn minh xe máy đã thực sự bắt đầu và nhanh chóng tăng tốc, chiếm lĩnh dần dần mặt phố. Nhiều phương tiện giao thông thân thuộc của Hà Thành như tàu điện, xe buýt, xích lô và xe đạp lần lượt ra rìa để rộng chỗ cho thế lực của xe máy. Ngày qua tháng lại đời sống dần vượng lên, nhưng du có không vượng được, dù vẫn đủ bề tưng thiếu cũng không mấy ai còn có thể đứng đình đạp xe dạo mé ngoài nền văn minh ấy nữa. Tàu được con xe đầu tiên, nhập cuộc thời đại rồi, thì lại phải gắng gỏi theo cho kịp dòng đời, phải liên tục đổi mới. Thành thử ngày nay xe máy ở Hà Nội toàn những xe sang, cho dù thực chất là đồ Tàu hoặc liên doanh Hàn liên doanh Đài Loan nhưng mã ngoài vẫn phải nhái y chang Dream II, Wave, Viva, Spacy, A còng... Cho dù là gọi xe ôm người ta cũng không đời nào gọi mấy anh 81 với cả cúp tôm chứ đừng nói gì mìn hay mu kích.

Mãi tới năm 95, gia đình tôi mới có xe máy. Một chiếc 82 chạy chưa tới vạn cây, bạn tôi để lại với giá hữu nghị, chỉ sáu vé. Chỉ sáu vé, nói oai vậy, chứ kỳ tình hồi ấy hai vợ chồng tôi cộng lương lại chưa được triệu bạc một tháng. Thú thực là không bao giờ tôi tự biết được là vì sao mình lại có thể có gan tậu và có thể tậu nổi chiếc 82 đó. Nhưng dù gì thì từ ngày có xe, tôi thấy mình mạnh bạo hơn trong đời sống. Tự tin hơn, cứng vía hơn. Và quả thật là từ ngày đó, có thể nói là nhờ chiếc xe ấy, tôi sống khấm khá hơn, có đồng ra đồng vào hơn.

Tôi nghĩ là không chỉ riêng tôi. Chiếc xe máy thực sự là một phương tiện hữu ích, một đồ vật có công đối với bước tiến trong đời sống của đa phần người bình dân Hà Nội những năm qua. Tất nhiên chiếc xe máy cũng là nguồn cơn của đủ thứ tai ách trên đường phố, nhưng dù vậy nó vẫn là một biểu tượng cho sức sống năng động của người dân từ khi nhịp bước vào đời sống kinh tế thị trường.

Có thể nói ngày nay hình ảnh chiếc xe máy đang lách chạy và lấn chen trên phố là hình ảnh của một đại nghịch lý, tuy nhiên là một nghịch lý thú vị, thậm chí dễ thương và đáng yêu nữa trong cái đời sống mưu sinh dày đặc nghịch lý và vô văn sắc màu, vô cùng tươi vui nhộn nhịp của chúng ta hôm nay. Dù sao thì cảnh tượng Hà Nội, Sài Gòn cuộn cuộn xe máy vẫn là hết sức độc đáo đối với cả thế giới, vẫn là khung cảnh một đời sống tràn trề sinh lực và rất ưa nhìn. Dù sao thì chật ních xe máy vẫn hơn là sự trống huếch trống hoác của thời buổi nghèo nàn bán bách những năm xưa. Chỉ tiếc rằng thời của xe máy tiếng vậy nhưng mà cũng sắp kết thúc, sắp qua đi mất rồi.

Quay lưng

Ngày tháng trôi qua, dần dần trong số những hộ đã về sống ở nhà Z1 từ thuở ban đầu khu Thành Công chỉ còn lại có gia đình Vinh. Xưa kia tuy chưa phải chốn nhất phẩm cao sang song Thành Công cũng là nơi đầy danh giá. Như là ở nhà Z1 thì để được cấp một căn “hăm tư mét vuông”бет ra cũng phải diện có tiêu chuẩn tem phiếu bìa C. Nay thì khác. Thời gian đã làm biến dạng sự đời. Tất cả các tòa chung cư năm tầng thuở nào nổi bật một cách kiêu hãnh đều ít nhiều đã lún, đã rạn, xương xóc hoen rỉ, mã ngoài lở lói. Bây giờ hộ khẩu ở khu này không còn là một trong những cái mào chứng tỏ sự thành công nữa mà ngược lại. Không phải đã gần đất xa trời thì cũng đã về hưu, đã hết đà thăng tiến, cạn tiền cạn chức cạn quyền. Một khu tập thể lão thành. Do vậy nếu vẫn còn đang tiềm năng vươn lên thì trước

sau gì người ta cũng bỏ Thành Công để dọn về những tổ ấm xứng tầm hơn. Nhà riêng mặt phố trong nội thành. Biệt thự bên các bờ hồ. Trang trại miền ngoại vi. Nếu có là chung cư cũng phải chung cư cao cấp, mặt bằng mệnh mông nhiều phòng, thang máy, người bảo vệ, nhà để xe, bóng lộn như khách sạn năm sao.

Ông nọ bà kia đi hết, bây giờ đến nhà Z1 chỉ gặp rất những hạng người linh tinh xập xị xập ngầu. Viên chức cỡ mọn sau nhiều năm chắt bóp cạy cục mua sang tay được căn hộ hoặc nửa căn hộ cũ của những đồng liêu đã lên đời. Sinh viên con cháu những nhà có tiền ở các tỉnh miền trong. Các em vũ nữ, các em mát xa, bia ôm. Nhân tình hoặc gái bao của quan chức cỡ nhỏ... Nói chung bây giờ lên xuống cầu thang toàn chạm những bộ mặt lạ hoắc.

Ngày căn hộ 306 của Vinh cũng chẳng phải chính chủ. Ông anh cả của Vinh mới là chính chủ thuở ban đầu. Hồi đó, trở về sau chiến tranh, Vinh giải ngũ và rời quê ra Thủ đô học đại học, tốt nghiệp, được bổ về cơ quan Bộ, nhưng không nhà, chuyên ngủ bàn. Anh chị thương tình cho về sống ké. Căn hộ hăm tư mét gồm hai ngăn với bếp và toa lét. Anh chị ở ngăn ngoài, san sẻ cho Vinh ngăn trong. Không rộng rãi gì nhưng mấy năm đầu cũng dễ thở. Sau, anh chị có cháu, một đứa, hai đứa, ba đứa. Phải coi nới. Đời sống của Vinh lui hấn ra chuồng cọp lồng sắt mà vẫn càng ngày càng chật chội và bức bối. Tình nghĩa anh em âm thầm lụn bại dần đi trong cuộc chung đụng triền miên. May thay, đến thời điểm bà chị dâu đã hết sạch sức chịu đựng thì anh trai Vinh bất ngờ đoạt được

ghé Tổng Giám đốc. Chức lớn, nhà mới, một biệt thự to vật ở Nghi Tàm, do vậy anh chị dễ dàng nhượng lại cho Vinh toàn bộ căn hộ Thành Công.

Mặc dù những đồ nội thất và các tiện nghi sang trọng chị dâu đã gỡ hết mang đi nhưng cái xác nhà vẫn còn là quá tương đối với Vinh. Và nhất là quá rộng. Anh chẳng biết sống làm sao cho đầy hết những chừng ấy diện tích. Rốt cuộc, theo thói quen, anh vẫn chủ yếu ăn ngủ ở nửa căn hộ bên trong cộng cái chuồng cạp, ngăn ngoài bỏ không cho bụi. Phần vì đời độc thân chẳng thiết tha gì sự ấm cúng, phần vì công việc buộc anh hay phải xa Hà Nội. Vào những dịp tạm gọi là nhàn nhã, được trở về nhà tương đối thường xuyên hơn cả thì cũng cách nhật và luôn luôn về đến nhà, mở cửa phòng lúc đã lên đèn. Thành thử biết là các căn hộ cùng tầng ba và cả hai nhà láng giềng kề bên đã đổi chủ mà liên mấy năm trời Vinh chưa hề gặp, chưa hề chào hỏi được người ta một câu.

Và hết sức là ngược đời, cùng khối nhà Z1 thì chẳng biết ai với ai, chẳng hiểu người ta sống thế nào, nhưng Vinh lại thấy được khá rõ đời sống của không ít gia đình bên nhà Z2. Nhất là vào mùa hè khi cửa giả các nhà mở toang đón gió, dù nhà nào cũng vướng cái lồng sắt, mà nhiều lúc Vinh vẫn vô tình nhìn thoáng thấy gần như cận cảnh hậu trường của mấy gia đình đối diện. Anh thấy được như thế bởi vì khác với hầu hết các khối nhà ở Thành Công mặt trước nhà số chắn trông vào mặt sau nhà số lẻ, Z1 và Z2 lại xoay lưng vào nhau.

Năm này qua năm khác, nhìn thấy đám cưới, nhìn thấy đám ma, nhìn thấy bọn trẻ con lớn lên, nhìn thấy người ta cái

cọ, người ta ly hôn, nhìn thấy người ta quây quần ẩm cúng bữa tối gia đình, nhiều lúc Vinh vui vui này ý nghĩ là nên tìm cách làm quen với mấy nhà bên đó. Nhưng chỉ là ý nghĩ thoáng qua thế thôi. Chưa bao giờ anh đi vòng sang bên Z2 cả.

Con người Vinh như thế, kém bặt thiệp, ít giao tiếp, luôn luôn ngần ngại, do dự, im lìm, lặng lẽ, càng năm càng im lìm hơn, càng khó tiếp xúc với thiên hạ hơn.

Anh cũng không nhớ tính nết của mình hồi trẻ nó ra làm sao nữa. Dĩ nhiên là anh cũng có một thời trai trẻ, một đời quân ngũ, song hình như quá nhạt, không đáng kể gì cả so với thời thanh xuân của bao người.

Năm năm, tuổi quân của Vinh không ít. Và suốt những năm ấy anh chiến đấu ở tuyến lửa Khu Bốn. Có điều do là lính hậu cần, chỉ chuyên một nhiệm vụ coi kho, kho quân trang, nên chuyện súng đạn anh còn kém tỏ tường hơn bọn trẻ con Hà Tĩnh. Quảng Bình. Cũng có những kỷ niệm thời chiến, nhưng thẳm trong lòng thôi không đáng để kể với ai.

Đời anh ngấm ra cũng tẻ nhạt cũng già cỗi nhanh như cái nhà Z1, như cái phòng 306 của anh. Trở về sau chiến tranh anh đã mất rất nhiều năm mới có thể lảng đi, quên đi được Hạnh. Nhưng dù đã nguôi ngoai mà bản tính lại dai dẳng ngăn trở anh giao thiệp làm quen với những người phụ nữ khác. Rồi cuộc sống chung đụng năm này sang năm khác với gia đình ông anh càng làm anh do dự và ngại ngần hơn.

Đến lúc thực sự có được một cơ ngơi thì đã luống tuổi mất rồi. Và nhất là, không hiểu sao, từ ngày được sống trọn vẹn một mình một căn hộ, bỗng dưng hình bóng của cô gái ngày

xưa tường đã hoàn toàn mai một lại trĩu dây trong lòng. Kỷ niệm đã vụt tắt từ bao năm luôn chọn lúc anh từ cơ quan làm lui trở về nhà, mở khóa, đẩy cửa, bật đèn lên mà hiện dậy. Như để tự an ủi anh thường gượng nghĩ, có lẽ là cô ấy cũng đang nhớ tới mình, có lẽ là trong suốt bao nhiêu năm qua vẫn nhớ vẫn tìm. Nhưng chính ý nghĩ ấy lại khiến anh buồn càng buồn hơn.

Dần dần anh đã hiểu ra là mình không tài nào mà có thể quên được Hạnh. Không bao giờ tự dứt được ra khỏi ám ảnh những ngày hạnh phúc ấy.

Bấy giờ là mùa thu năm 72. Vinh bị thương. Không phải chiến thương mà là tai nạn. Tài xế của chiếc gat mà Vinh đang ngồi trên thùng ngủ gật làm xe lật nghiêng. Vinh bị hất bắn xuống ruộng ven đường. Ở trạm xá Cụ Năm người ta bó bột cái cẳng trái của anh bị gãy rồi chuyển anh vào nằm điều trị tại nhà một bà cụ già trong xóm nhỏ bên bờ sông Sơn.

Các con của bà cụ đều là lính chiến trường Bè nhưng nhà cửa hầm hào rất vững chãi. Căn hầm mà bà cụ dành cho Vinh là loại hầm thùng, rộng và sâu, mái lát gỗ súc chắc chắn, vách đất phên tre. Lòng hầm rộng, được thông khí tốt, khô ráo, sạch sẽ. Chăn chiếu màn gối tinh tươm. Thoang thoang hương thơm bồ kết. Ban đầu Vinh ngỡ đây là hầm của con gái hoặc là con dâu bà cụ chủ nhà. Song hầm ấy là của Hạnh, cô giáo trường cấp 1 Cụ Năm. Hạnh ở trọ nhà bà cụ.

Mùa thu năm ấy chiến sự tàn khốc, bom đạn ngút trời. Vậy mà chẳng hiểu sao cái xóm nhỏ đó trong suốt một tháng Vinh tá túc đã không hề bị bọn Mỹ đụng tới. Ban ngày vòng của

Vinh căng dưới tán cây ở cửa hầm. Hạnh rất ít khi phải đi vào trong. Thời tiết cũng tuyệt diệu. Chỉ mưa về đêm. Sáng trưa chiều mặc cho máy bay gào hú quần đảo trút bom lúc xa lúc gần vẫn mây trắng trời xanh gió mát vô cùng êm ả. Hạnh thường xuyên bên võng của Vinh. Cô nhận đảm đương chăm sóc nâng giấc anh thay cho bà cụ chủ nhà.

Khi Hạnh đến trường ở địa đạo xóm bên, Vinh nằm trong hầm đọc sách dưới ánh sáng vào qua cửa thông gió. Hạnh có trong hầm hai rương gỗ đầy sách. Tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ. Chưa bao giờ Vinh đọc văn chương nhiều như vậy. Đi dạy trở về, Hạnh đưa Vinh ra khỏi hầm và ngồi làm việc bên cạnh võng của anh. Vinh và Hạnh không trò chuyện nhiều. Hạnh lặng lẽ chấm bài, soạn bài hoặc may vá đan lát. Vinh lặng ngắm cô.

Hạnh năm ấy vừa tròn hai mươi. Cô người Hà Nội. Xong lớp Mười, cô được đào tạo cấp tốc một năm Sư phạm rồi vào tuyển lửa. Đã được gần hai năm. Vinh cũng kể cho Hạnh về quê hương anh, về gia đình, về đời sống ở binh trạm. Tất nhiên chẳng có gì nhiều nhận. Yên lặng bên nhau tận hưởng hạnh phúc không lời.

Gang tấc thời gian ngắn ngủi, một tháng trời yên ả trôi qua chóng vánh. Buổi chiều y sĩ trạm xá tới xem lại lần cuối chân cẳng cho anh và thông báo rằng rạng sáng đơn vị sẽ ghé xe qua đón anh về binh trạm.

Bữa cơm chiều chia tay chẳng những có thịt thà và rau xanh bà cụ chủ nhà còn kiếm được cho Vinh một cút nhỏ rượu trắng. Nhưng Vinh không biết uống rượu, anh không

làm quá nổi một ly. Chỉ có bà cụ và Hạnh. Bom nổ lay chuyển bờ sông. Chớp lửa chạy nhằng nhằng. Nhưng vẫn một trời thu chiều tà và một vùng trăng non.

Tối ấy, Hạnh không về ngủ bên hầm bà cụ chủ nhà. Cô thổi tắt ngọn đèn chai trong góc hầm rồi mềm mại nằm xuống bên Vinh.



Kho quân trang Vinh coi giữ ẩn trong một hang núi Phong Nha không xa Cự Nẫm. Cuối mùa thu năm ấy khi bọn Mỹ liên mấy đêm mở những trận càn kinh khủng bằng B52 vào vùng cư dân ấy, ở trong núi anh nghe rõ mồn một từng dây bom. Nhưng đầu 73, hòa bình ở Miền Bắc, đơn vị anh lại chuyển sâu vào tận Bù Gia Mập.

Cuối năm 75, ra Bắc, ngang qua Đồng I Lới, Vinh xuống xe tìm đường lên Cự Nẫm. Xóm nhỏ năm nào không còn nữa. Một hố bom đĩa ngập nước đã nuốt trứng túp nhà với hai căn hầm ngày ấy. Bà cụ đã mất trong trận bom cuối, nhưng cô giáo Hạnh thì mọi người đều cam chắc là còn sống bởi cô còn tiếp tục dạy ở Cự Nẫm tới hết niên học ấy. Anh muốn tìm cô nhưng tìm ở đâu được. Đất nước sau chiến tranh trời đất bao la tiêu điều.

Phố Khâm Thiên, ngày anh ra Hà Nội học, đã được san hết các hố bom và dọn quang những đồng đổ nát. Nhưng số nhà của gia đình Hạnh đã cùng một loạt số nhà nữa trở thành một đoạn dài địa chỉ bị ngắt quãng của phố Khâm Thiên. Nạn

nhân trong trận bom hủy diệt là hàng trăm, nhưng người sống sót được cứu ra từ đống đổ nát cũng còn nhiều. Song Vinh không biết họ của Hạnh, không biết tên những người thân của cô. Những cư dân cố cựu của đoạn phố Khâm Thiên ấy thì không biết không nhớ có cô gái nào tên Hạnh là giáo viên từng dạy học ở Quảng Bình những năm chiến tranh.

Không hề trải qua chiến trận, nhưng suốt nhiều năm sau ngày giải ngũ Vinh thường nằm mộng thấy những hố bom.

Và suốt nhiều năm dù phải vòng đường xa, ngày nào Vinh cũng phải ít nhất một lần đạp xe qua Khâm Thiên. Ngay sát bên nền cũ ngôi nhà gia đình Hạnh người ta dựng lên một bia cấm thù và một đài tưởng niệm. Đài tưởng niệm nay cũng đã cũ rồi và nhỏ bé chìm lút trong đời sống mới ngồn ngộn của phố xá thay da đổi thịt.

Liên tục đều đặn qua lại Khâm Thiên. Hàng năm ngày tưởng niệm những nạn nhân của cuộc thảm sát anh đều tới đặt vòng hoa tại bia và luôn dừng ở đấy thật lâu lặng nhìn đám đông những người dự lễ viếng. Tuy nhiên thời gian dằng dặc đã khiến Vinh không còn tự ý thức được ý nghĩa của sự kiên tâm bền bỉ của mình. Anh không còn hiểu được rằng sự kiên tâm của mình tức là niềm nhớ thương, và không chỉ nhớ thương, mà còn là nhớ mong, là nỗi trông chờ chưa bao giờ lụi tắt, chưa bao giờ hoàn toàn vô vọng. Anh không biết rằng mình vẫn chờ đợi giây phút gặp lại Hạnh...

Giây phút ấy rồi cũng đã tới với đời Vinh. Tuy nhiên chẳng phải tại địa điểm và trong khung cảnh mà đôi khi anh vẫn thoáng mừng tượng. Nó đơn giản, sơ sài và tẻ nhạt hơn

anh tưởng rất nhiều. Vậy mà không ngờ lại là một nhát khía đau buốt.

Anh gặp Hạnh ở cổng Ủy ban phường! Anh đi bộ ngang qua còn cô dắt xe máy từ trong sân đi ra. Hạnh nhìn thấy anh, nhận ra anh ngay và gọi anh trước, vui vẻ, bình thường, thân mến: “Ơ kìa, anh Vinh! Anh Vinh phải không?”

Vinh nhìn. Đã bao nhiêu thời gian mất đi song Hạnh không đổi khác nhiều như Vinh. Anh nhận ra cô ngay. Và không hề như anh tưởng, tim anh vẫn bình thường, hơi thở bình thản. Và như thể đêm cuối của hai người mới là vừa trước buổi sáng nay, anh mừng rỡ và thân thiết: “Kìa, Hạnh, Hạnh hả, đúng Hạnh rồi, chào em?”. Và thậm chí, như tất cả mọi người chúng ta khi gặp gỡ nhau lớt phớt ngoài đường, anh hỏi: “Hạnh đi đâu thế? Cháu đây à?”. Anh xoa đầu đứa bé gái đang ngồi ở yên trước của chiếc xe máy.

- Em đi chuyển hộ tịch. Chuyển nhà đã mấy năm mà cứ lẩn chần chưa chuyển được. Vâng, con gái em đây.

- Hạnh được mấy cháu?

- Con gái đầu mà anh. Cháu mới bốn tuổi. Còn anh, mấy cháu rồi?

- Trai chưa vợ, con với ai chứ? - Vinh mỉm cười.

- Sao lại thế anh, anh năm mươi rồi còn gì? Em cứ tưởng như em cao số thế là cùng. Mãi năm năm trước, ngoài bốn mươi mới rời được vòng tay của cha mẹ.

Bỗng dung, vẻ tươi vui hồ hởi của Hạnh sững lại, nụ cười vụt tắt. Cô hỏi, giọng lạc đi: “Nhưng... anh ở đây à... ở Thành Công à?”

- Ủ. Anh ở Z1. Phòng 306. Hơn hai chục năm rồi. Ban đầu mới bộ đội ra ở nhờ ông anh, sau thì...

Vinh cũng đột ngột cảm thấy như một roi vút vào tim, anh ngừng bật không nói tiếp nổi.

- Em ở nhà Z2 - Hạnh gần như thì thào - Em đã đi tìm anh. Em đã vào làng Yên Vực quê anh. Làng bị bom tan nát hết. Em đã tìm anh. Em đã nhớ anh biết bao nhiêu. Em.. Em ở nhà Z2 đây anh. Phòng 407. Cũng ở đây đến hai chục năm hơn. Anh ơi. Hóa ra chúng mình...

Tình thư

Sau Mậu Thân, bọn Mỹ buộc phải tạm ngừng ném bom miền Bắc. Tuyến tàu Nam lại thông suốt vào tận Vinh. Tiểu đoàn chúng tôi tuy phải xuống ở ga Văn Trai chứ không được đi tới kịch đường tàu, nhưng bù lại được hưởng một chặng dài hành quân bằng xe lửa.

Có cái sướng của sự hành quân ngời nhưng phải cái buồn là đi Bê mà không được suất nghỉ phép 15 ngày. Buồn nữa là không được khởi hành từ ga Hàng Cỏ. Rời Bãi Nai chúng tôi thấy bộ về ga Thường Tín. Tới ga, đã gần nửa đêm, lính tráng lên toa ngay, và tàu lập tức chuyển bánh. Toàn tân binh Hà Nội, 17, 18 tuổi, nhìn quảng sáng Hà Nội lùi xa, buồn lắm. Bấy giờ là mùa đông năm 69, đất nước vừa qua tiết cuối thu nhiều đau thương, mà những tháng ngày đón đợi phía chân trời thì đang hiện ra cùng với vô vàn gian nguy được

báo trước, vì vậy chúng tôi ai cũng thầm hiểu rằng không phải tất cả anh em mình đây đều sẽ còn có dịp nhìn thấy lại vàng sáng đang khuất dần kia của thời thanh thiếu tuổi học trò.

Cả ngày cuộc bộ mệt như nèn vừa kịp nhá xong khẩu phần bữa tối hầu hết đã ngáy khò. Nhưng cũng có vài tay không ngủ nổi, chụm đầu đánh bài, hoặc như Vũ, tổ trưởng tam tam của tôi, cặm cụi viết thư. Vũ ngồi xồm trên băng ghế, giở sổ tay ra để trên hai đầu gối, viết hết trang này sang trang khác. Tàu quân sự song chạy chậm rề. Tàu hời đó xóc dữ lắm, chòng chành như thuyền trên sóng, vậy mà Vũ vẫn cố sức viết, mỗi bậm lại. Tàng sáng, tôi thức giấc, ngó qua cửa thấy đang ngang qua đồng lúa mênh mông huyện Hoàng Hóa. Bấy giờ Vũ mới vừa viết xong. Tôi thấy nó rút ra khỏi sổ tay đến gần hai chục tờ giấy dúp. Chữ nhỏ ly ti như đàn kiến đặc kín mặt giấy nhưng rất nắn nót. Vũ bảo là cần có lời ti mi với từng người trong gia đình, mà gia đình lại đông, tam đại đồng đường: ông nội bà nội, bố mẹ, ba thằng em trai, một đứa em gái, nên thư dài. Sẵn giấy sổ tay và cái bút Trường Sơn của Vũ đấy, tôi bèn viết, nhưng chỉ loáng mấy dòng báo rằng lên đường khẩn cấp không về phép được, cả nhà cứ yên tâm, vì viết trên tàu nên chỉ viết vắn, hứa vào tới Cụ Năm, dừng chân lâu sẽ viết dài hơn. Thằng Hải, ngồi kế, thấy tôi viết, cũng viết và cũng chỉ loạc choạc dăm câu ba điều như vậy trên nửa trang sổ tay. Vũ cho tôi và Hải mỗi đứa một phong bì có dán sẵn tem bộ đội. Vũ moi trong túi cóc ra ba cái túi ni lông, bảo tôi và Hải cho phong bì của mỗi đứa vào mỗi túi, và mỗi đứa

phải thả kèm theo thư một bao Tam Đảo. Riêng túi mình vì lá thư quá dày, Vũ chỉ vào đó hai bao.

Tàu hãm tốc độ bò từ từ, chuẩn bị qua cầu Hàm Rồng. Trời vừa sáng, sương mù sông Mã đang tan. Vũ nhào người qua cửa sổ, thả ba túi thư xuống rệ đường Một. Không chỉ mình Vũ, từ cửa sổ của tất cả các toa đều thấy có những túi thư ném xuống. Tàu chạy rất chậm, song gió bắc lửa mạnh khiến các bì thư bị cuốn bay tả tơi như lá khô.

Hỏi đó lính đi Bê có cái lệ như vậy, tựa một thứ dị đoan: liệng thư xuống mé bắc cầu Hàm Rồng. Phải đúng là bắc cầu Hàm Rồng chứ không được thả ở địa điểm khác. Người qua đường nhặt được và có lòng tốt mang tới bỏ vào hòm thư. Nếu thư trót lọt tới tay gia đình người lính nào là người lính đó có khước, sẽ được may mắn cực kỳ...

Tổ tam tam chúng tôi còn nguyên tới tận trạm 75 ở bắc Xê Ca Mán. Tôi bị sốt ác tính vật suýt chết phải nằm lại trạm. Vũ và Hải cùng tiểu đoàn hành quân vào B2. Khỏi sốt, tôi sang thu dung, rồi nhập đoàn tân binh khác, rẽ vào B3. Sau 75, tôi giải ngũ.

Thư từ sáu năm đời lính tôi gửi về, mẹ tôi quý báu giữ gìn nên còn cả, cũng chẳng nhiều nhận gì, chỉ ba lá, trong đó có cả lá thư thả ở Hàm Rồng.

Trở về sau chiến tranh, bạn bè cựu binh tuy đông, nhưng chủ yếu là chúng tôi tụ hội anh em B3 với nhau, chứ cánh tân binh ba tháng Bãi Nai thì thú thực là chẳng còn nhớ. Mãi tới năm 1986, tôi mới gặp lại Vũ. Tình cờ thôi, buổi tối, ở cửa rạp Tháng Tám. Tôi đi bộ qua, còn Vũ cùng đám đông từ rạp đổ

ra. Giữa bao người vẫn nhận ra nhau tức khắc. Tuổi đã luống cả, vừa vặn gấp đôi tuổi 17 xưa kia, mà ôm chầm lấy nhau như hai thằng nhãi. Một hồi sau, trấn tĩnh lại, tôi mới thấy rằng Vũ chỉ còn một cánh tay. Nhưng bù lại, anh có...

- Hiền, vợ tao! - Vũ nói và vội chữa lại - Vợ mình, Minh Hiền.

Anh giới thiệu tôi với một phụ nữ cũng khoảng tuổi chúng tôi vừa dắt xe đạp từ bãi gửi xe ra. Tôi gặp may, bởi vợ chồng Vũ đã thành dân Quy Nhơn từ hơn mười năm rồi, họ ra thăm Hà Nội và sáng sớm mai đã lên tàu trở vào. Chúng tôi cùng đi bộ ra Bờ Hồ, vào một quán cà phê.

Vũ kể: vào B2, sư 7, bị thương năm 72 ở chốt Tàu Ô đường 13. Ra Bắc đầu năm 73, học Sư phạm toán, 77 tốt nghiệp, đưa vợ con vào Bình Định, quê vợ. Hiền cười bên lên: "Ra Bắc được nửa năm, ông ấy đã đòi cưới. May là ba má hai đứa đều thuận. Khi ấy bọn em cả hai mới hăm mốt nhưng mà chờ đợi nhau cũng đã bốn năm trời". Tôi ngạc nhiên: "Nghĩa là từ 69, khi bọn này đi Bê? Ghê nhỉ, sao mà hồi ấy ông kín miệng với anh em thế hả Vũ?". Vũ ngó tôi một lát, rồi nói: "Chuyện vợ chồng mình khởi đầu thế nào, ông biết không, chính ông đã chứng kiến. Ông còn nhớ lúc đoàn tàu bọn mình qua Hàm Rồng không...".

Minh Hiền là con gái một gia đình cán bộ miền Nam tập kết làm việc ở nông trường Sao Vàng trong Thanh Hóa. Năm 1969, cô ra Hà Nội học Tổng hợp toán. Cuối tháng 11 năm ấy, cô về thăm má bị ốm. Khi trở ra, xe khách vừa qua cầu Hàm Rồng thì có trục trặc. Hành khách xuống xe chờ tài xế thay lốp. Đang lúc ấy thì có đoàn tàu chở bộ đội ngang qua. Chính

là chúng tôi trên đò, và chính đây là tơ duyên của Vũ với Hiền. Chuyển xe khách ra Hà Nội thành một chuyến xe thư. Hành khách ai cũng xúc động, ai cũng trên tay dăm lá thư do anh em bộ đội gửi gắm. Riêng Hiền chỉ nhặt được mỗi một lá, của Vũ. Cô không gửi bưu điện mà đưa tới tận nhà anh. Những hành khách khác chắc cũng làm vậy.

Tình nghĩa con người trong chiến tranh rất gần với tình yêu. Vũ với Hiền lại bằng tuổi nhau, trẻ măng, chàn thành và anh dũng. Họ viết thư cho nhau. Chờ đợi nhau.

Lúc tạm biệt vợ chồng Vũ, tôi sực nhớ:

- Còn thằng Hải "tò"?

- Hy sinh rồi! Nó bị từ giữa 70, ở Crachê, bên Miên, lúc bọn Mỹ càn sang. Tao với nó khi ấy vẫn đang cùng tiểu đội.

- Không biết bố mẹ nó có nhận được lá thư ấy không nhỉ?

- Mà quên à? Nó mồ côi. Chỉ có bà chị gái. Năm 73, tao về, tới tìm, không gặp. Nhà ở Ngõ Chợ. Bị bom hồi 72.

Thờ dài, ngẫm nghĩ một lát, Vũ bảo:

- Nhưng lá thư ấy, chắc là chị ấy đã nhận được, đã đọc nó.

Đêm cuối cùng ngày đầu tiên

Vào ra Sài Gòn đã bao lần. Người thân, bạn bè, đồng nghiệp non nửa sống trong đây. Nhưng, thú thực là chưa khi nào tôi có thể hòa mình, có thể nhập thân được vào với không gian, với nhịp sống đương thời hàng ngày của Thành phố vĩ đại này. Không phải chỉ vì đã không sinh ra lớn lên ở đây, mà còn vì chưa bao giờ tầm nhìn của tôi vượt ra được khỏi những ký ức, những ấn tượng về Sài Gòn trong hai ngày 29 và 30 tháng Tư của 34 năm về trước.

Hầu như lần nào vào Nam tôi cũng tìm về quận lỵ Củ Chi, điểm khởi đầu cuộc tấn công vào nội đô của Trung đoàn. Tất nhiên là ngày đó bây giờ khác nào kiếp này kiếp trước. Thật khó mà nhìn thấy lại một dấu mờ nào của dĩ vãng. Đâu rồi Cầu Bông? Đâu thành Quan Năm, trại Quang Trung, cầu Tham Lương, dệt Vinatexco, Bà Quẹo,

đường Lê Văn Duyệt, ngã tư Bảy Hiền, nhà thương Vì Dân? Từ quận lỵ Củ Chi về tới Bảy Hiền, chặng đường chẳng bao xa, nhưng cái ngày 29 ba mươi lăm năm trước ấy thì thật là dài, có thể nói là ngày dài nhất trong cuộc đời của mỗi chiến sĩ Trung đoàn 24 Bộ binh, Trung đoàn 273 Thiết giáp và Trung đoàn 234 cao xạ thê đội quân binh chủng hợp thành đột kích thọc sâu hướng tây bắc Sài Gòn. Mức độ ác liệt của những trận chiến ngày 29 chẳng thua kém gì so với các trận trong Chiến dịch Buôn Ma Thuột, thậm chí cả so với những ngày cao đỉnh của Mùa khô 1972...

Ngày 30, bốn giờ sáng, pháo lớn Quân đoàn 3 bắt đầu lên tiếng, càng lúc càng dữ dội, cấp tập bắn phá phi trường. Bảy giờ, tiểu đoàn 5 mà mũi nhọn là đại đội 7 cùng gần chục xe tăng T54 tấn công ngã tư Bảy Hiền.

Sau non một tiếng đồng hồ cận chiến qua từng ngôi nhà, C7 mở thông được ngã tư. Trước mắt đã là những thời khắc cuối cùng, những thước đất cuối cùng của cuộc chiến tranh đằng đẳng cả đời người. Và cũng là thử thách cuối cùng, thương vong cuối cùng.

Từ ngã tư Bảy Hiền, K5 của 24 đánh cắt ngang qua Tân Sơn Hòa tấn công cửa số 5, K4 và K6 tấn công cửa số 4 phi trường. Trung đoàn 28 theo đường Võ Tánh qua Lăng Cha Cả tấn công Bộ Tổng tham mưu. Trung đoàn 66 xuôi đường Lê Văn Duyệt tiến vào trung tâm thành phố. Đến đúng 10 giờ 30 quân dù trấn giữ Cửa số Năm vỡ trận, lối vào phi trường mở toang. Các đại đội của trung đoàn 24 cùng các phân đội xe tăng Trung đoàn 273 đánh địch liên tục qua các khu vực

phòng thủ của Sư bộ sư đoàn 5 không quân, Bộ Tư lệnh dù, khu ra đa, khu cố vấn. Trung đoàn trưởng Vũ Tài trực tiếp chỉ huy K6 phát triển nhanh đến trại Đavít để hội quân với Phái đoàn quân sự của tướng Hoàng Anh Tuấn. Đến đúng 11 giờ 30 thì anh em tiểu đoàn 6 đã kéo được lá cờ Quyết Thắng của Sư đoàn lên đỉnh lầu chỉ huy không lưu. Song, qua trưa đến chiều tiếng súng chống trả của quân dù vẫn lúc thưa lúc rộ lên. Mãi tới 14 giờ 30 quân ta mới dứt điểm được ổ đề kháng cuối cùng ở góc tây phi trường.

Chiều Sài Gòn vội vã rào xuống một cơn mưa để làm nguội đi không gian nóng bỏng của trận quyết chiến vừa kết thúc.



Cơn mưa chiều 30 đã giúp dập tắt hầu hết các đám cháy đang loang rộng khắp phi trường. Nắng lên, gió mạnh, những cồn khói đen ngòm lụi dần chỉ còn tro than bay tung tóe.

Những toán lính dù cuối cùng lớp ngóp bò ra khỏi các công sự, hai tay đưa cao hoặc chắp sau gáy. Nhưng chẳng ai chia súng vào họ, chẳng ai thiết gì bắt họ làm tù binh. Các "thiên thần mũ đỏ" trút bỏ mọi thứ vũ khí có trên người, rũ bỏ binh phục, người ngợm trần trụi còn độc cái quần cụt, rỗng rần lũ lượt nối nhau tà tà đi ra phố. Tiểu liên, súng ngắn, lựu đạn, dao găm, mũ sắt, áo trận, giày đinh lăn lóc la liệt trên dọc các đường băng.

Khấp sát bay ngồn ngang chông đồng đen xì những hậu quả của trận đánh trong ngày, của những đợt pháo kích và

oanh kích liên tục suốt từ đầu chiến dịch. Bộ đội trung đoàn 24 lại phải lo thu dọn tử thi. Không nhiều, nhưng rải rác, dùi dọ trong khắp các xó xỉnh hầm hố công sự, trong bụng máy bay, trong xác xe hơi, xe thiết giáp. Đa phần là lính nhưng cũng vài xác dân thường. Có những người đã chết từ mấy ngày trước rồi.

Riêng trung đội chúng tôi thì phải nhận một trọng trách rất lạ đời là đi săn cầu. Từ góc phía đông đường băng quân sự cả trăm con bẹc-giê vỡ chuồng chạy tỏa ra khắp sân bay. Không phải loại cầu giữ nhà vẫn thường thấy mà là những con thú hình thù ghê sợ, to như con bò, gặm hú như cọp, lao nhanh như tên bắn, dữ tợn, điên dại lỏng lộn. Mãi gần tối chúng tôi mới quăng thòng lọng chụp được con “Ních” cuối cùng kịp trước khi nó lao xổng ra khỏi cổng Phi Long.

Chiều buông. Tất cả các đám cháy đã tàn hết. Ánh tà nhuộm đỏ phi trường. Tay chiến binh chót cùng của Quân lực Cộng hòa từ trong một chiếc C130 đột nhiên chui ra đầu hàng! Cái gã nực cười ấy chẳng phải phi công chẳng phải quân dù, chỉ là một tay trung sĩ trong pháo đội phòng không mà lính tráng với úy tá đã tan chạy từ tám hoánh. Chiếc máy bay mà gã chúi vào ẩn từ sáng sớm bị đạn cối phá toang buồng lái, bị đạn tiểu liên bắn rổ nát hai bên sườn, vậy mà may phúc cho gã là máy bay không bốc cháy. Chiếc C130 ấy cũng là chiếc phi cơ rất nực cười. Đây là chiếc máy bay cuối cùng đáp xuống ngay trước khi tất cả các phi đạo bị hỏa lực quân ta khóa cứng lại. Nhưng chuyến bay liều mạng ấy lại chỉ tha xuống cho thành phố đang bị bao vây toàn những thứ

tầm phào: những hòm gỗ chất đầy ly tách thủy tinh, hòm thì chứa toàn giày da, hòm thì mỹ phẩm đàn bà... Và báo! Hàng trăm tờ *Nation* số ra ngày 28 ở Bangkok, tờ *Kinh tế Viễn Đông* ra cùng ngày ở Hồng Kông, tờ *Người hướng đạo Thiên Chúa giáo*, tờ *Playboy*, tờ *Sao và Vạch*. Chặt chẽ, rậm rạp, hiệu quả xiết bao cơ chế vận hành của bộ máy quân sự Mỹ, nhưng mà cũng là kỳ quái và nực cười quá sức tưởng tượng...



Chiến quả đầu tiên của quân ta trong buổi chiều tối ngày 30 tháng Tư là giấc ngủ! Khắp nơi trong phi trường la liệt những cánh vông. Có tay chẳng buồn vông, cứ vậy lăn ra làm một giấc trên thềm đá hoa nhà ga, trên ghế phòng chờ, trên mặt bàn buồng vé...

Nhưng tổ ba người chúng tôi thì không được hưởng cái sung sướng đó. Chúng tôi đang đi vào trong nhà ga sân bay để tìm chỗ ngủ lưng thì “đụng” phải chính ủy Bùi Hòe. Anh dắt theo hai đứa nhỏ, thằng bé chừng mười tuổi, con bé mới khoảng lên sáu lên bảy. Lính ta tìm thấy hai đứa trong một chiếc xe hòm đậu vạ vật trong bãi xe hàng trăm chiếc vô chủ ngoài cổng Phi Long. Cha mẹ hai đứa chờ chúng tới phi trường. Để chúng ngồi lại trong xe, họ vào nhà ga, rồi không thấy quay ra nữa. Như vậy là hai đứa bé bị nhốt trong cái cũi bí thờ, nóng như thiêu, không giọt nước hột cơm, giữa cảnh hỗn loạn, pháo đập, đạn lia. Khi bộ đội phá cửa xe đưa chúng ra hai đứa chỉ còn thoi thóp. Tuy nhiên được uống được ăn và

tắm tấp chúng hồi lại rất nhanh. Gia đình chúng vừa từ Huế chạy vào, ngụ ở nhà ông cậu trước khi ra sân bay. Nhà ông cậu ở đường Đồng Khánh, thành bé nhớ vậy nhưng không nhớ số nhà.

Đưa hai cháu về cho gia đình. Chính ủy ra lệnh. Đã mệt lử, đã buồn ngủ đến muốn gục ngã ngay, nhưng biết làm sao được. Chúng tôi kiếm trong bãi xe một chiếc Zeep lùn và moi được từ trong đám dù vừa buóng súng một tay tài xế.

Chúng tôi đưa hai đứa nhỏ rời sân bay hướng về thành phố mới giải phóng. Thành phố vĩ đại, mệnh mệnh, sáu trăm, chẳng chéo muốn ngã. Tay tài xế tiếng là lính dù nhưng đại lớ ngớ, lại là dân miệt vườn Mỹ Tho chẳng rành gì đường xá Sài Gòn nên cứ chạy loanh quanh phập phù. Vòng vo, chậm rề mà cứ lạc mãi. Quân ta tuy đông, những năm quân đoàn, nhưng vì Sài Gòn quá rộng lớn nên tới khuya ngày 30 còn rất nhiều đường phố chưa xuất hiện bóng dáng bộ đội. Mà tiếng súng, không rõ ràng là chỉ thiên hay bắn thẳng thì càng lúc càng rõ lên loạn trời. Ba đứa tôi ngồi trên xe súng vẫn lăm lăm trong tay, đạn vẫn lên nòng, dò dẫm qua từng ngã tư, ngã năm, ngã bảy, chỗ đông nghịt người xe ùn tắc, chỗ vắng tanh vắng ngắt. Gần 9 giờ đêm mới thấy biển đề tên đường Đồng Khánh. Chiếc Zeep gắn đại liên bò rù rù dọc con phố với hy vọng thằng bé nhận ra được nét quen nào đấy. Chạy suốt một lượt, vòng lại chạy lượt nữa. May làm sao, chính là con bé em nhận ra mặt tiền nhà ngoại.

Chúng tôi bấm chuông, đập cửa. Hồi lâu mới có người rón rén ra mở. Không ai khác chính là mẹ của hai đứa bé. Thật

không sao tin được. Hai vợ chồng họ đã chờ con ra phi trường vào buổi tối ngày 28, hy vọng là có thể kiếm được chỗ trên tàu bay Mỹ. Nhưng vừa đổ xe lại ở cửa phi trường thì gặp pháo kích, lập tức tất cả rò loạn lên, bỏ đằng bố, mẹ đằng mẹ, quăng hai đứa con lại trong xe. Suốt đêm 28, cả ngày cả đêm 29, gần trọn ngày 30 cũng không một mống nào dám lai vãng tới phi trường để tìm hai đứa nhỏ. Mệt, chán, buồn ngủ, chúng tôi “bàn giao” hai đứa con cho người mẹ rồi bỏ đi luôn.

Chiếc xe đã hết xăng nên chúng tôi trả tự do cho tay tài xế, rồi đi bộ tìm lối trở về Tân Sơn Nhất. Ba đứa, một hàng dọc, dân cách thua, lặng lẽ bước, y như là mấy chàng Vệ Quốc “một lần vào thành phố” của Trần Đăng.

Đã quá mệt, quá buồn ngủ, lại chắc chắn là đã hòa bình rồi, không cần phải quá khẩn cấp nữa, chúng tôi chọn một chỗ để qua đêm. Chỗ ấy có vẻ như là một công viên, không nhà cửa, nhiều cây cối (có lẽ là khu nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi?). Tôi gác phiên đầu, tới nửa đêm. Quang rồi Nghi phiên nửa đêm về sáng. Nghi gác phiên cuối, khi trời rạng sáng đã không lay mọi người dậy mà lại ngà người ra vông chủ quan đánh tiếp một giấc ngủ nướng...

Những tiếng động lạ khiến tôi choàng tỉnh. Theo bàn năng tôi chực vồ lấy AK, nhưng rồi lại nằm im.

Trời đã sáng bạch. Một đám khá đông dân tình hiếu kỳ quây thành một vòng rộng bao quanh “bãi khách” của ba anh bộ đội Giải phóng. Qua khe bọc vông, tôi nhìn lên tán cây, lên cao nữa, lên bầu trời tháng Năm cao xanh vời vợi. Hòa bình, phải, đã hòa bình rồi, tôi chợt nhớ ra, và đến lúc ấy tôi mới

thực sự cảm thấu vẫn tận tim mình rằng mình đang giữa lòng Sài Gòn, trung tâm của giấc mơ lớn lao, đoạn trường của bao nhiêu thế hệ, bao nhiêu con người còn sống hay đã chết trong cuộc trường chinh này.

Nước mắt ngày thắng lợi nóng rực đau nhói. Sắp sửa 35 năm trời rồi, nhưng tôi nghĩ rằng đến nay đêm đêm trong lòng Thành phố vẫn còn biết bao nhiêu con người mất ngủ vì ký ức chiến tranh. Nỗi buồn thương vẫn khiến cặp mắt của bao người phải âm thầm nhòa lệ. Hàng bao nhiêu người cha người mẹ mất một, mất hai, mất ba, thậm chí mất tất cả những người con của mình trong chiến tranh. Những người vợ mất chồng. Những cặp tình nhân bị chiến tranh chia lìa, mãi mãi không bao giờ còn gặp lại nhau.

Ngày 30 tháng Tư. Niềm vui chiến thắng, hạnh phúc hòa bình và nỗi đau mất mát. Hương hoa và khói hương. Những nỗi niềm ấy trong lòng người dân luôn luôn là một thứ không tách bạch ra như là nhiều người vẫn tưởng.

Kỳ ngộ

Thế gian này sờ dĩ đẹp là vì nó không khi nào chịu giống như là lẽ ra nó phải thế. Và cuộc sống này thì tiếng vậy chứ vẫn cứ vô cùng đáng sống bởi ngoài nông nổi nhọc nhằn ngày qua ngày y chang nhau chán ngắt còn có biết bao nhiêu là những bất thường, từ những may mắn lớn lao dành cho tất cả tới những điều kỳ lạ lẽ luôn âm thầm chợt đến với đời riêng mỗi người. Mùa xuân năm rồi ở tỉnh lỵ quê tôi có chuyện anh Tư Lâm, một trong những doanh nhân hàng đầu của cả xứ, do tình cờ run rủi mà tìm lại được mối tình đã mất đi trong rừng sâu chiến tranh ba chục năm về trước, một tình yêu mà sau chừng bảy năm trời anh cũng không còn thực tin là mình từng có.

Tư Lâm không phải người tỉnh tôi, cũng không phải ở một tỉnh nào gần cận, quê anh tận trong Mỹ Tho bên bờ Tiền Giang xa tắp. Công ty

của anh đa ngành, làm ăn ở nhiều lĩnh vực, nhưng có cái lạ là địa bàn phát triển thiên về các tỉnh thành miền Bắc, và trụ sở chính thì đặt tại thị xã này, gần nhà tôi. Thực ra thì người quê Nam Bộ sống và làm việc ở quê tôi vốn không phải là sự hiếm. Hồi trước chiến tranh tỉnh tôi là vùng đóng quân của khá nhiều đơn vị bộ đội tập kết. Khi phục viên, cán bộ chiến sĩ những đơn vị ấy thường định cư luôn tại địa phương. Nhiều người sống độc thân, nhưng cũng có nhiều người lập gia đình. Trẻ con học trò trong thị xã đứa nói giọng Bắc, đứa giọng Nam, đứa giọng Trung, đứa pha giọng. Rồi chiến tranh, rồi đi sơ tán, ngày hòa bình không mấy đứa trẻ nói giọng Nam giọng Trung còn trở lại. Hầu hết cán bộ tập kết đã đưa gia đình về với quê nhà trong ấy. Đến bây giờ cả thị xã chỉ còn lại vài gia đình gốc gác tập kết. Gia đình bác Dĩ, chính quê Sơn Mỹ, người thân đã bị giết hết trong vụ thảm sát. Vợ chồng bác Thứ thương binh, quê Ba Làng An, cũng cảnh ngộ ấy, làng quê bị hủy diệt, thân thích chẳng còn ai. Anh Ba Liêm, quê Cần Thơ, lấy chị Lê hàng xóm nhà tôi được chừng dăm bữa nửa tháng gì đó rồi lên đường đi Bè, đi đầu năm 62, biệt âm vô tín; năm 75, ngay sau 30 tháng Tư anh về, nhưng chị Lê bị bom đã mất từ năm 72. Anh Liêm ở vậy với hai đứa con sinh đôi, gây dựng lại cửa nhà gia cảnh, mãi mãi sinh sống làm lụng trên mảnh đất thấm máu người vợ yêu của anh... Tư Lâm thì không hề có gì tương tự, anh không phải cán bộ, không phải bộ đội, anh chẳng tập kết. Trái lại, Lâm là ngụ, ngụ chính hiệu, theo như là cái cách mà anh nói với tôi lúc mới đầu làm quen. Tính tình kín đáo, nói năng e dè song anh

phải “khai” ngay ra vậy là để tránh cho tôi một sự nhầm lẫn, bởi vừa thoát gặp tôi đã vội hỏi rằng anh có phải thương binh không và bậc mấy. Tôi thấy rành rành vết đạn bắn thẳng cây một phát chí mạng dài và sâu hoắm bên cổ anh. “Dạ phải, tôi cũng bị thương, nhưng mà tôi là nguy đó anh, nguy chính hiệu, công binh, chuẩn úy, KBC...”. Anh đọc cả sổ hòm thư, khiến tôi mặc dù sưng sốt cũng phải bật cười. Chúng tôi bạn với nhau từ bữa đấy, đến nay đã non mười năm.

Binh nghiệp của Lâm ngắn ngủi. Nếu không tính hơn một năm là khóa sinh sĩ quan thì anh chỉ thực sự làm lính và đụng trận có chừng nửa giờ đồng hồ. Mà đụng trận, là nói vậy, kỳ tình chỉ có chạy. Tất nhiên chẳng riêng Lâm, toàn thể cái Sư đoàn 3 Bạch Tượng vào những ngày tháng Tư năm 72 ấy đều thế. Căn cứ bị pháo kích. Pháo chưa dứt đã nghe nhao nhác lên là T54 đang đánh tràn vào, vậy là rùng rùng lao khỏi công sự, sĩ quan ông to ông nhỏ, hạ sĩ, lính tráng, cuống cuống xô nhau chạy. Chạy, chạy, và chạy. Nhưng chẳng được bao lâu, bao xa, cuộc tháo chạy thực mạng đã bị chiến xa chặn đường. Cùng với hàng ngàn chiến hữu, Lâm thành thằng tù, bị lừa đi, thất thểu ngược hướng quê nhà, vượt sông Bến Hải, bắc tiến.

Trong chiến tranh, các trại tù binh đều nằm cách xa mặt trận, phân bố rải rác ở các vùng đồi gò bán sơn địa miền tây Nghệ An. Riêng đoàn tù binh trong đó có Lâm do bị bom Mỹ đánh phá dữ dội dọc đường tuyển nên không đi xa được ra ngoài Bắc, phải dừng lại ở Quảng Bình, ẩn sâu vào vùng núi rừng Minh Hóa. Lâm bảo là mãi về sau anh mới biết đây thuộc huyện Minh Hóa chứ còn khi ấy chỉ thấy núi non trùng điệp,

đại ngàn mệnh mông mù mịt dưới một bầu trời nóng bỏng và khô khốc luôn bị cào xé bởi tiếng động cơ máy bay phản lực và tiếng bom rền. Tù binh tự làm lấy trại giam, tự xây dựng nhà cửa lán trại, đào lấy hầm hố trú ẩn, tổ chức lấy bếp núc. Ngoài làm lụng trên nương rẫy để cải thiện khẩu phần lương thực, thỉnh thoảng ban đêm tù binh cũng được huy động đi “tham gia chống Mỹ cứu nước” ở những khu vực không xung yếu của đường tuyến, lấp hố bom, chống lầy, khai thông những đoạn bị sập ta luy, làm ngàm qua suối và mở đường mang cá... Nghe Lâm kể, tôi nghĩ có lẽ là tôi đã từng gặp anh trên đường đi Bê. Tối hôm ấy ở chân đèo Đá Đèo, dưới ánh pháo sáng, chúng tôi nhìn thấy rất đông tù binh hai bên đường. Lúc đầu cứ tưởng là Thanh niên Xung phong, chỉ hơi lạ vì thấy rất nam giới, lại vận toàn bà ba đen, nhưng với cuộc xèng trong tay họ cũng làm lụng hết mình, hồi há san lấp thật mau hố bom để xe chúng tôi qua và họ cũng chẳng có vẻ gì là sợ sệt ánh pháo sáng cùng tiếng gầm hú của máy bay quần thảo trên đầu. “Cám ơn các đồng chí Thanh niên Xung phong nhá!”, một tay trong đoàn chúng tôi từ trên xe gào xuống. Dưới đường một giọng khàn khàn hét ngược lên, cải chính: “Tụi tôi là *ngụy* chứ không phải đồng chí!”... “*Ngụy* à? *Ngụy* cũng đi chống lầy chống Mỹ là đã hết *ngụy* rồi đấy, người anh em!”... “Ờ, có nhần gì ba má không, bọn tở chuyển lời cho!”...

Nói chung cuộc sống và tâm trạng của tù binh thời chiến rất khác với cánh sĩ quan di tập trung học tập sau này. Mặc dù là trại giam nhưng chẳng có tường cao bịt bùng, chẳng rào gai hào chông, và tù binh thì đông cả ngàn mà quản giáo với

cánh vệ canh gác chỉ chừng một trung đội. Có thể dễ dàng trốn khỏi trại nhưng chẳng ai trốn. Bỏ trốn rồi thì sau đó làm sao, đi đâu? Bom đạn mù trời, rừng rậm thăm sâu khôn lường, núi non nghiêng ngã. Và chẳng bỏ trốn để làm gì. Đối với tù binh, cuộc chiến coi như đã xong, có hóa đại mới đâm đầu vào lại vòng chiến. Cái thân thằng tù dù có thế nào cũng còn hơn vạn lần thân thằng lính. Tù còn hơn tử, ấy là châm ngôn để gắng sống, để an phận chờ đợi ngày trở về của hầu hết những tù binh hồi đó.

Lâm lại không được như vậy. Không phải sức chịu đựng của anh kém người ta. Anh vào hạng to con vạm vạp nhất trong trại. Đời sống kham khổ, công việc cực nhọc anh có thể thích nghi dễ dàng hơn nhiều so với những tù binh khác. Nhưng thâm lặng bên trong con người anh thì sự suy sụp lại trầm trọng hơn ai hết. Trạng thái tinh thần mỗi ngày như một thêm oằn xuống. Sáu tháng trời trong trại tù binh với anh thăm thẳm dang dặc như đã vài chục năm trôi qua. Đêm nào nước mắt cũng ướt mặt. Thu qua, đông tới. Mưa phùn sa phủ xám ngắt núi rừng. Trong gió mưa rét mướt bom nổ rền vang không ngừng. Ngày tháng trôi qua, cuộc chiến tranh vẫn cứ hun hút mịt mù, tuyệt vọng vô phương. Vào một ngày cuối tháng 10, trong trại loan đi tin đồn về sự sụp đổ hoàn toàn của nghị hòa Paris. Mà cũng chẳng phải là tin đồn, chẳng còn gì phải hồ nghi, bởi cường độ của những cuộc oanh kích trở nên cuồng bạo chưa từng, và trên những tờ truyền đơn máy bay Mỹ trút xuống trắng rừng Lâm chỉ đọc thấy duy nhất một điều thôi: chiến tranh sẽ kéo dài bất tận, sẽ không bao giờ có hòa bình, đời anh sẽ phải mãi mãi kiếp tù xa xứ.

Một buổi chiều giá rét tháng 11 khi cùng những tù binh khác phát cây mìn một lối tắt cho ô tô vòng tránh trọng điểm, Lâm bắt gặp nền cũ đường hòa xa Xuyên Việt. Nền đường mặc dù bọc trong lau lách vẫn còn khá rõ, trời cao lên như một con đê dài hoang phế lượn giữa sóng rừng nhấp nhô. Bất chợt, hoàn toàn ngoài chủ định, cứ thế là lảng lạng Lâm chuồn đi, không hề nghĩ ngợi dẫn đo, không có một chút sự chuẩn bị nào, không tính toán gì hết. Và tuy là men theo dấu tích con đường sắt dẫn lối về phương Nam nhưng thực ra là anh hướng vào vô định, không vì một mục đích nào hết, không để đạt tới một điều gì. Chẳng mấy chốc rồi nền cũ đường sắt cũng không còn tăm dạng. Không bị ai truy đuổi, nhưng Lâm không ngừng bước, cứ vậy đi phứa lên, cứ dần lạc xa vào ngàn sâu không phương hướng.

Lúc gục ngã xuống mê thiếp đi, lúc lại loạng choạng đứng dậy lê bước, vấp dúi vấp dúi, lý trí dần mất, rét run lên nhưng không biết ướt biết lạnh, không cả biết đói nữa, anh cứ vậy đi suốt đêm, tới sáng, miên man mê mụ. Kẻ lạc rừng bị ma dẫn lối quỳ đưa đường chính là như thế, sẽ trôi dạt như vậy đến vô cùng vô tận, xiêu xuống lịm ngắt mà vẫn như đang đi mãi đi hoài, cho đến chết. Song, hồng phúc cho Lâm là khi đã bên bờ của cái chết chắc chắn thì anh bị những thợ săn người Chứt phát hiện. Họ bắn trước hỏi sau. Phát đạn sượt cổ Lâm, nhưng may mắn không phải đạn AK. May hơn nữa cho Lâm là nơi anh bị bắn gục rất gần cái hang đá mà làng của những người Chứt ấy đang trú thân. Và may nhất là lúc ấy ở trong hang có mặt Liễu, một nữ y sĩ của Tổng đội Thanh

niên Xung phong được cử vào núi khám bệnh và phát thuốc cho đồng bào.

Vết thương hiểm nhưng không nặng lại do có Liễu cầm máu và băng bó kịp thời nên chỉ hôm sau là Lâm đã có thể gương dậy được. “Đừng có đại đột mà trốn đi nữa đấy, anh tù binh ạ”, lời đầu tiên cô y sĩ nói với Lâm. “Cùng đừng để đồng bào ngờ anh có ý đồ như vậy... Đồng bào họ lành hiền nhưng cũng căm bọn Mỹ-ngụy các anh lắm... Một cái làng Chút cùng khổ trong khe núi mà cũng bị dội bom, nửa làng bị chết, một nửa phải vào hang này ẩn, sao mà bà con họ không thù...”.

Ban đầu cảnh tượng cùng khổ thảm thương của dân làng trong hang đá lạnh lẽo dập dờn ánh lửa khiến Lâm ghê sợ. Nhưng sau vài hôm anh đã có thể trợ giúp Liễu chăm sóc những người bị thương và người đau ốm nằm la liệt trong hang. Tình cảm của cô với dân làng làm anh đi từ kinh ngạc tới cảm phục và mến yêu. Cô cũng nhanh chóng trở nên thân mật với anh. Tuy là giữa dân làng, nhưng bởi vì tất cả những người Chút ấy đều không biết tiếng Kinh, tất cả còn đang ở một mức văn minh cực thấp, cho nên thực ra là chỉ có Lâm với Liễu đang ở bên nhau.

Lâm ở cái hang đá ấy cùng với Liễu đến gần hai tuần, tận cho đến khi cô đã điều trị được cho người sốt rét cuối cùng trong làng dứt cơn. Và hai người cùng chỉ chia tay với dân làng lúc mà Liễu đã có thể thuyết phục được họ vượt qua nỗi sợ hãi bom đạn rời bỏ hang đá xuống lưng lập làng mới.

Mười mấy ngày sống bên Liễu trong hang núi ấy Lâm không ngờ là đã ghi đậm dấu với đời anh đến như vậy. Rồi

hai ngày đường sau đó nữa. Liễu đưa Lâm xuyên rừng trở về trại tù binh. Rừng rậm, núi cao, suối sâu chỉ hai người với nhau... Lâm ngoan ngoãn đi theo Liễu. Hẳn là họ đã mài mê với một điều nào đó rất quan trọng đối với riêng họ, đến nỗi cả hai đã hoàn toàn không hề để tâm nhận thấy rằng tịnh không hề có một tiếng máy bay gầm rú trên bầu trời. Mưa rơi triền miên, lạnh giá nhưng êm đềm. Núi rừng thanh vắng. Hai ngày đường cuối cùng bên nhau ấy của hai người là hai ngày cuối cùng của tháng 12 năm 72. Hai ngày dốc lực cuối cùng của không lực Mỹ tấn công Hà Nội, bỏ bằng không phận Trường Sơn. Dĩ nhiên Lâm và Liễu không hay biết điều ấy. Vì vậy khi về đến ngay trước lối vào trại tù binh, Liễu động viên Lâm: “Anh bình tâm và gắng sức giữ gìn nhé. Đừng để phạm kỷ luật nữa. Như thế thì mới mong có ngày được trao đổi tù binh chứ, rồi còn về với quê nhà chứ. Còn em, ngày này tháng sau sẽ gắng tìm cách đến thăm anh ở đây...”.

Vào cái ngày Liễu hẹn đến thăm ấy, Lâm cùng cả trại đã được đưa ra Quảng Trị, chuẩn bị cho đợt trao trả tù binh đầu tiên ở sông Thạch Hãn.



Phải mãi hai năm sau ngày đất nước thống nhất, Lâm mới được một chuyến ra Bắc. Những hai năm trời, tuy nhiên vào cái thuở thù tạc giấy tờ cho một chuyến “hành phương Bắc” còn đầy rẫy khó khăn ấy, thì như vậy cũng đã là nhanh chóng và may mắn lắm đối với Lâm rồi.

Chuyến đi đầu tiên ấy của anh ra Bắc và tới thị xã quê tôi thật sự là rất buồn. Anh còn nhớ mãi cái lần ấy, khi anh xuống xe dờ vào buổi tối. Hồi đó đã năm năm sau chiến tranh phá hoại, ở thị xã quê tôi, người ta đã san đi được gần hết các hố bom và dọn quang đi được gần hết những đồng đồ nát, tuy nhiên cảnh tượng vẫn nặng một vẻ hoang tàn, buồn thương, thê thiết. Cả thị xã chỉ là một con phố dài hiu hắt, thẳng đuột, không lối rẽ, nhà cửa tồi tàn sập sệ mọc lên rời rạc. Buổi tối, dọc phố, đầu thị cuối thị vài ngọn đèn đường mờ đục, một hai cái quán nước tù mù, lỏng chòng lạch luộc, khoai luộc, cái điều cày, bịch thuốc lá. Lâm rẽ vào một quán, gọi bát nước, ngồi mãi, dần đo mãi rồi mới ngập ngừng hỏi rằng phố này có ai là chị Liễu... Bà già chủ quán giật bắn mình, đứng chờ người ra nhìn Lâm. Bà lắp bắp: "anh bộ đội miền Nam... anh bộ đội miền Nam... hỏi nhà Liễu à?". Bà quăng đi bao diêm đang cầm trên tay, lao mình ra cửa, chạy phóng sang dãy nhà mất điện tối đen bên kia đường, quang quác gào toáng lên: Liễu ơi! Liễu ơi! Nhà Liễu ơi! Có anh bộ đội miền Nam hỏi cô Liễu... Lâm bàng hoàng, vừa sợ vừa mừng. Nhà bên đường toang cửa, một người đàn bà chạy nhao sang quán nước. "Có tin nhà em à? Có tin nhà em à? Anh ở chỗ nhà em ra à? Anh ấy còn sống! Thế mà đã báo tử! Thế mà đã báo tử chồng người ta!" Rồi rít, cuồng dại, người đàn bà đã luống tuổi cười cười khóc khóc, ào tới Lâm, nắm tay anh lay giật, hỏi. Lâm hoảng hốt, sợ hãi, ân hận. Người đàn bà tên Liễu không chừng sẽ mất trí mất do sự ngộ nhận mà anh đã gây nên...

Lúc trở vào, khi tạm dừng ở Đồng Hới, nhìn quang cảnh

đổ nát kinh hoàng của thành phố bên bờ Nhật Lệ, anh thấy nản lòng, đành từ bỏ tìm lên thăm Minh Hóa.

Sau chuyến đó, bằng đi một thời gian dài Lâm không ra Bắc lại. Phần vì trong những năm dài dằng dặc của hậu kỳ cái thời bao cấp dai dẳng ấy như bao người khác anh phải chật vật xoay xở kiếm sống một cách nhọc nhằn và buồn bã, phần vì ấn tượng ảm đạm từ chuyến đi đầu tiên còn đè nặng mãi. Tuy nhiên, suốt những năm dài căng thẳng và nhọc mệt ấy, trong lòng anh luôn âm thầm một nỗi hoài nhớ xứ Bắc, một sự hoài nhớ có thể nói là rất lạ lùng đối với một người miền Nam hoàn cảnh như anh.

Năm đầu Đổi Mới, khi những hiệp thợ xây người trong Nam rất được tín nhiệm tại Hà Nội, Lâm dốc hết chút vốn liếng tạo dựng được trong mấy năm trước đó để tổ chức một Công ty nhỏ nhưng cố sức cạnh tranh tập trung vào các công trình xây dựng ở ngoài Bắc. Anh nhanh chóng nhận thấy rằng khác với nói chung người ta, anh dễ dàng đón được nhiều cơ hội và vận may từ các tỉnh miền Bắc. Nhờ phát triển hướng ra Bắc mà doanh nghiệp của anh phát huy được mạnh nhất những năng lực của mình và do vậy mà đã sớm qua khỏi những năm dài lặn độn trước đó, không ngừng vươn lên, ngày một thịnh vượng và bề thế.

Lâm đặc biệt chú tâm đầu tư vào tỉnh tôi, nhất là từ ngày tách tỉnh. Từ ngày đến giờ, mười năm, tỉnh đã giàu mạnh lên bội phần, bộ mặt thị xã hoàn toàn đổi khác, trong đó có sự đóng góp đáng kể của Lâm. Một trong những trụ sở của Công ty anh được xây dựng ở trung tâm thị xã, và tháng nào anh

cũng về qua một lần. Anh đã tính đến chuyện xây nhà riêng ở đây. Duyên do những tình cảm của Lâm đối với tình tôi, không một ai biết được. Chỉ một điều mà ai cũng thấy rõ là đến giờ đã ngũ tuần rồi mà Lâm vẫn độc thân. Làm chủ một doanh nghiệp to tát như vậy nhưng anh chẳng xây cho mình một ngôi nhà riêng ở địa phương nào cả, bao nhiêu năm vẫn chỉ khách sạn làm chỗ trú chân. Anh cũng thưa về thăm quê. Thường chỉ vào trong ấy khi có công chuyện. Mỗi năm chỉ một lần chắc chắn anh về quê là vào ba ngày Tết. Hàng bao nhiêu năm qua mà chưa năm nào Lâm ăn Tết xứ Bắc. Mãi đến Tết năm rồi mới có một tình cờ run rủi cho anh ở lại ngoài này. Do đợt giá rét giáp Tết anh bị cảm lạnh phải vào viện, hưởng giao thừa ở Hà Nội. Lâm vẫn hay nói là mặc dù rất kém chịu rét nhưng anh lại rất ưa mưa phùn gió bắc miền Bắc, anh tin rằng cái Tết trong tiết trời giá lạnh hẳn phải thú vị hơn nhiều ngày Tết mà nóng nực. Có lẽ là cầu được ước thấy. Mồng Hai Tết, Lâm từ Hà Nội về tỉnh. Anh qua nhà tôi. Tết năm ngoái, ngoài cảnh đào chầu quất, phòng khách nhà tôi còn có cành mai vàng.

Trong cuộc sống này, đau khổ và chia lìa có biết bao nhiêu ngã đường và cách thức để đến với số phận con người ta. Hạnh phúc cũng vậy, có biết bao ngã để có thể gặp được. Lắm khi ngẫu nhiên, bất chợt và đơn giản đến lặng người, như là hạnh phúc đã đến với Lâm ngày hôm ấy, ở nhà tôi. Nếu như anh vẫn theo thông lệ vào ăn Tết trong Nam, đến Nguyên tiêu mới ra, và nếu như không có cành mai ấy thì cuộc đời Lâm sẽ chẳng phải là như hôm nay.

Cành mai tất nhiên khiến anh, một người miền Nam phải

thấy thú vị và phải hỏi han. Tôi nói cảnh mai ấy do anh Ba Liêm hàng xóm cho, đúng hơn là cô Liễu, em vợ anh ấy, năm nay hai mẹ con cô Liễu sinh sống trong Nam ra ăn Tết ngoài này. Lâm biết khá rõ hoàn cảnh anh Ba Liêm liền hỏi: em vợ anh Ba tức là em gái chị Lê, như vậy là người gốc gác thị xã này. Tôi gật đầu. Nhà ấy ngược đời. Ông anh rể người trong Nam, sau chiến tranh ra định cư ngoài này. Cô em vợ người ngoài này lại vào sống trong ấy từ ngày đầu hòa bình.

Cho đến lúc ấy mặc dù quen biết nhau đã mười năm, tôi chưa hề hay biết gì về câu chuyện của Lâm với cô y sĩ tên Liễu người quê thị xã này. Anh chưa kể với tôi. Chừng bảy năm trời liên tục qua lại và làm việc ở trụ sở Công ty xé ngay trước cổng nhà Ba Liêm mà Lâm không hề hay biết gì về người em vợ của Liêm. Đường như sau cú sốc gây ra cho người đàn bà vợ liệt sĩ vào một buổi tối mù mịt nào đó năm xưa đã khiến Lâm kinh hãi, không bao giờ còn dò hỏi về những ai tên Liễu nữa gốc gác ở thị xã này.

Bởi vì trong chiến tranh, đau xé lòng người ta nhất là nỗi chia lìa, cho nên hạnh phúc lớn nhất trong ngày hòa bình đầu tiên là niềm vui sướng được đoàn tụ. Ngày hòa bình đầu tiên, ngày hòa bình thứ hai, thứ ba... nhưng có những người phải vài năm sau mới có được hạnh phúc ấy. Có người cả chục năm sau. Và có những người thậm chí tới tận bây giờ. Có thể là Tư Lâm đã không có ý thức rõ ràng, không thật định tâm chờ đợi một điều gì tương tự như vậy sẽ đến với đời mình, nhưng thực tế anh đã kiếm tìm, đã trông mong điều ấy trong suốt cả phần đời của anh sau chiến tranh.

Lối mòn dọc phố

Tôi sống ở một phố nhỏ ngay xé Bờ Hồ nhưng nơi làm việc thì tận trong Hà Đông. Đường xa, không có xe máy, đi làm vất vả thấy chết. Mỗi ngày mòn mỏi mười cây số đạp đi mười cây số đạp về, ngày nắng ngày mưa ngày nào cũng cực y như ngày nào. Nhưng đời cán bộ, thiết nghĩ, nghèo thì ráng chịu, phải đâu ông to bà lớn, phải đâu thánh thần gì, ăn trên ngồi trốc ai mà háo sự lên xe xuống ngựa hay là đi mây về gió? Bon chen tốc độ cùng người sẽ chỉ sớm bước đầu sút trán. Cứ với cái Phụng Hoàng màu rêu được mua giá trong tù thời bao cấp, cung cúc ngày lại ngày là tôi yên tâm hoàn toàn cái cuộc đời mình.

Đột xuất, một ngày nọ tôi có việc phải nán lại cơ quan tới mãi khuya. Khi ra về, rờ đến xe đạp thì thấy lốp sau đã bẹp gí. Chẳng hy vọng còn ai

bơm vá gì nữa vào giờ ấy, tôi đành gửi xe ở phòng bảo vệ rồi học tốc nhao ra bến ô tô.

Đêm cuối năm cả mưa phùn cả gió bắc. Đường khuya thông thoáng, hun hút, ướt nhòe. Ô tô vẫn vọt qua vọt lại nhưng xe buýt thì đã nghỉ chạy từ tối. May còn tàu điện đồ đó, chuyển cuối cùng.

Leo lên cái phương tiện giao thông của hành khách này như thế chui vào màn sô nhà trọ. Không khí cáu bẩn, tù đọng, nồng nồng những mùi. Hai cái bóng đèn thông trên trần, sợi tóc đỏ lừ, phả xuống một thứ ánh sáng vô vàng, phù thùng. Hầu hết các cửa sổ đều không nhắc được tấm che lên, để ngỏ cho bụi mưa và gió lạnh.

Vì là chuyến chót nên tàu bỏ hết toa chỉ chạy độc cái đầu, vậy mà hành khách vẫn không tầy nhúm. Dọc hai hàng ghế gỗ tồi tàn, ướt nhờn nhớt lơ vơ mấy bóng ngồi lặng câm. Một anh lính. Một bà nhà quê. Hai cha con ông xẩm. Và tôi. Sau tôi, trước lúc tàu chuyển bánh, lên thêm một á áo lông, tóc xù, mặt mày tôi kè, ngồi dặt vào trong xó.

Bác tài xẩm xẹt, lưng còng còng, áo bông, mũ bịt tai, chậm chạp bước lên toa, ợ to một tiếng, rồi dận chân thúc chuông. Anh xé vé mặc áo bạt, diện ủng, lười nhắc lướt nhìn chúng tôi, mớ hành khách cà khổ, nhố chất qua kẻ rãnh rồi dài giọng:

- Nào... đoàn quân Việt Nam đi nào..!

Xô một cái, rầm một tiếng, ken két kèn kẹt dưới gầm, tàu rời chỗ. Động cơ điện rú lên à à.

- Còn người kìa, ông tài ơi! - Bà nhà quê la oái lên - Chờ cho người ta lên với, ông tài. Họ-ọ-ọ..!

Ả áo lông cười hí lên.

- Tàu xe nhà nước chứ trâu nhà bà đấy mà họ với hàng - Gã xé vé lâu nhàu, phẩy tay - Chạm chân thì cho rơi thôi. Kệ thầy!

Sàn gỗ xóc nảy. Tàu giằng giật lên tốc độ, lao uỳnh uỳnh. Dưới màn mưa mờ mỏng, trong vũng đèn lù mù nơi bến đỗ đang lùi nhanh lại phía sau, nhòa nhòa một bóng người đứng giữa hai vệt ray đưa tay vẫy vẫy. Không thể thấy được nét mặt của người ấy, song lạ thay, vẻ tuyệt vọng trên gương mặt ấy thì tôi lại thấy rõ. Một vẻ tuyệt vọng mờ mịt nhói vào lòng tôi niềm cảm thương vô cớ. Đứng bật dậy, chạy nhào xuống cuối toa, và đột ngột với cả chính mình, tôi nhoai người ra ngoài mưa, túm lấy sợi chèo néo giữ cần tiếp điện, giật mạnh.

Dây điện trên cao rền rẹt tóe lửa. Đèn trong toa tắt ngóm. Động cơ bị ngắt thành linh, ré rè rè. Thân tàu va loảng xoảng. Các bánh sắt lăn cổ một đoạn rồi chững lại.

Gã "xơ vớ" xông tới, xô bật tôi ra, giằng lấy dây. Tôi bước tới cửa lên xuống, ngây ngất và hồi hộp một cách không tài nào hiểu hồi, chờ đón người bạn đường đang chạy đến với tôi từ trong đêm tối.

Tiếng chân. Tiếng mưa. Một bàn tay đưa lên, tôi nắm lấy. Bàn tay ấy giá ướt nhưng mềm mại, run lên trong lòng bàn tay tôi. Vừa vận điện được nối lại. Đèn trong toa sáng lên.

- Cám ơn... cám ơn anh... - Người vừa lên nói trong hơi thở gấp, nghe nghèn nghẹn như tiếng thốn thức.

Tôi buông tay người phụ nữ ấy ra và nghiêng mình nhường lối. Hương son phấn ngọt ngào nồng ấm và hương nước hoa tinh khiết lướt qua khiến tôi tê dại. Thất thần, vô tri

giác, tôi bước theo chị vào trong toa và thờ thần ngồi xuống ghế đối diện.

Tay xé vé đang cơn thịnh nộ, đang âm ỉ quát lác tôi, tự dưng chùng xuống. Những người trong toa nửa như bưng tỉnh nửa như sững sờ. Và dường như cả con tàu cũng vậy, cũng thần ra, quên hẳn hành trình. Mãi rồi nó mới giật mình chuyển bánh.

Nhan sắc của người đàn bà không quen biết ngồi trước mặt tôi, một nhan sắc còn mờ hơi mưa, một nhan sắc còn chưa hồi lại, tê tái vì giá rét, song ấy là một dung nhan tự trong mơ, một giấc mơ lạc vào giữa thực cảnh tối tăm, nhem nhuốc này. Nàng ngồi trong vầng sáng mờ mờ, áo mắng tô viền lông thú ẩm ướt, cái xác da nhò màu đen khoác trên vai, gương mặt mịn màng trắng xanh. Nàng nhìn tôi, môi mấp máy thầm nói một lần nữa lời cảm ơn. Và lặng lẽ, nàng đưa mắt lướt nhìn thật nhanh những người khác trong toa. Nhưng với tôi, cả toa lúc này chỉ có mình nàng. Và tôi. Chúng tôi như đang trên nẻo đường nào đó rất xa. Toa tàu cũ kỹ rung lên, đập dềnh nhỏi lắc. Tôi thắm đau đớn trong lòng.

Thường vẫn thế, chẳng hiểu sao, trước cái đẹp tôi chỉ thấy đau. Vẻ đẹp không lời của thiên nhiên và của con người luôn luôn biến thành lời than tiếc cuộc đời tôi, làm tôi mất đi niềm yên thân bền vững ngày qua ngày. Cái đẹp cho tôi thấy đời tôi vô nghĩa, nghèo nàn và ngọt thờ đến nhường nào. Không hồn, không màu sắc, không chút khuấy khúc, phẳng lý, nhẵn thín, bình yên. Đời tôi, tôi những muốn nấc lên...

Trong đêm vắng, tàu trôi nhanh qua miền ngoại ô, lướt bỏ

các bến đỗ. Ngã tư Sở không người. Tây Sơn, Nam Đồng ngâm mình trong mưa.

- Ông anh có thuốc lá đây không, cho xin một điếu lót lòng? - Tay xé vé chợt hỏi.

- Không... - Tôi giật mình, đưa tay sờ túi áo - Hết mất rồi...

- Buồn thay!

- Tôi có đây. Mời anh - Người đàn bà nọ nói khẽ, giọng nữ trung dịu dàng, và mở xắc lấy ra một bao Salem xanh cùng chiếc bật lửa ga. Cả tôi cũng rút một điếu. Nàng bật máy lửa, tôi hơi chồm người lại gần nàng để châm. Qua ngọn lửa xanh biếc, mắt chúng tôi gặp nhau và chúng tôi nhận ra nhau. Không phải là đã có một lúc nào đó trước đây tôi đã gặp nàng, chúng tôi chưa từng bao giờ thoáng bóng nhau, nhưng với cái nhìn mắt vào mắt này, tôi không nghi ngờ là chúng tôi đã có trong nhau từ suốt bao năm trời nay. Tôi biết rằng chúng tôi hiểu rõ nhau, thấu suốt tâm hồn nhau. Mắt nàng dim lại dưới làn mi rợp, mắt tôi mở to bàng hoàng. Một nỗi xót thương và một niềm lo sợ vô cớ chợt nhói trong lòng tôi. Chính vào giây lát ấy tôi đã nhận ra ở đằng sau, ở bên trong dung nhan của nàng chỉ ẩn chứa duy nhất một nỗi khiếp sợ. Về đôn hậu, dễ thương và rụt rè của nàng là gương mặt khác của một lòng dạ rồi bời.

- Chị sao thế? Có chuyện gì phải không? - Tôi hỏi, vụng về - Tôi có thể giúp gì được không?

- Dạ không... Sao anh hỏi thế... - Nàng thăm thì yếu ớt, cụp mắt xuống, các ngón tay run run thả rơi điếu thuốc - Tôi... tôi có sao đâu...tôi sắp xuống...

- Chị xuống Giám à?

- Vâng

- Yên trí, còn xa.

- Phải rồi còn xa... Ông xẩm đã nhích tới chỗ chúng tôi từ lúc nào, khàn khàn lên tiếng - Đường còn xa. Kính thưa các đồng chí, các ông các bà, các anh các chị, các cậu các cô, để góp vui làm giảm nỗi khắc khoải đường trường của quý vị hành khách, ông cháu tôi xin phục vụ biểu diễn miễn phí bài *Suối Mơ*, ca khúc tiền chiến lừng danh...

Ông lão vịn tay lên vai một thằng bé còm cõi, rách rưới, mặt mày nhem nhuốc, già cằn, để nó đưa đi chậm chậm dọc toa. Lão khọt khẹt trong họng lấy giọng. Thằng bé chìa cái bát nhôm vào mặt từng quý khách. Tôi quảng vội vào đó một tờ bạc lẻ vo viên. Thiếu phụ kéo phéc mờ tuya, mờ xắc.

- Suối- uối- uối ... mơ... - Ông xẩm nắc lên.

Thình lình, sàt tàu nảy chồm như sa xuống ổ gà. Phía đầu toa ông lái tàu kêu lên hốt hoảng, cuống cuống quay tay phanh. Các guốc hãm xiết vào bánh sắt, rú lên ghê tai. Tàu dừng giật lại.

- Trật bánh rồi..!

- Cán phải người rồi..!

- Không phải trật bánh... - Anh xé vé thẳng thốt thều thào, khiếp đảm - Mà là xít đờ ca. Xe bắt người đấy!

Người thiếu phụ ngẩng lên, nhìn tôi. Một tiếng kêu câm lặng trong cái nhìn ấy. Mặt tái đi, nàng mím môi. Tôi cứng người lại.

Thong thả nàng đứng dậy, lẳng lẳng rút từ trong xác ra một tờ bạc đặt vào cái bát mà thằng bé rách rưới đang kiên nhẫn chia ra. Và cùng trong khoảng khắc ấy, nàng thả vào lòng tôi đang ngồi ngây lặng một cái phong bì to và dày như một cuốn sổ. Mãn đời tôi không làm nhòa đi nỗi khổ tâm trí mình gương mặt, thần sắc và cái nhìn của con người ấy trong giây lát ấy. Còn hơn là một nỗi tuyệt vọng, còn hơn là một niềm thống khổ, nàng nhìn tôi, van lơn, nhưng đồng thời chứa chan tin cậy và thiết tha đầm thấm lòng mến yêu. Có thể là tôi đã tưởng tượng và suy diễn thêm ra chăng? Tôi không biết nữa, chỉ biết rằng trong chớp mắt ấy chúng tôi đã trao gửi cho nhau những tình cảm mà cả đời, trước đây cũng như về sau này, tôi chưa từng có với ai và cũng chưa ai từng có với tôi.

Tôi cúi mặt, cụp mắt xuống. Nàng quay đi, bước về phía cửa toa. Một cách vô thức, hoàn toàn ngoài lý trí, tôi nhét nhanh cái phong bì vào túi trong áo vét. Không nhìn gì, không nghe thấy gì hết, tôi ngồi, mắt nhắm lại, và gần như bình thản, tôi lặng lẽ chờ một ngọn đèn pin rơi vào mặt, một bàn tay chụp lấy vai và một mệnh lệnh buộc tôi đứng lên.

Như là cả một thế kỷ đã đi qua, chẳng có chuyện gì xảy ra với tôi hết. Tôi ngẩng lên, mở mắt khi tàu lại chuyển bánh. Trên toa vẫn chừng ấy móng, trừ nàng.

- Ôi trời, đẹp để làm vậy mà bị còng tay, bị người ta xô sấp xô ngửa, khổ thân cô ấy thế! - Bà nhà quê to mồm than - Dính phải cái tội gì vậy chả biết. Khéo mà rũ tù.

Tim tôi đại đi. Trong túi áo ngực, vật ký thác của nàng như bèn lửa vào da tôi.

Ông xắm lại gân cổ lên ca hát. Áo lông và anh xé vé đưa cọt cẩu chí nhau trong xó. Bà nhà què gà gật ngủ. Tôi những muốn nhảy bỏ ra khỏi tàu, song lại sợ có ai đó sinh nghi, nên đành cấn răng ngồi bất động tới tận bến đỗ cuối cùng ở Bờ Hồ.

Khi tôi vừa bước chân xuống đường thì anh lính đi xuống ngay sau chợt nói:

- Chẳng khám thấy gì, chẳng có bằng cứ nào cả thì người ta phải thả thôi...

Ấy là lời khuyến khích hay là lời cảnh cáo? Tôi cắm đầu đi như chạy. Nhà ngay gần đấy nhưng tôi dầm mưa đi vòng đi vào mãi rồi mới lần về ngõ. Ngõ trước ngõ sau, tìm nện thình thình, tôi hé cổng lách vào. Cả đêm, tôi trần trọc. Sáng ra vẫn chưa quyết được bề nào, tôi nằm nhà.

Đợi người trong gia đình đi hết khỏi nhà rồi, tôi lấy cái phong bì ra, thận trọng xem xét. Phong bì bằng giấy dày, màu nâu. Chỉ dùng ngón tay sờ nắn bên ngoài tôi cũng biết bên trong không phải thuốc nổ, thuốc độc, không phải bột bạch phiến, cũng không phải tiền bạc châu báu gì. Chỉ là giấy, một xếp giấy đánh máy mỏng được ghim lại. Địa chỉ chắc là được ghi trên xếp giấy.

Ba ngày trôi qua, tôi cáo ốm, bồn chồn lo sợ. Sang ngày thứ tư tôi quyết định mang cái tang vật nguy hiểm ấy đi nộp cho nơi cần nộp. Nhưng được một đoạn ra khỏi nhà, tôi quay về, chui vào bếp, bật diêm đốt. Rồi tôi ra bến xe buýt, lên ô tô, đi làm.

Áp mặt vào cửa kính ô tô tôi chăm chú nhìn xuống đường Hàng Bọt, đường Nam Đồng nghìn nghịt người xe, thăm lấy

làm lạ. Rõ ràng có một cái gì đấy thay đổi dọc trên chặng đường quen thuộc này, nhưng là gì thì tôi chưa nhận ra.

Tôi xuống xe buýt đúng điểm mà đêm nọ tôi đã lên tàu điện. Trời hừng nắng nhưng càng giá rét, từ mưa phùn chuyển sang tiết hanh khô. Đường mù mịt bụi. Tôi đưa mắt tìm lại chỗ mà tôi buộc chuyển tàu đêm dừng bánh. Và tôi chợt hiểu. Điều này đã nghe nói từ lâu, giờ mới xảy ra. Không còn tàu điện nữa. Đường ray đã bị bóc. Cái bộ xương han rỉ, cái di tích sống động và tàn tạ của Hà Thành cả một thế kỷ 20 đã thật sự chết rồi. Trong tình cảnh của mình lúc này, tôi không biết sự biến mất của tàu điện đáng cho tôi nặng lòng tiếc nuối và cảm thương hay là nên thờ phào nhẹ nhõm.

Đến nay đã nhiều năm qua rồi. Ngày lại ngày, tôi vẫn đạp đi và đạp về một ngã đường ấy. Trên mặt nhựa, dấu vết đường xe điện vẫn còn có thể cảm thấy. Hàng ngày bám theo lối mòn giữa phố ấy, lòng tôi vẫn âm thầm ấp ủ một cuộc gặp gỡ không bao giờ còn có thể.

Người Thăng Long quê Đảng Trờng

Ở dọc phố tôi bây giờ những người cùng thời với tôi, bạn bè một lứa lớn lên bên nhau, chung nhau những năm tháng tuổi học trò thuở trước chiến tranh, chẳng còn lại bao nhiêu. Hầu hết đã vào sống ở Sài Gòn, ở Cần Thơ, hay là Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Nguyên, Đà Lạt. Các bạn lớp 10, bạn thời Đại học và cả bạn đồng ngũ nữa cũng vậy, người rời Hà Nội từ ngay mấy năm đầu đất nước thống nhất, người mới gần đây. Thương binh nặng như anh Vũ, nhà ở đầu phố, bị mìn mìn thổi mất gần hết phần thân bên phải: mất phải, tay phải, chân phải, hòa bình rồi cũng chỉ chịu ra hưởng sự chăm sóc bao bọc của gia đình có đúng một năm qua hai cái Tết là đã vội chống nạng lên tàu trở lại với đất cũ chiến trường. Giờ thì anh đã hoàn toàn

là một ông già Nam Bộ vợ con để huê vui thú điền viên tận trong sâu tít miệt vườn Cái Bè. Thành thử có câu “vào Nam ra Bắc” mà tôi chỉ thấy đa phần người ta từ đây vào đấy làm ăn gây dựng chứ chẳng mấy ai từ đấy ra đây lập nghiệp. Ngoài này là ký ức của những đời người, còn trong đó là chí hướng, nói vậy có phải chăng?

Ngày nay thì chắc là không phải rồi, nhưng xưa kia thì đúng là như thế. Xưa, người dân quê tận trong Đồng Nai lục tỉnh ngàn trùng cách trở khó lòng có dịp một lần về thấp hương nơi mộ phần tổ tiên gốc gác ông bà. Có chăng chỉ những vị quan và binh lính quê hương trong được triều đình điều ra trấn thủ các tỉnh thành mạn Bắc.

Còn nhớ hồi nhỏ đang học trường Sinh Từ, tôi có hai đứa bạn cùng lớp, con nhà thợ rèn ở Kim Mã, họ Đài, giọng nói nghe là lạ. Thầy giáo bảo đấy là giọng Quảng Nam đã qua nhiều đời hòa trong giọng Bắc. Thầy bảo họ Đài phố Kim Mã là cháu chắt một tùy tùng của Tổng đốc Hoàng Diệu. Hà Thành thất thủ, Tổng đốc tự tận, người tùy tùng ấy dạt vào sống trong dân, không trở về quê nữa. Hơn hai chục năm sau đấy, mặc dù đã không còn là lính, ông vẫn dự vào cuộc binh biến “Hà Thành đầu độc” do Đội Nhân chỉ huy. Mưu sự không thành, ông bị Tây bắt và xử trảm ở vườn hoa Canh Nông.

Không hiểu những người họ Đài ở Kim Mã có biết gốc gác nhà mình là như thế, mà cũng không rõ ngày nay họ có còn theo nghề rèn ở phố đó hay là đã trở vào với cổ hương trong ấy. Còn về hai chị em họ Đài cùng một lớp với tôi ở trường Sinh Từ thì người em trai tên Thìn không biết hiện nay thế

nào, nhưng người chị, khi vào viếng Nghĩa trang bộ đội Trường Sơn tôi đã gặp bia mộ khắc tên: Đào Thị Hương, sinh 1950, hy sinh 1968. Hương nằm lại ở khu liệt sĩ Thủ Đức.

Người Hà Nội gốc tích trong Trung đã hiếm, gốc Nam Bộ lại càng hiếm lắm. Vào ngay ngày Tiếp quản mỏng 10 tháng Mười năm 1954, khi cán bộ và bộ đội miền Nam tập kết chưa có mặt tại Hà Nội, trong khắp thành phố số lượng những nhà gốc quê trong ấy có lẽ chỉ đếm được trên đầu ngón tay: tiệm cầm đồ Khánh Hội ở ngã ba Sinh Từ - Văn Miếu; hiệu buôn nước mắm nơi góc ô Đống Mác của gia đình bà Trứ “phú quốc”; thầy tu xuất tên Tư quê Gia Định bán cá vàng cây cảnh trên dốc Yên Phụ; ông người Chăm coi giữ Chùa Tây đen...

Bây giờ ở Hàng Dẫy không biết có còn ai nhớ Chứa Chồm, người Sài Gòn xịn, tá túc trên áp mái nhà 47 hồi những năm trước 1960. Chứa Chồm phố Hàng Dẫy, thực tên là Hai, như may mắn sao đó được làm rể một chú Chệt mà anh khoe là giàu nhất nhì Chợ Lớn. Hầu hết của nả đều trong Nam, nhưng bố vợ anh cũng sở hữu cả loạt cửa hàng cửa hiệu ở Hà Nội. Đình chiến, ông tổng tháo bán đi tất cả, nhưng đã tiết tằn xuẩn năm 55 rồi mà một số tay nhà buôn ngoài “kẻ chợ” mua tài sản của ông vẫn ghìm tiền lại chưa chịu chuyển vào trả. Chàng rể bị phó cho trọng trách đi đòi. Chân ướt chân ráo ra Bắc, chưa thấm nổi một cái đã hết hạn 300 ngày, chẳng kịp chạy xuống Cảng, vậy là bị kẹt, anh kể thế. Nhưng hàng phố thì lại kháo rằng bởi mấy trăm lượng vàng đòi được đã nướng sạch vào chiếu bạc, nên chàng rể không dám vác mặt vào Nam gặp nhạc phụ nữa. Tự dưng được làm người Thủ Đức,

nhưng nhấn nhụi tiền bạc, anh Hai phải tới xin bà Phẫu đồng hương Phúc Kiến đăng vợ cho ăn nhờ ở đậu trên áp mái nhà số 47, và để đáp đối qua ngày anh đành vay nợ cả phố, hẹn năm 1956 sẽ trả tất một lần. Hai năm chờ “Tổng tuyển cử” chẳng làm ăn gì, túi chẳng một xu thế mà Chúa Chôm vẫn nhậu, nhậu tới ngày, rồi cả o mèo nữa. Rất nhiều cô trong phố thích anh, có cô yêu anh ra mặt. Họ ưa giọng nói miền Nam của anh, thích cung cách anh chuyện trò phong độ, phục anh tính đàn ông, không tiền mà tiêu pha bạt mạng, nhất là họ say tiếng đồn câu ca của anh. Hàng tối, với ấm trà chai rượu cây ghi ta anh trải chiếu ngồi sân thượng ca vọng cổ, nghe sầu bi ướn át hết mức nổi lòng. Có hồi bị ngờ là gián điệp hay phản động gì đó anh phải nằm khám mắt mấy tháng. Cuối năm 56, không còn hồng gì vào nổi Chợ Lớn tài tiền ra trả người ta, anh xin khát, hứa là sẽ tự thân cày cuốc để hoàn nợ. Anh vay có được một món chừng chục bạc sắm bộ đồ thợ cạo. Cắt tóc rong ở Bờ Hồ tới đầu năm 60, anh gác dao kéo, tình nguyện đi “khai phá miền tây”. Anh không một mình ra đi. Một cô ở Ấu Triệu, con chiến, nhà lành, mạnh bạo bỏ phố phường, trốn thầy mẹ tốt theo ánh lên núi cao xây dựng hạnh phúc.

Cũng là người Sài Gòn như Chúa Chôm còn có hai anh em ông Cầm cua-rơ, nhà ở chân núi Bò đầu xóm nghèo Vạn Phúc. Hai anh em nhà này định cư tại Hà Nội từ trước thế chiến. Tuy chỉ có ông em phải nói năng bằng ra hiệu, thiên hạ vẫn kêu cả hai là “ông Cầm” bởi họ giống nhau y chang, to lớn lực lưỡng, râu tóc lồm xồm, da dẻ đen cháy. Thời trẻ cả hai cùng là dân đua xe nhà nghề. Trong một cuộc đua vòng

quanh Đồng Dương, qua Hà Nội, họ cùng đi hát, rồi cùng ham, cùng si một nàng ở xóm cô đầu Trại Găng. Si tới độ bỏ nghiệp thể thao, bỏ cả Sài Thành, ở lại hẳn ngoài này làm lụng nuôi nàng. Là người ta kể thế. Người ta kể rằng ba người đó cứ bừu riu sống với nhau mười mấy năm trời một góc khuất ngoại ô, không can dự thời cuộc, không đi kháng chiến, và cũng không nhập dòng di cư năm 54. Tuy nhiên sang thời ta, do không được phép tùy tiện như trong thời tây, họ phải rạch rời phân ra thành hai hộ. Hộ độc thân là ông anh trai. Hộ gia đình là ông em bị cầm với người đàn bà. Vợ chồng người em không có con, còn người anh thì mãi mãi độc thân, và họ cứ vậy mãi mãi bên nhau, cách nhau chỉ tám phen nửa ngăn đôi túp nhà tuềnh toàng, tường gạch mộc, mái lợp tôn. Bên chái, họ mở một cái hiệu bơm vá và sửa chữa xe đạp. Năm 69, trước khi đi bộ đội, tôi vẫn còn thấy ba con người kỳ lạ, đã luống tuổi và yêu thương nhau vô hạn độ ấy sống ở đó, dưới núi Bò, nhưng năm 75, khi từ trong Nam ra, tôi không thấy họ nữa, túp nhà và hiệu sửa xe cũng không còn. Chỗ đất đó bây giờ lọt trong khuôn viên Đại Sứ quán Thụy Điển.



Đoàn cán bộ và bộ đội Miền Nam tập kết đầu tiên đã theo tàu Kilincki của Cộng hòa Nhân dân Ba Lan ra tới Sầm Sơn từ cuối mùa thu năm 1954. Và vào khoảng tháng 11 thì đã có những tiểu đoàn bộ đội tập kết về đóng quân ở Hà Nội. Tiểu đoàn trưởng của tiểu đoàn Nam Bộ chốt tại Liễu Giai, chỗ

khách sạn La Thành bây giờ, tên là Ba Sơn, người Hà Nội, nhà ở phố Yên Thế. Ba Sơn đi Nam Tiến từ đầu năm 46. Sau đường đăng chín năm trời chiến tranh và ly biệt, anh trở về nhà thì nhà anh, toàn gia không sót một ai, đã di cư vào Nam. Đất nước bị chia cắt, hạnh phúc hòa bình bị cửa ngang có nghĩa là như vậy đây, như tình cảnh anh Ba Sơn và bao đồng chí đồng đội của anh, một niềm hạnh phúc ngậm thương đau, thương đau làm nghẹn ngào niềm vui được chào đón hòa bình.

Tuy nhiên, do cảnh ngộ của đất nước bị chia cắt mà hai mươi năm ấy, từ sau ngày hòa bình lập lại năm 54 tới ngày Toàn thắng năm 75, là những năm có lẽ duy nhất trong lịch sử, Hà Nội có được đông đảo những người con của miền Nam quây quần về sinh sống dài lâu đến như thế. Những năm ấy, cán bộ và bộ đội tập kết chuyển ngành về công tác ngày một nhiều hơn ở mọi Bộ mọi ngành, mọi cấp chính quyền và đoàn thể, tham gia và hòa nhập vào mọi lĩnh vực, mọi sinh hoạt của đời sống thành phố. Nhiều người là cán bộ trung cao cấp, nắm trọng trách, song cũng rất nhiều người sống cuộc đời thường nhật đầy gian nan túng thiếu, trăm bề vất vả của phần đông cán bộ công nhân viên chức hạng loàng xoàng và hạng thấp thời bấy giờ. Họ ngày một thêm gần gũi và thân thuộc với bà con hàng phố. Như ở phố tôi chẳng hạn, hồi năm 59, 60, hộ tịch viên là anh Hải, quê Biên Hòa; bí thư Đoàn khối phố là chị Ngọc quê Quảng Ngãi. Hay như bác Thịnh, công nhân xe điện, trong suốt nhiều năm chuyên nghiệp giữ nhiệm vụ chuyển mối nối đường ray hai tuyến Hà Đông và Cầu Giấy tại điểm giao nhau nơi góc tường Văn

Miếu, là một thương binh quê Quảng Trị. Ở trường Sinh Từ, thầy hiệu trưởng thời trước năm 64 là thầy Đắc thương binh quê Bà Rịa, cô Liễu dạy toán quê Bến Tre, thầy Toàn thể dục quê Quảng Nam, và bác Năm lao công, giữ nhíp trống trường hàng ngày cũng là thương binh tập kết quê ở sâu xa tận trong Cà Mau.

Bản thân tôi cũng là một người Hà Nội gốc “đàng trong”, theo như cách nói của bà tôi. Tuy nhiên tôi không thuộc diện con em gia đình cán bộ Miền Nam tập kết, bởi vì song thân tôi và hầu hết họ hàng nội ngoại đã phải rời xa quê hương từ trước năm 54 nhiều năm, từ ngay ngày đầu Toàn quốc Kháng chiến. Ngày đó, đàn ông trai tráng trong nhà gia nhập Vệ Quốc đoàn, chiến đấu trên khắp các mặt trận Trung Bộ, người già, phụ nữ và trẻ nhỏ thì rời Huế tản cư ra Khu Bốn. Hòa bình lập lại, họ mạc tản mát mọi miền tập kết cả về đoàn tụ ở Hà Nội. Mẹ tôi từ Vinh, cha từ Lào, một bác từ Việt Bắc, một bác từ chiến khu Ba Rền, một chú từ Khu học xá... Cho đến bây giờ cả nhà vẫn giọng Huế, riêng tôi bởi hồi đó đang nhai ranh nên chỉ dăm bữa nửa tháng bị đáo khăng xèng ngoài via hè là đã sang hết giọng Bắc. Cha mẹ chẳng phiền trách, nhưng bà nội thì không ưa chút nào cái cách tôi phai lạt quá nhanh giọng nói quê nhà.

Nông nổi “ngày Bắc đêm Nam” trong tâm trạng của người Miền Nam tập kết là như thế nào, tôi có thể cảm nhận qua cha mẹ, cô di chú bác, qua bà tôi. Cho đến khi qua đời, suốt ba chục năm trời xa Huế, bà tôi vẫn chỉ thực sống ở Huế. Trong chuyện trò, trong tâm tưởng, bà tôi chưa hề đi đâu xa

khỏi Hộ Thành, cửa Thượng Tứ, cầu Tràng Tiền, chợ Đông Ba, Đập Đá, Kim Long, Vĩ Dạ... Năm 46, ngày nổ súng, lên đường đi tản cư, bà tôi nghe thiên hạ kháo nhau rằng chỉ phải tản cư chừng dăm hôm thôi là Tây bị đánh tan, mình lại về nhà. Cửa nả thu vén mang theo chỉ một tay nải, cửa lớn cửa nhỏ trong nhà bà khóa kỹ càng, chùm chìa khóa bà nhét vào góc trong dưới mái che bể nước mưa ở sân sau để cha tôi với các bác các chú “đánh Tây xong, trở về sớm thì có chìa khóa mà vào nhà”! Chùm chìa khóa ấy thường trực trong ý nghĩ của bà, khiến bà không ngớt nghĩ ngợi lo lắng về nó, khiến cho ngày tản cư luôn luôn chỉ như là ngày hôm qua đối với bà. Mùa đông năm 69, hôm tôi rời Hà Nội lên đường đi Bê, đang ốm nặng, không dậy được, bà tôi gọi tôi với mấy đứa bạn tân binh của tôi tới bên giường, bà nói: Các con đi chân cứng đá mềm, mau vào chiếm lại thành Huế... Rồi bà dặn tôi về tìm chùm chìa khóa dưới mái che bể nước mưa phía sân sau ngôi nhà lớn của gia tộc, ở đường Mã Khái trong Hộ Thành kề bên Đại Nội. Chùm chìa khóa có mười hai chìa tất cả...

Định cư ở Hà Nội từ năm 54 nhưng mà cha mẹ tôi có lẽ chỉ thực sự sống nhập mình hoàn toàn vào đời sống Hà Nội từ sau năm 75. Suốt hai chục năm rông trước 30 tháng Tư trong đời sống gia đình như luôn canh cánh nỗi buồn thương khôn xiết. Ngày Tết ngày lễ, mặc dù đã cố giấu, mặc dù không bộc lộ nhưng tâm trạng của cha tôi mẹ tôi, và nói chung của những người lớn trong dòng họ, của các chú bác đồng hương với gia đình tôi dường như lại còn buồn hơn tâm trạng những ngày thường. Nhất là từ sau Tết Bính Thân, 1956.

Từ năm 56, không chỉ niềm hy vọng mong manh về hiệp thương tổng tuyển cử đã hoàn toàn tiêu tan mà từ năm ấy tin dữ tại khắp các địa phương Miền Nam dội ra Bắc ngày một thêm dồn dập, cào xé lòng người: chính sách tố cộng, luật 10/59, đàn áp, bắt bớ, giết chóc, thảm sát... Hôm hay tin vụ thảm sát Phú Lợi, cả nửa Hà Nội mà trước nhất là tất cả cán bộ và bộ đội tập kết chít khăn tang. Tôi thấy người ta khóc rùng trong đoàn biểu tình, khóc khi đang đi trên đường phố, trên tàu xe, trong lớp học, các bà các chị òa khóc giữa chợ. Cô giáo Liễu, người Bến Tre, khóc lặng, ngà ngất đi trên bụi giăng khi nghe loa phóng thanh ở sân trường truyền đi tin dữ Mỹ - Diệm đã giết hại ông Hoàng Lê Kha.

Tuy nhiên, đau thương vô bờ những năm 56, 57, 58, 59 ấy không nhận chìm ý chí con người vào tuyệt vọng, trái lại đã làm thành sức mạnh vô bờ. Từng theo cha dự đón giao thừa năm 59 ở Câu lạc bộ Thống Nhất, và mặc dù còn nhỏ tuổi, tôi vẫn cảm thấy được thể nào là đau thương biến thành sức mạnh. Không, không phải do ngày nay nghĩ lại mà mừng tượng ra như thế. Mà thực sự là như vậy, đêm giao thừa ấy, mới tỵ tuổi đầu tôi đã cảm thấy trời long đất lở trong lòng mình. Có thể nói tôi linh cảm về cơn sóng lòng thời đại mới đang thẳng tới bến bờ Tổ Quốc. Một thời đại lớn lao và nghiệt ngã chưa từng có. Thời của chiến tranh và của cách mạng lay trời, thời của những đau thương vô hạn, những mất mát vô bờ, thời của chủ nghĩa anh hùng tuyệt đỉnh, của sức chịu đựng vô cùng vì nghĩa lớn, thời của tình yêu và của lòng quả cảm.

Từ sau Tết Canh Tý, 1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng ra đời và cao trào Đồng Khởi bùng cháy khắp làm bừng sáng niềm vui sống, niềm hy vọng trong lòng mỗi người, mỗi gia đình cán bộ tập kết. Tôi có thể nhận thấy rõ ràng điều đó ở gương mặt, ở ánh mắt, ở lời nói, nụ cười của những người thân trong gia đình, những người đồng hương, bạn bè thân hữu. Bắt đầu từ năm đó lần lượt lắng lặng hết người này tới người khác không còn thấy xuất hiện nữa trong các cuộc họp đồng hương. Trong những cuộc gặp mặt toàn gia, lễ tết, giỗ chạp họ cũng vắng bóng. Nhiều người vĩnh viễn khuất bóng, nhiều người mãi sau 75 mới có tin tức. Khác với lứa chúng tôi về sau này lên đường đi Bê công khai trong những năm cao đỉnh của chiến tranh, những cán bộ tập kết trở về Nam lượt đầu tiên những năm đầu 60 đã ra đi âm thầm, bí mật, chịu đựng vô vàn những hy sinh lớn lao mà lặng lẽ, và phần lớn đã phải hy sinh hạnh phúc riêng.

Ở chiến trường Bắc Công Tum ít ai không biết chị Nhự, người Bình Định, bác sĩ dân y Huyện 67. Chị vốn là bác sĩ nhi bệnh viện Xanh Pôn, đi Bê năm 1961, khi mới 27 tuổi và mới lập gia đình với một cán bộ ngoại giao. Năm 69, chị bị địch bắt, giam giữ tại nhà lao Công Tum và không được trao trả năm 73. Năm 75, bộ đội ta tìm thấy chị trong ngục tối, tàn phế, toàn thân bị cắt xẻo, hai bàn tay bị chặt cụt. Được ra Hà Nội điều trị, nhưng chỉ một thời gian ngắn, chị trở về quê, mặc dù Tam Quan quê chị sau chiến tranh cực độ hoang tàn. Người chồng ngày xưa bởi nhận được tin chị mất tích nên đã lập gia đình mới.

Ở phố tôi có trường hợp anh Hải, công an hộ tịch, đi Bê năm 63, sau chị Nhụ, nhưng số phận nghiệt ngã không kém. Là công an, lại là người miền Nam tập kết, vậy mà Hải lại đem lòng yêu chị Loan con nhà thành phần tư sản ở Cửa Nam. Bất chấp can gián và ngăn trở của tổ chức và gia đình, anh chị yêu nhau tha thiết. Nhưng bởi chính mối tình ấy mà đơn tình nguyện vào Nam chiến đấu của anh Hải không được chấp nhận, mặc dù đã có tin chính thức rằng ba má anh, cả hai là cán bộ tình ủy, đều đã bị địch giết hại. Phải chọn giữa thù nhà nợ nước với tình yêu, anh Hải buộc phải công khai cắt đứt với cô gái Hà Nội thành phần tư sản. Nhưng để minh bạch lòng mình vì chẳngặng đứng, chứ không phải muốn bội tình, anh thề là sẽ không bao giờ lấy ai ngoài chị. Chiến đấu trong lực lượng An ninh Giải phóng, bị thương và bị bắt trong Mậu Thân, anh bị giam giữ ở Phú Quốc. Năm 73 được trao trả, năm 74 anh ra Bắc. Và đã xảy ra một trùng hợp thảm thương: vừa khi anh Hải tìm tới nhà chị Loan thì gia đình chị nhận phải giấy báo tử con gái. Chị Loan, sau nhiều lần đâm đơn tình nguyện, cuối cùng đã được thỏa nguyện. Chị lên đường đi Bê đầu năm 68, hy sinh ngay trong Tổng tấn công đợt hai ở Bà Rịa, rất gần Biên Hòa quê anh.

Y lời thề ngày ra trận, anh Hải không lập gia đình. Anh ở lại làm việc tại Hà Nội, và sống cùng bố mẹ chị Loan, như một người con rể. Có thể nói anh Hải là một trong số rất hãn hữu cán bộ miền Nam tập kết còn ở lại Hà Nội sau năm 75.

Tính riêng ở phường tôi thì hiện giờ chỉ còn có ba bác già, đã về hưu, cùng người Quảng Ngãi. Ba bác đều độc thân. Cả

ba bác đều quê Sơn Tịnh, nhưng ở ba xã khác nhau. Chỉ có điều là toàn bộ gia đình của cả ba người, rộng ra là toàn bộ làng xóm của họ đều bị quân Pắc Chung Hy thăm sát.

Đúng là bây giờ rất hiếm người trong ấy sinh sống ở ngoài này. Tuy nhiên, ngày Tết thì lại khác. Như ở phường tôi, năm nào cũng thật nhiều các cô con dâu người miền Nam ra ăn Tết ngoài nhà chồng ở Hà Nội. Anh Vũ, nhà đầu phố, là thương binh nặng nhưng không Tết nào không đưa vợ con ra. Năm xưa anh là chiến sĩ trinh sát của tình đội Mỹ Tho. Tiềm nhập điều nghiên căn cứ địch, anh vướng mìn, bị thương rất nặng. Chị chẳng phải bộ đội, chẳng phải du kích, đã lặn lội công anh về băng bó, cứu chữa và nuôi giấu suốt nửa năm trời trong nhà mình ở giữa ấp chiến lược ngay kề thị xã. Khi được bí mật chuyển thương về cứu, anh vẫn trong trạng thái mê lịm bất động gần như sống thực vật, chị thậm chí không biết tên anh, tên đơn vị. Vậy mà sau Tết năm 76, chị vẫn tìm được tới gia đình anh ở Hà Nội, đưa được anh vào Nam với mình... Năm nào anh chị Vũ ra ăn Tết cũng đưa được theo cả chục cành mai vàng cho gia đình và biếu láng giềng.

Cuộc đời của anh chị Vũ, của anh Hải, chị Nhụ, và của bao người khác nữa, những người “đàng trong xứ ngoài”, thôi thúc ký ức của tôi và quá khứ của tôi, thôi thúc tình yêu của tôi đối với Hà Nội, thành phố quê hương thứ hai.

Chuyện xưa kết đi, được chưa?

Theo con thì để cho ầm cúng lần này mời cơm gia đình Loan phía nhà mình chỉ nên nội bộ thôi. Tôi nói né ra thế, nhưng không trốn nổi, bị mẹ biết ngay ả ý.

- Con bảo vậy tức là định không có bác Lân chứ gì, phải không?

Lâu nay mọi sự nhà này đều do tôi quyết. Ý của hai đứa em như vậy, của mẹ như vậy mà tôi không vậy là tôi gạt. Quyền huynh thế phụ, chủ định của tôi thường là miễn bàn, cả nhà nhất nhất thuận theo. Tuy nhiên cũng có đôi lúc chẳng hiểu tại sao tự dưng mẹ tôi lại giận.

- Mẹ nghe con nói mà buồn. Cứ xử như vậy mà con đành lòng được à, hả con?

Mẹ khiến tôi ngại quá đi. Chuyện nào có đáng, lớn lao hệ trọng gì đâu, sao cứ phải làm cho sâu xa nặng nề ra.

- Kìa mẹ, là con đang cân nhắc nên chẳng chứ đã dứt khoát đâu - Tôi lảng mắt tránh cơn bức của mẹ - Đúng là con dự tính không mời bác Lân, nhưng là vì con thấy việc này việc riêng nhà mình bắt bác ấy can hệ vào làm gì. Với lại bây giờ thời buổi phiên phiên, một bữa cơm, mời hay không mời nhau là cư xử bình thường, không ai hơi đâu vì có thể mà phải cả nghĩ.

- Nhưng mẹ thì mẹ nghĩ con ạ. Mẹ chẳng hiểu cái thời buổi phiên phiên con bảo nó là thế nào. Có phải là thời buổi sống chẳng cần trước sau gì, thấy ai không còn ích lợi cho mình thì là mình được quyền phiên phiên, rũ bỏ hết tất cả, không tình nghĩa không quan hệ gì với người ấy nữa?

Là giáo viên nhưng mẹ tôi tính ít nói, từ năm nghỉ hưu lại càng nói ít, ấy thế nhưng một khi đã nói thì lại cứ nói mãi, vừa chỉ ly vừa dài dòng kể lể, rất mệt. Ban đầu tôi chỉ định một lát thôi, ngồi uống trà với mẹ nghe mẹ trình bày dự trù thực đơn bữa cơm khách vào tối chủ nhật tới mời gia đình bên Loan, ai dè lại bị dẫn dắt đến những chuyện đạo lý với tình người. Đà này chưa chừng sẽ phải bấm bụng ngồi nghe mẹ thuyết đến vài tiếng nữa cũng nên.

- Nay các con đã lớn, hai em gái con đưa đầu đưa cuối đại học, - Mẹ tôi tiếp tục dài dòng - nhất là con đã trưởng thành, sớm thành đạt, mới ngoài ba mươi đã học vị, đã chúc vự với sản nghiệp hơn hẳn nhiều người, mẹ vui mừng hãnh diện, bác Lân cũng thế, có khi bác còn vui mừng hơn cả mẹ. Vì rằng sao hẳn con cũng biết. Vì rằng bác ấy đã hứa với cha con trước lúc cha con nhắm mắt là sẽ hết lòng giúp đỡ mẹ nuôi dạy các

con nên người... Mà con đừng vội khó chịu. Phải, mẹ biết, con đã tự lực, không dựa dẫm, tự mình vươn lên. Nhưng, con nhớ lại xem, những năm ấy cha con mất rồi hoàn cảnh nhà mình như thế nào. Không nhờ bác Lân thì nhà mình sao chuyển được từ ngoài quê vào đây. Không chuyển vào liệu con có được như bây giờ hay chẳng. Hồi đó bác Lân còn đang công tác đang chức vụ, dù chẳng to tát cao vồi, nhưng vẫn là nhờ tựa vào bác nên nhà mình mẹ góa con côi mà không phải khổ sở túng bần. Mẹ được cấp đất cấp nhà, được nơi làm việc tốt, các con được nơi học hành tử tế. Bao nhiêu ân tình ơn nghĩa của bác Lân và bác gái với mẹ con mình suốt chừng bảy năm, con có còn nhớ không, mẹ thì mẹ mãi ghi lòng. Nói là ơn nghĩa nhưng không phải là hai bác làm ơn đâu con ạ. Mẹ nghĩ là sau ngày cha con mất, bác Lân đã chuyển cái tình máu xương đồng chí đồng đội sống chết có nhau giữa bác ấy và cha con sang thành ra là tình phụ tử ruột thịt đối với các con...

Tôi không hiểu ra sao nữa. Việc tôi đề xuất mời cơm ông thân sinh của Loan là một việc khó thuận, ngay chính tôi và Loan cũng thấy là làm khó cho mẹ vì chưa dám hỏi, chưa có gì chính thức mà đã hai nhà qua lại như vậy, thì mẹ lại thoải mái và dễ dàng bằng lòng, ấy vậy mà chỉ vì một tiểu tiết không đâu, một người đứng nước lã lại bực bội, buồn giận, khó khăn với tôi là nghĩa thế nào?

- Mẹ nghĩ sau từng bảy năm tình nghĩa bác cháu như thế tình cha con như thế, vậy mà bây giờ lần này...

- Thôi được rồi mẹ ơi, thì mời! Có làm sao đâu ạ, sao mà phải lan man như vậy!

Bản thân tôi cũng giật mình bởi cái âm sắc gay gắt bất ngờ của những lời thốt kêu lên ấy. Mẹ tôi im bất, ngồi lặng.

- Con xin lỗi - Tôi nói, sụp mắt xuống - Chẳng là cái tính con cứ hay nóng ruột.

Im lặng hồi lâu, mẹ lên tiếng, giọng nhẹ nhàng, hỏi:

- Vì sao con lại thái độ như thế với bác Lân hở con?

- Thái độ gì đâu ạ?

- Mẹ thấy hết. Bác ấy thì hình như cũng đã cảm thấy phần nào, cho nên dạo này thưa đến chơi. Mẹ lo sợ là sẽ đến khi bác ấy nhận ra rõ ràng thái độ của con. Không phải chỉ là thái độ khinh khỉnh đâu... khi bác đến chơi, trò chuyện với con, con có cái giọng nói với cái vẻ mặt mà mẹ không tà được nhưng không chịu được, lạnh hết cả tim con ạ. Tại sao con lại thế?

Tôi có thể mạnh miệng át lời mẹ trong mọi lúc, nhưng khi mẹ đã tức mình giận lên thì tôi chỉ đành thúc thủ.

- Thì mẹ biết tại sao mà...

- Mẹ không biết! Làm sao mẹ hiểu được cái thái độ ấy của con.

- Bác ấy lắm cảm lắm, sắp lẩn rồi, không lẽ mẹ lại không nhận thấy.

- Đừng có nói thế con.

Tức khí lại trào lên, biết là đang cao giọng với mẹ mà tôi không kìm được:

- Con chán quá rồi những cái chuyện cũ mèm bác ấy kể. Mẹ chắc cũng chán giống như con thôi. Ai mà không chán.

No ứ tận cổ, ngấy tận mang tai! Mỡ đường năm năm chín hay chín chín chín gì đó. Rau tàu bay ăn trừ cơm. Rúc dưới đáy rừng sâu quanh năm không được nhìn thấy nắng. Vân vân và vân vân. Toàn những chuyện lỗi thời như quả đất mà đi đâu cũng kể, gặp ai cũng kể, vin mọi lý do để kể, mặc kệ thiên hạ đã chán hay chưa, muốn nghe hay không. Thật đúng là người lính già đầu bạc kể mãi chuyện Nguyên Phong! Chính nhà mình đây là khổ nhất vì được bác ấy quan tâm nhất. Mẹ thuộc lâu, đúng không! Con Liên con Lý thuộc. Mẹ cần con tụng lên không?

Mẹ sững lặng nhìn tôi, nhưng tôi không thể ngừng, phải nói đến cùng cho cạn cơm:

- Mẹ mắng con có thái độ này khác. Nhưng mẹ không thấy là con tài chịu đựng tới chừng nào hay sao. Mười mấy năm ròng cứ chuyện với bác ấy là chuyện ấy, đến đàn cả người! Thế mà đã bao giờ con có một lời nào làm mất hứng của bác ấy đâu... Có điều, sức người có hạn. Con sợ lắm rồi. Phen này rõ ràng tai họa. Thì mẹ thử hình dung hộ con: bố của Loan, như con đã thưa trước với mẹ rồi đấy, là sĩ quan cấp tá, năm năm ra Bắc vào Nam học tập cải tạo. Ông chú cô ấy cũng sĩ quan, tử trận. Anh trai thì vượt biên. Vậy mà ông bác tình như phụ tử của con cứ động nói tới vinh quang thời các ông ấy đánh nhau là lại *ta lại nó*, lại *chúng lại thắng*, *thằng Mỹ thắng* Ngụy. Hai nhà gặp gỡ làm thân mà băm bổ chuyện trò kiểu ấy mẹ bảo con còn mặt mũi nào, biết đàng nào độn thổ?

Bữa cơm tối chủ nhật mời bên nhà Loan, tôi mất cả tuần cân nhắc tính toán chỉ đạo từng ly từng tý, để mẹ và các em thực hiện.

Thịnh soạn, lịch sự. Một bữa cơm hoàn toàn xứ Bắc, tất cả đều là các món đặc thù ngoài kia, nhưng không riêng mâm ra mà mọi người cùng quanh bàn tiệc. Bàn tiệc trải khăn trắng tinh và thấp bạch lạp. Đũa mun, bát đĩa gốm Bát Tràng, nhưng ly tách thì pha lê Tiệp. Khăn ăn, giấy thơm. Nhạc phụ tương lai là người đặc biệt kiểu xưa dân Hà Thành song cũng rất là phong cách Tây phương, thêm nữa có ông anh của Loan ở Mỹ về chơi, nên tôi muốn một sự pha trộn như thế. Cũng rất sợ là bác Lân sẽ nhận xét này nọ, nhưng thật may là bác tỏ ra hài lòng.

Sau có một hai tháng không gặp tôi thấy bác Lân xẹp đi hẳn. Nhưng nếu không phải người quen thì không thấy ngay được là ông đau yếu bởi niềm vui đầy rạng gương mặt ông đã làm mờ nét suy sụp. Ông không diện đại cán và tới bằng xe ôm như mọi bữa mà vận complet và vẩy hần taxi. Mặc dù cổ còn cà vạt áo vét giày da làm dáng vẻ của ông thêm cần cỗi và cứng nhắc, nhưng khiến tôi an tâm, bởi như vậy là ông đã hiểu buổi tối nay rất cần sự trình trọng. Chắc là nhờ mẹ. Từ bữa trước nghe tôi bộc bạch to tiếng nỗi lo lắng mẹ đã hứa là khi qua mời bác Lân sẽ lựa lời nói để cho bác ngầm hiểu được tính nhạy cảm của không gian bữa tiệc.

Tôi thấy bộ âu phục còn làm đổi mới cả ngôn từ của bác,

lời lẽ của bác lúc thoát đầu xã giao như được phủ lụa. Từ cái bắt tay, lời chào hỏi, lời mời rước đến những lời trò chuyện mào đầu về thời tiết sức khỏe này nọ với ông thân của Loan bên bàn trà trước lúc vào mâm, bác Lân đều hết sức đúng điệu, nhã nhặn mà vồn vã, ân cần một cách lễ độ. Nhìn hai ông lịch thiệp với nhau, tuy khách khí nhưng không gượng gạo miễn cưỡng, tôi nguôi đi nỗi sợ lúc thoát đầu. Mừng nhất là thấy vẻ mặt ông thân của Loan càng lúc càng tươi tỉnh và thoải mái hơn. Tôi đã rất lo sợ lương trước rằng ông ấy sẽ bị những cái cung cách phản cảm của bác Lân làm cho khó chịu. Nhưng có vẻ là mọi sự đã được khởi đầu thật tuyệt.

Lạ thay, bác Lân và nhạc phụ tương lai của tôi đã sớm hợp chuyện. Hai ông cùng lược bỏ dần những lời khách sáo. Hai ông hóa ra không chỉ cùng là Hà Nội gốc mà còn ngày xưa nhà gần nhau, một ông Hàng Bông một ông Hàng Dẫy, năm 1954 đang cùng là học trò trường Sinh Từ, lớp trên lớp dưới, bây giờ lại cùng cảnh về già lẻ bóng, vợ mất, con trai không ở gần. Trước giờ tôi chưa hề nghĩ ông thân của Loan lại có thể có lúc trò chuyện giản dị và cởi mở thế vậy.

Phải gần hai năm quen Loan yêu Loan tôi mới lần đầu vào được bên trong ngôi biệt thự kín cổng cao tường của gia đình nàng. Và phải rất lâu sau đó nữa, bố của Loan mới lần đầu hạ cổ vào phòng khách chìa tay cho tôi, nói với tôi đôi câu hỏi han này nọ. Tôi rất e ông. Mặc dù qua lời Loan nói lại tôi biết mình được lòng ông, càng ngày càng được lòng hơn, song vẫn không tài nào tôi thắng nỗi nỗi e sợ. Tôi thấy ông quá

thâm trầm, quá khó hiểu, kín như bưng. Bề ngoài dường như ông rất thoáng, một tính cách tự do trí thức, khoáng đạt, lịch lãm, phong lưu, và không câu nệ, song sự thực ông lại là người hết sức cũ xưa, chặt chẽ và khắt khe. Sự tương phản khó nhận thấy ấy ở ông bố thể hiện rõ ra ở cô con gái. Con nhà giàu, phong cách hiện đại, nhưng đồng thời Loan cũng một cô gái hoàn toàn nề nếp kiểu xưa.

Bây giờ, việc tôi mời được gia đình Loan tuy là cả một bước dài đột phá nhưng với điều kiện là mọi sự phải hoàn hảo. Nếu như trong buổi đầu gặp gỡ hai nhà mà phía gia đình tôi có cái gì đó cộm lên làm phật ý bên gia đình Loan, nhất là có cái gì đó khiến bố nàng, anh nàng thấy chướng, thấy lố thì đổ bể là cái chắc, con người tôi trong mắt họ sẽ coi như là zê rô.

Ý nghĩ đó như hồi chuông báo động. Tôi giật mình, tôi đã quên mất. Tối nay cần sự khách sáo xã giao để làm quen bước đầu giữa hai nhà chứ đâu cần tâm tình cởi mở. Cởi mở có nghĩa là mở đường cho những câu chuyện của bác Lân. Tôi hốt hải giục mẹ, giục Loan, giục hai đứa em bày biện tiệc tùng mau tay lên. Tôi xen ngang câu chuyện của hai ông già, rồi rít mời họ vào bàn.

Nhưng ngay từ đầu đã có tình huống ngoài dự kiến. Tôi đã chủ động sắp xếp chỗ, bác Lân cạnh Loan, anh trai nàng cạnh mẹ tôi, tôi cạnh ông thân nàng, có hơi rối một chút, nhưng giãn được hai ông già ra xa nhau. Không ngờ chính bố Loan lại bảo để ông ngồi bên bác Lân. Tôi sợ quá nhưng không biết làm sao, đành phải thế.

Rất may, ngồi bên tôi, anh trai của Loan vào bữa là chăm chú ăn tích cực uống chứ không buộc tôi phải chuyện. Tôi chẳng bụng dạ đâu mà hầu chuyện anh ta. Chỉ có thể giả vờ cảm đũa giả vờ nâng ly mà thôi, cả người tôi căng lên, gằn như nín thở, lắng nghe từng lời trao đổi giữa các phụ huynh ở phía bên kia bàn. Nhưng rồi tim tôi dần dần đã nhịp bình thường trở lại. Hai ông già và mẹ tôi nữa, đều rất vui, họ cùng thoải mái cụng ly, mời nhau uống, ăn. Họ nhâm nhi trò chuyện. Mà vui chuyện nhất lại là bố của Loan, ông uống nhiều và thậm chí nói to cười lớn. Bác Lân tất nhiên cũng uống nhiều, nhưng thỉnh thoảng mới nói. Họ ôn chuyện xưa với nhau, nhiều chuyện, có điều không một lời nào đụng chạm đến chiến tranh giặc giã lính tráng. Chỉ những kỷ niệm phổ xá Hà Thành, trường học, bạn bè thuở thiếu thời của họ từ tận những năm nào năm nào xa lắc xa lơ. Cảm thấy vững dạ, tôi an tâm quay sang với ông anh của Loan, tiếp thức ăn, tiếp rượu, tiếp chuyện. Vấn đề nửa tai đề phòng, nhưng rồi xao lãng dần.

Anh trai của Loan sống ở New York, làm việc cho hãng Dell máy tính. Anh trở lại nước lần này lần đầu nên chưa đưa vợ con về cùng. Giống như nhiều ông trí thức Việt Kiều khác, dưới cái vẻ lơ ngơ vụng về là sự lịch lãm và hiểu biết rộng, sau tiếp xúc ban đầu hơi gượng gạo là thái độ đối thoại thân thiện và chân thực. Tiếng Việt còn lung lụng song chuyện của anh thú vị. Anh dí dỏm trả lời những thắc mắc của tôi về nước Mỹ. Anh cũng kể và hỏi tôi đủ thứ chuyện mà anh thấy là lạ đã gặp trên dọc đường du lịch Xuyên Việt. Vui vẻ trò

chuyện thù tiếp anh trai Loan, đến gần cuối bữa tiệc thì tôi đã hết hân cảnh thẳng, hoàn toàn thả lỏng mình.

Nào ngờ điều tôi ngay ngáy lo sợ lại ập đến vào những phút cuối ấy và đến đã từ ông anh của Loan. Tuy nhiên, nói cho đúng là từ tôi. Bởi chính tôi đã khơi mào, chính tôi đã đại đột hỏi anh thăm thú được những đâu khiến anh liệt kê ra những điểm du lịch ở Hà Nội, ở Quảng Ninh, ở Lào Cai, ở Vinh, ở Quảng Bình. Đến đoạn đó lẽ ra phải ngăn anh ngay thì tôi lại không... Anh ta kể tiếp rằng ở Quảng Trị anh ta đã vào thăm Thành Cổ, lên Nghĩa trang Trường Sơn và tới Cây số Không đường mòn Hồ Chí Minh.

- Anh nói Cây số Không là nói cầu Đắc Rông phải không? - bác Lân từ phía bên kia bàn nói xía sang, vẻ quan tâm, giọng hào hứng - Cách tính ấy chỉ là một trong nhiều cách tính khởi điểm đường "năm năm chín" mà thôi anh bạn trẻ ạ! Thực chất điểm xuất phát của con đường vận tải chiến lược vào Nam là ở tỉnh Hòa Bình. Vào năm *một chín năm chín*, tôi...

Tôi điếng người. Vậy là quá khứ của ông ấy đã có lý do để lên tiếng. Ông ấy đã có được điểm tựa cho cái đòn bẩy.

- Bác say rồi! Thôi đừng uống nữa! - Tôi hét lên.

Thực ra tôi không hề hét, giọng tôi bình thường, tử tế, nhẹ nhàng, chỉ từ tốn là một lời can ngăn mà thôi chứ có gì đâu. Vậy mà cả phòng như hóa đá. Loan và hai em tôi đang nói cười khúc khích với nhau tức thì im bật. Ông bố Loan đang nói dở chừng câu chuyện gì đó với mẹ tôi dừng khựng. Và không hiểu thế nào cả loạt cây bạch lạp trên bàn cũng tự dừng tắt phụt.

Mẹ tôi không thấp lại các ngọn nến mà rời ghế đi tới bên tường bật công tắc cho bùng sáng lên tất cả những đèn điện trong phòng. Tôi vội tránh cái nhìn của mẹ.

- Ôi cái anh chàng này! - Bác Lân cả cười - Anh lo cho cái bao tử của bác à? Không sao hết, nó được bọc thép rồi. Mà biết không, hồi xưa, rừng sâu Trường Sơn, ở đơn vị bác và bố anh lắm khi thuốc men chẳng có, rượu là thứ duy nhất để chọi với sốt rét đấy. Rượu ấy cây nhà lá vườn, chúng tôi ủ lấy nấu lấy mà ác chiến còn hơn cả cái thứ vốt-ka Thụy Điển này. Nói là chúng tôi, nhưng chỉ ông xâ chị Yến, bố mấy đứa này đây, biết nấu và được phép nấu thôi bác ạ, - bác Lân cung một ly nữa với ông thân của Loan - anh ấy là y sĩ tiểu đoàn tôi, anh ấy mày mò tìm ra được công thức đặc biệt để làm men. Dày cóc, vitamin B1 và C, ớt chỉ thiên với gì đó nữa bí quyết riêng của anh ấy, thành một thứ na ná men lá đồng bào nhưng hiệu suất hơn nhiều. Cũng là rượu sắn nhưng nhờ thứ men ấy mà rượu anh ấy cất, lính uống vào thối bạt trùng sốt rét...

- Thưa, nhưng vì có sao mà quân đội miền Bắc lại không có được tiếp vận quân được? - Ông anh của Loan hỏi ngơ ngơ.

- Có chứ, nhưng đường vận chuyển liên tục bị đánh phá nên lắm khi ngay cả đạn cả gạo chúng tôi cũng bị cạn hết cả. Tất nhiên bọn Mỹ không thể chặn được hoàn toàn đường dây Năm năm chín, nhưng chúng có thể cắt đứt tạm thời từng đoạn. Thì chúng là siêu cường mà, thừa hỏa lực và quân lính để gây khó khăn cho ta.

- Dạ phải, chú Vinh, là em ruột cha tôi đây, cũng nói vậy.

Nhờ hồi tiểu học có lần tôi được chú cho giò phong lan đẹp tuyệt hảo. Chú nói mang về từ núi Trường Sơn, nơi chú mới nhày toán để cản đường Bắc Việt xâm nhập. Kỳ đó chú được gấn bội tinh. Nhưng kỳ sau chú đi mà không có về. Nghe nói tàu trực thăng chở chú với mấy người cùng toán bị bắn rớt.

- Đây gọi là những người lính thám báo hoặc là biệt kích. Bọn Mỹ huấn luyện họ thành lực lượng tinh nhuệ thiện chiến, rồi thì đẩy họ đi đánh phá hậu cứ của quân ta.

- Em tôi thì đại khờ, thiện chiến với ai, "nhảy toán" gì nó! - Ông thân của Loan nói, thở dài - Không vào được đại học phải đi Thủ Đức, và số rui, măn khóa phải ra Vùng Một. Rồi, cùng cả vạn mạng người bị đưa qua thí bên Lào, hồi Lam Sơn bày trăm mười chín. Thật là cùng cực tội nghiệp...

- Vâng, đúng, một cuộc hành quân nướng người, đúng là họ bị thí, nghĩ cho cùng thật đáng thương - Bác Lân nói, giọng hơi trầm xuống, cái giọng để *vào chuyện* - Được dự chiến dịch ấy, chứng kiến nhiều thảm cảnh của quân lính bên địch, nhiều lắm, nên tôi hiểu bác ạ...

Đầu tôi như hóa gỗ. Lời của bác Lân, giọng của bác ấy lừa vào tai tôi, ra khỏi tai tôi. Chuyện đã có đà. Bác ấy đã vào nhíp. Đây là những chuyện đã kể đi rồi kể lại hay những chuyện mới chỉ kể vài lần, hay những chuyện chưa bao giờ kể, tôi chẳng biết nữa. Tôi ngồi. Đờ đẫn. Bất lực.

Loan cùng hai đứa em tôi lẳng lặng thu dọn bàn ăn, rồi bày hoa quả bánh trái, pha trà, rót trà ra tách. Rất nhẹ tay, hầu như không một tiếng lách cách của chén bát ly tách.

Một vài lúc bỗng không nghe giọng của bác Lân nữa, nhưng tôi chưa kịp mừng thì hoặc là bác ấy sau khi nhấp môi tách trà đã lại cất tiếng, hoặc anh trai của Loan, như thể muốn khăm tôi, lại hỏi han gì đó làm mở ra thêm một ý và tiếp thêm sức cho dòng ký ức vô cùng tận của bác Lân tuôn chảy. Thực tình tôi không hiểu nổi. Anh ta là dân máy tính, lại dân Mỹ, anh ta cần gì ở ba cái chuyện từ đời tám hoánh ông bác tôi và ông bố tôi đánh nhau với người Mỹ ở những chỗ này chỗ nọ, trận nọ trận kia? Bỏ bèo gì cho anh ta cái việc hàng rào điện tử mắc -na mắc - hồng chi đó của quân Mỹ bị phá toang mà phải mãi mê làm vậy?

Tại sao mọi người cứ im lặng buông theo, tại sao không mặc kệ bác ấy kể bác ấy nghe? Tại sao mẹ tôi không thương tôi mà nói lên một cái chuyện gì đấy khác đề tài để làm lạc hướng bác ấy và để cứu mọi người, nhất là cứu ông bố của Loan ra khỏi cái luồng mạch nẫu ruột chuyện xưa tích cũ của bác ấy? Tại sao Loan, tại sao hai đứa em tôi không vui vẻ cười đùa lên đi? Tôi những muốn rên. Làm sao bây giờ. Làm sao cứu vãn tình thế, vớt vát lại được buổi tối quan trọng này.

Trong phòng, trừ bác Lân và ông anh của Loan, có lẽ mọi người đều thấy rõ là tôi đang khổ sở đến thế nào. Nhưng rất cuộc chỉ có mỗi cái Lý, em gái út của tôi là chịu lên tiếng cứu anh nó. Tranh thủ một phút bác Lân tạm ngưng, Lý lấy giọng tươi rói kêu lên:

- Bác ơi bác, bác kể chuyện bác với bố cháu vào giải phóng dinh Độc Lập đi ạ!

Con bé không dám đòi hỏi chấm dứt, nó chỉ khôn khéo đề

nghe bác Lân nhảy cóc để đưa con đường chiến đấu dài lâu của bác ấy mau chóng thẳng tới đoạn kết. Không hiểu có phải thật ý con bé thế không, nhưng tôi cứ chộp lấy. Tôi ra bộ nạt nó, nạt nhẹ thôi, nhưng thâm ý.

- Thôi đi cô! Đây có phải chỗ để giảng lịch sử từ đầu chí cuối cho cô nghe đâu há?

Tôi nhìn quanh bàn, nhưng không nhìn ai hết, và nói tiếp, cố một giọng thật vui vẻ nửa cười cợt:

- Về cái món quá khứ nước nhà thì mấy cô nàng U 20 này bị cả nước người ta kêu. Chẳng biết cái gì cả. Lẫn lộn lung tung. Nên bị đài báo, bị tivi, bị các thầy cô giáo, bị các cụ lão thành mắng cho suốt. Nhưng mà nghĩ cũng khổ cho các cô ấy. Tuổi trẻ học hành, ăn chơi nhảy múa, ngóng nhìn tương lai, tại sao lại cứ phải thuộc nằm lòng những sự tích xưa xưa chẳng liên quan gì tới mình?

Gặp ánh mắt mẹ nhưng tôi quyết không nao núng, tôi phải xoay chuyển cho bằng được tình thế của tôi nay, buổi gặp mặt quan trọng này không thể để cho bác Lân phá hỏng!

- Không cứ 8X, 9X, U20 mà cả lứa U40, U35 bọn con cũng đã quá chán chê mê mỏi với cái thực đơn một món truyền thống hào hùng phải tắm bó từ tám bé đến giờ chưa thôi. Vâng! Những chuyện bác đang kể đúng là rất hay, chúng cháu rất thích, - tôi cả quyết nhìn vào bác Lân - có điều, nay đã đầu tháng Tư, nên chỉ nửa tháng nữa thôi, những chuyện bác vừa kể sẽ lại vang vang khắp chốn cùng nơi suốt nửa tháng trời cho tới tận sau ngày Ba mươi. Năm nào mà chẳng thế ă! Không chỉ tivi, với báo với đài, ngay cái loa phường bắc nơi

đầu ngõ kia cũng ảm ảm khi thể tiến công hết sáng qua trưa đến chiều...

Thoáng lướt các nét mặt tôi thấy Loan, thấy ông anh Loan, thấy mẹ, thấy Liên, thấy Lý đều muốn nói, định nói, song tôi chưa muốn nhường lời cho ai hết, tôi cần nói nốt mạch của tôi.

- Đúng! Nhờ có các cụ mà có ngày hôm nay. Nhờ các cụ trọn đời hy sinh, vất vả, gian khổ, thất lưng buộc bụng, núi xương sông máu mà bọn hậu sinh mới được hôm nay ăn nên làm ra, nhà cửa, xe cộ, tiền bạc, du lịch trong ngoài, vân vân. Biết chứ! Ai mà không biết ạ! Nhưng xin hãy để cho con cháu được thoải mái vui hưởng, sao cứ bắt mang mãi phải canh cánh gánh nặng ơn sâu. Mà đâu phải bọn con không biết đường đền ơn đáp nghĩa... Như là của Công ty của con, chưa phải kénch xù gì, mà đã hàng tỷ bỏ ra cho nhà tình nghĩa, cho từ thiện các đối tượng thương binh liệt sĩ, chất độc da cam, bà mẹ anh hùng. Các công ty khác cũng vậy. Mà bọn con có nói gì đâu, có kể lể gì đâu!

Tôi thờ mạnh. Tôi thực sự xúc động, ngừng nói, nhìn mọi người.

Một nỗi im ắng đàng đặc và ngọt ngào đè xuống khắp phòng.

Cái đồng hồ quả lắc trên tường điểm chuông. Có cảm giác như mọi người nín thở chờ dứt tiếng chuông.

- Bác xin lỗi anh, - bác Lân nói khe khẽ, thờ dài - bác vui chuyện cũ nên quên mất đã là ngày hôm nay.

- Kia, bác, sao bác xin lỗi, - tôi vội nói - Chuyện bác rất thú

vị, cháu rất thích nghe. Có điều, hôm nay ta nói đề tài khác đi ạ. Chuyện xưa, mình tạm kết ở đây đi, tạm khép lại đã ạ.

Bỗng dưng, mẹ tôi bật khóc. Tôi sững người.

Ông thân của Loan có vẻ muốn nói điều gì với mẹ tôi, nhưng ông không nói. Bác Lân, Loan, các em tôi cũng chẳng ai lên tiếng an ủi gì mẹ tôi cả. Cứ để cho mẹ tôi như vậy, tấm tức khóc, phá tan hoàn toàn buổi tối của tôi.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU - Nguyễn Chí Hoan.....	5
Vô cùng xưa cũ.....	13
Ngàn năm mây trắng.....	22
Bí ẩn của làn nước.....	26
Giang.....	29
Không đâu vào đâu.....	38
Cái búng.....	42
La Mác-xây-e.....	47
Giờ đại.....	53
Thời tiết của kỷ ức.....	86
Trại “Bảy chú lùn”.....	111
Lá thư từ Quý Sửu.....	133
Khắc dấu mạn thuyền.....	149
Đêm trừ tịch.....	162

Ngôi sao vô danh	176
Hữu khuyển nhi	193
Tiếng vĩ cầm của quân xâm lăng	212
Rửa tay gác kiếm	239
Hà Nội lúc không gió	260
Hóa điểm cuối cùng	293
Ba lẻ một	309
Sách cầm	324
Bội phản	338
Mắc cạn	358
Lan man trong lúc kẹt xe	372
Bằng chứng	380
Thời của xe máy	392
Quay lưng	402
Tính thù	412
Đêm cuối cùng ngày đầu tiên	417
Kỳ ngộ	425
Lời mồn dọc phố	437
Người Thăng Long quê Đảng Trong	446
Chuyện xưa kết đi, được chưa?	458

BẢO NHÌN

T Á C P H Á M
C H Ọ N L Ọ C

Chịu trách nhiệm xuất bản: Mai Quỳnh Giao

Biên tập: Minh Hà

Bìa: Hà Dũng Hiệp

Trình bày: Chu Hương

Sửa bản in: Thanh Văn

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

39 Hàng Chuối - Hà Nội.

ĐT: (04) 39717979 - 39717980 - 39710717 - 39716727 - 39712832.

FAX: (04) 39712830

E-mail: nxbphunu@vnn.vn

Chi nhánh

16 Alexandre de Rhodes - Q. I - TP Hồ Chí Minh. ĐT: (08) 38234806

In 1.500 cuốn, khổ 14x20,5cm, tại Công ty CP In Công Đoàn Việt Nam, 167 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội. Giấy xác nhận KHXB số: 997-2010/CXB/41-59/PN ký ngày 8/10/2010. Giấy QĐXB số: 43/QĐ-PN in xong và nộp lưu chiểu quy 2 năm 2011.

Đã xuất bản

* Truyện ngắn:

- *Trại 7 chú lùn,*

NXB Hà Nội, 1987.

- *Truyện ngắn Bảo Ninh,*

NXB Công an nhân dân, 2002.

- *Hà Nội lúc không giờ,*

NXB Văn hóa Thông tin, 2003.

- *Lan man trong lúc kẹt xe,*

NXB Hội Nhà văn, 2005.

- *Chuyện xưa kết dĩ, được chưa,*

NXB Văn học, 2006.

* Tiểu thuyết

- *Nỗi buồn chiến tranh,*

NXB Hội Nhà văn, 1991;

NXB Phụ nữ, 2005 và

bản song ngữ Anh - Việt, 2008.

Cho đến nay, cuốn tiểu thuyết này đã được dịch ra 15 thứ tiếng trên thế giới.

Truyện ngắn của Bảo Ninh không bao giờ là ngắn ở sức quyến rũ của câu chữ và sự lay chuyển của nội dung. Đọc chúng, ta luôn cảm thấy buồn vì cái đẹp văn chương là có thật và cũng mong manh khó nắm bắt như không có thật. Bảo Ninh thuộc số rất ít nhà văn Việt Nam có văn đẹp và văn hay. Tiểu thuyết và truyện ngắn của ông đánh thức nỗi tiếc nuối của người đọc.

Phạm Xuân Nguyên, nhà phê bình.

Văn Bảo Ninh là câu chuyện đời (life narrative) của chính ông. Ở đó ký ức cá nhân trở thành chất liệu của hư cấu còn hư cấu xét đến cùng tượng như một lẽ viết, và vì thế, một lẽ sống.

Đoàn Ánh Dương, nhà nghiên cứu.

Sau **Nỗi buồn chiến tranh**, anh hầu như chỉ sáng tác những truyện ngắn. Thế giới những truyện ngắn đó giống như những mảnh vỡ của tiểu thuyết hoặc phản chiếu, hoặc soi sáng thế giới của tiểu thuyết.

Phạm Xuân Thạch, nhà nghiên cứu.

